



DSPACE

<https://dspace.org/>

**nh hng nghiên cu, gáo dc và bo m, bo v quyn con ngi
trong k nguyên mi ca dân tc: K yu Hi tho khoa hc cp Quc
gia. Tp 1**

Hc vin Chính tr quc gia H Chí Minh

2025

Hc vin Chính tr quc gia H Chí Minh, B Công an, Thành y TP.HCM

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/649>

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

BỘ CÔNG AN

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC VÀ BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

TẬP 1



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2025

MỤC LỤC

Chủ đề 1. ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới: Cơ hội và thách thức cho ngành giáo dục Việt Nam 1
Thượng tướng, TS. Lê Quốc Hùng
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Thứ trưởng Bộ Công an
2. Phát huy quyền con người gắn với công tác dân vận của Đảng khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam 17
TS. Phạm Tất Thắng,
Ủy viên Trung ương Đảng
Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương
3. Tầm quan trọng của giáo dục quyền con người khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam 40
GS.TS. Lê Văn Lợi
Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
4. Tầm nhìn về giáo dục quyền con người trong thực hiện chiến lược giáo dục khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc 56
Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Tư duy, nhận thức mới về các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới và những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu, giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới 76
GS.TS. Võ Khánh Vinh
Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
6. Nhận thức lý luận về quyền con người sau 40 năm đổi mới và định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam 125
PGS.TS. Tường Duy Kiên
Viện trưởng Viện Quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
7. Đo lường tiến bộ về quyền con người thông qua các chỉ số và số

liệu thống kê về quyền con người	158
<i>TS. Chu Thị Thuý Hằng</i> <i>Viện Quyền con người,</i> <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
8. Mọi quan hệ giữa công nghệ số và bảo đảm quyền con người trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn thế giới và gợi mở cho Việt Nam	178
<i>PGS.TS. Trương Hồ Hải</i> <i>Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật</i> <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
9. Pháp quyền và quyền con người: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và định hướng nghiên cứu	187
<i>GS.TS. Vũ Công Giao</i> <i>Trường Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội</i>	
Chủ đề 2. ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI	
10. Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam dưới góc độ quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới	224
<i>TS. Bùi Thị Hương Trâm</i> <i>Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới (IHFGS)</i> <i>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS)</i>	
11. Quyền con người và vấn đề bình đẳng giới	238
<i>TS. Nguyễn Phương Nhung</i> <i>Viện Quyền con người,</i> <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
12. Quyền con người và chuyển đổi số	258
<i>TS. Nguyễn Thế Anh</i> <i>Viện Quyền con người,</i> <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
13. Quyền được lãng quên và việc thực thi trong bối cảnh toàn cầu hóa	279
<i>TS. Trần Thị Hồng Lê</i> <i>Viện Quyền con người,</i> <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
14. Mục tiêu, nguyên tắc, đối tượng và nội dung giáo dục quyền con	

người giai đoạn 5 (2025-2029) và gợi mở cho Việt Nam	298
<i>TS Hoàng Thị Giang</i>	
15. Những thách thức và giải pháp giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số hiện nay	318
<i>PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa</i>	
<i>Giảng viên cao cấp, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,</i>	
<i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
16. Định hướng giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới	335
<i>Đồng chí Trương Anh Dũng</i>	
<i>Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên</i>	
<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	
17. Định hướng giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam	347
<i>Thái Văn Tài,</i>	
<i>Vụ trưởng, Vụ Giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	
<i>Nguyễn Thị Quý</i>	
<i>Chuyên viên Vụ Giáo dục Phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	
18. Định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	358
<i>PGS.TS. Nguyễn Văn Ý</i>	
<i>Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
19. Định hướng giáo dục quyền con người trong chương trình trung cấp lý luận chính trị ở Việt Nam	374
<i>TS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn</i>	
<i>Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị,</i>	
<i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
20. Giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân yêu cầu cấp thiết trong kỷ nguyên phát triển mới	383
<i>Đại tá Phạm Kim Đình</i>	
<i>Cục trưởng Cục Công tác chính trị</i>	
21. Giáo dục ý thức tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người cho	

sinh viên các trường Công an nhân dân	398
<i>PGS. TS. NGUYỄN, Trung tướng Phan Xuân Tuy</i>	
<i>Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân</i>	
22. Vai trò của lực lượng Công an trong giáo dục, bảo vệ quyền con người tại các khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh	414
<i>Công an Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
23. Định hướng, nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	427
<i>Thiếu tướng TS. Phùng Thị Phú</i>	
<i>Phó Cục trưởng Cục Quân huấn-Nhà trường</i>	
24. Định hướng nghiên cứu và phát triển giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới tại trường Đại học Luật Hà Nội	434
<i>TS. Chu Mạnh Hùng</i>	
<i>Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường</i>	
25. Định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	462
<i>TS. Lê Trường Sơn</i>	
<i>Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh</i>	
26. Định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội	477
<i>PGS. TS. Đỗ Hồng Cường</i>	
<i>Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội</i>	
<i>TS. Nguyễn Thị Xiêm</i>	
<i>Giám đốc Chương trình đào tạo ngành GD công dân,</i>	
<i>Trường Đại học Thủ đô Hà Nội</i>	
27. Định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại trường Đại học Kiểm sát	498
<i>TS. Nguyễn Văn Khoát</i>	
<i>Hiệu trưởng Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội</i>	
28. Định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ	

nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại trường Đại học Tôn Đức Thắng	512
<i>Trường Đại học Tôn Đức Thắng</i>	
29. Định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới - Vai trò đa diện của trường đại học ở Việt Nam	533
<i>TS. Lê Minh Chiến</i>	
<i>Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt</i>	
<i>TS. Vũ Thị Thùy Dung</i>	
<i>Trưởng Khoa, Khoa XHH&CTXH</i>	
<i>Nguyễn Thị Thục Duyên</i>	
<i>Khoa Xã hội học & Công tác xã hội</i>	
30. Định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại trường Đại học Công đoàn	550
<i>PGS,TS. Lê Mạnh Hùng</i>	
<i>Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn</i>	
31. Vai trò của giáo dục quyền con người gắn với giáo dục liêm chính trong phòng, chống tham nhũng khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc	562
<i>PGS.TS. Trương Thị Hồng Hà</i>	
<i>Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu tổng hợp</i>	
<i>Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học, Ban Nội chính Trung ương</i>	
32. Định hướng giáo dục quyền con người cho luật gia, luật sư Việt Nam khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc	573
<i>Nguyễn Khánh Ngọc,</i>	
<i>Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam</i>	

GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO NGÀNH GIÁO DỤC VIỆT NAM

Thượng tướng, TS. Lê Quốc Hùng
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Thứ trưởng Bộ Công an

Xuyên suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn đoàn kết một lòng, sẵn sàng hy sinh xương máu để đấu tranh giành lại giang sơn, bờ cõi, giữ vững quyền độc lập và quyền tự quyết của dân tộc. Cách đây 80 năm, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhân dân ta đã đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm lịch sử, mở ra một trang sử mới hào hùng của đất nước. Mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn tuyên ngôn của hai cường quốc, trong đó: Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*” và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”. Người nhấn mạnh: “... Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: *tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”. Bằng cách viện dẫn nội dung tuyên ngôn của hai cường quốc lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt quyền độc lập của dân tộc Việt Nam trong mối quan hệ chặt chẽ với quyền độc lập của mọi quốc gia trên thế giới, trong đó bao gồm cả những quyền cơ bản nhất của con người. Cuối bản Tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”.

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người, nó mang giá trị phổ quát, nhằm giúp cho mỗi cá nhân trong xã hội được sống trong tự do và được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự. Quyền con người cũng được cộng đồng quốc tế ghi nhận thông qua các thỏa thuận pháp lý mang tính quốc tế, theo Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc *“Quyền con người là những bảo đảm pháp lý phổ quát có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người”*¹. Ở Việt Nam, việc ghi nhận và đảm bảo quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong các bản Hiến pháp theo chiều dài lịch sử qua các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013. Nếu như Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của đất nước ghi nhận các giá trị căn bản của con người, cũng như các quyền cơ bản về dân chủ, dân sinh, quyền tự do cá nhân, tự do tín ngưỡng, thì Hiến pháp năm 2013 bên cạnh việc kế thừa và phát triển các quy định căn bản của các bản Hiến pháp trước, còn dành trọn một chương (*Chương II. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*) với 36 điều trong tổng số 120 điều để quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân. Có thể thấy, Hiến pháp năm 2013 có sự phát triển vượt bậc về nhận thức lý luận cũng như tư duy lập hiến trong việc khẳng định quyền con người, quyền công dân và nhấn mạnh quyền công dân không tách rời nghĩa vụ đối với đất nước. Vì vậy, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ quan trọng, đó là: *“Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội”*².

¹ Nguyễn Đăng Dung (2012), *Hỏi đáp về quyền con người*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.21.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị

1. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng công tác giáo dục, đào tạo và khẳng định: *“Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là tương lai dân tộc...”*³; vì vậy, rất nhiều chủ trương, chính sách được Đảng, Nhà nước ta đề ra nhằm đầu tư, phát triển cho giáo dục⁴. Đối với giáo dục quyền con người, Đảng, Nhà nước luôn xác định đây là biện pháp quan trọng để Việt Nam thực thi và bảo đảm quyền con người một cách cao nhất. Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã xác định *“Đối với chúng ta, vấn đề quyền con người được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ ta và bao quát rộng rãi nhiều lĩnh vực... Vì vậy, đây là trách nhiệm chung của tất cả các ngành, các địa phương, cơ sở phải tích cực và chủ động thực hiện, ngày càng hoàn thiện và nâng cao các quyền con người...”*⁵. Do đó, cần phải *“Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục trong nhân dân ta để mọi người hiểu rõ quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân, nhận rõ bản chất tốt đẹp của chế độ ta nhằm phục vụ con người...”*⁶. Quan điểm về giáo dục quyền con người được Đảng ta tiếp tục cụ thể hóa thông qua Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư về Công tác nhân quyền trong tình hình mới, trong đó Đảng ta tiếp tục đề ra nhiệm vụ *“Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân để mọi người nhận thức sâu sắc hơn về... quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, nhận rõ bản chất tốt đẹp của chế độ*

quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.71.

³ Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi gặp mặt đại diện nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, ngày 18/11/2024.

⁴ Theo Báo điện tử Chính phủ, *Bộ Chính trị quyết định thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên phạm vi cả nước, thời điểm thực hiện từ đầu năm học 2025 - 2026.*

⁵ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Các văn kiện của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về quyền con người tuyển chọn và trích dẫn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.158.

⁶ Sđd, tr.158.

*ta là vì con người”*⁷. Quán triệt và thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng về giáo dục quyền con người, ngày 05/9/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Mục tiêu của Đề án là tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác. Để triển khai có hiệu quả Đề án, ngày 21/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg về việc Tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Để triển khai Đề án, ngành giáo dục đã lồng ghép nội dung quyền con người trong chương trình giảng dạy của các bậc học, hệ học, cụ thể: Đối với bậc học mầm non: giáo dục quyền con người đã đề cập đến những quyền cơ bản như quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được vui chơi, tham gia các hoạt động giải trí... Đối với bậc tiểu học, nội dung giáo dục quyền con người được tích hợp, lồng ghép với môn học Đạo đức. Đối với bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông, nội dung giáo dục quyền con người được lồng ghép với môn học giáo dục công dân. Đối với hệ thống các trường đào tạo nghề, nội dung giáo dục quyền con người được đề cập trong các môn học tiếp cận mang tính khái quát, như: Pháp luật đại cương, Hiến pháp, pháp luật trong lao động, hành chính, hình sự... Đối với bậc đại học và sau đại học, nội dung giáo dục quyền con người được đề cập trong các môn học có liên quan, như: Lý luận nhà nước và pháp luật, Hiến pháp, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hành chính. Một số trường có môn học về quyền con người, như: Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Kiểm sát, Đại học Luật Hà Nội. Hiện tại, một số trường đã

⁷ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Các văn kiện của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về quyền con người tuyển chọn và trích dẫn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.161.

mở ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ về quyền con người, như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Bên cạnh việc giảng dạy kiến thức về quyền con người, các cơ sở giáo dục còn tổ chức lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người thông qua các hoạt động ngoại khóa, như: tham quan bảo tàng lịch sử truyền thống, các di tích lịch sử; tổ chức hoạt động về nguồn, báo công dâng Bác; phong trào đền ơn, đáp nghĩa, các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện hè; tổ chức các hội thảo, tọa đàm, cuộc thi tìm hiểu pháp luật về chủ đề quyền con người. Đối với các trường Công an nhân dân, hằng năm vẫn duy trì hoạt động thực hành chính trị - xã hội, thông qua hoạt động thực hành chính trị - xã hội giúp cho học viên có điều kiện tiếp xúc, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với Nhân dân để nắm tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, cũng như tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong đó trọng tâm là quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Có thể thấy, từ khi triển khai Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, công tác giáo dục quyền con người đã được triển khai đến các cấp học trong hệ thống giáo dục (từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, bậc đại học và sau đại học), bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức về quyền con người của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên và Nhân dân ngày càng được mở rộng, từng bước có chiều sâu. Hiện nay, Việt Nam đã thực hiện được 80,9% các khuyến nghị UPR (cơ chế rà soát định kỳ phổ quát) đã chấp thuận, trong đó có các khuyến nghị về tăng cường giáo dục quyền con người với nhiều kết quả nổi bật⁸. Ngoài đối tượng học sinh, sinh viên, Việt Nam đang chú trọng đến việc đào tạo, trang bị những kiến thức về quyền con người cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác nhân quyền.

⁸ Đào Thị Tùng, “Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học chính trị điện tử*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (khu vực II).

2. NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VỀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Hội nghị Trung ương 10 (khóa XIII), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề cập đến kỷ nguyên mới của đất nước, đó là: *“Với thế và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, với những thời cơ, thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết... để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*⁹. Theo Tổng Bí thư Tô Lâm: *“Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, kỷ nguyên thịnh vượng dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu...”*¹⁰.

Để thực hiện thành công những mục tiêu đề ra trong kỷ nguyên phát triển mới, cũng như hướng tới mục tiêu mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thì rất cần sự đồng lòng, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Trong đó, công tác tuyên truyền, giáo dục quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Trong giai đoạn hiện nay, nhất là trong bối cảnh đất nước ta đang chuẩn bị hành trang để bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình

⁹ Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Bài phát biểu bế mạc *Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Báo Điện tử Chính phủ*, ngày 20/9/2024.

¹⁰ Tổng Bí thư Tô Lâm, “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Trang Điện tử, Tạp chí Cộng sản*.

của dân tộc, giáo dục quyền con người sẽ bước tiếp một chặng đường dài với những cơ hội và thách thức đan xen, thể hiện trên một số mặt sau đây:

** Về thời cơ, thuận lợi:*

Thứ nhất, qua các thời kỳ cách mạng, vấn đề quyền con người luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo. Nếu trước năm 1986, quan điểm của Đảng về quyền con người chỉ gắn liền với quyền dân tộc và mục tiêu xây dựng xã hội chủ nghĩa để đảm bảo thực thi quyền con người, thì kể từ Đại hội Đảng VI năm 1986 đến nay, vấn đề quyền con người được Đảng ta ghi nhận với tư cách là một đối tượng độc lập với quyền công dân. Trong đó, con người là trung tâm, là động lực của sự phát triển như Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định “*Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu*”¹¹. Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, trong đó công tác bảo đảm quyền con người, quyền công dân của nước ta đã có những kết quả vượt bậc, đáng tự hào, được thể hiện qua các tiêu chí đánh giá, như: chỉ số phát triển con người (HDI)¹², bất bình đẳng giới (GII), thu nhập bình quân đầu người (GDP), tuổi thọ trung bình, chỉ số hạnh phúc¹³. Đặc biệt, Việt Nam là một trong những quốc gia hoàn thành sớm mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc (MDGs)¹⁴.

Thứ hai, trên phương diện quốc tế, Việt Nam tham gia hầu hết các công

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.27-28.

¹²Năm 2022, giá trị HDI của Việt Nam là 0,726, đứng thứ 107/193 quốc gia và vùng lãnh thổ (theo báo cáo của Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UDP)công bố ngày 14/3/2022 (tăng gần 50% từ năm 1990).

¹³ Theo báo cáo của mạng lưới Giải pháp phát triển bền vững Liên Hợp quốc, năm 2025 Việt Nam xếp thứ 46/147 quốc gia về chỉ số hạnh phúc (tăng 8 bậc so với năm 2024), *Báo Điện tử Công an nhân dân*.

¹⁴Theo xếp hạng của Liên Hợp quốc năm 2020 về thực hiện MDGs, Việt Nam xếp thứ 51/193 quốc gia thành viên của Liên Hợp quốc, đạt thành tích cao hơn so với nhiều nước trong khu vực.

ước, điều ước quốc tế về quyền con người. Tính đến năm 2022, Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập 7/9 công ước cơ bản của Liên Hợp quốc về quyền con người; phê chuẩn, gia nhập 25 công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), trong đó, có 7/8 công ước cơ bản”¹⁵ như: Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948, Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD) năm 1965, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) năm 1966, Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979, Công ước về quyền trẻ em (CRC) năm 1989, Công ước của Liên Hợp quốc về chống tội phạm mạng (Công ước Hà Nội) năm 2025. Đặc biệt, với quyết tâm thực hiện các cam kết quốc tế trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam đã trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc 03 nhiệm kỳ (2014 - 2016, 2023 - 2025, 2026 - 2028); đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) khi Việt Nam với vai trò Chủ tịch ASEAN (năm 2020). Với tư cách là thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, Việt Nam đã tích cực đẩy mạnh các ưu tiên về bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, thúc đẩy bình đẳng giới, quyền lao động, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền giáo dục; chống biến đổi khí hậu...

Thứ ba, có thể thấy, trước đây vấn đề quyền con người được Đảng ta nhìn nhận dưới khía cạnh xây dựng và phát triển con người về văn hóa, trí tuệ, đạo đức thì hiện nay, với nhận thức và tư duy mới, Đảng ta nhìn nhận việc đảm bảo quyền con người phải gắn chặt với đảm bảo an ninh con người như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII xác định: “*Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người*”¹⁶. Tiếp đến, Đại hội Đảng lần thứ XIII, vấn đề đảm bảo an ninh con người được Đảng

¹⁵ TS. Lê Hoàng Anh Tuấn, “Đại sứ nhân quyền: Kinh nghiệm của một số quốc gia châu Âu”, tại trang https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/827611/view_content#.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.433-434

ta đề cập sâu sắc và mang tính toàn diện hơn: “*Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh...*” và “*Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương*”¹⁷. Như vậy, có thể thấy an ninh con người được xác định là một trong những đích đến của công tác đảm bảo quyền con người và quyền con người được đảm bảo chính là thước đo cho sự phát triển bền vững của đất nước, cũng như bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

Để triển khai các chủ trương của Đảng, cũng như thực thi các cam kết quốc tế về quyền con người, quyền công dân, Việt Nam cũng đã tích cực nội luật hóa các quy định quốc tế về quyền con người, cụ thể là đã chủ động điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, nghiên cứu xây dựng một số luật mới, trong đó có thể kể đến một số luật quan trọng liên quan trực tiếp đến quyền con người, như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016; Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật An ninh mạng; Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật Phòng, chống mua bán người; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ...

Thứ tư, để tiến bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc, cả hệ thống chính trị đang tiến hành “*cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy*” với mục tiêu cuối cùng đó là “*Tinh gọn bộ máy để nhân dân bớt gánh nặng “nuôi” hệ thống chính trị, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả để “làm được nhiều*

¹⁷Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, Tập I, tr.116; Tập II, tr 331.

việc ích lợi cho nhân dân”¹⁸. Thông qua sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, không những xóa bỏ sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tầng nấc trung gian mà còn tạo ra bộ máy hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt hơn cho Nhân dân với quan điểm lấy con người là trung tâm, là mục tiêu, là chủ thể, là động lực của sự phát triển đất nước.

Thứ năm, trước sự phát triển mạnh của khoa học và công nghệ, nhất là sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra cơ hội lớn giúp học sinh, sinh viên, cán bộ làm công tác giáo dục tiếp cận nhanh các tri thức mới về quyền con người. Dưới sự trợ giúp của trí tuệ nhân tạo (AI) và các phần mềm ứng dụng, nội dung bài giảng được thiết kế trực quan, sinh động, hiện đại giúp người học hiểu và nắm được bài giảng nhanh chóng. Trên môi trường mạng xã hội, học sinh, sinh viên và giáo viên có điều kiện trao đổi tri thức về quyền con người cũng như kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy, truyền đạt kiến thức về quyền con người.

*** Về khó khăn, thách thức:**

Thứ nhất, trong xã hội vẫn còn một bộ phận quần chúng nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về quyền con người. Một số cá nhân còn quan niệm cho rằng quyền con người chỉ là quyền lợi mà người dân được hưởng, quyền con người không gắn với nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với đất nước. Bên cạnh đó, một số phong tục tập quán, hủ tục lạc hậu và những quan niệm về đạo đức mang đậm tính chất phong kiến, bảo thủ của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số tác động sâu sắc đến nhận thức về quyền con người cũng như giáo dục về quyền bình đẳng giới, cản trở tiến trình xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và tiến bộ.

Thứ hai, hiện nay hệ thống giáo trình, bài giảng về quyền con người nhìn chung còn thiếu tính thống nhất; dung lượng kiến thức có liên quan đến

¹⁸ Phạm Minh Huân, “Xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam “Tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả” theo chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Trang Điện tử Tạp chí Cộng sản*.

quyền con người còn hạn chế; nội dung còn mang tính lý thuyết, thiếu thực tiễn, chưa đi sâu vào việc giáo dục các kỹ năng sinh tồn trước thiên tai, hiểm họa từ môi trường. Đội ngũ cán bộ giảng viên giảng dạy chưa được đào tạo bài bản, chưa được chuẩn hóa, thiếu về số lượng; việc đưa nội dung kiến thức về quyền con người vào trong chương trình giảng dạy còn tùy thuộc vào nhận thức, quan điểm của từng cơ sở đào tạo.

Thứ ba, bên cạnh những mặt tích cực đem lại cho sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, trí tuệ nhân tạo (AI) và các nền tảng mạng xã hội đang làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, tác động xấu đến công tác đảm bảo quyền con người của mỗi nước. Trí tuệ nhân tạo đang được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày, mặt trái của nó là làm thay đổi hành vi, can thiệp quyền tự do cá nhân; biến con người trở thành nô lệ của công nghệ. Lợi dụng trí tuệ nhân tạo và môi trường mạng xã hội, tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, có tính chất xuyên quốc gia; trong đó, xuất hiện nhiều thủ đoạn mới tinh vi, xảo quyệt hơn, như: giả dạng khuôn mặt, giọng nói để chiếm quyền kiểm soát các trang mạng, tài khoản nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, đánh cắp thông tin, dữ liệu cá nhân; thực hiện các hành vi bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức; phát tán các nội dung, hình ảnh có tính chất phản cảm, bạo lực, xâm phạm đến quyền, lợi ích cá nhân, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự.

Thứ tư, mặc dù Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc thực thi các chính sách pháp luật có liên quan đến quyền con người. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị vẫn không ngừng kích động, xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, phủ nhận những kết quả và thành tựu đã đạt được trong bảo đảm quyền con người, vu cáo Việt Nam vi phạm “*dân chủ, nhân quyền*”, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do ngôn luận... để tạo cơ hội can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước.

Thứ năm, mặt trái của nền kinh tế thị trường dẫn đến sự phân hóa giàu

nghèo ngày càng sâu sắc, gia tăng sự mất cân bằng chất lượng cuộc sống giữa các vùng, miền, dân tộc. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường cũng đang tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, đe dọa nghiêm trọng đến công tác đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh con người. Trong đó, nhóm người nghèo, yếu thế dễ bị tổn thương, phải đối mặt với các thách thức trong cuộc sống, cũng như khó tiếp cận môi trường việc làm, nhu cầu khám chữa bệnh, giáo dục, đào tạo.

3. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Giáo dục quyền con người là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị. Mục tiêu của giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới là thúc đẩy sự phát triển toàn diện nhân cách, trí tuệ con người, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến bộ, người dân được ấm no, hạnh phúc, hướng đến mục tiêu xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Để thúc đẩy công tác giáo dục quyền con người, trong thời gian tới cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, ngành giáo dục cần quán triệt tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Bước sang kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đội ngũ lãnh đạo, quản lý và cán bộ giáo dục cần phải có tư duy đổi mới, bởi kỷ nguyên phát triển mới là kỷ nguyên mà cả dân tộc đang quyết tâm hành động để hướng đến mục tiêu phát triển bứt phá, tăng tốc dưới sự lãnh

đạo của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Do đó, để thực hiện sứ mệnh của mình, ngành giáo dục cần có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, được trang bị đầy đủ những tri thức, kỹ năng để thích ứng với công cuộc chuyển đổi số. Đối với đội ngũ trực tiếp làm công tác giáo dục quyền con người, cần nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng bài giảng, các mô hình mô phỏng tình huống để giúp học sinh, sinh viên và người học tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Hai là, nội dung giáo dục quyền con người phải được xây dựng bài bản, có hệ thống, phù hợp với từng cấp học, hệ học trên cơ sở tuân thủ các điều ước, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết. Việc giảng dạy kiến thức về quyền con người phải linh hoạt, gắn lý thuyết với thực tế phong phú, sinh động để đối tượng tiếp cận, người học dễ nắm bắt. Giáo dục quyền con người phải song hành với việc đảm bảo an ninh con người. Ngoài nội dung trong các môn học, ngành giáo dục cần chú trọng truyền đạt kỹ năng để giải quyết khi có thiên tai, sự cố, thảm họa thiên nhiên để chủ động đối phó với những rủi ro có thể xảy ra. Theo đó, cần định hướng để học sinh, sinh viên tiếp cận với môi trường mạng một cách có chọn lọc, an toàn, lành mạnh; chủ động kiểm soát, loại bỏ những trang mạng có nội dung độc hại, dễ tác động tiêu cực và làm tổn thương đến thế hệ trẻ.

Ba là, đẩy mạnh triển khai xây dựng văn hóa học đường, quan tâm giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp. Cần phải xác định, giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục quyền con người nói riêng không chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục, mà cần sự chung tay, góp sức của gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, rất cần sự gắn kết thường xuyên giữa nhà trường với gia

đình và xã hội để thế hệ trẻ được sống, học tập trong môi trường nhân văn, được phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, tri thức, hình thành lên những công dân tốt, có ích cho xã hội.

Bốn là, trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng cùng với những thành quả đạt được trong công tác bảo vệ quyền con người, ngành giáo dục cần có định hướng để đội ngũ cán bộ, quản lý được học tập và làm việc trong môi trường quốc tế. Đây là điều kiện để Việt Nam có thể chia sẻ kinh nghiệm, những kiến thức mới về giáo dục quyền con người với các quốc gia, tổ chức quốc tế, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tri thức, kỹ năng, phương pháp mới trong giáo dục quyền con người để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam, góp phần hướng đến mục tiêu đưa giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á vào năm 2030 và đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2045¹⁹.

Năm là, ngành giáo dục cần chủ động phối hợp với các ngành, các cấp tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh mạng, an ninh thông tin; yêu cầu các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới tuân thủ pháp luật Việt Nam. Kịp thời bóc, gỡ, đấu tranh ngăn chặn các thông tin xấu, độc, có nội dung phản cảm, đi ngược lại với bản sắc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Bên cạnh đó, cần phát huy tối đa các nền tảng của mạng xã hội trong việc tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đảm bảo quyền con người, các thành tựu đạt được trong giáo dục quyền con người ở Việt Nam để cộng đồng quốc tế hiểu, nhìn nhận, đánh giá khách quan về những đóng góp của Việt Nam trong việc đảm bảo quyền con người, góp phần đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về tình hình nhân quyền tại Việt Nam.

¹⁹ Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2024), *Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2024), *Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
2. Chu Thị Thúy Hằng (2022), “Giáo dục quyền con người hướng đến các mục tiêu và nguyên tắc của Liên Hợp quốc”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, (2).
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.27, 28, 71.
4. Đào Thị Tùng, “Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí khoa học chính trị điện tử*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (khu vực II).
5. Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 63, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Lê Hoàng Anh Tuấn, “Đại sứ nhân quyền: Kinh nghiệm của một số quốc gia châu Âu”, *Trang điện tử Tạp chí Cộng sản*.
7. Phạm Minh Huân, “Xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam “Tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả” theo chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Trang Điện tử Tạp chí Cộng sản*.
8. Quốc hội (1946), *Hiến pháp năm 1946*, Hà Nội.
9. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
10. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị số 34/CT-TTg, ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục*

quốc dân, Hà Nội.

11. Tổng Bí thư Tô Lâm, “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Báo Điện tử Tạp chí Cộng sản*.

12. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Bài phát biểu bế mạc *Hội nghị Trung ương 10 khoá XIII*, *Báo Điện tử Chính phủ*, ngày 20/9/2024.

13. Tường Duy Kiên, “Khái quát về giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân - Thực trạng và giải pháp”, *Trang Thông tin giáo dục quyền con người*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

14. Trần Quốc Tỏ (2024), “Bảo đảm quyền con người là trung tâm trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội”, *Hội thảo khoa học Con người, quyền con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước*.

15. Trần Lê Đăng Phương, “Thúc đẩy giáo dục quyền con người tại các cơ sở đào tạo đại học ngành luật trong xu hướng hội nhập quốc tế - Thực trạng và giải pháp”, *Trang thông tin điện tử, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*.

16. Vũ Thanh Sơn (2025), “Một số yêu cầu đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong kỷ nguyên mới”, *Kỷ yếu tọa đàm khoa học Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những vấn đề đặt ra đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự*, Hà Nội.

PHÁT HUY QUYỀN CON NGƯỜI GẮN VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN
CỦA ĐẢNG KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN
PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Phạm Tất Thắng,
Ủy viên Trung ương Đảng
Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương

Trải qua quá trình lâu dài đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, Đảng và Nhà nước ta hơn hết hiểu rõ được giá trị, tầm quan trọng của việc bảo đảm và phát triển quyền con người. Cùng với tiến trình đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới nhận thức về quyền con người diễn ra như một tất yếu. Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, vấn đề quyền con người ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả cả về tư duy lý luận và thực tiễn, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên đáng kể.

Tại Đại hội lần thứ VI (năm 1986), quan niệm về quyền con người đã được Đảng nhắc đến với tư cách là quyền công dân, là việc chăm lo đời sống Nhân dân và tôn trọng, bảo đảm những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định nhằm bảo đảm quyền dân chủ thật sự của Nhân dân lao động, đồng thời “kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân”.

Đại hội VII của Đảng cũng tái khẳng định mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Do đó, chiến lược kinh tế - xã hội của đất nước đã đặt con người vào vị trí trung tâm nhằm giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân để “lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau”. Bên cạnh việc nâng cao đời sống, vật chất của mọi tầng lớp nhân dân ở mọi miền tổ quốc,

Đảng ta cũng rất chú trọng chăm lo đời sống tinh thần của con người, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chính đáng và nâng cao phẩm giá con người

Quyền con người trong quan niệm của Đảng gắn với quyền được bảo đảm phát triển toàn diện của mỗi con người, Đảng nhấn mạnh con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Do đó, cần tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn *quyền con người* với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và *quyền làm chủ* của Nhân dân.

1. CÔNG TÁC DÂN VẬN PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ thể của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam

Vai trò của Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng nhà nước pháp quyền thể hiện ở cả hai mặt song song: quyền làm chủ của Nhân dân và trách nhiệm làm chủ của Nhân dân. Quyền làm chủ của Nhân dân tiếp tục được khẳng định qua các bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khoản 2, Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí

thức”. Hiện nay, cùng với sự mở rộng dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân không chỉ được nhắc đến trong lĩnh vực chính trị mà còn ở nhiều các lĩnh vực khác, trong đó có quyền làm chủ của Nhân dân gắn với hoạt động quản lý nhà nước. Điều 28, Hiến pháp 2013 quy định: “1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. 2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”. Như vậy, Hiến pháp 2013 - văn bản luật có giá trị pháp lý cao nhất của Việt Nam đã khẳng định rất rõ công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Quyền làm chủ của Nhân dân trong quản lý nhà nước được thực hiện thông qua các nội dung sau: Thứ nhất, Nhân dân tham gia xây dựng chính quyền nhà nước thông qua dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Thứ hai, Nhân dân tham gia xây dựng pháp luật và các chủ trương, chính sách của nhà nước. Thứ ba, Nhân dân giám sát hoạt động quản lý nhà nước và phản biện xã hội.

Đại hội XIII đã khẳng định, để tiếp tục nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo, bản lĩnh và trí tuệ của Đảng và đổi mới hệ thống chính trị, chúng ta cần tập trung ba nội dung cơ bản, trọng yếu, đó là: (1) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, (2) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, (3) Mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Hệ thống chính trị vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Qua 40 năm đổi mới và hơn 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011), công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nhận thức, lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng thống nhất,

đầy đủ và sâu sắc hơn. Hệ thống pháp luật đã được hoàn thiện một bước cơ bản; vai trò của pháp luật và việc thực thi pháp luật được chú trọng trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước và xã hội. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực. Bộ máy nhà nước từng bước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng cao. Hoạt động của Chính phủ chủ động, tích cực, tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô, tháo gỡ rào cản, phục vụ, hỗ trợ phát triển. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp có bước đột phá trên một số lĩnh vực. Tổ chức bộ máy của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động được nâng lên. Quyền con người, quyền công dân theo Hiến định tiếp tục được cụ thể hóa bằng pháp luật và thực hiện tốt hơn trên thực tế; dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được tăng cường. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được đổi mới. Mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong tiến trình đổi mới, Đảng ta ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân²⁰, đặc biệt, đã cụ thể hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và từ 2021 đến nay là bổ sung “dân giám sát, dân thụ hưởng”. Năm 2022, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân

²⁰ Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 “*Về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở*”. Quốc hội ban hành một số luật, nghị quyết, đặc biệt, sau hơn 20 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (1998), các nghị định về dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (2007).

làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” thành quy định của luật. Đây là bước tiến lớn trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, phục vụ Nhân dân và luật hóa quyền làm chủ của Nhân dân ở cơ sở. Luật tạo quy định thống nhất, đồng bộ và thực hiện hiệu quả việc phát huy dân chủ trong Nhân dân; làm rõ và hoàn thiện hơn cơ chế dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền, nâng cao chất lượng thực hiện chế độ công vụ; đổi mới phong cách làm việc của cán bộ, công chức, lắng nghe ý kiến chính đáng của Nhân dân trong việc xây dựng các chương trình phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh; thay đổi phương thức và lề lối làm việc của chính quyền theo hướng trọng dân, gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân và chịu sự giám sát của dân. Chúng ta cũng đã thực hiện nghiêm túc các nội dung và hình thức thực hiện dân chủ, công khai; phát huy hiệu quả quyền làm chủ của Nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia bàn bạc, quyết định, giám sát các hoạt động ở cơ sở. Nhân dân được biết, được tham gia ý kiến vào các chương trình phát triển kinh tế-xã hội của cơ sở. Nhân dân bàn và quyết định việc huy động sức dân xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, công trình phúc lợi, chỉnh trang đô thị; thực hiện các chính sách xã hội, giúp nhau xoá đói, giảm nghèo... Nhân dân giám sát và góp ý cho cán bộ, đảng viên, thực sự phát huy quyền làm chủ của mình tham gia xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị. Nổi bật thời gian gần đây là việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ chủ chốt được triển khai nghiêm túc, bài bản ở hầu hết các cơ sở. Nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương đã triển khai lấy ý kiến Nhân dân với hình thức đa dạng, sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương như lấy ý kiến qua Google Form, phiếu khảo sát trực tuyến, xây dựng bảng hỏi trực tuyến... Các đối tượng được lấy ý kiến ở cả trung ương và địa phương rất

phong phú, đa dạng, trong các cơ quan, tổ chức, Bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan thông tấn, báo chí và các tầng lớp Nhân dân, bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, người làm việc trong các doanh nghiệp, luật sư, sinh viên, đoàn viên thanh niên, các cán bộ hưu trí, người dân địa phương thuộc nhiều tổ chức, đoàn thể với độ tuổi, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hóa khác nhau. Bên cạnh các hình thức lấy ý kiến truyền thống, phổ biến đã được thực hiện lâu nay, một trong những điểm mới quan trọng trong lần tổ chức lấy ý kiến Nhân dân lần này là việc sử dụng ứng dụng VNeID để lấy ý kiến Nhân dân. Sau 24 ngày triển khai lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID (từ 06/5/2025 đến hết ngày 29/5/2025), Bộ Công an đã ghi nhận có tổng số 20.603.862 công dân có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 tham gia đóng góp ý kiến (kết quả lấy ý kiến trên ứng dụng VNeID xin xem thêm tại mục 1.4 của Báo cáo này). Có thể nói, việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID đã tạo được một kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân một cách trực tiếp, nhanh chóng, hiệu quả, vừa bảo đảm công khai, minh bạch, vừa bảo đảm thuận tiện cho người dân có thể góp ý, tham gia xây dựng chính sách bất cứ thời gian, địa điểm nào.

Các cơ chế nhằm phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày càng được hoàn thiện. Sự tham gia của người dân được thực hiện trong toàn bộ quá trình xây dựng chính sách: từ các đề xuất sáng kiến ban đầu, đến việc tiến hành triển khai xây dựng, quyết định và thi hành chính sách. Bên cạnh đó, một số văn bản pháp luật liên quan đến công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình... đã được xây dựng, hoàn thiện nhằm góp phần tạo cơ sở để người dân tham gia vào hoạt động của cơ quan nhà

nước, kiểm soát việc thực thi quyền lực nhà nước; nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc đối thoại với Nhân dân. Công tác đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện ngày càng đều đặn, thực chất, qua đó, lắng nghe được tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ý kiến của các tầng lớp Nhân dân; không khí đối thoại ở các địa phương diễn ra dân chủ, cởi mở, thẳng thắn. Nội dung đối thoại tập trung vào các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân. Ý kiến phản ánh của các tầng lớp Nhân dân được đại diện cấp ủy, người đứng đầu chính quyền các cấp trực tiếp trả lời, giải trình cụ thể, rõ ràng đúng trọng tâm cơ bản đáp ứng nguyện vọng, mong muốn của Nhân dân.

Xây dựng cơ chế, điều kiện để Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Sự tham gia xây dựng Đảng của Nhân dân được thể hiện rõ nhất khi Nhân dân thực hiện “Quyền làm chủ” của mình trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN thông qua hình thức: làm chủ trực tiếp và làm chủ thông qua các cơ quan đại diện. Trải qua nhiều kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng Nhân dân các cấp cho thấy: các quy chế, quy định bầu cử đã tiếp tục được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý đảm bảo cho quyền lực của người dân được thực hiện tốt hơn trên thực tế, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Việc thực hiện dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng Nhân dân có sự chuyển biến tích cực; nhiều nội dung phản ánh, kiến nghị góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền được chính quyền các cấp tiếp thu, điều chỉnh trong việc xây dựng chính sách và giải quyết kịp thời. Nhân dân làm chủ qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng đã tập hợp được các giai tầng trong xã hội, đại diện quyền, lợi ích chính đáng cho các đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong những năm qua từng bước đi vào nề nếp, việc thực hiện các chương trình giám sát đã đi vào thực chất, hiệu quả, nhất là từ khi Bộ Chính trị Khóa XI ban hành Quyết định 217-QĐ/TW, Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về giám sát, phản biện xã hội; góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân. Quá trình thực hiện đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần tăng cường đoàn kết, đồng thuận của Nhân dân trong xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Quyền dân chủ trực tiếp thông qua hoạt động bầu cử, ứng cử; trưng cầu ý dân, bãi miễn đại biểu dân cử; tham gia vào quản lý Nhà nước được triển khai rộng rãi. Quá trình soạn thảo, lấy ý kiến rộng rãi của toàn Nhân dân về dự thảo bản Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện đây thực sự là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn; đã tổ chức được 28.000 hội thảo, hội nghị, tọa đàm và thu được 26 triệu lượt ý kiến góp ý về nội dung Hiến pháp²¹; Công tác giám sát, phản biện xã hội được triển khai, thực hiện đồng bộ trong toàn hệ thống Mặt trận Tổ quốc. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức 16.770 đoàn giám sát, nghiên cứu, xem xét 19.264 văn bản, tham gia giám sát 28.031 cuộc; chủ trì tổ chức 05 hội nghị phản biện xã hội đối với các dự thảo luật quan trọng²²; góp ý 58 văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức 5.618 hội nghị phản biện xã hội, gửi 10.402 văn bản phản biện; 520 hội nghị đối thoại phản biện trực tiếp. Những nội dung Nhân dân bàn và biểu quyết đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy trình, nhất là trong hiệp thương lấy ý kiến cho người tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm 2021-2026, tham gia sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước thôn, bản, tổ

²¹ Hội đồng lý luận Trung ương (2017), *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.323.

²² Luật Thanh tra sửa đổi, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Đất đai sửa đổi, Quy hoạch tổng thể quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

dân phố. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, tạo điều kiện để các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động hiệu quả, gắn với nhiệm vụ chính trị được giao cho từng hội. Các hội đã có nhiều đóng góp thiết thực trong công tác tuyên truyền, vận động hội viên và Nhân dân; đại diện, phản ánh tâm tư, nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; tham gia giám sát, phản biện xã hội; tập hợp, đoàn kết, phát triển hội viên, tổ chức, thực sự là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Thực tiễn cho thấy, thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” vừa là mục tiêu vừa là động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực của Nhân dân, là quá trình hiện thực hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Xây dựng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị là nền tảng cốt lõi cho mục tiêu phát triển

Đảng phát huy vai trò của Nhân dân trong việc đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc lấy ý kiến Nhân dân đóng góp xây dựng văn kiện Đại hội là một công việc hệ trọng, nhằm tập hợp và phát huy trí tuệ, quyền làm chủ của Nhân dân trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, quyết sách quan trọng của đất nước, thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng là “lấy dân làm gốc,” mọi chính sách phát triển đều “vì Nhân dân”; đồng thời thể hiện trách nhiệm, tình cảm, tâm huyết của Nhân dân đóng góp xây dựng Đảng, hoạch định các chủ trương phát triển, hòa quyện giữa “lòng Dân- ý Đảng”; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội tích cực triển khai việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền với nhiều

hình thức phong phú. Các hoạt động giám sát và phát huy vai trò của Nhân dân giám sát việc thực hiện dân chủ trên nhiều lĩnh vực được thực hiện có hiệu quả thông qua hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, qua vai trò giám sát của đoàn viên, hội viên... Chính quyền cơ sở đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện nghĩa vụ công dân, tham gia giám sát, góp ý xây dựng các chương trình kinh tế-xã hội; hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Dân vận khéo”; tích cực giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhân dân trong xây dựng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: Ở mỗi giai đoạn lịch sử, Đảng ta tiếp tục đưa ra những chỉ đạo cụ thể về việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, công việc này được triển khai bài bản, hệ thống, nhất quán và đặc biệt là rất quyết liệt từ Trung ương đến địa phương và đã đạt được những kết quả quan trọng. Cùng sự đồng thuận của Nhân dân, niềm tin của Nhân dân vào Đảng và sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy, tổ chức đảng, Đảng ta đã thông qua Nhân dân chủ động phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại những âm mưu của các thế lực thù địch xuyên tạc, chống phá quan điểm của Đảng; hoạt động “diễn biến hòa bình”; lợi dụng dân chủ, tự do ngôn luận để gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo; lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá cách mạng Việt Nam.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Thực tiễn cho thấy sức mạnh và động lực to lớn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là sự đồng tình, ủng hộ, hưởng ứng, tham gia tích cực của Nhân dân. Công tác đấu tranh

phòng chống tham nhũng, tiêu cực tạo được chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết giữa “xây” và “chống”. Các luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thanh tra, kiểm toán, tài chính công được sửa đổi, hoàn thiện, tạo tiền đề xây dựng cơ chế phòng ngừa tham nhũng toàn diện và sâu rộng. Đến nay, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả cụ thể quan trọng, toàn diện, rõ rệt, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan toả mạnh mẽ trong toàn xã hội và thực sự đã trở thành phong trào, xu thế, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao, được quốc tế ghi nhận; góp phần quan trọng vào việc củng cố niềm tin của Nhân dân, sự đồng thuận xã hội đối với Đảng và Nhà nước.

2. CÔNG TÁC DÂN VẬN PHÁT HUY QUYỀN CON NGƯỜI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Quan điểm lấy con người là động lực, trung tâm và mục tiêu của sự phát triển luôn được thể hiện trong mô hình phát triển của Việt Nam xuyên suốt quá trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Đảng, Nhà nước ta luôn khẳng định, vị trí, vai trò quan trọng của nhân tố con người với tư cách là yếu tố quyết định sự phát triển, nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất, phải được trân trọng và bảo vệ. Mục tiêu cao nhất của mọi chính sách phát triển về kinh tế - xã hội cũng vì con người, hướng tới bảo đảm an sinh và cuộc sống ngày càng tốt hơn cho người dân. Do vậy, chính sách an sinh xã hội phải ngày càng phát triển, mở rộng để làm cơ sở tốt hơn cho việc người dân được thụ hưởng ngày càng nhiều hơn từ sự phát triển của đất nước.

Thực tiễn cho thấy, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XI về “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-

2020” đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, qua đó đã thể hiện ngày càng rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; kinh tế, xã hội phát triển toàn diện và hài hoà hơn, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Nhận thức của hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Các chính sách xã hội không ngừng được hoàn thiện theo hướng tiến bộ và công bằng.

Ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Nghị quyết số 42-NQ/TW đã đưa ra 4 quan điểm vừa có tính kế thừa, phát huy, vừa có tính đổi mới, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong đó, nghị quyết tiếp tục khẳng định quan điểm xuyên suốt của Đảng về nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; xác định rõ mục tiêu tổng quát đến năm 2030, xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tầm nhìn đến năm 2045, hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trên thế giới.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu rõ, một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021- 2030 là: “Thực hiện tốt chính sách xã hội,

bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân”²³. Như vậy, an sinh xã hội đã được xác định là yếu tố xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước trong thời gian tới.

Qua gần 40 năm đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Những người có công với cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được chăm lo, phụng dưỡng tốt hơn... Chính sách giải quyết việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo đã đạt được nhiều thành quả tích cực; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được bổ sung, sửa đổi đã mở rộng cơ hội tham gia, thụ hưởng của người dân và tăng cường bền vững tài chính của các quỹ bảo hiểm; công tác trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, từng bước chuyển sang hướng tiếp cận dựa trên quyền con người, lấy con người là trung tâm. Bên cạnh đó, hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu được chú trọng đầu tư, phát triển và người dân được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận và thụ hưởng; tài chính cho an sinh xã hội được tăng cường. Vì vậy, bảo đảm an sinh xã hội đã gắn với tiến bộ và phát triển xã hội, với thành tựu phát triển kinh tế trong bối cảnh kinh tế thị trường; hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện để bảo đảm quyền an sinh xã hội cho mọi người dân.

Quan điểm, chủ trương trên của Đảng được Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện bằng các chính sách và chương trình nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức thu nhập tối thiểu, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch,

²³Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47.

thông tin,... thông qua việc nâng cao năng lực tự an sinh của người dân và sự trợ giúp của Nhà nước. Theo đó, hệ thống an sinh xã hội ở nước ta được xác định tập trung vào 4 nội dung chính và đã đạt được một số thành tựu nhất định, có tác động tích cực góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển

Một là, tăng cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế thông qua hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng, giải quyết việc làm và kết nối thông tin thị trường lao động.

Hai là, mở rộng cơ hội cho người lao động tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất do các rủi ro, ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già.

Ba là, hỗ trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp các rủi ro không lường trước hoặc vượt quá khả năng kiểm soát (mất mùa, thiên tai, đói nghèo,...) thông qua các khoản tiền mặt hoặc hiện vật từ ngân sách nhà nước.

Bốn là, tăng khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ xã hội cơ bản: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin.

Với phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã khẳng định sâu sắc bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. “Dân thụ hưởng” là giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là đích đến cuối cùng, là mục tiêu tối thượng của một nhà nước thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. “Dân thụ hưởng” là người dân được nhận, được hưởng thành quả của sự phát triển”. Dân thụ hưởng” nhấn mạnh nhân tố lấy “dân làm gốc”, trọng dân, tin dân, để Nhân dân được thụ hưởng đầy đủ thành tựu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Đất nước phát triển nhanh và bền vững tạo nền tảng bảo đảm các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho người

dân được quan tâm, nâng cao, đời sống Nhân dân được cải thiện. Việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội giúp Nhân dân, đặc biệt là bộ phận yếu thế trong xã hội, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ổn định sản xuất, đời sống, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững; qua đó, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. “Dân thụ hưởng” hướng đến quyền cơ bản của con người, bảo đảm công bằng xã hội, góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, đồng thuận, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững đất nước.

Thông qua cơ chế phối hợp công tác dân vận và các cơ quan liên quan, Hội đồng Nhân dân các cấp cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Quốc hội, Chính phủ, cấp ủy cùng cấp các vấn đề liên quan đến cuộc sống Nhân dân tại địa phương; ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp với MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội vận động, tuyên truyền chính sách, pháp luật, các hoạt động đóng góp ý kiến, giám sát các quyết định liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Hội đồng Nhân dân nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động tiếp xúc cử tri; đôn đốc, giám sát giải quyết kiến nghị của cử tri và Nhân dân; nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, ý thức phục vụ Nhân dân; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, nâng cao chất lượng các dịch vụ công. 63/63 ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kết nối trực liên thông văn bản điện tử từ Trung ương đến địa phương... quan tâm nâng cao chỉ số cải cách hành chính, quản trị công, chỉ số hài lòng của người dân. Các cơ quan đã tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết đơn thư, các vụ việc khiếu nại phức tạp, đông người; ban hành Quy chế phối hợp, định kỳ làm việc với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội nắm tình hình, giải quyết những vấn đề Nhân dân quan tâm trong các chính sách an sinh xã hội.

Những năm đầu của thập niên, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra nặng nề ở nhiều địa phương ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tính mạng, sức khỏe, đời sống Nhân dân; dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác dân vận của cả hệ thống chính trị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, huy động vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân; tập trung cao độ trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai các biện pháp quyết liệt phòng, chống, ứng phó kịp thời. Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP, các bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương đã khẩn trương vào cuộc, chủ động quán triệt, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nhằm sớm đưa các chính sách an sinh vào cuộc sống, kịp thời hỗ trợ người dân gặp khó khăn bảo đảm cuộc sống vượt qua đại dịch. Đây là gói an sinh xã hội với số kinh phí lớn, nhiều đối tượng đa dạng đặt ra nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện; để bảo đảm công khai, minh bạch, hỗ trợ đúng, trúng đối tượng được thụ hưởng, tránh tình trạng trục lợi chính sách. Nhiều tỉnh, thành phố có cách làm sáng tạo (trong lúc đang chờ quyết định hoặc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Chính phủ) chủ động rà soát nhanh chi hỗ trợ ngay cho các đối tượng đã có cơ sở dữ liệu như: Người có công với cách mạng đang hưởng ưu đãi hàng tháng; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; hộ nghèo, hộ cận nghèo... kịp thời động viên, giúp người dân vượt qua khó khăn trong cơn đại dịch²⁴.

Căn cứ Nghị quyết số 29, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ

²⁴Trong đợt dịch lần thứ ba bùng phát tại tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh, tháng 6/2021, đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương cùng các đồng chí lãnh đạo Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã về thăm, động viên người dân và tặng quà tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Tặng tỉnh Bắc Giang 680 triệu đồng tiền mặt và hàng hóa, nhu yếu phẩm phục vụ công tác chống dịch với *tổng trị giá 5,3 tỷ đồng*. Tặng tỉnh Bắc Ninh 680 triệu đồng tiền mặt và hàng hóa, nhu yếu phẩm phục vụ công tác chống dịch với *trị giá 2,8 tỷ đồng*.

Tổ quốc trong giai đoạn mới, để thể hiện tính ưu việt của chế độ và chủ trương bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, “không để ai ở lại phía sau”, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất Bộ Chính trị, Đảng ủy Chính phủ xem xét chính sách miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến giáo dục phổ thông. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành các quy định miễn học phí cho học sinh. Theo quy định hiện hành, từ ngày 1/9/2025, Nhà nước sẽ thực hiện miễn học phí cho tất cả học sinh công lập từ mầm non 5 tuổi đến trung học cơ sở (đến hết lớp 9). Ngoài ra, Chính phủ quy định chính sách giảm 50 - 70% học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho nhiều đối tượng học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc đối tượng chính sách xã hội, học sinh dân tộc (học ở trường công lập và trường dân lập, tư thục). Ngoài các đối tượng được miễn học phí theo quy định hiện hành nêu trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất và được Bộ Chính trị đồng ý bổ sung miễn học phí cho học sinh mầm non từ 3 tháng đến 4 tuổi và học sinh phổ thông. Theo đó, toàn bộ học sinh mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập sẽ được miễn học phí. Học sinh các trường dân lập, tư thục sẽ được cấp bù học phí bằng mức học phí của trường công lập theo quy định của pháp luật; phần chênh lệch học phí giữa trường công lập và dân lập, tư thục sẽ do gia đình học sinh chi trả.

Theo Thông báo 176-TB/VPTW ngày 25/4/2025 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư có kết luận về định hướng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Theo đó, giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo Đảng ủy Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của Bộ Chính trị lãnh đạo, chỉ đạo để tạo đột phá trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị “về những đột phá trong công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” đặt mục tiêu phấn đấu năm 2030 mở rộng quyền chăm sóc sức khỏe, cơ bản được thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi quyền lợi, để

tiến tới mục tiêu miễn viện phí cho người dân trong giai đoạn tới. Với chính sách lớn “miễn viện phí toàn dân” - Tiến tới một chính sách an sinh đúng nghĩa - người dân có quyền kỳ vọng trong tương lai gần, việc khám chữa bệnh không còn là gánh nặng tài chính, tiến tới một chính sách an sinh đúng nghĩa.

Phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong tuyên truyền vận động thực hiện chính sách an sinh xã hội được gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động

Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong tuyên truyền vận động thực hiện chính sách an sinh xã hội gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động²⁵. Phong trào đã gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, hướng về cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xóa đói, giảm nghèo, sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng; xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền... Đặc biệt, năm 2020 một số địa phương thiệt hại nặng nề do mưa, lũ và từ khi đại dịch Covid 19 bùng phát, ở nhiều địa phương đã xuất hiện các mô hình “Dân vận khéo” hoạt động thiết thực, hiệu quả trong vận động, quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ người dân gặp hoạn nạn, khó khăn với ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận; trở thành phương thức quan trọng trong công tác vận động quần chúng để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần phát triển

²⁵Như phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Đô thị văn minh”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Xây dựng văn hóa công sở”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Quốc phòng toàn dân”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, Phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19”...

kinh tế, xã hội²⁶, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò của Đảng trong mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân còn những mặt chưa đầy đủ, trong đó vẫn còn tình trạng chưa nhận thức và phân định rõ chức năng lãnh đạo và định hướng chính trị của Đảng với vai trò “là chủ” “làm chủ” của Nhân dân. Vai trò của Nhân dân được nhận thức chủ yếu về phương diện tuân thủ, thực thi pháp luật, thực thi dân chủ, kỷ cương, chưa nhận thức đầy đủ, đồng bộ về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tham gia của người dân vào đời sống chính trị xã hội, vào góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Nhận thức nội hàm quan điểm “tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân” chưa thực sự đủ rõ.

Nhận thức về vai trò chủ thể - quyền làm chủ của Nhân dân vẫn còn không ít bất cập cả từ phía bản thân cá nhân mỗi công dân: Vai trò của Nhân dân tham gia của người dân và các tổ chức vào đời sống chính trị xã hội, vào góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Năng lực làm chủ, ý thức chính trị, ý thức pháp luật của người dân vẫn còn bất cập cả từ phía cá nhân mỗi công dân, quan điểm “Dân làm gốc” cũng chưa được nhận thức đầy đủ, sâu sắc trong một bộ phận người dân.

Việc phát huy dân chủ cũng còn những hạn chế, bất cập. Nhận thức về dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa còn có những hạn chế, chưa lý giải và làm sáng tỏ kịp thời nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra. Chưa coi trọng đúng mức phát triển các hình thức dân chủ trực tiếp. Số lượng đơn thư

²⁶Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước đạt 6,8% (trước khi có dịch Covid 19); dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục từ mức 28 tỷ USD năm 2015 lên trên 80 tỷ USD vào cuối kỳ kế hoạch; tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước ước đạt bình quân 24,9% GDP. Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm còn 2,75%, hộ cận nghèo còn khoảng 4%; tỷ lệ bác sĩ trên 1 vạn dân tăng từ 8,2 lên 9; số giường bệnh trên 1 vạn dân tăng từ 26,5 lên 28 giường. Tính đến tháng 10/2020, có 5.385 xã đạt chuẩn nông thôn mới (60,5% số xã), bình quân cả nước đạt 15,7 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí, hoàn thành trước 1,5 năm và vượt mục tiêu 10 năm (2010-2020) (Nguồn Văn kiện Đại hội XIII của Đảng).

khieu nại, tố cáo của công dân đến các cơ quan chức năng là khá nhiều nhưng tỉ lệ được giải quyết ở một số địa phương, ngành còn thấp...

Một số chính sách xã hội nói chung và an sinh xã hội nói riêng chưa bao phủ hết các nhóm đối tượng; thực hiện chưa đồng bộ, chưa đồng đều giữa các địa phương và chênh lệch mức sống giữa vùng miền, nhóm đối tượng còn lớn. Quy mô và chất lượng cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản còn thấp, nhất là tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu tư của Nhà nước cho hệ thống chính sách xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước; mức hỗ trợ còn thấp, chưa bảo đảm nhu cầu sinh hoạt tối thiểu; chưa động viên, thu hút được nhiều sự tham gia của tư nhân và các tổ chức xã hội; nhiều đối tượng thụ hưởng chính sách còn ỷ lại vào chính sách của Nhà nước.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY QUYỀN CON NGƯỜI GẮN VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

3.1. Đối với phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dân chủ Xã hội Chủ nghĩa

Đổi mới và tăng cường việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước kịp thời, hợp lòng dân để Nhân dân được phát huy quyền làm chủ trên thực tế

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích của Nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện thể chế dân chủ theo hướng: (1) Đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm, phát huy quyền làm chủ của người dân, trong bảo vệ và bảo đảm quyền công dân, quyền con người; (2) Phát huy quyền làm chủ của người dân trên các mặt của đời sống xã hội, chế định rõ ràng các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền làm chủ và quy định chế tài đủ mạnh để bảo vệ quyền làm chủ của người dân; (3) Bảo đảm các

điều kiện cần và đủ nhằm nâng cao ý thức và năng lực làm chủ của người dân; nâng cao dân trí, trình độ hiểu biết về dân chủ, phương thức thực hành dân chủ và bản lĩnh thực hành dân chủ của người dân là nhiệm vụ trọng tâm có tính chiến lược của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị nước ta; (4) Người đứng đầu cơ quan Nhà nước các cấp cần tăng cường đối thoại với Nhân dân dưới các hình thức phù hợp; hoàn thiện cơ chế đối thoại, quy định trách nhiệm chính trị, pháp lý của cán bộ các cấp trong đối thoại với Nhân dân.

Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị xã hội

Không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, trong đó tập trung: *thứ nhất*, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội; *thứ hai*, hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện cơ chế phân cấp trong quản lý kinh tế và xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, có năng lực, tính chuyên nghiệp cao; *thứ ba*, đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; *thứ tư*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, pháp quyền, bảo đảm một bộ máy nhà nước gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân và thực sự là công cụ của Nhân dân trong việc thể hiện, thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Xây dựng cơ chế quản trị quốc gia phục vụ Nhân dân và bảo đảm quyền làm chủ của người dân theo tinh thần Hiến pháp 2013; thúc đẩy việc cải cách, thực hiện Chính phủ số, xây dựng một nền quản trị quốc gia minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình, tạo cơ sở để thực hiện tốt hơn nữa quyền làm chủ của người dân trên thực tế.

Tạo dựng một hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc pháp quyền, theo đó tinh thần thượng tôn pháp luật, trách nhiệm pháp lý, trách

nhiệm phục vụ của Nhà nước trước Nhân dân được đề cao và được hiện thực hoá trong đời sống xã hội. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản và quy định pháp luật liên quan đến quyền làm chủ và cơ chế thực hiện vai trò chủ thể của Nhân dân đối với Nhà nước. Hoàn thiện pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân; nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật về phản biện xã hội, các luật cụ thể hoá các quyền tự do dân chủ của công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 như Luật về Hội, Luật biểu tình... để Nhân dân có thể thực hiện một cách đúng đắn, an toàn quyền làm chủ và vai trò, trách nhiệm chủ thể của mình trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tăng cường công tác dân vận của các cơ quan nhà nước; xây dựng quy định cụ thể để chính quyền làm công tác dân vận hiệu quả

Thực hiện tốt quy chế công tác dân vận theo Quyết định số 23-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 33/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận của cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp. Tiếp tục nâng cao ý thức pháp luật, quyền làm chủ, vai trò làm chủ, ý thức dân chủ, tính tích cực chính trị - pháp lý, trình độ và năng lực làm chủ của mỗi người dân. Nâng cao nhận thức chính trị và năng lực thực thi quyền làm chủ và vai trò, trách nhiệm chủ thể của Nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền có năng lực, đạo đức, thực sự là “công bộc” của dân, hết lòng phục vụ Nhân dân. Hoàn thiện quy chế, quy định nhằm quản lý chặt chẽ và giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ và tác phong dân vận trong quan hệ và phục vụ Nhân dân; thực hành phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”. Tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh đội ngũ cán bộ, công chức trong thi hành công vụ và giải quyết các công việc liên quan đến Nhân dân; việc thực hiện Quy chế dân chủ và quy tắc ứng xử khi tiếp xúc với Nhân dân.

3.2. Đối với phát huy quyền con người trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa, trọng tâm là nâng cao hiệu quả công tác dân vận góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, sự tham gia của Nhân dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tổ chức đảng các cấp quán triệt sâu sắc, chủ động đóng vai trò nòng cốt, hạt nhân trong triển khai thực hiện chủ trương của Đảng về chính sách an sinh xã hội. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, địa phương; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, sự tham gia của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về an sinh xã hội đến các cấp, các ngành và địa phương, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự chuyển biến và đồng thuận của toàn xã hội trong thực hiện chính sách. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các đoàn viên, hội viên. Tăng cường tính chủ động của địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng dân cư trong thực hiện chính sách xã hội, trong tư vấn, phản biện, kiến nghị chính sách và giám sát thực hiện.

Tiếp tục đóng góp ý kiến, tham gia góp ý, thẩm định các văn bản liên quan đến việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát triển hệ thống chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội toàn diện. Tiếp tục quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, hướng về cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xóa đói, giảm nghèo, sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng./.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI
CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

GS.TS. Lê Văn Lợi

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới - một giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ với yêu cầu hiện đại hóa thể chế, phát triển kinh tế tri thức, thúc đẩy chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế - thì vấn đề đặt ra cấp thiết là làm thế nào để phát huy tối đa vai trò con người trong tư cách vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Trong bối cảnh đó, giáo dục quyền con người trở thành nền tảng chiến lược hình thành công dân hiểu biết pháp luật, có trách nhiệm xã hội, tôn trọng, dân chủ và hành xử văn minh. Việc tích hợp hiệu quả giáo dục quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân là cần thiết để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển bền vững và nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực tự bảo vệ tư tưởng - văn hóa của quốc gia. Trước cam mưu lợi dụng nhân quyền của các thế lực thù địch, giáo dục quyền con người là “lá chắn nhận thức”, góp phần khẳng định bản lĩnh, vị thế và giá trị của một Việt Nam độc lập, nhân văn và phát triển.

1. NHẬN DIỆN BỐI CẢNH MỚI VÀ YÊU CẦU CHIẾN LƯỢC
ĐỐI VỚI GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Trong kỷ nguyên phát triển mới với những yêu cầu cao hơn về chất lượng tăng trưởng, hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số toàn diện, Việt Nam không chỉ hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bền vững mà còn chú trọng đến mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm quyền được hưởng thụ công bằng của mọi người dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn biến nhanh

chóng, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo dục quyền con người trở thành một lĩnh vực then chốt, mang tính chiến lược, không thể thiếu trong tiến trình phát triển bền vững, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người trong sự nghiệp cách mạng, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn, thể hiện rõ quan điểm nhất quán và xuyên suốt về vấn đề này. Tiêu biểu như: Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta; Chỉ thị 44-CT/TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Công tác nhân quyền trong tình hình mới”; và đặc biệt là Hiến pháp năm 2013, trong đó Điều 14 khẳng định nguyên tắc nền tảng: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

Nhằm tiếp tục cụ thể hóa nội dung Hiến pháp năm 2013 về việc *công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân*, nhiều chính sách cụ thể đã được triển khai, trong đó nổi bật là: Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định 1079/QĐ-TTg ngày 14/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam; Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Những chủ trương, quyết sách đó thể hiện tầm nhìn chiến lược và khẳng định cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc hiện thực hóa các chuẩn mực quốc tế về quyền con người thông qua con

đường giáo dục - một phương thức bền vững, hiệu quả, mang tính dài hạn.

Việc chính thức đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân là bước tiến quan trọng, đánh dấu sự chuyển đổi từ nhận thức sang hành động cụ thể. Nội dung này không chỉ xuất hiện trong các chương trình đào tạo cao cấp lý luận, mà còn được giảng dạy tại một số cơ sở đào tạo đại học, sau đại học; được lồng ghép trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở các trường chính trị, trường đào tạo, bồi dưỡng lý luận từ Trung ương đến địa phương; được tích hợp vào chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng nền tảng tri thức pháp lý cho người dân, củng cố niềm tin vào thể chế và phát triển một xã hội dân chủ, văn minh, pháp quyền. Cùng với đó, các cơ quan báo chí, truyền thông đóng vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức xã hội về quyền con người, giúp lan tỏa thông tin chính thống, phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong lĩnh vực nhân quyền.

Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, giáo dục quyền con người ngày càng có vai trò thiết yếu trong nâng cao dân trí, ý thức tuân thủ pháp luật và hiểu biết đúng đắn của người dân về quyền và nghĩa vụ. Việc phổ biến, giáo dục về quyền con người không chỉ phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết mà còn giúp giải quyết các xung đột, tranh chấp và mâu thuẫn trong tinh thần đối thoại, hòa bình và thượng tôn pháp luật.

Bên cạnh đó, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao, nhất là sau khi Việt Nam là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, nhiệm kỳ 2023 - 2025 và chuẩn bị ứng cử nhiệm kỳ tiếp theo

(2026-2028), do vậy, đòi hỏi cần chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế về quyền con người. Trên bình diện quốc tế, Việt Nam đã ký kết và triển khai nhiều công ước quan trọng như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)²⁷, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)²⁸, Công ước về quyền trẻ em (CRC)²⁹,... Việt Nam tham gia đầy đủ vào cơ chế Rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc³⁰ là minh chứng rõ ràng cho thiện chí và nỗ lực cải thiện nhân quyền của Việt Nam. Những cam kết quốc tế này vừa là trách nhiệm, vừa là động lực để giáo dục quyền con người được phát triển mạnh mẽ, bài bản và toàn diện hơn.

Tuy nhiên, những thách thức hiện hữu không nhỏ, đó là sự phát triển nhanh chóng của truyền thông số và không gian mạng - đã mở rộng môi trường thực thi quyền con người, nhưng cũng dễ bị lợi dụng để lan truyền thông tin sai lệch, kích động chống phá. Trong khi một bộ phận Nhân dân còn

²⁷ Là một thành viên tích cực và trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã nỗ lực rất lớn trong việc thực thi các nghĩa vụ theo Công ước và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, thể hiện rõ nhất qua việc Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc tháng 9/2024 đã thông qua Báo cáo quốc gia của Việt Nam theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR), ghi nhận nhiều thành tựu bảo đảm quyền con người, trong đó có các quyền dân sự và chính trị. Điều này thể hiện chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước và sự cố gắng nỗ lực của tất cả các bộ, ngành, địa phương. Xem: Nhã Anh: “Tăng cường thực thi hiệu quả Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)”, ngày 19/11/2024, tại trang https://baoquocte.vn/tang-cuong-thuc-thi-hieu-qua-cong-uoc-quoc-te-ve-cac-quyen-dan-su-va-chinh-tri-iccpr-294266.html#google_vignette.

²⁸ Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua ngày 18/12/1979 và có hiệu lực từ ngày 3/9/1981. Công ước này có hiệu lực ở Việt Nam từ ngày 19/3/1982. Xem Hệ thống - tư liệu văn kiện Đảng: “Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ Thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1979”, ngày 4/1/2018, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/luat-quoc-te/cong-uoc-quoc-te-ve-xoa-bo-moi-hinh-thuc-phan-biet-doi-xu-voi-phu-nu-thong-qua-ngay-18-thang-12-nam-1979-3413>.

²⁹ Ngày 20/11/1989, Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã thông qua Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em (Công ước về quyền trẻ em) và mở cho các nước ký, phê chuẩn và tham gia theo Nghị quyết số 44/25. Theo quy định tại Điều 49 của Công ước thì Công ước về quyền trẻ em có hiệu lực từ ngày 02/9/1990. Việt Nam là quốc gia đầu tiên trong khu vực châu Á và là nước thứ hai trên thế giới đã phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em vào ngày 20/2/1990. Xem: Chu Tuấn Tam: “Quyền trẻ em theo quy định của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989”, ngày 23/04/2009, tại trang <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=1158>.

³⁰ Đại diện các nước và nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ hoan nghênh những nỗ lực và thành tựu ấn tượng của Việt Nam trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới sáng tạo, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và quyền các nhóm dễ bị tổn thương. Xem: Hồ Diệp: “Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp quốc thông qua kết quả Báo cáo UPR chu kỳ IV của Việt Nam”, ngày 28/09/2024, tại trang <https://vov.vn/chinh-tri/hoi-dong-nhan-quyen-lhq-thong-qua-ket-qua-bao-cao-upr-chu-ky-iv-cua-viet-nam-post1124670.vov>.

hạn chế về nhận thức pháp luật, thì các thế lực thù địch ngày càng tinh vi trong việc sử dụng chiêu bài “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo”... để công kích gây nhiễu loạn thông tin, làm suy giảm lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ. Đây là một biểu hiện cụ thể của “diễn biến hòa bình” trên mặt trận tư tưởng - chính trị, cần phải cảnh giác và kiên quyết đấu tranh.

Thực tiễn cũng cho thấy, khoảng cách giữa quy định pháp luật và việc thực thi quyền con người trong đời sống vẫn còn đáng kể, nhất là ở các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật. Thiếu hiểu biết pháp lý dễ dẫn đến những hành vi sai lệch, thậm chí là vi phạm pháp luật do nhầm lẫn giữa “quyền” chính đáng với các hành vi vi phạm. Nếu không được nhận thức đúng đắn, các quyền này dễ bị bóp méo, lợi dụng hoặc bị phủ nhận. Điều này không chỉ cản trở tiến trình xây dựng xã hội dân chủ, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của người dân vào Nhà nước và pháp quyền.

Trong thời đại chuyển đổi số và toàn cầu hóa, ý thức pháp quyền và văn hóa nhân quyền không chỉ là yêu cầu đạo đức - pháp lý, mà còn là tiêu chí, chuẩn mực của một công dân toàn cầu. Do đó, giáo dục quyền con người phải được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển con người toàn diện - nơi mà tri thức pháp lý, đạo lý nhân văn, trách nhiệm xã hội và năng lực phản biện được dung hợp trong một chỉnh thể. Giáo dục quyền con người không đơn thuần là việc truyền đạt kiến thức pháp luật, mà phải hướng đến hình thành những công dân có bản lĩnh, có đạo lý, biết tôn trọng người khác và hành xử đúng đắn trong môi trường pháp lý, số hóa và đa văn hóa.

Trên thực tế, quá trình giáo dục quyền con người tại Việt Nam cũng cần được đổi mới toàn diện cả về nội dung, phương pháp và hình thức tiếp cận. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế, lồng ghép kiến thức nhân quyền với các vấn đề xã hội, mở rộng không gian đối thoại trong nhà trường và xã hội sẽ giúp học sinh, sinh viên, người học không chỉ học để biết, mà còn học để làm, học để cùng sống trong cộng đồng dân chủ, nhân văn, tôn trọng pháp luật.

Giáo dục quyền con người cũng cần đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc. Việc gắn kết giáo dục quyền cá nhân với trách nhiệm xã hội, cá nhân với cộng đồng, dân tộc với nhân loại là cách tiếp cận vừa toàn diện, vừa phù hợp với truyền thống Việt Nam, đồng thời tạo ra “lá chắn mềm” trước các nguy cơ xâm nhập tư tưởng cực đoan, phản động lợi dụng danh nghĩa “tự do” và “nhân quyền”.

Tóm lại, trong bối cảnh hiện nay, giáo dục quyền con người không chỉ là một yêu cầu nhân văn, mà đã trở thành một yêu cầu chiến lược sống còn để xây dựng con người Việt Nam toàn diện trong thời đại mới: có tri thức, có đạo lý, có năng lực hành động và ý thức cộng đồng; là công cụ hiệu quả để phòng ngừa rủi ro xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững và khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Trong bối cảnh phát triển mới, Việt Nam không chỉ chú trọng tăng trưởng kinh tế mà còn đặc biệt đề cao chất lượng nguồn nhân lực và phát huy giá trị con người. Giáo dục quyền con người trở thành trụ cột thiết yếu trong xây dựng công dân thời đại số, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao vị thế quốc gia. Việc này không đơn thuần là truyền đạt kiến thức pháp luật hay điều ước quốc tế, mà là quá trình hình thành năng lực, phẩm chất và trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng, quốc gia và nhân loại. Giáo dục quyền con người vì thế không còn là yêu cầu học thuật hay tuyên truyền pháp lý, mà là chiến lược phát triển con người và công cụ quan trọng bảo vệ chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa đầy biến động.

Thứ nhất, trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục quyền con người là bộ phận quan trọng của quyền được giáo dục, góp phần phát triển toàn diện nhân cách, xây dựng nền giáo dục chất lượng, bình đẳng và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và chính trị

Giáo dục quyền con người giữ vai trò nền tảng và thiết yếu trong hệ thống giáo dục quốc dân, không chỉ vì đó là một phần cấu thành của quyền được giáo dục, mà còn bởi những giá trị bền vững mà nó mang lại cho sự phát triển toàn diện con người và xã hội. Việc đưa nội dung quyền con người vào giáo dục giúp học sinh, sinh viên, người học không chỉ tiếp thu tri thức, mà còn hình thành nhân cách hướng thiện, biết tôn trọng giá trị con người, công lý và pháp luật.

Giáo dục quyền con người còn góp phần xây dựng một nền giáo dục chất lượng, công bằng và toàn diện - nơi người học được học tập trong môi trường an toàn, bình đẳng, không phân biệt đối xử, qua đó phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân. Đồng thời, việc ứng dụng các phương pháp giáo dục hiện đại, xác định rõ và tổ chức thực hiện hiệu quả phương châm: “Lấy học sinh, sinh viên làm trung tâm, chủ thể - Thầy cô giáo là động lực - Nhà trường làm bệ đỡ - Gia đình là điểm tựa - Xã hội là nền tảng” để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo³¹, phát triển tư duy phản biện và kỹ năng sống sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống giáo dục.

Về mặt vĩ mô, khi giáo dục quyền con người được thực hiện hiệu quả, nó sẽ tạo ra nguồn nhân lực không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có trách nhiệm công dân, nâng cao trách nhiệm đối với cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, ổn định xã hội và xây dựng nền chính trị dân chủ, minh bạch. Đây chính là tiền đề quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

³¹ Báo điện tử Chính phủ: “Học sinh, sinh viên làm trung tâm, chủ thể; thầy cô giáo là động lực; nhà trường làm bệ đỡ; gia đình là điểm tựa; xã hội là nền tảng”, ngày 19/8/2024, tại trang <https://baohinhphu.vn/hoc-sinh-sinh-vien-lam-trung-tam-chu-the-thay-co-giao-la-dong-luc-nha-truong-lam-be-do-gia-dinh-la-diem-tua-xa-hoi-la-nen-tang-10224081911594332.htm>.

Thứ hai, giáo dục quyền con người là công cụ quan trọng để nâng cao nhận thức xã hội và trao quyền cho cá nhân, từ đó góp phần ngăn ngừa vi phạm, thúc đẩy pháp quyền và hình thành một xã hội dân chủ, công bằng, trách nhiệm và văn minh

Nhận thức rõ vai trò chiến lược của giáo dục quyền con người trong sự nghiệp phát triển đất nước, thời gian qua, Chính phủ đã ban hành và triển khai nhiều văn bản, đặc biệt là Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đây là bước đi mang tính đột phá, nhằm tích hợp nội dung quyền con người vào quá trình giáo dục phổ thông, đồng thời lan tỏa tinh thần tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong toàn xã hội.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cùng với các bộ, cơ quan liên quan đã tích cực triển khai một số nhiệm vụ như: tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về nội dung và phương pháp giáo dục quyền con người; biên soạn tài liệu, giáo trình; tập huấn đội ngũ giảng viên, giáo viên để thực hiện lồng ghép nội dung quyền con người vào các chương trình giáo dục, đào tạo,...

Những kết quả bước đầu từ Đề án đã tạo nền tảng vững chắc cho việc hình thành nhận thức xã hội mới về quyền con người. Đặc biệt, trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, nhận thức của đội ngũ cán bộ, quản lý, các nhà giáo, học sinh, sinh viên đã có chuyển biến rõ rệt. Ý thức tôn trọng quyền, đề cao nghĩa vụ và hành xử trên tinh thần pháp quyền từng bước trở thành nét văn hóa ứng xử mới trong môi trường giáo dục. Đây là tiền đề quan trọng để tiếp tục mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng giáo dục quyền con người, hướng tới xây dựng một xã hội học tập nhân văn, tiến bộ - nơi mọi cá nhân đều được trang bị năng lực pháp lý, đạo đức và kiến thức cần thiết để đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững quốc gia.

Thứ ba, giáo dục quyền con người góp phần hình thành năng lực công dân hiện đại thông qua việc trang bị kiến thức, kỹ năng và giá trị đạo đức cần thiết cho cuộc sống, có trách nhiệm trong xã hội toàn cầu; đồng thời, thúc đẩy sự tham gia vào quá trình ra quyết định, giải quyết xung đột hòa bình và đấu tranh chống phân biệt đối xử

Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính và hội nhập sâu rộng, thì yêu cầu đặt ra là mỗi người dân không chỉ thụ hưởng quyền mà còn phải hiểu, thực hiện và bảo vệ quyền một cách có trách nhiệm, đúng pháp luật. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định rõ phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”³²; đồng thời, nhấn mạnh: “Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội”³³.

Thông qua giáo dục quyền con người, công dân được trang bị kiến thức về quyền và nghĩa vụ theo Hiến pháp và pháp luật, giúp họ biết cách thực hiện quyền của mình một cách hợp pháp, tham gia chủ động vào đời sống chính trị - xã hội thông qua bầu cử, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước, phản biện chính sách một cách xây dựng và đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách. Điều này thể hiện đúng tinh thần mà Đảng ta đã chỉ đạo: “Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị”³⁴.

Giáo dục quyền con người còn giúp người dân hiểu rõ rằng quyền cá nhân không thể tách rời khỏi nghĩa vụ xã hội và tự do không đồng nghĩa với

³² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I, tr.173.

³³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I, tr.71.

³⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I, tr.192.

tùy tiện, mà tự do là sự lựa chọn có trách nhiệm trong khuôn khổ pháp luật. Điều 15 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân; Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Điều 16: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Như vậy, giáo dục quyền con người không chỉ giúp hình thành công dân có tri thức và đạo đức, mà còn góp phần nâng cao văn hóa pháp lý toàn xã hội, xây dựng một xã hội dân chủ thực chất, củng cố niềm tin vào pháp luật và thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ tư, giáo dục quyền con người là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững, vì nó gắn kết giữa phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ nhân phẩm, tạo điều kiện để mọi người được thụ hưởng thành quả phát triển một cách công bằng và bình đẳng

Theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp quốc, quyền con người là cốt lõi để đạt được 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)³⁵, trong đó giáo dục chất lượng là một nhiệm vụ quan trọng và đóng vai trò cốt lõi để thúc đẩy phát triển bền vững, toàn diện, công bằng và thúc đẩy các cơ hội học tập trọn đời cho tất cả mọi người. Trên tinh thần đó, Việt Nam ban hành *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền*

³⁵ 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc: Mục tiêu 1: Xóa nghèo - No Poverty; Mục tiêu 2: Không còn nạn đói - Zero Hunger; Mục tiêu 3: Sức khỏe và có cuộc sống tốt - Good Health and Well-being; Mục tiêu 4: Giáo dục có chất lượng - Quality education; Mục tiêu 5: Bình đẳng giới - Gender equality; Mục tiêu 6: Nước sạch và vệ sinh - Clean water and sanitation; Mục tiêu 7: Năng lượng sạch với giá thành hợp lý - Affordable and clean energy; Mục tiêu 8: Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế - Decent work and economic growth; Mục tiêu 9: Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng - Industry, innovation and infrastructure; Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng - Reduced inequalities; Mục tiêu 11: Các thành phố và cộng đồng bền vững - Sustainable cities and communities; Mục tiêu 12: Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm - Responsible consumption and production; Mục tiêu 13: Hành động về khí hậu - Climate action; Mục tiêu 14: Tài nguyên và môi trường bền vững - Life below water; Mục tiêu 15: Tài nguyên và môi trường trên đất liền - Life on land; Mục tiêu 16: Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ - Peace, justice and strong institutions; Mục tiêu 17: Quan hệ đối tác vì các mục tiêu - Partnerships for the goals.

vững chỉ ra 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam, trong đó, khẳng định: “Mục tiêu 4. Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”³⁶. Giáo dục quyền con giúp người dân nhận thức đầy đủ về quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng, chăm sóc y tế, bảo vệ môi trường, thông tin trung thực và minh bạch, quyền bình đẳng về cơ hội phát triển, từ đó khơi dậy năng lực làm chủ cuộc sống, nâng cao chất lượng dân sinh và thực hiện nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau”. “Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau. Không để ai bị bỏ lại phía sau, tiếp cận những đối tượng khó tiếp cận nhất trước, bao gồm trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, đồng bào vùng sâu, vùng xa và những đối tượng dễ bị tổn thương khác”³⁷.

Trong bối cảnh Việt Nam vẫn đang đối mặt với khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền; sự bất bình đẳng về giới, dân tộc, trình độ học vấn... thì giáo dục quyền con người góp phần quan trọng để thu hẹp những khoảng cách đó, thúc đẩy công bằng xã hội. Khi người dân biết và biết cách sử dụng quyền của mình, họ sẽ tích cực tham gia hoạch định chính sách, giám sát thực thi, từ đó tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước.

Thứ năm, giáo dục quyền con người vừa là nghĩa vụ quốc tế theo các điều ước và cam kết nhân quyền mà quốc gia đã tham gia, vừa là công cụ mềm quan trọng để củng cố uy tín và bảo vệ “chủ quyền mềm” của quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng

³⁶ Thủ tướng Chính phủ, *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* (Ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ), tr.2.

³⁷ Thủ tướng Chính phủ, *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* (Ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ), tr.1.

Việc triển khai giáo dục quyền con người thể hiện cam kết của quốc gia đối với các điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người, góp phần khẳng định hình ảnh một quốc gia tôn trọng và thúc đẩy nhân quyền. Đồng thời, nó tạo nên sức mạnh mềm trong quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế và uy tín quốc gia trên trường quốc tế. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giáo dục quyền con người là minh chứng sinh động cho cam kết của Việt Nam đối với việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như ICCPR, CEDAW, CRC... Đồng thời thể hiện vai trò có trách nhiệm của Việt Nam trong các cơ chế nhân quyền đa phương như Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc³⁸, Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR)³⁹.

Việt Nam đã hai lần được bầu vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc. Lần thứ nhất vào năm 2013, Việt Nam lần đầu tiên trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2014-2016 với số phiếu 184/192, cao nhất trong số 14 nước thành viên mới. Lần thứ hai, ngày 11/10/2022, Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã bầu Việt Nam là một trong 14 quốc gia làm thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025. Việc Việt Nam được bầu làm thành viên Hội đồng Nhân quyền - cơ quan chủ chốt của Liên Hợp quốc trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người - cho thấy sự đánh giá cao của cộng đồng quốc tế đối với những chính sách, nỗ lực và kết quả đạt được của Việt Nam trong việc bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền cơ bản của người dân trên nhiều lĩnh vực⁴⁰.

³⁸Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc trực thuộc Đại hội đồng Liên Hợp quốc được thành lập năm 2006 là cơ chế quan trọng nhất về quyền con người của trong hệ thống Liên Hợp quốc, có chương trình nghị sự trải rộng trên 10 đề mục, một mặt bám sát các quan tâm chung của cộng đồng quốc tế về quyền con người, mặt khác cũng phản ánh rõ nét những ưu tiên, chiến lược lớn của các nước và các nhóm nước trong lĩnh vực này. Hội đồng Nhân quyền có một hệ thống các cơ quan, cơ chế trực thuộc đặc biệt, được quan tâm và tham gia rộng rãi, đầy đủ nhất là Cơ chế Rà soát định kỳ Phổ quát (UPR). Gồm 47 thành viên có nhiệm kỳ 3 năm, Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc là diễn đàn đối thoại, hợp tác và thúc đẩy cân bằng tất cả các quyền con người, kể cả quyền phát triển; hoạt động trên cơ sở khách quan, hợp tác và đối thoại, trên tinh thần xây dựng, không thiên vị, chọn lọc, chính trị hóa và tiêu chuẩn kép.

³⁹ Cơ chế Rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc được ra đời từ năm 2008 và là một trong những thành công nổi bật, được xây dựng trên nguyên tắc minh bạch, công bằng, không phân biệt, thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các quốc gia.

⁴⁰ Theo TTXVN: “Việt Nam trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, nhiệm kỳ 2023-2025”, ngày

Việt Nam tích cực tham gia Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc với nhiều đóng góp nổi bật, thể hiện vai trò chủ động và trách nhiệm trong thúc đẩy quyền con người. Việt Nam là thành viên Nhóm Nòng cốt về “Biến đổi khí hậu và quyền con người”, đồng thời là tác giả của một số nghị quyết quan trọng liên quan đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em. Việt Nam cũng đồng bảo trợ và đồng tác giả hàng chục nghị quyết về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa; bảo vệ nhóm yếu thế; bình đẳng giới; chống phân biệt đối xử; phản đối cấm vận đơn phương; quyền của nông dân và thúc đẩy dân chủ hóa quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam đóng vai trò cầu nối trong thúc đẩy đối thoại giữa các quốc gia về những vấn đề còn khác biệt như quyền sức khỏe sinh sản, chống bạo hành với phụ nữ, xóa bỏ phân biệt đối xử,... Việt Nam kiên định bảo vệ các nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Nhân quyền, trong đó nhấn mạnh yêu cầu không chính trị hóa, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia; đồng thời tích cực phối hợp với các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy cách tiếp cận toàn diện, cân bằng và lấy con người làm trung tâm trong các hoạt động của Hội đồng.

Việc thực thi hiệu quả các quyền con người cũng góp phần nâng cao hình ảnh Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, mở rộng khả năng hợp tác phát triển. Trong bối cảnh các thế lực thù địch luôn tìm cách bóp méo, xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam để can thiệp vào công việc nội bộ, thì giáo dục quyền con người chính là lá chắn mềm - một thành lũy tư tưởng kiên cố - giúp xây dựng nhận thức đúng đắn, bản lĩnh chính trị - pháp lý và tạo nền tảng vững chắc để toàn xã hội chủ động bảo vệ giá trị quốc gia, gìn giữ chân lý và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nhờ đó, Việt Nam không chỉ bảo vệ vững chắc hình ảnh quốc gia, mà còn khẳng định giá trị của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, đề cao nhân phẩm và tôn trọng quyền con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁴¹ - một tuyên ngôn vừa là chân lý cách mạng, vừa là giá trị phổ quát của nhân loại. Tự do ấy không chỉ là thoát khỏi xiềng xích ngoại bang, mà còn là quyền sống, quyền phát triển, quyền làm người trong một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Trong tinh thần ấy, giáo dục quyền con người hôm nay không chỉ là tiếp nối di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là tầm nhìn chiến lược cho tương lai. Một tương lai nơi công dân có năng lực và trách nhiệm, xã hội nhân văn và pháp quyền, quốc gia có vị thế và phát triển bền vững.

3. KẾT LUẬN

Trong kỷ nguyên phát triển mới, giáo dục quyền con người giữ vai trò then chốt trong chiến lược phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu hội nhập, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Đây không chỉ là nhiệm vụ giáo dục mà còn là công cụ để nâng cao ý thức pháp quyền, hình thành công dân hiện đại, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng và nhân văn. Giáo dục quyền con người góp phần nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục quốc dân, thúc đẩy bình đẳng, trao quyền cho cá nhân và củng cố nền tảng đạo đức - pháp lý của xã hội. Đồng thời, nó là nghĩa vụ quốc tế và là công cụ mềm quan trọng giúp nâng cao uy tín, bảo vệ chủ quyền mềm của quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng. Như vậy, đầu tư cho giáo dục quyền con người chính là đầu tư cho tương lai, cho sự phát triển bền vững và vị thế của Việt Nam trong thời đại mới.

Để tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quyền con người, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau: *Một là*, tiếp tục rà soát, bổ sung,

⁴¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 15, tr.131.

hoàn thiện và ban hành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những nội quy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc bảo đảm, bảo vệ và giáo dục quyền con người; *Hai là*, tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, đoàn viên, thanh niên, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của giáo dục quyền con người, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người thông qua giáo dục; *Ba là*, tiếp tục đổi mới sâu sắc, toàn diện về nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục quyền con người phù hợp với mọi đối tượng người học, bảo đảm thống nhất với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; *Bốn là*, đẩy mạnh xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia, giáo viên, giảng viên, báo cáo viên về quyền con người; *Năm là*, phát huy vai trò chủ lực của báo chí, truyền thông trong công tác thông tin, tuyên truyền về quyền con người, góp phần định hình nhận thức xã hội, lan tỏa sâu rộng các giá trị nhân văn và thành tựu của Việt Nam trong bảo đảm, bảo vệ, giáo dục quyền con người; *Sáu là*, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị với các cơ sở giáo dục, đào tạo từ Trung ương tới địa phương; *Bảy là*, thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục quyền con người; *Tám là*, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, giáo dục quyền con người.

Tài liệu tham khảo

1. Nhã Anh (2014), “Tăng cường thực thi hiệu quả Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)”, tại trang https://baoquocte.vn/tang-cuong-thuc-thi-hieu-qua-cong-uoc-quoc-te-ve-cac-quyen-dan-su-va-chinh-tri-iccpr-294266.html#google_vignette.
2. Báo điện tử Chính phủ (2024), “Học sinh, sinh viên làm trung tâm,

chủ thể; thầy cô giáo là động lực; nhà trường làm bệ đỡ; gia đình là điểm tựa; xã hội là nền tảng”, tại trang <https://baochinhphu.vn/hoc-sinh-sinh-vien-lam-trung-tam-chu-the-thay-co-giao-la-dong-luc-nha-truong-lam-be-do-gia-dinh-la-diem-tua-xa-hoi-la-nen-tang-10224081911594332.htm>.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Hồ Điệp (2024), “Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp quốc thông qua kết quả Báo cáo UPR chu kỳ IV của Việt Nam”, tại trang <https://vov.vn/chinh-tri/hoi-dong-nhan-quyen-lhq-thong-qua-ket-qua-bao-cao-upr-chu-ky-iv-cua-viet-nam-post1124670.vov>.

5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

6. Hệ thống - tư liệu văn kiện Đảng (2018) “Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ Thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1979”, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/luat-quoc-te/cong-uoc-quoc-te-ve-xoa-bo-moi-hinh-thuc-phan-biet-doi-xu-voi-phu-nu-thong-qua-ngay-18-thang-12-nam-1979-3413>.

7. Chu Tuấn Tam (2009), “Quyền trẻ em theo quy định của Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989”, tại trang <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=1158>.

8. Thủ tướng Chính phủ, *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)*, Hà Nội.

9. Theo TTXVN (2022), “Việt Nam trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, nhiệm kỳ 2023-2025”, tại trang <https://baochinhphu.vn/viet-nam-trung-cu-vao-hoi-dong-nhan-quyen-lien-hop-quoc-nhiem-ky-2023-2025-102221012005934699.htm>.

TẦM NHÌN VỀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIÁO DỤC KHI ĐẤT NƯỚC
BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỉ XXI, Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn của hội nhập sâu rộng, chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế tri thức và khát vọng vươn lên trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào giữa thế kỉ XXI. Trong bối cảnh đó, giáo dục và đào tạo giữ vai trò then chốt, là “quốc sách hàng đầu”, là động lực nội sinh cho sự phát triển bền vững của quốc gia. Kỷ nguyên toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi giáo dục không chỉ hướng đến truyền thụ tri thức mà còn phải khơi dậy tiềm năng, phẩm chất, năng lực, cũng như trách nhiệm xã hội của mỗi công dân. Đặc biệt, giáo dục quyền con người (GDQCN) sẽ là một thành tố không thể thiếu, góp phần nuôi dưỡng giá trị nhân văn, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đối với Việt Nam, bước vào thời kỳ phát triển mới, giáo dục quyền con người không chỉ là yêu cầu của thời đại mà còn là một cam kết chính trị pháp lý, được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, Luật giáo dục 2019 và các văn kiện của Đảng, Nhà nước.

1. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

1.1. Bối cảnh quốc tế: Quyền con người và vai trò của giáo dục

Quyền con người là một phạm trù có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời trên thế giới, gắn liền với tiến trình đấu tranh giải phóng con người, vì tự do, bình đẳng và tôn trọng phẩm giá. Trong bản Tuyên bố Viên và Chương trình hành động (*Tuyên bố của Hội nghị thế giới về quyền con người năm 1993*) đã khẳng định: “Quyền con người và các quyền tự do cơ bản là quyền

bẩm sinh của mọi người được hưởng; việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền đó là trách nhiệm trước tiên của Chính phủ”⁴². Đồng thời khẳng định: “Giáo dục, đào tạo và thông tin chung về quyền con người là thiết yếu cho thúc đẩy và đạt được các quan hệ hài hòa, ổn định trong các cộng đồng và để tăng cường được sự hiểu biết lẫn nhau, khoan dung và hòa bình”⁴³.

Như vậy, khái niệm quyền con người và giáo dục quyền con người theo Liên hợp quốc không chỉ thừa nhận tính bẩm sinh, vốn có của quyền và tự do con người, mà còn đặt ra trách nhiệm tiên quyết của Nhà nước trong việc bảo vệ và bảo đảm các quyền con người trong đó có quyền được giáo dục về quyền con người.

Trong cuốn Tài liệu Hỏi đáp về quyền con người (1994) của Liên hợp quốc tiếp tục cụ thể hóa: “Quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người mà nếu không được bảo đảm thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người”⁴⁴. Định nghĩa này nhấn mạnh rằng, quyền con người là giá trị gắn liền với bản chất người, phản ánh phẩm giá vốn có của con người, đồng thời đòi hỏi Nhà nước phải bảo vệ để con người được sống, được phát triển và được khẳng định giá trị của mình.

Theo Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người (OHCHR), “Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người.”⁴⁵. Theo cách hiểu này, quyền con người gắn chặt với nhân phẩm, tự do và sự bảo vệ của pháp luật, đồng thời được bảo đảm ở phạm vi toàn cầu thông qua các cơ chế pháp lý quốc tế và quốc gia.

⁴²Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1998), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.43.

⁴³Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người (1998), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Sđd, tr.130.

⁴⁴Liên Hợp quốc (1994), *Tài liệu Hỏi đáp về quyền con người*.

⁴⁵Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người (OHCHR).

Hiện nay, giáo dục quyền con người là một nội dung quan trọng được quy định trong nhiều văn kiện quốc tế, hình thành cơ sở pháp lý và nhận thức cho các quốc gia trong việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân quyền. Kể từ khi Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên bố về thập kỷ giáo dục quyền con người năm 1995, đến nay Liên hợp quốc đã thông qua năm giai đoạn của chương trình giáo dục quyền con người⁴⁶:

- *Giai đoạn 1 (2005 - 2009)* tập trung vào cấp tiểu học và trung học với mục tiêu chính là “tiếp cận giáo dục - dựa trên quyền”;
- *Giai đoạn 2 (2010 - 2014)* tập trung vào giáo dục cấp đại học, giáo dục cho đội ngũ giáo viên, giảng viên, công chức, cán bộ thực thi pháp luật và sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp;
- *Giai đoạn 3 (2015 - 2019)* tập trung củng cố quá trình thực hiện hai giai đoạn đầu của chương trình và thúc đẩy việc đào tạo cho giới truyền thông, báo chí;
- *Giai đoạn 4 (2019 - 2025)*, tập trung đối tượng là thanh niên;
- *Giai đoạn 5 (2025 - 2029)*, tập trung vào trẻ em và thanh thiếu niên, chú trọng đến quyền con người và công nghệ số, môi trường và biến đổi khí hậu, bình đẳng giới.

1.2. Quan điểm nhất quán và sự thể chế hóa quyền con người tại Việt Nam

Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam từ rất sớm đã nhận thức được tầm quan trọng của quyền con người như là giá trị phổ quát của nhân loại, đồng thời là mục tiêu và động lực của sự nghiệp đổi mới. Tư tưởng này được cụ thể hóa trong Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư khóa VII về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta, khẳng định nhân quyền là giá trị chung của nhân loại; vấn đề chiến lược, mang tính

⁴⁶Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, PGS. TS Tường Duy Kiên (Chủ biên, 2024), *Lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.303.

toàn cầu, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ của hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền con người trong các tầng lớp nhân dân và tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền con người phù hợp với điều kiện Việt Nam⁴⁷. Đặc biệt, Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác nhân quyền trong tình hình mới, đã bổ sung và phát triển quan điểm này và yêu cầu: “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng nội dung tuyên truyền, bồi dưỡng về nhân quyền phù hợp với từng loại đối tượng trong xã hội”⁴⁸. Đây là bước ngoặt quan trọng, thể hiện tư duy đổi mới, chủ động hội nhập quốc tế và nhấn mạnh vai trò của giáo dục quyền con người như một trụ cột trong chiến lược phát triển con người toàn diện ở Việt Nam.

Những định hướng trên được thể chế hóa mạnh mẽ trong Hiến pháp năm 2013 - bản Hiến pháp đánh dấu bước phát triển đột phá trong tư duy lập hiến của Việt Nam. Lần đầu tiên, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đặt ở Chương II - vị trí trang trọng chỉ sau Chương về chế độ chính trị. Điều 3 của Hiến pháp khẳng định: “Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”⁴⁹.

Bốn động từ “công nhận”, “tôn trọng”, “bảo vệ” và “bảo đảm” tại Điều 3 là một chỉnh thể hoàn chỉnh, thể hiện sâu sắc trách nhiệm của Nhà nước, trong đó *Công nhận* là thừa nhận sự tồn tại khách quan, tính bẩm sinh, vốn có của quyền con người; *Tôn trọng* là thái độ chính trị - pháp lý, yêu cầu các cơ quan nhà nước không được xâm phạm các quyền đó; *Bảo vệ* là hành động tích cực của Nhà nước nhằm chống lại mọi hành vi vi phạm quyền con người từ bất kỳ chủ thể nào; *Bảo đảm* là việc tạo ra các điều kiện về kinh tế, xã hội, pháp lý, thể chế để người dân có thể thực hiện được quyền của mình trên thực tế.

⁴⁷Ban Bí thư khóa VII (1992), *Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*, Hà Nội.

⁴⁸Ban Bí thư (2010), *Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 về công tác nhân quyền trong tình hình mới*, Hà Nội.

⁴⁹Quốc hội Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Điều 3.

Việc khẳng định quyền con người ở vị trí trung tâm thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước: con người là mục tiêu, là chủ thể, động lực của sự phát triển, là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân là quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng, được thể hiện rõ từ Đại hội VI đến Đại hội XIII của Đảng. Các Văn kiện Đại hội Đảng đều nhất quán khẳng định: “Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”⁵⁰.

1.3. Giáo dục quyền con người trong chiến lược phát triển quốc gia

Hiện nay Đảng ta xác định rằng, công tác bảo vệ và giáo dục quyền con người phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, và sự tham gia tích cực của nhân dân. Đây là nhiệm vụ có tính toàn dân, toàn diện và liên ngành, gắn liền với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nội dung giáo dục quyền con người không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức pháp luật, mà còn là quá trình hình thành ý thức trách nhiệm, năng lực thực thi quyền và nghĩa vụ công dân, trên nền tảng pháp luật, đạo lý và văn hóa cộng đồng.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; chú trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân...”⁵¹. Quan điểm này khẳng định, giáo dục quyền con người có mục tiêu kép: không chỉ nhằm trang bị hiểu biết về pháp luật và quyền (biết quyền), mà còn hướng tới phát triển nhân cách, bản lĩnh, đạo đức và năng lực công dân (có năng lực

⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.113.

⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

thực thi quyền, tôn trọng quyền của người khác và yêu cầu bảo vệ quyền khi bị xâm phạm) - những yếu tố cốt lõi của con người Việt Nam hiện đại.

Luật Giáo dục năm 2019, đã xác định mục tiêu: Giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế⁵².

Xây dựng một đất nước hùng cường, phồn vinh không thể chỉ dựa vào tăng trưởng kinh tế hay tiến bộ khoa học - công nghệ, mà phải bắt đầu từ phát triển con người toàn diện, khơi dậy tiềm năng sáng tạo và phát huy phẩm giá của mỗi cá nhân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, quyền con người trở thành “thước đo” của trình độ văn minh và tiến bộ xã hội. Bối cảnh này đặt ra những thách thức mới, chưa từng có tiền lệ đối với việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền đối với dữ liệu cá nhân, và quyền tiếp cận thông tin trong môi trường số. Do đó, giáo dục quyền con người giữ vai trò then chốt trong việc hình thành đạo đức công dân, ý thức pháp quyền, tinh thần dân chủ và trách nhiệm cộng đồng - những nền tảng không thể thiếu của một xã hội hiện đại, văn minh và dân chủ. Nó cũng phải bao hàm cả nội dung giáo dục về “quyền kỹ thuật số” (digital rights), giúp công dân có năng lực tự bảo vệ mình và tôn trọng người khác trên không gian mạng, phù hợp với tinh thần của Giai đoạn 5 (2025-2029) mà Liên Hợp quốc đang thúc đẩy. Đồng thời thông qua giáo dục, tăng cường sức đề kháng trong nhận thức của học sinh, sinh viên về các luận điệu xuyên tạc của các thế lực địch thù địch, phòng, chống thông tin xấu độc, thông tin giả.

⁵²Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục năm 2019*, Hà Nội.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, với tầm nhìn chiến lược hướng tới một Việt Nam phát triển nhanh, mạnh, bền vững, phồn vinh và hạnh phúc, Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành hàng loạt nghị quyết chiến lược: Nghị quyết 57-NQ/TW về thúc đẩy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị quyết 59-NQ/TW về chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng; Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân; Nghị quyết 66-NQ/TW về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thi hành pháp luật; Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Đặc biệt, Nghị quyết 68 đặt ra yêu cầu cải cách mạnh mẽ về thể chế kinh tế và pháp lý, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ: “Hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, tạo dựng môi trường đầu tư - kinh doanh công bằng, minh bạch, ổn định; khơi thông nguồn lực xã hội”⁵³. Còn Nghị quyết 71 khẳng định: giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, phải trở thành động lực phát triển bứt phá của quốc gia⁵⁴. Điều này cho thấy mối quan hệ mật thiết: bảo đảm các quyền con người (đặc biệt là quyền kinh tế, dân sự) và phát triển giáo dục (bao gồm giáo dục QCN) là hai động lực song hành, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bứt phá và bền vững của đất nước.

Như vậy, với quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người và giáo dục quyền con người là nhất quán, toàn diện và mang tầm chiến lược. Nó vừa khẳng định tính phổ quát, bẩm sinh, vốn có của quyền con người, vừa đề cao vai trò bảo đảm của pháp luật và Nhà nước, đồng thời xác định giáo dục quyền con người là một nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia. Đây không chỉ là việc thực thi các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, mà còn là nhu cầu tự thân, tất yếu trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhằm phát triển con người toàn diện, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và tiến bộ, khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

⁵³Bộ Chính trị khóa XIII, *Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân*, Hà Nội.

⁵⁴ Bộ Chính trị khóa XIII, *Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.

2. VÀI NÉT VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục, bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của quyền con người và các chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hệ thống pháp luật về giáo dục hiện nay cơ bản đã bao quát được các nhóm quyền con người trong giáo dục, bao gồm: quyền tiếp cận giáo dục, quyền bình đẳng, quyền được bảo vệ, quyền tham gia các hoạt động giáo dục, quyền sáng tạo và quyền được phát triển toàn diện.

- Luật Giáo dục năm 2019 và Luật Giáo dục đại học năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) đã thể chế hóa đầy đủ quyền được học tập của mọi công dân, không phân biệt dân tộc, giới tính, địa vị xã hội, tôn giáo; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và quyền tự do lựa chọn ngành học, hình thức học.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật dưới luật được Bộ ban hành (các thông tư của Bộ trưởng) quy định khá nhiều nội dung về giáo dục như: giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật; miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh vùng đặc biệt khó khăn; giáo dục trẻ em dân tộc thiểu số, học sinh bán trú, nội trú; bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục; phòng, chống bạo lực học đường và xâm hại trẻ em trong môi trường giáo dục.

- Hoàn thiện cơ chế tự chủ và trách nhiệm giải trình trong giáo dục đại học, tăng cường quyền học thuật, quyền nghiên cứu, sáng tạo, qua đó phát huy quyền tự do học thuật, tự do tư tưởng gắn với trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học.

- Xây dựng hành lang pháp lý cho chuyển đổi số, học tập suốt đời và học tập mở, bảo đảm quyền được học tập liên tục, suốt đời của công dân trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Cùng với việc hoàn thiện khung pháp lý, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai đồng bộ nhiều chính sách nhân văn, bao trùm và hướng tới công bằng xã hội, nhằm hiện thực hóa quyền con người trong giáo dục, cụ thể:

- Chính sách phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hướng tới phổ cập trung học; duy trì kết quả xóa mù chữ, bảo đảm mọi người đều có cơ hội học tập cơ bản.
- Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên yếu thế: miễn, giảm học phí, cấp học bổng chính sách, hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi và người học thuộc hộ nghèo, cận nghèo, vùng kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.
- Chính sách phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi
- Cơ chế giám sát, đánh giá và bảo đảm quyền học tập an toàn: xây dựng quy chế trường học an toàn, phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; thiết lập đường dây nóng và kênh phản ánh vi phạm quyền của người học trong các cơ sở giáo dục.

2.2. Thực hiện các Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, giáo dục quyền con người đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Hiện nay, nội dung về quyền con người đã được đưa vào chương trình giáo dục của một số cấp học, ngành học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đặc biệt, Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 bao gồm Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình các môn học được Bộ Trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 thể hiện sâu sắc nội dung giáo dục quyền con người. Trong đó Chương trình môn Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức,

niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Giáo dục công dân được thực hiện thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, nhất là các môn khoa học xã hội và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, trong đó Đạo đức (ở cấp tiểu học), Giáo dục công dân (ở cấp trung học cơ sở), Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông) là những môn học cốt lõi.

Đặc biệt, sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục quốc dân năm 2017, Bộ giáo dục và Đào tạo cũng đã phối hợp chặt chẽ với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức các khóa tập huấn cho đội ngũ cán bộ giáo dục và giáo viên phổ thông kiến thức về quyền con người. Từ năm 2020, Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch số 688/KH-BGDĐT ngày 31/8/2020 về Xây dựng nội dung giáo dục Quyền con người trong chương trình giáo dục mầm non. Ngày 30/12/2022, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 4745/QĐ-BGDĐT phê duyệt khung nội dung về giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông dành cho học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; Quyết định số 4746/QĐ-BGDĐT phê duyệt khung nội dung về giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông dành cho học sinh tiểu học. Đây là cơ sở pháp lý rất quan trọng để triển khai thực hiện giáo dục quyền con người cấp tiểu học và trung học cơ sở và trung học phổ thông trên toàn quốc.

Trong các chương trình đào tạo đại học, quyền con người đã được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học như Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Luật công pháp quốc tế... Năm 2008, quyền con người được xây dựng thành môn học độc lập “Lý luận và pháp luật về quyền con người” và được đưa vào giảng dạy cho sinh viên Khoa Luật

thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, nay là Trường Đại học Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay, nội dung quyền con người cũng đã được đưa vào chương trình đào tạo của một số trường đại học thuộc khối ngành Luật, Hành chính và Nội chính với hình thức môn học bắt buộc hoặc lựa chọn như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính và Quản trị công thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện An ninh nhân dân, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Học viện Quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao... Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hoàn thành các tài liệu có liên quan về giáo dục quyền con người để sử dụng chung cho các cơ sở giáo dục đại học, và dự kiến sớm có văn bản hướng dẫn các trường đại học trong toàn quốc triển khai nội dung giáo dục quyền con người theo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ (Thông báo số 1/TB-VPCP ngày 1/1/2025 Thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người ngày 11/1/2025).

Trong chương trình đào tạo thạc sỹ quyền con người/pháp luật về quyền con người đã và đang được tổ chức tại ba cơ sở đào tạo là Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Bên cạnh mở chuyên ngành đào tạo thạc sỹ chuyên ngành pháp luật về quyền con người, nội dung môn học về quyền con người, quyền công dân còn được đưa vào chương trình đào tạo thạc sỹ ở một số chuyên ngành khác như Chính trị học, Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật, Hình sự và Tố tụng hình sự, Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Xã hội học, Chính sách công... Từ năm học 2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo đã cho phép mở chương trình đào tạo Tiến sỹ pháp luật về quyền con người.

Bên cạnh các chương trình đào tạo chính thức tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, các hình thức giáo dục không chính thức, thông qua việc mở các

khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quyền con người, quyền trẻ em, quyền phụ nữ/bình đẳng giới... cũng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội và một số cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và địa phương triển khai với sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế.

2.3. Công tác giáo dục quyền con người đã được các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị, xã hội, các cơ sở giáo dục, đào tạo và toàn xã hội quan tâm, nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chính quyền các cấp trong ngành giáo dục về vai trò, vị trí, giá trị của con người đã có bước chuyển biến rõ rệt. Nhiều địa phương, cơ sở giáo dục đã ban hành các kế hoạch, mô hình, phong trào cụ thể nhằm phát huy nhân tố con người, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, nhân văn, an toàn, bình đẳng và sáng tạo. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đã thể hiện rõ hơn tinh thần nêu gương, trách nhiệm trong việc bảo đảm quyền học tập, phát triển của người học, quyền được tiếp cận giáo dục của trẻ em vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, qua đó góp phần cụ thể hóa chủ trương “Không để ai bị bỏ lại phía sau trong giáo dục”. Công tác tuyên truyền đã góp phần củng cố niềm tin xã hội vào đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về quyền con người; đồng thời, lan tỏa mạnh mẽ giá trị nhân văn, tinh thần tôn trọng con người, vì con người trong hệ thống giáo dục quốc dân. Môi trường giáo dục ngày càng thể hiện rõ tính dân chủ, kỷ cương, nhân văn; quyền và nghĩa vụ của người học, nhà giáo được bảo đảm, qua đó khẳng định vai trò của giáo dục là động lực then chốt trong phát triển con người Việt Nam toàn diện, phục vụ mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Nhìn chung, thông qua các hoạt động giáo dục quyền con người, nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân nói chung trong xã hội đã có những chuyển biến nhất định, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước. Tri thức quyền con

người và các quan điểm của Đảng, Nhà nước về quyền con người nhìn chung được vận dụng tốt trong các hoạt động đối nội và đối ngoại, bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho mọi người dân, hợp tác và đấu tranh có hiệu quả trên trường quốc tế, góp phần đẩy lùi một bước nhận thức lệch lạc, sai trái về quyền con người ở Việt Nam.

2.4. Công tác giáo dục quyền con người đã được các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị, xã hội, các cơ sở giáo dục, đào tạo và toàn xã hội quan tâm, nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chính quyền các cấp trong ngành giáo dục về vai trò, vị trí, giá trị của con người đã có bước chuyển biến rõ rệt. Nhiều địa phương, cơ sở giáo dục đã ban hành các kế hoạch, mô hình, phong trào cụ thể nhằm phát huy nhân tố con người, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, nhân văn, an toàn, bình đẳng và sáng tạo. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đã thể hiện rõ hơn tinh thần nêu gương, trách nhiệm trong việc bảo đảm quyền học tập, phát triển của người học, quyền được tiếp cận giáo dục của trẻ em vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, qua đó góp phần cụ thể hóa chủ trương “Không để ai bị bỏ lại phía sau trong giáo dục”. Công tác tuyên truyền đã góp phần củng cố niềm tin xã hội vào đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về quyền con người; đồng thời, lan tỏa mạnh mẽ giá trị nhân văn, tinh thần tôn trọng con người, vì con người trong hệ thống giáo dục quốc dân. Môi trường giáo dục ngày càng thể hiện rõ tính dân chủ, kỷ cương, nhân văn; quyền và nghĩa vụ của người học, nhà giáo được bảo đảm, qua đó khẳng định vai trò của giáo dục là động lực then chốt trong phát triển con người Việt Nam toàn diện, phục vụ mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Nhìn chung, thông qua các hoạt động giáo dục quyền con người, nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân nói chung trong xã hội đã có những chuyển biến nhất định, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước. Tri thức quyền con

người và các quan điểm của Đảng, Nhà nước về quyền con người nhìn chung được vận dụng tốt trong các hoạt động đối nội và đối ngoại, bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho mọi người dân, hợp tác và đấu tranh có hiệu quả trên trường quốc tế, góp phần đẩy lùi một bước nhận thức lệch lạc, sai trái về quyền con người ở Việt Nam.

3. ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2025-2035

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đòi hỏi ý thức về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi thành viên trong xã hội phải được nâng cao không ngừng. Điều này cũng đòi hỏi nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người thông qua giáo dục phải ngày càng sâu sắc hơn. Bởi chỉ có giáo dục mới có thể nâng cao nhận thức một cách căn bản, dẫn tới sự thay đổi trong tư duy, hành vi và cách ứng xử của cả chủ thể hưởng quyền (cá nhân, công dân, các nhóm xã hội yếu thế) và chủ thể có trách nhiệm (Nhà nước, các cơ quan công quyền, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

Trước yêu cầu đó, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương cùng toàn thể cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức ngành giáo dục đã quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cụ thể là các Văn kiện của Đảng thời kỳ Đổi mới, Hiến pháp năm 2013, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, và đặc biệt là các văn bản mang tính định hướng chiến lược gần đây như: Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới⁵⁵.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục về quyền

⁵⁵Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

con người theo lộ trình đã nêu trong Quyết định số 1309/QĐ-TTg⁵⁶ và Chỉ thị số 34/CT-TTg⁵⁷, phấn đấu đến hết năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tổ chức giáo dục quyền con người cho người học.

Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới, đặc biệt trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đòi hỏi cần có nhận thức mới, tầm nhìn mới về giáo dục quyền con người, việc giáo dục quyền con người tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp như sau:

3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong giáo dục quyền con người

Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục quyền con người ở Việt Nam mang một sứ mệnh kép: vừa phục vụ việc xây dựng - kiến tạo nên một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển bền vững; vừa góp phần bảo vệ - tạo ra một lá chắn vững chắc để chống lại các âm mưu phá hoại, giữ vững ổn định chính trị và độc lập dân tộc. Đây không còn là một lựa chọn, mà là một yêu cầu tất yếu, một sự đầu tư chiến lược cho tương lai của đất nước. Giáo dục quyền con người không chỉ giáo dục về “quyền” mà còn về “trách nhiệm” và “nghĩa vụ” của con người, của công dân. Một công dân hiểu biết về quyền con người sẽ biết cách thực hành quyền của mình trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời biết tôn trọng quyền và tự do của người khác, từ đó giảm thiểu các tranh chấp, xung đột xã hội, xây dựng trật tự, kỷ cương.

Trước bối cảnh trong nước và quốc tế hiện tại, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quyền con người là yếu tố then chốt để thực hiện thắng lợi các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người trong kỷ nguyên phát triển

⁵⁶ Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2013 về việc phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

⁵⁷ Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

mới là một yêu cầu khách quan, cấp thiết. Để đáp ứng yêu cầu này, Đảng cần lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xác định rõ đối tượng, nội dung, hình thức và các phương pháp giáo dục quyền con người. Đối tượng của hoạt động này là đội ngũ cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên và toàn dân. Nội dung giáo dục tập trung vào quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quyền con người; các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên... Các hình thức, phương pháp giáo dục cần hiện đại, đa dạng, tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

- Xác định rõ trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, không chỉ là trách nhiệm của ngành giáo dục, mà là trách nhiệm chung của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đặc biệt là các cơ quan, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể, xã hội, cá nhân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền con người, giáo dục quyền con người.

- Đề cao các giá trị nhân văn, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước tiên tiến trên thế giới. Từng bước xây dựng văn hoá quyền con người, tôn trọng quyền con người, đó là giá trị nhân văn bền vững.

- Xác định cụ thể cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, với sự quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể, các cơ sở giáo dục, các cơ quan truyền thông, lực lượng phụ huynh học sinh và toàn thể cộng đồng trong việc triển khai công tác giáo dục quyền con người.

- Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, bảo đảm cho họ thực sự trở thành những người tiên phong trong việc học tập, thực hiện tuyên truyền về quyền con người, là tấm gương sáng để quần chúng, nhân dân noi theo.

3.2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục quốc dân

Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam vào chương trình giáo dục các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới sâu sắc, toàn diện về nội dung, chương trình và phương pháp, hình thức giáo dục quyền con người phù hợp với mọi đối tượng người học, bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Rà soát, cập nhật, bổ sung nội dung, chương trình giáo dục quyền con người đặt trong tổng thể của hệ thống giáo dục quốc dân ở tất cả các cấp học, bậc học bảo đảm tính khoa học, hiện đại, phù hợp với giá trị văn hóa, đạo đức, phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc. Cụ thể:

Đối với giáo dục mầm non: Khẩn trương xây dựng chương trình giáo dục mầm non mới (thay thế chương trình sửa đổi năm 2016), tích hợp nội dung giáo dục quyền con người một cách phù hợp với lứa tuổi, nhằm hình thành những nhận thức ban đầu về sự tôn trọng bản thân và người khác.

Đối với giáo dục phổ thông: Triển khai tập huấn diện rộng về khung nội dung giáo dục quyền con người ở các cấp tiểu học, THCS, THPT.

Đối với giáo dục nghề nghiệp: Lồng ghép nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo, gắn với các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, đồng bộ với việc thực hiện Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Đối với giáo dục đại học: Rà soát, điều chỉnh và tích hợp nội dung quyền con người, pháp quyền và đạo đức nghề nghiệp vào chương trình đào tạo các ngành, nhất là nhóm ngành khoa học xã hội nhân văn, luật, quản lý nhà nước, giáo dục, truyền thông và y tế. Đồng thời khuyến khích các trường đại học xây dựng nội dung học phần độc lập về quyền con người⁵⁸.

Đối với đội ngũ nhà giáo: Triển khai có lộ trình việc đào tạo, bồi

⁵⁸ Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo số 01/TB-VPCP ngày 01/01/2025, Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người ngày 11/12/2024*, Hà Nội.

dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao nhận thức về quyền con người cho đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học.

Bên cạnh các nhiệm vụ trên, chương trình, nội dung giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cần được đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, cụ thể:

Gắn với chuyển đổi số quốc gia: Tăng cường giáo dục về quyền con người trên không gian mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, đạo đức công vụ trong môi trường số. Xây dựng các học liệu điện tử, khóa học trực tuyến (MOOCs) về quyền con người để tạo điều kiện học tập linh hoạt cho mọi đối tượng.

Gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp: Nội dung giáo dục quyền con người phải gắn liền với yêu cầu xây dựng một nền hành chính phục vụ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt, cần chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ ở cấp chính quyền địa phương (tỉnh và xã) những kiến thức và kỹ năng thực tiễn để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền của người dân ngay tại cơ sở, nâng cao trách nhiệm giải trình và đối thoại với nhân dân.

3.3. Tăng cường nghiên cứu khoa học về quyền con người

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới, với những mục tiêu thể hiện khát vọng to lớn về kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, công tác nghiên cứu và giáo dục về quyền con người đóng vai trò then chốt. Việc xác định đúng đắn các định hướng nghiên cứu và giáo dục không chỉ góp phần hoàn thiện thể chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm. Các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu cần xây dựng chiến lược phát triển nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu.

Các nhiệm vụ nghiên cứu cần kết hợp với thực hành và đào tạo, tuyên truyền xã hội nhằm chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành tri thức, ứng dụng, đưa đề tài nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống, từ đó đề xuất các giải pháp

chính sách tổng thể phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế, xã hội và phát triển giáo dục, đào tạo.

4. KẾT LUẬN

Quan điểm, chủ trương nhất quán của Đảng là công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, lấy con người và việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đã được khẳng định trong tiến trình phát triển của đất nước. Từ chủ trương “lấy dân làm gốc”, tư duy về quyền con người đã dần được thể chế hóa ngày càng sâu rộng và toàn diện hơn. Hiến pháp năm 2013 với một chương riêng quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Khi đất nước bước vào kỉ nguyên phát triển mới, kỉ nguyên tri thức, công nghệ và nhân văn, việc giáo dục quyền con người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành công dân Việt Nam hiện đại: hiểu biết pháp luật, tôn trọng giá trị phổ quát, có năng lực thực hành quyền và nghĩa vụ công dân, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng, với Tổ quốc và nhân loại.

Bước vào kỷ nguyên mới, Việt Nam có cơ hội to lớn để phát triển mạnh mẽ, nhưng cũng đối mặt với không ít thách thức. Giáo dục quyền con người cần mang tính toàn dân, toàn diện, toàn cầu và bao trùm. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai và giám sát về giáo dục quyền con người cần được xác định không chỉ là trách nhiệm của toàn ngành giáo dục mà đó là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đặt quyền con người vào vị trí trung tâm của mọi chiến lược phát triển, bằng những hành động cụ thể và thực chất, chính là con đường vững chắc nhất để xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*

ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Sổ tay về quyền con người dành cho cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

6. Nguyễn Nguyên Ngọc (2024), “Quan điểm của Đảng về quyền con người: giá trị lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/09/05/quan-diem-cua-dang-ve-quyen-con-nguoi-gia-tri-ly-luan-va-thuc-tien/>.

7. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

8. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

TƯ DUY, NHẬN THỨC MỚI VỀ CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN
QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ
ĐẶT RA CHO NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

GS.TS. Võ Khánh Vinh
Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình phát triển của nhân loại, *quyền con người* luôn là một vấn đề trung tâm, phản ánh khát vọng tự do, công lý, công bằng và phẩm giá con người. Từ những triết lý sơ khai về quyền tự nhiên đến các văn bản pháp lý quốc tế phức tạp hiện nay, quyền con người đã không ngừng được mở rộng và làm sâu sắc thêm, thích ứng với những biến đổi sâu sắc của lịch sử và xã hội. Trong hơn bảy thập kỷ qua, *quyền con người* đã trở thành giá trị phổ quát và nền tảng của đời sống chính trị, pháp lý, xã hội trên phạm vi toàn cầu⁵⁹. Từ sau Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948, nhận thức về quyền con người không ngừng được mở rộng, sâu sắc hóa và thích ứng linh hoạt trước những biến chuyển mang tính cách mạng của thời đại. Bước sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ 4.0, đặc biệt, trong kỷ nguyên phát triển mới, một giai đoạn được định hình bởi những bước nhảy vọt của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, số hoá, biến đổi khí hậu toàn cầu và sự đan xen phức tạp của các mối quan hệ quốc tế, *tư duy và nhận thức về quyền con người* đang chứng kiến những chuyển dịch mạnh mẽ, đặt ra yêu cầu cấp thiết về sự thích nghi, đổi mới tư duy và hành động.

Lịch sử phát triển của quyền con người ghi nhận sự biến đổi đáng kể về nội hàm, phương thức bảo đảm, bảo vệ và đối tượng thụ hưởng quyền. Nếu

⁵⁹ Võ Khánh Vinh, Võ Khánh Minh (2023), “Về vấn đề phổ quát hoá quyền con người”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, 3 (31).

như các thế kỷ trước, quyền con người thường được tiếp cận trên nền tảng triết học tự nhiên, đề cao cá nhân, thì ngày nay, quan điểm này đã được bổ sung bởi tư duy pháp lý hiện đại, nhấn mạnh mối liên hệ giữa cá nhân, cộng đồng và quốc gia, giữa quyền lợi hiện tại và trách nhiệm với các thế hệ tương lai⁶⁰. Hơn nữa, sự xuất hiện của các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, di cư quốc tế, an ninh mạng, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), đã đặt ra những câu hỏi mới về giới hạn, phương thức bảo đảm, bảo vệ và ý nghĩa thực tiễn của quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới⁶¹.

Bối cảnh *toàn cầu hóa* làm gia tăng sự kết nối giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ và các nền văn hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu, lan tỏa các giá trị quyền con người⁶². Tuy nhiên, quá trình này cũng kéo theo nhiều thách thức mới: nguy cơ “đồng hóa” giá trị, xung đột văn hóa, bất bình đẳng toàn cầu và sự gia tăng các vấn đề xuyên quốc gia như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, tội phạm mạng, khủng bố. Điều này đòi hỏi phải cập nhật, đổi mới tư duy và nhận thức về quyền con người, nhằm bảo đảm, bảo vệ quyền của từng cá nhân, đồng thời đáp ứng yêu cầu của cộng đồng và sự phát triển bền vững của nhân loại⁶³.

Hiện nay, nhân loại đang chứng kiến sự nổi lên của các vấn đề vượt ra ngoài khuôn khổ truyền thống của quyền con người, như quyền kỹ thuật số, quyền môi trường hay mối quan hệ phức tạp giữa quyền tự nhiên và quyền pháp lý. Những vấn đề này không chỉ đòi hỏi phải làm phong phú thêm hệ thống lý luận về quyền con người mà còn thách thức khả năng của các quốc gia trong việc đảm bảo và bảo vệ chúng trong thực tiễn. Việc không ngừng cập nhật và đổi mới tư duy, nhận thức về các xu hướng này là yếu tố then chốt

⁶⁰ Jack Donnelly (2013), *Universal Human Rights in Theory and Practice*, 3rd edition, Cornell University Press, pp.25-27.

⁶¹ Brynjolfsson, E. & McAfee, A (2014), *The Second Machine Age: Work, Progress, and Prosperity in a Time of Brilliant Technologies*, W.W. Norton & Company, pp.311-313.

⁶² Võ Khánh Vinh, Quyền con người (2009), “Giá trị xã hội, tính phổ biến và tính đặc thù”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5).

⁶³ Amartya Sen (1999), *Development as Freedom*, Oxford University Press, pp.5-9.

để xây dựng các chính sách hiệu quả và thúc đẩy một xã hội dân chủ, công bằng, nhân đạo, văn minh, pháp quyền hơn.

Đối với Việt Nam, một quốc gia đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển mạnh mẽ, việc nắm bắt và làm chủ những xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới có ý nghĩa chiến lược. Đặc biệt, sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ và sự thay đổi của cấu trúc xã hội khiến việc tiếp cận, lý giải và bảo đảm, bảo vệ quyền con người trở nên phức tạp hơn bao giờ hết. Nhu cầu về một hệ tư duy, nhận thức mới mang tính liên ngành, tích hợp, thực tiễn và phù hợp với bối cảnh quốc tế, trở thành đòi hỏi cấp bách, nhằm thích ứng với các xu hướng phát triển toàn cầu, bảo đảm hài hòa giữa chuẩn mực phổ quát và đặc thù văn hóa, điều kiện phát triển của Việt Nam. Điều này không chỉ giúp Việt Nam thực hiện tốt các cam kết quốc tế mà còn phục vụ trực tiếp cho mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, đảm bảo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Tuy nhiên, sự dịch chuyển của bối cảnh toàn cầu cũng đặt ra nhiều *vấn đề mới trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở Việt Nam*. Làm thế nào để các cơ sở nghiên cứu và giáo dục của Việt Nam có thể tiếp cận, phân tích các xu hướng mới một cách toàn diện, đồng thời phát triển các chương trình giáo dục phù hợp để nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp xã hội là một bài toán cần được giải quyết khẩn trương, mang tính thế giới quan phương pháp luận, chứ không phải vấn đề mang tính chuyên môn thuần túy.

Từ những lập luận trên, báo cáo khoa học này sẽ đi sâu vào việc phân tích các yếu tố tác động đến sự hình thành tư duy, nhận thức mới về quyền con người; làm rõ các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới; và từ đó, chỉ ra những vấn đề cốt lõi đặt ra cho nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới. Mục tiêu cuối cùng là góp phần định hướng cho việc nâng cao hiệu quả công tác quyền con người, phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Bài viết tìm hiểu 3 nội dung:

1. Các yếu tố tác động đến sự hình thành tư duy, nhận thức mới về các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới.
2. Các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới.
3. Những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở nước ta trong kỷ nguyên phát triển mới.

2. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH TƯ DUY, NHẬN THỨC MỚI VỀ CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI

Nghiên cứu cho thấy có các yếu tố khái quát cơ bản sau đây tác động đến việc hình thành tư duy, nhận thức mới về các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới.

Thứ nhất, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một trong những động lực mạnh mẽ nhất *định hình lại bức tranh quyền con người* đương đại trên thế giới. Quá trình này không chỉ thu hẹp khoảng cách địa lý mà còn tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc giữa các quốc gia, khu vực, đưa các vấn đề về quyền con người từ phạm vi nội địa lên tầm quốc tế và ngược lại⁶⁴. Sự gia tăng kết nối thông qua các luồng thông tin, hàng hóa, dịch vụ và di chuyển của con người đã làm lộ rõ những thách thức và cơ hội mới trong việc, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên phạm vi toàn cầu⁶⁵.

1) Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chia sẻ, tiếp nhận và phát triển các chuẩn mực quyền con người trên nền tảng hội nhập quốc tế

Các quốc gia ngày càng chủ động tham gia vào các *công ước, hiệp định quốc tế* quan trọng về quyền con người. Sự xuất hiện và phát triển của các *công ước, hiệp định và tuyên bố quốc tế về quyền con người* là minh chứng rõ

⁶⁴Smith, J (2022), *Human Rights in the Age of Globalization*, Oxford University Press, New York, p.45.

⁶⁵Brown, L (2021), *The Interconnected World: Human Rights and Global Challenges*, Cambridge University Press, London, p.112.

nét cho xu hướng này. Từ Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 đến các công ước chuyên biệt như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), hay các công ước về chống phân biệt đối xử, chống tra tấn, quyền trẻ em, quyền của người khuyết tật - tất cả đều phản ánh nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý toàn diện cho việc bảo vệ nhân phẩm và quyền con người. Việt Nam, với tư cách là thành viên tích cực của các công ước này, đã và đang nỗ lực nội luật hóa các quy định quốc tế, thể hiện cam kết của mình đối với việc thực thi quyền con người.

2) Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế làm gia tăng, nổi bật vai trò của các tổ chức quốc tế và khu vực trong việc thúc đẩy, giám sát và hỗ trợ thực hiện quyền con người trên toàn thế giới

Các tổ chức như Liên Hợp quốc, Hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc, Tòa án Hình sự quốc tế, cùng với các tổ chức khu vực như Liên minh Châu Âu hay Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), không chỉ là diễn đàn để thảo luận mà còn là chủ thể quan trọng trong việc giám sát, thúc đẩy và đôi khi còn can thiệp vào các vấn đề nhân quyền. Sự tương tác giữa luật pháp quốc gia và quốc tế, cùng với áp lực từ dư luận và các cơ chế giám sát, đã tạo ra một môi trường phức tạp nhưng cũng đầy tiềm năng cho sự phát triển của quyền con người.

3) Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng làm gia tăng tầm quan trọng của các mạng lưới các tổ chức xã hội toàn cầu, bao gồm các tổ chức phi chính phủ (NGO), hiệp hội nghề nghiệp, các phong trào xã hội, truyền thông quốc tế trong việc phát hiện, lên tiếng, vận động và giám sát các hành vi vi phạm nhân quyền

Vai trò của các tổ chức xã hội toàn cầu ngày càng được ghi nhận trong quá trình thúc đẩy minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình và kết nối các chủ thể quốc tế - quốc gia - cộng đồng nhằm bảo đảm, bảo vệ quyền con người một cách toàn diện và hiệu quả hơn⁶⁶.

⁶⁶Margaret E. Keck & Kathryn Sikkink (1998), *Activists beyond Borders: Advocacy Networks in*

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng mang theo những thách thức cố hữu. Sự gia tăng của các tập đoàn đa quốc gia với quyền lực kinh tế khổng lồ đặt ra câu hỏi về trách nhiệm của họ đối với nhân quyền trong chuỗi cung ứng toàn cầu⁶⁷. Vấn đề di cư lao động quốc tế, với những rủi ro về buôn bán người và bóc lột, cũng là một hệ quả của toàn cầu hóa đòi hỏi sự phối hợp quốc tế chặt chẽ⁶⁸. Quá trình toàn cầu hóa không chỉ mở ra cơ hội mà còn làm rõ những lỗ hổng trong hệ thống bảo vệ quyền con người khi các vấn đề vượt ra ngoài biên giới quốc gia, đòi hỏi những giải pháp đa phương và linh hoạt hơn⁶⁹. Việc cân bằng giữa chủ quyền quốc gia và các chuẩn mực nhân quyền quốc tế vẫn là một cuộc đối thoại không ngừng, định hình nên tư duy và nhận thức mới về giới hạn và trách nhiệm trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Đối với Việt Nam, quá trình toàn cầu hóa đã mở ra nhiều cơ hội tiếp cận các giá trị phổ quát về nhân quyền, nâng cao vị thế quốc tế, thúc đẩy cải cách pháp luật và chính sách về quyền con người. Đồng thời, Việt Nam cũng phải đối mặt với áp lực hội nhập, bảo đảm sự phù hợp giữa các chuẩn mực quốc tế và điều kiện, đặc thù kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử của quốc gia. Điều này đặt ra yêu cầu phải nâng cao năng lực thể chế, đổi mới tư duy, nhận thức và phương thức thực thi quyền con người phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa.

Thứ hai, Cách mạng công nghệ 4.0

Cách mạng công nghệ 4.0 (CMCN 4.0) với các trụ cột như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) và công nghệ sinh học đã và đang tạo ra *một bước ngoặt lớn*, định hình lại mọi khía cạnh của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa và đặc biệt là *lĩnh vực quyền con người*⁷⁰. Đặc trưng bởi sự hội tụ của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI),

International Politics, Cornell University Press, pp.29-33.

⁶⁷Ruggie, J. G (2011), *Guiding Principles on Business and Human Rights: Implementing the United Nations "Protect, Respect and Remedy" Framework*, UN Human Rights Office, New York and Geneva, p.70.

⁶⁸ILO (2017), *Global Estimates of Modern Slavery: Forced Labour and Forced Marriage*, Geneva, p.22.

⁶⁹Ковлер, А. И (Kovler, A. I.) (2018), *Права человека и глобализация: новые вызовы и старые проблемы*, Юридическая литература, Москва, с.95.

⁷⁰Schwab, K (2016), *The Fourth Industrial Revolution*, World Economic Forum, Geneva, p.30.

dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), blockchain, và công nghệ sinh học, CMCN 4.0 không chỉ mang lại những tiện ích vượt trội mà còn đặt ra những thách thức sâu sắc, đòi hỏi một tư duy và nhận thức mới về các quyền cơ bản của con người⁷¹.

1) Tác động của các công nghệ chủ chốt trong CMCN 4.0 đến quyền con người là đa chiều

Chẳng hạn, *Trí tuệ nhân tạo (AI)*, với khả năng phân tích dữ liệu khổng lồ và đưa ra quyết định tự động, có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của các dịch vụ công, cải thiện y tế hay giáo dục, qua đó góp phần thúc đẩy các quyền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, AI cũng tiềm ẩn rủi ro về phân biệt đối xử thông qua các thuật toán thiếu minh bạch, xâm phạm quyền riêng tư khi thu thập dữ liệu cá nhân hàng loạt, hoặc thậm chí là ảnh hưởng đến quyền được làm việc khi tự động hóa thay thế lao động con người. Cần lưu ý rằng sự phát triển của công nghệ thông tin cần được xem xét cân trọng dưới lăng kính đạo đức và pháp lý để ngăn chặn những tác động tiêu cực đến quyền tự do cá nhân và sự giám sát của Nhà nước⁷².

Cùng với AI, *Dữ liệu lớn (Big Data)* và *Internet vạn vật (IoT)* tạo ra khả năng thu thập, xử lý và phân tích lượng thông tin khổng lồ về hành vi, thói quen của con người. Điều này đặt ra những vấn đề cấp bách về *quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Mặc dù các công nghệ này có thể hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý xã hội, phòng, chống tội phạm, hay cung cấp dịch vụ công tốt hơn, chúng cũng tiềm ẩn nguy cơ về sự giám sát hàng loạt, lộ lọt thông tin nhạy cảm và việc sử dụng dữ liệu sai mục đích, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền tự do, an ninh cá nhân. Các văn bản pháp lý quốc tế như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của Liên minh Châu Âu đã phản ánh sự lo ngại và nỗ lực điều chỉnh mối quan hệ giữa công

⁷¹UNDP (2020). *Human Development Report 2020: The Next Frontier - Human Development and the Anthropocene*, New York, p.15.

⁷²Гаврилов, О.А (2021), *Информационные технологии и право: этические и правовые аспекты*, Издательство “Проспект”, Москва, с.40.

nghe và quyền riêng tư, nhưng thách thức vẫn còn rất lớn, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển⁷³.

Ngoài ra, *công nghệ sinh học* và những tiến bộ trong y học, di truyền học cũng mở ra kỷ nguyên của các *quyền mới liên quan đến sức khỏe và sự sống*. Khả năng chỉnh sửa gen, nhân bản vô tính, hay kéo dài tuổi thọ đang đặt ra những câu hỏi đạo đức và pháp lý phức tạp về quyền được lựa chọn, quyền được sống với phẩm giá, và quyền tiếp cận các dịch vụ y tế tiên tiến một cách công bằng⁷⁴. Điều này đòi hỏi các nhà làm luật và hoạch định chính sách phải có tầm nhìn xa, xây dựng khuôn khổ pháp lý linh hoạt để điều chỉnh những tiến bộ công nghệ chưa từng có tiền lệ.

2) Trước làn sóng đổi mới này, *các quyền con người truyền thống như quyền riêng tư, quyền tự do cá nhân, quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân... cần được tái định nghĩa, mở rộng hoặc cụ thể hóa* cho phù hợp với điều kiện số hóa và thực tiễn xã hội mới. Việc xây dựng các cơ chế bảo vệ pháp lý mới - như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu (GDPR) - là minh chứng cho nỗ lực toàn cầu trong việc cân bằng giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ quyền con người⁷⁵.

3) *Đạo đức công nghệ* trở thành lĩnh vực nghiên cứu liên ngành quan trọng nhằm xác lập các nguyên tắc, quy tắc ứng xử trong phát triển và ứng dụng AI, Big Data, IoT, công nghệ sinh học. Nhiều học giả nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng một “khung đạo đức công nghệ toàn cầu”, lấy con người làm trung tâm, tôn trọng giá trị phổ quát, tránh chạy theo lợi ích kinh tế mà bỏ qua các rủi ro xã hội, văn hóa, sinh học⁷⁶.

⁷³Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 on the protection of natural persons with regard to the processing of personal data and on the free movement of such data, and repealing Directive 95/46/EC (General Data Protection Regulation), L 119/1, p.5.

⁷⁴Fukuyama, F (2002), *Our Posthuman Future: Consequences of the Biotechnology Revolution*, Farrar, Straus and Giroux, New York, p.210.

⁷⁵European Union (2016), *General Data Protection Regulation (GDPR): Regulation (EU) 2016/679*, pp.103-104.

⁷⁶Wendell Wallach & Colin Allen (2008), *Moral Machines: Teaching Robots Right from Wrong*, Oxford University Press, pp.312-314.

Đối với Việt Nam, việc tiếp cận và ứng dụng các thành tựu của Cách mạng 4.0 phải gắn với hoàn thiện thể chế, xây dựng hành lang pháp lý rõ ràng, đào tạo nhân lực công nghệ có đạo đức và trách nhiệm xã hội, đảm bảo quyền con người được bảo vệ và thúc đẩy trong mọi lĩnh vực đời sống.

Tóm lại, CMCN 4.0 là yếu tố tác động hai chiều thuận nghịch đối với quyền con người. Nó mang lại tiềm năng to lớn để nâng cao chất lượng cuộc sống và mở rộng phạm vi của các quyền, nhưng đồng thời cũng tạo ra những thách thức pháp lý, đạo đức và xã hội mới, yêu cầu một tư duy đổi mới và cách tiếp cận toàn diện để đảm bảo rằng công nghệ phục vụ con người, chứ không phải ngược lại.

Thứ ba, biến đổi khí hậu và môi trường

Biến đổi khí hậu và môi trường là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất của thế kỷ XXI, có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống và đặt ra những vấn đề cấp bách cho quyền con người trên phạm vi toàn cầu⁷⁷. Các hiện tượng như mực nước biển dâng, hạn hán kéo dài, lũ lụt nghiêm trọng và ô nhiễm môi trường không chỉ đe dọa sinh kế mà còn trực tiếp xâm phạm đến các quyền cơ bản của con người, đòi hỏi một sự điều chỉnh trong tư duy và nhận thức về mối liên hệ giữa môi trường và nhân quyền⁷⁸.

1) Một trong những xu hướng quan trọng nhất là sự nổi lên của quyền được sống trong môi trường trong lành và bền vững như một quyền con người cơ bản

Mặc dù quyền này chưa được ghi nhận tường minh trong tất cả các văn kiện quốc tế về quyền con người, nhưng ngày càng có nhiều quốc gia và diễn đàn quốc tế công nhận nó thông qua các quyết định tư pháp, luật pháp quốc

⁷⁷IPCC (2023), *Climate Change 2023: Synthesis Report. Contribution of Working Groups I, II and III to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change*, Geneva, Switzerland, p.10.

⁷⁸UN Human Rights Office (2021), *The Human Rights Impacts of Climate Change*, Geneva, tr.55.

gia và các nghị quyết của Liên Hợp quốc⁷⁹. Chẳng hạn, Nghị quyết 48/13 của Hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc vào tháng 10 năm 2021 đã chính thức công nhận quyền có một môi trường sạch, lành mạnh và bền vững là một quyền con người, đánh dấu một bước tiến quan trọng⁸⁰. Sự công nhận này phản ánh nhận thức ngày càng tăng rằng một môi trường xuống cấp sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến các quyền khác như quyền được sống, quyền có sức khỏe, quyền có lương thực và quyền có nước sạch.

2) Tác động của biến đổi khí hậu đến quyền con người biểu hiện rõ nét ở nhiều khía cạnh

Người dân ở các vùng đồng bằng ven biển, đảo nhỏ phải đối mặt với nguy cơ mất đất ở do mực nước biển dâng, dẫn đến tình trạng *di cư khí hậu* và phát sinh những vấn đề phức tạp về quyền của người tị nạn môi trường⁸¹. Hạn hán và lũ lụt ảnh hưởng nghiêm trọng đến *an ninh lương thực và tiếp cận nước sạch*, đặc biệt ở các cộng đồng nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng. Các vấn đề môi trường xuyên biên giới đòi hỏi các giải pháp quốc tế hóa, đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của các quốc gia trong việc bảo vệ quyền sống và sức khỏe của công dân trước các mối đe dọa từ biến đổi khí hậu⁸².

3) Vấn đề trách nhiệm của các quốc gia và cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và giải quyết biến đổi khí hậu cũng đang được thúc đẩy mạnh mẽ

Các khuôn khổ pháp lý quốc tế như Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và Thỏa thuận Paris đã thiết lập các cam kết về giảm phát thải và thích ứng, nhưng việc thực thi hiệu quả vẫn còn

⁷⁹Boye, O (2020), *The Right to a Healthy Environment in International Law*, Cambridge University Press, p.120.

⁸⁰United Nations Human Rights Council (2021), *Resolution 48/13: The human right to a clean, healthy and sustainable environment*, A/HRC/RES/48/13, p.1.

⁸¹IOM (2020), *World Migration Report 2020*, Geneva, p.30.

⁸²Белов, С.А (2019), *Экологическое право и права человека в условиях глобализации*, Издательство “Юрайт”, Москва, с.160.

nhieu thách thức. Các nguyên tắc như “trách nhiệm chung nhưng có khác biệt” và “người gây ô nhiễm phải trả tiền” ngày càng được nhấn mạnh như những cơ sở đạo đức và pháp lý để phân bổ nghĩa vụ và chi phí trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, nhằm đảm bảo *công bằng môi trường* cho các thế hệ hiện tại và tương lai⁸³.

Ở Việt Nam, biến đổi khí hậu đã và đang tác động sâu sắc tới các vùng ven biển, đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung, gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh kế và các quyền cơ bản của hàng triệu người dân. Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường hợp tác quốc tế và nội luật hóa các cam kết môi trường toàn cầu. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền môi trường vẫn đối mặt với nhiều thách thức về thể chế, năng lực thực thi và nhận thức cộng đồng. Điều này đòi hỏi cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao vai trò giám sát xã hội, thúc đẩy giáo dục, truyền thông về quyền môi trường để bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và sinh thái trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Như vậy, biến đổi khí hậu và môi trường không chỉ là vấn đề khoa học hay kinh tế mà còn là một vấn đề quyền con người sâu sắc. Nó đòi hỏi một cách tiếp cận liên ngành, toàn diện để bảo vệ các quyền hiện có và công nhận các quyền mới, đồng thời thúc đẩy trách nhiệm chung của toàn cầu nhằm xây dựng một tương lai bền vững, nơi quyền con người được bảo đảm trong một môi trường sống trong lành.

Thứ tư, sự trỗi dậy của các vấn đề xã hội mới

Trong kỷ nguyên phát triển mới, bên cạnh những chuyển biến về công nghệ và môi trường, xã hội toàn cầu cũng đang chứng kiến sự trỗi dậy của hàng loạt *vấn đề xã hội mới*, hoặc những vấn đề cũ nhưng với cấp độ và tính chất phức tạp hơn, đòi hỏi một tư duy và cách tiếp cận đổi mới đối với quyền con người. Những vấn đề này không chỉ làm thay đổi cấu trúc xã

⁸³Sands, P (2018), *Principles of International Environmental Law*, 4th ed. Cambridge University Press, p.92.

hội mà còn tác động trực tiếp đến việc thực thi và thụ hưởng các quyền cơ bản của con người.

1) Một trong những vấn đề nổi cộm là tình trạng phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội ngày càng sâu sắc

Dù tăng trưởng kinh tế ở nhiều nơi đạt được thành tựu đáng kể, nhưng lợi ích thường tập trung vào một nhóm nhỏ, khiến khoảng cách giữa người giàu và người nghèo gia tăng, ngay cả ở các nước phát triển. Sự bất bình đẳng này không chỉ giới hạn ở khía cạnh kinh tế mà còn lan rộng sang các quyền xã hội như quyền tiếp cận giáo dục chất lượng, y tế, và cơ hội việc làm, qua đó ảnh hưởng đến quyền phát triển và quyền được sống với phẩm giá của hàng triệu người. Các chính sách về phân phối lại tài sản và thuế lũy tiến đang được xem xét nghiêm túc hơn nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực này.

2) Vấn đề di cư và người tị nạn cũng là một thách thức nhân đạo lớn của thời đại

Xung đột vũ trang, khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu và truy tìm cơ hội tốt hơn đã đẩy hàng triệu người rời bỏ quê hương, tìm kiếm cuộc sống mới ở những vùng đất khác⁸⁴. Tình trạng này đặt ra những câu hỏi phức tạp về quyền của người di cư, người tị nạn, bao gồm quyền được tị nạn, quyền được đối xử nhân đạo, quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản và quyền không bị trả về nơi có nguy cơ bị đe dọa. Pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước về người tị nạn năm 1951 và Nghị định thư năm 1967, cung cấp khuôn khổ pháp lý nhưng việc thực thi và đảm bảo quyền cho nhóm đối tượng này vẫn gặp nhiều rào cản chính trị và xã hội⁸⁵.

3) Sự gia tăng nhận thức về sự đa dạng về giới và bản dạng giới (LGBTQ+) cũng là một xu hướng xã hội quan trọng, làm thay đổi cách nhìn

⁸⁴ UNHCR (2023), *Global Trends Report 2023*, Geneva, p.35.

⁸⁵ United Nations (1951), *Convention Relating to the Status of Refugees*, Article 33, p.70.

nhận về các quyền dân sự, chính trị và quyền không bị phân biệt đối xử⁸⁶

Các phong trào đấu tranh cho quyền bình đẳng của cộng đồng LGBTQ+ trên toàn cầu đã thúc đẩy việc công nhận các quyền của họ, bao gồm quyền kết hôn đồng giới, quyền được bảo vệ khỏi bạo lực và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới⁸⁷. Điều này đòi hỏi các quốc gia phải xem xét lại các khung pháp lý và chính sách để bảo đảm quyền bình đẳng cho mọi công dân, bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới của họ.

4) Cuối cùng, tác động của các dịch bệnh toàn cầu như đại dịch COVID-19 đã phơi bày những lỗ hổng trong hệ thống bảo đảm, bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền được chăm sóc sức khỏe và quyền tự do đi lại⁸⁸

Các biện pháp phong tỏa, hạn chế đi lại và sự bất bình đẳng trong tiếp cận vắc-xin đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế và các quyền cơ bản khác của hàng tỷ người, nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác quốc tế và sự chuẩn bị ứng phó với khủng hoảng y tế công cộng trong tương lai. Các tình huống khẩn cấp, dù là tự nhiên hay do con người tạo ra, luôn là phép thử đối với khả năng của Nhà nước trong việc cân bằng giữa an ninh công cộng và bảo vệ quyền tự do cá nhân.

Ở Việt Nam, các vấn đề xã hội mới như bất bình đẳng thu nhập, di cư lao động, sự đa dạng về bản dạng giới và ứng phó với dịch bệnh vẫn còn nhiều thách thức về thể chế, nhận thức và năng lực thực thi chính sách. Việc tiếp cận các chuẩn mực quốc tế và lồng ghép các quyền mới nổi vào luật pháp quốc gia, cùng với tăng cường giáo dục, truyền thông thay đổi nhận thức xã hội, là những giải pháp quan trọng để bảo đảm quyền con người một cách toàn diện và bền vững trong bối cảnh mới.

Như vậy, sự trỗi dậy của các vấn đề xã hội mới đòi hỏi một cách tiếp

⁸⁶Human Rights Campaign (2022), *State of the LGBTQ+ Movement*, Washington, D.C., p.40.

⁸⁷ OHCHR (2019), *Born Free and Equal: Sexual Orientation and Gender Identity in International Human Rights Law*, New York and Geneva, p.150.

⁸⁸WHO (2022), *COVID-19 Pandemic Response: Lessons Learned and Future Preparedness*, Geneva, p.25.

cận linh hoạt, đa chiều và tích hợp đối với quyền con người. Việc giải quyết chúng không chỉ cần nỗ lực từ cấp độ quốc gia mà còn yêu cầu sự hợp tác toàn cầu, dựa trên các nguyên tắc công bằng, bình đẳng và không để ai bị bỏ lại phía sau.

Thứ năm, thay đổi trong tư duy pháp lý và triết học

Những chuyển biến sâu rộng của kỷ nguyên phát triển mới không chỉ tác động đến thực tiễn quyền con người mà còn thúc đẩy *thay đổi căn bản trong tư duy pháp lý và triết học* về khái niệm này. Đây là quá trình liên tục xem xét lại nền tảng lý luận, mở rộng phạm vi và định hình lại mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống quyền con người. Sự phát triển của các học thuyết mới và việc tái định nghĩa các nguyên tắc cơ bản đang định hình lại cách chúng ta hiểu và áp dụng quyền con người trong thế giới hiện đại.

1) Một trong những xu hướng nổi bật là sự phát triển của các học thuyết về quyền con người với những cách tiếp cận đa dạng

Bên cạnh các trường phái truyền thống như chủ nghĩa tự nhiên (natural law) và chủ nghĩa thực định (positivism), các học thuyết mới như quyền con người liên thế hệ (intergenerational human rights), quyền con người sinh thái (ecological human rights) hay các lý thuyết phê phán (critical theories) đang ngày càng được quan tâm⁸⁹. Những học thuyết này không chỉ làm phong phú thêm lý luận mà còn thách thức các giới hạn truyền thống của quyền con người, đặc biệt khi xem xét các quyền đối với môi trường tự nhiên hoặc quyền của các thế hệ tương lai, những chủ thể không thể tự bảo vệ quyền lợi của mình trong hiện tại⁹⁰. *Phát triển lý luận về quyền con người* trong kỷ nguyên phát triển mới ghi nhận sự bổ sung giữa các hệ giá trị phương Đông - phương Tây, giữa quyền cá nhân và quyền tập thể.

2) Mối quan hệ giữa quyền cá nhân và quyền tập thể cũng là một điểm

⁸⁹ Besson, S (2018), *The Philosophy of International Law*, Oxford University Press, Oxford, p.60.

⁹⁰ Nash, J (2019), *Environmental Rights: From Rhetoric to Reality*, Earthscan, London, p.95.

trọng tâm trong tư duy pháp lý hiện nay

Trong khi quyền cá nhân (như quyền tự do ngôn luận, quyền riêng tư) luôn được đặt ở vị trí trung tâm, thì tầm quan trọng của các quyền tập thể (như quyền tự quyết của các dân tộc, quyền phát triển, quyền môi trường sạch) ngày càng được nhấn mạnh. Đây không chỉ là sự mở rộng về số lượng quyền mà còn là sự thừa nhận tính phụ thuộc lẫn nhau của các quyền, nơi việc đảm bảo quyền của cộng đồng có thể là điều kiện tiên quyết cho việc thụ hưởng đầy đủ các quyền của mỗi cá nhân. Học giả người Nga, Д.А. Керимов, đã phân tích sâu sắc về sự cần thiết của việc hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích công cộng, nhấn mạnh rằng sự phát triển của quyền con người cần được đặt trong bối cảnh xã hội và lịch sử cụ thể, nơi các quyền tập thể đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nhận thức chung⁹¹.

3) Đặc biệt, khái niệm về quyền liên thế hệ (intergenerational rights) đang thu hút sự chú ý đáng kể

Đây là một khuôn khổ mới nhìn nhận rằng các thế hệ hiện tại có nghĩa vụ đạo đức và pháp lý đối với các thế hệ tương lai, đặc biệt là trong việc bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và đảm bảo tính bền vững của sự phát triển⁹². Sự xuất hiện của khái niệm này phản ánh nhận thức về những hậu quả lâu dài của các quyết định hiện tại đối với tương lai, thúc đẩy tư duy về trách nhiệm toàn cầu và liên thời gian trong việc bảo vệ quyền con người⁹³.

Việt Nam, với đặc thù về lịch sử và hệ thống pháp luật, cũng đang trong quá trình tiếp thu và vận dụng những thay đổi trong tư duy pháp lý và triết học về quyền con người. Việc Hiến pháp 2013 mở rộng phạm vi các quyền và công nhận nhiều quyền mới, cùng với việc cam kết thực hiện các công ước quốc tế, là minh chứng cho sự chủ động trong việc cập nhật nhận

⁹¹ Керимов, Д.А. *Философские проблемы теории права*, Норма, Москва, с.110.

⁹² Brown Weiss, E (1989), *In Fairness to Future Generations: International Law, Common Patrimony, and Intergenerational Equity*, Transnational Publishers, Ardsley, NY, p.70.

⁹³ IUCN (2020), *Intergenerational Equity and Climate Justice*, Gland, Switzerland, p.130.

thức⁹⁴. Tuy nhiên, việc tích hợp sâu rộng các học thuyết mới và giải quyết các mối quan hệ phức tạp giữa các quyền vẫn là một quá trình liên tục, đòi hỏi sự nghiên cứu chuyên sâu và đối thoại liên ngành.

3. CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về quyền con người, các yếu tố tác động đến sự hình thành tư duy, nhận thức mới về các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới, có thể khái quát hoá các xu hướng phát triển hiện nay của quyền con người trên phạm vi toàn thế giới. Việc nhận thức đúng các xu hướng này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng đối với đổi mới tư duy, nhận thức nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở nước ta.

3.1. Xu hướng phát triển pháp quyền nhân quyền

1) Pháp quyền nhân quyền thể hiện sự hòa quyền giữa nguyên tắc pháp quyền và giá trị nhân quyền, đồng thời là hướng đi mới trong phát triển quyền con người⁹⁵

Pháp quyền nhân quyền được thiết lập và thực thi dựa trên các nhận thức về các nguyên tắc cốt lõi, mở rộng nội dung của nhân quyền trong khuôn khổ pháp quyền, thể chế và cơ chế triển khai, xu hướng số hoá và nhân quyền kỹ thuật số, sự tương hỗ giữa pháp quyền và nhân quyền.

Pháp quyền nhấn mạnh nguyên tắc mọi hoạt động của Nhà nước và ứng xử của công dân đều phải tuân theo luật định, bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm và công bằng trong thi hành pháp luật. Nhân quyền hướng đến việc bảo vệ những quyền tối thiểu, bất khả xâm phạm của cá nhân trước mọi hành vi lạm quyền. Khi kết hợp, “pháp quyền nhân quyền” không chỉ đòi hỏi luật phải

⁹⁴Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.

⁹⁵Xem: Võ Khánh Vinh (2024), “Về pháp quyền nhân quyền: từ tư tưởng đến hiện thực”, *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người*, (4); Võ Khánh Vinh (2025), *Nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực*, Hà Nội, tr.567-591.

được xây dựng, ban hành và áp dụng sao cho tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ các quyền con người cơ bản, mà còn yêu cầu thể chế pháp luật phải có cơ chế giải trình, kiểm soát quyền lực để ngăn ngừa vi phạm nhân quyền.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, trong kỷ nguyên phát triển mới các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền ngày càng được cụ thể hoá, đồng thời pháp quyền không ngừng được củng cố thông qua các điều ước, hiệp định quốc tế. Xu hướng mới chú trọng đến việc đưa cơ chế giám sát nhân quyền vào hệ thống tư pháp, như tòa án công lý quốc tế, cơ quan bảo vệ nhân quyền độc lập và công cụ báo cáo của Liên Hợp quốc. Điều này thể hiện sự mở rộng không gian pháp quyền vượt ra ngoài biên giới quốc gia, đồng thời nâng cao tính pháp lý của các quyền con người trong thực tiễn.

Đổi mới nhận thức về pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới đòi hỏi sự chuyển đổi từ quan niệm luật chỉ là công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội sang nhận thức luật là nền tảng bảo đảm phát triển bền vững và hài hòa quyền lợi cá nhân - cộng đồng. Luật không chỉ khô khan về điều khoản mà phải gắn kết chặt chẽ với giá trị nhân văn, tôn trọng phẩm giá, tự do và bình đẳng của con người. Điều này dẫn đến việc thiết lập cơ chế “đối thoại pháp luật” giữa Nhà nước, công dân và xã hội để liên tục hoàn thiện khung pháp lý.

2) Pháp quyền và nhân quyền là hai xu hướng có mối quan hệ biện chứng

Pháp quyền thúc đẩy nhân quyền. Khi pháp luật được xây dựng và áp dụng công bằng, mọi công dân đều có cơ hội tiếp cận công lý và được bảo đảm, bảo vệ các quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, quyền được xét xử công bằng.

Nhân quyền định hướng pháp quyền. Các giá trị nhân quyền cung cấp hướng dẫn cho việc soạn thảo luật, giúp tránh các quy định chồng chéo, truy xét quá mức và bảo đảm không gian sinh hoạt dân sự được rộng mở. Pháp quyền và nhân quyền cùng nhau tạo thành hệ sinh thái pháp luật, trong đó pháp quyền cung cấp cấu trúc, cơ chế và nhân quyền đảm bảo mục tiêu nhân văn cho hệ thống đó.

Pháp quyền tạo khung khổ pháp lý để nhân quyền được thực thi đầy đủ; nhân quyền lại định hướng soạn thảo luật, tránh lạm quyền và bảo đảm tính nhân văn. Khi pháp quyền vững mạnh, công dân giám sát, phản biện chính sách; khi nhận thức nhân quyền sâu sắc, luật pháp ngày càng chú trọng bảo vệ phẩm giá con người.

Như vậy, pháp quyền nhân quyền là xu hướng tất yếu để nâng cao chất lượng đời sống và bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội trong kỷ nguyên phát triển mới. Việc đổi mới nhận thức về pháp luật, từ công cụ quyền lực sang công cụ bảo vệ nhân bản (phẩm giá và bản sắc con người, sức khỏe và an toàn, công bằng xã hội và phân biệt đối xử), chính là nền tảng để thực thi hiệu quả xu hướng này, đồng thời khẳng định vị thế của con người là trung tâm trong mọi chính sách pháp luật.

3.2. Xu hướng phát triển mối quan hệ giữa các quyền tự nhiên và quyền pháp lý của con người

Trong kỷ nguyên phát triển mới, một trong những xu hướng tư duy pháp lý và triết học quan trọng là việc xem xét lại và làm sâu sắc hơn *mối quan hệ giữa các quyền tự nhiên (natural rights) của con người và các quyền pháp lý (legal rights)*. Mặc dù khái niệm quyền tự nhiên đã có lịch sử lâu đời từ thời Khai sáng, nhưng trong bối cảnh hiện đại, mối tương quan giữa những quyền được coi là bẩm sinh, không thể chuyển nhượng với những quyền được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ đang được nhìn nhận một cách phức tạp và toàn diện hơn⁹⁶.

1) Quyền tự nhiên thường được hiểu là những quyền vốn có của con người ngay từ khi sinh ra, không phụ thuộc vào bất kỳ sự ban phát nào của Nhà nước hay xã hội

Chúng được coi là xuất phát từ bản chất con người, lý trí hoặc luật lệ của tự nhiên. Các quyền như quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh

⁹⁶Rawls, J (1971), *A Theory of Justice*, Harvard University Press, Cambridge, MA, p.20.

phức thường được liệt kê vào nhóm này. Vai trò của quyền tự nhiên là cung cấp một nền tảng đạo đức, triết học vững chắc, một “la bàn” định hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật⁹⁷. Chúng là thước đo để đánh giá tính hợp pháp và công bằng của các quy định pháp luật.

Sự công nhận quyền tự nhiên trong các văn kiện pháp lý quốc tế hiện đại thể hiện rõ qua việc lấy “phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng, bất khả nhượng” của con người làm xuất phát điểm cho mọi hệ giá trị pháp luật về quyền con người. Các công ước quốc tế lớn như ICCPR, ICESCR, Công ước về xóa bỏ phân biệt chủng tộc, Công ước về quyền của người khuyết tật... đều khẳng định các quyền tự nhiên là nền tảng đạo đức và pháp lý của luật nhân quyền quốc tế⁹⁸. Tuy nhiên, để quyền tự nhiên thực sự có giá trị thực tiễn, các quốc gia phải tiến hành *nội luật hóa*, tức là chuyển hóa các chuẩn mực quyền tự nhiên thành các quy định cụ thể trong hiến pháp, bộ luật, chính sách công và các thể chế thực thi.

2) *Quyền pháp lý là những quyền được ghi nhận, bảo vệ và thực thi bởi hệ thống pháp luật của một quốc gia hoặc bởi luật pháp quốc tế*

Chúng là kết quả của quá trình lập pháp, phán quyết tư pháp và cam kết quốc tế. Mỗi quan hệ giữa hai loại quyền này là tương hỗ và biện chứng. Về lý thuyết, các quyền pháp lý nên được xây dựng dựa trên nền tảng của các quyền tự nhiên, biến những giá trị phổ quát thành các quy phạm có tính ràng buộc và khả năng thực thi trong thực tiễn. Học giả người Nga, H. И. Матузов, đã nhấn mạnh rằng, “quyền tự nhiên là cơ sở đạo đức và lý luận cho sự phát triển của quyền pháp lý, đảm bảo rằng pháp luật không đi ngược lại bản chất con người và công lý”⁹⁹.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc *nội luật hóa* và *đảm bảo các quyền tự*

⁹⁷Finnis, J (2011), *Natural Law and Natural Rights*, 2nd ed. Oxford University Press, Oxford, p.80.

⁹⁸United Nations (1948), *Universal Declaration of Human Rights*, pp.1-2; United Nations (1966), *International Covenant on Civil and Political Rights (ICCPR)*, pp.15-17.

⁹⁹Матузов, Н. И (2018), *Теория государства и права: Учебник*, Норма, Москва, с.155.

nhiên thành quyền pháp lý đầy đủ vẫn là một thách thức lớn. Có những quyền tự nhiên được thừa nhận rộng rãi (ví dụ: quyền sống, quyền không bị tra tấn) và đã được luật pháp quốc tế và quốc gia bảo vệ mạnh mẽ. Nhưng cũng có những quyền, dù được coi là tự nhiên trong tư duy triết học, lại gặp khó khăn trong việc chuyển hóa thành quyền pháp lý có thể thực thi do những khác biệt về văn hóa, xã hội, hoặc khả năng tài chính của từng quốc gia. Ví dụ, việc công nhận “quyền được sống trong môi trường trong lành” như một quyền pháp lý cụ thể, có thể kiện ra tòa, vẫn đang là một quá trình tiến triển ở nhiều nơi trên thế giới, mặc dù về bản chất triết học, quyền này có thể được xem là tự nhiên¹⁰⁰.

3) Một khía cạnh quan trọng trong thực tiễn là mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong bảo đảm quyền con người

Đạo đức xã hội là nền tảng để xây dựng pháp luật, đồng thời pháp luật phản ánh và củng cố các giá trị đạo đức phổ quát. Tuy nhiên, không phải mọi quyền tự nhiên đều có thể ngay lập tức được pháp luật bảo hộ một cách đầy đủ, đặc biệt là với các quyền mới nổi như quyền kỹ thuật số, quyền liên thế hệ hoặc quyền về bản dạng giới¹⁰¹. Điều này đòi hỏi quá trình đối thoại xã hội, lập pháp phải có sự cân nhắc giữa bảo đảm quyền lợi cá nhân, lợi ích cộng đồng và bối cảnh phát triển của từng quốc gia, khu vực.

4) Xu hướng hiện nay cho thấy sự nỗ lực ngày càng tăng trong việc thu hẹp khoảng cách giữa quyền tự nhiên và quyền pháp lý

Các quốc gia và cộng đồng quốc tế đang tìm cách ghi nhận và bảo vệ rộng rãi hơn các quyền vốn được coi là bẩm sinh, ngay cả khi chúng chưa có quy định pháp lý chi tiết. Điều này thể hiện qua việc mở rộng phạm vi của các công ước quốc tế, sự phát triển của án lệ và việc Hiến pháp của nhiều quốc

¹⁰⁰Knox, J (2020), *The Human Right to a Healthy Environment: A Global Perspective*, Harvard University Press, Cambridge, MA, p.60.

¹⁰¹Rowan Cruft, S. Matthew Liao & Massimo Renzo (2015), *Philosophical Foundations of Human Rights*, Oxford University Press, pp.206-208.

gia ngày càng khẳng định tính bất khả xâm phạm của các quyền con người như là giá trị nền tảng của Nhà nước.

Ở Việt Nam, *quá trình nội luật hóa các quyền tự nhiên* đã được đẩy mạnh trong các lần sửa đổi Hiến pháp, nhất là Hiến pháp năm 2013, trong đó quy định rõ các quyền con người, quyền công dân, sự bảo đảm của Nhà nước, cùng với các nguyên tắc về giới hạn quyền dựa trên lợi ích quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội. Dù vậy, trên thực tế, việc thực thi vẫn đối mặt với những thách thức về nhận thức xã hội, năng lực tổ chức thực hiện, sự đồng bộ giữa luật chuyên ngành và các cam kết quốc tế.

Tóm lại, sự thay đổi trong tư duy về mối quan hệ giữa quyền tự nhiên và quyền pháp lý không chỉ là một cuộc tranh luận học thuật mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Nó thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để phản ánh đầy đủ hơn các giá trị nhân văn phổ quát, đảm bảo rằng các quyền con người được bảo đảm, bảo vệ không chỉ trên giấy tờ mà còn trong mọi khía cạnh của đời sống xã hội.

3.3. Xu hướng phát triển quyền kỹ thuật số (Digital Rights)

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông đã thúc đẩy sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của *quyền kỹ thuật số (Digital Rights)*. Đây là tập hợp các quyền con người được áp dụng trong môi trường số, bao gồm các quyền truyền thông như tự do ngôn luận, quyền riêng tư và quyền tiếp cận thông tin, nhưng được diễn giải và mở rộng để phù hợp với đặc thù của không gian mạng¹⁰². Quyền kỹ thuật số không chỉ là sự chuyển dịch của các quyền hiện có sang một không gian mới mà còn là sự phát sinh của những quyền mới hoàn toàn, đáp ứng các thách thức và cơ hội mà công nghệ mang lại.

1) Một trong những khía cạnh cốt lõi của quyền kỹ thuật số là quyền truy cập internet và công nghệ thông tin

¹⁰²Helsinki Foundation for Human Rights (2021), *Digital Rights: A Handbook*. Warsaw, Poland, p.10.

Internet ngày nay không chỉ là một công cụ giải trí mà đã trở thành một nền tảng thiết yếu để tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm và tham gia vào đời sống công cộng¹⁰³. *Quyền truy cập internet* hiện được nhiều học giả và tổ chức quốc tế xem là quyền cơ bản của con người trong xã hội hiện đại. Việc tiếp cận internet không chỉ giúp cá nhân tham gia vào đời sống thông tin, giáo dục, kinh tế mà còn góp phần thực hiện các quyền dân sự, chính trị khác như quyền tự do ngôn luận, quyền bầu cử, quyền tham gia quản lý xã hội¹⁰⁴. Đại hội đồng Liên Hợp quốc năm 2016 đã khẳng định “quyền truy cập internet là yếu tố hỗ trợ cho sự phát triển của các quyền con người khác”¹⁰⁵. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng cách số lớn giữa các khu vực và cộng đồng, đặt ra thách thức về tính công bằng trong việc thụ hưởng quyền này.

2) *Song song với quyền truy cập, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kỷ nguyên số là một vấn đề cấp bách*

Với việc dữ liệu cá nhân được thu thập, lưu trữ và xử lý hàng ngày bởi các tập đoàn công nghệ và Chính phủ, nguy cơ bị lạm dụng thông tin, giám sát hàng loạt hoặc phân biệt đối xử dựa trên dữ liệu là rất cao¹⁰⁶. Nhiều nước đã ban hành các luật bảo vệ dữ liệu cá nhân nghiêm ngặt như GDPR của EU, Luật Quyền riêng tư của Canada, Luật An ninh mạng của Việt Nam ra đời nhằm cân bằng giữa đổi mới công nghệ và quyền bảo vệ thông tin cá nhân. Mặc dù vậy, việc cân bằng giữa lợi ích an ninh, phát triển công nghệ và bảo vệ quyền riêng tư vẫn là một bài toán khó.

3) *Quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội và các nền tảng kỹ thuật số cũng là một trọng tâm*

Không gian mạng đã trở thành một diễn đàn quan trọng cho việc thể

¹⁰³United Nations General Assembly (2016), *The promotion, protection and enjoyment of human rights on the Internet*, A/HRC/32/L.20, p.50.

¹⁰⁴United Nations General Assembly (2022), Resolution 76/300: The Human Right to a Clean, Healthy and Sustainable Environment, pp.1-2.

¹⁰⁵United Nations (2015), *Paris Agreement*, pp.1-2.

¹⁰⁶Zuboff, S (2019), *The Age of Surveillance Capitalism: The Fight for a Human Future at the New Frontier of Power*, PublicAffairs, New York, p.120.

hiện ý kiến, trao đổi thông tin và tham gia vào các cuộc tranh luận công khai¹⁰⁷. Tuy nhiên, sự gia tăng của tin giả, thông tin độc hại và các hành vi thù địch trực tuyến cũng đặt ra câu hỏi về giới hạn của quyền tự do ngôn luận, cũng như trách nhiệm của các nền tảng số trong việc kiểm duyệt nội dung và bảo vệ người dùng. Các quốc gia đang phải cố gắng tìm kiếm sự cân bằng giữa việc bảo vệ quyền tự do biểu đạt và ngăn chặn những tác động tiêu cực của thông tin xấu độc.

4) Vấn đề kiểm duyệt và giám sát trực tuyến đang ngày càng trở nên phức tạp

Chính phủ có xu hướng áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với nội dung trực tuyến dưới danh nghĩa an ninh quốc gia hoặc ổn định xã hội, điều này tiềm ẩn nguy cơ hạn chế quyền truy cập thông tin và tự do ngôn luận của công dân. Giáo sư người Nga, И. В. Полякова, đã cảnh báo rằng việc lạm dụng công nghệ giám sát có thể dẫn đến sự xói mòn các quyền dân sự và chính trị, biến không gian số thành công cụ kiểm soát hơn là thúc đẩy tự do¹⁰⁸. Do đó, việc thiết lập các nguyên tắc rõ ràng, minh bạch và có giám sát đối với các hoạt động kiểm duyệt và giám sát là vô cùng cần thiết để bảo vệ quyền con người trong môi trường số.

Ở Việt Nam, cùng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, quyền kỹ thuật số đã được chú trọng thể chế hóa trong Luật An ninh mạng, Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, các chương trình chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, thách thức lớn vẫn là nâng cao nhận thức xã hội, hoàn thiện khung pháp lý.

Như vậy, quyền kỹ thuật số là một lĩnh vực phát triển năng động, phản ánh sự tương tác phức tạp giữa con người, công nghệ và pháp luật. Nó đòi hỏi một cách tiếp cận đa chiều để đảm bảo rằng các tiến bộ công nghệ thực sự

¹⁰⁷Shirky, C (2008), *Here Comes Everybody: The Power of Organizing Without Organizations*, Penguin Press, New York, p.70.

¹⁰⁸Полякова, И. В (2022), *Кибербезопасность и права человека: проблемы и перспективы*, Издательство “Юстицинформ”, Москва, с.210.

phục vụ cho sự phát triển của con người và thúc đẩy các quyền cơ bản, thay vì tạo ra những rào cản hay nguy cơ mới.

3.4. Xu hướng phát triển quyền môi trường và quyền khí hậu

Sự suy thoái môi trường toàn cầu và biến đổi khí hậu đang trở thành những thách thức cấp bách nhất đối với quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới, thúc đẩy sự hình thành và phát triển của *quyền môi trường* và *quyền khí hậu* như những lĩnh vực trọng tâm trong tư duy pháp lý và triết học về nhân quyền¹⁰⁹. Đây không chỉ là việc bảo vệ môi trường vì lợi ích của tự nhiên mà còn là sự thừa nhận rằng một môi trường trong lành, ổn định là điều kiện tiên quyết để con người thụ hưởng đầy đủ các quyền cơ bản khác.

1) Một bước tiến quan trọng là sự ghi nhận quyền được sống trong môi trường trong lành là một quyền con người cơ bản

Mặc dù khái niệm này đã được thảo luận trong nhiều thập kỷ, nhưng gần đây, nó đã đạt được sự công nhận chính thức ở cấp độ quốc tế. Điển hình là Nghị quyết 48/13 của Hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc vào tháng 10 năm 2021 và sau đó là Nghị quyết 76/300 của Đại hội đồng Liên Hợp quốc vào tháng 7 năm 2022 đã chính thức công nhận *quyền có một môi trường sạch, lành mạnh và bền vững là một quyền con người phổ quát*¹¹⁰. Sự công nhận này là nền tảng pháp lý quan trọng, cho phép các cá nhân và cộng đồng yêu cầu Nhà nước và các tác nhân khác thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, đồng thời mở ra cánh cửa cho các vụ kiện về quyền môi trường tại các tòa án quốc gia và quốc tế¹¹¹.

2) Trách nhiệm của Nhà nước và doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường là một khía cạnh trung tâm của quyền môi trường

Nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ, tôn trọng và thực hiện quyền môi trường của con người, công dân, bao gồm việc ban hành pháp luật, chính sách để

¹⁰⁹Potočnik, J (2020), *The New Green Deal and Human Rights*, European Environmental Law Review, Vol. 29, No.1, p.15.

¹¹⁰United Nations General Assembly (2022), *The human right to a clean, healthy and sustainable environment*, Resolution A/RES/76/300, p.1.

¹¹¹Knox, J. H (2018), *Climate Change and Human Rights*, Annual Review of Law and Social Science, Vol. 14, p.70.

kiểm soát ô nhiễm, quản lý tài nguyên bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu¹¹². Các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia, cũng phải chịu trách nhiệm về tác động môi trường của hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế và thực hiện các biện pháp giảm thiểu thiệt hại. Khuôn khổ “Bảo vệ, tôn trọng và khắc phục” của Liên Hợp quốc đã cung cấp các nguyên tắc hướng dẫn cho trách nhiệm của doanh nghiệp đối với quyền con người, bao gồm cả quyền môi trường¹¹³.

3) Quyền được thông tin, tham gia và tiếp cận công lý trong các vấn đề môi trường là những yếu tố then chốt để bảo đảm quyền môi trường được thực thi hiệu quả

Công ước Aarhus (1998) là một ví dụ điển hình cho việc củng cố các quyền này, yêu cầu các quốc gia phải cung cấp thông tin môi trường đầy đủ, tạo điều kiện cho công chúng tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến môi trường và bảo đảm quyền tiếp cận công lý khi các quyền môi trường bị vi phạm¹¹⁴. Việc bảo đảm các quyền này giúp người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng có tiếng nói và khả năng bảo vệ lợi ích của mình trước các dự án phát triển hoặc chính sách có hại cho môi trường.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 cũng đã ghi nhận quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường¹¹⁵, thể hiện sự nhất quán với xu hướng quốc tế. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa quyền này thành các cơ chế pháp lý hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh phát triển kinh tế nhanh chóng và áp lực từ biến đổi khí hậu, vẫn là một thách thức lớn. Việc áp dụng tư duy mới về quyền môi trường và quyền khí hậu đòi hỏi sự phối hợp liên ngành, nâng cao năng lực thực thi pháp luật và tăng cường nhận thức cộng

¹¹²Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2021), *Framework Principles on Human Rights and the Environment*. Geneva, p.120.

¹¹³United Nations Human Rights Office (2011), *Guiding Principles on Business and Human Rights: Implementing the United Nations “Protect, Respect and Remedy” Framework*, New York and Geneva, p.20.

¹¹⁴United Nations Economic Commission for Europe (1998), *Convention on Access to Information, Public Participation in Decision-making and Access to Justice in Environmental Matters (Aarhus Convention)*, Article 1, p.10.

¹¹⁵Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Điều 43 và Điều 63.

đồng để đảm bảo rằng phát triển không đánh đổi bằng môi trường và sức khỏe con người. Học giả người Nga, B.B. Петров, đã nhấn mạnh rằng việc xây dựng một hệ thống pháp luật môi trường mạnh mẽ và hiệu quả là yếu tố sống còn để bảo vệ các thể hệ hiện tại và tương lai trước các thảm họa sinh thái¹¹⁶.

3.5. Xu hướng phát triển quyền của các nhóm dễ bị tổn thương và thiểu số

Trong bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới, nhận thức về *quyền của các nhóm dễ bị tổn thương và thiểu số* cần phải có những bước tiến đáng kể, không chỉ ở cấp độ quốc gia mà còn trên phạm vi quốc tế. Sự trỗi dậy của các phong trào xã hội và việc mở rộng các khuôn khổ pháp lý đã thúc đẩy sự công nhận rằng việc bảo vệ quyền con người phải bao trùm tất cả mọi người, đặc biệt là những đối tượng thường xuyên chịu thiệt thòi hoặc bị gạt ra ngoài lề xã hội¹¹⁷. Điều này đòi hỏi các quốc gia phải có những chính sách đặc thù và hành động khẳng định nhằm đảm bảo sự bình đẳng thực chất.

1) Một trong những trọng tâm hàng đầu là tăng cường bảo vệ quyền của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người già

Phụ nữ, dù chiếm một nửa dân số thế giới, vẫn đối mặt với nhiều hình thức phân biệt đối xử và bạo lực, từ bất bình đẳng trong giáo dục, việc làm đến bạo lực gia đình và buôn bán người¹¹⁸. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) là công cụ pháp lý quốc tế quan trọng nhằm thúc đẩy bình đẳng giới¹¹⁹. Tương tự, trẻ em, với tư cách là những đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt, có các quyền được sống, được phát triển, được bảo vệ khỏi bóc lột và bạo lực, được quy định chi tiết trong Công ước về Quyền trẻ em (CRC)¹²⁰. Người khuyết tật và người già cũng cần những chính sách đặc thù để đảm bảo quyền tiếp cận, hòa nhập xã hội và được hưởng đầy

¹¹⁶Petrov, B.B (2017), *Экологическое право России: Учебник*, Юридическая литература Москва, с.180.

¹¹⁷United Nations Human Rights Office (2020), *Protecting the Rights of Vulnerable Groups*, Geneva, p.10.

¹¹⁸UN Women (2023), *Progress on the Sustainable Development Goals: The Gender Snapshot 2023*, New York, p.45.

¹¹⁹United Nations (1979), *Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women (CEDAW)*, General Assembly Resolution 34/180, Preamble, p.10.

¹²⁰United Nations (1989), *Convention on the Rights of the Child (CRC)*, General Assembly Resolution 44/25, Preamble, p.5.

đủ các dịch vụ cơ bản mà không bị phân biệt đối xử¹²¹.

2) Quyền của người di cư, người tị nạn và người không quốc tịch cũng đang là vấn đề được quan tâm sâu sắc

Do các cuộc xung đột, khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu và tìm kiếm cơ hội, số lượng người di cư và tị nạn trên toàn cầu không ngừng tăng lên, đặt ra thách thức lớn cho cộng đồng quốc tế¹²². Việc đảm bảo các quyền cơ bản của họ như quyền được đối xử nhân đạo, quyền tiếp cận nơi ở, y tế, giáo dục và quyền không bị trả về nơi có nguy cơ đe dọa đến tính mạng là trách nhiệm chung của các quốc gia¹²³. Người không quốc tịch, do thiếu giấy tờ hợp pháp, thường bị tước đoạt nhiều quyền cơ bản, đòi hỏi những nỗ lực pháp lý và hành chính để giải quyết tình trạng này.

3) Sự công nhận và bảo vệ quyền của người bản địa và các nhóm thiểu số khác là một xu hướng quan trọng khác

Các cộng đồng người bản địa, với bản sắc văn hóa và cách sống đặc trưng, thường xuyên đối mặt với nguy cơ mất đất đai truyền thống, bị phân biệt đối xử và bị tước quyền tự quyết¹²⁴. Tuyên bố của Liên Hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa (UNDRIP) đã khẳng định các quyền của họ, bao gồm quyền tự quyết, quyền đất đai và tài nguyên, quyền bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ¹²⁵. Việt Nam cũng có những nỗ lực trong việc bảo vệ quyền của các dân tộc thiểu số thông qua chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

4) Phát triển các quyền liên quan đến bản dạng giới và xu hướng tính dục (LGBTQ+) là một dấu ấn nổi bật trong tư duy hiện đại về quyền con người

Cộng đồng LGBTQ+ trên toàn cầu đang ngày càng đấu tranh mạnh mẽ

¹²¹United Nations (2006), *Convention on the Rights of Persons with Disabilities (CRPD)*, General Assembly Resolution 61/106, Article 5, p.70.

¹²²UNHCR (2024), *Global Trends: Forced Displacement in 2023*, Geneva, p.30.

¹²³United Nations (1951), *Convention Relating to the Status of Refugees*, Article 3, p.15.

¹²⁴Anaya, S. J (2004), *Indigenous Peoples in International Law*, 2nd ed. Oxford University Press, Oxford, p.60.

¹²⁵United Nations (2007), *United Nations Declaration on the Rights of Indigenous Peoples (UNDRIP)*, General Assembly Resolution 61/295, Article 3, p.5.

hơn để được công nhận quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới¹²⁶. Nhiều quốc gia đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới, thông qua luật chống phân biệt đối xử và bảo vệ quyền chuyển đổi giới tính, thể hiện sự mở rộng nhận thức về sự đa dạng của con người và các hình thức biểu đạt giới tính¹²⁷. Giáo sư người Nga, E.B. Гриценко, đã chỉ ra rằng việc bảo vệ quyền của các nhóm thiểu số không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là thước đo văn minh của một xã hội, đòi hỏi sự dũng cảm về chính trị và sự thay đổi trong nhận thức cộng đồng¹²⁸.

Ở Việt Nam, những năm gần đây đã có nhiều cải thiện về thể chế, chính sách nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền của các nhóm dễ tổn thương: sửa đổi Bộ luật Lao động (2019), Luật Trẻ em (2016), Luật Người khuyết tật (2010), quy định về quyền của phụ nữ và trẻ em gái, đề án bảo vệ quyền LGBT... Tuy nhiên, thách thức vẫn còn lớn về nhận thức xã hội, thực thi pháp luật, chống phân biệt đối xử và đảm bảo sự tham gia thực chất của các nhóm này vào quá trình xây dựng chính sách và phát triển quốc gia.

Tóm lại, việc bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương và thiểu số không chỉ là một yêu cầu đạo đức mà còn là một nguyên tắc cơ bản của quyền con người hiện đại. Nó đòi hỏi các quốc gia phải vượt qua những định kiến cũ, xây dựng các khuôn khổ pháp lý và chính sách đặc thù để đảm bảo rằng không một cá nhân hay cộng đồng nào bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển.

3.6. Xu hướng phát triển quyền phát triển và quyền thế hệ thứ ba

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức của kỷ nguyên phát triển mới, nhận thức về *quyền phát triển và các quyền thế hệ thứ ba* đang

¹²⁶Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2022), *Guidance on the protection of the human rights of lesbian, gay, bisexual, transgender, queer and intersex people*, New York and Geneva, p.20.

¹²⁷LGA (2023), *State-Sponsored Homophobia: Global Legislation Overview Update*, Geneva, p.100.

¹²⁸Гриценко, Е.В (2021), *Правовые аспекты защиты прав меньшинств в современном мире*, Издательство “Норма”, Москва, с.175.

ngày càng trở nên sâu sắc và toàn diện hơn. Đây là những quyền mang tính tập thể, liên đới, phản ánh khát vọng về một trật tự thế giới công bằng hơn và sự thừa nhận rằng sự thịnh vượng cá nhân không thể tách rời khỏi sự phát triển chung của cộng đồng và nhân loại¹²⁹.

1) Quyền phát triển

Quyền phát triển là một trong những quyền thế hệ thứ ba nổi bật nhất, được chính thức công nhận trong Tuyên bố về quyền phát triển của Liên Hợp quốc năm 1986¹³⁰. Quyền này khẳng định rằng mỗi cá nhân và mọi dân tộc đều có quyền tham gia, đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị, trong đó tất cả các quyền con người và các quyền tự do cơ bản đều có thể được thực hiện đầy đủ¹³¹. Quyền phát triển nhấn mạnh tính không thể chia cắt và phụ thuộc lẫn nhau của các quyền, đồng thời đặt ra trách nhiệm cho cả các quốc gia và cộng đồng quốc tế trong việc tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển toàn diện, bền vững¹³². Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, quyền phát triển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, định hướng cho các chính sách xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo công bằng xã hội.

2) Quyền thế hệ thứ ba

Bên cạnh quyền phát triển, các *quyền thế hệ thứ ba* còn bao gồm nhiều khái niệm quan trọng khác, phản ánh những mối quan tâm toàn cầu mới. *Quyền hòa bình* là một ví dụ điển hình, nhấn mạnh quyền của cá nhân và tập thể được sống trong một môi trường hòa bình, không có chiến tranh và bạo lực¹³³. Điều này đặt ra trách nhiệm cho các quốc gia trong việc giải quyết

¹²⁹ Alston, P (2018), *The Right to Development at 30: A Time for Reckoning*, Human Rights Quarterly, Vol. 40, No. 1, p.10.

¹³⁰ United Nations (1986), *Declaration on the Right to Development*, General Assembly Resolution 41/128, Preamble, p.1.

¹³¹ UNDP (2020), *Human Development Report 2020: The Next Frontier - Human Development and the Anthropocene*, New York, p.35.

¹³² UN Human Rights Office (2019), *The Right to Development: A Primer*, Geneva, p.80.

¹³³ Klabbbers, J (2018), *The Concept of Law in International Relations*, Cambridge University Press, Cambridge, p.60.

xung đột bằng các biện pháp hòa bình và thúc đẩy giải trừ quân bị. Tương tự, *quyền tự quyết* không chỉ giới hạn ở việc các dân tộc tự do lựa chọn chế độ chính trị mà còn mở rộng ra quyền kiểm soát tài nguyên thiên nhiên, quyền phát triển kinh tế và văn hóa của mình¹³⁴.

3) *Quyền liên thế hệ*

Một xu hướng đáng chú ý khác là sự phát triển của khái niệm về quyền liên thế hệ (intergenerational rights). Đây là một khuôn khổ mới nhìn nhận rằng các thế hệ hiện tại có nghĩa vụ đạo đức và pháp lý đối với các thế hệ tương lai, đặc biệt là trong việc bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo tính bền vững của sự phát triển¹³⁵. Quyền liên thế hệ phản ánh nhận thức sâu sắc về những hậu quả lâu dài của các quyết định hiện tại đối với cuộc sống của những người chưa ra đời, thúc đẩy tư duy về trách nhiệm toàn cầu và liên thời gian trong việc bảo vệ quyền con người¹³⁶. Việc này đòi hỏi các chính sách phát triển phải có tầm nhìn dài hạn, cân nhắc kỹ lưỡng tác động của các hoạt động kinh tế, xã hội đến nguồn lực và môi trường sống của con cháu mai sau. Học giả người Nga, Л. М. ЭНТИН, đã phân tích rằng các quyền thế hệ thứ ba, với tính chất liên đới và phổ quát, là minh chứng cho sự phát triển của luật pháp quốc tế về quyền con người, phản ánh sự trưởng thành của cộng đồng quốc tế trong việc đối mặt với các vấn đề toàn cầu như hòa bình, phát triển và môi trường¹³⁷.

Ở Việt Nam, quyền phát triển và quyền thế hệ thứ ba ngày càng được nhấn mạnh trong các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, lồng ghép với các mục tiêu SDGs, chiến lược tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn di sản. Hiến pháp

¹³⁴Hannum, H (1990), *Autonomy, Sovereignty, and Self-Determination: The Accommodation of Conflicting Rights*, University of Pennsylvania Press, Philadelphia, p.120.

¹³⁵Brown Weiss, E (1989), *In Fairness to Future Generations: International Law, Common Patrimony, and Intergenerational Equity*, Transnational Publishers, Ardsley, NY, p.50.

¹³⁶IUCN (2020), *Intergenerational Equity and Climate Justice: An Introduction*, Gland, Switzerland, p.145.

¹³⁷ЭНТИН, Л. М (2022), *Международные права человека: Учебник для вузов*, Издательство “Норма”, Москва, с.190.

2013 và nhiều đạo luật đã xác lập các nguyên tắc công bằng, đoàn kết, hợp tác quốc tế, đảm bảo lợi ích lâu dài cho các thế hệ mai sau. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị phát triển, thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế để quyền phát triển thực sự trở thành động lực cho một xã hội công bằng, bao trùm, bền vững.

Như vậy, quyền phát triển và các quyền thế hệ thứ ba đại diện cho một bước tiến quan trọng trong tư duy, nhận thức về quyền con người, chuyển từ tập trung vào cá nhân sang nhấn mạnh vai trò của cộng đồng và các mối quan hệ liên kết toàn cầu. Việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền này là chìa khóa để xây dựng một thế giới công bằng, hòa bình và bền vững cho tất cả mọi người, không chỉ trong hiện tại mà còn cho các thế hệ tương lai.

3.7. Xu hướng về phụ thuộc lẫn nhau, sự giao thoa giữa các quyền

Một trong những nhận thức cốt lõi và ngày càng được củng cố trong tư duy hiện đại về quyền con người là *tính không thể tách rời, liên hệ mật thiết, sự giao thoa và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quyền*. Thay vì xem xét các quyền một cách riêng lẻ hoặc theo từng “thế hệ” độc lập (dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, liên đới), cách tiếp cận mới nhấn mạnh rằng việc thụ hưởng đầy đủ một quyền thường phụ thuộc vào việc thực hiện các quyền khác, và ngược lại, vi phạm một quyền có thể kéo theo sự suy giảm của nhiều quyền khác.

Tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các quyền được thể hiện rõ nét qua mối liên hệ giữa các nhóm quyền khác nhau. Ví dụ, *quyền được giáo dục* không chỉ là một quyền riêng lẻ mà còn là chìa khóa để mở ra nhiều quyền khác. Một cá nhân được tiếp cận giáo dục chất lượng sẽ có cơ hội tốt hơn để thụ hưởng *quyền được làm việc* và có thu nhập ổn định, qua đó đảm bảo *quyền có mức sống đủ cho bản thân và gia đình*. Ngược lại, nếu quyền được giáo dục bị hạn chế, các quyền kinh tế và xã hội khác cũng sẽ khó được thực hiện đầy đủ, dẫn đến vòng luẩn quẩn của nghèo đói và bất bình đẳng.

Tương tự, *quyền được chăm sóc sức khỏe* có mối liên hệ mật thiết với nhiều quyền khác. Trong bối cảnh đại dịch toàn cầu, việc thiếu tiếp cận dịch vụ y tế hoặc vắc-xin không chỉ xâm phạm quyền sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến *quyền tự do đi lại, quyền làm việc*, thậm chí là *quyền được sống*. Để đảm bảo quyền sức khỏe, cần có một hệ thống y tế công cộng vững mạnh (liên quan đến quyền phát triển), thông tin minh bạch (liên quan đến quyền thông tin) và không phân biệt đối xử trong tiếp cận dịch vụ (liên quan đến quyền bình đẳng).

Khía cạnh *quyền môi trường và quyền khí hậu* cũng minh họa rõ ràng tính giao thoa này. Việc không được sống trong môi trường trong lành (vi phạm quyền môi trường) trực tiếp ảnh hưởng đến *quyền sức khỏe* (do ô nhiễm), *quyền được sống* (do thiên tai), và thậm chí là *quyền có nơi ở* (do biến đổi khí hậu gây di dời). Điều này thúc đẩy tư duy rằng các quyền không tồn tại biệt lập mà là một mạng lưới phức tạp, nơi sự suy yếu của một nút có thể làm suy yếu toàn bộ mạng lưới.

Học giả người Nga, Л.А. Морозова, đã khẳng định rằng: “Sự phát triển của luật quốc tế về quyền con người đã xác nhận tính không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các quyền. Việc thực hiện một nhóm quyền là không thể thiếu đối với việc thực hiện đầy đủ các nhóm quyền khác”¹³⁸. Quan điểm này đã trở thành một nguyên tắc nền tảng của hệ thống quyền con người quốc tế hiện đại, được ghi nhận trong Tuyên bố Viên và Chương trình hành động (1993)¹³⁹.

Ở Việt Nam, quan điểm “các quyền con người là không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau” đã được khẳng định trong Hiến pháp 2013, các báo cáo quốc gia về nhân quyền, cũng như trong tiến trình xây dựng, thực thi chính

¹³⁸Морозова, Л.А (2020), *Теория государства и права: Учебник*, Юридическая литература, Москва, с.180.

¹³⁹United Nations (1993), *Vienna Declaration and Programme of Action*, World Conference on Human Rights, Part I, para. 5, p.5.

sách phát triển bền vững. Việc lồng ghép quyền con người vào mọi lĩnh vực: giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, được xem là phương thức nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền cho toàn xã hội, tạo nền tảng cho phát triển hài hòa, bao trùm và bền vững. Top of Form Bottom of Form Việc nhận thức sâu sắc tính giao thoa và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quyền là điều kiện tiên quyết để xây dựng một hệ thống pháp luật và chính sách quyền con người toàn diện, hiệu quả. Thay vì tiếp cận theo kiểu “cắt khúc” từng quyền, cần có một chiến lược tích hợp, đảm bảo rằng các nỗ lực thúc đẩy một quyền sẽ đồng thời hỗ trợ cho việc thực hiện các quyền khác, từ đó tạo ra một môi trường thuận lợi nhất cho việc thụ hưởng đầy đủ quyền con người của mọi công dân.

4. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Trên cơ sở phân tích nội dung của hai mục nói trên, mục này sẽ tập trung vào bối cảnh Việt Nam, xác định những thách thức và cơ hội trong việc thích ứng với các xu hướng phát triển quyền con người trên phạm vi toàn cầu. Những vấn đề đặt ra bao gồm thách thức và cơ hội, định hướng phát triển. Ở đây, do giới hạn của bài viết, chúng tôi chỉ phân tích thách thức và cơ hội, định hướng phát triển trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người¹⁴⁰.

4.1. Thách thức trong nghiên cứu quyền con người

Trong kỷ nguyên phát triển mới, mặc dù nhận thức về quyền con người ngày càng sâu sắc, *việc nghiên cứu quyền con người ở Việt Nam* vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Những thách thức này không chỉ liên quan đến năng lực nội tại mà còn xuất phát từ bối cảnh phức tạp của các xu hướng toàn cầu, đòi hỏi một sự đầu tư nghiêm túc và định hướng chiến lược.

¹⁴⁰Xem: Võ Khánh Vinh (2025), *Nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.565-567.

***Thứ nhất,** một trong những trở ngại lớn nhất là thiếu hụt nguồn lực (tài chính, nhân lực) và chuyên gia chuyên sâu trong các lĩnh vực mới nổi của quyền con người*

Các vấn đề như quyền kỹ thuật số, quyền môi trường/khí hậu, hay mối quan hệ phức tạp giữa quyền tự nhiên và quyền pháp lý đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu rộng về công nghệ, khoa học môi trường, triết học và luật học quốc tế¹⁴¹. Việt Nam hiện chưa có đủ đội ngũ nhà nghiên cứu được đào tạo bài bản, có khả năng tiếp cận và phân tích những vấn đề này một cách chuyên sâu, đặc biệt là những chuyên gia có khả năng làm việc với các ngôn ngữ học thuật quốc tế để tiếp cận các nghiên cứu từ khối nước này. Sự thiếu hụt này làm chậm quá trình nắm bắt và thích nghi với các xu hướng lý luận và thực tiễn mới nhất trên thế giới.

***Thứ hai,** việc hạn chế về dữ liệu, thông tin và khả năng tiếp cận các nghiên cứu quốc tế cũng là một thách thức không nhỏ*

Mặc dù thông tin trực tuyến ngày càng phong phú, việc tiếp cận các cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế uy tín, các tạp chí chuyên ngành, hay các báo cáo nghiên cứu độc lập chuyên sâu vẫn còn khó khăn đối với nhiều nhà nghiên cứu trong nước. Điều này cản trở việc cập nhật kiến thức, so sánh đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế và tiến hành các nghiên cứu mang tính đột phá. Đồng thời, dữ liệu về thực trạng quyền con người trong nước đôi khi chưa đầy đủ, thiếu tính hệ thống hoặc khó tiếp cận, gây khó khăn cho việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp chính sách hiệu quả.

***Thứ ba,** tồn tại một khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu*

Nhiều nghiên cứu có xu hướng tập trung vào việc diễn giải các văn bản pháp luật hoặc lý thuyết chung mà ít đi sâu vào phân tích các vụ việc cụ thể, đánh giá tác động của chính sách hoặc đề xuất các giải pháp khả thi cho các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Điều này làm giảm tính ứng dụng của các nghiên cứu khoa học vào công tác hoạch định chính sách và giải quyết các

¹⁴¹Human Rights Watch (2023), *Challenges in Digital Rights Research in Southeast Asia*, New York, p.70.

vấn đề quyền con người đặt ra trong xã hội.

Thứ tư, nhu cầu về cách tiếp cận đa ngành, liên ngành và tích hợp trong nghiên cứu đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết

Các vấn đề về quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới thường có tính phức tạp cao, không thể giải quyết chỉ bằng một lĩnh vực khoa học đơn lẻ. Chẳng hạn, nghiên cứu về quyền kỹ thuật số đòi hỏi sự kết hợp kiến thức luật học, công nghệ thông tin, xã hội học và đạo đức học. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp liên ngành trong nghiên cứu ở Việt Nam còn hạn chế, các nhà khoa học thường làm việc trong khuôn khổ chuyên môn hẹp, chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh, đa ngành để giải quyết các vấn đề phức hợp. Trong kỷ nguyên của những thách thức toàn cầu, sự phát triển của khoa học pháp lý không thể thiếu cách tiếp cận liên ngành, tích hợp, đặc biệt trong lĩnh vực quyền con người, nơi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, công nghệ đều tác động mạnh mẽ, hoà quyện lẫn nhau.

Ở Việt Nam, các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức xã hội đã bước đầu quan tâm tới nghiên cứu đa ngành, liên ngành về quyền con người, song vẫn còn thiếu sự liên kết, thiếu cơ chế phối hợp chia sẻ nguồn lực, thiếu chính sách đãi ngộ chuyên gia và đầu tư dài hạn cho các chương trình nghiên cứu trọng điểm. Để khắc phục, cần hoàn thiện hệ thống dữ liệu mở về quyền con người, tăng ngân sách và hợp tác quốc tế, phát triển đội ngũ chuyên gia liên ngành và gắn nghiên cứu lý luận chặt chẽ hơn với thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước¹⁴².

Để vượt qua những thách thức này, Việt Nam cần có những chiến lược dài hạn về đầu tư cho nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao¹⁴³, tăng cường hợp tác quốc tế và xây dựng các cơ chế khuyến

¹⁴²Xem: Võ Khánh Vinh (2025), *Luật học và phương pháp luận nghiên cứu luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.162-177; Võ Khánh Vinh, Đỗ Thị Kim Định (2023), “Hiện đại hoá tiếp cận nghiên cứu và đào tạo quyền con người - bước đầu tiếp cận văn hoá học về quyền con người”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, 6 (35).

¹⁴³Xem: Võ Khánh Vinh (2025), *Nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực*, Hà Nội, tr.734-737; và 756-760.

khích nghiên cứu liên ngành, gắn lý luận với thực tiễn.

4.2. Thách thức trong giáo dục quyền con người

Bên cạnh những thách thức trong nghiên cứu, công tác *giáo dục quyền con người* ở Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều rào cản đáng kể trong kỷ nguyên phát triển mới. Để nâng cao nhận thức và xây dựng văn hóa tôn trọng quyền con người, việc khắc phục những hạn chế này là vô cùng cần thiết.

Thứ nhất, một thách thức lớn là cần đổi mới chương trình, giáo trình để cập nhật các xu hướng mới

Các nội dung giáo dục về quyền con người đôi khi còn mang tính truyền thống, chưa tích hợp đầy đủ các vấn đề mới nổi như quyền kỹ thuật số, quyền môi trường/khí hậu, quyền của các nhóm LGBTQ+ hay những vấn đề phức tạp của di cư và bất bình đẳng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc chậm cập nhật khiến người học thiếu kiến thức về các thách thức hiện đại và các công cụ pháp lý quốc tế mới, làm giảm tính thời sự và hiệu quả của các chương trình giáo dục.

Thứ hai, thiếu hụt đội ngũ giảng viên, giáo viên có chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tiễn là một rào cản đáng kể

Để giảng dạy hiệu quả về quyền con người, không chỉ cần nắm vững lý thuyết mà còn phải có khả năng phân tích các vụ việc thực tiễn, cập nhật các án lệ quốc tế và có kinh nghiệm thực hành bảo vệ quyền con người¹⁴⁴. Tuy nhiên, nhiều cơ sở giáo dục vẫn thiếu giảng viên được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực mới, hoặc các giáo viên chưa có đủ cơ hội tiếp cận với thực tiễn bảo vệ quyền con người trong và ngoài nước¹⁴⁵. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và khả năng truyền cảm hứng cho người học.

Thứ ba, hạn chế về phương pháp giảng dạy cũng là một điểm cần khắc phục

Giáo dục quyền con người đôi khi còn nặng về lý thuyết, chú trọng

¹⁴⁴ Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2020), *Training Guide on Human Rights Education*, Geneva, p.70.

¹⁴⁵ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân và các môn liên quan đến quyền con người*, Hà Nội, tr.95.

truyền đạt kiến thức thuần túy mà ít gắn với thực tiễn và kỹ năng thực hành. Việc thiếu các phương pháp giảng dạy tương tác, các hoạt động thực tế, hay nghiên cứu tình huống cụ thể làm cho nội dung trở nên khô khan, khó tiếp thu và khó áp dụng vào đời sống. Việc áp dụng các phương pháp giáo dục hiện đại, chú trọng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, là cần thiết để trang bị cho người học năng lực bảo vệ quyền của bản thân và người khác.

Thứ tư, tư duy và nhận thức về quyền con người trong một bộ phận người dân còn chưa đầy đủ, thiếu sót

Một số định kiến xã hội, cách tiếp cận hẹp hòi hoặc sự thiếu hiểu biết về bản chất phổ quát, không thể tách rời của quyền con người vẫn còn tồn tại. Điều này thể hiện qua việc chưa nhận thức đầy đủ về quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, hoặc chưa hiểu đúng về giới hạn của quyền trong mối quan hệ với nghĩa vụ và lợi ích cộng đồng. Việc này đòi hỏi các chương trình giáo dục phải có chiến lược truyền thông và phổ biến rộng rãi, phù hợp với từng đối tượng.

Thứ năm, một vấn đề lớn là làm thế nào để truyền tải thông điệp quyền con người một cách hiệu quả và phù hợp với văn hóa, bối cảnh Việt Nam

Trong khi các nguyên tắc quyền con người là phổ quát, cách thức trình bày và giáo dục cần được “bản địa hóa” để dễ tiếp nhận và thực thi. Việc tìm ra ngôn ngữ, hình ảnh và ví dụ phù hợp, tránh xa các thuật ngữ trừu tượng hoặc các mô hình áp đặt từ bên ngoài, là thách thức không nhỏ để quyền con người thực sự đi vào đời sống. Cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp các nguyên tắc phổ quát của quyền con người vào bối cảnh văn hóa và pháp lý đặc thù của mỗi quốc gia, để đảm bảo tính khả thi và bền vững của giáo dục.

Ở Việt Nam, mặc dù chương trình giáo dục quyền con người đã được lồng ghép trong giáo dục công dân, pháp luật và một số chương trình đại học, nhưng còn thiếu sự nhất quán, cập nhật và tích hợp liên ngành. Đội ngũ giảng viên chuyên sâu còn ít, phương pháp chủ yếu dựa vào truyền đạt kiến thức, ít ứng dụng công nghệ, mô phỏng thực tiễn hay kết nối với các tổ chức xã hội. Để nâng cao hiệu quả, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng giảng viên chuyên ngành, đổi mới phương pháp, đầu tư giáo trình hiện đại, đẩy mạnh truyền

thông, phổ biến về quyền con người trên các nền tảng số, đồng thời khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội vào quá trình giáo dục nhân quyền. Vượt qua những thách thức này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, các tổ chức giáo dục, cộng đồng và xã hội dân sự, nhằm xây dựng một hệ thống giáo dục quyền con người toàn diện, năng động và hiệu quả, góp phần kiến tạo một xã hội công bằng và nhân văn hơn.

4.3. Cơ hội và định hướng phát triển

Trong bối cảnh những thách thức đặt ra cho nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới, cũng chính là lúc xuất hiện những *cơ hội và định hướng phát triển* quan trọng. Việc tận dụng hiệu quả các yếu tố thuận lợi sẽ giúp Việt Nam không chỉ vượt qua khó khăn mà còn vươn lên trở thành một điểm sáng trong khu vực về công tác quyền con người¹⁴⁶.

***Thứ nhất,** tận dụng hội nhập quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận tri thức mới là cơ hội vàng*

Việt Nam là thành viên của nhiều công ước quốc tế về quyền con người và đang tích cực tham gia các diễn đàn khu vực, toàn cầu. Điều này mở ra cánh cửa cho các nhà nghiên cứu và giáo dục quyền con người tiếp cận các báo cáo, nghiên cứu, án lệ và mô hình giáo dục tiên tiến từ các quốc gia và tổ chức quốc tế có kinh nghiệm. Việc tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài, tổ chức phi chính phủ quốc tế sẽ giúp Việt Nam nhanh chóng cập nhật kiến thức, phương pháp và công nghệ mới trong lĩnh vực quyền con người.

***Thứ hai,** cần tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà nghiên cứu có năng lực*

Đây là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng nghiên cứu và giáo dục quyền con người. Định hướng là đầu tư vào các chương trình đào tạo chuyên sâu (bao gồm cả đào tạo sau đại học ở nước ngoài), tổ chức các khóa bồi

¹⁴⁶Bộ Ngoại giao Việt Nam (2023), *Báo cáo quốc gia về tình hình thực thi quyền con người ở Việt Nam*, Hà Nội, tr.10.

duỡng ngắn hạn về các lĩnh vực quyền con người mới nổi (như quyền kỹ thuật số, quyền môi trường, quyền của các nhóm thiểu số). Khuyến khích các nhà khoa học trẻ tham gia các dự án nghiên cứu quốc tế, cũng như tạo điều kiện để họ tiếp cận và ứng dụng các công trình nghiên cứu của các học giả hàng đầu thế giới, bao gồm cả những đóng góp từ các trường phái học thuật Nga về lý luận nhà nước và pháp luật.

***Thứ ba,** cần đầu tư vào hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu cho nghiên cứu*

Xây dựng và nâng cấp các thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền con người, cho phép truy cập dễ dàng vào các tài liệu, báo cáo và công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý dữ liệu, phân tích xu hướng và phổ biến kết quả nghiên cứu sẽ tăng cường hiệu quả và tính minh bạch của công tác này.

***Thứ tư,** đổi mới phương pháp và nội dung giáo dục, lồng ghép quyền con người vào các cấp học là định hướng quan trọng để nâng cao nhận thức cộng đồng từ sớm*

Chương trình giáo dục cần được rà soát, cập nhật để phản ánh các xu hướng mới về quyền con người, sử dụng các phương pháp giảng dạy tương tác, sinh động, gắn lý thuyết với thực tiễn. Việc lồng ghép các bài học về quyền con người vào các môn học khác, từ bậc phổ thông đến đại học, sẽ giúp hình thành tư duy và thái độ tôn trọng quyền con người một cách tự nhiên và bền vững.

***Thứ năm,** nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền con người thông qua các hoạt động truyền thông, phổ biến pháp luật là giải pháp lâu dài*

Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông (báo chí, truyền hình, mạng xã hội) để phổ biến kiến thức về quyền con người một cách dễ hiểu, phù hợp với từng đối tượng. Thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng và các cá nhân có ảnh hưởng vào quá trình nghiên cứu và giáo dục quyền con người, tạo ra một môi trường mở để đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm. Việc

này sẽ góp phần xây dựng một nền văn hóa pháp quyền, nơi mỗi công dân đều hiểu và tôn trọng các quyền của mình và của người khác.

Thứ sáu, vai trò tổ chức xã hội ngày càng quan trọng trong nghiên cứu, giám sát, phản biện chính sách và bảo vệ quyền con người

Các tổ chức xã hội góp phần kết nối tiếng nói của cộng đồng, hỗ trợ nhóm yếu thế, thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình của các chủ thể nhà nước, doanh nghiệp. Thực tiễn ở nhiều quốc gia và tại Việt Nam đã ghi nhận các sáng kiến xã hội, dự án phi lợi nhuận, phong trào vận động cộng đồng đóng vai trò tích cực trong thúc đẩy công lý xã hội, xây dựng hệ sinh thái nhân quyền toàn diện¹⁴⁷.

Khi kết hợp tổng hòa các yếu tố này, Việt Nam có thể chủ động nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức và định hình một tương lai nơi quyền con người được bảo đảm vững chắc, đóng góp vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

5. KẾT LUẬN

1. Trong kỷ nguyên phát triển mới, với những biến chuyển sâu rộng của toàn cầu hóa, cách mạng công nghệ 4.0 và sự trỗi dậy của các vấn đề xã hội phức tạp, *tư duy và nhận thức về quyền con người* đã và đang được định hình lại một cách căn bản. Báo cáo đã phân tích các yếu tố chính tác động đến sự thay đổi này, bao gồm sự gia tăng kết nối quốc tế, những đột phá công nghệ, thách thức từ biến đổi khí hậu, sự xuất hiện của các vấn đề xã hội mới như bất bình đẳng và di cư, cùng với sự phát triển trong triết học và pháp lý về quyền con người.

2. Nghiên cứu cho thấy sự nổi lên của *các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới*, như các xu hướng: phát triển pháp quyền nhân quyền, phát triển mối quan hệ giữa các quyền tự nhiên và quyền pháp lý, quyền kỹ thuật số, quyền môi trường và quyền khí hậu, sự tăng cường bảo vệ quyền của

¹⁴⁷Margaret E. Keck & Kathryn Sikkink (1998), *Activists beyond Borders: Advocacy Networks in International Politics*, Cornell University Press, pp.29-32.

các nhóm dễ bị tổn thương và thiểu số, sự phát triển của quyền phát triển và các quyền thế hệ thứ ba, cũng như nhận thức sâu sắc hơn về tính giao thoa và phụ thuộc lẫn nhau giữa tất cả các quyền. Đặc biệt, mối quan hệ giữa các quyền tự nhiên (vốn có) và các quyền pháp lý (được luật pháp công nhận) đang được xem xét kỹ lưỡng hơn, nhằm đảm bảo rằng các giá trị phổ quát được luật hóa và thực thi hiệu quả trong mọi lĩnh vực đời sống.

3. Đối với Việt Nam, những xu hướng này mang đến cả cơ hội và những *vấn đề đặt ra đáng kể trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người*. Thách thức nằm ở việc thiếu hụt nguồn lực và chuyên gia, hạn chế trong tiếp cận thông tin, khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, cũng như những hạn chế về phương pháp và nội dung giáo dục. Tuy nhiên, Việt Nam cũng có những *cơ hội lớn* để phát triển. Đó là việc tận dụng hội nhập quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, phát triển đội ngũ chuyên gia, đầu tư vào hạ tầng nghiên cứu, đổi mới chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng thông qua truyền thông hiệu quả.

4. *Sự cần thiết và tính cấp bách của việc đổi mới tư duy nghiên cứu và giáo dục quyền con người ở Việt Nam* là điều không thể phủ nhận. Để đảm bảo rằng các quyền con người được bảo vệ và thúc đẩy một cách toàn diện trong bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới, Việt Nam cần có một chiến lược rõ ràng và hành động quyết liệt. Điều này bao gồm việc đầu tư có trọng điểm vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng các chương trình nghiên cứu liên ngành gắn với thực tiễn và đổi mới giáo trình, phương pháp giảng dạy để trang bị cho thế hệ trẻ kiến thức và kỹ năng về quyền con người một cách toàn diện.

5. Cuối cùng, việc đẩy mạnh nghiên cứu và giáo dục quyền con người không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là sự chung tay của toàn xã hội. Chỉ khi mọi công dân đều được trang bị kiến thức và nhận thức đúng đắn về quyền con người, chúng ta mới có thể cùng nhau xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, nhân nghĩa, văn minh, pháp quyền và phát triển bền vững, nơi phẩm

giá và các quyền cơ bản của mỗi cá nhân được tôn trọng và bảo đảm trọn vẹn.

Tài liệu tham khảo

1. Alston, P (2018), *The Right to Development at 30: A Time for Reckoning*, Human Rights Quarterly, Vol. 40, No. 1.
2. Amnesty International (2023), *Human Rights Education Handbook for Teachers*, London.
3. Anaya, S. J (2004), *Indigenous Peoples in International Law*, 2nd ed. Oxford University Press, Oxford.
4. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân và các môn liên quan đến quyền con người*, Hà Nội.
6. Báo cáo rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Việt Nam chu kỳ III (2019), UN Doc. A/HRC/WG.6/34/VNM/1.
7. Besson, S (2018), *The Philosophy of International Law*, Oxford University Press, Oxford.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội.
9. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2023), *Báo cáo quốc gia về tình hình thực thi quyền con người ở Việt Nam*, Hà Nội.
10. Boye, O (2020), *The Right to a Healthy Environment in International Law*, Cambridge University Press.
11. Brown Weiss, E (1989), *In Fairness to Future Generations: International Law, Common Patrimony, and Intergenerational Equity*, Transnational Publishers, Ardsley, NY.
12. Brown, L (2021), *The Interconnected World: Human Rights and*

Global Challenges, Cambridge University Press, London.

13. Chính phủ (2023), *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Hà Nội.

14. Council of Europe (2018), *Competences for Democratic Culture: Living Together as Equals in Culturally Diverse Democratic Societies*, Strasbourg.

15. Dworkin, R (1977), *Taking Rights Seriously*, Harvard University Press, Cambridge, MA.

16. European Commission (2020), *Digital Services Act: Ensuring a Safe and Accountable Online Environment*, Brussels.

17. European Parliament (2023), *Fact Sheet on Data Protection and Privacy*, Brussels.

18. FAO (2021), *The State of Food Security and Nutrition in the World 2021*, Rome.

19. Finnis, J (2011), *Natural Law and Natural Rights*, 2nd ed. Oxford University Press, Oxford.

20. Helsinki Foundation for Human Rights (2021), *Digital Rights: A Handbook*, Warsaw, Poland.

21. Human Rights Campaign (2022), *State of the LGBTQ+ Movement*, Washington, D.C.

22. Human Rights Watch (2021), *Climate Change and Human Rights: An Integrated Approach*, New York.

23. Human Rights Watch (2023), *Challenges in Digital Rights Research in Southeast Asia*, New York.

24. ILGA (2023), *State-Sponsored Homophobia: Global Legislation Overview Update*, Geneva.

25. ILO (2017), *Global Estimates of Modern Slavery: Forced Labour and Forced Marriage*, Geneva.

26. IOM (2020), *World Migration Report 2020*, Geneva.
27. IPCC (2023), *Climate Change 2023: Synthesis Report. Contribution of Working Groups I, II and III to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change*, Geneva, Switzerland.
28. IUCN (2020), *Intergenerational Equity and Climate Justice: An Introduction*, Gland, Switzerland.
29. Klabbers, J (2018), *The Concept of Law in International Relations*, Cambridge University Press, Cambridge.
30. Knox, J (2020), *The Human Right to a Healthy Environment in International Law*, Cambridge University Press.
31. Knox, J. H (2018), *Climate Change and Human Rights*, Annual Review of Law and Social Science, Vol. 14.
32. Marr, B (2017), *Big Data in Practice: How 45 Successful Companies Used Big Data Analytics to Deliver Extraordinary Results*, John Wiley & Sons, New Jersey.
33. Nash, J (2019), *Environmental Rights: From Rhetoric to Reality*, Earthscan, London.
34. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2008), *Fact Sheet No. 31: The Right to Health*, Geneva.
35. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2018), *Principles and Guidelines on the Human Rights Protection of Migrants in Vulnerable Situations*, New York and Geneva.
36. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2019), *The Right to Development: A Primer*, Geneva.
37. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2020), *Protecting the Rights of Vulnerable Groups*, Geneva.
38. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2021), *Framework Principles on Human Rights and the Environment*, Geneva.

39. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2022), *Guidance on the protection of the human rights of lesbian, gay, bisexual, transgender, queer and intersex people*, New York and Geneva.

40. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2023), *Artificial Intelligence and Human Rights: A Thematic Report*. Geneva.

41. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2023), *Report of the UN High Commissioner for Human Rights on the impact of new technologies on the promotion and protection of human rights in the context of assemblies, including peaceful protests*, A/HRC/54/20.

42. Potočník, J (2020), *The New Green Deal and Human Rights*, European Environmental Law Review, Vol. 29, No. 1.

43. Quốc hội (2023), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.

44. Rawls, J (1971), *A Theory of Justice*, Harvard University Press, Cambridge, MA.

45. Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 on the protection of natural persons with regard to the processing of personal data and on the free movement of such data, and repealing Directive 95/46/EC (General Data Protection Regulation).

46. Ruggie, J. G (2011), *Guiding Principles on Business and Human Rights: Implementing the United Nations “Protect, Respect and Remedy” Framework*, UN Human Rights Office, New York and Geneva.

47. Schwab, K (2016), *The Fourth Industrial Revolution*, World Economic Forum, Geneva.

48. Sen, A (1999), *Development as Freedom*, Alfred A. Knopf, New York.

49. Shirky, C (2008), *Here Comes Everybody: The Power of Organizing Without Organizations*, Penguin Press, New York.

50. Smith, J (2022), *Human Rights in the Age of Globalization*, Oxford University Press, New York.
51. Symonides, J (2018), *Human Rights: From Theory to Practice*, UNESCO Publishing, Paris.
52. UN Human Rights Office (2021), *The Human Rights Impacts of Climate Change*, Geneva.
53. UN Human Rights Office (2023), *Key Human Rights Trends in the Digital Age*, Geneva.
54. UN Women (2023), *Progress on the Sustainable Development Goals: The Gender Snapshot 2023*, New York.
55. UNDP Vietnam (2022), *Human Rights and Sustainable Development in Vietnam: Challenges and Opportunities*, Hanoi.
56. UNDP (2019), *Public Perceptions of Human Rights in Vietnam: A Survey Report*, Hanoi.
57. UNDP (2020), *Human Development Report 2020: The Next Frontier - Human Development and the Anthropocene*, New York.
58. UNDP (2022), *Human Development Report 2022: Uncertain Times, Unsettled Lives: Shaping our Future in a Transforming World*, New York.
59. UNEP (2019), *Business and Human Rights: A Handbook for Legal Practitioners*, Nairobi, Kenya.
60. United Nations Economic Commission for Europe (1998), *Convention on Access to Information, Public Participation in Decision-making and Access to Justice in Environmental Matters (Aarhus Convention)*.
61. United Nations General Assembly (2022), *The human right to a clean, healthy and sustainable environment*, Resolution A/RES/76/300.
62. United Nations Human Rights Council (2021), *Resolution 48/13: The human right to a clean, healthy and sustainable environment*,

A/HRC/RES/48/13.

63. United Nations (1948), *Universal Declaration of Human Rights*, General Assembly Resolution 217 A (III).

64. United Nations (1979), *Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women (CEDAW)*, General Assembly Resolution 34/180.

65. United Nations (1986), *Declaration on the Right to Development*, General Assembly Resolution 41/128.

66. United Nations (1989), *Convention on the Rights of the Child (CRC)*, General Assembly Resolution 44/25.

67. United Nations (1993), *Vienna Declaration and Programme of Action*, World Conference on Human Rights.

68. United Nations (2006), *Convention on the Rights of Persons with Disabilities (CRPD)*, General Assembly Resolution 61/106.

69. United Nations (2007), *United Nations Declaration on the Rights of Indigenous Peoples (UNDRIP)*, General Assembly Resolution 61/295.

70. United Nations (2015), *The Paris Agreement*, Paris.

71. United Nations (2016), *The promotion, protection and enjoyment of human rights on the Internet*, A/HRC/32/L.20.

72. United Nations (2021), *The Impact of the COVID-19 Pandemic on Human Rights: A Global Overview*, New York.

73. Võ Khánh Vinh (2009), “Quyền con người: Giá trị xã hội, tính phổ biến và tính đặc thù”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5).

74. Võ Khánh Vinh (2018), “Quyền con người trong điều kiện toàn cầu hoá: Khía cạnh phương pháp luận”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, (1).

75. Võ Khánh Vinh (2023), “Về các xu hướng phát triển quyền con người trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, (1).

76. Võ Khánh Vinh, Võ Khánh Minh (2023), “Về vấn đề phổ quát hoá

quyền con người”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, 3(31).

77. Võ Khánh Vinh, Đỗ Thị Kim Định (2023), “Hiện đại hoá tiếp cận nghiên cứu và đào tạo quyền con người - bước đầu tiếp cận văn hoá học về quyền con người”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, 6 (35).

78. Võ Khánh Vinh (2024), “Về pháp quyền nhân quyền: từ tư tưởng đến hiện thực”, *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người*, (4).

79. Võ Khánh Vinh (2025), *Luật học và phương pháp luận nghiên cứu luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.162-177.

80. Võ Khánh Vinh (2025), *Nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

81. WHO (2022), *COVID-19 Pandemic Response: Lessons Learned and Future Preparedness*, Geneva.

82. WHO (2022), *The Right to Health*, Geneva.

83. World Wide Web Foundation (2019), *The Web We Want: A Rights-Based Approach to the Internet*, Washington, D.C.

84. Zuboff, S (2019), *The Age of Surveillance Capitalism: The Fight for a Human Future at the New Frontier of Power*, PublicAffairs, New York.

85. Белов, С.А (2019), *Экологическое право и права человека в условиях глобализации*, Издательство “Юрайт”, Москва.

86. Гаврилов, О.А (2021), *Информационные технологии и право: этические и правовые аспекты*, Издательство “Проспект”, Москва.

87. Гриценко, Е.В (2021), *Правовые аспекты защиты прав меньшинств в современном мире*, Издательство “Норма”, Москва.

88. Керимов, Д.А, *Философские проблемы теории права*, Норма, Москва.

89. Ковлер, А. И (2018), *Права человека и глобализация: новые вызовы и старые проблемы*, Юридическая литература, Москва.

90. Кузнецова, О.В (2019), *Междисциплинарный подход в*

юридической науке: проблемы и перспективы, Вестник Московского университета, Серия 11. Право, № 4.

91. Матузов, Н. И (2018), *Теория государства и права: Учебник*, Норма, Москва.

92. Морозова, Л.А (2020), *Теория государства и права: Учебник*, Юридическая литература, Москва, с.180.

93. Морозова, Л.А (2020), *Права человека в условиях чрезвычайных ситуаций*, Издательство, "Юридическая литература", Москва.

94. Петров, В.В (2017), *Экологическое право России: Учебник*, Юридическая литература Москва.

95. Полякова, И. В (2022), *Кибербезопасность и права человека: проблемы и перспективы*, Издательство "Юстицинформ", Москва.

96. Саидов, А.В (2019), *Международное право и права человека*, Издательство, "Норма", Москва.

97. Энтин, Л. М (2022), *Международные права человека: Учебник для вузов*, Издательство "Норма", Москва.

**NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI SAU 40 NĂM
ĐỔI MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC
QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI
CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

*PGS.TS. Tường Duy Kiên
Viện trưởng Viện Quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**1. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CON
NGƯỜI Ở VIỆT NAM SAU 40 NĂM ĐỔI MỚI**

Trải qua 40 năm Đổi Mới, nhận thức lý luận về quyền con người ở Việt Nam đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, từ nền tảng ban đầu còn hạn chế, đến sự phá băng tư duy, dần định hình hệ thống lý luận và pháp luật, và cuối cùng là sự khẳng định toàn diện trong Hiến pháp và đời sống chính trị - xã hội. Đây là một quá trình phức tạp, phản ánh sự thay đổi sâu sắc trong tư duy của Đảng, Nhà nước và xã hội Việt Nam về vị trí, vai trò của con người trong sự nghiệp phát triển đất nước.

1.1. Giai đoạn trước Đổi mới (trước 1986): Những tiền đề ban đầu và quan điểm của Đảng

Trước năm 1986, nhận thức lý luận về quyền con người ở Việt Nam được định hình chủ yếu bởi hệ tư tưởng Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh đất nước liên tục phải đối mặt với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Nền tảng tư tưởng và ưu tiên hàng đầu trong thời kỳ này, đó là nhấn mạnh đến quyền của cả dân tộc và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quyền con người không được tiếp cận như một lĩnh vực độc lập mà gắn liền và đôi khi hòa tan trong quyền dân tộc và quyền của giai cấp công nhân. Ưu tiên cao nhất là giành và giữ vững độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, các quyền cá nhân, lợi ích của cá nhân, đặc

biệt là các quyền dân sự, chính trị, thường được xem là thứ yếu và phải phục tùng lợi ích của tập thể, của nhà nước.

Quan điểm của Đảng trong giai đoạn này được thể hiện rõ nét qua các văn kiện Đại hội, tập trung vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và chế độ làm chủ tập thể. Văn kiện Đại hội IV (1976) và Đại hội V (1982) không sử dụng thuật ngữ “quyền con người” mà nhấn mạnh đến “quyền làm chủ tập thể” của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mục tiêu được xác định là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”¹⁴⁸. Quan điểm này coi việc thực hiện các mục tiêu cách mạng lớn lao của quốc gia và giai cấp là cách thức căn bản và duy nhất để giải phóng con người. Các quyền cá nhân được hiểu là phải gắn liền và phục vụ cho lợi ích của tập thể và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Các bản Hiến pháp trước Đổi Mới (hiến pháp năm 1959, đặc biệt Hiến pháp năm 1980) đã ghi nhận một số quyền cơ bản của công dân, nhưng cách tiếp cận này phản ánh rõ nét tư duy của Đảng thời kỳ đó là nhà nước hóa, tập thể hóa. Hiến pháp 1980 thay thuật ngữ “quyền và nghĩa vụ của công dân” bằng “quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”, phản ánh quan điểm quyền công dân do nhà nước quy định và phải gắn chặt với nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn này, các công trình nghiên cứu lý luận về quyền con người còn rất hiếm hoi. Nhận thức chung là nhân quyền/quyền con người là một phạm trù của các nước tư bản, thường được sử dụng để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa.

1.2. Giai đoạn đầu của Đổi mới (1986 - cuối những năm 1990): Phá băng tư duy và bước đầu tiếp cận

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) với đường lối Đổi Mới toàn diện đất nước đã mở ra một chương mới cho nhận thức lý luận về

¹⁴⁸Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

quyền con người. Khẩu hiệu “lấy dân làm gốc” và tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” đã tạo ra một không khí chính trị cởi mở hơn.

Quan điểm của Đảng tại Đại hội VI (1986) với nhận thức rằng: “Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định”¹⁴⁹, “đảm bảo quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân”¹⁵⁰... “Trong mọi hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”¹⁵¹. Mặc dù chưa trực tiếp đề cập về quyền con người, nhưng việc nhấn mạnh “lấy dân làm gốc” và phát huy dân chủ đã mở đường cho việc thừa nhận các giá trị cá nhân, lợi ích cá nhân và các quyền tự do của công dân - động lực quan trọng cho phát triển kinh tế, xã hội.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) tại Đại hội VII tiếp tục khẳng định con người là giá trị cao quý nhất, chăm lo cho hạnh phúc con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất. Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội “do nhân dân lao động làm chủ”, và “con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”¹⁵². Đây là sự phát triển quan trọng trong tư duy lý luận, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Đặc biệt trước bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi, lần đầu tiên trong lịch sử Đảng ta, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 về vấn đề quyền con người và quan điểm chủ trương của

¹⁴⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.112.

¹⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.117.

¹⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.29.

¹⁵² Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

Đảng ta¹⁵³. Chỉ thị này ra đời trong bối cảnh các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng vấn đề “nhân quyền” để chống phá Việt Nam. Chỉ thị đã xác định rõ quan điểm và chủ trương của Đảng: Khẳng định thành tựu tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của con người trong lịch sử Việt Nam, gắn liền quyền con người với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chủ trương mở rộng dân chủ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, coi đây là cách làm thiết thực nhất để bảo đảm quyền con người.

Chủ động và tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại để thế giới hiểu đúng về tình hình và chính sách của Việt Nam, đồng thời kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc.

Chỉ thị 12 đánh dấu một bước chuyển quan trọng: từ chỗ gần như không đề cập, Đảng đã chính thức nhìn nhận quyền con người là một lĩnh vực quan trọng cần có quan điểm, chủ trương rõ ràng để vừa bảo đảm trên thực tế, vừa chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận và ngoại giao.

Sự thay đổi trong quan điểm, nhận thức của Đảng đã nhanh chóng được thể chế hóa bằng các quy định pháp luật. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hiến pháp năm 1992 đã lần đầu tiên chính thức ghi nhận thuật ngữ “quyền con người” tại Điều 50: “Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”¹⁵⁴. Đây là một bước tiến vượt bậc, thể hiện sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị phổ quát của nhân loại.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, nhận thức vẫn còn những giằng co nhất định. Sự nhấn mạnh vào tính đặc thù của Việt Nam đôi khi còn lấn át tính phổ quát của quyền con người. Việc bảo đảm quyền con người vẫn chủ yếu được nhìn nhận qua lăng kính ổn định chính trị và phát triển kinh tế.

¹⁵³Ban Bí thư (1992), *Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 20/7/1992 về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*, Hà Nội.

¹⁵⁴Quốc hội (1992), *Hiến pháp năm 1992*, Hà Nội.

1.3. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2000 - 2013): Gắn quyền con người với xây dựng Nhà nước pháp quyền và đẩy mạnh hội nhập quốc tế

Bước vào thế kỷ 21, nhận thức lý luận về quyền con người được nâng lên một tầm cao mới, gắn liền với chủ trương lớn của Đảng là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (NNPQ XHCN).

Đại hội IX (2001) là một cột mốc khi Văn kiện Đảng lần đầu tiên nêu rõ mục tiêu: “Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”¹⁵⁵.

Đại hội X của Đảng (2006) với quan điểm và tầm nhìn chiến lược tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, lần đầu tiên đã gán vai trò trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền trong bảo vệ quyền con người, đó là “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người”¹⁵⁶. Đồng thời xác định mục tiêu trọng tâm của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là “Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người”¹⁵⁷. Đây được xác định là đột phá về quan điểm mới của Đảng về sứ mệnh của cơ quan tư pháp; vì trước kia sứ mệnh của tư pháp là coi bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước là trước hết.

Như vậy, để bảo đảm quyền con người, con đường tất yếu là phải xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN. Quan điểm này cho rằng, NNPQ XHCN là nhà nước thượng tôn pháp luật, nơi mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ

¹⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.113.

¹⁵⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.72.

¹⁵⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.127.

chức và cá nhân đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Chính nhà nước pháp quyền là công cụ, là phương thức hữu hiệu nhất để đưa các quyền con người từ chỗ được công nhận trong các văn kiện chính trị, các bản tuyên ngôn trở thành hiện thực được bảo vệ bằng sức mạnh của pháp luật.

Với chủ trương xây dựng NNPQ XHCN của Đảng đã thúc đẩy quá trình nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người. Hàng loạt bộ luật, luật quan trọng được ban hành không chỉ để điều chỉnh các quan hệ xã hội mà còn nhằm tạo ra cơ chế pháp lý để người dân thực hiện và bảo vệ quyền của mình, đồng thời kiểm soát quyền lực nhà nước, chống lại sự tùy tiện, vi phạm quyền con người.

Trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế và giải quyết các vấn đề, quan điểm khác nhau về quyền con người, Đảng chủ trương: “Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam”¹⁵⁸.

1.4. Giai đoạn từ (2011 - đến nay), Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển), Hiến pháp 2013: Khẳng định và phát triển toàn diện quan điểm của Đảng, thể chế hóa quyền con người trong Nhà nước pháp quyền

Quan điểm của Đảng được thể hiện ở tầm cao mới với việc Đại hội XI của Đảng thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011) và tiếp theo là các văn kiện Đại hội XII, XIII đã hoàn thiện và nâng tầm quan điểm của Đảng về quyền con người.

¹⁵⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.113.

Đại hội XI (2011), đánh dấu một bước quan trọng trong sự phát triển tư duy lý luận của Đảng, đó là xây dựng được hệ thống quan điểm về quyền con người, bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong giai đoạn mới.

+ Nhấn mạnh một luận điểm lớn được cộng đồng quốc tế thừa nhận: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”¹⁵⁹; “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân”¹⁶⁰;

+ Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển, phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện (Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020)¹⁶¹;

+ Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết¹⁶².

+ Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tiếp tục quan điểm: “xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”¹⁶³.

¹⁵⁹Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.76.

¹⁶⁰Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.85.

¹⁶¹Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.100.

¹⁶²Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.239.

¹⁶³Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.250.

+ Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam¹⁶⁴.

Với hệ thống các quan điểm trên là nền tảng, định hướng cốt lõi cho việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992.

Đại hội XII (2016) và Đại hội XIII (2021) tiếp tục nhấn mạnh: “Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013... Gắn quyền với nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội... Kết hợp hài hòa giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”¹⁶⁵. Quan điểm của Đảng giai đoạn này thể hiện sự nhận thức toàn diện, cân bằng và biện chứng, đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách phát triển, đồng thời khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm các quyền đó bằng pháp luật.

Quan điểm tiên bộ của Đảng đã được thể chế hóa một cách xuất sắc trong Hiến pháp năm 2013 với những thay đổi mang tính đột phá:

Vị trí trung tâm của con người: Chế định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đưa lên vị trí trang trọng tại Chương II¹⁶⁶.

Nguyên tắc hạn chế quyền: Điều 14 khoản 2 quy định một cách chặt chẽ rằng quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật. Đây là sự cụ thể hóa quan điểm của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền¹⁶⁷.

Khẳng định trách nhiệm của Nhà nước: Điều 3 Hiến pháp nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước trong việc “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm” quyền con người, quyền công dân.

¹⁶⁴Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.237.

¹⁶⁵Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I, tr.173-174.

¹⁶⁶ Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

¹⁶⁷ Nguyễn Linh Giang (Chủ biên, 2022), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về hạn chế quyền con người ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Sau Hiến pháp 2013, một làn sóng xây dựng và hoàn thiện pháp luật mới đã diễn ra để cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng và quy định của Hiến pháp, như Luật Tiếp cận thông tin (2016), Bộ luật Hình sự (2015, sửa đổi 2017)... đều quán triệt tinh thần này, nhằm mục đích đưa các quy định về quyền con người vào cuộc sống, đảm bảo mọi người dân đều có thể thụ hưởng các quyền của mình trong một nhà nước được tổ chức và vận hành theo các nguyên tắc của pháp quyền.

Bước vào thời kỳ nguyên mới, với tầm nhìn chiến lược đưa đất nước phát triển nhanh, mạnh, bền vững, phồn vinh, hạnh phúc, Bộ Chính trị Khóa XIII đã ban hành 04 nghị quyết, gồm: “Nghị quyết 57 của Bộ chính trị về thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị quyết 59 về chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng; Nghị quyết 68 về phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân; và Nghị quyết 66 về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thi hành pháp luật, trong đó Nghị quyết 68 đặt ra các yêu cầu cải cách mạnh mẽ, bao gồm: Hoàn thiện thể chế: Bảo vệ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, tạo dựng môi trường đầu tư - kinh doanh công bằng, minh bạch, ổn định. Khơi thông nguồn lực”¹⁶⁸.

Tóm lại: Hành trình 40 năm Đổi Mới là một quá trình nhận thức lại một cách sâu sắc và toàn diện về quyền con người ở Việt Nam, trong đó sự phát triển tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò định hướng và dẫn dắt. Từ quan điểm tập trung vào quyền làm chủ tập thể, Đảng đã từng bước chuyển sang khẳng định con người là trung tâm, là mục tiêu và động lực của sự phát triển, và cuối cùng là đề cao trách nhiệm của nhà nước pháp quyền trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Quá trình chuyển đổi này đã được thể chế hóa mạnh mẽ trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật, tạo ra những nền tảng vững chắc hơn cho việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người và phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

¹⁶⁸“Đảng ban hành “4 trụ cột” quan trọng để đưa đất nước vươn mình”, tại trang <https://vov.vn/chinh-tri/dang-ban-hanh-4-tru-cot-quan-trong-de-dua-dat-nuoc-vuon-minh-post1200305.vov>.

2. ĐẶC TRƯNG CỦA KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

2.1. Nội hàm của “Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam”

Khái niệm “Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam”, thường được nhắc đến cùng cụm từ “kỷ nguyên vươn mình”, là một định hướng chiến lược quan trọng, thể hiện tầm nhìn và khát vọng của Việt Nam trong giai đoạn phát triển sắp tới. Nội hàm của kỷ nguyên này được kết tinh từ những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử sau gần 40 năm Đổi mới, và được định hình rõ nét trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các bài viết, bài phát biểu của các lãnh đạo cấp cao. Nếu xét về nguồn gốc và căn cứ lý luận, khái niệm này được Tổng Bí thư Tô Lâm là người khởi xướng và luận giải sâu sắc trong bài viết quan trọng “Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Theo đó, sau hai kỷ nguyên vĩ đại là “kỷ nguyên độc lập, tự do” (mở đầu bằng Cách mạng tháng Tám 1945) và “kỷ nguyên đổi mới, phát triển, hội nhập” (từ Đại hội VI năm 1986), đất nước đang đứng trước vận hội mới để bước vào một kỷ nguyên thứ ba. Đó là *Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là kỷ nguyên mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm cao nhất để thực hiện bằng được khát vọng cháy bỏng của Bác Hồ và của cả dân tộc: xây dựng đất nước Việt Nam ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn; để dân tộc Việt Nam có thể ngẩng cao đầu, tự tin sánh vai với các cường quốc năm châu*¹⁶⁹.

Nền tảng của kỷ nguyên này chính là những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của gần 40 năm đổi mới, tạo ra “thế và lực” mới cho đất nước. Đây là thời điểm “chín muồi”, hội tụ đủ các điều kiện và tiền đề để Việt Nam thực hiện một bước nhảy vọt về phát triển.

¹⁶⁹ Tô Lâm (2024), “Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.050), tr.3.

Nội hàm cốt lõi của “Kỷ nguyên phát triển mới” được cấu thành từ những đặc trưng và mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc: Đây là mục tiêu bao trùm và là động lực tinh thần to lớn nhất. Kỷ nguyên mới đặt mục tiêu cao hơn, không chỉ là “dân giàu, nước mạnh” mà còn là xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nơi mọi người dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Thứ hai, các mục tiêu chiến lược cụ thể, định lượng: Nội hàm của kỷ nguyên mới được cụ thể hóa bằng các mục tiêu rất rõ ràng trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: **Đến năm 2030 (Kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng):** Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. **Đến năm 2045 (Kỷ niệm 100 năm thành lập nước):** Trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Phân đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao*¹⁷⁰.

Thứ ba, động lực phát triển dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Kỷ nguyên mới xác định khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là động lực đột phá. Sự phát triển không còn chủ yếu dựa vào tài nguyên, lao động giá rẻ mà chuyển sang dựa vào tri thức, công nghệ và năng suất lao động cao.

Thứ tư, phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia: Đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh nội sinh và sức mạnh thời đại. Sức mạnh nội sinh bao gồm ý chí, khát vọng, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, và giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Sức mạnh thời đại là việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, tận dụng các cơ hội và xu thế phát triển chung của thế giới.

*Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam*¹⁷¹.

¹⁷⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.112.

¹⁷¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị

Thứ năm, “Vươn mình” - Tính hành động quyết liệt, bút phá: Chữ “vươn mình” mang hàm ý về một sự chuyển động mạnh mẽ, một nỗ lực phi thường để vượt qua chính mình, vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”, và tạo ra những bước phát triển đột phá, rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển. Điều này đòi hỏi tư duy đột phá, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Như vậy, “Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam” là một khái niệm tổng hợp, thể hiện một giai đoạn phát triển mới về chất, với tầm nhìn xa, mục tiêu cụ thể và khát vọng mãnh liệt, dựa trên nền tảng vững chắc của những thành tựu đã đạt được và những định hướng chiến lược đúng đắn cho tương lai.

2.2. Những vấn đề quyền con người đặt ra từ các chủ trương cải cách thể chế trong nước

Các chủ trương cải cách thể chế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay không chỉ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà còn hàm chứa những tác động sâu sắc đến việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người. Việc xác định và tháo gỡ các “điểm nghẽn” thể chế được xem là khâu đột phá, trực tiếp giải quyết những rào cản trong việc hiện thực hóa các quyền của người dân đã được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận.

2.2.1. Tháo gỡ các “điểm nghẽn” thể chế tác động đến quyền con người

a. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) được xác định là một trong những đột phá chiến lược, và việc hoàn thiện nó có tác động trực tiếp đến việc bảo đảm các quyền kinh tế cơ bản của công dân.

Thứ nhất, bảo đảm quyền tự do kinh doanh: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh yêu cầu “thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp sáng tạo”, “tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển” và “xóa bỏ mọi rào cản, định kiến,

hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển các thành phần kinh tế”¹⁷². Hiến pháp năm 2013 cũng đã hiến định tại Điều 33: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”¹⁷³.

Tuy nhiên, các “điểm nghẽn” lớn nhất đang cản trở quyền tự do kinh doanh bao gồm: (1) hệ thống các điều kiện kinh doanh phức tạp, chồng chéo, không cần thiết (thường gọi là “giấy phép con”); (2) thủ tục hành chính rườm rà, thiếu minh bạch; (3) sự can thiệp hành chính sâu vào hoạt động của doanh nghiệp. Những rào cản này không chỉ làm tăng chi phí, rủi ro cho người dân và doanh nghiệp mà còn vi phạm nguyên tắc mọi người được làm những gì pháp luật không cấm.

Tác động của cải cách: Việc Chính phủ và các bộ ngành nỗ lực cắt giảm, đơn giản hóa hàng nghìn điều kiện kinh doanh và cải cách thủ tục đăng ký doanh nghiệp đã trực tiếp tháo gỡ các rào cản này. Điều này giúp hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh, cho phép người dân dễ dàng hơn trong việc khởi sự doanh nghiệp, tự tạo việc làm và tham gia vào các hoạt động kinh tế, qua đó thực thi quyền làm việc và quyền có mức sống thỏa đáng.

Thứ hai, bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp: Quyền sở hữu tư nhân đối với tài sản hợp pháp được bảo hộ là một trong những trụ cột của kinh tế thị trường. Đại hội XIII khẳng định chủ trương “bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật”¹⁷⁴. Điều 32 Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác” và “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ”¹⁷⁵.

¹⁷²Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.116, 134.

¹⁷³Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Điều 33.

¹⁷⁴Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.201.

¹⁷⁵Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Điều 32.

“Điểm nghẽn” lớn trong lĩnh vực này là các quy định pháp luật về đất đai còn phức tạp, chồng chéo; cơ chế định giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất còn nhiều bất cập, dễ phát sinh khiếu kiện. Sự thiếu minh bạch và các thủ tục hành chính phức tạp trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cũng làm ảnh hưởng đến sự an toàn pháp lý đối với tài sản của người dân.

Tác động của cải cách: Chủ trương sửa đổi toàn diện Luật Đất đai và các luật liên quan nhằm mục tiêu tháo gỡ các điểm nghẽn này. Việc hoàn thiện cơ chế xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định rõ ràng và minh bạch hơn về các trường hợp thu hồi đất, và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người có đất bị thu hồi sẽ giúp bảo vệ tốt hơn quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người dân, giảm thiểu tranh chấp, khiếu kiện, góp phần ổn định xã hội.

b. Cải cách tư pháp, thủ tục hành chính nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý, chống oan sai, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền

Cải cách tư pháp và hành chính là yếu tố then chốt để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, nơi các quyền con người, quyền công dân được tôn trọng và bảo vệ bằng pháp luật.

Thứ nhất, bảo đảm quyền tiếp cận công lý và chống oan sai: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” đã đặt ra yêu cầu cốt lõi là “lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm”, “bảo đảm quyền con người, quyền công dân”¹⁷⁶. Nghị quyết nhấn mạnh nguyên tắc “suy đoán vô tội”, “bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo” và “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”¹⁷⁷.

¹⁷⁶Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

¹⁷⁷Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Quy định này cụ thể hóa nhiều nội dung của Nghị quyết 27-NQ/TW*, Hà Nội.

Các “điểm nghẽn” trong hoạt động tư pháp bao gồm: (1) thủ tục tố tụng còn rườm rà, kéo dài; (2) nguy cơ bức cung, dùng nhục hình trong hoạt động điều tra; (3) chất lượng tranh tụng tại phiên tòa chưa cao, vai trò của luật sư đôi khi còn mờ nhạt; (4) cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực sự hiệu quả. Những điểm nghẽn này trực tiếp đe dọa đến các quyền cơ bản như quyền được sống, quyền tự do và an toàn cá nhân, quyền được xét xử công bằng.

Tác động của cải cách: Các chủ trương cải cách như ghi âm, ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; tăng cường vai trò của luật sư từ giai đoạn điều tra; nâng cao chất lượng tranh tụng; phân định rõ hơn quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án là những giải pháp trực tiếp để chống oan sai và bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Khi được thực thi hiệu quả, các cải cách này sẽ củng cố lá chắn pháp lý bảo vệ công dân trước sự tùy tiện của quyền lực công, đảm bảo rằng không ai bị bắt, bị giam giữ hay bị kết tội một cách oan uổng.

Thứ hai, về tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Cả Văn kiện Đại hội XIII và Nghị quyết 27-NQ/TW đều coi trọng việc “xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”¹⁷⁸ và nhấn mạnh “kiểm soát quyền lực nhà nước”, gắn quyền lực với trách nhiệm, và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền.

“Điểm nghẽn” và tác động đến quyền con người: Tình trạng thiếu minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như quy hoạch, đất đai, đầu tư công, và thủ tục hành chính, tạo ra môi trường cho tham nhũng, tiêu cực và sự tùy tiện. Điều này vi phạm quyền được thông tin của công dân và làm xói mòn niềm tin của người dân vào công lý và chính quyền.

¹⁷⁸Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.175.

Tác động của cải cách: Việc thực thi Luật Tiếp cận thông tin, đẩy mạnh ứng dụng chính phủ điện tử, công khai hóa các thủ tục hành chính, bản án của tòa án trên mạng internet, và xây dựng các cơ chế để người dân giám sát, phản biện hoạt động của chính quyền là những bước đi cụ thể. Các cải cách này giúp “mở” hoạt động của Nhà nước cho người dân giám sát, từ đó buộc các cơ quan công quyền phải hành động có trách nhiệm hơn, tuân thủ pháp luật, và tôn trọng các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

2.2.2. Tinh gọn bộ máy nhà nước và các vấn đề liên quan đến quyền con người

Việc tinh gọn bộ máy nhà nước là một chủ trương lớn nhằm xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”¹⁷⁹, trong đó hiệu quả hoạt động và sự phục vụ người dân được đặt lên hàng đầu.

Chủ trương này tác động trực tiếp và tích cực đến việc thực thi các nhóm **quyền dân sự và kinh tế**: Khi bộ máy nhà nước được tinh gọn, các thủ tục hành chính (TTHC) rườm rà, phức tạp sẽ được cắt giảm. Điều này có ý nghĩa trực tiếp đến việc người dân thực hiện các quyền của mình một cách dễ dàng và nhanh chóng hơn.

Ví dụ: Việc đăng ký khai sinh, kết hôn (quyền dân sự), đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (quyền kinh tế) sẽ giảm bớt thời gian chờ đợi, chi phí không chính thức, giúp người dân và doanh nghiệp tiết kiệm nguồn lực và sớm ổn định cuộc sống, sản xuất. Gánh nặng thủ tục hành chính giảm đi chính là một hình thức bảo đảm quyền tự do (tự do đi lại, tự do kinh doanh...) và quyền sở hữu tài sản của công dân.

Quyền được hưởng các dịch vụ công có chất lượng: Một bộ máy hiệu quả hơn sẽ phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước hợp lý hơn cho các dịch

¹⁷⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.174-175.

vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, an sinh xã hội. Điều này giúp nâng cao chất lượng sống và bảo đảm tốt hơn quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được học tập của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

Các vấn đề đặt ra đối với quyền con người:

- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đội ngũ dôi dư: Đây là một thách thức lớn liên quan đến quyền làm việc và quyền được hưởng an sinh xã hội.

Hiến pháp 2013 tại Điều 35 khẳng định “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”¹⁸⁰. Việc sắp xếp lại nhân sự có thể dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức mất việc làm. Nếu không có chính sách hỗ trợ thỏa đáng (như đào tạo lại nghề, hỗ trợ tài chính, giới thiệu việc làm mới), quyền làm việc và quyền có một mức sống đủ để đảm bảo cho bản thân và gia đình của họ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Vấn đề này đòi hỏi nhà nước phải có một lộ trình minh bạch, các chính sách chuyển đổi công bằng và nhân văn, tôn trọng phẩm giá và các quyền hợp pháp của người lao động trong khu vực công.

Tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ nhân tài: Vấn đề này chạm đến nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong việc tiếp cận cơ hội việc làm tại các cơ quan công quyền.

Điều 21 của Tuyên ngôn Phổ quát về quyền con người (UDHR) nêu rõ: “Ai cũng có quyền ngang nhau được tuyển dụng vào các chức vụ công cộng ở nước mình”¹⁸¹. Một quy trình tuyển dụng không minh bạch, thiếu cạnh tranh, còn tình trạng “chủ nghĩa thân hữu” sẽ vi phạm nguyên tắc này.

Việc xây dựng các tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực thực chất, quy trình thi tuyển công khai, minh bạch và chính sách đãi ngộ thỏa đáng không chỉ thu hút được người tài mà còn là biểu hiện cụ thể của việc bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội cho mọi công dân.

¹⁸⁰ Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

¹⁸¹ Liên Hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền (UDHR)*.

2.2.3. Đổi mới tổ chức chính quyền địa phương và quyền tham gia của người dân

Chủ trương này nhằm tăng cường hiệu quả quản lý ở cấp cơ sở, đưa chính quyền đến gần dân hơn. Tuy nhiên, việc trao thêm quyền tự chủ cho địa phương cũng tiềm ẩn những rủi ro nếu không đi kèm các cơ chế giám sát hiệu quả.

Tác động tích cực đến quyền con người: Tăng cường khả năng đáp ứng của chính quyền đối với các quyền của người dân ở cơ sở: Khi chính quyền địa phương có thêm thực quyền và nguồn lực, họ có thể chủ động và linh hoạt hơn trong việc giải quyết các vấn đề cụ thể của cộng đồng.

Ví dụ: Một vấn đề ô nhiễm môi trường cục bộ, một yêu cầu xây dựng trường học tại một xã vùng sâu... có thể được xử lý nhanh hơn mà không cần chờ đợi các quyết định từ cấp trên. Điều này giúp bảo vệ quyền được sống trong môi trường trong lành và quyền được học tập của người dân một cách kịp thời. Tính tự chủ cũng giúp chính quyền địa phương xây dựng các chính sách phù hợp hơn với đặc thù văn hóa, xã hội của cộng đồng, qua đó bảo vệ tốt hơn quyền của các nhóm dân tộc thiểu số.

Các vấn đề đặt ra đối với quyền con người: Cơ chế đảm bảo quyền tham gia, giám sát của người dân: Đây là cốt lõi của vấn đề, liên quan trực tiếp đến quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân.

Điều 28 của Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước”¹⁸². Việc tăng quyền cho chính quyền địa phương phải đi đôi với việc củng cố và thực chất hóa các thiết chế để người dân thực thi quyền này.

Các cơ chế như Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn cần được nâng cấp, bảo đảm người dân thực sự được tham gia vào quá trình ra quyết định (ví dụ: quy hoạch sử dụng đất, dự án đầu tư công tại địa

¹⁸² Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

phương...), chứ không chỉ là tham gia một cách hình thức. Quyền tiếp cận thông tin về các kế hoạch, dự án của chính quyền cần phải được bảo đảm tuyệt đối.

Nguy cơ quan liêu, xa dân và lạm dụng quyền lực: Nếu không có cơ chế giám sát hữu hiệu từ cả người dân và cơ quan cấp trên, việc tăng quyền tự chủ cho địa phương có thể dẫn đến tình trạng “lợi ích nhóm”, “vua con ở địa phương”.

Khi đó, các quyết định của chính quyền có thể không vì lợi ích chung mà phục vụ cho một nhóm nhỏ, dẫn đến việc vi phạm hàng loạt các quyền của người dân, đặc biệt là **quyền sở hữu tài sản** (trong các vụ việc thu hồi đất đai không minh bạch), **quyền tự do kinh doanh** (gây khó khăn cho doanh nghiệp ngoài “nhóm lợi ích”), và **quyền khiếu nại, tố cáo**.

Do đó, việc thiết lập các kênh giám sát độc lập, hiệu quả (thông qua Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội và báo chí) là yêu cầu sống còn để ngăn chặn sự tha hóa quyền lực, đảm bảo chính quyền địa phương hoạt động đúng mục tiêu phục vụ nhân dân và bảo vệ quyền con người.

2.3. Tác động của các xu thế toàn cầu đến quyền con người ở Việt Nam

Các xu thế lớn của thế giới như Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng gắn với việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đang tạo ra những tác động đa chiều, vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra những thách thức chưa từng có đối với việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.

2.3.1. Cách mạng công nghiệp 4.0, kỷ nguyên số và các thách thức mới

Kỷ nguyên số với sự phát triển bùng nổ của Internet, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT) đã và đang làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội, từ đó tác động trực tiếp đến việc thụ hưởng các quyền con người.

*** Cơ hội:**

- *Thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin, tự do biểu đạt:* Internet và các nền tảng mạng xã hội đã trở thành không gian cho người dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, bày tỏ quan điểm, chia sẻ thông tin và tri thức một cách nhanh chóng và rộng rãi. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia vào các vấn đề chính trị, xã hội, góp phần giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.

- *Minh bạch hóa hoạt động nhà nước:* Chính phủ điện tử, chính phủ số được đẩy mạnh giúp công khai, minh bạch hóa thông tin về chính sách, pháp luật, ngân sách, hoạt động của các cơ quan công quyền. Người dân có thể dễ dàng truy cập các văn bản pháp luật, theo dõi tiến trình xử lý thủ tục hành chính, gửi phản ánh, kiến nghị trực tuyến, qua đó tăng cường trách nhiệm giải trình của nhà nước.

- *Phát triển các quyền kinh tế, xã hội qua dịch vụ công trực tuyến:* Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực như y tế (đặt lịch khám bệnh, tư vấn sức khỏe từ xa), giáo dục (học trực tuyến, truy cập tài liệu học tập), an sinh xã hội (đăng ký, nhận trợ cấp) giúp người dân, đặc biệt là người ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật, tiếp cận các dịch vụ cơ bản một cách thuận lợi và bình đẳng hơn, góp phần thực hiện tốt hơn quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền giáo dục và quyền an sinh xã hội.

*** Thách thức:**

- *Bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân:* Sự phát triển của kinh tế số đi liền với việc thu thập, phân tích và xử lý khối lượng lớn dữ liệu cá nhân. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc bảo vệ bí mật đời tư, bí mật cá nhân, gia đình. Nguy cơ dữ liệu cá nhân bị lạm dụng cho mục đích thương mại, bị theo dõi, giám sát trái phép hoặc bị tin tặc tấn công ngày càng gia tăng. Luật An ninh mạng năm 2018 và gần đây là Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân là những nỗ lực pháp lý quan trọng của Việt Nam nhằm giải quyết thách thức này, tuy nhiên việc thực thi vẫn còn nhiều khó khăn¹⁸³.

¹⁸³Xem thêm phân tích tại: Viện Nghiên cứu Chính sách và Phát triển Truyền thông (IPS) (2023), *Báo cáo*

- *An ninh mạng và chống tin giả (fake news)*: Không gian mạng cũng trở thành môi trường cho các hoạt động tội phạm, lừa đảo trực tuyến, tấn công mạng nhằm vào các cơ sở dữ liệu quan trọng. Đặc biệt, vấn nạn tin giả, tin sai sự thật lan truyền với tốc độ chóng mặt có thể gây bất ổn xã hội, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân và ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Việc cân bằng giữa đảm bảo an ninh mạng và không làm phương hại đến quyền tự do biểu đạt là một thách thức lớn.

- *Bất bình đẳng số*: Tồn tại một khoảng cách lớn về khả năng tiếp cận và kỹ năng sử dụng công nghệ số giữa các nhóm dân cư (thành thị và nông thôn, người giàu và người nghèo, thế hệ trẻ và người cao tuổi, người lành lặn và người khuyết tật). “Bất bình đẳng số” có nguy cơ tạo ra một hình thức phân biệt đối xử mới, khiến những nhóm yếu thế càng bị bỏ lại phía sau, hạn chế cơ hội tiếp cận việc làm, giáo dục, y tế và các dịch vụ thiết yếu khác¹⁸⁴.

- *Tác động của AI đến quyền việc làm và nguy cơ phân biệt đối xử*: Tự động hóa và AI có thể thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, dẫn đến nguy cơ mất việc làm hàng loạt, đặc biệt là các công việc yêu cầu kỹ năng thấp. Bên cạnh đó, các thuật toán AI nếu không được thiết kế và kiểm soát cẩn trọng có thể tái tạo hoặc khuếch đại những định kiến xã hội sẵn có, dẫn đến sự phân biệt đối xử trong tuyển dụng, xét duyệt tín dụng hay thậm chí trong hoạt động của cơ quan tư pháp.

2.3.2. Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và hội nhập quốc tế sâu rộng

Việt Nam là một quốc gia tích cực trong việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp quốc và tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP, EVFTA). Quá trình này đặt ra những yêu cầu và tiêu chuẩn cao hơn về quyền con người.

Thường niên về Quyền riêng tư ở Việt Nam 2023, tr.15-25.

¹⁸⁴Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam (2022), *Báo cáo Phát triển Con người Việt Nam 2022: Chuyển đổi số vì sự phát triển con người*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.67-78.

- *Lồng ghép cách tiếp cận dựa trên quyền con người*: Các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và quyền con người có mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời. Nguyên tắc cốt lõi của SDGs là “Không để ai bị bỏ lại phía sau” (Leave No One Behind), đòi hỏi các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia phải đặt con người vào trung tâm, hướng đến việc giải quyết các vấn đề bất bình đẳng, chú trọng đến các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương. Điều này yêu cầu Việt Nam phải lồng ghép cách tiếp cận dựa trên quyền con người vào toàn bộ chu trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách phát triển¹⁸⁵.

- *Thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm*: Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam tham gia đều có các chương riêng về lao động và môi trường với những cam kết mạnh mẽ. Điều này thúc đẩy doanh nghiệp phải có trách nhiệm tôn trọng quyền con người trong toàn bộ hoạt động và chuỗi cung ứng của mình. Các tiêu chuẩn về “thực hành kinh doanh có trách nhiệm” (Responsible Business Conduct) ngày càng được nhấn mạnh, yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện thẩm định quyền con người, phòng ngừa và khắc phục các tác động tiêu cực đến quyền của người lao động (điều kiện làm việc an toàn, tiền lương đủ sống, tự do hiệp hội) và cộng đồng địa phương (quyền về môi trường sống trong lành, quyền đất đai)¹⁸⁶.

Các vấn đề quyền con người liên quan đến an ninh phi truyền thống: Hội nhập quốc tế và các thách thức toàn cầu làm nổi bật các vấn đề an ninh phi truyền thống, vốn có tác động trực tiếp đến việc thụ hưởng quyền con người.

- *Biến đổi khí hậu*: Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn, thiên tai khắc nghiệt đe dọa trực tiếp đến quyền sống, quyền có

¹⁸⁵Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Liên Hợp quốc tại Việt Nam (2018), *Báo cáo quốc gia tự nguyện của Việt Nam về thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững*, Hà Nội, tr.12-14.

¹⁸⁶Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) (2021), *Bộ công cụ Hướng dẫn Kinh doanh có trách nhiệm cho Doanh nghiệp*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội, tr.5-11.

mức sống đủ tốt (bao gồm quyền lương thực, quyền nhà ở) và quyền được tiếp cận nguồn nước sạch của hàng triệu người, đặc biệt là ở Đồng bằng sông Cửu Long¹⁸⁷.

- *An ninh nguồn nước*: Việc các quốc gia ở thượng nguồn sông Mê Kông xây dựng đập thủy điện đã và đang làm thay đổi dòng chảy, gây sụt lún, thiếu nước ngọt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế và đời sống của người dân, đặt ra vấn đề cấp bách về quyền an ninh lương thực và quyền phát triển.

- *Dịch bệnh*: Đại dịch COVID-19 là một minh chứng rõ nét về thách thức an ninh y tế. Các biện pháp phòng chống dịch, dù cần thiết, cũng có thể tác động đến hàng loạt quyền con người như quyền tự do đi lại, quyền hội họp, quyền riêng tư và quyền được giáo dục. Thách thức đặt ra là làm sao để các biện pháp khẩn cấp vừa hiệu quả, vừa cần thiết, tương xứng và không phân biệt đối xử.

3. ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới, với những mục tiêu đầy tham vọng về kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, công tác nghiên cứu và giáo dục về quyền con người đóng vai trò then chốt. Việc xác định đúng đắn các định hướng nghiên cứu và giáo dục không chỉ góp phần hoàn thiện thể chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm.

3.1. Định hướng nghiên cứu về quyền con người

3.1.1. Nghiên cứu quyền con người trong bối cảnh cải cách thể chế nhà nước

Công cuộc cải cách thể chế nhà nước, đặc biệt là việc tinh gọn bộ máy

¹⁸⁷Ngân hàng Thế giới (World Bank) (2021), *Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển cho Việt Nam*, Washington, D.C., tr.34-40.

và sắp xếp lại các đơn vị hành chính, là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Quá trình này tác động trực tiếp đến việc thực thi và thụ hưởng quyền của mọi người dân, từ cán bộ, công chức cho đến người dân ở cơ sở. Do đó, các nghiên cứu cần tập trung vào:

- *Đánh giá tác động của việc tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính:* Cần có những nghiên cứu khoa học, khách quan để đánh giá toàn diện tác động của quá trình này. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, huyện có thể dẫn đến những thay đổi trong khả năng tiếp cận các dịch vụ công như y tế, giáo dục, tư pháp của người dân. Đồng thời, cần nghiên cứu sâu về việc giải quyết chế độ, chính sách và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho đội ngũ cán bộ, công chức dôi dư, tránh gây ra những bất ổn xã hội.

- *Nghiên cứu các mô hình giám sát của nhân dân:* Việc hoàn thiện cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của chính quyền là yêu cầu cấp thiết để hiện thực hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Các nghiên cứu cần tập trung vào việc thể chế hóa và nâng cao hiệu quả của các hình thức giám sát hiện có như hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, cần nghiên cứu, đề xuất các mô hình mới, ứng dụng công nghệ thông tin để người dân có thể thực hiện quyền giám sát một cách dễ dàng, trực tiếp và hiệu quả hơn.

3.1.2. Nghiên cứu quyền con người trong Kỷ nguyên Số và trước các thách thức An ninh Phi truyền thống

Sự phát triển vũ bão của công nghệ số và sự gia tăng của các thách thức an ninh phi truyền thống đặt ra những vấn đề pháp lý và đạo đức chưa từng có tiền lệ đối với quyền con người.

- *Xây dựng khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư:* Cụ thể hóa các quy định của Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong đó làm sâu sắc hơn Quyền của Chủ thể dữ liệu. Cần có các nghiên cứu về mô hình, quy

trình và công cụ kỹ thuật để người dân có thể thực sự thực thi các quyền của mình (quyền được biết, quyền truy cập, quyền rút lại sự đồng ý, quyền xóa dữ liệu...). Ví dụ: Làm thế nào một người dùng ở Việt Nam có thể yêu cầu một công ty công nghệ nước ngoài xóa bỏ hoàn toàn dữ liệu của mình một cách hiệu quả?

- *Quyền phản đối xử lý dữ liệu tự động và lập hồ sơ (profiling)*: Nghiên cứu các quy định chi tiết về quyền được can thiệp bởi con người khi một quyết định quan trọng (ví dụ: duyệt vay, tuyển dụng) được đưa ra hoàn toàn bởi thuật toán AI. Cần xác định phạm vi, giới hạn và cách thức thực hiện quyền này.

- *Cụ thể hóa trách nhiệm của Bên Kiểm soát và Bên Xử lý dữ liệu*: Đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu cá nhân (DPIA): Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí, ngưỡng bắt buộc và quy trình chuẩn cho việc thực hiện DPIA trong các ngành, lĩnh vực có rủi ro cao (tài chính - ngân hàng, y tế, viễn thông, thương mại điện tử). Phân định trách nhiệm trong chuỗi xử lý phức tạp: Nghiên cứu mô hình phân chia và liên đới chịu trách nhiệm giữa Bên Kiểm soát gốc và các Bên Xử lý dữ liệu thứ cấp (ví dụ: một ngân hàng sử dụng dịch vụ cloud của Amazon, và dịch vụ phân tích dữ liệu của một bên thứ ba).

- *Mở rộng và linh hoạt hóa cơ sở pháp lý cho việc xử lý dữ liệu*: Nghiên cứu về “*Lợi ích hợp pháp*” (*Legitimate Interest*): Nghị định 13 hiện tập trung chủ yếu vào “sự đồng ý”. Cần nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế (như GDPR của Châu Âu) về việc cho phép xử lý dữ liệu dựa trên “lợi ích hợp pháp” của bên kiểm soát, đi kèm với các bài kiểm tra cân bằng lợi ích nghiêm ngặt. Điều này giúp giảm gánh nặng “xin phép” cho các hoạt động xử lý dữ liệu ít rủi ro và thông thường.

Xử lý dữ liệu trong các tình huống đặc biệt: Nghiên cứu các cơ sở pháp lý cho xử lý dữ liệu trong nghiên cứu khoa học, thống kê, vì lợi ích công cộng... đảm bảo cân bằng giữa phát triển và quyền riêng tư. Hay nghiên cứu

giải quyết các thách thức mới và xuyên biên giới: Đây là nhóm vấn đề mang tính thời đại, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

- *Cơ chế quản lý Dữ liệu xuyên biên giới: Xây dựng cơ chế “Quyết định về tính tương thích” (Adequacy Decision):* Nghiên cứu các tiêu chí để Việt Nam có thể công nhận một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác có cơ chế bảo vệ dữ liệu tương đương. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho dòng chảy dữ liệu an toàn cho doanh nghiệp.

- *Nghiên cứu các công cụ truyền dữ liệu khác:* Phân tích, so sánh và đề xuất mô hình áp dụng các công cụ như “Điều khoản Hợp đồng Mẫu” (Standard Contractual Clauses - SCCs) hay “Quy tắc Bắt buộc trong Doanh nghiệp” (Binding Corporate Rules - BCRs) để các tập đoàn có thể chuyển dữ liệu nội bộ ra nước ngoài một cách hợp pháp.

- *Cơ chế thực thi pháp luật với các tập đoàn công nghệ lớn:* Đây là vấn đề gai góc nhất. Cần nghiên cứu các mô hình hợp tác tư pháp quốc tế, cơ chế yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới phải có đại diện pháp lý tại Việt Nam và chịu trách nhiệm thực chất trước pháp luật Việt Nam.

Bảo vệ dữ liệu trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI) và Dữ liệu lớn (Big Data):

- *Tính minh bạch và giải thích được của thuật toán:* Nghiên cứu các yêu cầu pháp lý đối với hệ thống AI, buộc các nhà phát triển phải có khả năng giải thích cách thức thuật toán đưa ra quyết định, đặc biệt là các quyết định ảnh hưởng đến quyền lợi của con người.

- *Trách nhiệm pháp lý khi AI gây thiệt hại:* Ai chịu trách nhiệm khi một hệ thống AI tự hành (xe tự lái, hệ thống chẩn đoán y tế) gây ra sai sót dựa trên dữ liệu nó được học? Cần nghiên cứu về phân bổ trách nhiệm giữa nhà phát triển, nhà cung cấp dữ liệu và người sử dụng.

- *Quản lý dữ liệu dùng để “huấn luyện” AI:* Nghiên cứu các quy định về việc thu thập và sử dụng các tập dữ liệu khổng lồ để huấn luyện AI, đảm bảo tính ẩn danh, hợp pháp và không mang định kiến (bias).

- *Nghiên cứu xây dựng thể chế giám sát và thực thi:* Một đạo luật sẽ không hiệu quả nếu thiếu cơ quan thực thi mạnh và cơ chế xử lý vi phạm đủ sức răn đe. Có cơ chế xử lý vi phạm và chế tài: Nghiên cứu hiệu quả của các mức phạt: Phân tích xem các mức phạt hành chính hiện tại đã đủ sức răn đe các tập đoàn lớn hay chưa. Nghiên cứu đề xuất các chế tài dựa trên tỷ lệ phần trăm doanh thu toàn cầu (tương tự GDPR) đối với các vi phạm nghiêm trọng. Quyền khởi kiện của chủ thể dữ liệu và khởi kiện tập thể: Nghiên cứu cơ chế cho phép cá nhân và các tổ chức xã hội có quyền khởi kiện dân sự đòi bồi thường thiệt hại khi quyền riêng tư bị xâm phạm, bao gồm cả mô hình khởi kiện tập thể (class action).

- *Nghiên cứu đạo đức trong ứng dụng AI và công nghệ mới:* Trí tuệ nhân tạo (AI) đang được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Cần có những nghiên cứu sâu về các khía cạnh đạo đức của AI để ngăn ngừa nguy cơ phân biệt đối xử, ví dụ như trong tuyển dụng, cho vay tín dụng hay trong hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cần xây dựng các bộ quy tắc đạo đức và các quy định pháp lý để đảm bảo AI được phát triển và sử dụng một cách có trách nhiệm, minh bạch và công bằng.

- *Nghiên cứu mối quan hệ giữa quyền con người và các thách thức an ninh phi truyền thống:* Biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, dịch bệnh... đang tác động ngày càng nghiêm trọng đến việc thụ hưởng các quyền cơ bản của con người như quyền được sống, quyền được hưởng một môi trường trong lành, quyền có đủ lương thực và nhà ở. Các nghiên cứu cần làm rõ mối liên hệ này, từ đó đề xuất các giải pháp chính sách tổng thể, lồng ghép cách tiếp cận dựa trên quyền con người vào các chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh năng lượng và phòng chống dịch bệnh.

3.1.3. Phương hướng đẩy mạnh giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam với khát

vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đòi hỏi hơn bao giờ hết ý thức về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi thành viên trong xã hội. Điều này cũng đòi hỏi nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người thông qua giáo dục. Bởi chỉ có giáo dục mới có thể nâng cao nhận thức một cách căn bản, dẫn tới sự thay đổi trong tư duy, hành vi và cách ứng xử của cả chủ thể hưởng quyền (cá nhân, công dân, các nhóm xã hội yếu thế) và chủ thể có trách nhiệm (Nhà nước, các cơ quan công quyền, và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

Trước yêu cầu đó, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cùng toàn thể cán bộ, đảng viên và người dân cần quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cụ thể là các Văn kiện Đảng thời kỳ Đổi mới, Hiến pháp năm 2013, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, và đặc biệt là các văn bản mang tính định hướng chiến lược gần đây như: Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới¹⁸⁸; Thư của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm gửi Hội thảo khoa học quốc gia “Con người, quyền con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển đất nước”¹⁸⁹; và bài phát biểu chỉ đạo của Đồng chí Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người¹⁹⁰.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục về quyền con người theo lộ trình đã nêu trong Quyết định số 1309/QĐ-TTg¹⁹¹ và Chỉ

¹⁸⁸Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

¹⁸⁹Tô Lâm (2024), *Thư gửi Hội thảo khoa học quốc gia “Con người, quyền con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển đất nước”*, Hà Nội.

¹⁹⁰Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo số 01/TB-VPCP ngày 01/01/2025, Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người ngày 11/12/2024*, Hà Nội.

¹⁹¹Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2013 về việc phê duyệt Đề án đưa*

thị số 34/CT-TTg¹⁹², phấn đấu đến hết năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tổ chức giáo dục quyền con người cho người học. Đồng thời, cần nghiên cứu xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường giáo dục quyền con người trong tình hình mới và xây dựng Đề án giáo dục quyền con người giai đoạn 2026-2030.

3.2. Các nhiệm vụ, giải pháp giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới

3.2.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục quốc dân

Đối với giáo dục mầm non: Khẩn trương xây dựng chương trình giáo dục mầm non mới (thay thế chương trình sửa đổi năm 2016), tích hợp nội dung giáo dục quyền con người một cách phù hợp với lứa tuổi, nhằm hình thành những nhận thức ban đầu về sự tôn trọng bản thân và người khác.

Đối với giáo dục phổ thông: Triển khai tập huấn diện rộng về khung nội dung giáo dục quyền con người ở các cấp tiểu học, THCS, THPT. Song song đó, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tích hợp nội dung quyền con người một cách hệ thống và xuyên suốt hơn.

Đối với giáo dục nghề nghiệp: Lồng ghép nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo, gắn với các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, đồng bộ với việc thực hiện Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Đối với giáo dục đại học:

Tích hợp nội dung quyền con người vào môn học Pháp luật đại cương cho sinh viên các ngành không thuộc khối luật, hành chính, nội chính.

Tăng cường và đào sâu nội dung quyền con người trong các môn học chuyên ngành của khối ngành luật, hành chính, nội chính.

nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, Hà Nội.

¹⁹²Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

Xây dựng môn học độc lập về quyền con người và biên soạn bộ giáo trình dùng chung cho các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng thuộc khối ngành luật, hành chính, nội chính, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ¹⁹³.

Đối với đội ngũ nhà giáo: Triển khai có lộ trình việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao nhận thức về quyền con người cho đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học.

3.2.2. Đưa nội dung quyền con người vào đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Thực hiện giảng dạy giáo trình mới “Lý luận và pháp luật về quyền con người” tại hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố cho các lớp cao cấp lý luận chính trị. Tăng thời lượng và cập nhật nội dung quyền con người trong chương trình trung cấp lý luận chính trị.

Đối với cán bộ các cơ quan chuyên trách: Biên soạn chương trình bồi dưỡng kiến thức về quyền con người phù hợp với từng nhóm đối tượng đặc thù:

Đại biểu dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp).

Cán bộ trong các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

Cán bộ thực thi pháp luật (công an, quân đội, kiểm sát, tòa án, thanh tra, kiểm toán).

Nhà báo, cán bộ quản lý các cơ quan truyền thông.

Luật sư, luật gia.

Lãnh đạo doanh nghiệp (gắn trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh với tôn trọng quyền con người).

Giới văn nghệ sĩ, trí thức.

3.2.3. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo gắn với bối cảnh mới của đất nước

Bên cạnh các nhiệm vụ trên, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần được đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, cụ thể:

¹⁹³Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo số 01/TB-VPCP ngày 01/01/2025, Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người ngày 11/12/2024*, Hà Nội.

Gắn với chuyển đổi số quốc gia: Tăng cường giáo dục về quyền con người trên không gian mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, và đạo đức công vụ trong môi trường số. Xây dựng các học liệu điện tử, khóa học trực tuyến (MOOCs) về quyền con người để tạo điều kiện học tập linh hoạt cho mọi đối tượng.

Gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp: Nội dung giáo dục quyền con người phải gắn liền với yêu cầu xây dựng một nền hành chính phục vụ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt, cần chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ ở cấp chính quyền địa phương (tỉnh và huyện) những kiến thức và kỹ năng thực tiễn để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền của người dân ngay tại cơ sở, nâng cao trách nhiệm giải trình và đối thoại với nhân dân.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nhìn lại chặng đường gần 40 năm Đổi mới, có thể khẳng định nhận thức lý luận về quyền con người ở Việt Nam đã có những bước tiến dài. Từ chủ trương “lấy dân làm gốc” được khởi xướng tại Đại hội Đảng VI, tư duy về quyền con người đã dần được thể chế hóa một cách sâu rộng và toàn diện hơn. Đỉnh cao là Hiến pháp năm 2013, với một chương riêng quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, đã tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Việt Nam cũng đã tích cực tham gia và nội luật hóa nhiều công ước quốc tế quan trọng về quyền con người, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc tôn trọng và thúc đẩy các giá trị phổ quát này. Tuy nhiên, đất nước đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, đặt ra những thách thức chưa từng có. Đặc trưng nổi bật của kỷ nguyên này là quá trình cải cách thể chế diễn ra sâu rộng và tác động sâu sắc của cuộc cách mạng số đến mọi mặt của đời sống xã hội. Chính bối cảnh này đòi hỏi một sự chuyển mình mạnh mẽ hơn nữa trong tư duy và hành động về quyền con người. Cách tiếp cận không thể chỉ dừng lại ở việc công nhận mang tính nguyên tắc mà phải thực sự năng động, đi vào thực chất, gắn liền với việc giải quyết các vấn đề gai góc của thực tiễn.

Kiến nghị: Để quyền con người tiếp tục là động lực và mục tiêu cho sự phát triển bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới, cần có sự vào cuộc đồng bộ từ Đảng, Nhà nước, các cơ sở nghiên cứu - đào tạo và toàn xã hội.

1. Đối với Đảng và Nhà nước: Tiếp tục ưu tiên việc hoàn thiện thể chế, đảm bảo thượng tôn pháp luật: Ưu tiên hàng đầu là phải nhanh chóng hoàn thiện hành lang pháp lý để điều chỉnh các vấn đề phát sinh từ kỷ nguyên số. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân và sự ra đời của Luật Công nghiệp công nghệ số 2025, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (dự kiến có hiệu lực từ năm 2026) với các quy định về trí tuệ nhân tạo (AI) là những bước đi đúng hướng. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định cụ thể hơn về quản lý AI, xác định rõ trách nhiệm pháp lý đối với các sản phẩm do AI tạo ra, và đảm bảo công nghệ được phát triển và ứng dụng một cách có trách nhiệm, không xâm phạm đến quyền riêng tư và các quyền tự do cơ bản khác của con người.

Song song với đó, trong quá trình đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước, cần thiết lập một cơ chế khoa học để đánh giá tác động của các chính sách, luật pháp đến quyền con người. Mỗi dự thảo luật, mỗi đề án cải cách cần được xem xét kỹ lưỡng dưới lăng kính nhân quyền, đảm bảo không tạo ra những rào cản hoặc hệ lụy tiêu cực. Quan trọng hơn cả là phải phát huy thực chất vai trò của người dân và các tổ chức xã hội. Việc thực thi hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội sẽ là thước đo cho một nền quản trị quốc gia dân chủ và vì con người.

2. Đối với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo: Các viện nghiên cứu, trường đại học cần phải là những đơn vị tiên phong trong việc đổi mới. Chương trình giảng dạy và các hướng nghiên cứu cần vượt ra khỏi khuôn khổ

lý luận kinh điển để bám sát và giải quyết những vấn đề “nóng” của đất nước trong kỷ nguyên số. Cần có những công trình nghiên cứu sâu, mang tính dự báo về tác động hai mặt của AI, của mạng xã hội, của kinh tế số đến các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng như các quyền dân sự, chính trị.

Việc đưa giáo dục quyền con người trở thành một môn học độc lập trong hệ thống giáo dục quốc dân là một chủ trương quan trọng. Nội dung giảng dạy cần được thiết kế sinh động, gắn với các tình huống thực tiễn để sinh viên, học viên không chỉ hiểu về quyền mà còn biết cách thực hành và bảo vệ quyền của mình và của người khác trong cuộc sống hàng ngày.

3. Đối với toàn xã hội: Xây dựng văn hóa tôn trọng nhân quyền và nâng cao năng lực số. Quyền con người chỉ có thể được bảo đảm một cách bền vững khi nó bén rễ sâu trong đời sống văn hóa xã hội. Cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa việc xây dựng một văn hóa thượng tôn pháp luật, nơi mỗi cá nhân, tổ chức đều tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Đặc biệt, trong bối cảnh kỷ nguyên số, việc nâng cao năng lực số cho mọi công dân trở thành một yêu cầu cấp bách. Mỗi người dân cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể tự bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện và ứng phó với các rủi ro trên không gian mạng. Khi đó, mỗi công dân không chỉ là người thụ hưởng các thành tựu của chuyển đổi số mà còn trở thành một chủ thể tích cực, góp phần xây dựng một môi trường số an toàn, lành mạnh, nơi các giá trị quyền con người được tôn trọng và phát huy. Các mô hình như “tổ công nghệ số cộng đồng” cần được nhân rộng và hoạt động hiệu quả hơn nữa để đưa kỹ năng số đến với mọi người dân.

Bước vào kỷ nguyên mới, Việt Nam có cơ hội to lớn để vươn mình mạnh mẽ, nhưng cũng đối mặt với không ít thách thức. Đặt quyền con người vào vị trí trung tâm của mọi chiến lược phát triển, bằng những hành động cụ thể và thực chất, chính là con đường vững chắc nhất để xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh, dân chủ, công bằng và văn minh.

ĐO LƯỜNG TIẾN BỘ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI THÔNG QUA CÁC CHỈ SỐ VÀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

TS. Chu Thị Thuý Hằng

Viện Quyền con người,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đo lường tiến bộ về quyền con người là yêu cầu tất yếu để các cam kết pháp lý không dừng lại trên văn bản mà được hiện thực hóa thành những bảo đảm cụ thể trong đời sống người dân. Theo Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về Quyền con người (OHCHR), các chỉ số nhân quyền là công cụ quan trọng giúp “hỗ trợ hoạch định chính sách, đánh giá tác động và thực thi các tiêu chuẩn và cam kết nhân quyền” (OHCHR, n.d.)¹⁹⁴. Các chỉ số này cho phép xác định rõ các lỗ hổng, theo dõi tiến độ theo thời gian, và từ đó thúc đẩy trách nhiệm giải trình của nhà nước. Merry (2011) nhấn mạnh rằng trong bối cảnh quản trị toàn cầu, chỉ số không chỉ phục vụ giám sát mà trở thành một “công nghệ cho cải cách” giúp làm nổi bật các bất bình đẳng và thúc đẩy cải tiến xã hội¹⁹⁵.

Bài viết phân tích ba nội dung trọng tâm: (1) phân tích khung lý luận và pháp lý về đo lường tiến bộ quyền con người, (2) đánh giá thực trạng và những thách thức tại Việt Nam khi đo lường tiến bộ về quyền con người thông qua chỉ số, và (3) đề xuất những định hướng khả thi, gắn kết chặt chẽ giữa mô hình chỉ số, hệ thống số liệu minh bạch với trách nhiệm chính sách. Sự cần thiết của bài viết nằm ở khả năng dịch các tiêu chuẩn nhân quyền thành dữ liệu cụ thể, giúp nhà nước không chỉ định hướng chiến lược mà còn có căn cứ rõ ràng để điều chỉnh kịp thời, minh bạch và hiệu quả.

¹⁹⁴Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (n.d.), Human rights indicators. <https://www.ohchr.org/en/instruments-and-mechanisms/human-rights-indicators>

¹⁹⁵Merry, S. E (2011), Measuring the world: Indicators, human rights, and global governance, *Current Anthropology*, 52(S3), S83-S95.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐO LƯỜNG TIẾN BỘ QUYỀN CON NGƯỜI THÔNG QUA CÁC CHỈ SỐ VÀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

2.1. Khái niệm và sự cần thiết của việc đo lường tiến bộ quyền con người thông qua chỉ số

Đo lường tiến bộ về quyền con người thông qua chỉ số là quá trình sử dụng các chỉ số định lượng và định tính được thiết kế khoa học để đánh giá mức độ thực thi và thụ hưởng các quyền con người trong thực tế. Đây là xây dựng các cam kết pháp lý và tiêu chuẩn nhân quyền thành những thước đo cụ thể, khách quan, có thể theo dõi, so sánh và phân tích theo thời gian và không gian. Qua đó, việc đo lường không chỉ phản ánh tình hình hiện tại mà còn giúp phát hiện các hạn chế, thách thức, thúc đẩy trách nhiệm giải trình của Nhà nước, và làm cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách nhằm đảm bảo quyền con người được thực thi đầy đủ và hiệu quả.

Theo Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về Quyền con người (OHCHR), tiến bộ quyền con người phải được đánh giá dựa trên ba nhóm chỉ số: chỉ số cấu trúc (phản ánh cam kết pháp lý và thể chế), chỉ số tiến trình (phản ánh hoạt động thực thi và các chính sách), và chỉ số kết quả (phản ánh tác động thực sự đến người dân)¹⁹⁶. Như vậy, tiến bộ quyền con người là sự chuyển hóa các cam kết thành kết quả cụ thể, được đo lường bằng các chỉ số khách quan để theo dõi và giám sát. Việc sử dụng chỉ số giúp đưa các khái niệm trừu tượng về quyền con người thành các tiêu chí cụ thể, có thể đo đếm và so sánh theo thời gian cũng như giữa các khu vực khác nhau. Điều này cho phép các nhà hoạch định chính sách, tổ chức xã hội và cộng đồng quốc tế đánh giá được mức độ thực hiện quyền một cách rõ ràng và minh bạch, đồng thời thúc đẩy trách nhiệm giải trình từ phía các cơ quan quản lý nhà nước.

¹⁹⁶Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2012), Human rights indicators: A guide to measurement and implementation, United Nations, https://www.ohchr.org/Documents/Publications/Human_rights_indicators_en.pdf

Đo lường tiến bộ quyền con người bằng chỉ số và thống kê có vai trò chiến lược trong nhiều lĩnh vực. Việc sử dụng chỉ số quyền con người không phải là phương pháp mới mẻ. Các chỉ số thống kê được đề cập rõ ràng trong các điều ước quốc tế về quyền con người như một trong những công cụ để thực hiện các quyền được bảo vệ theo các điều ước. Liên quan đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Điều 12 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa yêu cầu các quốc gia, để thực hiện đầy đủ quyền đối với tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất có thể đạt được, phải thực hiện các bước cần thiết cho “quy định để giảm tỷ lệ thai chết lưu và tử vong ở trẻ sơ sinh”. Tương tự như vậy, Điều 10 (f) của Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ yêu cầu các Quốc gia phải thực hiện các biện pháp để đảm bảo “giảm tỷ lệ học sinh nữ bỏ học” như một phương tiện để đảm bảo quyền được hưởng giáo dục bình đẳng giữa nam và nữ. Điều 31 của Công ước về quyền của người khuyết tật, một trong những công ước về quyền con người gần đây nhất, quy định rõ ràng về nghĩa vụ của Nhà nước trong việc thu thập thông tin, bao gồm cả dữ liệu thống kê và nghiên cứu, để xây dựng và thực hiện các chính sách có hiệu lực đối với Công ước. Điều này cũng yêu cầu các quốc gia đảm bảo rằng quá trình thu thập và duy trì thông tin tuân thủ các biện pháp bảo vệ pháp lý, các tiêu chuẩn quyền con người và các nguyên tắc đạo đức. Hơn nữa, nó yêu cầu các số liệu thống kê được tổng hợp phải được phân tách một cách thích hợp và được sử dụng để giúp đánh giá việc thực hiện điều ước của các Quốc gia thành viên, đồng thời xác định và giải quyết các rào cản mà người khuyết tật phải đối mặt trong việc thực hiện các quyền của họ. Cuối cùng, những số liệu thống kê này phải được phổ biến và giúp người khuyết tật và những người khác có thể tiếp cận được¹⁹⁷.

¹⁹⁷UN, Substantive session of 2011.

s UN, Substantive session of 2011, Geneva, 4-29 July 2011 Item 14 (g) of the provisional agenda Social and human rights questions: human rights E/2011/90 Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights,

Các bình luận chung do Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đưa ra thường xuyên giải quyết nhu cầu của các quốc gia thành viên phải thông qua các chỉ số và tiêu chuẩn thích hợp trong các chiến lược và chính sách quốc gia của họ, bao gồm số liệu thống kê và khung thời gian tách biệt, để cho phép thực hiện và giám sát hiệu quả các quyền theo Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Tương tự, khuyến nghị chung số 9 của Ủy ban Xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng dữ liệu thống kê tách biệt để hiểu được tình hình thực tế của phụ nữ.

Tuyên bố Vienna và Chương trình Hành động năm 1993 nêu rõ rằng “để tăng cường việc thụ hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, cần xem xét các phương pháp tiếp cận bổ sung, chẳng hạn như một hệ thống các chỉ số để đo lường sự tiến bộ trong việc thực hiện các quyền được quy định trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa” (đoạn 98). Tuyên bố Durban và Chương trình Hành động năm 2001 kêu gọi các quốc gia thu thập, biên soạn, phân tích, phổ biến và công bố dữ liệu thống kê đáng tin cậy để đánh giá thường xuyên tình hình của các nạn nhân của phân biệt chủng tộc, kỳ thị chủng tộc, bài ngoại và không khoan dung liên quan, bao gồm các chỉ số kinh tế và xã hội cần thiết cho việc xây dựng các chính sách để thu hẹp khoảng cách hiện có trong xã hội và điều kiện kinh tế (đoạn 92). Hướng dẫn tự nguyện hỗ trợ việc thực hiện tiến bộ quyền có đủ lương thực trong bối cảnh an ninh lương thực quốc gia do Hội đồng của Tổ chức Nông lương thông qua năm 2004 cung cấp hướng dẫn về việc xây dựng và sử dụng các chỉ số trong việc giám sát việc thực hiện dần dần quyền về thực phẩm (xem hướng dẫn 17)¹⁹⁸.

https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Issues/ESCR/E_2011_90_en.pdf

¹⁹⁸ UN, Substantive session of 2011, Geneva, 4-29 July 2011 Item 14 (g) of the provisional agenda Social and human rights questions: human rights E/2011/90 Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights,

Ngoài các yêu cầu mang tính quy phạm, có nhiều nhu cầu và cơ hội thực tế hơn cho việc sử dụng các chỉ số nhân quyền. **Thứ nhất**, việc sử dụng các chỉ số đã được tìm kiếm như một công cụ để củng cố việc đo lường một cách có hệ thống những thay đổi được thực hiện theo thời gian trong việc thụ hưởng các quyền con người. Trong khi việc sử dụng các chỉ số liên quan như nhau đến tất cả các quyền con người, nhiều nỗ lực hơn đã được thực hiện trong lĩnh vực quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Điều này là do một số công ước quy định các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, chẳng hạn như Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, cũng như hiến pháp nhiều quốc gia thừa nhận rằng việc thực hiện đầy đủ các quyền này là đạt được một cách dần dần dựa trên các nguồn lực sẵn có. Khái niệm “hiện thực hóa dần dần, từng bước một” đòi hỏi các Quốc gia và các cơ chế giám sát quyền con người phải theo dõi những tiến trình đạt được trong một khoảng thời gian hướng tới việc thực hiện đầy đủ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, và buộc các cơ chế phải thiết lập các công cụ để giám sát những thay đổi đó.

Thứ hai, việc sử dụng các chỉ số về quyền con người giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi quyền con người trong các chính sách công. Điều này có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, vì nó thường đòi hỏi một loạt các biện pháp chính sách trên các lĩnh vực khác nhau. Ví dụ, cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu năm 2008 nhấn mạnh rằng cần có các chính sách phối hợp giữa nhiều lĩnh vực để bảo vệ quyền được hưởng lương thực của những người bị ảnh hưởng. Việc sử dụng các chỉ số là phổ biến đối với những người làm công tác chính sách công, chẳng hạn như các nhà phát triển, nhà thống kê và các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau (ví dụ: y tế công cộng, nông nghiệp, quy hoạch đô thị, giáo dục, việc làm và phúc lợi xã hội). Đối với những chủ thể này, phương pháp luận về các chỉ số quyền con người có thể giúp lồng ghép việc

thực hiện quyền con người vào công việc của họ và do đó giúp làm cho các chính sách công nhạy cảm hơn với quyền con người. Việc sử dụng các chỉ số quyền con người cũng có thể giúp đảm bảo tính hiệu quả và tính toàn diện của phân tích chính sách; ví dụ, các phương pháp luận về các chỉ số quyền con người có thể tiết lộ các mô hình bất bình đẳng và bất công cơ bản đang tồn tại, có thể bị bỏ qua và có thể cản trở việc đạt được các mục tiêu chính sách tổng thể. Nhiều đánh giá của các tổ chức phát triển liên quan đến các khu vực Bắc Phi và Ả Rập trước khi diễn ra các cuộc nổi dậy phổ biến trong năm 2010-2011 là tích cực, vì chúng đã được dựa trên về tăng trưởng kinh tế của các quốc gia và các bước tiến tới dân chủ. Tuy nhiên, họ đã thất bại trong việc tính đến tình trạng bất bình đẳng và bất công xã hội ngày càng gia tăng, chẳng hạn như từ chối tiếp cận công bằng với việc làm và các dịch vụ xã hội¹⁹⁹.

2.2. Vai trò của các chỉ số trong việc thực hiện và giám sát các quyền con người nhằm đo lường sự tiến bộ về quyền con người

Thứ nhất, đánh giá các chuẩn mực quyền con người được thực hiện

Các chỉ số về quyền con người giúp xác định các xu hướng báo hiệu sự tiến bộ, trì trệ hoặc vi phạm trong việc thực hiện các quyền con người. Ví dụ, trong một báo cáo gửi Hội đồng Nhân quyền, Báo cáo viên đặc biệt tại Úc về quyền về nhà ở (thuộc quyền có mức sống đầy đủ) đã cảnh báo các xu hướng ngược lại trong các chỉ số liên quan đến quyền về nhà ở. Ông chỉ ra rằng “các chỉ số hiện tại từ các nguồn khác nhau cho thấy kết quả thụt lùi: giảm nhà ở công, tỷ lệ thuê nhà tư nhân tăng cao, cuộc khủng hoảng khả năng chi trả nhà ở được thừa nhận và số người vô gia cư ở Úc không thực sự giảm”.

Khi các chỉ số được phân tách một cách phù hợp, các chỉ số về quyền con người cũng có thể cung cấp một cơ sở hữu ích để xác định sự phân biệt

¹⁹⁹UN, Substantive session of 2011, Geneva, 4-29 July 2011 Item 14 (g) of the provisional agenda Social and human rights questions: human rights E/2011/90, Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights, https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Issues/ESCR/E_2011_90_en.pdf

đối xử. Ủy ban Quyền trẻ em đã phân tích mức sống của trẻ em ở Georgia được đo bằng các chỉ số về khả năng tiếp cận nhà ở, nước và vệ sinh, đồng thời xác định sự chênh lệch lớn về mức sống giữa trẻ em trong nước tùy thuộc vào việc chúng sống ở nông thôn hay khu vực thành thị, quy mô và cấu trúc của gia đình họ và liệu họ có tình trạng tị nạn hay không.

Các chỉ số cũng có thể chứng minh tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau của quyền con người. Báo cáo OHCHR về tỷ lệ tử vong và bệnh tật ở bà mẹ và quyền con người có thể ngăn ngừa được cho biết rằng việc tước đoạt quyền được học hành làm suy yếu quyền được hưởng sức khỏe của phụ nữ. Nhận định này dựa trên kết quả rằng tỷ lệ biết chữ và trình độ học vấn thấp của phụ nữ tương quan chặt chẽ với tỷ lệ tử vong mẹ cao và với một số chỉ số về sức khỏe bà mẹ, bao gồm tỷ lệ sinh cao, ít sử dụng dịch vụ chăm sóc trước sinh, tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tránh thai thấp hơn và thấp hơn tuổi khi sinh lần đầu.

Thứ hai, thiết lập các bước rõ ràng hơn để thực hiện các chính sách và chương trình công

Một tập hợp các chỉ số và tiêu chuẩn cụ thể và có thể đo lường được nhằm tăng cường hiệu quả, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các chính sách. Năm 2000, Báo cáo Phát triển Con người do Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc đưa ra đã gợi ý rằng các chỉ số quyền con người có thể đóng một vai trò nào đó trong việc: đưa ra các chính sách tốt hơn và giám sát tiến độ; xác định các tác động không mong muốn của luật pháp, chính sách và thông lệ; xác định những tác nhân nào đang có tác động đến việc thực hiện các quyền; tiết lộ liệu các nghĩa vụ của các tác nhân này có được đáp ứng hay không; đưa ra cảnh báo sớm về các vi phạm tiềm ẩn và đưa ra các hành động ngăn chặn; tăng cường sự đồng thuận của xã hội đối với những đánh đổi khó thực hiện khi đối mặt với những hạn chế về nguồn lực...

Các sáng kiến đã được thực hiện để sử dụng các chỉ số giám sát việc thực hiện các chính sách công ở cấp quốc gia. Ví dụ, ở Nepal, Chính phủ, các tổ chức nhân quyền quốc gia và các tổ chức xã hội dân sự, với sự hỗ trợ của

OHCHR, đang xác định và bối cảnh hóa các chỉ số để giám sát các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Những nỗ lực như vậy đã dẫn đến việc lồng ghép các chỉ số về quyền con người vào Kế hoạch Hành động quyền con người Quốc gia, trong đó vạch ra các kế hoạch và ưu tiên của Chính phủ cho giai đoạn 2010-2012 trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, quản lý tư pháp và xây dựng thể chế, đồng thời tạo ra các chương trình mục tiêu cho các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương. Các sáng kiến tương tự cũng đã được thực hiện ở Ecuador và Kenya nhằm phát triển các chỉ số quyền con người được lồng ghép vào các kế hoạch và chính sách quốc gia.

Thứ ba, đặt ra các tiêu chí khách quan để các cơ chế quyền con người quốc tế và quốc gia giám sát tiến độ đạt được trong việc thực hiện đầy đủ các quyền con người

Tại Mexico, Ủy ban nhân quyền quốc gia đang xác định các chỉ số để giám sát có hệ thống hơn các quyền con người. Tương tự, ở Vương quốc Anh và Bắc Ireland, Ủy ban Bình đẳng và quyền con người (hợp tác với Ủy ban Nhân quyền Scotland) đã phát triển Khung đo lường quyền con người cho Anh, Scotland và Wales, sẽ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ giám sát và báo cáo của mình, bao gồm cả khi báo cáo với Nghị viện. Các chỉ số được xác định bao gồm quyền được ăn uống đầy đủ, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được học hành và quyền có nhà ở đầy đủ.

Các cơ chế nhân quyền khu vực cũng đang phát triển các phương pháp luận để sử dụng các chỉ số trong việc giám sát việc thực hiện các công ước quyền con người ở khu vực. Ủy ban Nhân quyền Liên Mỹ hiện đang phát triển Hướng dẫn xây dựng các chỉ số trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hoá để đánh giá và giám sát các quyền được quy định trong Nghị định thư bổ sung cho Công ước châu Mỹ về quyền con người. Hướng dẫn nhằm cung cấp cho các Quốc gia thành viên, các cơ quan khác của Hệ thống liên Mỹ và các tổ chức xã hội dân sự một công cụ để báo cáo thường xuyên theo Nghị định thư và thiết kế một cơ chế đánh giá nội bộ thường trực cho mỗi quốc gia thành viên.

Trong báo cáo định kỳ của mình cho Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Vương quốc Anh chỉ ra rằng họ đã đặt mục tiêu giảm 10% sự bất bình đẳng về kết quả sức khỏe vào năm 2010, được đo bằng tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và tuổi thọ. Nó cũng đặt mục tiêu đến năm 2010 giảm ít nhất 10% khoảng cách giữa nhóm khu vực có các chỉ số sức khỏe và thiếu thốn kém nhất và dân số nói chung.

Thứ tư, hỗ trợ các yêu cầu bồi thường đối với những người chịu trách nhiệm, chẳng hạn như các cơ quan chính phủ, tại tòa án và các cơ chế giải quyết khác.

Các chỉ số có thể được các chủ thể quyền, tức là các cá nhân và nhóm, sử dụng như một bằng chứng so sánh về việc họ bị vi phạm các quyền con người và tìm kiếm các biện pháp khắc phục. Các chủ thể quyền đang tích cực sử dụng các chỉ số để yêu cầu các quyền của họ và giám sát các cam kết của Chính phủ để khắc phục tình trạng của họ. Cùng với các tổ chức xã hội dân sự, cư dân của khu chung cư Seven Towers ở Bắc Ireland đã phát triển sáu chỉ số, bao gồm chỉ số quá trình và kết quả, để hỗ trợ cho khiếu nại của họ rằng quyền có nhà ở đầy đủ của họ đã bị vi phạm. Bộ trưởng Bộ Phát triển Xã hội cam kết cải thiện điều kiện nhà ở của họ bằng cách đáp ứng các tiêu chuẩn do cộng đồng đề xuất, trong khi cộng đồng thường xuyên giám sát việc thực hiện các cam kết bằng các chỉ số này²⁰⁰.

Như vậy, việc đo lường tiến bộ về quyền con người không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn mang ý nghĩa chính trị và quản trị sâu sắc. Nó giúp chuyển các cam kết pháp lý trở thành những kết quả cụ thể trong đời sống người dân, tạo cơ sở để các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức xã hội và cộng đồng quốc tế phối hợp hiệu quả trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Xây dựng hệ thống chỉ số và số liệu minh bạch là nền tảng vững chắc để bảo đảm tiến bộ quyền con người được giám sát khách quan, minh bạch và kịp thời.

²⁰⁰UN, Substantive session of 2011, Geneva, 4-29 July 2011Item 14 (g) of the provisional agenda Social and human rights questions: human rights E/2011/90, Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights, https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Issues/ESCR/E_2011_90_en.pdf

3. THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC TRONG ĐO LƯỜNG QUYỀN CON NGƯỜI THÔNG QUA CÁC CHỈ SỐ VÀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng đo lường tiến bộ về quyền con người thông qua các chỉ số và số liệu thống kê về quyền con người ở Việt Nam

Việc xây dựng và áp dụng chỉ số quyền con người tại Việt Nam là một quá trình quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về quyền con người và cải thiện tình hình thực thi các quyền này trong xã hội. Phân tích sâu sắc về vấn đề này cần phải xem xét từ nhiều góc độ khác nhau, bao gồm bối cảnh pháp lý, xã hội, và thực tiễn áp dụng.

Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều công ước quốc tế về quyền con người, trong đó có Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người của Liên Hợp quốc và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Chỉ số quyền con người có thể giúp Việt Nam đánh giá được mức độ tuân thủ các cam kết quốc tế này một cách rõ ràng hơn. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc đo lường và báo cáo tiến độ thực hiện quyền con người thông qua các chỉ số và số liệu thống kê. Một trong những điểm nổi bật là việc nội địa hóa một số chỉ tiêu của Chương trình Phát triển Bền vững (SDGs), đặc biệt là các chỉ số liên quan đến quyền kinh tế - xã hội như y tế, giáo dục và an sinh xã hội. Việc áp dụng các chỉ tiêu này giúp Việt Nam có thể đánh giá được mức độ phát triển và thụ hưởng các quyền cơ bản của người dân một cách hệ thống và tương đối đầy đủ.

Thứ nhất, đánh giá tiến bộ về quyền con người thông qua chỉ số PAPI

Trong 15 năm qua, khảo sát PAPI năm 2023 đạt số lượng phỏng vấn trực tiếp ở mức kỷ lục là 19.536 người dân là cử tri trên phạm vi toàn quốc. So sánh kết quả khảo sát PAPI năm 2023 với năm 2021 và năm 2022 cho thấy, nhìn chung hiệu quả kiểm soát tham nhũng trong khu vực công và hiệu quả quản trị điện tử được cải thiện phần nào²⁰¹. Ngược lại, hiệu quả thực hiện

²⁰¹<https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/the-167thao-sat-papi-2023-nguoi-dan-cho-biet-co-cai-thien->

công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương có xu hướng giảm sút. Năm chỉ số nội dung còn lại, gồm ‘Tham gia của người dân ở cấp cơ sở’, ‘Trách nhiệm giải trình với người dân’, ‘Thủ tục hành chính công’, ‘Cung ứng dịch vụ công’ và ‘Quản trị môi trường’ cho thấy hiệu quả thực hiện công vụ ở những lĩnh vực này ít thay đổi so với hai năm trước.

Theo đánh giá của người dân, công tác kiểm soát tham nhũng trong khu vực công ở địa phương có cải thiện nhưng chưa đáng kể, thể hiện qua mức tăng điểm ở chỉ số nội dung này còn khiêm tốn, từ 6,71 điểm vào năm 2022 lên 6,77 vào năm 2023. Mức thay đổi theo hướng tích cực hơn này cũng phù hợp với xếp hạng của người dân về các vấn đề Nhà nước cần tập trung giải quyết trong thời gian tới: tham nhũng đã giảm từ vị trí thứ năm vào năm 2022 xuống vị trí thứ sáu vào năm 2023 trong danh mục top 10 vấn đề đáng quan ngại nhất trong năm. Bên cạnh đó, người dân có cảm nhận hiện trạng tham nhũng có xu hướng giảm ở 5 trong số 8 hoạt động công vụ đo lường qua PAPI²⁰². Đó là: cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng, người dân phải đưa ‘lót tay’ để làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính quyền địa phương nhận chung chi để doanh nghiệp trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường, phụ huynh phải “bồi dưỡng” giáo viên để con em được quan tâm hơn ở trường tiểu học công lập, và người dân phải đưa “lót tay” để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh ở bệnh viện công. Mặc dù vậy, trong năm 2023, tỉ lệ người cho rằng cần phải đưa ‘lót tay’ để bảo đảm xin được việc làm trong khu vực Nhà nước cao hơn so với năm 2021.

Kết quả khảo sát PAPI 2023 cũng cho thấy một số hành vi tham nhũng vẫn tồn tại trong khu vực công ở địa phương, tác động tiêu cực đến niềm tin của người dân. Đáng chú ý là số người cho rằng cần phải dựa vào “quan hệ” để có được việc làm trong cơ quan Nhà nước vẫn ở mức cao, mặc dù tỉ lệ

trong-no-luc-phong-chong-tham-nhung-va-quan-tri-dien-tu-o-dia-phuong

²⁰²<https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/theo-khao-sat-papi-2023-nguoi-dan-cho-biet-co-cai-thien-trong-no-luc-phong-chong-tham-nhung-va-quan-tri-dien-tu-o-dia-phuong>.

người dân có cảm nhận như vậy đã giảm kể từ năm 2016... Kết quả khảo sát năm 2023 cho thấy những thay đổi tích cực về điều kiện tiếp cận internet của người dân và mức độ sử dụng các công dịch vụ công ở địa phương so với năm 2020. Mặc dù có tới gần 80% người dân tham gia khảo sát PAPI năm 2023 cho biết họ đã dùng internet tại nhà, song “khoảng cách số” trong tiếp cận internet giữa các nhóm dân cư khác nhau về giới tính, khu vực sinh sống, dân tộc hoặc tình trạng hộ khẩu vẫn là vấn đề đáng quan tâm. Đáng chú ý là tỉ lệ nam giới có điều kiện sử dụng internet cao hơn từ 5%-10% so với nữ giới, và người đồng bào dân tộc thiểu số cũng có mức độ tiếp cận internet thấp hơn từ 10%-20% so với người Kinh qua các năm từ 2016 đến 2023²⁰³.

Bên cạnh đó, kết quả PAPI năm 2023 cũng cho thấy đa số người dân chưa dùng dịch vụ công trực tuyến. Năm 2023, có khoảng 8,3% số người được hỏi cho biết họ đã sử dụng Cổng dịch vụ công Quốc gia, và 7,6% sử dụng Cổng dịch vụ công cấp tỉnh trên phạm vi toàn quốc. Một trong những lý do khiến người dân chưa dùng dịch vụ công trực tuyến là do lo ngại về quyền riêng tư, với 1/3 số người đã dùng các công dịch vụ công nêu lý do này²⁰⁴.

Thứ hai, đánh giá tiến bộ về quyền con người thông qua chỉ số xóa đói giảm nghèo

Xóa đói giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đây không chỉ là một mục tiêu mang tính nhân văn cao cả, mà còn là điều kiện cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Thực hiện chỉ số xóa đói giảm nghèo đòi hỏi sự nỗ lực phối hợp từ nhiều phía: Nhà nước, cộng đồng, tổ chức quốc tế, và chính người dân. Trong bối cảnh Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức, việc thực hiện chỉ số này có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

²⁰³<https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/theo-khao-sat-papi-2023-nguoi-dan-cho-biet-co-cai-thien-trong-no-luc-phong-chong-tham-nhung-va-quan-tri-dien-tu-o-dia-phuong>.

²⁰⁴<https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/theo-khao-sat-papi-2023-nguoi-dan-cho-biet-co-cai-thien-trong-no-luc-phong-chong-tham-nhung-va-quan-tri-dien-tu-o-dia-phuong>.

Trong hơn ba thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những thành công ấn tượng trong việc giảm nghèo. Từ một quốc gia có mức thu nhập thấp và tỷ lệ nghèo đói cao, Việt Nam đã trở thành một hình mẫu điển hình trong việc thực hiện các chương trình giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân. Nếu như năm 1993, tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam chiếm hơn 58% thì đến năm 2021, con số này là 2,23%. Thu nhập bình quân đầu người năm 1993 đạt 185 USD thì đến cuối năm 2023, con số này là 4.284 USD. Nguồn lực Nhà nước dành cho xóa đói giảm nghèo tăng từ 200 tỷ đồng năm 1993 lên 12.000 tỷ đồng năm 2020. Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt mục tiêu đến năm 2030 có 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; Tỷ lệ hộ tiếp cận điện có xu hướng tăng và đạt 99,5% vào năm 2022 với khoảng cách giữa thành thị - nông thôn được thu hẹp đáng kể, từ mức chênh lệch 1,3% xuống chỉ còn 0,1% trong giai đoạn 2018 - 2022²⁰⁵. Tuy nhiên, tình trạng đói nghèo vẫn còn hiện hữu, đặc biệt tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số. Đây là những khu vực thường xuyên phải đối mặt với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng thiếu thốn và cơ hội việc làm hạn chế. Sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền và nhóm dân cư cũng là một vấn đề lớn, đặt ra nhiều thách thức cho các nhà hoạch định chính sách.

Nhằm đối phó với tình trạng trên, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và triển khai các chương trình mục tiêu giảm nghèo. Điển hình là Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, với các nội dung trọng tâm như hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng ở vùng khó khăn, cấp vốn vay ưu đãi cho người nghèo, và cung cấp các khóa đào tạo nghề nhằm nâng cao năng lực lao động. Ngoài ra, các chính sách về bảo hiểm y tế, hỗ trợ giáo dục cho học sinh nghèo, và trợ cấp xã hội cũng được triển khai rộng rãi. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ vào quản lý và giám sát các chương trình giảm nghèo

²⁰⁵<https://vov.vn/chinh-tri/giam-ngheo-o-viet-nam-duoc-vi-nhu-mot-cuoc-cach-mang-post1094370.vov>

đã giúp cải thiện tính minh bạch và hiệu quả trong việc triển khai chính sách.

Nhờ những nỗ lực không ngừng nghỉ, Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc giảm nghèo. Theo Ngân hàng Thế giới, Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trong khu vực Đông Nam Á về tốc độ giảm nghèo. Hàng triệu người đã thoát nghèo, có cơ hội tiếp cận với giáo dục, y tế và việc làm tốt hơn. Không chỉ vậy, Việt Nam còn được cộng đồng quốc tế đánh giá cao về sự linh hoạt và sáng tạo trong cách tiếp cận vấn đề giảm nghèo. Các sáng kiến như xây dựng mô hình hợp tác xã, phát triển du lịch cộng đồng hay hỗ trợ khởi nghiệp cho người nghèo đã mang lại hiệu quả tích cực, góp phần cải thiện đời sống của hàng triệu người dân.

Mặc dù đạt được nhiều thành công, việc thực hiện chỉ số xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức. Sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền vẫn còn lớn, đòi hỏi những chính sách mang tính đột phá và dài hạn. Biến đổi khí hậu tiếp tục gây áp lực lớn lên đời sống và sinh kế của người dân, đặc biệt là ở những khu vực dễ bị tổn thương. Ngoài ra, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa cũng khiến nhiều người dân nông thôn bị mất đất sản xuất, làm gia tăng nguy cơ tái nghèo.

Thứ ba, đánh giá tiến bộ về quyền con người thông qua chỉ số bình đẳng giới

Bình đẳng giới là một trong những mục tiêu quan trọng và mang tính toàn cầu trong Chiến lược Phát triển Bền vững của Liên Hợp quốc. Việt Nam, với cam kết mạnh mẽ trong việc đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ, đã và đang triển khai nhiều chính sách và chương trình nhằm thúc đẩy sự tiến bộ trong lĩnh vực này. Thực hiện chỉ số bình đẳng giới không chỉ là thước đo sự phát triển của một quốc gia mà còn là cơ sở để xây dựng một xã hội công bằng, nơi mọi người đều có cơ hội và quyền lợi như nhau.

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc cải thiện bình đẳng giới. Theo Báo cáo Chỉ số Phát triển Giới của Liên Hợp quốc, Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia có tiến bộ nhanh nhất trong việc thu hẹp khoảng

cách giới. Tỷ lệ nữ tham gia vào lực lượng lao động đạt trên 70%, một con số ấn tượng so với nhiều quốc gia trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cần giải quyết. Phụ nữ thường chịu thiệt thòi trong việc tiếp cận các cơ hội giáo dục, y tế và việc làm ở một số khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Bạo lực trên cơ sở giới vẫn là một vấn đề nghiêm trọng, gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi và an toàn của phụ nữ. Ngoài ra, định kiến giới và các quan niệm truyền thống vẫn còn tồn tại, đặc biệt trong việc phân công vai trò trong gia đình và xã hội.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới là các yếu tố văn hóa và xã hội. Ở nhiều vùng nông thôn, quan niệm truyền thống về vai trò của nam giới và nữ giới vẫn ăn sâu, khiến phụ nữ phải gánh vác công việc gia đình mà ít có cơ hội phát triển bản thân. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật và chính sách mặc dù đã có sự cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn những khoảng trống trong việc đảm bảo quyền lợi của phụ nữ. Ví dụ, phụ nữ vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận quyền sở hữu đất đai hoặc nguồn tài chính. Ngoài ra, bạo lực gia đình và các hình thức phân biệt đối xử trong công việc và giáo dục cũng là những rào cản lớn đối với tiến trình bình đẳng giới.

Để cải thiện bình đẳng giới, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và chương trình mang tính chiến lược. Luật Bình đẳng giới (2006) và Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007) là hai cơ sở pháp lý quan trọng, khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em gái. Ngoài ra, các chiến lược quốc gia như Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 tập trung vào việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội. Chính phủ cũng đã triển khai nhiều chương trình nhằm hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đào tạo nghề và nâng cao năng lực lãnh đạo.

Nhờ những nỗ lực không ngừng nghỉ, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ đại biểu Quốc hội nữ đã tăng từ 18% (giai đoạn 1986 - 1991) lên 30,26% (giai đoạn 2021-2025), vượt chỉ tiêu đặt ra và cao hơn

mức trung bình của thế giới. Ở cấp địa phương, tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 29%, cấp huyện là 29,2% và cấp xã là 28,98%. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt tại ủy ban nhân dân các cấp cũng tăng: từ 32,14% lên 37,7% ở cấp tỉnh và từ 21,95% lên 24,94% ở cấp xã so với nhiệm kỳ trước. Đặc biệt, tỷ lệ phụ nữ giữ vị trí lãnh đạo quan trọng trong các bộ, ngành và cơ quan thuộc Chính phủ đạt 46,67% vào năm 2023. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Việt Nam đứng thứ 96 trong 146 quốc gia trên thế giới tham gia xếp hạng về bình đẳng giới trong tham chính²⁰⁶.

Dù đã đạt được nhiều tiến bộ, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong việc đạt được bình đẳng giới toàn diện. Định kiến giới và quan niệm truyền thống vẫn ảnh hưởng sâu rộng, làm hạn chế cơ hội của phụ nữ trong một số lĩnh vực. Ngoài ra, sự chênh lệch về tiền lương giữa nam và nữ vẫn còn tồn tại, với mức lương của phụ nữ thường thấp hơn nam giới ở cùng một vị trí. Bạo lực gia đình, quấy rối tình dục tại nơi làm việc và sự phân biệt đối xử trong các cơ hội thăng tiến cũng là những vấn đề cần được giải quyết triệt

Để thúc đẩy bình đẳng giới, cần thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp từ cấp độ pháp luật, chính sách đến cộng đồng. Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo rằng tất cả các quy định đều có tính thực thi cao và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ. Thứ hai, cần tăng cường giáo dục và tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức xã hội về vai trò của phụ nữ và nam giới. Các chương trình giáo dục cộng đồng cần tập trung vào việc xóa bỏ định kiến giới và nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng. Thứ ba, cần tăng cường hỗ trợ cho phụ nữ trong việc tiếp cận các nguồn lực kinh tế như vốn vay, đất đai và thị trường. Đồng thời, thúc đẩy các chương trình khởi nghiệp và phát triển kỹ năng cho phụ nữ để họ có thể tự chủ và vươn lên trong cuộc sống.

Bình đẳng giới không chỉ là mục tiêu của riêng phụ nữ mà còn là điều

²⁰⁶<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/996002/dong-gop-cua-phu-nu-viet-nam-qua-gan-40-nam-tien-hanh-cong-cuoc-doi-moi.aspx>

kiện cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ. Với những chính sách và chương trình đã triển khai, cùng sự đồng lòng của toàn xã hội, Việt Nam hoàn toàn có thể đạt được những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực này. Thực hiện chỉ số bình đẳng giới không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã có sự hợp tác quốc tế trong việc thực hiện một số khảo sát và báo cáo nhân quyền. Các tổ chức quốc tế như Liên Hợp quốc, Ngân hàng Thế giới và các tổ chức phi chính phủ đã hỗ trợ cung cấp dữ liệu, phương pháp và kỹ thuật thu thập dữ liệu, giúp nâng cao chất lượng và độ tin cậy của các số liệu được công bố. Việc tham gia các khảo sát quốc tế cũng tạo điều kiện để Việt Nam so sánh tình hình quyền con người của mình với các quốc gia khác, đồng thời đáp ứng yêu cầu minh bạch trong các báo cáo quốc tế như Báo cáo Định kỳ Toàn diện (UPR).

3.2. Một số thách thức và nguyên nhân

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ, việc đo lường quyền con người ở Việt Nam vẫn còn tồn tại không ít hạn chế. Trước hết, Việt Nam chưa xây dựng được một bộ chỉ số quyền con người quốc gia thống nhất và toàn diện. Hiện nay, các chỉ số được sử dụng còn rải rác, chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong việc tổng hợp, so sánh và đánh giá toàn diện tiến trình thực hiện quyền con người. Đặc biệt, dữ liệu về các quyền dân sự - chính trị vẫn còn thiếu hụt và khó đo lường. Những quyền này thường có tính chất định tính và nhạy cảm hơn, do đó chưa được thu thập một cách hệ thống và khách quan như các quyền kinh tế - xã hội. Việc thiếu hụt số liệu về các quyền này làm hạn chế khả năng đánh giá đầy đủ tiến bộ và các thách thức mà Việt Nam đang đối mặt trong lĩnh vực quyền con người.

Ngoài ra, việc phân tách dữ liệu theo các yếu tố như giới, độ tuổi, dân tộc và vùng miền còn rất hạn chế. Điều này gây khó khăn trong việc xác định các nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương, dẫn đến nguy cơ bỏ sót các vấn đề

bất bình đẳng hoặc phân biệt đối xử trong xã hội.

Nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trong đo lường tiến bộ quyền con người ở Việt Nam có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Một trong những nguyên nhân chính là thiếu cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả trong việc thống kê và thu thập dữ liệu nhân quyền. Hiện nay, nhiều cơ quan nhà nước liên quan chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng và quản lý hệ thống dữ liệu nhân quyền, dẫn đến sự chồng chéo hoặc bỏ sót thông tin quan trọng. Bên cạnh đó, năng lực về thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu ở các cấp, các ngành chưa đồng đều. Một số địa phương và cơ quan chưa có đủ nguồn lực và chuyên môn để thực hiện các công việc này một cách chính xác và kịp thời. Điều này làm giảm chất lượng và tính kịp thời của các số liệu được công bố, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của việc đánh giá tiến độ thực hiện quyền con người.

Ngoài ra, đặc điểm của một số quyền con người vốn mang tính định tính và phức tạp, như quyền dân sự - chính trị, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do hội họp, tạo ra những khó khăn nhất định trong việc lượng hóa và thu thập dữ liệu. Những thách thức về phương pháp nghiên cứu và nguồn lực kỹ thuật khiến cho việc xây dựng chỉ số và thống kê cho các quyền này còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

4. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐO LƯỜNG SỰ TIẾN BỘ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI THÔNG QUA CHỈ SỐ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Thứ nhất, xây dựng Bộ chỉ số quyền con người quốc gia

Việc xây dựng một Bộ chỉ số quyền con người quốc gia thống nhất là bước đi then chốt để Việt Nam có thể đo lường tiến bộ nhân quyền một cách toàn diện và hiệu quả. Bộ chỉ số này cần được thiết kế dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa khung chỉ số nhân quyền do Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về Quyền con người (OHCHR) đề xuất và các chỉ tiêu phát triển bền vững (SDGs)

đã được Việt Nam nội luật hóa. Sự kết hợp này không những giúp tận dụng các tiêu chuẩn quốc tế đã được kiểm nghiệm mà còn đảm bảo phù hợp với bối cảnh đặc thù và các ưu tiên phát triển của quốc gia. Đồng thời, Bộ chỉ số phải phản ánh đầy đủ các nhóm quyền con người bao gồm cả các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và chính trị, đặc biệt là quyền của các nhóm yếu thế như người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em và người nghèo.

Thứ hai, nâng cao năng lực thống kê nhân quyền

Năng lực của các cơ quan thực thi và thống kê là yếu tố quyết định thành công của quá trình đo lường tiến bộ quyền con người. Do đó, việc đào tạo bài bản và chuyên sâu về phương pháp đo lường và phân tích dữ liệu nhân quyền là cần thiết. Những kiến thức về thiết kế chỉ số, thu thập dữ liệu định lượng và định tính, cũng như phân tích xu hướng và sự bất bình đẳng sẽ giúp cán bộ thống kê nâng cao chất lượng số liệu, đảm bảo tính chính xác và khả thi trong việc áp dụng. Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ số và dữ liệu lớn (big data) mở ra những cơ hội mới cho việc thu thập và xử lý thông tin một cách nhanh chóng, chính xác và đa chiều. Tận dụng các nguồn dữ liệu lớn từ mạng xã hội, điện thoại thông minh, thiết bị cảm biến hoặc các hệ thống quản lý dân cư hiện đại sẽ hỗ trợ việc cập nhật số liệu theo thời gian thực, giúp theo dõi tiến độ thực hiện quyền con người một cách sát sao và kịp thời.

Thứ ba, gắn kết đo lường với chính sách

Đo lường tiến bộ quyền con người không thể tách rời khỏi quá trình xây dựng, đánh giá và điều chỉnh chính sách. Việc sử dụng kết quả đo lường trong đánh giá tác động nhân quyền (Human Rights Impact Assessment - HRIA) là một trong những bước quan trọng để đảm bảo rằng các chính sách, chương trình và dự án được thiết kế và thực hiện trên cơ sở bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. HRIA giúp nhận diện các tác động tiềm tàng, từ đó đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa lợi ích cho các nhóm dân cư bị ảnh hưởng. Đồng thời, kết quả từ các chỉ số và số liệu thống kê cũng

phải là căn cứ để điều chỉnh chính sách và phân bổ nguồn lực một cách hợp lý và minh bạch. Việc đưa các thông tin này vào chu trình ra quyết định giúp các nhà hoạch định chính sách có được bức tranh toàn diện, chính xác về tình hình thực thi quyền con người, từ đó đề ra các giải pháp kịp thời và phù hợp, nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người một cách bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (n.d.), Human rights indicators, <https://www.ohchr.org/en/instruments-and-mechanisms/human-rights-indicators>
2. Merry, S. E (2011), Measuring the world: Indicators, human rights, and global governance, *Current Anthropology*, 52(S3), S83-S95.
3. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2012), Human rights indicators: A guide to measurement and implementation. United Nations, https://www.ohchr.org/Documents/Publications/Human_rights_indicators_en.pdf
4. UN, Substantive session of 2011, Geneva, 4-29 July 2011 Item 14 (g) of the provisional agenda Social and human rights questions: human rights E/2011/90, Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights, https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Issues/ESCR/E_2011_90_en.pdf

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHỆ SỐ VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN
CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN THẾ GIỚI VÀ GỢI MỞ
CHO VIỆT NAM**

PGS.TS. Trương Hồ Hải

*Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**1. CƠ SỞ LÝ LUẬN: CÔNG NGHỆ SỐ VÀ QUYỀN CON
NGƯỜI - KHUNG PHÂN TÍCH**

**1.1. Công nghệ như môi trường kép: cơ hội và rủi ro đối với quyền
con người**

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ kỹ thuật số trở thành một “môi trường kép” - vừa mở ra những cơ hội chưa từng có, vừa tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với việc bảo đảm quyền con người. Một mặt, công nghệ góp phần thúc đẩy dân chủ, minh bạch và bình đẳng thông qua việc mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, tăng cường tiếng nói của người dân và cải thiện hiệu quả quản trị công. Các nền tảng số và dữ liệu lớn (big data) hỗ trợ phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, đồng thời tạo điều kiện cho việc thực thi nhiều quyền cơ bản như quyền được học tập, quyền tự do ngôn luận hay quyền được hưởng lợi từ tiến bộ khoa học.

Tuy nhiên, mặt trái của công nghệ cũng đặt ra nhiều thách thức nghiêm trọng. Sự giám sát kỹ thuật số, thu thập và lạm dụng dữ liệu cá nhân, tin giả (fake news) và các hành vi xâm phạm quyền riêng tư ngày càng phổ biến. Trí tuệ nhân tạo (AI) và các thuật toán tự động hóa, nếu thiếu kiểm soát, có thể dẫn đến phân biệt đối xử, thao túng hành vi hoặc vi phạm quyền bình đẳng. Do đó, công nghệ số cần được nhìn nhận không chỉ là công cụ phát triển, mà còn là không gian cần quản trị nhân quyền một cách thận trọng, có trách nhiệm và dựa trên các giá trị nhân văn.

1.2. Các nguyên tắc bảo đảm quyền con người trong không gian số

Quyền con người vẫn giữ nguyên tính phổ quát và tính đặc thù nhưng cần được diễn giải theo bối cảnh kỹ thuật số: tính hợp pháp (lawfulness), tỉ lệ (necessity & proportionality) khi hạn chế quyền, minh bạch, trách nhiệm giải trình (accountability), quyền khắc phục (remedy), và chống phân biệt đối xử. Các tiêu chí này là nền tảng để đánh giá mọi chính sách pháp luật số, từ thu thập dữ liệu đến giám sát an ninh.

Trong kỷ nguyên số, các nguyên tắc nhân quyền truyền thống không mất đi giá trị mà cần được mở rộng và thích ứng với môi trường kỹ thuật số. Cốt lõi của cách tiếp cận này là khẳng định rằng quyền con người trực tuyến cũng được bảo vệ như quyền con người ngoại tuyến - “the same rights that people have offline must also be protected online”, theo tuyên bố của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (2012).

Trước hết, nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền con người phải được mọi chủ thể - từ nhà nước đến doanh nghiệp công nghệ - tuân thủ. Các quyền như tự do ngôn luận, quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin và quyền không bị phân biệt đối xử là nền tảng của không gian số tự do và công bằng.

Bên cạnh đó, nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình và công bằng thuật toán trở nên ngày càng quan trọng. Các hệ thống trí tuệ nhân tạo và xử lý dữ liệu phải được thiết kế sao cho không gây thiên lệch, không xâm phạm đời sống riêng tư hay thao túng hành vi con người.

Cuối cùng, việc áp dụng các nguyên tắc nhân quyền trong không gian số đòi hỏi sự hợp tác nhiều bên trong quản trị giữa chính phủ (ban hành và thực thi luật), khu vực tư nhân (đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật - privacy by design, trách nhiệm minh bạch) và xã hội và cộng đồng học thuật (thực thi, giám sát, đánh giá) nhằm đảm bảo rằng tiến bộ công nghệ luôn gắn liền với các giá trị nhân văn và phẩm giá con người.

2. THỰC TIỄN PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH QUỐC TẾ: MỘT SỐ MÔ HÌNH TIÊU BIỂU

2.1. Liên minh châu Âu: quyền riêng tư làm trọng tâm (GDPR)

Quy định Bảo vệ Dữ liệu Chung GDPR (Regulation (EU) 2016/679) là không chỉ là khuôn khổ pháp lý bảo vệ dữ liệu tham chiếu toàn cầu, đặt quyền riêng tư và kiểm soát dữ liệu cá nhân ở vị trí trung tâm, với các quyền như truy cập, lưu trữ, chỉnh sửa, xóa, chia sẻ và các nguyên tắc xử lý dữ liệu hợp pháp, minh bạch mà còn phản ánh triết lý, mô hình bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên số, nhấn mạnh rằng mỗi cá nhân có quyền kiểm soát thông tin cá nhân của mình và quyền được biết cách dữ liệu đó được thu thập, lưu trữ, xử lý và chia sẻ. Kinh nghiệm EU cho thấy: khung pháp lý mạnh mẽ cùng với cơ quan giám sát độc lập có thể vừa bảo vệ quyền công dân vừa đặt ra tiêu chuẩn thị trường cho doanh nghiệp kỹ thuật số và xã hội.

GDPR áp dụng nguyên tắc minh bạch, hợp pháp, công bằng và hạn chế mục đích trong việc xử lý dữ liệu, đồng thời quy định rõ trách nhiệm giải trình của các tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Các cá nhân được trao quyền truy cập, chỉnh sửa, xóa dữ liệu và rút quyền đồng ý khi cần thiết, đồng thời có cơ chế khiếu nại và yêu cầu bồi thường nếu quyền riêng tư bị xâm phạm.

Khung pháp lý này đã trở thành tiêu chuẩn quốc tế, không chỉ ảnh hưởng đến các công ty hoạt động tại EU mà còn định hình chính sách dữ liệu ở nhiều quốc gia khác. Việc GDPR đặt quyền riêng tư làm trọng tâm cho thấy sự gắn kết giữa công nghệ số và nhân quyền, tạo mô hình để các quốc gia khác học hỏi trong việc cân bằng giữa đổi mới kỹ thuật số và bảo vệ quyền cơ bản của con người.

2.2. Quy định AI ở châu Âu (AI Act) - tiếp cận rủi ro

EU đã thông qua bộ khung về AI nhằm phân loại hệ thống AI theo mức độ rủi ro và áp dụng yêu cầu tuân thủ cho các hệ thống “rủi ro cao” (high-

risk). Quy định này thể hiện cách tiếp cận dựa trên đánh giá rủi ro và trách nhiệm chủ thể, đồng thời nhấn mạnh minh bạch, kiểm toán và giám sát. Đây là mô hình tham chiếu cho các nước muốn điều tiết AI mà vẫn khuyến khích đổi mới có trách nhiệm.

Liên minh châu Âu đang tiên phong trong việc xây dựng khung pháp lý cho trí tuệ nhân tạo thông qua Đạo luật Trí tuệ Nhân tạo (AI Act), áp dụng tiếp cận dựa trên rủi ro để bảo đảm AI phát triển an toàn, minh bạch và tôn trọng quyền con người. AI Act phân loại các hệ thống AI theo mức độ rủi ro: rủi ro cao, rủi ro hạn chế và rủi ro tối thiểu, từ đó đưa ra các yêu cầu pháp lý và kỹ thuật tương ứng.

Đối với các AI “rủi ro cao”, như hệ thống nhận diện khuôn mặt, quản lý dịch vụ công hoặc quyết định về nhân sự, nhà phát triển phải thực hiện đánh giá tác động nhân quyền, minh bạch hóa thuật toán, bảo đảm dữ liệu chất lượng cao và giám sát con người. Những AI ít rủi ro hơn được khuyến nghị tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nhưng không chịu quy định nghiêm ngặt, tạo điều kiện cho đổi mới công nghệ mà vẫn kiểm soát được nguy cơ.

Cách tiếp cận rủi ro của AI Act phản ánh triết lý cân bằng giữa đổi mới số và bảo vệ nhân quyền, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của AI mà không kìm hãm sáng tạo. Khung pháp lý này cũng định hướng các quốc gia khác trong việc xây dựng chính sách AI toàn diện, vừa thúc đẩy công nghệ, vừa đảm bảo các quyền cơ bản của con người được tôn trọng.

2.3. Tiếp cận của Liên Hợp quốc và các cơ quan nhân quyền

Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc (OHCHR) liên tục đưa ra các báo cáo cảnh báo về tác động của công nghệ mới đối với quyền con người, nhấn mạnh nhu cầu lồng ghép đánh giá tác động quyền con người (Human Rights Impact Assessment) vào phát triển công nghệ và chính sách số. Báo cáo gần đây của OHCHR kêu gọi các quốc gia đảm bảo rằng chuyển đổi số được tiến hành theo nguyên tắc tôn trọng nhân quyền.

Liên Hợp quốc (LHQ) và các cơ quan nhân quyền quốc tế, như Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc (OHCHR), đã nhấn mạnh rằng các quyền con người phải được bảo vệ trong không gian số tương tự như ngoài đời thực. Trong bối cảnh công nghệ số phát triển nhanh chóng, LHQ đề xuất các nguyên tắc cơ bản: tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền con người trực tuyến, bao gồm quyền riêng tư, tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và quyền bình đẳng.

Các báo cáo gần đây của OHCHR cũng tập trung vào việc giải quyết những thách thức do trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng số đặt ra. LHQ nhấn mạnh vai trò của đạo đức công nghệ, minh bạch thuật toán và trách nhiệm giải trình trong thiết kế, triển khai và giám sát các hệ thống kỹ thuật số.

Hơn nữa, Liên Hợp quốc thúc đẩy hợp tác đa bên, bao gồm chính phủ, doanh nghiệp công nghệ và dân sự, nhằm đảm bảo rằng quyền con người không bị xâm phạm trong quá trình đổi mới số. Tiếp cận này phản ánh triết lý toàn cầu rằng phát triển công nghệ và bảo vệ nhân quyền phải song hành, tạo nền tảng cho một không gian số an toàn, minh bạch và công bằng cho mọi người.

2.4. Các mô hình khác: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ

Hoa Kỳ: Tiếp cận phân mảnh, nhiều luật chuyên ngành; có truyền thống tin tưởng vào cơ chế thị trường và tự điều tiết doanh nghiệp, do đó tồn tại “khoảng trống” bảo vệ dữ liệu toàn quốc.

Trung Quốc: Mô hình nhà nước kiểm soát mạnh, sử dụng công nghệ cho quản trị xã hội (hệ thống nhận diện, giám sát), ưu tiên an ninh và trật tự xã hội hơn là quyền riêng tư cá nhân.

Ấn Độ: Sáng kiến số công (Aadhaar) mở rộng tiếp cận dịch vụ nhưng cũng làm nảy sinh những lo ngại lớn về quyền riêng tư và kiểm soát dữ liệu.

Những mô hình này cho thấy mỗi lựa chọn chính sách đều có lợi/hại: chọn an ninh/chủ quyền kỹ thuật số có thể làm tổn hại quyền tự do; chọn thị trường tự do có thể tạo ra sự bất đối xứng quyền lực dữ liệu.

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NỔI BẬT

3.1. Quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân

Thu thập và xử lý dữ liệu ở quy mô lớn (big data) làm tăng nguy cơ lộ lọt, rò rỉ thông tin và sử dụng sai mục đích. Mô hình kinh doanh “dữ liệu là dầu mỏ mới” khiến doanh nghiệp có động cơ thu thập tối đa dữ liệu, đôi khi ở ranh giới/vi phạm quyền cá nhân. Giải pháp: luật bảo vệ dữ liệu mạnh (như GDPR), cơ quan giám sát độc lập, và nguyên tắc “privacy by design”.

3.2. Giám sát số, an ninh quốc gia và quyền tự do

Công nghệ giám sát (camera nhận diện khuôn mặt, phân tích hành vi trực tuyến) được biện minh bằng lý do an ninh, chống khủng bố, quản lý dịch bệnh. Tuy nhiên nếu không có kiểm soát pháp lý chặt chẽ (cơ sở pháp lý rõ ràng, tỷ lệ, giám sát tư pháp) dễ dẫn tới lạm quyền, bắt bớ tùy tiện, và xói mòn quyền tự do chính trị.

3.3. Thuật toán, thiên kiến và phân biệt đối xử

Hệ thống AI có thể tái tạo hoặc khuếch đại thiên kiến trong dữ liệu huấn luyện, dẫn đến quyết định sai lệch (ví dụ: tuyển dụng, cho vay, xét xử). Bảo đảm công bằng thuật toán đòi hỏi đánh giá dữ liệu đầu vào, giám sát độc lập, và trách nhiệm pháp lý đối với quyết định tự động.

3.4. Quyền lao động và an sinh xã hội trong tự động hóa

Tự động hóa có thể tạo ra mất việc tạm thời, thay đổi kỹ năng cần thiết. Bảo vệ quyền lao động trong kỷ nguyên số bao gồm: cơ chế đào tạo lại (reskilling), chính sách an sinh, bảo vệ quyền tập thể và lao động nền tảng (gig economy).

3.5. Quyền tiếp cận và bất bình đẳng số

“Khoảng cách số” (digital divide) làm gia tăng bất bình đẳng: không có hạ tầng, kỹ năng hoặc chi phí hợp lý thì nhóm yếu thế khó tiếp cận dịch vụ số (giáo dục, y tế). Công bằng số yêu cầu chính sách hạ tầng, đào tạo và hỗ trợ đặc thù.

4. VIỆT NAM: BỐI CẢNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN

4.1. Chiến lược chuyển đổi số và tham vọng quốc gia

Việt Nam đã phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến 2030 (Decision No. 749/QĐ-TTg, 2020), nhằm thúc đẩy nền kinh tế số, xã hội số và chính phủ số - một chính sách chiến lược trọng yếu cho phát triển. Việc này đặt ra yêu cầu cao về cân bằng phát triển và bảo đảm quyền con người trong không gian số.

4.2. Khung pháp luật liên quan

Luật An ninh mạng (2018): quy định về an toàn, an ninh mạng, quyền và trách nhiệm các bên trong không gian mạng; nhấn mạnh đảm bảo trật tự, an ninh quốc gia. Văn bản này gây tranh luận vì phạm vi điều chỉnh rộng và các yêu cầu liên quan lưu trữ dữ liệu trong nước.

Decree No.13/2023/ND-CP - Personal Data Protection (PDPD): là bước tiến pháp lý quan trọng về bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam; dù vậy, hiệu lực, cơ chế thực thi độc lập và mối tương thích với các chuẩn mực quốc tế cần được theo dõi và hoàn thiện.

4.3. Thực tiễn và thách thức

Ưu tiên phát triển số: Nhà nước ưu tiên phát triển hạ tầng số, nền tảng thanh toán, chính phủ điện tử để thúc đẩy tăng trưởng.

Rủi ro về quyền riêng tư và giám sát: Việc triển khai hệ thống quản lý dân cư, y tế điện tử, cơ sở dữ liệu tập trung nếu không có bảo đảm pháp lý và giám sát độc lập có thể tạo điều kiện cho lạm dụng dữ liệu.

Năng lực giám sát và thực thi: Cần cơ quan giám sát độc lập chuyên trách về bảo vệ dữ liệu và năng lực kỹ thuật để kiểm tra các hệ thống thuật toán.

Khoảng cách số vùng miền và xã hội: Bất bình đẳng tiếp cận hạ tầng ở nông thôn, vùng sâu vùng xa vẫn là thách thức lớn.

5. GỢI MỞ CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Dựa trên phân tích lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế, dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể, khả thi cho bối cảnh Việt Nam:

5.1. Hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ dữ liệu và quyền số

Hoàn thiện và ban hành đầy đủ luật bảo vệ dữ liệu cá nhân (nếu chưa có) với các quyền người sở hữu dữ liệu (quyền truy cập, sửa, xóa), cơ sở pháp lý cho xử lý dữ liệu, nguyên tắc giới hạn mục đích. Tham chiếu tiêu chuẩn GDPR có thể giúp nâng cao chuẩn mực bảo vệ.

5.2. Thành lập cơ quan giám sát độc lập về bảo vệ dữ liệu và quyền số

Cơ quan này chịu trách nhiệm giám sát, xử phạt, hướng dẫn kỹ thuật và nhận khiếu nại từ người dân; độc lập về pháp lý để tránh xung đột lợi ích.

5.3. Áp dụng đánh giá tác động nhân quyền cho hệ thống số trọng yếu

Trước khi triển khai hệ thống AI/thu thập dữ liệu quy mô lớn (y tế, dân cư, an ninh), cần thực hiện Human Rights Impact Assessment và công bố kết quả, kèm biện pháp giảm thiểu rủi ro.

5.4. Quyền lao động trong kỷ nguyên số

Xây dựng chương trình reskilling/upskilling, an sinh xã hội cho lao động bị ảnh hưởng; sửa đổi luật lao động để bảo vệ quyền người lao động nền tảng (gig workers).

5.5. Hạ tầng số công bằng và nâng cao năng lực số cho xã hội

Đầu tư mở rộng băng thông tại nông thôn, hỗ trợ thiết bị cho hộ nghèo, chương trình đào tạo kỹ năng số cho nhóm dễ tổn thương.

5.6. Đối thoại đa phương: nhà nước - doanh nghiệp - xã hội

Thiết lập cơ chế tham vấn, minh bạch trong soạn thảo chính sách số; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng “privacy by design” và báo cáo tác động nhân quyền.

5.7. Hợp tác quốc tế và tiếp thu tiêu chuẩn

Tham gia tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ dữ liệu, tiếp thu mô hình đánh giá AI và giám sát, tận dụng hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế.

Công nghệ số trong kỷ nguyên CMCN 4.0 vừa là cơ hội vừa là rủi ro đối với quyền con người. Bảo đảm quyền con người không thể là phong trào phản ứng đơn lẻ; nó đòi hỏi mô hình quản trị chủ động, pháp luật tiên tiến, cơ chế giám sát độc lập, trách nhiệm doanh nghiệp và năng lực dân sự. Với quyết tâm chính trị và lộ trình thực thi rõ ràng, Việt Nam hoàn toàn có thể vừa tận dụng lợi ích chuyển đổi số vừa bảo vệ quyền con người - điều kiện cần để xây dựng xã hội số công bằng, an toàn và bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2023), *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân*, Hà Nội.
2. Liên minh châu Âu, Quy định (EU) 2016/679 về *Bảo vệ Dữ liệu Chung (General Data Protection Regulation - GDPR)*. EUR-Lex, (European Union. *Regulation (EU) 2016/679 (General Data Protection Regulation - GDPR)*. EUR-Lex.).
3. Liên minh châu Âu, *Đạo luật Trí tuệ Nhân tạo của EU (EU Artificial Intelligence Act)*.
4. Quốc hội (2018), *Luật An ninh mạng, số 24/2018/QH14*, Hà Nội.
5. Reuters, Financial Times, *Các bài viết về quy định và chính sách liên quan đến trí tuệ nhân tạo tại châu Âu (2024-2025)*, (Reuters, Financial Times - bài về AI regulation và chính sách AI châu Âu (2024-2025)).
6. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, Hà Nội.
7. Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về Nhân quyền (OHCHR), *Các báo cáo về "Quyền con người và các công nghệ kỹ thuật số mới và đang nổi"*, (2024), (Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (OHCHR). *Reports on "Human rights and new and emerging digital technologies"*, (2024).)
8. Viện Tech for Good, *Báo cáo chuyên đề quốc gia: Thúc đẩy kinh tế số - Trường hợp Việt Nam* (Tech for Good Institute/country spotlight: *Advancing digital economy - Vietnam* (n.d.).)

PHÁP QUYỀN VÀ QUYỀN CON NGƯỜI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ **LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

GS.TS. Vũ Công Giao

Trường Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và Cách mạng công nghiệp 4.0 trên thế giới hiện nay, vấn đề pháp quyền và quyền con người ngày càng trở thành những giá trị cốt lõi, phổ quát và không thể thiếu trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng xác lập mục tiêu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và khẳng định cam kết chính trị mạnh mẽ đối với việc bảo vệ và bảo đảm quyền con người.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chủ trương quan trọng nêu trên trong thực tiễn vẫn tồn tại nhiều thách thức. Một trong những nguyên nhân là do còn khoảng trống nghiên cứu lý luận và thực tiễn về mối liên hệ giữa pháp quyền và quyền con người. Điều này đòi hỏi cần có thêm những nghiên cứu chuyên sâu, đặc biệt là những nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề cấp thiết cần làm rõ trong việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền và bảo vệ, bảo đảm quyền con người trong tình hình mới. Bài viết này góp phần vào việc đó, thông qua việc phân tích những đặc điểm cơ bản của mối quan hệ giữa pháp quyền và quyền con người trên thế giới và ở Việt Nam, qua đó xác định các vấn đề trọng tâm về pháp quyền và quyền con người cần nghiên cứu giải quyết. Bài viết chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu để so sánh, đánh giá pháp luật và thực tiễn quốc tế và ở Việt Nam. Cấu trúc của bài viết bao gồm ba mục, trong đó mục 1 phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về pháp quyền và quyền con người; mục 2 đánh giá thực tiễn tại Việt Nam và mục 3 đề xuất những định hướng nghiên cứu về pháp quyền và quyền con người ở Việt Nam trong thời gian tới.

1. PHÁP QUYỀN VÀ QUYỀN CON NGƯỜI: NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT CỦA NHÂN LOẠI

1.1. Khái lược về các giá trị phổ quát của nhân loại

Để tìm hiểu về các giá trị phổ quát của nhân loại, đầu tiên cần làm rõ khái niệm “giá trị” (*values*).

“Giá trị” (*values*) (hay “giá trị nhân văn”) có thể hiểu là *những điều mà một người nghĩ rằng quan trọng với họ trong cuộc sống*²⁰⁷, hoặc là *những niềm tin cơ bản và cốt yếu mà định hướng hoặc thúc đẩy thái độ hoặc hành động của con người*²⁰⁸. Đi sâu hơn, giá trị còn được xem là tiêu chuẩn không chỉ cho việc lựa chọn mà còn cho việc đánh giá hành động, chính sách, con người và sự kiện²⁰⁹. Trong thực tế, các giá trị nhân văn được biểu hiện ở nhiều cấp độ. Ở cấp độ sâu rộng nhất là các giá trị phổ quát, được cả nhân loại thừa nhận (còn gọi là “các giá trị phổ quát của nhân loại”)²¹⁰. Ở các cấp độ hẹp hơn, có các giá trị khu vực, giá trị quốc gia/dân tộc, giá trị của cộng đồng, nhóm, cá nhân²¹¹. Tính phổ quát (*universality*) của giá trị thể hiện ở chỗ: *giá trị đó thuộc về/được tất cả hoặc đa số mọi người ở khắp mọi nơi trên thế giới thừa nhận và xem đó là nguyên tắc hay mục tiêu hướng tới*²¹². Điều đó cũng có nghĩa là tính phổ quát hàm chứa ý nghĩa “của nhân loại” của các giá trị. Nói cách khác, để được xem là phổ quát, các giá trị cần phải được thừa nhận rộng rãi bởi các dân tộc trên thế giới, mà thông thường là thông qua các tổ chức quốc tế có ảnh hưởng toàn cầu như Liên Hợp quốc²¹³. Một số nghiên cứu đã xác định các giá trị nhân văn được xem là phổ quát của nhân loại, trong đó tiêu biểu nhất bao gồm dân chủ (*democracy*) (Diamond, Larry Jay,

²⁰⁷ Schwartz, S. H (2012), An Overview of the Schwartz Theory of Basic Values. Online Readings in Psychology and Culture, 2(1), <https://doi.org/10.9707/2307-0919.1116>

²⁰⁸ Stevent Mintz (2018), *What are Values?* 08/08/2018, <https://www.ethicssage.com/2018/08/what-are-values.html>

²⁰⁹ Schwartz, S. H (2012), tài liệu đã dẫn.

²¹⁰ Xem Vũ Công Giao (2024), “Các giá trị phổ quát toàn nhân loại: Bước đầu nhận diện và liên hệ với Việt Nam”. Tham luận tại Hội thảo *Những vấn đề lý luận về giá trị và nguồn lực nhân văn* do Chương trình KX03/21-30 tổ chức tại Đà Lạt ngày 12/12/2024.

²¹¹ Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

²¹² Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

²¹³ Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

and Marc F. Plattner (2001)²¹⁴; Sen, Amartya (1999)²¹⁵) quyền con người (human rights) (Henkin, L (1989)²¹⁶; Manfred Nowak (2019)²¹⁷), tự do (freedoms) (Burton, J. W (1969)²¹⁸; Ben-Shahar, Tal (2002)²¹⁹) hoà bình (peace) (Bilsky, W. & Janik, M (2010)²²⁰; Mustafa (2013)²²¹), công lý (justice) (Stephen A. Simon (2010)²²²; Pavel Dufek (2006)²²³), bình đẳng xã hội (social equality) (Baker, J (2003)²²⁴; Bikas K. Chakrabarti (2022)²²⁵. Các nghiên cứu về tính phổ quát cũng hàm ý về tính hiện đại của giá trị. Nói cách khác, một giá trị có tính phổ quát ở thời điểm hiện nay cũng đồng thời mang tính hiện đại, theo nghĩa là giá trị đó đang có ảnh hưởng ở thời hiện đại²²⁶. Mặc dù vậy, tính hiện đại của giá trị không có nghĩa là các giá trị hiện đại đều hoàn toàn mới, mà hầu hết trong số đó vẫn có nguồn gốc hay mối liên hệ với lịch sử²²⁷. Một số giá trị hiện đại thực chất vẫn là các giá trị truyền thống, nhưng được nâng lên thành một giá trị phổ quát²²⁸.

Là một tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh, với thành viên là tất cả các

²¹⁴Diamond, Larry Jay, and Marc F. Plattner (2001), *The Global Divergence of Democracies*. Johns Hopkins University Press.

²¹⁵Sen, Amartya (1999), *Democracy as a Universal Value*. *Journal of Democracy*, 10 (3), pp.3-17.

²¹⁶Henkin, L (1989), The Universality of the Concept of Human Rights. *The Annals of the American Academy of Political and Social Science*, (506), pp.10-16. <http://www.jstor.org/stable/1046650>.

²¹⁷Manfred Nowak (2019), A system of universal values, applicable to all human beings, <https://www.maastrichtuniversity.nl/>.

²¹⁸Burton, J. W (1969), Universal Values and World Politics, *International Journal*, 24(4), pp.673-692. <https://doi.org/10.2307/40200285>.

²¹⁹Ben-Shahar, Tal (2002), *A Clash of Values: The Struggle for Universal Freedom*, iUniverse, 2002. ISBN 0595224644, 9780595224647

²²⁰Bilsky, W. & Janik, M (2010), *The structural organization of human values - evidence from the European Social Survey(ESS)*. *Berichte aus der Arbeitseinheit Differentielle Psychologie und Persönlichkeitspsychologie*.

²²¹AKTAŞ, Özgür, SAFRAN, Mustafa (2013), Summary peace as a universal value and the history of peace education, <http://dergipark.ulakbim.gov.tr/tsadergisi/article/view/5000146896>.

²²²Stephen A. Simon (2010). Addressing Broad Challenges to Universal Theories of Justice. *The Good Society*, 19(2), pp.75-78, <https://doi.org/10.5325/goodsociety.19.2.0075>

²²³Pavel Dufek (2006), Justice and Universal Values in the Political Philosophy of Liberal Egalitarianism, Justice and Universal Values in the Political Philosophy, *Czech Journal of Political Science*, No.1(2006), [file:///Users/os/Downloads/Peace as a Universal Value.pdf](file:///Users/os/Downloads/Peace%20as%20a%20Universal%20Value.pdf)

²²⁴Baker, J (2003), Equality and Other Values. *Studies: An Irish Quarterly Review*, 92(366), 113-121. <http://www.jstor.org/stable/30095603>

²²⁵S.S. Manna, Soumyajyoti Biswas, Bikas K. Chakrabarti (2022), Near universal values of social inequality indices in self-organized critical models, *Physica A: Statistical Mechanics and its Applications* Volume 596, 15 June 2022, 127121

²²⁶Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

²²⁷Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

²²⁸Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

quốc gia trên thế giới, Liên Hợp quốc xứng đáng là chủ thể có thẩm quyền trong việc xác định các giá trị phổ quát của nhân loại²²⁹. Nói cách khác, những giá trị mà Liên Hợp quốc tôn vinh cũng có thể và cần được xem là giá trị phổ quát của nhân loại. Những giá trị này trước hết được đề cập trong Hiến chương Liên Hợp quốc năm 1945 và sau đó được tái khẳng định và mở rộng trong phát biểu của một số lãnh đạo và trong một số nghị quyết của Liên Hợp quốc²³⁰. Cụ thể, Hiến chương Liên Hợp quốc, trong Lời nói đầu và Chương I, đã đề cập đến những giá trị mà tổ chức này bảo vệ, bao gồm Hoà bình, Quyền con người, Bình đẳng, Công lý, Tiến bộ xã hội. Trong bài phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế thế giới họp tại Davos (Thụy Sĩ) ngày 30/1/1998, nguyên Tổng thư ký Liên Hợp quốc Kofi Annan bổ sung các yếu tố Tự do, Nhân phẩm và Khoan dung vào những giá trị phổ quát của nhân loại²³¹. Ngoài các giá trị nêu trên, trong một số nghị quyết gần đây của Liên Hợp quốc, danh mục các giá trị phổ quát của nhân loại còn được bổ sung hai yếu tố Pháp quyền và Dân chủ²³². Cụ thể, trong Hội nghị thượng đỉnh Thế giới năm 2005, các quốc gia thành viên đã thừa nhận pháp quyền là một trong những giá trị và nguyên tắc cốt lõi phổ quát của Liên Hợp quốc²³³.

1.2. Pháp quyền với tính chất là một giá trị phổ quát của nhân loại

Pháp quyền trong tiếng Anh là *the rule of law*. Ý tưởng về *the rule of law* có từ thời Hy Lạp-La Mã cổ đại, thể hiện một số tác phẩm của Aristotle, và sau đó là của một số nhà tư tưởng phương Tây thời Khai sáng như Hobbes, Locke, Rousseau, Montesquieu...

²²⁹ Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

²³⁰ Xem Vũ Công Giao (2024), tài liệu đã dẫn.

²³¹ United Nations, UNITE POWER OF MARKETS WITH AUTHORITY OF UNIVERSAL VALUES, SECRETARY-GENERAL URGES AT WORLD ECONOMIC FORUM, 30 January 1998, <https://www.ohchr.org/en/statements/2009/10/unite-power-markets-authority-universal-values-secretary-general-urges-world>.

²³² UN Sustainable Development Group, *Universal Values*, <https://unsdg.un.org/2030-agenda/universal-values>.

²³³ 2005 World Summit Outcome. Resolution adopted by the General Assembly on 16 September 2005. A/RES/60/1.

Khái niệm *the rule of law* được A.V. Dicey trình bày một cách có hệ thống lần đầu tiên trong tác phẩm *Giới thiệu về nghiên cứu luật hiến pháp* (1885), trong đó ông cho rằng, *the rule of law* là sự bình đẳng trước pháp luật và trước quyền tài phán của tòa án, sự hạn chế (hay ngăn cấm) quyền lực tùy tiện, và việc bảo vệ các quyền con người, đặc biệt là bởi tòa án²³⁴. Hiện nay, có thể tìm thấy nhiều định nghĩa về *the rule of law* trong các từ điển và tài liệu của các tổ chức quốc tế, trong đó có những định nghĩa có thể xem là tiêu biểu như sau: “*the rule of law*... là sự hạn chế việc sử dụng quyền lực tùy tiện bằng cách ràng buộc quyền lực vào những đạo luật được xây dựng rõ ràng, chặt chẽ”²³⁵, “*the rule of law*... là trạng thái tuyệt đối rằng luật pháp đứng trên mọi công dân bất chấp sự khác biệt về quyền lực giữa các công dân”²³⁶, “*the rule of law*... là một hệ thống/cơ chế mà trong đó không một chủ thể nào, kể cả nhà nước, được đứng trên pháp luật; nơi mà pháp luật bảo vệ các quyền cơ bản và tất cả mọi người đều có thể tiếp cận với công lý”²³⁷.

Liên Hợp quốc thì *the rule of law* không phải là một “kiểu nhà nước” (ví dụ: nhà nước tư bản chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa...), mà là “... một nguyên tắc quản trị mà trong đó tất cả mọi cá nhân, tổ chức, thiết chế, cả công và tư, kể cả các nhà nước, đều phải tuân thủ pháp luật mà được công bố công khai, được áp dụng bình đẳng và được phán định một cách độc lập, phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế”²³⁸. Xét từ góc độ này, khái niệm “nhà nước pháp quyền” thường được dùng ở Việt Nam có nghĩa tương đương với khái niệm pháp quyền theo quan điểm của Liên Hợp quốc, mặc dù có ý kiến cho rằng đây là hai khái niệm khác nhau²³⁹.

²³⁴ Xem: A.V. Dicey (1979 1885), *Introduction to the Study of Law of the Constitution* (A.V. Dicey With an Introduction by E.C.S. Wade), The MacMillan Press, London, tr.193.

²³⁵ Xem: https://en.oxforddictionaries.com/definition/rule_of_law.

²³⁶ Xem: Bryan A. Garner (ed. in chief) (2014), *Black's Law Dictionary*, 10th Edition, tr.692.

²³⁷ Xem: <https://worldjusticeproject.org/about-us/overview/what-rule-law>.

²³⁸ Xem: UN Security Council (2004), *The rule of law and transitional justice in conflict and post-conflict societies: report of the Secretary-General*, đoạn 6, tại: <http://www.refworld.org/docid/45069c434.html>.

²³⁹ Xem Chu Hồng Thanh, tài liệu đã dẫn.

Có thể thấy các định nghĩa nêu trên khác nhau ít nhiều về diễn đạt, nhưng trọng tâm đều xoay quanh *pháp luật* và yêu cầu *thượng tôn pháp luật*. Đi sâu hơn, có thể xác định những thuộc tính cốt lõi của pháp quyền đó là: (1) *Vị trí của pháp luật* - pháp luật có tính tối thượng mà mọi chủ thể trong xã hội, bao gồm cả người dân và nhà nước, đều bị điều chỉnh bởi pháp luật và đều phải tuân thủ pháp luật; (2) *Mục đích của pháp luật* - pháp luật phải bảo vệ công lý và quyền con người; (3) *Tính phù hợp của pháp luật* - pháp luật cần phải được xây dựng một cách dân chủ và nội dung của pháp luật phải phản ánh những quy tắc dân chủ cơ bản được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi²⁴⁰.

The rule of law được xem là gốc và có nội hàm sâu rộng hơn so với các khái niệm gần gũi với nó, cụ thể là *Rechtsstaat* (còn được xem là phiên bản Đức của *the Rule of Law*), *État de droit* (còn được xem là phiên bản Pháp của *Rechtsstaat*), *Pravovoe gosudarstvo* (còn được xem là phiên bản Nga của *Rechtsstaat*)²⁴¹. Lấy *Rechtsstaat* làm ví dụ: Cốt lõi của *Rechtsstaat* là quan điểm về một “nhà nước tự giới hạn”, trong đó nhà nước là nguồn gốc của luật pháp, song cũng phải tự đặt mình dưới luật pháp, tự tuân thủ luật pháp²⁴². Nếu như *the rule of law* là một nguyên tắc hay hệ thống chi phối hoạt động của cả nhà nước và xã hội, thì *Rechtsstaat* chủ yếu tập trung vào nhà nước. Mục đích của *the rule of law* là tạo ra “luật chơi” chung cho mọi chủ thể trong đó lấy pháp luật làm tiêu chuẩn, thì mục đích của *Rechtsstaat* chỉ là *hạn chế quyền lực của nhà nước bằng luật pháp*²⁴³. Chính vì vậy, có tác giả không dịch *Rechtsstaat* là ‘nhà nước pháp quyền’, mà thành “nhà nước luật pháp” để phù hợp với cả nội hàm và ý nghĩa chiết tự của nó (trong tiếng Đức, *Recht* là luật pháp, *Staat* là Nhà nước)²⁴⁴.

²⁴⁰ Xem thêm cuốn: Geoffrey de Q. Walker (1988), *The Rule of Law: Foundation of Constitutional Democracy*, Melbourne: Melbourne University Press.

²⁴¹ Xem Vũ Công Giao (2024), “Vai trò của pháp quyền với sự phát triển của các quốc gia”, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, 1(493), tr.14 - 20, 13. Cũng xem Chu Hồng Thanh (2022), ‘Pháp quyền’ hay ‘Nhà nước pháp quyền’? *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, 31/01/2022, <https://lsvn.vn/phap-quyen-hay-nha-nuoc-phap-quyen1643628526-a114863.html>.

²⁴² Cao Huy Thuần (2007), “Nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Tia Sáng Online*, ngày 24/12/2007.

²⁴³ Xem thêm Cao Huy Thuần, tài liệu đã dẫn.

²⁴⁴ Xem Cao Huy Thuần, tài liệu đã dẫn.

Xét về tính chất, cũng cần phân biệt *the rule of law* với một thuật ngữ gần gũi khác, đó là *the rule by law* (thường được dịch là “pháp trị”). Giữa *the rule of law* và *the rule by law* có điểm chung là xã hội có pháp luật và được quản lý bằng pháp luật, nhưng khác nhau về mục đích và cách thức. Trong khi *the rule of law* được cho là đặt pháp luật trên chính trị, pháp luật là tối cao đối với tất cả chính quyền và các cá nhân trong xã hội, thì *the rule by law* chỉ có nghĩa là sử dụng pháp luật như một công cụ của quyền lực chính trị: nhà nước dùng pháp luật để kiểm soát người dân nhưng không cho phép pháp luật được sử dụng để kiểm soát nhà nước (nhà nước đứng trên pháp luật).

Như vậy, từ những phân tích ở trên, có thể kết luận, *pháp quyền (the rule of law)* là một nguyên tắc quản trị quốc gia, mà nội hàm cốt lõi là việc thượng tôn pháp luật, xem đó là nền tảng định hướng, chi phối hoạt động của mọi chủ thể, kể cả nhà nước, nhằm bảo vệ những giá trị cơ bản của xã hội, trong đó đặc biệt là dân chủ, công lý và quyền con người.

Sở dĩ pháp quyền được xem là một giá trị phổ quát của nhân loại là do đây chính là công cụ quan trọng nhất, không thể thiếu để hạn chế sự tùy tiện của chính quyền, hoặc nói cách khác, là để kiểm soát quyền lực của nhà nước. Mặc dù các nhà nước có nhiều “cố tật”, song không ai nghi ngờ rằng chúng rất cần thiết cho cuộc sống của con người. Nếu không có nhà nước, như Thomas Hobbes đã viết trong tác phẩm nổi tiếng “Thủy quái” (*Leviathan*), thì cuộc đời con người [trong trạng thái tự nhiên] sẽ “cô độc, nghèo đói, bẩn thỉu, tàn bạo, và ngắn ngủi”²⁴⁵. Tuy nhiên, thực tế là các nhà nước, dù thuộc kiểu nhà nước nào, đều luôn có xu hướng lạm dụng quyền lực, xâm phạm đến quyền của người dân. Bởi vậy, ngay từ khi nhà nước mới được hình thành, nhân loại đã luôn nghĩ đến những biện pháp để kiểm soát quyền lực nhà nước, chống lại sự tha hóa. Trong tác phẩm về chủ nghĩa tự do của Stephen Holmes,

²⁴⁵ Xem: A. R. M. Murray (2010), tài liệu đã dẫn, tr.63.

ông đã miêu tả sự băn khoăn đến khắc khoải đó của nhân loại²⁴⁶: “Bất cứ cơ quan nào sử dụng đủ quyền lực để bảo vệ chúng ta khỏi bị hàng xóm cướp bóc, tất có thể sử dụng đủ quyền lực để phá hủy hoặc nô lệ hóa chúng ta... Làm sao chúng ta thoát khỏi tình trạng vô chính phủ mà không sa vào chính thể chuyên chế? Làm cách nào chúng ta trao đủ quyền lực cho người cầm quyền để quản lý xã hội mà vẫn có thể ngăn ngừa họ lạm dụng quyền lực?”.

Nói tóm lại, để tồn tại và phát triển, con người rất cần có nhà nước; nhưng cùng với đó, con người cũng cần phải nghĩ cách để giới hạn, kiểm chế, khắc phục những cố tật của nó là lạm dụng quyền lực. Hiện nay nhân loại đã tìm ra một số giải pháp cho vấn đề trên, mà một trong những giải pháp quan trọng là pháp quyền. Có thể nói, lý thuyết về pháp quyền ra đời cung cấp một giải pháp mang tính cách mạng cho nhân loại trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Lý thuyết này giải quyết được vấn đề bối rối của nhân loại đó là vừa cần đến nhà nước, lại vừa phải tìm cách phòng ngừa những nguy hiểm mà nhà nước gây ra. Đây chính là lý do cơ bản khiến pháp quyền trở thành một giá trị phổ quát của nhân loại, bởi nó phản ánh nhận thức chung, là giải pháp chung để giải quyết vấn nạn phổ biến, và do đó trở thành một mục tiêu chung của của nhân loại.

1.3. Quyền con người với tính chất là một giá trị phổ quát của nhân loại

Quyền con người là những giá trị bẩm sinh, vốn có của mỗi cá nhân con người, được pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Nhân quyền đồng thời cũng là những “tiêu chuẩn chung”, “giá trị chung”²⁴⁷, “ngôn ngữ chung”²⁴⁸ của nhân loại, vì thế có mối quan hệ khăng khít với pháp quyền.

²⁴⁶ Xem: Stephen Holmes (1995), *Passion and Constraint: On the Theory of Liberal Democracy*, University of Chicago Press, Chicago, tr.270-271. Dẫn theo: Bo Li, “What is Constitutionalism”, *Perspectives*, Vol.1, No.6, bản dịch có tại: <http://icevn.org/vi/blog/155/>.

²⁴⁷ Xem: Gudmundur Alfredsson (1999), *The Universal Declaration of Human Rights: A Common Standard of Achievement* Springer; 1st edition (March 31, 1999).

²⁴⁸ Xem: Kofi Annan (1988), “Human rights: Common language of humanity” <https://www.un.org/press/en/1998/19980130.SGSM6450.html>.

Như đã phân tích ở mục trên, nhân quyền là một trong các giá trị phổ quát của nhân loại. Trong lĩnh vực nhân quyền, tính phổ quát (một cách nói khác của giá trị phổ quát) là nguyên tắc nền tảng, then chốt, trong đó khẳng định rằng các quyền và tự do cơ bản của con người cần được công nhận và bảo vệ cho tất cả mọi người, bất kể quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo, giới tính²⁴⁹. UDHR1948 là văn kiện nền tảng thúc đẩy ý tưởng này²⁵⁰.

Được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua vào ngày 10/12/1948, UDHR là văn kiện quốc tế toàn diện, chuyên biệt đầu tiên về nhân quyền. Bản Tuyên ngôn ra đời thể hiện nhận thức, ý chí chung của nhân loại tiến bộ về sự cần thiết phải ngăn chặn tận gốc những hành động vi phạm nhân quyền tàn bạo giống như các nước phát xít đã gây ra trong Chiến tranh thế giới thứ hai²⁵¹. Văn kiện cũng khẳng định rằng sức mạnh của những ý tưởng và tầm nhìn chung của cộng đồng quốc tế về tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ nhân quyền, xem đó là nền tảng để các dân tộc chung sống hòa bình và cùng chiến thắng sự tàn bạo, hận thù và hủy diệt²⁵². Nó chứa đựng niềm hy vọng về một thế giới tốt đẹp hơn, nơi hội tụ của khát vọng về tự do và hạnh phúc²⁵³.

Nhằm mục đích ấy, 18 chuyên gia được Liên Hợp quốc bầu ra để soạn thảo Tuyên ngôn - đến từ các quốc gia và nền văn hóa khác nhau - lần đầu tiên đã trình bày một cách rõ ràng trong một văn bản pháp lý quốc tế rằng nhân quyền là một giá trị bẩm sinh, vốn có của mỗi cá nhân con người, là những “tiêu chuẩn chung”²⁵⁴, “giá trị chung”²⁵⁵, “ngôn ngữ chung”²⁵⁶ của của

²⁴⁹ Navanethem Pillay, Are Human Rights Universal? <https://www.un.org/en/chronicle/article/are-human-rights-universal>.

²⁵⁰ Navanethem Pillay, tài liệu trên.

²⁵¹ United Nations, Universal Declaration of Human Rights, <https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights>.

²⁵² Xem: University of Minnesota, Human Rights Resource Center (1993), *A Short History of Human Rights' adapted from David Shiman, Teaching Human Rights*, hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/here-andnow/Part-1/short-history.htm.

²⁵³ United Nations, Universality, cultural diversity and cultural rights - Report of the Special Rapporteur in the field of cultural rights, 25/7/2018, <https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N18/237/65/PDF/N1823765.pdf?OpenElement>.

²⁵⁴ Xem: Gudmundur Alfredsson (1999), *The Universal Declaration of Human Rights: A Common Standard of Achievement* Springer; 1st edition (March 31, 1999).

nhân loại, vì thế nó phải được pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Cụ thể, UDHR tuyên bố rõ ràng rằng “tất cả mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền” và rằng “mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong Tuyên ngôn này, không có bất kỳ sự phân biệt nào, chẳng hạn như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc địa vị khác”²⁵⁷. Đây chính là những biểu hiện cụ thể về tính phổ quát của nhân quyền mà được thể hiện trong UDHR.

Đi sâu hơn về nội dung, có thể thấy tính phổ quát của nhân quyền được UDHR khẳng định qua tất cả các nguyên tắc và tiêu chuẩn chủ yếu trong văn kiện. Tuy nhiên, quan trọng nhất đó là, bản Tuyên ngôn khẳng định mọi cá nhân trên thế giới đều có chung nguồn gốc (là con người), đều là những thành viên của gia đình nhân loại, và vì vậy, đều có các quyền và có khả năng được hưởng thụ các quyền của con người. Tuyên ngôn cũng cho rằng, vì chia sẻ những đặc điểm như vậy, loài người có khát vọng chung là được tôn trọng, bảo vệ phẩm giá - điều mà được thể hiện cụ thể qua các quyền và tự do của cá nhân và nhóm²⁵⁸.

Nói tóm lại, tầm nhìn của Liên Hợp quốc nói riêng, và của nhân loại tiến bộ nói chung, về tính phổ quát của nhân quyền đã được thể hiện một cách toàn diện thông qua UDHR. Tầm nhìn đó đã truyền cảm hứng cho tất cả các dân tộc trong các hoạt động bảo vệ, bảo đảm nhân quyền trong những thập kỷ qua. Kể từ năm 1948, một hệ thống hàng trăm văn kiện và cơ chế bảo vệ, thúc đẩy nhân quyền đã được Liên Hợp quốc, các tổ chức quốc tế khác và các tổ chức khu vực thông qua và tổ chức thực hiện ở tất cả các châu lục, qua đó đã từng bước hiện thực hoá tính phổ quát của nhân quyền.

²⁵⁵Xem: Gudmundur Alfredsson (1999), tài liệu đã dẫn.

²⁵⁶Xem: Kofi Annan (1988), “Human rights: Common language of humanity”, <https://www.un.org/press/en/1998/19980130.SGSM6450.html>.

²⁵⁷ Universal Declaration of Human Rights (1948). Article 1.

²⁵⁸ Mary Robinson, The Universal Declaration of Human Rights: A Living Document, <https://www.ohchr.org/en/statements/2009/10/universal-declaration-human-rights-living-document>.

1.4. Mối liên hệ giữa pháp quyền và quyền con người

Cùng là những giá trị phổ quát của nhân loại nên pháp quyền và quyền con người có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Mối liên hệ giữa pháp quyền (suy rộng ra gồm nhà nước pháp quyền) với nhân quyền được thể hiện ngay trong Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, trong đó nêu rằng “Xét rằng điều cốt yếu là nhân quyền phải được một chế độ pháp quyền bảo vệ để con người khỏi bị dồn vào thế cùng, phải nổi dậy chống áp bức và bạo quyền”²⁵⁹. Vấn đề này sau đó tiếp tục được đề cập trong Tuyên bố Thiên niên kỷ năm 2000 của Liên Hợp quốc, qua cam kết của các quốc gia về “... thúc đẩy sự tôn trọng pháp quyền trong các quan hệ ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế...”²⁶⁰ để bảo đảm sự thừa nhận các quyền và tự do cơ bản của con người.

Như đã đề cập ở mục trên, trong định nghĩa về pháp quyền, Tổng thư ký Liên Hợp quốc đã nêu rõ, đó là một nguyên tắc quản trị mà trong đó mọi chủ thể, bao gồm nhà nước, đều phải tuân thủ pháp luật, và pháp luật đó *phải phù hợp các nguyên tắc và tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế*²⁶¹. Định nghĩa này đã đặt nhân quyền vào trung tâm của khái niệm pháp quyền, xem đó vừa là một tiêu chí, vừa là một yêu cầu của nhà nước pháp quyền, và phần nào phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa hai phạm trù này. Tiếp đó, trong Hội nghị thượng đỉnh thế giới năm 2005, các quốc gia thành viên cũng thừa nhận pháp quyền và nhân quyền là những giá trị và nguyên tắc cốt lõi phổ quát của Liên Hợp quốc²⁶². Đi sâu hơn về mối quan hệ đó, trong Tuyên bố thông qua tại Cuộc họp cấp cao của Đại hội đồng Liên Hợp quốc về pháp quyền ở cấp độ quốc gia và quốc tế đã “tái khẳng định rằng quyền con người, pháp quyền và dân chủ có mối liên kết chặt chẽ, củng cố lẫn nhau và chúng đều thuộc về các giá trị và nguyên tắc phổ quát, cốt lõi, không thể chia cắt của Liên Hợp

²⁵⁹ The Universal Declaration of Human Rights, 1948, Preamble.

²⁶⁰ United Nations Millennium Declaration, General Assembly resolution 55/2 of 8 September 2000, section 8.

²⁶¹ Xem: UN Security Council (2004), tài liệu đã dẫn, đoạn 6.

²⁶² 2005 World Summit Outcome. Resolution adopted by the General Assembly on 16 September 2005. A/RES/60/1.

quốc”²⁶³. Tuyên bố cũng nêu rõ “... sự tiến bộ của pháp quyền ở cấp độ quốc tế và quốc gia là điều cốt yếu cho tăng trưởng kinh tế bền vững và bao trùm, cho sự phát triển bền vững, xóa đói, giảm nghèo và việc hiện thực hoá đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người, bao gồm cả quyền phát triển; và đến lượt nó, sự phát triển của các quyền đó lại củng cố pháp quyền...”²⁶⁴. Từ những nhận định như vậy, Tuyên bố khẳng định “... mối quan hệ tương hỗ [giữa pháp quyền và nhân quyền] cần được xem xét trong chương trình nghị sự phát triển quốc tế sau năm 2015²⁶⁵. Trong một văn kiện khác, Liên Hợp quốc cũng khẳng định: “Ở cấp độ quốc gia, pháp quyền là trọng tâm của khế ước xã hội giữa Nhà nước và các cá nhân dưới quyền tài phán của mình, có tác dụng đảm bảo rằng công lý thấm vào xã hội ở mọi cấp độ. Pháp quyền đảm bảo việc bảo vệ đầy đủ các quyền con người, mang lại cho công dân và cả những người không phải là công dân những cách thức hợp pháp để tìm công lý trong trường hợp là nạn nhân của sự lạm dụng quyền lực và cho phép giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình và công bằng”²⁶⁶.

Gần đây, Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (the UN Human Rights Council) đã thông qua một số nghị quyết đề cập một cách trực tiếp đến mối quan hệ giữa nhân quyền và pháp quyền, song chủ yếu hướng vào các hoạt động tư pháp. Hội đồng cũng đã thiết lập một số cơ chế đặc biệt để gắn kết pháp quyền với nhân quyền, chẳng hạn như thiết lập Báo cáo viên đặc biệt về tính độc lập của thẩm và luật sư (the Special Rapporteur on the independence of judges and lawyers), Báo cáo viên đặc biệt về thúc đẩy sự thật, công lý, sự hàn gắn và bảo đảm không tái diễn [những vi phạm nhân quyền] (the Special

²⁶³ United Nations (2012), *Declaration of the High-level Meeting of the General Assembly on the Rule of Law at the National and International Levels*. Resolution adopted by the General Assembly, A/RES/67/1, 30 November 2012, đoạn 5, tại <https://www.un.org/ruleoflaw/files/A-RES-67-1.pdf>.

²⁶⁴ Tài liệu trên, đoạn 7.

²⁶⁵ Tài liệu trên, đoạn 7.

²⁶⁶ United Nations (2012), *Delivering justice: programme of action to strengthen the rule of law at the national and international levels*: Report of the Secretary-General, A/66/749, đoạn 4, tại <https://undocs.org/en/A/66/749>.

Rapporteur on the promotion of truth, justice, reparation and guarantees of non-recurrence); Báo cáo viên đặc biệt về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong phòng chống khủng bố (the Special Rapporteur on the promotion and protection of human rights while countering terrorism) hoặc Chuyên gia độc lập về thúc đẩy một trật tự pháp lý bình đẳng và dân chủ (the Independent Expert on the promotion of a democratic and equitable international order)²⁶⁷.

2. PHÁP QUYỀN VÀ QUYỀN CON NGƯỜI: NHỮNG MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI CỦA VIỆT NAM

2.1. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng về pháp quyền thực chất không phải mới lạ ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó lấy tên là Nguyễn Ái Quốc), trong “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” gửi đến Hội nghị Véc-xây vào năm 1919, đã đề cập đến mục tiêu xây dựng một nền pháp quyền như là một trong những ưu tiên của dân tộc Việt Nam sau khi giành được độc lập²⁶⁸.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi mới thành lập năm 1930 cũng đã nhấn mạnh các quyền tự do, dân chủ - những yếu tố căn cốt của pháp quyền. Mặc dù trong một thời gian dài sau đó, việc xây dựng một nhà nước chuyên chính vô sản đã trở thành mục tiêu chi phối, song tư duy về pháp quyền bắt đầu được khôi phục kể từ Đại hội Đảng VI (1986). Tại Đại hội Đảng VI, tuy thuật ngữ “nhà nước chuyên chính vô sản” vẫn còn được sử dụng²⁶⁹ nhưng yếu tố pháp quyền đã bước đầu được đề cao, thông qua việc nhấn mạnh yêu cầu quản lý nhà nước, xã hội bằng pháp luật. Đại hội Đảng VII (1991) đã chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước theo hướng: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng...”²⁷⁰. Tại Hội nghị

²⁶⁷United Nations, Rule of Law and Human Rights, <https://www.un.org/ruleoflaw/rule-of-law-and-human-rights/>

²⁶⁸Nguyễn Sĩ Dũng, *Thần linh pháp quyền*, <http://vpdf.org.vn/nguyen-cuu-trao-doi/than-linh-phap-quyen.html>

²⁶⁹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.124.

²⁷⁰ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), tài liệu đã dẫn, tr.297.

lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VII (1991), thuật ngữ “*nhà nước pháp quyền*” lần đầu tiên đã được đề cập đến trong bài phát biểu của nguyên Tổng bí thư Đỗ Mười (ngày 29/11/1991)²⁷¹, và trong Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994) của Đảng, thuật ngữ này được chính thức sử dụng, thông qua quy định: NNPQ Việt Nam là “... nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật...”²⁷². Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám (khóa VII) (1995), năm (05) quan điểm cơ bản về xây dựng NNPQ XHCN đã được xác định, bao gồm: (1) Xây dựng nhà nước XHCN của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân; (2) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp; (3) Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; (4) Tăng cường pháp chế XHCN; xây dựng NNPQ Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức XHCN; (5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước²⁷³. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước được bổ sung và phát triển thông qua tại Đại hội XI đã xác định, việc xây dựng “*nhà nước pháp quyền XHCN*” là một trong tám (08) phương hướng để đạt các mục tiêu được đề ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng.

Tiếp nối chủ trương kể trên, Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu “*Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp*

²⁷¹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.462-468.

²⁷² Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), tài liệu đã dẫn, tr.329.

²⁷³ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.23-27.

*quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045...”. Để thực hiện yêu cầu đó, ngày 9/11/2022, Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thông qua Nghị quyết 27-NQ/TW về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới”. Nghị quyết 27-NQ/TW đã chính thức hoá và thống nhất nhận thức về các đặc trưng của NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là: *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật; Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán; độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế*²⁷⁴. Nghị quyết đồng thời xác định 5 mục tiêu cần đạt được đến năm 2030 và 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn cần thực hiện để xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Có thể thấy, thông qua Nghị quyết này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định vai trò và quyết tâm theo đuổi mô hình NNPQ XHCN, xem đó là nền tảng để phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số và các thách thức to lớn khác đang đặt ra với Việt Nam.*

²⁷⁴Nghị quyết 27-NQ/TW, tài liệu đã dẫn. Mục IV(1).

Phù hợp với những đổi mới trong quan điểm, nhận thức của Đảng về NN PQ, Hiến pháp năm 1992 trong lần sửa đổi năm 2001, đã bổ sung Điều 2, trong đó nêu rõ: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là NN PQ XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...”. Đây là lần đầu tiên thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” được chính thức khẳng định trong Hiến pháp. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục tái khẳng định quy định nêu trên của Hiến pháp năm 1992, cũng trong Điều 2, với một bổ sung quan trọng, theo đó: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là NN PQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, *kiểm soát* giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Ngày 9/11/2022, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ban hành Nghị quyết 27-NQ/TW (Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành (BCH) Trung ương Đảng khóa XIII) về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới”²⁷⁵. Nghị quyết khẳng định, qua hơn 35 năm đổi mới và hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011), bên cạnh những kết quả đạt được, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam vẫn còn những hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, quản lý và bảo vệ đất nước trong tình hình mới. Từ tình hình đó, Nghị quyết 27-NQ/TW xác định mục tiêu tổng quát và 5 mục tiêu cụ thể cần đạt được đến năm 2030, nhằm vào các vấn đề trọng tâm đó là: (i) Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và

²⁷⁵Xem toàn văn Nghị quyết 27-NQ/TW tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-27-nqtw-ngay-09112022-hoi-ngphi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>.

pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật; (ii) Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (iii) Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Bên cạnh đó Nghị quyết 27-NQ/TW còn nêu ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn cần thực hiện để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, bao gồm: (1) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (2) Bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; (3) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững; (4) Tiếp tục đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội; (5) Tiếp tục thực hiện tốt thiết chế Chủ tịch nước theo Hiến pháp; (6) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; (7) Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; (8) Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; (9) Tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; (10) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tóm lại, việc xây dựng nhà nước pháp quyền không phải là tư tưởng xa lạ ở Việt Nam vì đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến từ đầu thế kỷ 20. Kể từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới (1986), chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước chú trọng thúc đẩy và cho đến nay đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Việc thông qua Nghị quyết 27-NQ/TW là một sự kiện có tính chất bước ngoặt, có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Điều đó là bởi Nghị quyết đã khẳng định một cách vững chắc chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN mà đã được đề cập trong nhiều văn kiện trước đó của Đảng và trong hai bản Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013, đồng thời xác định rõ các quan điểm, mục tiêu, nội dung trọng tâm cùng những nhiệm vụ, giải pháp toàn diện để giải quyết những hạn chế, bất cập cả về lý luận và thực tiễn trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam từ trước đến nay. Mặc dù có một số điểm đặc thù xuất phát từ bối cảnh riêng của đất nước, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cơ bản tiệm cận với quan điểm về pháp quyền theo nhận thức phổ biến của cộng đồng quốc tế mà trong đó nhấn mạnh các nguyên tắc thượng tôn pháp luật, kiểm soát quyền lực nhà nước, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người.

2.2. Bảo vệ, bảo đảm quyền con người

Vấn đề bảo vệ, bảo đảm quyền con người đã được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm ngay trong thời kỳ lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập cho dân tộc (1930-1945), thể hiện qua các khẩu hiệu như “Việt Nam tự do”, “tự do tổ chức”, “nam, nữ bình quyền”, “phổ cập giáo dục”, “ngày làm việc 8 giờ”... Trong *Lược cương cách mạng Việt Nam* được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ II (1951), đã khẳng định, một trong mục tiêu của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo là: “...bảo vệ quyền lợi của dân... *Quyền lợi* đó là: được hưởng quyền con người, dân quyền và tài quyền”...²⁷⁶.

²⁷⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 12,

Kể từ khi Đổi mới (1986), cùng với chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, sự quan tâm của Đảng với việc bảo đảm quyền con người càng nhiều hơn. Đại hội VI của Đảng (1986) đã khẳng định: “Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định” và “... bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân”²⁷⁷. Tại Đại hội lần thứ VII (1991), lần đầu tiên khái niệm quyền con người chính thức được ghi nhận trong văn kiện Đảng “Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người”²⁷⁸, trực tiếp dẫn đến việc lần đầu tiên hiến định “quyền con người” trong Hiến pháp năm 1992 (Điều 50).

Xuất phát từ tình hình trong nước và thế giới, năm 1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW về *Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*. Kể từ đây, vấn đề bảo đảm, bảo vệ quyền con người ngày càng được thể hiện rõ hơn trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ đại hội. Đại hội IX (2001) lần đầu tiên khẳng định trách nhiệm quốc gia về quyền con người: “Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”²⁷⁹. Đại hội X (2006) nhấn mạnh yêu cầu “Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội” và gắn liền yêu cầu đó với việc bảo đảm quyền con người “Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người”²⁸⁰.

tr.105.

²⁷⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.112-117.

²⁷⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.19.

²⁷⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.134.

²⁸⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.72.

Đại hội XI (2011) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) trong đó nêu rõ: “Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”²⁸¹. Đại hội XII (2016) khẳng định: “Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013... hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân”; “bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng thành quả của công cuộc đổi mới”²⁸². Đại hội XIII (2021) nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt là vai trò của các cơ quan nhà nước trong tôn trọng, bảo vệ quyền con người. Cụ thể, đối với Quốc hội, đó là “Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng quy trình lập pháp,.. tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp...”²⁸³; đối với các cơ quan tư pháp, đó là: “... Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân”²⁸⁴.

Gần đây nhất, Nghị quyết 27-NQ/TW về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới”²⁸⁵ đã xác định, việc “Bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân” là một trong 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn cần thực hiện để xây dựng và

²⁸¹Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.76.

²⁸²Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.169.

²⁸³Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 175,176.

²⁸⁴Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.177.

²⁸⁵Xem toàn văn Nghị quyết 27-NQ/TW tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-27-ngtw-ngay-09112022-hoi-ngphi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>, truy cập 2/2/2023.

hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, nhiều nhóm nhiệm vụ, giải pháp khác, đặc biệt là về hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... cũng liên quan mật thiết đến việc bảo đảm quyền con người.

3. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VỀ PHÁP QUYỀN VÀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Những vấn đề pháp quyền và nhân quyền toàn cầu cần nghiên cứu giải quyết

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, không chỉ trong xây dựng và thực thi pháp luật mà cả hoạt động nghiên cứu ở Việt Nam cũng cần tiếp cận với những vấn đề pháp quyền và nhân quyền có tính chất toàn cầu. Dưới đây là một số vấn đề tiêu biểu:

Về pháp quyền

Vấn đề lớn nhất là sự suy giảm pháp quyền trên toàn thế giới. Theo Dự án Công lý Thế giới (World Justice Project), từ năm 2016 đến 2024, 81% quốc gia trên thế giới, kể cả ở các nền dân chủ lâu đời, đã trải qua sự suy giảm về pháp quyền, thể hiện qua việc hạn chế các quyền dân sự, chính trị, đặc biệt là quyền tự do báo chí và sự gia tăng tính chuyên chế của nhà nước²⁸⁶. Tình trạng lạm dụng pháp luật, đặc biệt là để đàn áp phe đối lập, cũng như việc chính trị hóa hệ thống tư pháp xảy ra ở nhiều quốc gia²⁸⁷, trong khi các thể chế quốc tế về bảo vệ pháp quyền có xu hướng suy yếu. Về khía cạnh này, Liên Hợp quốc đã cảnh báo rằng tầm nhìn ban đầu của Hiến chương Liên Hợp

²⁸⁶World Justice Project (2024), WJP Rule of Law Index 2024 Global Press Release, tại trang <https://worldjusticeproject.org/news/wjp-rule-law-index-2024-global-press-release>

²⁸⁷World Bank (2025), Global Program on Justice and Rule of Law, tại trang <https://www.worldbank.org/en/programs/global-program-on-justice-and-rule-of-law/knowledge>

quốc về dân chủ và hoà bình đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi sự gia tăng chủ nghĩa độc tài, xung đột lan rộng và sự xói mòn của pháp quyền và sự thật²⁸⁸. Ngay cả các tòa án nhân quyền quốc tế cũng có xu hướng bị chính trị hoá. Ví dụ, Tổng Thư ký Hội đồng Châu Âu từng cảnh báo về việc chính trị hóa Tòa án Nhân quyền Châu Âu sau khi một số lãnh đạo châu Âu kêu gọi xem xét lại Công ước Nhân quyền Châu Âu liên quan đến vấn đề di cư, qua đó đe dọa tính độc lập của tòa án và bảo vệ quyền con người ở châu lục này²⁸⁹.

Đại dịch COVID-19 đã làm xói mòn niềm tin của công chúng vào nhiều chính phủ và các thể chế, khi các quyền tự do bị hạn chế một cách tùy tiện ở nhiều quốc gia, tòa án đóng cửa và các quy trình tư pháp bị trì hoãn - những điều mà đặc biệt ảnh hưởng đến các cộng đồng dân cư nghèo và dễ bị tổn thương. Việc sử dụng các biện pháp khẩn cấp và lạm dụng quyền lực hành pháp trong thời kỳ khủng hoảng đã dẫn đến việc vi phạm quyền con người và pháp quyền, như việc hạn chế quyền tự do hội họp và biểu đạt. Hơn nữa, sự thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các cơ quan công quyền ở nhiều quốc gia làm suy yếu pháp quyền và tạo điều kiện cho tham nhũng và lạm dụng quyền lực. Đi liền với việc đó là hạn chế về quyền tiếp cận công lý cho các nhóm yếu thế. Nhiều người dân, đặc biệt là ở các cộng đồng nghèo và thiểu số ở nhiều quốc gia không thể tiếp cận hệ thống tư pháp do chi phí cao, thiếu thông tin và sự phức tạp của quy trình pháp lý, dẫn đến việc quyền lợi của họ không được bảo vệ đầy đủ. Trong các quốc gia đang chuyển tiếp từ xung đột hoặc chế độ độc tài quân sự, việc xây dựng lại hệ thống pháp luật và tư pháp gặp nhiều thách thức, bao gồm việc đảm bảo công lý chuyển tiếp, xử lý các vi phạm nhân quyền trong quá khứ và xây dựng niềm tin vào các thể chế mới. Tất cả những vấn đề này đều cần có thêm những nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ hơn các nguyên nhân và tìm ra những giải pháp thích hợp.

²⁸⁸World Justice Project (2025), World Justice Project | Advancing the rule of law worldwide, tại trang <https://worldjusticeproject.org/>

²⁸⁹City University (2025), Rule of law in crisis: The need for a new approach, tại trang <https://www.citystgeorges.ac.uk/news-and-events/news/2025/january/rule-of-law-crisis>

Về nhân quyền

Vấn đề nhân quyền lớn nhất trên thế giới hiện nay là bảo vệ nhân quyền trong xung đột vũ trang. Các cuộc xung đột tại Ukraine, Gaza, Sudan và Myanmar tiếp tục gây ra các vi phạm nhân quyền nghiêm trọng như hành quyết tù binh, tra tấn, và sử dụng dân thường làm lá chắn sống. Liên Hợp quốc và các tổ chức nhân quyền đã ghi nhận các hành vi này là vi phạm luật nhân đạo quốc tế và có thể cấu thành tội ác chiến tranh. Bên cạnh đó, việc sử dụng các loại vũ khí mới, trong đó đặc biệt là vũ khí tích hợp trí tuệ nhân tạo, đang đặt ra những câu hỏi lớn về trách nhiệm của các bên tham chiến trong luật nhân đạo và luật nhân quyền quốc tế.

Đi liền với xu hướng suy giảm pháp quyền trên thế giới mà đã nêu ở mục trên là xu hướng suy giảm không gian và sự bảo đảm cho các quyền dân sự, chính trị ở nhiều quốc gia. Ở nhiều nước, chính quyền đang lạm dụng luật pháp để đàn áp những tiếng nói đối lập, bắt giữ tùy tiện và hạn chế tự do biểu đạt. Sự phân biệt đối xử về dân tộc, chủng tộc, giới, tôn giáo, tín ngưỡng và bạo lực đối với cộng đồng LGBTQ+ đang gia tăng ở nhiều quốc gia. Trong khi đó, biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng đến quyền sống, quyền về sức khỏe của hàng trăm triệu người trên khắp các châu lục; sự phát triển của công nghệ số đặt ra thách thức về quyền riêng tư, tự do biểu đạt và bảo vệ dữ liệu cá nhân; xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu và đàn áp chính trị đang thúc đẩy làn sóng di cư toàn cầu mà trong đó người di cư và tị nạn thường đối mặt với nguy cơ bị phân biệt đối xử, bạo lực và thiếu tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản; mặc dù các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc tôn trọng và thúc đẩy quyền con người song cũng là những thủ phạm vi phạm nhân quyền khi bỏ qua các vấn đề như chuỗi cung ứng bền vững, quyền lao động và tác động môi trường trong hoạt động kinh doanh. Tất cả những vấn đề này cũng đều cần có thêm những nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ hơn các nguyên nhân và tìm ra những giải pháp thích hợp.

3.2. Những vấn đề pháp quyền và nhân quyền có tính đặc thù của Việt Nam cần nghiên cứu giải quyết

Bên cạnh những vấn đề có tính toàn cầu như trên, còn có những vấn đề pháp quyền và nhân quyền có tính đặc thù của Việt Nam cần nghiên cứu giải quyết trong thời gian tới, tiêu biểu là:

Về pháp quyền

Nghị quyết 27-NQ/TW đã xác định đến năm 2045 sẽ hoàn thành việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Để đạt được mục tiêu đó, cần tiếp tục nghiên cứu thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể đó là:

Thứ nhất, nghiên cứu hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Nghị quyết 27-NQ/TW nhấn mạnh: “Quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát hiệu quả, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện”. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần nghiên cứu khắc phục hạn chế đó, trước mắt là cần nghiên cứu, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, đảm bảo sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau.

Nghiên cứu về vấn đề này có ý nghĩa thực tiễn cao ở nước ta hiện nay, vì quyền lực nhà nước nếu không được kiểm soát hiệu quả sẽ dẫn đến nguy cơ lạm quyền, tham nhũng, suy giảm niềm tin của nhân dân vào thể chế. Việc xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực là yêu cầu tất yếu để bảo đảm sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thông qua nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp đề xuất các mô hình kiểm soát quyền lực phù hợp, tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và phòng ngừa lạm quyền trong bộ máy nhà nước ta hiện nay.

Thứ hai, nghiên cứu đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật

Nghị quyết 27-NQ/TW yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả”. Việc này đòi hỏi phải nghiên cứu để cải cách toàn diện về quy trình lập pháp, từ khâu đề xuất chính sách đến ban hành văn bản pháp luật, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi.

Trong thực tế, quy trình xây dựng pháp luật hiện nay ở nước ta vẫn còn chồng chéo, chưa đảm bảo tính chuyên nghiệp và kịp thời, làm giảm hiệu quả điều chỉnh xã hội. Vì vậy, nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, đảm bảo tính khoa học, khả thi, thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp

Hiện Việt Nam chưa có cơ chế bảo vệ Hiến pháp rõ ràng, dẫn đến nguy cơ vi phạm nguyên tắc hiến định và xung đột giữa các văn bản pháp luật. Đó là lý do Nghị quyết 27-NQ/TW xác định, cần “cụ thể hóa và xây dựng cơ chế để các chủ thể thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp”. Việc nghiên cứu, đề xuất mô hình cơ quan hoặc cơ chế bảo hiến phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam là rất cần thiết hiện nay, qua đó giúp đảm bảo tính tối cao của Hiến pháp, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và trật tự pháp luật.

Thứ tư, nghiên cứu đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội

Thực tế cho thấy năng lực lập pháp, giám sát và quyết định chính sách lớn của Quốc hội nước ta hiện vẫn hạn chế. Chính vì vậy, Nghị quyết 27-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ: “Tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp”. Để thực hiện nhiệm vụ này, cần nghiên cứu mô hình tổ chức, hoạt động của Quốc hội nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chức năng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Nghiên cứu này cũng sẽ giúp đề xuất mô hình tổ chức, nâng cao tính chuyên nghiệp của đại biểu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động Quốc hội.

Thứ năm, nghiên cứu cải cách hành chính, cải cách tư pháp

Mặc dù đã liên tục được cải cách, song thủ tục hành chính ở nước ta hiện nay vẫn còn phức tạp, bộ máy công kênh, toà án và các cơ quan tham gia hoạt động tư pháp còn thiếu độc lập và minh bạch. Về vấn đề này Nghị quyết

27-NQ/TW đã chỉ rõ: “Cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”. Điều này đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu để cải cách hành chính, cải cách tư pháp, trong đó tập trung vào việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đảm bảo công bằng, minh bạch trong hoạt động tư pháp. Thông qua nghiên cứu này sẽ đề xuất các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, tư pháp theo hướng hiện đại, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ sáu, nghiên cứu tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặc dù vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta đã được quy định cụ thể, song việc thực hiện trên thực tế còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ. Vì vậy, Nghị quyết 27-NQ/TW đã chủ trương tiếp tục: “Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Chủ trương này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu cơ chế, phương thức để Mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội tham gia hiệu quả vào quá trình xây dựng pháp luật, giám sát thực thi pháp luật và phản biện xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

Thứ bảy, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và nhân dân

Trong thực tế ở nước ta hiện nay, tình trạng vi phạm pháp luật trong một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân còn tồn tại, ảnh hưởng đến trật tự pháp luật. Về vấn đề này, Nghị quyết 27-NQ/TW đã chỉ rõ: “Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân chưa nghiêm”. Từ thực tế như vậy, cần tiếp tục nghiên cứu các cơ chế, giải pháp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và nhân dân, trong đó tập trung vào việc giáo dục pháp luật, xây dựng văn hóa pháp lý trong xã hội, đặc biệt trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Thứ tám, nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao

Phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay, bởi nguồn nhân lực pháp luật ở nước ta hiện chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật, hội nhập và phát triển đất nước. Đây cũng chính là một nhiệm vụ, giải pháp được Nghị quyết 27-NQ/TW đề ra. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu đề xuất các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong lĩnh vực pháp luật, bảo đảm đội ngũ này có năng lực cao, đạo đức nghề nghiệp tốt, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Thứ chín, nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công

Nghị quyết 27-NQ/TW đặt ra yêu cầu “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước”. Yêu cầu này xuất phát từ thực tế là chuyển đổi số trong quản lý nhà nước ở nước ta còn chậm, chưa đồng bộ, an toàn thông tin chưa bảo đảm. Vì vậy, cần nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới xây dựng chính phủ số, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tăng cường khả năng tiếp cận của người dân và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Thứ mười, nghiên cứu hội nhập quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về pháp quyền

Mặc dù nước ta hiện đã hội nhập ngày càng sâu rộng vào cộng đồng quốc tế, việc nội luật hóa các điều ước quốc tế còn chậm, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến vị thế và uy tín của Việt Nam trên thế giới. Chính vì vậy, Nghị quyết 27-NQ/TW đã nhấn mạnh: “Tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. Trong bối cảnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu việc nội luật hóa các cam kết quốc tế, đề xuất giải pháp hài hòa pháp luật trong nước với các cam kết quốc tế, qua đó nâng cao năng lực thực hiện các nghĩa vụ quốc tế về nhân quyền và pháp quyền của nước ta.

Về quyền con người

Nghị quyết 27-NQ/TW cũng đề cập đến một nhóm nhiệm vụ, giải pháp riêng về tăng cường bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở nước ta trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN trong giai đoạn mới. Ngoài ra, còn có nhiều văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật khác của Nhà nước cũng đề cập đến vấn đề này. Từ những văn kiện, văn bản đó, có thể xác định những vấn đề trọng tâm cần tiếp tục nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở nước ta trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền con người trong hệ thống pháp luật

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi mặc dù Hiến pháp năm 2013 đã hiến định rõ ràng về quyền con người, nhưng việc cụ thể hóa và thực thi các quyền này trong thực tế còn gặp nhiều khó khăn, do khung khổ pháp luật về nhiều vấn đề của quyền con người vẫn chưa hoàn thiện. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này là cần thiết, qua đó xác định được các giải pháp nhằm đảm bảo quyền con người được thực thi hiệu quả, đồng thời nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, nghiên cứu tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức về quyền con người

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi, nhận thức của người dân và cán bộ, công chức ở nước ta về quyền con người còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc thực thi và bảo vệ các quyền con người trong thực tế. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp xây dựng, hoàn thiện chương trình giáo dục và đào tạo về quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân, cũng như triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về quyền con người qua các kênh khác, qua đó góp phần nâng cao nhận thức và hiểu biết của toàn xã hội về quyền con người.

Thứ ba, nghiên cứu bảo đảm quyền tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi việc thực thi quyền tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin ở nước ta hiện còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo quyền tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin của người dân theo quy định của pháp luật, đồng thời xây dựng cơ chế kiểm soát thông tin phù hợp để bảo vệ lợi ích quốc gia và cộng đồng.

Thứ tư, nghiên cứu bảo vệ quyền của các nhóm yếu thế trong xã hội

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi giống như ở nhiều nước khác, các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số... ở nước ta vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và thực hiện các quyền của mình. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp đề xuất các chính sách và biện pháp cụ thể và phù hợp nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền của các nhóm yếu thế, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trong xã hội.

Thứ năm, nghiên cứu thúc đẩy quyền tham gia của người dân vào quản lý nhà nước và xã hội

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi ở nước ta hiện nay, việc người dân tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội còn hạn chế, mang tính hình thức, ảnh hưởng đến tính dân chủ của nhà nước, xã hội và hiệu quả của các chính sách và quyết định công. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp xây dựng cơ chế và khuyến khích người dân tham gia vào quá trình xây dựng và giám sát chính sách, góp phần nâng cao tính dân chủ của nhà nước và xã hội, tính minh bạch và hiệu quả của quản lý nhà nước.

Thứ sáu, nghiên cứu bảo đảm quyền lao động và an sinh xã hội

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi ở nước ta hiện nay người lao động, đặc biệt là trong khu vực phi chính thức, còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các quyền lao động và an sinh xã hội. Trong bối cảnh

đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp đề xuất các chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Thứ bảy, nghiên cứu bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân trong không gian mạng

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi sự phát triển của công nghệ thông tin đang đặt ra những thách thức lớn đối với việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân của người dân. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp xây dựng khung pháp lý và các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân, đồng thời đảm bảo an ninh mạng quốc gia.

Thứ tám, nghiên cứu thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi Việt Nam là thành viên của nhiều công ước quốc tế về quyền con người, việc thực hiện các cam kết này còn gặp nhiều thách thức. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp đánh giá việc thực hiện các cam kết quốc tế, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ chín, nghiên cứu tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong bảo vệ quyền con người

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi cơ chế giám sát và phản biện xã hội ở nước ta hiện nay còn mang tính hình thức, chưa phát huy hiệu quả trong việc bảo vệ quyền con người. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội và người dân trong giám sát và phản biện chính sách, góp phần bảo vệ quyền con người.

Thứ mười, nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người

Lý do cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề này là bởi công nghệ thông tin đã chứng minh là công cụ hữu hiệu, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này sẽ giúp khảo sát và đề xuất các ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của các chính sách và biện pháp bảo vệ quyền con người ở nước ta.

4. KẾT LUẬN

Pháp quyền và quyền con người có mối liên hệ chặt chẽ, đều là những giá trị phổ quát của nhân loại, vì vậy đều cần bảo vệ, thúc đẩy để bảo đảm sự phát triển thịnh vượng, bền vững của các quốc gia.

Pháp quyền và quyền con người là những vấn đề được Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm. Vì vậy, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và bảo vệ, bảo đảm quyền con người. Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, mà gắn liền với toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0, vẫn còn nhiều thách thức mà Việt Nam cần giải quyết để có thể xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và bảo vệ, bảo đảm hiệu quả hơn các quyền con người theo tiêu chuẩn quốc tế. Để đạt được mục tiêu đó, nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn cần được tiếp tục nghiên cứu làm rõ, trong đó có các vấn đề trọng tâm như hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, đổi mới quy trình lập pháp, cải cách tư pháp và hành chính, tăng cường giáo dục pháp luật và quyền con người, phát triển nhân lực pháp luật chất lượng cao, bảo vệ quyền tự do ngôn luận, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân... Nghiên cứu những vấn đề này không chỉ có ý nghĩa lý luận sâu sắc mà còn mang tính thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện đại và bảo vệ quyền con người tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây sẽ là những định hướng quan trọng cho các cơ sở nghiên cứu và các chuyên gia về pháp quyền và quyền con người Việt Nam trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo

1. A.V. Dicey (1979 [1885]), *Introduction to the Study of Law of the Constitution* (A.V. Dicey With an Introduction by E.C.S. Wade), The MacMillan Press, London.
2. AKTAŞ, Özgür, SAFRAN, Mustafa (2013), Summary peace as a universal value and the history of peace education, <http://dergipark.ulakbim.gov.tr/tsadergisi/article/view/5000146896>
3. Baker, J (2003), Equality and Other Values. *Studies: An Irish Quarterly Review*, 92(366), pp.113-121, <http://www.jstor.org/stable/30095603>
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
5. Ban Nội chính Trung ương (2024), “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”, tại trang <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202406/tiep-tuc-xay-dung-va-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-giai-doan-moi-313889/>.
6. Ben-Shahar, Tal (2002), *A Clash of Values: The Struggle for Universal Freedom*, iUniverse, 2002.
7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2025), *Việt Nam nỗ lực thúc đẩy, đảm bảo quyền con người*, Hà Nội.
8. Bryan A. Garner (ed. in chief) (2014), *Black's Law Dictionary, 10th Edition*.
9. Burton, J. W (1969), Universal Values and World Politics. *International Journal*, 24(4), 673-692, <https://doi.org/10.2307/40200285>
10. C.Mác - Ph.Ăngghen (1998), *Về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Cao Huy Thuần (2007), “Nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Tia Sáng*

Online, ngày 24/12/2007.

12. City University (2025), Rule of law in crisis: The need for a new approach, tại trang <https://www.citystgeorges.ac.uk/news-and-events/news/2025/january/rule-of-law-crisis>

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội..

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết 27-NQ/TW, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-27-nqtw-ngay-09112022-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

24. Diamond, Larry Jay, and Marc F. Plattner (2001), *The Global*

Divergence of Democracies, Johns Hopkins University Press.

25. Geoffrey de Q. Walker (1988), *The Rule of Law: Foundation of Constitutional Democracy*, Melbourne: Melbourne University Press.

26. Gudmundur Alfredsson (1999), *The Universal Declaration of Human Rights: A Common Standard of Achievement* Springer; 1st edition (March 31, 1999).

27. Henkin, L (1989), The Universality of the Concept of Human Rights. The Annals of the American Academy of Political and Social Science, (506), pp.10-16, <http://www.jstor.org/stable/1046650>

28. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người (dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

29. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Các văn kiện của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về quyền con người - Tuyển chọn và Trích dẫn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

30. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Các văn kiện quốc tế, khu vực về quyền con người - tuyển chọn, sách tham khảo*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

31. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo đảm quyền con người trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.

32. Kofi Annan (1988), “Human rights: Common language of humanity”, <https://www.un.org/press/en/1998/19980130.SGSM6450.html>.

33. Kofi Annan (1988), “Human rights: Common language of humanity”, <https://www.un.org/press/en/1998/19980130.SGSM6450.html>.

34. Manfred Nowak (2019), A system of universal values, applicable to all human beings, <https://www.maastrichtuniversity.nl/>.

35. Mary Robinson, The Universal Declaration of Human Rights: A Living Document, <https://www.ohchr.org/en/statements/2009/10/universal->

declaration-human-rights-living-document.

36. Navanethem Pillay, Are Human Rights Universal?
<https://www.un.org/en/chronicle/article/are-human-rights-universal>.

37. Nguyễn Sĩ Dũng, Thần linh pháp quyền, <http://vpdf.org.vn/nghien-cuu-trao-doi/than-linh-phap-quyen.html>.

38. Pavel Dufek (2006), Justice and Universal Values in the Political Philosophy of Liberal Egalitarianism, Justice and Universal Values in the Political Philosophy, Czech Journal of Political Science, No.1(2006), file:///Users/os/Downloads/Peace_as_a_Universal_Value.pdf.

39. S.S. Manna, Soumyajyoti Biswas, Bikas K. Chakrabarti (2022), Near universal values of social inequality indices in self-organized critical models, Physica A: Statistical Mechanics and its Applications. Volume 596, 15 June 2022, 127121.

40. Schwartz, S. H (2012), An Overview of the Schwartz Theory of Basic Values. Online Readings in Psychology and Culture, 2(1).
<https://doi.org/10.9707/2307-0919.1116>.

41. Sen, Amartya (1999), “Democracy as a Universal Value”, *Journal of Democracy*, 10 (3), pp.3-17.

42. Stephen A. Simon (2010). Addressing Broad Challenges to Universal Theories of Justice. *The Good Society*, 19(2), pp.75-78.
<https://doi.org/10.5325/goodsociety.19.2.0075>.

43. Stephen Holmes (1995), *Passion and Constraint: On the Theory of Liberal Democracy*, University of Chicago Press, Chicago, tr.270-271. Dẫn theo: Bo Li, “What is Constitutionalism”, *Perspectives*, Vol.1, No.6, bản dịch tại trang <http://icevn.org/vi/blog/155/>.

44. Stevent Mintz (2018), What are Values? 08/08/2018,
<https://www.ethicssage.com/2018/08/what-are-values.html>

45. Tổng Bí thư Tô Lâm (2024), “Phát biểu nhậm chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII”, tại trang <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-nham-chuc-cua->

tong-bi-thu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-119240803113016136.ht

46. Trần Ngọc Hiên, “Kinh tế thị trường định hướng XHCN, với nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự nước ta”, *Tạp chí cộng sản*, tại trang <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/629/kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-voi-nha-nuoc-phap-quyen-va-xa-hoi-dan-su-nuoc-ta.aspx>.

47. Tường Duy Kiên (2010), “Quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 6(26).

48. UN Sustainable Development Group, Universal Values, <https://unsdg.un.org/2030-agenda/universal-values>.

49. United Nations (2012), Declaration of the High-level Meeting of the General Assembly on the Rule of Law at the National and International Levels. Resolution adopted by the General Assembly, A/RES/67/1, 30 November 2012, đoạn 5, tại trang <https://www.un.org/ruleoflaw/files/A-RES-67-1.pdf>

50. United Nations (2012), Delivering justice: programme of action to strengthen the rule of law at the national and international levels: Report of the Secretary-General, A/66/749, đoạn 4, tại trang <https://undocs.org/en/A/66/749>

51. United Nations Millennium Declaration, General Assembly resolution 55/2 of 8 September 2000, section 8.

52. United Nations, Rule of Law and Human Rights, <https://www.un.org/ruleoflaw/rule-of-law-and-human-rights/>

53. United Nations, Universal Declaration of Human Rights, <https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights>.

54. United Nations, Universality, cultural diversity and cultural rights - Report of the Special Rapporteur in the field of cultural rights, 25/7/2018, [h t t p s : / / d o c u m e n t s - d d s -](https://documents-dds-)

ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N18/237/65/PDF/N1823765.pdf?OpenElement.

55. University of Minnesota, Human Rights Resource Center (1993). A Short History of Human Rights’ adapted from David Shiman, Teaching Human Rights, *hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/here-andnow/Part-1/short-history.htm*.

56. Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo 1/TB-VPCP kết luận tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người*, Hà Nội.

57. Vũ Công Giao (2024), “Các giá trị phổ quát toàn nhân loại: Bước đầu nhận diện và liên hệ với Việt Nam”, Tham luận tại Hội thảo *Những vấn đề lý luận về giá trị và nguồn lực nhân văn* do Chương trình KX03/21-30 tổ chức tại Đà Lạt ngày 12/12/2024.

58. Vũ Công Giao (2024), “Vai trò của pháp quyền với sự phát triển của các quốc gia”, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, 1(493). tr.14-20, 13.

59. World Bank (2025), Global Program on Justice and Rule of Law, tại trang <https://www.worldbank.org/en/programs/global-program-on-justice-and-rule-of-law/knowledge>

60. World Justice Project (2024), WJP Rule of Law Index 2024 Global Press Release, tại trang <https://worldjusticeproject.org/news/wjp-rule-law-index-2024-global-press-release>

61. World Justice Project (2025), World Justice Project | Advancing the rule of law worldwide, tại trang <https://worldjusticeproject.org/>

XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM DƯỚI GÓC ĐỘ **QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI**

TS. Bùi Thị Hương Trâm

Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới (IHFGS)

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua gần 40 năm thực hiện đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo quyền con người và được thế giới đánh giá cao. Sự phát triển và thịnh vượng của Việt Nam trong thời gian qua không thể không kể đến sự đóng góp tích cực của văn hóa quyền con người. Trong đó hệ chuẩn mực con người Việt Nam cũng góp phần định hướng, đánh giá và điều chỉnh hành vi trong các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội tạo nên sự đồng thuận dân tộc, thống nhất ý chí và tình cảm của dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đời sống con người xưa nay đều diễn ra trong và thông qua sự kiểm định của thế giới các chuẩn mực. Tất cả những gì con người suy nghĩ, tỏ thái độ hay hành động... đều được mỗi cá nhân tự đặt bản thân mình trước sự “phán xét” của các chuẩn mực. Trên cơ sở đó, con người sẽ lựa chọn thực hiện thái độ và hành vi, tuân thủ nhiều hay ít chuẩn mực.

Tuy vậy, quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, giao lưu và tiếp biến văn hóa đã tác động đến chuẩn mực con người Việt Nam và chúng được phản ánh rất đa dạng dưới nhiều biểu hiện. Một mặt, những biểu hiện tích cực theo xu hướng khẳng định, đề cao và củng cố vững chắc thêm các giá trị truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam, mặt khác, đang tồn tại những biểu hiện suy thoái, xuống cấp, văn hóa ngoại lai xâm lấn, đi ngược lại chuẩn mực con người Việt Nam.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục xác định quan điểm chỉ đạo “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên...”²⁹⁰. Định hướng phát triển đất nước 2021-2030 “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”²⁹¹. Có thể nói, xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam dưới góc độ quyền con người nhằm phát huy giá trị, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là rất cần thiết theo tinh thần của đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Con người thường khao khát có một cuộc sống có ý nghĩa và hạnh phúc, trong một xã hội tốt đẹp, tiến bộ. Khi chuẩn mực xã hội được cho là hợp lý, đúng đắn, hay thiêng liêng, thì những chuẩn mực ấy trở thành quỹ đạo của những hành vi và thái độ lý tưởng, đến mức có người sẵn sàng hy sinh cho những mục đích nào đó mà họ cho là cao cả. Một khía cạnh quan trọng trong hành vi của con người là thường bị ảnh hưởng bởi những gì người khác làm và bởi những gì người khác nghĩ nên làm. Khi nào hành vi bị ảnh hưởng theo cách đó, sẽ được gọi là chuẩn mực. Việc nghiên cứu của giới khoa học về chuẩn mực con người là nhằm tới một nhận thức sâu sắc hơn, với những quan điểm và giải pháp sáng suốt hơn... để quá trình này diễn ra chủ động hơn, tích cực hơn, nhanh hơn và bền vững hơn. Trong phạm vi bài viết này, *chuẩn mực*

²⁹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tr.110.

²⁹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tr.116

con người Việt Nam được hiểu là những quy ước chung về những điều, những việc phải làm hoặc nên làm, tồn tại dưới hình thức công khai hoặc ngầm định, được người Việt Nam đồng thuận, tán thành, điều tiết thái độ, hành vi của con người trong giao tiếp, ứng xử, phù hợp với văn hóa, luật pháp Việt Nam, tinh hoa văn hóa, luật pháp quốc tế²⁹².

2. NỘI DUNG

2.1. Nhận diện chuẩn mực con người Việt Nam từ tiếp cận dựa trên chuẩn mực và nguyên tắc về quyền con người

Quyền con người là sản phẩm của lịch sử, giá trị chung của nhân loại, kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài vì tự do, công bằng và phát triển. Việc dựa vào những chuẩn mực và nguyên tắc về quyền con người làm mục tiêu hướng đến trong các hoạt động được Liên Hợp quốc gọi là “Tiếp cận dựa trên quyền con người” (Human Rights - Based Approach - HRBA). Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về quyền con người đưa ra định nghĩa: “Tiếp cận dựa trên quyền con người là một khái niệm khung về quá trình phát triển con người có tính quy luật dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người và định hướng hoạt động để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người” (OHCHR, tr.15). Nghiên cứu chuẩn mực con người Việt Nam từ tiếp cận quyền con người chính là nghiên cứu các chuẩn mực được quy định bởi đạo đức và pháp luật (hay còn gọi là chuẩn mực đạo đức và chuẩn mực pháp lý) mang tính định hướng hoạt động để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

Chuẩn mực đạo đức và chuẩn mực pháp lý được thể hiện qua 03 lĩnh vực giao tiếp hình thành nên các chuẩn mực chung tiêu biểu cho con người Việt Nam gồm: quan hệ gia đình, quan hệ cộng đồng và quan hệ xã hội. Đây cũng chính là ba hợp phần nghiên cứu chuẩn mực con người Việt Nam. Trong mỗi lĩnh vực như vậy lại hình thành các chuẩn mực nhỏ hơn. Đề tài khảo sát 36 chuẩn mực nhỏ tương ứng với 03 lĩnh vực (12 chuẩn mực nhỏ/mỗi lĩnh vực). Đề tài chỉ lựa chọn khảo sát 36 chuẩn mực bởi nói đến chuẩn mực xã hội,

²⁹² Xem Bùi Thị Hương Trâm (2024), Báo cáo đề tài trọng điểm cấp Bộ *Lý luận và thực tiễn xây dựng chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới*.

quy trình nghiên cứu buộc phải quy giản chỉ ở những chuẩn mực cơ bản nhất và cần phải có ý nghĩa đối với mọi cá nhân thuộc mọi cộng đồng trong tất cả 54 dân tộc Việt Nam. Nghĩa là, trong việc xác định chuẩn mực con người Việt Nam, cần thiết phải trừu tượng hoá việc phân loại: chuẩn mực con người Việt Nam được xác định sẽ là chuẩn mực tiêu biểu, chỉ đại diện cho một số lĩnh vực, một số mặt cơ bản của đời sống con người. Với đề tài này, nội dung khảo sát là các quy tắc, quy định, điều luật liên quan đến quyền con người đã định hình thành thái độ ứng xử, thành khuôn mẫu hành vi trong đời sống (tức là đã trở thành các chuẩn mực). Cái cần được khảo sát dĩ nhiên không phải là bản thân các điều luật mà là thái độ, khuôn mẫu, hành vi ứng xử của người dân, thể hiện trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân đối với luật pháp.

Chuẩn mực trong mối quan hệ gia đình

Kết quả cho thấy trong nhóm 12 chuẩn mực liên quan đến mối quan hệ gia đình có 03 chuẩn mực được ưu tiên lựa chọn cao nhất đó là: (1) Vợ chồng nên sống chung thủy với nhau chiếm tỷ lệ 85,1%; tiếp đến là chuẩn mực (2) “Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau” 55% và (3) Anh chị em nên thương yêu nhau chiếm tỷ lệ 55,3% (Bảng 1).

Bảng 1: Ưu tiên lựa chọn chuẩn mực trong mối quan hệ gia đình

Các chuẩn mực trong mối quan hệ gia đình	Tỷ lệ	N
1. Vợ chồng nên sống chung thủy với nhau	85,1	1.826
2. Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau	55,0	1.826
5. Anh chị em nên thương yêu nhau	55,3	1.826
3. Vợ chồng nên tạo dựng bầu không khí hoà thuận trong gia đình	52,8	1.826
4. Vợ chồng nên cùng bàn bạc mọi công việc trong gia đình	52,1	1.826
9. Cha mẹ, ông bà nên gương mẫu để con cháu noi theo	45,2	1.826
10. Con cháu nên hiếu thảo với cha mẹ, ông bà trong mọi trường hợp	35,5	1.826
8. Cha mẹ, ông bà nên lắng nghe mọi ý kiến của con cháu	25,4	1.826
6. Anh chị em nên hỗ trợ nhau về kinh tế	15,8	1.826
12. Các thành viên gia đình nên kính trên - nhường dưới trong mọi trường hợp	22,7	1.826
11. Con, cháu nên chăm lo phần mộ cha mẹ, ông bà và thờ cúng tổ tiên	22,0	1.826
7. Cha mẹ nên hy sinh tất cả vì con	17,7	1.826

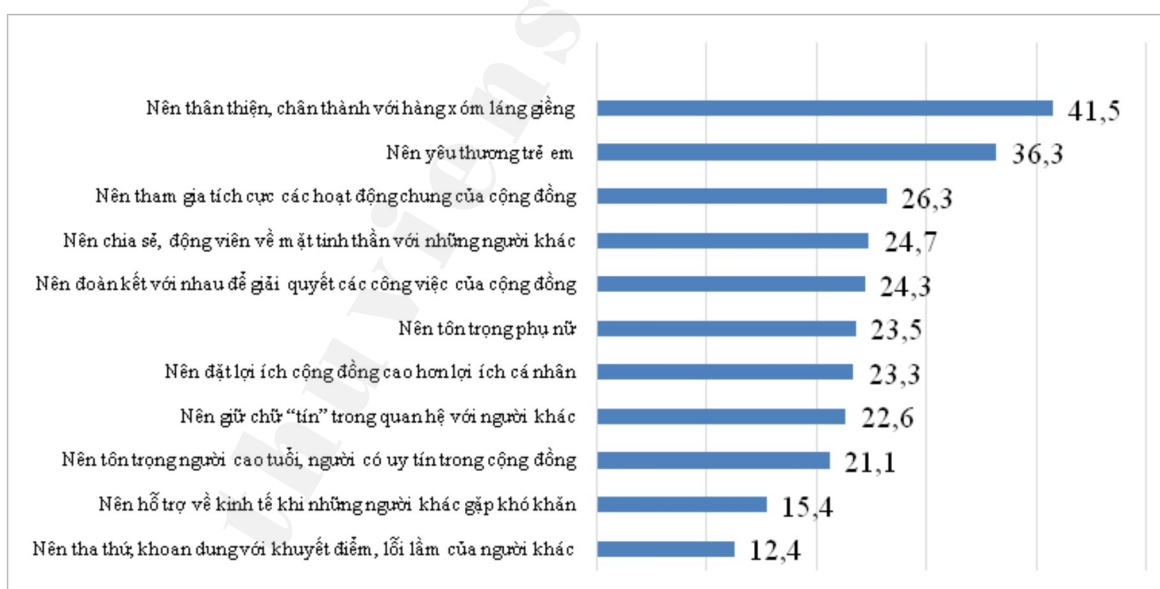
Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023-2024.

Chuẩn mực trong mối quan hệ cộng đồng

Có 02 chuẩn mực liên quan đến mối quan hệ cộng đồng được lựa chọn cao nhất là nên thân thiện, chân thành với hàng xóm, láng giềng với 41,5% và nên yêu thương trẻ em với 36,3% và cao hơn đáng kể so với tỷ lệ lựa chọn các chuẩn mực cộng đồng còn lại. Như vậy, trong các chuẩn mực trong mối quan hệ cộng đồng, truyền thống “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, quan hệ láng giềng vẫn được trân trọng và ưu tiên trong xã hội hiện nay. Tuy “thứ nhất cận thân, thứ nhì cận lân” nhưng trong các trường hợp gặp khó khăn, hoạn nạn thì sự giúp đỡ, hỗ trợ của hàng xóm, láng giềng rất cần thiết. Hàng xóm, láng giềng trở thành một phần của mọi sinh hoạt đời sống diễn ra hàng ngày của mỗi cá nhân. Sự thân thiện với hàng xóm, láng giềng được xem là một cách ứng xử thích hợp với hiện thực cuộc sống và là lẽ sống mang đậm tính cộng đồng và nhân văn của người Việt (Biểu 1).

Biểu 1: Ưu tiên lựa chọn chuẩn mực trong mối quan hệ cộng đồng

DVT: %



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023-2024.

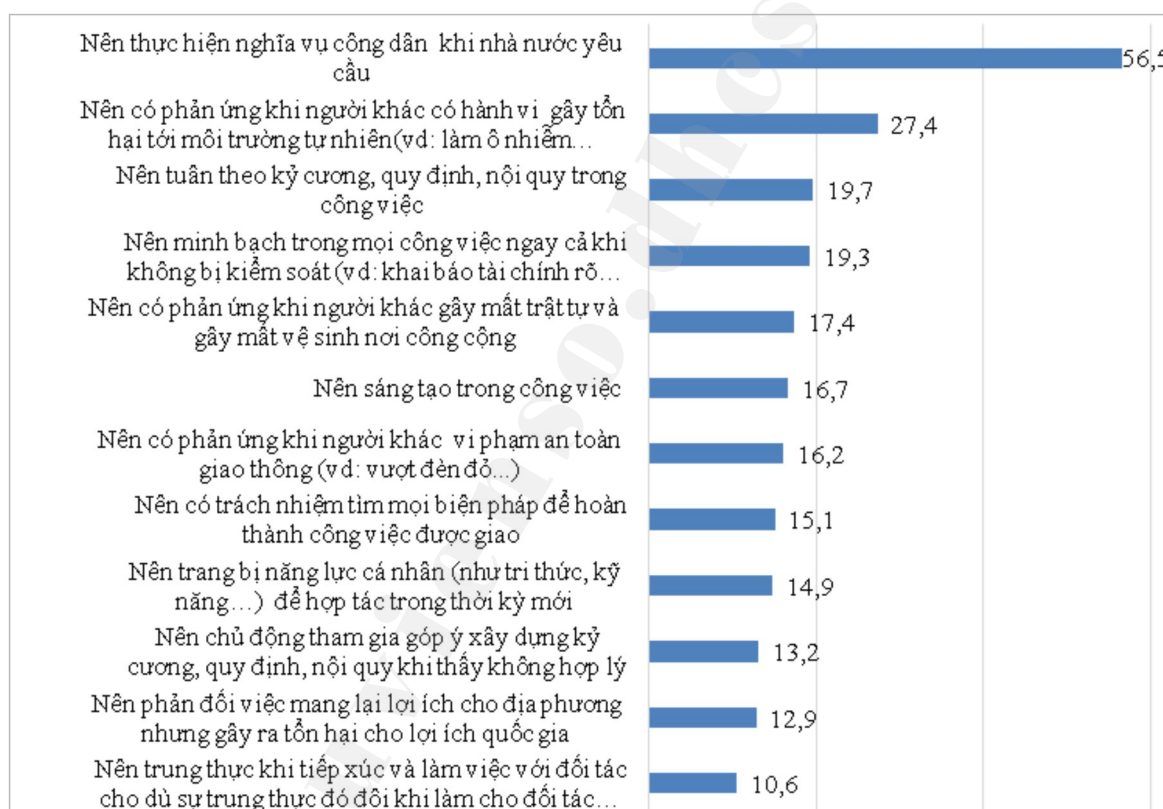
Chuẩn mực trong mối quan hệ xã hội

Với 12 chuẩn mực được gợi ý bao gồm những chuẩn mực “thành văn” và “bất thành văn”. Nó có thể là những nội dung liên quan đến luật pháp mà

mọi người phải chấp hành, hoặc liên quan đến tinh thần trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng xã hội; những điều nên làm để tăng hiệu suất lao động, bảo vệ môi trường... Kết quả cho thấy 02 chuẩn mực được lựa chọn cao nhất là “Nên thực hiện nghĩa vụ công dân khi nhà nước yêu cầu” với 56,5% và “Nên có phản ứng khi người khác có hành vi gây tổn hại tới môi trường tự nhiên (ví dụ: làm ô nhiễm...)” với 27,4% (Biểu 2).

Biểu 2: Ưu tiên lựa chọn chuẩn mực trong mối quan hệ xã hội

ĐVT: %



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023-2024.

2.2. Một số vấn đề về xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam dưới góc độ quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới

Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là góp phần xây dựng văn hóa, trong đó có văn hoá quyền con người. Luận điểm có tính nguyên tắc bao trùm về xây dựng nền văn hóa Việt Nam đã được Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5

(khóa VIII) nêu lên, đó là “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”²⁹³. Quan điểm của Đảng phù hợp với một trong những luận điểm quan trọng của lý thuyết chuẩn mực con người đó là: chuẩn mực là một phạm trù văn hóa, nó biến đổi cùng với biến đổi xã hội, nhưng biến đổi xã hội không đồng nhất với biến đổi văn hóa. Nói cách khác, biến đổi xã hội, cụ thể là biến đổi kinh tế - xã hội, cấu trúc xã hội không nhất thiết dẫn đến sự phủ định mạnh mẽ các giá trị, chuẩn mực truyền thống. Không những thế, nhiều chuẩn mực đã hình thành rất lâu đời trong lịch sử, trở thành bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc vẫn có sức sống trường tồn và có mặt trong đời sống của xã hội hiện đại. Luận điểm này đặt ra những yêu cầu sau đây đối với việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam dưới góc độ quyền con người:

1) Chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới phải thể hiện được sự gắn kết chặt chẽ, hài hòa, nhuần nhuyễn giữa chuẩn mực truyền thống và chuẩn mực hiện đại. Theo đó, chuẩn mực truyền thống và chuẩn mực hiện đại không loại trừ nhau mà kết hợp với nhau, bổ sung cho nhau tạo nên bảng chuẩn mực hay hệ chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới.

2) Bên cạnh những chuẩn mực truyền thống vượt thời gian, trở thành truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, cần được giữ gìn, phát triển, có nhiều chuẩn mực đã trở nên lạc hậu, cản trở sự phát triển văn hóa cần phải được cải tạo hoặc loại bỏ. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng XIII cũng chỉ rõ: Để xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới, phải: “Từng bước vươn lên khắc phục những hạn chế của con người Việt Nam tồn tại trong lịch sử...”

3) Thời kỳ mới là thời kỳ nước ta đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế để thực hiện những mục tiêu được Đại hội XIII

²⁹³<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-03-nqtw-ngay-1671998-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-tai-hoi-ngghi-trung-uong-5-khoa-viii-ve-xay-dung-va-phat-1692>

của Đảng đề ra, đó là: *Đến năm 2025*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức trung bình thấp; *đến năm 2030*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao²⁹⁴. Thời đại mới đòi hỏi phải xây dựng những chuẩn mực con người mới đáp ứng yêu cầu liên quan đến lĩnh vực sản xuất vật chất và những tiến bộ khoa học - công nghệ, của quá trình “chuyển đổi số” lan tỏa nhanh chóng hầu khắp trên thế giới tạo nên nền “kinh tế số” đang được ứng dụng rộng rãi trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ cũng như nhiều lĩnh vực khác, trở thành một ngành kinh tế chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng sản phẩm nội địa (GDP) của mỗi quốc gia và toàn thế giới.

4) Theo khái niệm về chuẩn mực con người Việt Nam, một trong những tiêu chí quan trọng của chuẩn mực là phải “được người Việt Nam đồng thuận, tán thành”²⁹⁵, do đó, việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới phải dựa trên ý kiến của người dân thông qua kết quả điều tra khảo sát xã hội học mà đề tài đã thực hiện, tránh áp đặt những chuẩn mực không nhận được sự đồng thuận, tán thành của đa số người dân.

5) Một yêu cầu không kém phần quan trọng là cần phải gọi tên các chuẩn mực con người. Nói cách khác là phải xây dựng được hệ chuẩn mực của con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Hệ chuẩn mực đó phải đáp ứng được các yêu cầu đã nêu ở trên, đồng thời là những chuẩn mực cốt lõi nhất, điển hình nhất với số lượng các chuẩn mực phù hợp.

6) Cuối cùng, để chuẩn mực đi vào cuộc sống cần phải xây dựng các nhóm giải pháp để phổ biến chuẩn mực, thực hiện chuẩn mực, bao gồm nhóm giải pháp thể chế, nhóm giải pháp tuyên truyền, nhóm giải pháp giáo dục.

²⁹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I, tr.112.

²⁹⁵ Xem: Lê Ngọc Văn, Bùi Thị Hương Trâm (2024), “Nghiên cứu chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, 1(1300).

3. ĐÔI NÉT BÀN LUẬN

Các chuẩn mực trong mối quan hệ gia đình đều là những chuẩn mực nhận được sự đồng thuận và tán thành cao cho thấy các chuẩn mực này phù hợp với gia đình Việt Nam. Trong đó có ba chuẩn mực là “Vợ chồng nên sống chung thủy với nhau”, “Vợ chồng nên trân trọng tình cảm và đóng góp của nhau” và “Anh chị em nên thương yêu nhau” được người dân ưu tiên lựa chọn là chuẩn mực đặc biệt quan trọng trong mối quan hệ gia đình.

Dấu ấn của yếu tố truyền thống trong các chuẩn mực con người trong mối quan hệ với cộng đồng còn khá rõ nét. Trong các chuẩn mực cộng đồng, đạo lý kính già yêu trẻ luôn được ưu tiên lựa chọn và là các chuẩn mực quan trọng nhất. Kết quả này phù hợp với truyền thống trọng lão, kính già già để tuổi cho, kính trên nhường dưới vẫn đang có sức lan tỏa và ảnh hưởng mạnh mẽ trong xã hội Việt Nam hiện nay. Bất chấp những thay đổi nhanh chóng của quá trình đô thị hóa, vai trò của quan hệ hàng xóm láng giềng vẫn được đề cao và là đặc trưng văn hóa làng quê Việt Nam vẫn được duy trì. Đề cao lợi ích cộng đồng cũng là các nhóm chuẩn mực được đồng ý ở mức độ cao.

Về chuẩn mực trong mối quan hệ xã hội, kết quả cho thấy nhóm chỉ báo gợi ý trên nền những chuẩn mực thành văn (được quy định bởi luật pháp, các quy định, nội quy) được quan tâm chú ý và có mức độ đồng thuận (điểm số) cao hơn. Các gợi ý chuẩn mực bất thành văn (đạo đức, trách nhiệm, tự giác) có sự nhất trí, lựa chọn khá cao, nhưng chưa được quan tâm bằng các chuẩn mực thành văn.

Quyền con người chỉ thực sự được tôn trọng và phát huy khi xã hội đề cao **chuẩn mực**. Ngược lại, việc tuân thủ và bảo vệ quyền con người cũng góp phần nâng cao **giá trị, chuẩn mực con người**, thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Sự phát triển và thịnh vượng của Việt Nam trong thời gian qua không thể không kể đến sự đóng góp tích cực của văn hóa quyền con người. Trong đó hệ chuẩn mực con người Việt Nam cũng góp phần định hướng, đánh giá và

điều chỉnh hành vi trong các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội tạo nên sự đồng thuận dân tộc, thống nhất ý chí và tình cảm của dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là nhiệm vụ không tách rời với nhiệm vụ xây dựng văn hoá quyền con người. Về thực chất, đó là sự tìm kiếm một tổng thể những chuẩn mực hợp lý về phát triển con người, nhằm khơi dậy trách nhiệm làm người, tăng cường nghĩa vụ xây dựng xã hội tiến bộ. Xã hội Việt Nam, trên thực tế đang vận động theo khuynh hướng này, bất chấp những tiêu cực trái chiều.

Chuẩn mực con người Việt Nam dưới góc độ quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới phải thể hiện được sự gắn kết chặt chẽ, hài hòa, nhuần nhuyễn giữa chuẩn mực truyền thống và chuẩn mực hiện đại. Theo đó, chuẩn mực truyền thống và chuẩn mực hiện đại không loại trừ nhau mà kết hợp với nhau, bổ sung cho nhau tạo nên bảng chuẩn mực hay hệ chuẩn mực con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Bên cạnh những chuẩn mực truyền thống vượt thời gian, trở thành truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, cần được giữ gìn, phát triển, có nhiều chuẩn mực đã trở nên lạc hậu, cản trở sự phát triển văn hóa cần phải được cải tạo hoặc loại bỏ. Kỷ nguyên mới với những thách thức mới của thế giới hiện đại như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột và trí tuệ nhân tạo (AI), vấn đề xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam từ góc độ quyền con người đang được đặt vào những điều kiện hoàn toàn mới. Không chỉ dừng lại ở chuẩn mực trong các mối quan hệ cơ bản đảm bảo quyền sống, quyền học tập hay quyền tự do, chuẩn mực con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới còn liên quan mật thiết đến các mối quan hệ xã hội về **quyền tiếp cận công nghệ, quyền về dữ liệu cá nhân, quyền phát triển bền vững...** Theo khái niệm về chuẩn mực con người Việt Nam, một trong những tiêu chí quan trọng của chuẩn mực là phải “được người Việt Nam đồng thuận, tán thành”. Do đó, việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam kỷ nguyên mới phải dựa trên ý kiến của người dân, tránh áp đặt những chuẩn mực không nhận được sự đồng thuận, tán thành của đa số.

Giải pháp thể chế là nhóm giải pháp cực kỳ quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi mạnh mẽ của nước ta với sự xuất hiện của những hành vi lệch chuẩn, vi phạm pháp luật như tham nhũng, hối lộ, lãng phí, trốn thuế, bất chấp luật pháp bảo vệ lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ địa phương, lợi ích cá nhân; vi phạm luật pháp và các cam kết quốc tế về quyền con người. Những hành vi lệch chuẩn này có nguy cơ cản trở sự phát triển phồn vinh của đất nước, hạnh phúc của nhân dân. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện **giải pháp thể chế** là điều kiện then chốt để bảo đảm xây dựng chuẩn mực con người, đảm bảo quyền con người một cách thực chất. Trong bối cảnh mới, cần nghiên cứu, điều chỉnh các quy định luật pháp liên quan đến văn hóa ứng xử, chuẩn mực con người Việt Nam, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế nhưng vẫn giữ gìn, phát triển được các chuẩn mực truyền thống. Hiện nay, nhiều địa phương, cơ quan, doanh nghiệp trong cả nước đã độc lập xây dựng chuẩn mực, khuôn mẫu, tiêu chí ứng xử phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của từng địa phương, đơn vị. Các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương cần tiếp tục nghiên cứu để đi tới thống nhất ban hành Bộ chuẩn mực ứng xử của con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Nếu như giải pháp thể chế giúp ngăn chặn các hành vi lệch chuẩn, thì tuyên truyền là nhóm giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện các chuẩn mực, đưa chuẩn mực vào cuộc sống. Tuyên truyền là **cầu nối giữa chính sách với người dân**, góp phần nâng cao nhận thức xã hội, thay đổi hành vi và hình thành văn hoá tôn trọng quyền con người trong đời sống hàng ngày. Công tác tuyên truyền cần phải thực hiện thường xuyên, liên tục và rộng khắp trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Các tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội các cấp, các ngành, các địa phương có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn người dân thực hiện chuẩn mực, xây dựng các mô hình tiêu biểu, gương điển hình, lồng ghép nội dung tuyên truyền chuẩn mực con người Việt Nam mới trong các chương trình mục

tiêu quốc gia; xây dựng các đề án và kế hoạch phù hợp trong từng thời kỳ và từng địa phương trong việc thực hiện chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới dựa trên quan điểm định hướng của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Để chuẩn mực đi vào cuộc sống, ngoài việc hoàn thiện thể chế chính sách, tuyên truyền vận động và giáo dục, thì việc biên soạn sổ tay hướng dẫn thực hiện chuẩn mực con người Việt Nam giai đoạn mới sẽ là giải pháp bổ sung rất cần thiết.

Giáo dục là giải pháp cơ bản và lâu dài, được nhiều thiết chế và tổ chức xã hội cùng phối hợp thực hiện. Việc đưa chuẩn mực vào cuộc sống phụ thuộc rất nhiều vào giải pháp giáo dục. **Giáo dục là nền tảng quan trọng để xây dựng một xã hội chuẩn mực, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.** Giáo dục giúp mỗi người **hiểu rõ quyền của mình, biết tôn trọng quyền của người khác**, và có khả năng thực hiện các chuẩn mực tích cực trong đời sống xã hội. Vì thế, giáo dục đóng vai trò **cốt lõi, lâu dài và mang tính chiến lược** trong xây dựng chuẩn mực con người. Giáo dục chuẩn mực cần thực hiện cả trong ba môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội. Đối với giáo dục gia đình, nội dung giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình hiện nay còn tản mạn, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, hướng theo các giá trị cá nhân, gia đình truyền thống. Nên biên soạn một tài liệu hướng dẫn về giáo dục gia đình đạo đức, lối sống của trẻ em. Trang bị kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ để họ có những phương pháp và nội dung giáo dục phù hợp với hệ chuẩn mực mới của gia đình trong kỷ nguyên mới. Chú ý những nội dung chuẩn mực gắn với yêu cầu của xã hội mới, từ đó tiếp thu những chuẩn mực nhân văn mới và kế thừa những chuẩn mực tốt đẹp của gia đình Việt Nam truyền thống. Trong giáo dục cộng đồng, kế thừa đạo lý kính già yêu trẻ được đánh giá là quan trọng nhất. Trong bối cảnh hội nhập, mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, chuẩn mực xã hội không chỉ được đặt ra với người Việt, mà cả trong quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế. Cho nên cần phát huy

truyền thống văn hóa của dân tộc như thân thiện, cởi mở, hiếu khách của người Việt Nam khi tiếp xúc và làm việc với người nước ngoài. Đây chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chuẩn mực truyền thống và chuẩn mực mới từ hướng tiếp cận quyền con người.

Tài liệu tham khảo

1. Bài phát biểu toàn văn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hoá của dân tộc” tại Hội nghị văn hoá toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tại trang <https://dangcongsan.vn/thoi-su/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tiep-tuc-xay-dung-giu-gin-chan-hung-va-phat-trien-nen-van-hoa-cua-dan-toc-597964.html>
2. Bicchieri, C (2014), *Norms in the wild: How to diagnose, measure and change social norm*, Cambridge University Press.
3. Bộ Chính trị (2020), *Kết luận 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về “Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Bùi Thị Hương Trâm (2024), *Lý luận và thực tiễn xây dựng chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới*, Báo cáo đề tài trọng điểm cấp Bộ.
6. Hồ Sĩ Quý (2024), “Vấn đề xây dựng chuẩn mực con người trong tương quan với hệ giá trị gia đình Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, (1), tr.27-38.
7. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-03-nqtw-ngay-1671998-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-tai-hoi-nghi-trung-uong-5-khoa-viii-ve-xay-dung-va-phat-1692>

8. Lê Ngọc Văn, Bùi Thị Hương Trâm (2024), “Nghiên cứu chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, (1), (1300, 2024).

9. Lương Đình Hải (2024), Tham luận “Kết quả xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam ở một số cơ quan, địa phương hiện nay”, Tham luận tại Toạ đàm khoa học *Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới* thuộc đề tài trọng điểm cấp Bộ *Lý luận và thực tiễn xây dựng chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới*.

10. OHCHR: *Frequently Asked Questions on a Human Rights-based Approach to Development Cooperation*, New York and Geneva, 2006, p.15.

QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

TS. Nguyễn Phương Nhung

Viện Quyền con người,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình đẳng giới là một trong những giá trị cốt lõi của quyền con người, đồng thời là tiêu chí phản ánh mức độ tiến bộ và công bằng xã hội của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số hiện nay, việc bảo đảm bình đẳng giới không chỉ là nghĩa vụ pháp lý theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, mà còn là yêu cầu thực tiễn để phát huy nguồn lực con người cho phát triển bền vững. Xuất phát từ đó, bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa quyền con người và bình đẳng giới, chỉ ra những kết quả, hạn chế và đề xuất một số định hướng nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.

2. HỆ THỐNG KHÁI NIỆM

** Khái niệm bình đẳng giới:*

Có khá nhiều định nghĩa về bình đẳng giới ở dưới các góc độ khác nhau. Đơn cử, UNICEF (một cơ quan của Liên Hợp quốc) định nghĩa bình đẳng giới như sau: “phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai, được hưởng các quyền, nguồn lực, cơ hội và sự bảo vệ như nhau. Bình đẳng giới nhấn mạnh hàm ý bình đẳng không có nghĩa là cào bằng, phải giống nhau hoặc phải được đối xử hoàn toàn giống nhau, mà bình đẳng về cơ hội nhằm hướng tới bình đẳng thực chất nhằm hưởng thụ các quyền”²⁹⁶. Tương tự như vậy định nghĩa về bình đẳng giới của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cũng nhấn

²⁹⁶ Cơ quan Liên Hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) (2021), “Tổng quan về bình đẳng giới”, tại trang https://vietnam.un.org/sites/default/files/2021-12/CGEP_Full%20report_Ti%E1%BA%BFng%20Vi%E1%BB%87t.pdf

mạnh bình đẳng cơ hội và bình đẳng thực chất như sau “việc nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái được hưởng các quyền, cơ hội và sự đối xử bình đẳng trong mọi lĩnh vực của cuộc sống”.

Không thể phủ nhận rằng quá trình thúc đẩy bình đẳng giới ở các quốc gia trong đó có Việt Nam đã có nhiều thành tựu đáng ghi nhận, tuy nhiên, UNFPA tuyên bố rằng “mặc dù có nhiều thỏa thuận quốc tế khẳng định quyền con người của họ, phụ nữ vẫn có nhiều khả năng nghèo đói và mù chữ hơn nam giới. Họ ít được tiếp cận với quyền sở hữu tài sản, tín dụng, đào tạo và việc làm. Điều này một phần bắt nguồn từ những khuôn mẫu lỗi thời coi phụ nữ là người sinh con và nội trợ, thay vì là trụ cột gia đình²⁹⁷. Họ ít có khả năng tham gia chính trị hơn nam giới và có nhiều khả năng trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình hơn. Do đó, mục tiêu thứ năm trong số mười bảy mục tiêu phát triển bền vững (SDG 5) của Liên Hợp quốc hướng đến việc giải quyết một thách thức lớn về bình đẳng giới. Mục tiêu này nhấn mạnh việc chấm dứt mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái, mục đích là xây dựng một xã hội công bằng và phát triển²⁹⁸.”

Vì vậy, Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006 cũng đã kế thừa nội hàm khái niệm bình đẳng giới theo quan điểm của Liên Hợp quốc và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) với nội dung: “*Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó*”²⁹⁹.

Như vậy, bình đẳng giới hiểu một cách khái quát chung nhất là nam giới và nữ giới cùng có vị thế bình đẳng và được tôn trọng như nhau; cùng được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy khả năng và thực hiện các mong

²⁹⁷ Như trên

²⁹⁸ LeMoyne, Roger (2011), “Thúc đẩy Bình đẳng Giới: Phương pháp Lập trình dựa trên Công bằng” (PDF), *Tổng quan Hướng dẫn Vận hành Tóm tắt*, UNICEF.

²⁹⁹ Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới*, Nxb tư pháp, Hà Nội.

muốn của mình; cùng có cơ hội để tham gia, đóng góp và thụ hưởng từ các nguồn lực của xã hội và quá trình phát triển. Bình đẳng giới là bình đẳng về pháp luật, về cơ hội và các thành quả tạo ra, bao gồm sự bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn lực, bình đẳng cho thù lao trong công việc, bình đẳng trong việc hưởng thụ các thành quả, bình đẳng trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến bản thân, gia đình và xã hội (bình đẳng trong tiếng nói).

* *Khái niệm quyền con người*: Với lý do, thuật ngữ quyền con người là thuật ngữ đa ngành, liên quan đến tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội, vì thế, tồn tại rất nhiều các định nghĩa về quyền con người và những định nghĩa này được phân loại thành 2 trường phái, đó là trường phái tự nhiên và trường phái pháp lý. Tuy nhiên, những trường phái này được gắn liền với những điều kiện lịch sử cụ thể trong từng giai đoạn, có thể đúng với điều kiện lịch sử của giai đoạn này nhưng lại cần phải bổ sung trong những bối cảnh lịch sử với nhiều biến đổi trong xã hội hiện đại ngày nay. Luận giải về nguồn gốc tự nhiên của quyền con người khởi nguồn từ giữa thế kỷ V TCN ở Hy Lạp, trong đó, các nhà triết học ngụy biện (Sophiste) cho rằng: “*về mặt tự nhiên mọi người đều được bình đẳng; tự nhiên sinh ra không ai là nô lệ cả*”³⁰⁰. Điều này có nghĩa là mọi người sinh ra bình đẳng, có các quyền bẩm sinh vốn có chứ không phải do nhà nước ban phát; bảo vệ quyền tự nhiên là nghĩa vụ đầu tiên của chính phủ và chúng giới hạn quyền lực của chính phủ. Những nội dung này tiếp tục được rất nhiều tác giả tiêu biểu sau này tiếp tục đào sâu nghiên cứu, gồm: H. Grôtxi (1583-1645), B. Xpinôza (1632-1677), G. Locke (1632-1704), T. Hobbes (1588-1679)... Tuy nhiên, học thuyết theo trường phái pháp lý của Jeremy Bentham (1748-1832), Edmund Burke (1729-1797) đã đưa ra những quan điểm trái ngược lại với trường phái tự nhiên: “*Quyền con người phải có sau nhà nước. Luật pháp (luật do con người đặt ra, không phải luật*

³⁰⁰ Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình lý luận về Quyền con người*, Hà Nội.

tự nhiên) mới là nguồn gốc của quyền con người”³⁰¹. Trường phái này đề cao vai trò của pháp luật bởi vì các quyền con người muốn được bảo đảm đầy đủ phải được ghi nhận trong pháp luật và trở thành những quy tắc ứng xử chung, có hiệu lực bắt buộc và thống nhất chung đối với tất cả mọi người.

Trên cơ sở đó, quan niệm trên thế giới cùng với tiến trình phát triển của lịch sử cũng có những bước phát triển trong nhận thức về vấn đề Quyền con người. Ở giai đoạn đầu sau chiến tranh thế giới lần thứ II đến giai đoạn những năm đầu thế kỷ XX, phần nhiều những nội dung này nhấn mạnh trường phái thứ nhất - trường phái tự nhiên. Điều này thể hiện rất rõ trong Tuyên bố Viên và Chương trình hành động (Tuyên bố của Hội nghị thế giới về quyền con người, 1993): *“Quyền con người và tự do cơ bản là quyền bẩm sinh của mọi người được hưởng; việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền đó là trách nhiệm trước tiên của Chính phủ”*³⁰². Cụ thể hơn, Liên Hợp quốc trong tài liệu *Hỏi đáp về quyền con người* (1994) đã đưa ra định nghĩa: *“Quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người mà nếu không được bảo đảm thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người”*³⁰³. Một trong những lý giải cho những quan điểm này đó là những thiệt hại nặng nề của các cuộc chiến tranh dẫn tới một hệ quả những quyền tự nhiên của con người không được bảo đảm, hàng triệu người trên thế giới kể cả dân thường đều bị chết trong khi đã tồn tại Luật Nhân đạo quốc tế nhằm hạn chế thiệt hại của các bên tham chiến.

Mặt khác, trong xã hội hiện đại ngày nay, pháp luật đóng vị trí ngày càng quan trọng trong quan hệ giữa các nước thông qua các cam kết quốc tế và sự nội luật hóa trong nước. Chính vì thế, trường phái tự nhiên dường như vẫn chưa lấp được những khoảng trống trong nghiên cứu khoa học về vấn đề Quyền con người. Điều này có nghĩa là cần thiết phải bổ sung những nội dung của trường phái pháp quyền trong định nghĩa quyền con người.

³⁰¹ Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình lý luận về Quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

³⁰² nt

³⁰³ Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1998), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.43.

Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về quyền con người (OHCHR) đã đưa ra định nghĩa như sau: “*Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người*”³⁰⁴.

Nội dung này được khẳng định lại một lần nữa trong tài liệu của CEDAW Quỹ phát triển phụ nữ Liên Hợp quốc (UNIFEM) - Thiết lập lại quyền cho phụ nữ, (2006): “*Quyền con người là sức mạnh ý chí để đảm bảo và bảo vệ chân giá trị con người bằng luật pháp chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào ý thích, hoàn cảnh hay sự ưu đãi*”³⁰⁵.

Thực tiễn thực thi quyền con người trên thực tế chỉ ra rằng nhiều quyền chưa được ghi nhận trong pháp luật quốc gia thì tính thực thi trên thực tế rất khó bảo vệ nhóm quyền này. Ví dụ: nhóm quyền người đồng tính hiện nay luật Hôn nhân và Gia đình 2014 không cấm cũng không thừa nhận hôn nhân đồng giới dẫn tới một hệ lụy nhiều khía cạnh pháp lý không được bảo vệ như vấn đề chia tài sản, bạo lực gia đình, giải quyết vấn đề nuôi con nuôi...

Với lẽ đó, quyền con người được hiểu là các quyền tự nhiên thuộc về tất cả mọi người được ghi nhận, bảo đảm bằng pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

3. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI DƯỚI LĂNG KÍNH QUYỀN CON NGƯỜI

Bất bình đẳng giới là yếu tố chính cản trở phụ nữ phát huy hết năng lực và khả năng của bản thân. Một xã hội phát triển thịnh vượng, cân bằng sẽ không thể đạt được chừng nào chưa có bình đẳng giới. Phong trào nữ quyền nhằm đấu tranh cho phụ nữ có cơ hội phát triển mọi khả năng của mình mà không bị cản trở bởi những định kiến lỗi thời.

³⁰⁴ Trung tâm nghiên cứu Quyền con người, Quyền công dân, Khoa Luật trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Hỏi - đáp về Quyền con người*, Nxb Hồng Đức.

³⁰⁵ UNIFEM (2006), *CEDAW - Thiết lập lại quyền cho phụ nữ*, Hà Nội, tr.15.

Ở phạm vi quốc tế, quá trình hình thành và phát triển vấn đề bình đẳng giới là một quá trình đấu tranh lâu dài của phụ nữ trên toàn thế giới, được khởi nguồn từ Pháp - bà Olympe de Gouges. Olympe de Gouges được coi là một trong những nhà nữ quyền đầu tiên và có ảnh hưởng nhất trong lịch sử. Bà đã để lại một di sản quan trọng trong việc đấu tranh cho quyền của phụ nữ và bình đẳng giới với tác phẩm “Tuyên ngôn về Quyền của Phụ nữ và Nữ công dân” - Tác phẩm này được viết như một phản ứng trực tiếp với “Tuyên ngôn về Quyền của Con người và Công dân” của Pháp kêu gọi bình đẳng giới và quyền chính trị cho phụ nữ, một văn bản chỉ công nhận quyền của nam giới, đã trở thành một văn bản mang tính biểu tượng trong phong trào nữ quyền và tiếp tục truyền cảm hứng cho các nhà hoạt động nữ quyền sau này.

Tiếp đó, trước sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản ở Mỹ cuối thế kỷ XIX ngày 8/3/1899 nữ công nhân Mỹ đã đứng lên đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm và phong trào này lan rộng tới một số quốc gia trên thế giới. Năm 1910, Đại hội phụ nữ quốc tế lần thứ 2 họp tại thủ đô Co-pen-ha-gen (Đan Mạch) đã quyết định lấy ngày 8/3 làm ngày “Quốc tế Phụ nữ”, ngày đoàn kết đấu tranh của phụ nữ thế giới với khẩu hiệu: Ngày làm 8 giờ; việc làm ngang nhau, tiền lương ngang nhau và bảo vệ bà mẹ, trẻ em...

Một trong những động thái tích cực trong việc bảo đảm quyền của phụ nữ đó là sự ra đời của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa 1966, Điều 3 của Công ước này khẳng định: “Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc hưởng thụ tất cả các quyền dân sự và chính trị mà Công ước đề ra”³⁰⁶ và sự ra đời của Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) 1979 với yêu cầu đối với các quốc gia thành viên có nghĩa vụ đưa khái niệm “bình đẳng giới” vào pháp luật của quốc gia, bãi bỏ mọi phân biệt đối xử trong luật và ban hành các quy định để

³⁰⁶ Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa 1966*.

chống phân biệt đối xử. Công ước CEDAW có từ năm 1979 và có hiệu lực vào năm 1981. Công ước không đề cập đến bạo lực, hiếp dâm, lạm dụng hoặc hành hung³⁰⁷. Tuy nhiên, vào năm 1992, Ủy ban CEDAW đã ban hành Khuyến nghị chung số 19, khuyến nghị rằng bạo lực đối với phụ nữ cũng nên được các Quốc gia Thành viên báo cáo. Một cơ chế khiếu nại cá nhân đã được bổ sung vào Công ước CEDAW, theo đó, sau khi đã sử dụng hết các biện pháp khắc phục trong nước, các cá nhân có thể nộp đơn khiếu nại Nhà nước liên quan đến các điều khoản của Công ước.

Năm 1993, tại Vienna, Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã thông qua Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Tuyên bố này có ý nghĩa quan trọng vì nó đã đưa bạo lực đối với phụ nữ trở thành vấn đề quốc tế. Tuyên bố đã bao gồm nhiều vấn đề khác nhau như cắt xén bộ phận sinh dục nữ, hiếp dâm và tra tấn, bạo hành gia đình và nô lệ tình dục nữ, tất cả những vấn đề này trước đây đều được coi là, ít nhất là ở một số nơi, là có thể chấp nhận được hoặc nằm ngoài phạm vi của luật pháp. Việc đưa những hành vi như vậy vào phạm vi luật pháp quốc tế là một tuyên bố quan trọng của Liên Hợp quốc và nó đặt quyền cá nhân về toàn vẹn thân thể lên trên những tuyên bố về quyền văn hóa. Tuyên bố cũng thừa nhận rằng sự ủng hộ của quốc gia hoặc văn hóa đối với những hành vi như vậy đã bỏ qua mong muốn của chính phụ nữ, cũng như nhiều tiếng nói, ngay cả trong những nền văn hóa được cho là đồng nhất, phản đối những hành vi như vậy. Mặc dù không phải là văn bản ràng buộc, Tuyên bố này đã đóng góp quan trọng vào việc phá vỡ bức tường im lặng và công nhận bạo lực đối với phụ nữ là hành vi vi phạm nhân quyền quốc tế.

Ở phạm vi quốc gia, quyền của phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới được ghi nhận trong các văn kiện Đảng, Cương lĩnh chính trị, trong Hiến pháp, bộ luật, luật và các văn bản dưới luật. Việt Nam chính thức phê chuẩn 2 Công

³⁰⁷ Liên Hợp quốc (1966), *Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW)*.

ước quốc tế quan trọng của Liên Hợp quốc liên quan trực tiếp đến vấn đề bình đẳng giới: Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa 1966 (gia nhập năm 1982); Công ước xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử đối với nữ giới” (CEDAW) 1979 (gia nhập năm 2006). Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước ta đã kế thừa có chọn lọc những nội dung này vào trong trong các văn kiện Đảng, Cương lĩnh chính trị, trong Hiến pháp 2013, bộ luật, luật và các văn bản dưới luật như Luật Bình đẳng giới 2006; Luật phòng chống bạo lực gia đình 2022; Chương trình hành động Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 1696/QĐ-TTg; Nghị quyết số 28/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030... Nếu như hơn 10 năm về trước cụm từ “bình đẳng giới”, “phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” còn là xa lạ với người dân, thì nay đã được nhắc đến nhiều hơn, ngay cả các vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Dưới lăng kính nhân quyền, có thể nói bình đẳng giới là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ tiến bộ và phát triển của xã hội và là một quyền con người cơ bản, bởi thực hiện vấn đề bình đẳng giới đảm bảo rằng mọi người, bất kể giới tính đều có quyền ngang nhau trong việc tiếp cận các cơ hội, nguồn lực và sự bảo vệ. Vấn đề bình đẳng giới được quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam từ rất sớm, Điều 9 Hiến pháp 1946 quy định rằng “đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” ; “Phụ nữ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình” (Điều 24 Hiến pháp năm 1959); “Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 55 Hiến pháp năm 1980); “Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ” (Điều 63, Hiến pháp 1992); mọi người có quyền sống, quyền có nơi ở hợp pháp, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về nhà ở, về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; được pháp luật bảo hộ quyền tự do đi lại

và cư trú ở trong nước, quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác theo quy định của luật (Chương II, Hiến pháp 2013); Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26). Văn bản pháp luật chuyên biệt điều chỉnh vấn đề bình đẳng giới đó là Luật Bình đẳng giới 2006, quy định nhiều biện pháp khác nhau để bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị (Điều 11), kinh tế (Điều 12), lao động (Điều 13), giáo dục và đào tạo (Điều 14), khoa học và công nghệ (Điều 15), văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao (Điều 16), y tế (Điều 17), gia đình (Điều 18), trong đó, lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được coi là một biện pháp hữu hiệu và quan trọng, làm cơ sở cho việc giải quyết vấn đề bình đẳng giới một cách thực chất và cơ bản. Bên cạnh đó, một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển như: chính sách về bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, để đảm bảo cơ hội, điều kiện cho phụ nữ phát triển, bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ, nhiều quy định của pháp luật đã được ban hành như: Chính sách về bảo hiểm xã hội, về lao động đã có những quy định để đảm bảo quyền của người phụ nữ; Chế độ hỗ trợ thai sản cho phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Giảm tuổi nghỉ hưu đối với người bị suy giảm khả năng lao động, làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo thuộc danh mục do Chính phủ quy định và tăng tuổi nghỉ hưu cho nhóm có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, người làm công tác quản lý và một số trường hợp đặc biệt khác...

4. MỐI QUAN HỆ GIỮA QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

4.1. Bình đẳng giới tác động tích cực tới quyền làm việc của phụ nữ, thúc đẩy sự phát triển và giảm nghèo

Bình đẳng giới là quyền của con người. Phụ nữ được quyền sống xứng đáng với nhân phẩm, có thể làm điều mình mong muốn và không sợ hãi. Bình đẳng giới còn là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy sự phát triển và giảm nghèo. Phụ nữ được trao quyền sẽ góp phần cải thiện sức khỏe và năng suất lao động của cả gia đình và cộng đồng, đồng thời củng cố triển vọng cho thế hệ tương lai. Cụ thể, bình đẳng giới có tác động tích cực đến quyền làm việc của phụ nữ, bao gồm việc tăng cơ hội việc làm, giảm sự phân biệt đối xử, và đảm bảo mức lương công bằng. Khi phụ nữ có quyền làm việc bình đẳng, họ có thể đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển kinh tế và xã hội, đồng thời cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình, thúc đẩy sự phát triển và giảm nghèo. Nhà nước ta khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà; có biện pháp tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi về vật chất và tinh thần của lao động nữ nhằm giúp lao động nữ phát huy có hiệu quả năng lực nghề nghiệp, kết hợp hài hòa cuộc sống lao động và cuộc sống gia đình. Luật quy định rõ, nghiêm cấm người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động; lao động nữ được dành thời gian để cho con bú, làm vệ sinh phụ nữ; không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì kết hôn, có thai, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Bên cạnh đó, Bộ luật Lao động năm 2019 cũng đã quy định quyền lợi mang tính đặc thù đối với người phụ nữ như *Quyền được nghỉ ngơi*:

Lao động nữ được nghỉ trong thời gian hành kinh, nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con (tối thiểu 6 tháng), và được nghỉ thêm nếu sinh đôi trở lên; *Quyền không bị phân biệt đối xử*: Lao động nữ không bị xử lý kỷ luật lao động khi mang thai, nghỉ thai sản, hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi; *Quyền được bảo vệ sức khỏe*: Lao động nữ được khám sức khỏe định kỳ, được làm việc trong môi trường làm việc phù hợp với chức năng sinh sản và nuôi con, và được chuyển sang công việc nhẹ nhàng hơn nếu cần thiết; *Quyền được hỗ trợ*: Người sử dụng lao động có trách nhiệm tạo điều kiện cho lao động nữ được làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, được tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ, và được hỗ trợ trong việc chăm sóc con nhỏ. *Quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động*: Lao động nữ mang thai có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm hoãn hợp đồng lao động nếu việc tiếp tục làm việc có thể ảnh hưởng xấu đến thai nhi; *Quyền được hưởng các chế độ bảo hiểm*: Lao động nữ được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Như vậy, bình đẳng giới trong việc làm có ý nghĩa rất lớn đối với phụ nữ, giúp họ có cơ hội phát triển bản thân, tăng thu nhập và độc lập tài chính, phát huy tiềm năng, nâng cao vị thế xã hội, được hưởng một số chính sách đặc thù nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội, bình đẳng thực chất (chế độ bảo hiểm, chính sách xóa đói giảm nghèo...), đồng thời, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Việc đảm bảo bình đẳng giới trong tuyển dụng, đào tạo, trả lương và thăng tiến giúp phụ nữ phát huy tối đa năng lực, tài năng của mình, đồng thời góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh

4.2. Bạo lực trên cơ sở giới và vi phạm quyền con người

Theo quy định của pháp luật, phân loại bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm: (i) *Bạo lực thể xác*: Đánh đập, hành hạ, gây thương tích; (ii) *Bạo lực tinh thần*: Ngôn ngữ lăng mạ, đe dọa, kiểm soát, cô lập, làm nhục; (iii) *Bạo*

lực tình dục: Cưỡng hiếp, quấy rối tình dục, ép buộc quan hệ tình dục; (iv) *Bạo lực kinh tế*: Kiểm soát tài chính, tước đoạt tài sản, ngăn cản cơ hội làm việc. Có thể nói, bạo lực trên cơ sở giới gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng và gây đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần đối với chủ thể là nữ giới. Về sức khỏe thể chất sẽ bị tổn hại, thương tích đau đớn, có thể bị khuyết tật suốt đời, thậm chí dẫn đến tử vong. Về sức khỏe tinh thần, luôn ám ảnh bị bạo lực, chán nản, buồn rầu, lo lắng, sợ hãi, mất tự tin, hoang mang, trầm cảm; cuộc sống nặng nề, căng thẳng và tuyệt vọng. Những người trải qua bạo lực giới có thể phải chịu đựng nhiều hình thức vi phạm nhân quyền khác nhau - ví dụ như quyền được sống, quyền không bị tra tấn và đối xử hạ nhục, quyền không bị phân biệt đối xử và quyền được an toàn và an ninh. Trong trường hợp này, bạo lực trên cơ sở giới tác động tiêu cực hay nói cách khác tạo ra những rào cản đối với việc hưởng thụ các quyền con người của phụ nữ và trẻ em gái có thể kể đến như:

* *Quyền sống*: Bạo lực giới, đặc biệt là các hành vi bạo lực tình dục, có thể dẫn đến tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe thể chất và tinh thần, vi phạm quyền được sống của nạn nhân. Phân tích ví dụ điển hình liên quan đến bạo lực gia đình tác động đến quyền sống như thế nào? Một lý do khác đó là văn hóa im lặng và bao che, điều này có nghĩa là suy nghĩ của người dân luôn cho rằng vợ kiện chồng là đi ngược lại với những giá trị đạo đức, việc tiết lộ bị bạo lực giới, trong đó đặc biệt chú ý gia đình với cộng đồng bị phản nhiều xã hội không đồng tình, vì thế, họ sẽ chọn cách im lặng nhằm giữ thể diện cho gia đình. Đặc biệt hơn đối với những phụ nữ bị bạo lực tình dục, việc kiện tụng có lẽ ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của gia đình, khiến cộng đồng dân cư không tôn trọng. Trong trường hợp khác, rào cản trong chính bản thân người phụ nữ đó là lo sợ bạo lực tăng thêm. Những tập tục làng xã khiến tính riêng tư của vụ việc không được đảm bảo, phụ nữ lo sợ việc nói chuyện trong nhà ra với người ngoài, ngay cả với những người có

thẩm quyền thì vẫn không giải quyết được vấn đề của họ mà thậm chí có thể khiến cho người chồng thêm tức giận, cư xử tệ hơn, hạnh phúc gia đình tan vỡ và nguy cơ bạo lực càng gia tăng...

* *Quyền không bị tra tấn và đối xử tàn bạo*: Bạo lực giới, đặc biệt là bạo lực gia đình, thường bao gồm các hành vi tra tấn, đánh đập, xâm hại tình dục, gây đau đớn về thể xác và tinh thần, vi phạm nghiêm trọng quyền không bị tra tấn và đối xử tàn bạo.

* *Quyền được đối xử công bằng và không bị phân biệt đối xử*: Bạo lực giới thường nhắm vào phụ nữ và trẻ em gái, dựa trên định kiến giới, gây ra sự phân biệt đối xử và bất công trong xã hội, vi phạm quyền được đối xử bình đẳng. Đó là việc lựa chọn giới tính trên cơ sở định kiến giới được xác định là nguyên nhân chính dẫn đến mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này đó là tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” tồn tại lâu đời ở Việt Nam. Tâm lý ưa thích có con trai là biểu hiện mạnh mẽ của bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử đối với nữ giới. Ở Trung Quốc, chính sách một con được Trung Quốc đưa ra từ cuối thập niên 1970, chỉ cho phép các cặp vợ chồng sinh một con. Là quốc gia đông dân nhất thế giới, Chính phủ Trung Quốc cho rằng chính sách này đã giúp ngăn chặn khoảng 400 triệu ca sinh đẻ. Tuy nhiên, chính sách một con đã tác động lớn đến nền kinh tế, văn hoá và xã hội của Trung Quốc. Nó đã dẫn đến tình trạng nạo phá thai, mất cân bằng giới tính nghiêm trọng và vấn nạn buôn bán trẻ em. Ở Việt Nam, mặc dù không thực hiện chính sách một con giống Trung Quốc, tuy nhiên, việc lựa chọn giới tính trên cơ sở định kiến giới vẫn tồn tại dai dẳng trong lòng xã hội Việt Nam, điều này cũng dẫn tới tình trạng nạo phá thai, ngăn chặn rất nhiều sự ra đời vốn dĩ tự nhiên của những trẻ em gái.

* *Quyền được an toàn và an ninh*: Bạo lực giới, đặc biệt là bạo lực tình dục, khiến nạn nhân cảm thấy bất an, lo sợ và không được bảo vệ, vi phạm quyền được an toàn và an ninh. Theo các nhà nghiên cứu, bạo lực giới trong

đó đặc biệt nhấn mạnh bạo lực gia đình tác động tiêu cực tới sự phát triển về thể chất, tinh thần, đạo đức và trí tuệ của trẻ em. Theo các nhà nghiên cứu, bạo lực gia đình khiến trẻ em khủng hoảng, sợ hãi, thất vọng, rối nhiễu tâm lý, trầm cảm và là một trong các nguyên nhân làm gia tăng bạo lực học đường, tăng tỷ lệ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em lang thang, cơ nhỡ, thậm chí đẩy nhiều trẻ em bị xâm hại tình dục. Điều này ảnh hưởng đến quyền được an toàn và an ninh của trẻ em gái hoặc phụ nữ trưởng thành.

** Quyền tiếp cận công lý của nhóm phụ nữ bị bạo lực:*

Thực tế chỉ ra rằng thay vì tiếp cận quyền của mình, nạn nhân bị bạo lực không muốn sử dụng hệ thống pháp lý nhà nước do thiếu tin tưởng vào hiệu quả giải quyết vấn đề cũng như không tin rằng họ được bảo vệ. Trong một nghiên cứu gần đây, khi nạn nhân đến công an trình bày vụ việc, tồn tại khá phổ biến tính đánh giá mang tính chủ quan của công an và đổ lỗi mọi việc cho người phụ nữ: *“Chị phải làm gì đó sai trái hoặc có lẽ quá ghen tuông hay đã làm gì đó nên anh ta mới đánh chị. Khi nạn nhân tìm đến công an, họ thường nói cùng một từ: Chắc chị nói nhiều quá hay ghen tuông, vì vậy mà anh ta đánh chị, đúng không”*³⁰⁸. Mặt khác, việc thiết lập ra các cơ quan bảo vệ quyền tiếp cận công lý đối với người phụ nữ có thể có tác dụng ngược lại đối với nạn nhân nếu còn cách tiếp nhận lấy lời khai với thái độ thiếu quan tâm, thiếu sự bảo vệ:

Tôi nói tôi bị chồng đánh đập. Công an đã trả lời rằng chuyện gia đình cần phải tự giải quyết, việc viết đơn tố cáo sẽ mất rất nhiều thời gian. Nếu cặp vợ chồng nào cũng giống như chị, gọi công an khi đánh nhau với chồng, thì chúng tôi làm thế nào mà xử lý hết được. Lần sau khi chồng cô đánh cô, cô đã cố nộp đơn trình báo cho công an nhưng phải hai ngày sau họ mới hồi âm và khi họ trả lời, họ cũng lại muốn anh ta làm bản kiểm điểm một lần nữa, mặc

³⁰⁸ Bộ Tư pháp (2017), *Hội thảo dự thảo Báo cáo khảo sát nhận thức về việc tiếp cận công lý của phụ nữ bị bạo hành*, Hà Nội.

dù trước đó anh ta viết bản kiểm điểm vì bạo lực với cô. Họ không thực sự quan tâm đến nạn nhân, tôi cảm thấy như vậy ³⁰⁹.

Mặt khác, cách nhận thức của cộng đồng xã hội nói chung về các hình thức bạo lực gia đình sẽ tạo ra rào cản làm đông cứng đối với sự phản kháng của người phụ nữ. Cụ thể, bạo lực thể xác xã hội đã lên án nhưng vẫn được chấp nhận và dung thứ, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế, bạo lực tình dục phần lớn nhận thức cộng đồng xã hội cho là những vấn đề riêng tư, xảy ra bình thường trong đời sống của mỗi gia đình, cho rằng đó là những áp lực của cuộc sống. Trong đó, cộng đồng xã hội vẫn thừa nhận rằng những hình thức bạo lực tình dục như vậy không được coi là hành vi vi phạm pháp luật bởi quan niệm chung cho rằng tình dục là vấn đề tế nhị, riêng tư giữa vợ và chồng và thường ít được bàn luận đến, vì thế, bạo lực tình dục là vấn đề thường bị né tránh, ít được thừa nhận bởi vì nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng các hành vi ép buộc quan hệ tình dục thường chỉ được xem xét ở góc độ đạo đức. Họ cho rằng phụ nữ không nên từ chối quan hệ tình dục với chồng vì đó là bổn phận và trách nhiệm của người vợ đối với chồng và cách giữ gìn hạnh phúc gia đình. Tương tự như vậy, về vấn đề bạo lực kinh tế là hệ quả của việc “*người chồng không tin tưởng vợ*”, “*do thiếu tôn trọng vợ*”, “*do ích kỷ*”, “*quá chi ly với vợ*”, vì thế, người chồng kiểm soát thu nhập và việc chi tiêu của vợ, chi chiết cách chi tiêu của vợ, trong đó, bao gồm cả trường hợp chồng ép vợ đưa tiền để chơi cờ bạc cũng được phụ nữ chấp nhận bởi vì “*kinh tế do hai vợ chồng làm ra nhưng chị đưa cho anh ấy vì chị nghĩ là vợ thì phải nghe lời chồng*”³¹⁰.

4.3. Bình đẳng giới và quyền tham chính của phụ nữ

Bình đẳng giới có ý nghĩa then chốt trong việc thúc đẩy quyền tham chính của phụ nữ, đảm bảo sự tham gia đầy đủ và bình đẳng của phụ nữ vào

³⁰⁹ Bộ Tư pháp (2017), *Hội thảo dự thảo Báo cáo khảo sát nhận thức về việc tiếp cận công lý của phụ nữ bị bạo hành*, Hà Nội.

³¹⁰ Bộ Tư pháp (2017), *Hội thảo dự thảo Báo cáo khảo sát nhận thức về việc tiếp cận công lý của phụ nữ bị bạo hành*, Hà Nội.

các hoạt động chính trị, ra quyết định, và các vị trí lãnh đạo, quản lý. Điều này không chỉ là vấn đề công bằng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Quyền tham chính của phụ nữ là quyền được bầu cử, ứng cử, và tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước, cũng như các hoạt động chính trị khác. Quyền này bao gồm quyền bình đẳng với nam giới trong việc tiếp cận các cơ hội chính trị và đảm bảo tiếng nói của phụ nữ được lắng nghe trong quá trình ra quyết định. Quyền tham chính của phụ nữ bao gồm những nội hàm như sau: (i) *Quyền bầu cử và ứng cử*: Phụ nữ có quyền như nam giới trong việc lựa chọn đại diện và tham gia ứng cử vào các vị trí trong bộ máy nhà nước; (ii) *Quyền tham gia vào các hoạt động chính trị*: Phụ nữ có quyền tham gia vào các tổ chức chính trị, các phong trào xã hội, và các hoạt động khác liên quan đến chính trị; (iii) *Quyền tham gia vào quá trình ra quyết định*: Phụ nữ có quyền được tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, cũng như các quyết định khác có ảnh hưởng đến cộng đồng; (iv) *Quyền tiếp cận thông tin*: Phụ nữ có quyền được tiếp cận thông tin liên quan đến các vấn đề chính trị và các hoạt động của chính quyền.

Chính sách bình đẳng giới được áp dụng tốt ở mỗi quốc gia sẽ thúc đẩy quyền tham chính của phụ nữ, giúp phụ nữ phát huy tối đa năng lực, trí tuệ và sự sáng tạo của mình trong công việc, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời, giúp phụ nữ có thu nhập tốt và được tôn trọng, vị thế của họ trong gia đình và xã hội cũng được nâng cao; việc đảm bảo bình đẳng giới trong việc làm tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận với các cơ hội việc làm, đào tạo nghề, và thăng tiến như nam giới, không bị phân biệt đối xử vì giới tính.

4.4. Bình đẳng giới và quyền kết hôn, lập gia đình

Vấn đề bình đẳng giới có ý nghĩa vô cùng thiết thực đối với quyền kết hôn và lập gia đình của bất cứ cá thể nào, đặc biệt đối với nữ giới. Điều này bao gồm việc tự do lựa chọn bạn đời, bình đẳng trong việc đưa ra quyết định, chia sẻ công việc gia đình, và hưởng thụ cuộc sống gia đình. Trong xã hội

ngày nay, việc thúc đẩy bình đẳng giới đã và đang tác động tích cực đến quyền kết hôn, lập gia đình của nữ giới. Điều này dễ hiểu bởi trẻ em gái ngày nay được học tập có cơ hội phát triển và độc lập về tài chính vì thế, quyền kết hôn, lập gia đình của nữ giới đã thay đổi rõ nét so với thời kỳ trước, đặc biệt là trong xã hội phong kiến. Cụ thể, pháp luật quy định nam nữ khi đủ tuổi kết hôn (nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi) đều có quyền tự do lựa chọn người bạn đời và quyết định kết hôn mà không chịu bất kỳ sự tác động nào từ người khác. Nam nữ đều có quyền tham gia vào các quyết định quan trọng của gia đình, đồng thời cũng có trách nhiệm đối với nhau và với con cái, nghĩa vụ chung sống hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, nghĩa vụ yêu thương và chăm sóc con cái, nghĩa vụ lao động và tạo thu nhập cho gia đình, cũng như nghĩa vụ thực hiện các công việc gia đình.

Tuy nhiên, một vấn đề cần bàn tới ở đây, đó là những hủ tục tác động đến vấn đề bình đẳng giới, quyền kết hôn và lập gia đình của nữ giới vẫn còn tồn tại trong lòng xã hội Việt Nam, đặc biệt trong vùng cộng đồng dân tộc thiểu số. Trong rất nhiều hủ tục có một vấn nạn còn tồn tại bấy lâu nay đó chính là nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Điều này không những vi phạm pháp luật mà còn để lại những hệ lụy nghiêm trọng, lâu dài về mặt xã hội. Việc kết hôn sớm, mang thai và sinh đẻ trong lứa tuổi vị thành niên ảnh hưởng lớn tới sức khỏe bà mẹ, sự phát triển của thai nhi và trẻ sơ sinh, đồng thời, làm mất đi cơ hội về học tập, việc làm tốt, cơ hội để cải thiện điều kiện sống và chăm sóc sức khỏe của bà mẹ và trẻ em, đặc biệt kết hôn cận huyết thống làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi và chất lượng nguồn nhân lực Đây là nguyên nhân làm gia tăng tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, tăng tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi, tăng tỷ lệ tử vong của bà mẹ liên quan đến thai sản; là gánh nặng cho gia đình và xã hội, ảnh hưởng đến chất lượng dân số, nguồn nhân lực và gây hậu quả tiêu cực đến sự phát

triển và tiến bộ xã hội, đồng thời là nguyên nhân chính dẫn đến nghèo đói, thất học. Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đã gây ra những hậu quả xấu, làm suy thoái giống nòi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dân số. Trong số những trẻ được sinh ra từ các cặp vợ chồng hôn nhân cận huyết thống thì có tới 25% khả năng bị bệnh và 50% mang gen bệnh tan máu bẩm sinh di truyền Thalassemia (hiện chưa có phương pháp điều trị khỏi bệnh, người bệnh cần phải điều trị suốt đời, với chi phí rất tốn kém). Những bệnh này sẽ di truyền tiếp cho đời sau, làm suy thoái giống nòi, trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.

5. KẾT LUẬN

Quyền con người và bình đẳng giới là hai khái niệm có mối liên hệ mật thiết với nhau. Bình đẳng giới là một quyền con người cơ bản, và việc thực hiện bình đẳng giới đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm các quyền con người khác. Bên cạnh đó, quyền con người và bình đẳng giới là hai khái niệm có mối quan hệ chặt chẽ. Bình đẳng giới là một quyền con người cơ bản, và việc thực hiện bình đẳng giới là điều kiện tiên quyết để đảm bảo các quyền con người khác được tôn trọng và bảo vệ.

Ở phạm vi quốc tế, quá trình hình thành và phát triển vấn đề bình đẳng giới là một quá trình đấu tranh lâu dài của phụ nữ trên toàn thế giới ở cả cấp độ quốc tế và ở cấp độ quốc gia thông qua việc ghi nhận, thừa nhận, bảo vệ trong các văn bản pháp lý quan trọng và những dấu mốc lịch sử quan trọng.

Quyền con người và vấn đề bình đẳng giới được phân tích ở các góc độ khác nhau như: Bình đẳng giới tác động tích cực tới quyền làm việc của phụ nữ, thúc đẩy sự phát triển và giảm nghèo; Bạo lực trên cơ sở giới và vi phạm quyền con người; Bình đẳng giới và quyền tham chính của phụ nữ; Bình đẳng giới và quyền kết hôn, lập gia đình... đã làm rõ mối quan hệ của các nhóm quyền con người cụ thể với vấn đề bình đẳng giới với những tác động tích cực, tác động tiêu cực, những rào cản văn hóa truyền thống liên quan đến vấn

đề bình đẳng giới tác động đến sự hưởng thụ quyền con người như thế nào, một phần nào minh chứng được mối quan hệ tác động qua lại giữa quyền con người và vấn đề bình đẳng giới.

Mặc dù Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong thúc đẩy bình đẳng giới, song việc thực thi trên thực tế vẫn còn khoảng cách đáng kể. Tỷ lệ nữ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý cấp cao còn thấp; chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ vẫn duy trì, đặc biệt trong khu vực phi chính thức; phụ nữ gặp nhiều rào cản trong tiếp cận công lý khi bị bạo lực giới hoặc xâm hại. Bên cạnh đó, định kiến xã hội “trọng nam khinh nữ” vẫn tồn tại, ảnh hưởng đến cơ hội học tập, việc làm và thăng tiến của phụ nữ. Những vấn đề này đòi hỏi chính sách bình đẳng giới phải chuyển từ bảo đảm hình thức sang bảo đảm thực chất, tăng cường cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình và hỗ trợ pháp lý để mọi phụ nữ và trẻ em gái được thụ hưởng bình đẳng các quyền con người.

Tài liệu tham khảo

1. Cơ quan Liên Hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) (2021), “Tổng quan về bình đẳng giới”, tại trang https://vietnam.un.org/sites/default/files/2021-12/CGEP_Full%20report_Ti%E1%BA%BFng%20Vi%E1%BB%87t.pdf
2. Bộ Tư pháp (2017), *Hội thảo dự thảo Báo cáo khảo sát nhận thức về việc tiếp cận công lý của phụ nữ bị bạo hành*, Hà Nội.
3. LeMoyne, Roger (2011), “Thúc đẩy Bình đẳng Giới: Phương pháp Lập trình dựa trên Công bằng” (PDF) , *Tổng quan Hướng dẫn Vận hành Tóm tắt*, UNICEF.
4. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa*.
5. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW)*.
6. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới*, Nxb tư pháp, Hà Nội.

7. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1998), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Trung tâm nghiên cứu Quyền con người, Quyền công dân, Khoa Luật trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2011) , *Hỏi - đáp về Quyền con người*, Nxb Hồng Đức.

9. UNIFEM (2006), *CEDAW - Thiết lập lại quyền cho phụ nữ*, Hà Nội

QUYỀN CON NGƯỜI VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

TS. Nguyễn Thế Anh

Viện Quyền con người,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ là một xu thế công nghệ mang tính toàn cầu, mà còn là động lực chiến lược để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hiện đại hóa bộ máy hành chính và cải thiện chất lượng sống của người dân. Chuyển đổi số, theo cách hiểu toàn diện, không chỉ là việc ứng dụng công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình định hình lại các giá trị, mối quan hệ và cấu trúc xã hội dựa trên nền tảng số. Trong bối cảnh đó, quyền con người đang chịu những tác động sâu sắc từ chuyển đổi số, cả về cơ hội và thách thức.

Mặt khác, quyền con người cũng đóng vai trò như một “hàng rào đạo đức” và một “kim chỉ nam chính sách” cho chuyển đổi số. Khi các chính sách, giải pháp và công nghệ số được thiết kế trên cơ sở lấy con người làm trung tâm, tôn trọng phẩm giá, tự do và sự bình đẳng, thì chuyển đổi số mới thực sự trở thành động lực phục vụ phát triển bền vững. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa hai quá trình: chuyển đổi số tác động đến quyền con người; đồng thời việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người là điều kiện để định hình sự phát triển có trách nhiệm và bao trùm của chuyển đổi số.

1. MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA QUYỀN CON NGƯỜI VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1.1. Chuyển đổi số và sự mở rộng không gian thực thi quyền con người

Chuyển đổi số đã và đang tạo ra những chuyển biến sâu rộng trong cách thức thực thi quyền con người ở mọi lĩnh vực của đời sống. Trước đây,

việc tiếp cận các quyền cơ bản như quyền được thông tin, quyền học tập, quyền y tế hay quyền tham gia vào đời sống chính trị... thường bị giới hạn bởi không gian vật lý, năng lực cung ứng của nhà nước và các điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm dân cư trong xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại, với sự phát triển mạnh mẽ của hạ tầng viễn thông, Internet, trí tuệ nhân tạo và công nghệ dữ liệu lớn, không gian số đã trở thành một thiết chế xã hội mới, nơi mà các quyền con người không những có thể được thực thi nhanh chóng, hiệu quả mà còn mang tính phổ quát hơn.

Ở Việt Nam, việc triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia đã giúp người dân ở vùng sâu vùng xa tiếp cận được các thủ tục hành chính trước đây vốn chỉ có thể thực hiện tại các cơ quan nhà nước ở đô thị. Sự bùng nổ của các nền tảng học trực tuyến như VNEDU, Hocmai.vn, hay nền tảng khám bệnh từ xa Telehealth³¹¹, đã đưa các dịch vụ giáo dục và y tế đến gần hơn với các nhóm yếu thế. Điều này không chỉ mang lại lợi ích về mặt tiện ích, mà còn đóng vai trò làm sâu sắc thêm tính thực chất của quyền con người trong một xã hội số. Đến hết 30/11, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cả nước đạt 45,79% (mục tiêu 2024: 50%, năm 2025: 80%), trong đó khối bộ đạt 63,47%, khối tỉnh đạt 18,54%. Đáng nói, đối với việc ban hành chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, 100% địa phương đã ban hành chính sách về phí, lệ phí, trong đó có 4 tỉnh, thành phố ban hành chính sách miễn phí, lệ phí (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long và Quảng Nam)³¹². Điều này cho thấy xu hướng mở rộng không gian thực thi quyền rõ rệt.

Tuy nhiên, sự mở rộng này cũng đòi hỏi phải nhìn nhận các giới hạn và rủi ro tiềm ẩn: ai được tiếp cận và ai bị bỏ lại phía sau? Việc chỉ đầu tư vào

³¹¹Nền tảng khám bệnh từ xa, hay còn gọi là Telehealth, là một hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông cho phép kết nối các cơ sở y tế, bác sĩ và bệnh nhân ở khoảng cách địa lý khác nhau để tư vấn, chẩn đoán, điều trị và theo dõi sức khỏe từ xa. Có thể kể đến như: Vtelehealth của Bộ Y tế hay ViettelTelehealth của Viettel...

³¹²<https://dx.moj.gov.vn/nhin-lai-nam-2024-chuyen-doi-so-viet-nam-vuon-tam-but-pha-828.htm>.

công nghệ mà không đi kèm với chính sách bao trùm có thể dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng về quyền. Do đó, để mối quan hệ giữa chuyển đổi số và quyền con người thực sự mang tính tích cực, cần đảm bảo tính phổ cập, khả năng tiếp cận công bằng và nâng cao năng lực số của toàn dân.

1.2. Quyền con người như là nền tảng định hướng cho chính sách chuyển đổi số

Quyền con người không chỉ là đối tượng bị ảnh hưởng bởi công nghệ, mà còn đóng vai trò như một hệ quy chiếu chuẩn mực để định hình các chiến lược, chính sách và thiết kế công nghệ. Trong quá trình chuyển đổi số, mọi quyết định về hạ tầng, nền tảng, dữ liệu hay ứng dụng đều mang hàm ý đạo đức và tác động đến quyền lợi của các cá nhân, từ quyền riêng tư đến quyền được biểu đạt, từ quyền bình đẳng đến quyền không bị phân biệt đối xử.

Từ góc độ chính sách, các quốc gia thành công trong việc chuyển đổi số bền vững đều thể hiện cam kết rõ ràng với các giá trị quyền con người. Tại Việt Nam, tinh thần này đã được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nhấn mạnh quan điểm “lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước” để đặt ra một trong các mục tiêu cơ bản đến năm 2030 là “Hoàn thiện cơ bản các cơ chế đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Nghị quyết cũng đặt ra các nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Quan điểm này không chỉ có ý nghĩa triết lý, mà còn là nguyên lý chỉ đạo cho toàn bộ quá trình số hóa từ cấp quốc gia đến địa phương. Trong Chiến lược phát triển Chính phủ

số đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia vào quá trình ra quyết định và quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân đã được nhấn mạnh như một yếu tố cốt lõi.

Về mặt pháp lý, quyền con người là cơ sở để thiết lập các quy chuẩn pháp lý đối với công nghệ. Việc xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam 2025 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua, là một nỗ lực thể hiện rõ cam kết quốc gia trong việc bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số. Từ góc nhìn quốc tế, việc Việt Nam tham gia các công ước quốc tế như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966) hay Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR, 1966) là cơ sở để các chính sách chuyển đổi số trong nước phải tương thích với chuẩn mực nhân quyền quốc tế.

Như vậy, thay vì chỉ nhìn nhận quyền con người như là thách thức cần kiểm soát trong kỷ nguyên công nghệ, cần phải coi đó là “la bàn định hướng” cho quá trình chuyển đổi số. Điều này giúp quá trình đổi mới công nghệ gắn với phát triển bền vững, công bằng và lấy con người làm trung tâm.

Trên thế giới, các quốc gia đang tận dụng công nghệ số để hiện thực hóa các quyền cơ bản theo các cam kết quốc tế, đặc biệt là Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người (UDHR, 1948) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966). Công nghệ thông tin, nếu được sử dụng đúng đắn, có thể mở rộng phạm vi, tốc độ và hiệu quả thực thi các quyền này. Chẳng hạn, quyền tiếp cận giáo dục, vốn từng là thách thức ở các vùng sâu, vùng xa, nay được cải thiện mạnh mẽ thông qua các nền tảng học tập trực tuyến như Coursera, edX, hay tại Việt Nam là VNPT eLearning, VNEdu, với khả năng phục vụ hàng triệu người học cùng lúc. Trong thời kỳ COVID-19, nhờ chuyển đổi số, hàng triệu học sinh Việt Nam vẫn có thể tiếp tục học trực tuyến. Đây là minh chứng điển hình cho vai trò của công nghệ trong bảo đảm quyền học tập.

Không gian mạng cũng mở rộng khả năng thực thi quyền biểu đạt, giám sát và tham gia của công dân vào đời sống xã hội. Các mạng xã hội như Facebook, YouTube, Zalo cho phép người dân phản ánh bất cập, tố cáo tham nhũng, kiến nghị chính sách. Tuy nhiên, đi kèm là nguy cơ về tin giả, kiểm duyệt thiếu minh bạch và rủi ro bị giám sát.

1.3. Quyền con người như một giới hạn đạo đức và pháp lý cho chuyển đổi số

Sự phát triển nhanh và mạnh của công nghệ số, nếu không được điều tiết bởi một hệ giá trị về quyền con người rõ ràng, có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực nghiêm trọng đối với nhân phẩm, tự do và sự công bằng xã hội. Điều này đòi hỏi phải có một khuôn khổ đạo đức và pháp lý nhằm đảm bảo rằng các giải pháp công nghệ không được vượt khỏi giới hạn của quyền con người. Ví dụ, các hệ thống giám sát công dân bằng camera AI (như nhận diện khuôn mặt), nếu không được kiểm soát chặt chẽ và không có cơ chế phản biện độc lập, có thể xâm phạm quyền riêng tư và quyền tự do di chuyển. Tại Trung Quốc, các thành phố như Hàng Châu, Nam Kinh, Hạ Môn triển khai hệ thống tín dụng xã hội (Social Credit System-SCS), đánh giá hành vi công dân qua hành vi trực tuyến³¹³ đã bị cộng đồng quốc tế e ngại là có nguy cơ vi phạm quyền tự do cá nhân. Ví dụ ở Thâm Quyển, người đi bộ sai luật sẽ bị hệ thống nhận diện khuôn mặt phát hiện và trừ điểm tín dụng trong tương lai.

Tương tự, việc triển khai trí tuệ nhân tạo trong tuyển dụng, tín dụng, chăm sóc sức khỏe... có thể dẫn đến thiên lệch nếu dữ liệu huấn luyện mang định kiến giới, sắc tộc, tôn giáo. Báo cáo của UNESCO năm 2023 về “Công nghệ trong giáo dục: Một công cụ trên các điều kiện của AI”: “Không hề công bằng và khách quan, các thuật toán mang theo thành kiến của các nhà phát triển và có thể tái tạo hoặc làm sâu sắc thêm bất bình đẳng, đặc biệt liên

³¹³Trong đó chia rõ khung hình phạt và phần thưởng: Phê báng người khác trên internet, đối xử tệ với người thân sẽ ảnh hưởng đến tín dụng xã hội của cá nhân/gia đình. Trái lại, nếu phụng dưỡng cha mẹ, làm việc có ích cho cộng đồng sẽ nhận được thứ hạng tốt hơn hẳn.

quan đến phân biệt đối xử”³¹⁴. Do đó, quyền con người phải được lồng ghép ngay từ giai đoạn thiết kế thuật toán (ethics by design).

Ở cấp độ quốc gia, các chính sách chuyển đổi số không thể chỉ tập trung vào hiệu suất và tiện ích, mà cần được đánh giá theo các tiêu chí nhân quyền: tính bao trùm, công bằng, minh bạch và có thể giải trình. Việc tích hợp Đánh giá tác động nhân quyền (Human Rights Impact Assessment - HRIA) trong các chương trình số hóa nên được coi là thông lệ bắt buộc.

1.4. Mối quan hệ tác động qua lại giữa chuyển đổi số và quyền con người

Sự tương tác giữa chuyển đổi số và quyền con người mang tính hai chiều rõ rệt, trong đó mỗi yếu tố vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của yếu tố còn lại. Khi công nghệ được sử dụng hợp lý, nó trở thành công cụ mạnh mẽ để thực thi và bảo đảm quyền con người. Ngược lại, khi quyền con người được tôn trọng và tích hợp vào chính sách công nghệ, nó sẽ thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, có trách nhiệm và bền vững của chuyển đổi số.

Ví dụ, sự gia tăng của các nền tảng công nghệ cho phép người dân giám sát hoạt động công quyền đã làm tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình - từ đó nâng cao hiệu quả quản trị và niềm tin xã hội. Sự phổ cập của mạng xã hội, khi được sử dụng đúng cách, góp phần mở rộng quyền tự do biểu đạt và tăng cường quyền tham gia vào đời sống công. Ngược lại, nếu quyền con người bị xem nhẹ trong các chính sách số - như khi các thuật toán kiểm duyệt được sử dụng mù quáng hoặc dữ liệu cá nhân bị thu thập vô tội vạ - hệ quả sẽ là sự suy giảm niềm tin, phản kháng xã hội, và sự thất bại trong triển khai công nghệ.

Ở cấp độ toàn cầu, nhiều quốc gia đã nhận thức rõ vai trò của quyền con người như một thành tố cấu thành của quá trình chuyển đổi số. Liên minh

³¹⁴ Quan điểm này cũng được khẳng định tại Báo cáo về các quyền cơ bản 2022 của Liên minh Châu Âu về các quyền cơ bản (European Union Agency for Fundamental Rights- FRA).

châu Âu đã ban hành Đạo luật Dịch vụ số (Digital Services Act) và Đạo luật Quản trị dữ liệu nhằm đảm bảo rằng mọi nền tảng số đều phải tuân thủ nguyên tắc nhân quyền. Tại Việt Nam, việc đưa các chỉ số về quyền kỹ thuật số (digital rights) vào đánh giá phát triển Chính phủ số là một bước tiến quan trọng nhằm tích hợp nhân quyền vào các chương trình số hóa.

Tóm lại, mối quan hệ giữa chuyển đổi số và quyền con người không phải là một quan hệ tuyến tính đơn giản, mà là một hệ động tương tác phức tạp. Việc hiểu rõ tính biện chứng này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và người dân cùng hướng đến một mô hình phát triển công nghệ nhân văn - nơi con người không chỉ là người thụ hưởng, mà còn là chủ thể và người định hình tiến trình số hóa của chính mình.

2. CÁC YẾU TỐ THÚC ĐẨY VÀ RÀO CẢN QUYỀN CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1. Các yếu tố thúc đẩy quyền con người trong chuyển đổi số

Thứ nhất, sự phát triển hạ tầng số và công nghệ

Một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số là sự phát triển nhanh chóng của hạ tầng công nghệ và mạng lưới kết nối Internet băng rộng. Hạ tầng số³¹⁵ hiện đại tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận dịch vụ công, giáo dục, y tế, thông tin và cơ hội kinh tế một cách thuận tiện và hiệu quả hơn. Tại Việt Nam, chương trình chuyển đổi số quốc gia đã đặt mục tiêu mở rộng phủ sóng Internet băng rộng đến 100% các khu vực đô thị và tăng cường đầu tư vào hạ tầng nông thôn đến năm 2025³¹⁶ (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020). Hạ tầng này không chỉ giúp

³¹⁵Hạ tầng số là hạ tầng của nền kinh tế. Hạ tầng số của Việt Nam (bao gồm 04 thành phần chính: (i) Hạ tầng viễn thông và Internet; (ii) Hạ tầng dữ liệu; (iii) Hạ tầng vật lý - số; (iv) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ) phải có dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ số, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh.

³¹⁶Đến năm 2030, 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số; xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

người dân tiếp cận thông tin mà còn mở ra cơ hội tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý. Trên phạm vi quốc tế, các nước phát triển đã chứng minh rằng hạ tầng số hiện đại góp phần nâng cao quyền tiếp cận thông tin, quyền giáo dục và quyền tự do ngôn luận. Ví dụ, Hàn Quốc và Estonia đã triển khai các nền tảng e-Government toàn diện, giúp người dân truy cập thông tin chính phủ, nộp hồ sơ trực tuyến và giám sát các dự án công, qua đó hiện thực hóa quyền con người thông qua chuyển đổi số.

Thứ hai, pháp luật và chính sách bảo vệ quyền con người

Pháp luật và chính sách cũng là yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ quyền con người trong môi trường số. Khung pháp lý rõ ràng giúp xác định quyền, nghĩa vụ và giới hạn của các bên liên quan trong quá trình xử lý thông tin, bảo vệ dữ liệu và sử dụng công nghệ. Tại Việt Nam, việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin 2016, Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để người dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin, quyền riêng tư và quyền tham gia vào các hoạt động công trực tuyến. Ở cấp quốc tế, các quy định như GDPR (General Data Protection Regulation) của Liên minh châu Âu cung cấp mô hình chuẩn mực để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, từ đó thúc đẩy quyền con người trong môi trường số. Những khung pháp lý này không chỉ bảo vệ cá nhân khỏi các vi phạm quyền mà còn tạo ra sự tin tưởng, giúp người dân yên tâm tham gia các dịch vụ số, tăng cường sự tham gia xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ ba, giáo dục số và nâng cao nhận thức

Giáo dục và nâng cao nhận thức về kỹ năng số là một yếu tố then chốt trong việc thúc đẩy quyền con người trong thời đại số. Khả năng sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ, đánh giá thông tin trực tuyến và bảo vệ dữ liệu cá nhân giúp người dân thực hiện quyền của mình một cách hiệu quả.

UNESCO (2021) nhấn mạnh rằng giáo dục số không chỉ bao gồm kỹ năng sử dụng thiết bị và phần mềm, mà còn bao gồm hiểu biết về quyền con người, quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin và bình đẳng số. Tại Việt Nam, các chương trình giáo dục kỹ năng số đã được triển khai trong hệ thống giáo dục phổ thông và đại học, đồng thời có các khóa tập huấn cho người lao động và người cao tuổi nhằm giảm khoảng cách số. Nhờ giáo dục số, cá nhân không chỉ tận dụng được các cơ hội từ chuyển đổi số mà còn chủ động bảo vệ quyền của mình, tham gia vào các diễn đàn xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa một cách có trách nhiệm.

Thứ tư, vai trò của doanh nghiệp công nghệ

Doanh nghiệp công nghệ là một trong những nhân tố thúc đẩy quyền con người thông qua việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ và nền tảng số an toàn, minh bạch và thân thiện với người dùng. Các công ty như Google, Microsoft, Facebook và các startup công nghệ ở Việt Nam không chỉ cung cấp nền tảng truy cập thông tin, giao tiếp và thương mại điện tử, mà còn xây dựng các cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống tin giả, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ cho người khuyết tật và phát triển các giải pháp giáo dục trực tuyến. Ví dụ, Microsoft đã triển khai các công cụ trợ năng giúp người khiếm thị hoặc người khuyết tật vận động có thể sử dụng máy tính và các dịch vụ trực tuyến. Ở Việt Nam, nền tảng học trực tuyến như Hocmai, Kyna, và Zalo Education đã cung cấp tài nguyên học tập cho học sinh, sinh viên ở các vùng khó khăn, góp phần nâng cao quyền học tập và quyền tiếp cận thông tin. Vai trò này chứng minh rằng doanh nghiệp công nghệ không chỉ là nhà cung cấp dịch vụ, mà còn là lực lượng thúc đẩy quyền con người trong môi trường số.

Thứ năm, hợp tác quốc tế và kinh nghiệm toàn cầu

Hợp tác quốc tế cũng là yếu tố quan trọng thúc đẩy quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ, tiêu chuẩn pháp lý và kỹ năng quản lý dữ liệu giúp các quốc gia phát triển nhanh

hơn mà vẫn đảm bảo quyền con người. Liên Hợp quốc, UNESCO, World Bank và ITU đều khuyến nghị các quốc gia hợp tác trong xây dựng khung pháp lý bảo vệ dữ liệu, phát triển hạ tầng số đồng bộ, đào tạo kỹ năng số và giảm khoảng cách số giữa các nhóm dân cư (UNESCO, 2021; ITU, 2022). Ví dụ, chương trình “Digital Inclusion for All” tại châu Á đã giúp hàng triệu người dân tiếp cận Internet và học kỹ năng số cơ bản, đặc biệt là phụ nữ và người nghèo. Ở Việt Nam, việc học hỏi từ các quốc gia phát triển như Hàn Quốc, Estonia và Singapore trong triển khai e-Government và bảo vệ dữ liệu cá nhân giúp tăng cường minh bạch, nâng cao quyền tiếp cận thông tin và bảo vệ quyền riêng tư. Hợp tác quốc tế không chỉ thúc đẩy phát triển hạ tầng và chính sách mà còn tạo ra chuẩn mực toàn cầu, từ đó bảo đảm quyền con người được thực thi một cách hiệu quả trong môi trường số.

2.2. Các rào cản đối với quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số

Thứ nhất, khoảng cách số và bất bình đẳng tiếp cận

Một trong những rào cản nổi bật nhất đối với quyền con người trong thời đại số là khoảng cách số (digital divide), tức sự khác biệt trong khả năng tiếp cận công nghệ và Internet giữa các nhóm dân cư khác nhau. Khoảng cách này bao gồm không chỉ yếu tố vật chất như thiếu thiết bị, kết nối Internet chậm hoặc không ổn định, mà còn liên quan đến kỹ năng số, kiến thức sử dụng công nghệ và nhận thức về quyền con người trong môi trường số. Tại Việt Nam, dù tỷ lệ người dùng Internet đạt khoảng 79,1% dân số³¹⁷, sự phân bố còn rất không đồng đều giữa thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Học sinh, sinh viên ở các khu vực nông thôn thường gặp khó khăn khi tham gia các lớp học trực tuyến, dẫn đến nguy cơ tụt hậu trong giáo dục và phát triển cá nhân. Tương tự, người cao tuổi hoặc người khuyết tật thường gặp rào cản về kỹ năng số và tiếp cận dịch vụ số, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tiếp cận thông tin, quyền giáo dục và quyền tham gia xã hội. Khoảng cách số

³¹⁷<https://dcca.org.vn/bao-cau-ve-ky-thuat-so-viet-nam-2024>.

không chỉ làm suy giảm khả năng thực thi quyền con người mà còn làm gia tăng bất bình đẳng xã hội, tạo ra vòng luẩn quẩn giữa thiếu cơ hội và hạn chế quyền tiếp cận.

Thứ hai, thách thức từ an ninh mạng và tội phạm số

An ninh mạng và tội phạm số là rào cản lớn khác đối với quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số. Các cuộc tấn công mạng, phần mềm độc hại, đánh cắp dữ liệu và hành vi xâm nhập trái phép có thể đe dọa quyền riêng tư, quyền sở hữu thông tin và quyền tự do cá nhân. Vụ rò rỉ dữ liệu người dùng trên Facebook năm 2021, với hơn 533 triệu hồ sơ cá nhân bị phát tán³¹⁸, là minh chứng rõ ràng về nguy cơ mất an toàn thông tin. Tại Việt Nam, việc buôn bán dữ liệu cá nhân trên “chợ đen” mạng cho thấy mức độ phổ biến và dễ thực hiện của tội phạm số. Khi quyền riêng tư bị xâm phạm, người dân mất niềm tin vào các dịch vụ trực tuyến, dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện các quyền tiếp cận thông tin, quyền giáo dục, quyền tham gia chính trị và quyền kinh tế. Rào cản này cũng ảnh hưởng đến doanh nghiệp và cơ quan quản lý, bởi nếu không bảo đảm an ninh mạng, hiệu quả của các chương trình chuyển đổi số và bảo vệ quyền con người sẽ bị suy giảm nghiêm trọng.

Thứ ba, pháp luật chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ

Một rào cản quan trọng khác là khung pháp lý chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ trong việc bảo vệ quyền con người trong môi trường số. Ở nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, các quy định về quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu, tiếp cận thông tin và bình đẳng số chưa được xây dựng toàn diện hoặc chưa cập nhật theo tốc độ phát triển công nghệ. Tại Việt Nam, dù Nghị định 13/2023/NĐ-CP đã tạo ra bước tiến trong bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng các hướng dẫn chi tiết và cơ chế giám sát vẫn còn hạn chế, đặc biệt khi xử lý các vi phạm xuyên biên giới. Việc thiếu đồng bộ giữa các luật về an

³¹⁸Theo Business Insider, hơn 533 triệu hồ sơ người dùng Facebook từ 106 quốc gia, trong đó có hơn 32 triệu hồ sơ về người dùng ở Mỹ, 11 triệu người dùng ở Anh và 6 triệu người dùng ở Ấn Độ. Thông tin bị rò rỉ miễn phí, bao gồm: số điện thoại, ID Facebook, tên người dùng, vị trí, ngày sinh, tiêu sử và cả địa chỉ email.

ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền tiếp cận thông tin có thể dẫn đến xung đột quyền lợi và khó thực thi hiệu quả. Trên phạm vi quốc tế, GDPR của EU đã thiết lập các tiêu chuẩn cao về bảo vệ dữ liệu, nhưng nhiều quốc gia chưa có cơ chế tương đương, dẫn đến khó khăn trong việc hợp tác quốc tế và bảo đảm quyền con người trên không gian số toàn cầu.

Thứ tư, rủi ro từ thuật toán và trí tuệ nhân tạo

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) và các thuật toán tự động cũng có thể trở thành rào cản đối với quyền con người nếu không được thiết kế và giám sát đúng cách. Thuật toán học máy có thể dựa trên dữ liệu thiên lệch, củng cố định kiến xã hội và tạo ra quyết định phân biệt đối xử trong các lĩnh vực như tuyển dụng, tín dụng, giám sát hành chính hoặc xét duyệt dịch vụ công. Buolamwini và Gebru (2018) đã chỉ ra rằng các hệ thống nhận diện khuôn mặt phổ biến nhận diện người da trắng chính xác hơn so với người da màu, dẫn đến nguy cơ vi phạm quyền bình đẳng và quyền riêng tư. Ở Việt Nam, các hệ thống giám sát thông minh, quản lý giao thông hay xét duyệt hồ sơ hành chính nếu không kiểm soát bias sẽ làm hạn chế quyền tiếp cận công bằng dịch vụ công, quyền bình đẳng và quyền tự do cá nhân. Việc thiếu quy chuẩn quốc gia và cơ chế giám sát thuật toán là rào cản đáng kể cần giải quyết để bảo đảm quyền con người trong môi trường số.

Thứ năm, văn hóa số và nhận thức cộng đồng

Cuối cùng, văn hóa số và nhận thức của cộng đồng cũng là rào cản quan trọng. Nhiều người dân vẫn chưa hiểu rõ về quyền con người trong môi trường số, chưa biết cách bảo vệ dữ liệu cá nhân, đánh giá thông tin trực tuyến và phản ứng với các hành vi vi phạm. Điều này dẫn đến việc tự nguyện cung cấp dữ liệu cho các nền tảng mà không hiểu quyền của mình, hoặc tiếp nhận và lan truyền thông tin sai lệch. Hậu quả là quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận, quyền bình đẳng và quyền riêng tư đều bị suy giảm. Giáo dục kỹ năng số, nâng cao nhận thức về quyền con người, và xây dựng

văn hóa sử dụng công nghệ có trách nhiệm là giải pháp cần thiết để giảm thiểu rào cản này, giúp người dân chủ động thực hiện quyền của mình trong môi trường số (UNESCO, 2021).

3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.1. Giải pháp pháp lý và chính sách

Một là, hoàn thiện khung pháp lý về chuyển đổi số và quyền con người

Hoàn thiện khung pháp lý là giải pháp cốt lõi để bảo đảm quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số. Khung pháp lý cần bao quát các quyền cơ bản như quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin, quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử. Tại Việt Nam, mặc dù Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật Tiếp cận thông tin 2016 đã tạo nền tảng, vẫn cần nâng cấp thành luật chính thức để tăng tính ràng buộc và khả thi. Các văn bản pháp lý cần quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước trong việc xử lý dữ liệu, triển khai công nghệ số và bảo vệ quyền con người. Đồng thời, cần đảm bảo hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế, như GDPR của EU, để dễ dàng hợp tác xuyên biên giới và bảo vệ quyền của công dân khi sử dụng dịch vụ số quốc tế. Việc xây dựng khung pháp lý toàn diện không chỉ tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc, mà còn tăng niềm tin của người dân vào các dịch vụ số, từ đó thúc đẩy quyền con người được thực thi hiệu quả.

Hai là, xây dựng cơ chế giám sát và thực thi hiệu quả

Bên cạnh hoàn thiện luật, việc thiết lập cơ chế giám sát và thực thi quyền con người trong môi trường số là cực kỳ quan trọng. Cơ chế này cần bao gồm các cơ quan giám sát độc lập, có quyền kiểm tra, đánh giá các tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước trong việc xử lý dữ liệu, vận hành thuật toán và triển khai các nền tảng số. Ngoài ra, cần có quy trình khiếu nại và bồi thường cho các cá nhân khi quyền của họ bị xâm phạm. Ví dụ, tại EU, cơ quan giám sát dữ liệu quốc gia có quyền xử lý vi phạm GDPR và áp dụng

hình phạt nặng đối với tổ chức vi phạm, góp phần tăng hiệu quả bảo vệ quyền con người. Ở Việt Nam, việc thiết lập cơ chế giám sát tương tự sẽ giúp kiểm soát các rủi ro từ tội phạm mạng, thuật toán thiên lệch và các hành vi xâm phạm quyền riêng tư, đồng thời thúc đẩy việc thực thi các chính sách chuyển đổi số một cách minh bạch và có trách nhiệm.

Ba là, chính sách thúc đẩy tiếp cận công nghệ và giảm khoảng cách số

Chính sách công nghệ cần tập trung vào việc giảm khoảng cách số, bảo đảm mọi cá nhân, đặc biệt nhóm yếu thế, đều có cơ hội tiếp cận công nghệ và dịch vụ số. Điều này bao gồm đầu tư hạ tầng Internet băng rộng ở vùng nông thôn, xây dựng các trung tâm kỹ năng số cộng đồng, cung cấp thiết bị và phần mềm cho học sinh, sinh viên, người cao tuổi và người khuyết tật. Ví dụ, chương trình “Digital Inclusion for All” tại châu Á đã giúp hàng triệu người dân tiếp cận Internet và học kỹ năng số cơ bản, đặc biệt là phụ nữ và người nghèo. Ở Việt Nam, các dự án triển khai giáo dục trực tuyến và phát triển hạ tầng số nông thôn đã bước đầu giảm bớt khoảng cách số, nhưng cần được mở rộng và nhân rộng. Chính sách này không chỉ thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin và quyền học tập, mà còn giúp nâng cao quyền kinh tế và quyền tham gia xã hội, từ đó thúc đẩy bình đẳng và giảm bất công.

Bốn là, hướng dẫn và tiêu chuẩn về thuật toán và AI

Một giải pháp quan trọng khác là xây dựng các hướng dẫn và tiêu chuẩn về thiết kế, vận hành và giám sát thuật toán, AI nhằm đảm bảo không vi phạm quyền con người. Thuật toán học máy và AI có thể mang lại hiệu quả cao nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro thiên lệch, phân biệt đối xử hoặc xâm phạm quyền riêng tư. Do đó, cần quy định việc đánh giá tác động quyền con người (Human Rights Impact Assessment - HRIA) trước khi triển khai các hệ thống này, cũng như yêu cầu minh bạch về dữ liệu huấn luyện, cơ chế phản hồi và điều chỉnh. Ví dụ, Liên minh châu Âu đang triển khai “AI Act” để kiểm soát rủi ro AI và bảo vệ quyền con người. Việt Nam có thể học hỏi mô hình này để

xây dựng chuẩn mực, giám sát và đảm bảo rằng các nền tảng số, đặc biệt trong chính quyền điện tử, không tạo ra bất bình đẳng hoặc xâm phạm quyền cơ bản của công dân.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế

Cuối cùng, hợp tác quốc tế là giải pháp không thể thiếu để bảo vệ quyền con người trong môi trường số, bởi dữ liệu và dịch vụ số thường vượt biên giới. Việc chia sẻ kinh nghiệm, tiêu chuẩn, công nghệ và đào tạo nhân lực giúp các quốc gia phát triển đồng bộ và giảm thiểu rủi ro về quyền con người. Các tổ chức như UNESCO, ITU và Liên Hợp quốc đã thúc đẩy các chương trình hợp tác về bảo vệ dữ liệu, giáo dục số và minh bạch thuật toán. Ví dụ, chương trình “Global Digital Inclusion” đã hỗ trợ các nước đang phát triển triển khai hạ tầng số và kỹ năng số cho nhóm yếu thế. Việt Nam có thể mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế để học hỏi chuẩn mực bảo vệ dữ liệu, kỹ thuật quản lý AI, đồng thời tăng cường đào tạo kỹ năng số cho người dân. Hợp tác quốc tế giúp đảm bảo rằng quyền con người được thực thi một cách thống nhất và hiệu quả trong không gian số toàn cầu, đồng thời nâng cao năng lực nội tại và khả năng ứng phó với các thách thức công nghệ mới.

3.2. Giải pháp kỹ thuật và giáo dục số

Một là, phát triển hạ tầng số toàn diện

Phát triển hạ tầng số toàn diện là một yếu tố kỹ thuật quan trọng để thúc đẩy quyền con người trong thời đại chuyển đổi số. Hạ tầng số không chỉ bao gồm mạng Internet băng rộng, trung tâm dữ liệu và thiết bị công nghệ, mà còn phải đảm bảo khả năng truy cập đồng đều cho mọi nhóm dân cư, kể cả người dân vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và người cao tuổi. Tại Việt Nam, chương trình chuyển đổi số quốc gia đã đặt mục tiêu phủ sóng Internet đến tất cả các khu vực đô thị và tăng cường hạ tầng nông thôn vào năm 2025 (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020). Hạ tầng số toàn diện giúp người dân tiếp cận dịch vụ công, giáo dục trực tuyến và các cơ hội kinh tế, từ đó thực

hiện quyền tiếp cận thông tin, quyền học tập và quyền tham gia xã hội một cách bình đẳng. Ở cấp quốc tế, các quốc gia phát triển như Estonia, Hàn Quốc và Singapore đã chứng minh rằng hạ tầng số vững chắc giúp tăng cường minh bạch, thúc đẩy tham gia dân chủ và bảo vệ quyền con người.

Hai là, ứng dụng công nghệ thân thiện và an toàn

Việc phát triển các công nghệ thân thiện với người dùng và đảm bảo an toàn là giải pháp kỹ thuật then chốt. Nền tảng số cần được thiết kế hướng tới mọi đối tượng, đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, và những người ít tiếp xúc với công nghệ. Các tính năng trợ năng, giao diện dễ sử dụng và khả năng tùy chỉnh theo nhu cầu cá nhân giúp mọi người tận dụng công nghệ mà không bị hạn chế. Đồng thời, bảo mật và an ninh thông tin phải được tích hợp ngay từ khâu thiết kế để ngăn chặn các cuộc tấn công mạng và bảo vệ quyền riêng tư. Ví dụ, Microsoft đã phát triển các công cụ trợ năng giúp người khiếm thị và người khuyết tật vận động có thể sử dụng máy tính và dịch vụ trực tuyến. Ở Việt Nam, các nền tảng học trực tuyến như Hocmai hay Zalo Education đã cung cấp giao diện thân thiện và giải pháp truy cập cho học sinh ở vùng khó khăn, giúp nâng cao quyền học tập và quyền tiếp cận thông tin. Việc tích hợp công nghệ thân thiện và an toàn góp phần giảm rào cản kỹ thuật và thúc đẩy quyền con người được thực thi hiệu quả.

Ba là, nâng cao kỹ năng số cho cộng đồng

Giáo dục kỹ năng số là giải pháp quan trọng để mọi cá nhân chủ động thực hiện quyền của mình trong môi trường số. Kỹ năng số bao gồm khả năng sử dụng thiết bị, phần mềm, khai thác dữ liệu, đánh giá thông tin trực tuyến, nhận diện các rủi ro về bảo mật và quyền riêng tư. UNESCO (2021) nhấn mạnh rằng giáo dục kỹ năng số phải bao gồm cả nhận thức về quyền con người và trách nhiệm sử dụng công nghệ. Tại Việt Nam, nhiều chương trình tập huấn kỹ năng số đã được triển khai cho học sinh, sinh viên, người lao động và người cao tuổi, đặc biệt ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa.

Những chương trình này giúp giảm khoảng cách số, nâng cao quyền tiếp cận thông tin, quyền học tập và quyền tham gia xã hội, đồng thời tăng khả năng tự bảo vệ quyền riêng tư và chống lại các rủi ro từ tội phạm mạng. Giáo dục kỹ năng số không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là yếu tố nền tảng để quyền con người được thực thi trong môi trường số hiện đại.

Bốn là, giám sát thuật toán và trí tuệ nhân tạo

Trong bối cảnh AI và các thuật toán tự động phát triển mạnh, giám sát và kiểm soát thuật toán là giải pháp kỹ thuật quan trọng để bảo đảm quyền con người. Các hệ thống AI nếu không được giám sát có thể tạo ra quyết định thiên lệch, phân biệt đối xử hoặc xâm phạm quyền riêng tư. Việc áp dụng quy trình đánh giá tác động quyền con người (Human Rights Impact Assessment - HRIA) trước khi triển khai hệ thống, minh bạch về dữ liệu huấn luyện và cơ chế phản hồi sẽ giúp giảm thiểu rủi ro. Buolamwini và Gebru (2018) đã chỉ ra rằng các hệ thống nhận diện khuôn mặt phổ biến nhận dạng người da trắng chính xác hơn so với người da màu, dẫn đến nguy cơ vi phạm quyền bình đẳng. Ở Việt Nam, các hệ thống giám sát thông minh, quản lý giao thông hoặc xét duyệt hồ sơ hành chính nếu áp dụng giám sát thuật toán và HRIA sẽ bảo đảm quyết định công bằng, minh bạch và tôn trọng quyền con người.

Năm là, tích hợp giải pháp kỹ thuật và giáo dục trong chiến lược quốc gia

Một chiến lược tổng thể tích hợp cả giải pháp kỹ thuật và giáo dục số là cần thiết để bảo đảm quyền con người trong môi trường số. Chiến lược này bao gồm đầu tư hạ tầng, thiết kế công nghệ thân thiện và an toàn, nâng cao kỹ năng số cho cộng đồng, và giám sát thuật toán. Đồng thời, cần phối hợp giữa cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức xã hội dân sự và các đối tác quốc tế để triển khai đồng bộ. Ví dụ, các chương trình e-Government tại Estonia kết hợp hạ tầng số mạnh, nền tảng thân thiện, giáo dục kỹ năng số và giám sát công khai giúp tăng cường quyền tiếp cận thông tin, quyền bình đẳng

và quyền tham gia chính trị. Ở Việt Nam, việc triển khai chiến lược tổng thể tương tự sẽ giúp giảm khoảng cách số, nâng cao quyền con người và tạo ra môi trường số an toàn, minh bạch và bình đẳng, đồng thời tăng khả năng thích ứng với các công nghệ mới.

3.3. Giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng và văn hóa số

Một là, vai trò của nhận thức cộng đồng

Nhận thức cộng đồng đóng vai trò then chốt trong việc thực thi quyền con người trong môi trường số. Nếu người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong không gian số, họ sẽ chủ động bảo vệ dữ liệu cá nhân, đánh giá thông tin trực tuyến và tham gia vào các hoạt động xã hội một cách an toàn và hiệu quả. Ngược lại, nhận thức hạn chế có thể dẫn đến việc vô tình cung cấp dữ liệu cho các nền tảng không bảo mật, lan truyền thông tin sai lệch hoặc bỏ qua quyền của bản thân trong các giao dịch trực tuyến. Tại Việt Nam, mặc dù các chương trình giáo dục kỹ năng số đã được triển khai trong trường học và cộng đồng, nhiều người dân, đặc biệt là người cao tuổi và nhóm yếu thế, vẫn còn hạn chế trong việc nhận biết và thực hành quyền con người trên nền tảng số. UNESCO (2021) khuyến nghị rằng việc nâng cao nhận thức cần được tích hợp trong giáo dục chính quy, các chương trình đào tạo cộng đồng, và các chiến dịch truyền thông đại chúng để đảm bảo mọi người có khả năng bảo vệ quyền của mình và tham gia tích cực vào xã hội số.

Hai là, giáo dục và truyền thông về quyền con người số

Giáo dục và truyền thông về quyền con người trong môi trường số là giải pháp thiết thực để nâng cao nhận thức cộng đồng. Các chương trình đào tạo nên bao gồm kiến thức về quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin, quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử, cũng như cách sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm. Ví dụ, tại Singapore, các chiến dịch truyền thông công cộng kết hợp với đào tạo kỹ năng số cho người dân giúp giảm đáng kể các hành vi rủi ro trên mạng, đồng thời nâng cao nhận thức về quyền riêng tư và

bảo vệ dữ liệu. Tại Việt Nam, việc tích hợp các module giáo dục kỹ năng số và quyền con người vào chương trình học phổ thông, đại học và các khóa đào tạo cộng đồng sẽ giúp người dân mọi lứa tuổi hiểu rõ quyền của mình, đồng thời giảm nguy cơ bị vi phạm quyền khi sử dụng dịch vụ số.

Ba là, văn hóa sử dụng công nghệ có trách nhiệm

Xây dựng văn hóa số và thói quen sử dụng công nghệ có trách nhiệm là một bước quan trọng trong việc thực thi quyền con người. Văn hóa số bao gồm việc tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, kiểm chứng thông tin trước khi chia sẻ, và sử dụng công nghệ nhằm nâng cao giá trị xã hội. Một cộng đồng có văn hóa số tốt sẽ tự giác tuân thủ các quy định pháp luật, giảm nguy cơ vi phạm quyền của bản thân và người khác, đồng thời tạo môi trường trực tuyến lành mạnh, an toàn. Các nền tảng số, doanh nghiệp công nghệ và cơ quan quản lý cần phối hợp để phổ biến hướng dẫn, cung cấp công cụ kiểm soát quyền riêng tư, và khuyến khích hành vi số có trách nhiệm. Ví dụ, các nền tảng như Facebook, Zalo và Google đã triển khai các tính năng bảo vệ quyền riêng tư, cảnh báo thông tin sai lệch và hướng dẫn sử dụng an toàn, góp phần hình thành thói quen văn hóa số cho người dùng.

Bốn là, sự tham gia của các tổ chức xã hội và cộng đồng

Các tổ chức xã hội và cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và thúc đẩy văn hóa số. Các tổ chức này có thể triển khai chương trình đào tạo, hội thảo, tư vấn và hỗ trợ người dân trong việc sử dụng công nghệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân và thực thi quyền con người. Ví dụ, các tổ chức phi chính phủ tại châu Á đã triển khai dự án “Digital Literacy for All”, giúp phụ nữ, người nghèo và nhóm yếu thế tiếp cận Internet và học kỹ năng số cơ bản, đồng thời nâng cao hiểu biết về quyền con người trên mạng. Ở Việt Nam, các tổ chức xã hội dân sự có thể phối hợp với cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp công nghệ để phát triển các chương trình giáo dục cộng đồng, đặc biệt tại các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa, nhằm giảm khoảng

cách số, nâng cao quyền tiếp cận thông tin và quyền học tập, đồng thời hình thành văn hóa số có trách nhiệm.

Năm là, hợp tác quốc tế và chia sẻ kinh nghiệm

Hợp tác quốc tế giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền con người trong môi trường số thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm, công cụ giáo dục, chuẩn mực văn hóa số và các phương pháp triển khai thành công. Liên Hợp quốc, UNESCO và ITU đã triển khai nhiều chương trình hợp tác nhằm phổ cập kỹ năng số, nâng cao nhận thức về quyền con người và xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Ví dụ, chương trình “Digital Literacy and Human Rights” tại khu vực Đông Nam Á đã giúp hàng triệu người dân, đặc biệt nhóm yếu thế, tiếp cận thông tin, hiểu quyền của mình và sử dụng công nghệ một cách an toàn. Việt Nam có thể học hỏi các mô hình này, kết hợp đào tạo kỹ năng số, truyền thông về quyền con người và hướng dẫn thực hành văn hóa số, từ đó nâng cao khả năng thực thi quyền con người và bảo vệ các giá trị nhân quyền trong môi trường số.

4. KẾT LUẬN

Quyền con người và chuyển đổi số có mối quan hệ vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện của nhau. Chuyển đổi số tạo ra cơ hội để mở rộng và nâng cao quyền con người, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức nếu không được quản lý một cách toàn diện. Việc bảo đảm quyền con người trong môi trường số đòi hỏi một chiến lược đa chiều, kết hợp pháp lý, kỹ thuật, giáo dục, văn hóa và hợp tác quốc tế. Chỉ khi các yếu tố này được triển khai đồng bộ, quyền con người mới thực sự được bảo vệ, phát huy và thực thi một cách bền vững trong bối cảnh xã hội số hiện đại. Các giải pháp và khuyến nghị nêu trong bài có thể được áp dụng trong các chính sách quốc gia, chiến lược chuyển đổi số, chương trình giáo dục kỹ năng số và phát triển văn hóa công nghệ, từ đó hướng tới một xã hội số công bằng, minh bạch, an toàn và bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (2020), *Chương trình chuyển đổi số quốc gia 2020-2025*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2023), *Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Hà Nội.
3. Quốc hội (2016), *Luật Tiếp cận Thông tin 2016*, Hà Nội.
4. We Are Social & Hootsuite (2023), *Digital 2023: Việt Nam*, tại trang <https://wearesocial.com/digital-2023-vietnam>
5. Buolamwini, J. & Gebru, T (2018), *Gender Shades: Intersectional Accuracy Disparities in Commercial Gender Classification*, Proceedings of Machine Learning Research, 81, pp.1-15.
6. UNESCO (2021), *Digital Literacy and Human Rights*, Paris: UNESCO Publishing.
7. BBC (2021), *Facebook data of 533 million users leaked online*, tại trang <https://www.bbc.com/news/technology-59150575>.
8. European Union (2018), *General Data Protection Regulation (GDPR)*, Brussels: EU.
9. ITU (2021), *Global Digital Inclusion Report*, Geneva: International Telecommunication Union.
10. United Nations (2020), *Digital Inclusion for All: Guidelines and Practices*, New York: United Nations.

QUYỀN ĐƯỢC LÃNG QUÊN VÀ VIỆC THỰC THI **TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA**

TS. Trần Thị Hồng Lê

Viện Quyền con người,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong kỷ nguyên số, dữ liệu cá nhân không chỉ là những con số vô tri mà đã trở thành một dạng “tài sản” có giá trị - được thu thập, phân tích, chia sẻ và khai thác trên quy mô toàn cầu. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng xuyên quốc gia, thế giới chứng kiến sự bùng nổ chưa từng có của dòng chảy dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, mặt trái của tiến trình này là quyền riêng tư cá nhân ngày càng bị xâm phạm, ranh giới giữa đời sống cá nhân và không gian công cộng trở nên mong manh hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh đó, “quyền được lãng quên” (right to be forgotten) nổi lên như một khái niệm pháp lý và đạo đức mới mẻ, nhằm thiết lập lại sự cân bằng giữa công nghệ và nhân phẩm con người. Quyền này cho phép cá nhân đưa ra yêu cầu xóa bỏ những thông tin cá nhân không còn phù hợp, không chính xác hoặc gây tổn hại, đặc biệt là khi các thông tin ấy được lan truyền rộng rãi trên Internet mà đương sự không còn khả năng kiểm soát. Khởi phát từ châu Âu và dần lan rộng ra nhiều khu vực, “quyền được lãng quên” đặt ra một loạt câu hỏi phức tạp về giới hạn của tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và khả năng thực thi pháp luật trong môi trường số toàn cầu.

Tại Việt Nam, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân đang ngày càng được chú trọng với các văn bản pháp luật mới như Luật An ninh mạng 2018 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, khái niệm “quyền được lãng quên” vẫn còn tương đối xa lạ trong cả tư duy lập pháp lẫn thực tiễn thực thi. Việc thiết lập và thực hiện quyền này ở Việt Nam không chỉ đòi hỏi sự tiếp nhận chọn lọc các chuẩn mực quốc tế để hoàn thiện pháp luật mà

còn cần được đặt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và phát triển. Vấn đề đặc biệt cấp bách hiện nay là: Làm thế nào để Việt Nam tiếp cận, nội luật hóa và thực thi “quyền được lãng quên” một cách khả thi, đồng thời hài hòa giữa quyền cá nhân, lợi ích xã hội, yêu cầu phát triển công nghệ và các chuẩn mực pháp lý quốc tế?

1. KHÁI NIỆM VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA QUYỀN ĐƯỢC LẮNG QUÊN

1.1. Khái niệm quyền được lãng quên

“Quyền được lãng quên” (right to be forgotten) là một khái niệm pháp lý tương đối mới, nhưng bắt nguồn từ nhu cầu căn bản của con người trong việc kiểm soát danh tính, danh dự và hình ảnh cá nhân trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin. Về bản chất, đây là sự tiếp nối và mở rộng của quyền riêng tư (right to privacy) trong bối cảnh thông tin số có khả năng lan truyền và tồn tại vô thời hạn trên không gian mạng. Nguyên tắc chung trong việc bảo vệ quyền con người được các tổ chức bảo vệ nhân quyền quốc tế và cộng đồng nhân loại thừa nhận rộng rãi trong thời đại internet là các quyền con người ngoài đời (offline) cũng phải được bảo vệ tương tự trên không gian internet (online)³¹⁹.

Theo Jeffrey Rosen - Giáo sư luật tại Đại học George Washington, chuyên gia hàng đầu về quyền riêng tư số: “Quyền được lãng quên là quyền yêu cầu xóa bỏ những sai lầm trong quá khứ khỏi kết quả tìm kiếm - nhằm ngăn chặn việc cá nhân bị gắn dấu vết kỹ thuật số (digital scarlet letter) vĩnh viễn”³²⁰. Theo khái niệm này, quyền được lãng quên được mô tả như một nỗ lực nhằm khôi phục nhân phẩm cá nhân trước nguy cơ bị “kết án vĩnh viễn trên Internet”. Ông cho rằng đây là quyền “xóa bỏ quá khứ kỹ thuật số” - đặc biệt là những sai lầm cá nhân không còn phản ánh bản chất hiện tại - nhằm

³¹⁹ Nguyên tắc này được ghi nhận tại Nghị quyết số 20/8 năm 2012 và Nghị quyết số 26/13 năm 2014 của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc về thúc đẩy, bảo vệ và hưởng thụ quyền con người trên Internet.

³²⁰ Rosen, J (2012), “The right to be forgotten”, *Stanford Law Review Online*, 64, 88-92, p.88.

ngăn chặn hiệu ứng dấu vết kỹ thuật số khiến cá nhân bị kỳ thị và không thể tái hòa nhập xã hội.

Viktor Mayer-Schönberger - Giáo sư tại Viện nghiên cứu Internet Oxford, nhà nghiên cứu tiên phong về các khái niệm ký ức kỹ thuật số và quyền lãng quên đã chỉ ra nhu cầu được quên lãng là tất yếu vì sự phát triển của con người trong tác phẩm “Xóa bỏ: mặt tích cực của quên lãng trong thời đại số” (Delete: The Virtue of Forgetting in the Digital Age): “Ký ức kỹ thuật số là vĩnh viễn và không sai sót; trong khi quên lãng là điều cho phép con người phát triển và thay đổi. Chúng ta cần tái lập chức năng quên lãng như một cơ chế xã hội thiết yếu trong thời đại số”³²¹. Mayer-Schönberger lập luận rằng xã hội hiện đại đang mất đi “khả năng quên” - một chức năng từng đóng vai trò thiết yếu trong việc cho phép con người phát triển, thay đổi và được tha thứ. Theo ông, ký ức số có tính tuyệt đối và vĩnh viễn đã làm sai lệch cán cân đạo đức trong xã hội, biến thông tin trở thành công cụ kiểm soát hơn là ghi nhớ. Ông đề xuất việc phục hồi chức năng “quên lãng có chủ đích” như một chuẩn mực mới để bảo vệ quyền tự do phát triển bản thân.

Giáo sư luật Alessandro Mantelero tại Đại học Politecnico di Torino (Ý), chuyên gia dữ liệu cá nhân trong EU diễn giải: “Quyền được lãng quên thể hiện nhu cầu tái cân bằng mối quan hệ giữa cá nhân và các chủ thể kiểm soát dữ liệu trong bối cảnh kỹ thuật số, bằng cách trao lại cho cá nhân quyền kiểm soát bản sắc số của mình”³²². Theo cách diễn giải này, quyền được lãng quên là sự mở rộng logic của quyền riêng tư trong bối cảnh kỹ thuật số, nơi cá nhân cần được trao quyền kiểm soát bản sắc số của mình.

Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum) lý giải quyền được lãng quên có nghĩa là quyền xóa bỏ dữ liệu cá nhân, là một khái niệm

³²¹ Mayer-Schönberger, V (2009), *Delete: The virtue of forgetting in the digital age*, Princeton University Press, p.124.

³²² Mantelero, A (2013), “The EU Proposal for a General Data Protection Regulation and the roots of the “right to be forgotten”, *Computer Law & Security Review*, 29(3), 229-235, p.230. <https://doi.org/10.1016/j.clsr.2013.03.010>.

cho phép mọi người yêu cầu các tổ chức xóa bỏ thông tin cá nhân cụ thể về họ khỏi các nền tảng trực tuyến nếu dữ liệu đó cũ, lỗi thời hoặc mang tính xúc phạm³²³.

Như vậy, mặc dù được diễn giải dưới những góc độ khác nhau nhưng quyền được lãng quên cơ bản được hiểu là quyền xóa dữ liệu trên Internet, đó là biểu hiện mới của quyền tự do cá nhân, nhấn mạnh khả năng phục hồi, quyền được tha thứ, và quyền được kiểm soát danh tính cá nhân trong không gian số.

Khác với quyền bảo mật thông tin vốn nhấn mạnh sự *không bị tiết lộ*, “quyền được lãng quên” nhấn mạnh đến *quyền được xóa bỏ* - tức là quyền chủ động yêu cầu loại bỏ thông tin đã từng được công khai nhưng không còn phù hợp, chính xác hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống hiện tại của cá nhân. Khái niệm này phản ánh một bước tiến quan trọng trong việc tái định nghĩa quyền tự chủ thông tin cá nhân và phẩm giá con người trong thời đại dữ liệu. Tư tưởng nền tảng cho quyền này gắn liền với nguyên lý: con người có quyền làm lại từ đầu, được phục hồi bản sắc, không bị “mắc kẹt” vĩnh viễn trong quá khứ - đặc biệt với những cá nhân từng phạm sai lầm, từng là nạn nhân, hoặc đơn thuần là muốn khép lại một phần đời sống cá nhân đã qua.

1.2. Quyền được lãng quên trong pháp luật quốc tế

Mặc dù quyền được lãng quên chưa được ghi nhận như một quyền độc lập trong luật quốc tế về quyền con người, nhưng nhiều nguyên tắc và tiêu chuẩn chung trong các công ước quốc tế về quyền dân sự - chính trị và quyền kinh tế - xã hội - văn hóa có thể được vận dụng mở rộng để làm nền tảng lý luận và pháp lý cho việc công nhận và thực thi quyền này.

Điều 17 Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR) tuyên bố:

³²³ Word Economic Forum (2023), “The right to be forgotten allows people to ask for data about them to be removed from the internet. How does it work?”, <https://www.weforum.org/stories/2023/11/eu-right-to-be-forgotten-online-data/>.

“1. Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín.

2. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy”.

Theo đó, sẽ là hoàn toàn phù hợp với Điều 17 ICCPR khi cá nhân có quyền yêu cầu xóa thông tin để bảo vệ quyền riêng tư và uy tín nếu việc duy trì thông tin, dữ liệu cá nhân cũ, sai lệch với thực tế hiện tại hoặc gây tổn hại gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm cá nhân họ.

Quyền được quên lãng còn được bảo vệ bởi quy định giới hạn chính đáng đối với quyền tự do biểu đạt. Điều 19 ICCPR khi quy định về quyền tự do biểu đạt đã đồng thời nhấn mạnh quyền này có thể phải chịu một số giới hạn chính đáng theo luật định để tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác (và một số lợi ích công cộng quan trọng khác). Điều này cho phép pháp luật quốc gia cân bằng giữa quyền tự do biểu đạt và quyền được quên lãng, tức là đặt giới hạn hợp lý lên nhưng thông tin cá nhân bị lan truyền hoặc duy trì quá lâu, gây hại cho quyền hoặc uy tín của cá nhân.

Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) năm 1966 mặc dù không trực tiếp quy định về dữ liệu cá nhân hay quyền được lãng quên, nhưng có một số quyền nền tảng liên quan có thể trở thành căn cứ pháp lý để bảo vệ quyền được lãng quên. Ví dụ như quy định về quyền làm việc của mọi người tại Điều 6 ICESCR bao gồm quyền có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ lựa chọn. Theo đó, việc thông tin quá khứ tiêu cực của cá nhân (như án tích đã xóa, sự kiện không còn đúng) vẫn tồn tại và dễ tìm thấy trên mạng có thể gây cản trở đến cơ hội việc làm và tái hòa nhập xã hội của họ, cần phải được xóa bỏ. Điều 15 ICESCR quy định về quyền văn hóa, trong đó, điểm b khoản 1 xác định quyền của mọi người “được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó”. Theo đó, nếu “kỳ

ức kỹ thuật số” gây hại cho cá nhân có nghĩa là trái ngược với quyền này, yêu cầu xóa bỏ cần được xem xét để thực hiện quyền.

Mặc dù thế giới chưa hình thành một tiêu chuẩn cụ thể thống nhất về quyền được lãng quên nhưng Liên minh châu Âu với Quy tắc chung về bảo vệ dữ liệu (General Data Protection Regulation - GDPR) đã chính thức ghi nhận “quyền xóa dữ liệu” (right to erasure) hay còn được gọi là quyền được lãng quên (right to be forgotten)³²⁴.

Theo quy định tại Điều 17 của GDPR, cá nhân - với tư cách là chủ thể dữ liệu (data subject) - có quyền yêu cầu bên kiểm soát dữ liệu (data controller) xóa bỏ các dữ liệu cá nhân liên quan đến mình một cách kịp thời, không trì hoãn một cách vô lý, nếu việc xử lý dữ liệu không còn hợp lệ hoặc không còn cần thiết trong bối cảnh pháp lý và mục đích ban đầu.

Việc xóa dữ liệu là nghĩa vụ bắt buộc của bên kiểm soát dữ liệu, nếu tồn tại một trong các căn cứ pháp lý sau: 1) Dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích thu thập hoặc xử lý ban đầu; 2) Chủ thể dữ liệu rút lại sự đồng ý đã cấp trước đó và không có cơ sở pháp lý nào khác để tiếp tục xử lý dữ liệu; 3) Chủ thể dữ liệu phản đối việc xử lý dữ liệu và không có lợi ích chính đáng nào vượt trội để duy trì việc xử lý dữ liệu đó; 4) Việc xử lý dữ liệu là bất hợp pháp (vi phạm các nguyên tắc của GDPR); 5) Việc xóa dữ liệu là cần thiết để tuân thủ nghĩa vụ pháp lý theo pháp luật của EU hoặc của quốc gia thành viên mà bên kiểm soát dữ liệu trực thuộc; 6) Dữ liệu được thu thập từ trẻ em khi sử dụng các dịch vụ xã hội thông tin (ví dụ: ứng dụng mạng xã hội).

Trong trường hợp dữ liệu cá nhân đã được công khai, bên kiểm soát dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp hợp lý về kỹ thuật và tổ chức, nhằm thông báo cho các bên thứ ba - những tổ chức hoặc cá nhân đang xử lý dữ liệu công khai đó - rằng chủ thể dữ liệu đã yêu cầu xóa bỏ tất cả các liên kết, bản sao hoặc phiên bản nhân bản của dữ liệu đó.

³²⁴ European Union (2016), General Data Protection Regulation, <https://gdpr-info.eu/>

Tuy nhiên, cũng theo Điều 17 GDPR, quyền yêu cầu xóa dữ liệu không phải là quyền tuyệt đối, và có thể không được áp dụng nếu việc lưu giữ hoặc xử lý dữ liệu là cần thiết trong các trường hợp sau: 1) Để thực hiện quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin; 2) Để tuân thủ nghĩa vụ pháp lý hoặc thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích công hoặc quyền hạn công quyền; 3) Vì lý do lợi ích công cộng trong lĩnh vực y tế (ví dụ: quản lý dịch bệnh, giám sát sức khỏe cộng đồng); 4) Vì mục đích lưu trữ phục vụ lợi ích công, nghiên cứu khoa học, lịch sử hoặc thống kê, trong trường hợp việc xóa dữ liệu sẽ làm vô hiệu hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến mục tiêu xử lý; 5) Để thiết lập, thực hiện hoặc bảo vệ quyền lợi hợp pháp (ví dụ: phục vụ cho một vụ kiện hoặc tranh chấp đang diễn ra).

Với nội dung trên, Điều 17 trong Quy tắc chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu đã thể hiện sự khẳng định quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân của mỗi cá nhân trong kỷ nguyên số, đồng thời nhấn mạnh nguyên tắc cân bằng giữa quyền riêng tư và lợi ích xã hội. Một mặt, thiết lập nền tảng pháp lý cho quyền được lãng quên, mặt khác, Điều 17 vẫn duy trì những giới hạn cần thiết nhằm bảo vệ các quyền, tự do cơ bản như: tự do ngôn luận, tiếp cận thông tin và lợi ích công cộng.

1.3. Quyền được lãng quên trong pháp luật Việt Nam

Mặc dù khái niệm “quyền được lãng quên” chưa được ghi nhận chính thức trong hệ thống pháp luật Việt Nam, song có thể khẳng định rằng nền tảng pháp lý và chính trị đã bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để tiến tới nội luật hóa quyền này một cách chính thức trong tương lai gần.

Khoản 1 Điều 21 Hiến pháp hiện hành của Việt Nam tuyên bố:

“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”³²⁵.

³²⁵ Quốc hội Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

Mặc dù Hiến pháp không nêu cụ thể đến dữ liệu số, nhưng quy định này thiết lập nguyên tắc hiến định về quyền kiểm soát thông tin cá nhân, quyền bảo vệ danh dự và nhân phẩm, và quyền bảo mật thông tin riêng tư. Có thể coi là cơ sở lập hiến cho các thể hệ quyền phái sinh trong thời đại số như quyền được yêu cầu xóa bỏ thông tin cá nhân lỗi thời, sai lệch, gây tổn hại danh dự - tức là quyền được quên lãng trong bối cảnh số hóa.

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015 xác lập việc bảo vệ danh dự nhân phẩm, uy tín và đời sống riêng tư của cá nhân tại Điều 34 và 38³²⁶. Theo Điều 34 Bộ luật Dân sự: “cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án bác bỏ thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình” (yêu cầu này có thể được thực hiện bởi vợ, chồng, con thành niên hoặc cha mẹ các nhân đó nếu họ đã chết) và “Thông tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng nào thì phải được gỡ bỏ, cải chính bằng chính phương tiện thông tin đại chúng đó. Nếu thông tin này được cơ quan, tổ chức, cá nhân cất giữ thì phải được hủy bỏ”.

Quy định này đã khẳng định quyền yêu cầu xóa bỏ hoặc cải chính thông tin sai sự thật hoặc xúc phạm, dù thông tin đó đã được công khai trước đó, và không giới hạn về thời gian đã đăng tải. Đây chính là một nội dung của quyền xóa dữ liệu trong trường hợp thông tin sai sự thật hoặc vi phạm nhân phẩm. Tuy nhiên, quy định về quyền yêu cầu xóa bỏ dữ liệu tại Điều 34 chưa bao phủ trường hợp thông tin đúng sự thật nhưng không còn phù hợp với hoàn cảnh hiện tại (ví dụ: thông tin về tiền án, tiền sự đã được xóa tích, hay hình ảnh quá khứ tiêu cực nay không còn phản ánh bản chất đương thời).

Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015 bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, trong đó, khoản 2 quy định: “Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông

³²⁶ Quốc hội Việt Nam (2015), *Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015*, Hà Nội.

tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác”. Quy định này đã xác lập quyền kiểm soát thông tin cá nhân của mỗi người, bao gồm việc cho phép hay không cho phép lưu giữ, chia sẻ, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng. Theo đó, khi cá nhân đã rút lại sự đồng ý hoặc không còn chấp thuận việc tiếp tục công khai dữ liệu về mình, thì người nắm giữ thông tin có thể bị yêu cầu ngừng xử lý hoặc xóa bỏ - đúng với nguyên tắc chủ động của quyền được quên lãng. Tuy nhiên, quy định này mới đặt ra nguyên tắc chung, thiếu cơ chế thực thi cụ thể về việc yêu cầu xóa thông tin đã từng được công khai hoặc chia sẻ rộng rãi - không ràng buộc trách nhiệm kỹ thuật như: yêu cầu xóa liên kết tìm kiếm, sao lưu dữ liệu...; không quy định thời điểm chấm dứt hiệu lực của “sự đồng ý” hoặc nghĩa vụ xóa dữ liệu khi mục đích xử lý đã kết thúc.

Năm 2023, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân là bước tiến quan trọng trong việc cụ thể hóa quyền của chủ thể dữ liệu. Điều 9 của Nghị định này quy định 11 quyền cụ thể của chủ thể dữ liệu cá nhân, phản ánh rõ xu hướng tiệm cận với chuẩn bảo vệ dữ liệu cá nhân quốc tế, đặc biệt là Quy định Bảo vệ Dữ liệu Chung (GDPR) của EU. Trong số đó, có 5 quyền cấu thành nền tảng của quyền được lãng quên, bao gồm quyền: biết, truy cập, rút lại sự đồng ý, xóa dữ liệu, và phản đối xử lý dữ liệu. *Một là*, quyền của chủ thể dữ liệu được biết về hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của mình (khoản 1 Điều 9). Đây là điều kiện giúp cá nhân nắm được ai đang xử lý dữ liệu gì, với mục đích nào, từ đó mới có cơ sở thực thi các quyền tiếp theo như phản đối, rút lại sự đồng ý, hay yêu cầu xóa. Quyền này là điều kiện cần để chủ thể dữ liệu thực hiện quyền được lãng quên, đặc biệt trong các trường hợp thông tin cá nhân bị xử lý lạng lẽ, không thông báo (ví dụ: dữ liệu bị thu thập tự động qua nền tảng số). *Hai là*,

quyền truy cập và chỉnh sửa dữ liệu (khoản 3 Điều 9). Quyền truy cập là tiền đề để cá nhân phát hiện ra dữ liệu sai lệch, lỗi thời hoặc không còn phù hợp, từ đó có thể yêu cầu chỉnh sửa hoặc xóa bỏ nếu không còn giá trị lưu trữ. *Ba là*, quyền rút lại sự đồng ý của chủ thể dữ liệu (khoản 4 Điều 9) là một trong những căn cứ để yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân. Nếu dữ liệu được xử lý dựa trên sự đồng ý trước đó của người dùng, thì khi người đó rút lại sự đồng ý, mọi hành vi xử lý tiếp theo (bao gồm lưu trữ công khai) sẽ trở nên không còn hợp pháp, làm phát sinh nghĩa vụ xóa. *Bốn là*, quyền xóa hoặc yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân của mình của chủ thể dữ liệu (khoản 5 Điều 9) là cơ sở rõ ràng nhất của quyền được lãng quên. Quyền xóa hoặc xóa dữ liệu bị giới hạn bởi cụm “trừ trường hợp luật có quy định khác”, cho thấy quyền xóa dữ liệu trong pháp luật Việt Nam không mang tính tuyệt đối (có các ngoại lệ như để lợi ích công, tự do ngôn luận, nghĩa vụ pháp lý...). Quy định này thương thích với Quy tắc chung về bảo vệ dữ liệu trong Liên minh Châu Âu. *Năm là*, quyền phản đối xử lý dữ liệu (khoản 8 Điều 9) cho phép chủ thể dữ liệu được phản đối bên kiểm soát dữ liệu cá nhân của mình nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế tiết lộ dữ liệu cá nhân hoặc sử dụng cho mục đích quảng cáo, tiếp thị, trừ trường hợp luật có quy định khác. Tức là điều này cho phép cá nhân phản đối việc tiếp tục xử lý, lưu hành hoặc khai thác dữ liệu cá nhân. Tương tự như quy tắc trong Liên minh Châu Âu, nếu cá nhân phản đối việc xử lý dữ liệu mà không có lợi ích chính đáng vượt trội từ phía bên xử lý, thì dữ liệu đó phải bị xóa.

Như vậy, mặc dù pháp luật Việt Nam chưa chính thức ghi nhận về mặt pháp lý “quyền được lãng quên” nhưng Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã thiết lập hành lang pháp lý bảo vệ những nội dung cụ thể của quyền này và đặt nền móng cho việc phát triển thành một quyền mới trong pháp luật, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số và yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2. VIỆC THỰC THI QUYỀN ĐƯỢC LÃNG QUÊN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ số và toàn cầu hóa dữ liệu, vấn đề bảo vệ quyền riêng tư cá nhân ngày càng trở nên phức tạp và cấp thiết. Sự xuất hiện và dần được thừa nhận của quyền được lãng quên chính là biểu hiện rõ rệt của nhu cầu này. Như một sự phát triển tự nhiên của quyền riêng tư trong thời đại mới, quyền được lãng quên có những thuận lợi đáng kể cho việc bảo đảm thực thi.

2.1. Những thuận lợi cho việc thực thi quyền được lãng quên

Quyền được lãng quên ngày càng hiện thực hóa nhờ sự lan tỏa của các tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nhận thức về quyền được lãng quên đã xuất hiện ngay từ chính thực tiễn áp dụng các tiêu chuẩn về quyền riêng tư trong, cụ thể là từ vụ “Mario Costeja González vs. Google” (2014) - một án lệ tại Tòa án Công lý Châu Âu. Vụ kiện bắt đầu từ việc ông Costeja González phát hiện việc tìm kiếm tên mình trên công cụ Google dẫn tới một thông báo được đăng tải trên báo (*La Vanguardia* - Tây Ban Nha) vào năm 1998 liên quan việc đấu giá một bất động sản để chi trả khoản nợ của ông. Vấn đề là nếu không có công cụ tìm kiếm của Google, bài báo được đăng tải từ năm 1998 về những khó khăn tài chính của ông rõ ràng có thể đã bị phai nhạt, thậm chí bị lãng quên. Vì vậy, ông Costeja González đã đệ đơn lên Cơ quan bảo vệ dữ liệu Tây Ban Nha, yêu cầu can thiệp để Google xóa bỏ kết quả tìm kiếm đó khi ấn lệnh tìm kiếm tên ông ta. Chấp thuận đơn đề nghị của ông Costeja González, Cơ quan bảo vệ dữ liệu Tây Ban Nha đã khởi kiện Google, và Tòa án Tây Ban Nha đã đệ trình vụ việc lên Tòa án Công lý châu Âu nhằm tìm kiếm hướng dẫn về xử lý dữ liệu cá nhân. Tại phán quyết ngày 13/5/2014, Tòa án Công lý Châu Âu nhận định rằng Google (công cụ tìm kiếm) được cho là “xử lý dữ liệu cá nhân” nếu như họ lưu trữ, sắp xếp, chỉ dẫn và cung cấp các thông tin cá nhân cho người dùng internet. Do đó Google phải được xem

như là người kiểm soát dữ liệu và phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Liên minh châu Âu. Tòa xác định rằng cá nhân được quyền yêu cầu gỡ bỏ các liên kết hiển thị kết quả tìm kiếm khi nội dung lỗi thời, không còn phù hợp, không đúng sự thật hoặc không còn quan trọng, dù không vi phạm pháp luật hay do lỗi gốc³²⁷. Với phán quyết này, vụ Mario Costeja González vs. Google trở thành án lệ mang tính khởi nguồn cho quyền được lãng quên trong pháp luật Châu Âu.

Sau vụ Mario Costeja González vs. Google, một bước ngoặt trong sự xuất hiện và lan tỏa mạnh mẽ của các chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân là sự ra đời Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu (GDPR, 2016/679). GDPR được Nghị viện và Hội đồng châu Âu thông qua năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 25/5/2018, thay thế Chỉ thị 95/46/EC. Với phạm vi áp dụng ngoài lãnh thổ, GDPR buộc mọi tổ chức, dù đặt tại hay ngoài EU, phải tuân thủ khi xử lý dữ liệu cá nhân của công dân EU. Đặc biệt, Điều 17 của GDPR chính thức ghi nhận quyền được xóa dữ liệu hay còn gọi là quyền được lãng quên (như đã phân tích ở phần 1 bên trên).

Ảnh hưởng của GDPR vượt ra ngoài phạm vi châu Âu buộc các quốc gia và công ty toàn cầu phải điều chỉnh pháp luật và chính sách quản trị dữ liệu để tránh bị loại khỏi thị trường EU. Điều này đã thúc đẩy hàng loạt cải cách pháp lý trên toàn cầu. Tại Brazil, Lei Geral de Proteção de Dados (LGPD, 2018) được xây dựng với nhiều điểm tương đồng với GDPR, trong đó quy định rõ quyền yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân (Điều 18). Nhật Bản đã nhiều lần sửa đổi Đạo luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân (APPI, ban hành năm 2003, sửa đổi toàn diện 2015, 2020, 2022), bổ sung cơ chế ngừng sử dụng hoặc xóa dữ liệu khi không còn cần thiết hoặc gây tổn hại đến lợi ích hợp pháp của cá nhân. Hàn Quốc, với Đạo luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân (PIPA,

³²⁷ Toàn văn Án lệ đăng tại cơ sở dữ liệu trực tuyến về pháp luật Liên minh Châu Âu, tại trang <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=celex:62012CJ0131>

ban hành năm 2011, sửa đổi 2020-2023), cũng thiết lập quyền của chủ thể dữ liệu được yêu cầu xóa, sửa đổi hoặc hạn chế xử lý, đồng thời nâng cấp Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu cá nhân (PIPC) thành cơ quan độc lập với quyền hạn xử phạt lên tới 3% doanh thu toàn cầu. Như vậy, từ châu Âu đến Mỹ Latinh và châu Á, nhiều hệ thống pháp luật đã nội luật hóa nguyên tắc “quyền được lãng quên” dưới những hình thức khác nhau. Điều này không chỉ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực thi quyền này trong thực tiễn, mà còn góp phần hình thành một khung tham chiếu pháp lý toàn cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, hỗ trợ quá trình cân bằng giữa quyền riêng tư và quyền tiếp cận thông tin trong môi trường Internet xuyên biên giới.

Mặt khác, việc thực thi quyền được lãng quên được thúc đẩy bởi áp lực ngày càng gia tăng đối với các tập đoàn công nghệ toàn cầu - những chủ thể kiểm soát và lưu giữ khối lượng dữ liệu cá nhân khổng lồ. Sau phán quyết Mario Costeja González vs. Google (2014), Google buộc phải thiết lập một cổng trực tuyến (online form) cho phép công dân châu Âu gửi yêu cầu xóa liên kết tìm kiếm liên quan đến dữ liệu cá nhân của họ. Chỉ trong ngày đầu tiên (31/5/2014), Google nhận được hơn 12.000 yêu cầu gỡ bỏ liên kết. Tính đến tháng 1/2024, công ty đã tiếp nhận yêu cầu liên quan đến khoảng 6,1 triệu URL, trong đó gần một nửa được chấp thuận sau khi cân nhắc giữa quyền riêng tư và lợi ích công cộng. Riêng trong năm 2022, Google tiếp nhận khoảng 147.000 yêu cầu, chiếm 96% tổng số yêu cầu RTBF gửi đến Google và Microsoft, với tỷ lệ thực hiện xóa khoảng 56%.³²⁸ Những số liệu này cho thấy áp lực thường trực buộc Google phải cân bằng cẩn trọng giữa quyền riêng tư của cá nhân và quyền tiếp cận thông tin của xã hội.

Không chỉ Google, các nền tảng khác như Facebook (Meta) cũng chịu sức ép phải đưa ra cơ chế bảo vệ dữ liệu tương tự. Dưới tác động của GDPR,

³²⁸ Số liệu thu thập từ các nguồn: 1) Google (2024). Requests to delist content under European privacy law; 2) Microsoft Bing (2022). “Right to be forgotten” Requests; United Nations (2022); 3) World Population Prospects 2022.

Facebook đã triển khai tính năng cho phép người dùng xóa toàn bộ lịch sử tìm kiếm, bài đăng, hình ảnh hoặc thậm chí vô hiệu hóa tài khoản. Ngoài ra, Facebook và các công ty công nghệ lớn khác đều bị ràng buộc nghĩa vụ cung cấp báo cáo minh bạch (transparency reports) về cách họ xử lý yêu cầu xóa dữ liệu và khiếu nại của người dùng, đồng thời phải công khai tỷ lệ thực hiện. Điều này góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và tạo niềm tin nhất định cho người dùng trong việc các quyền liên quan đến dữ liệu cá nhân.

Áp lực thực thi các quyền liên quan đến dữ liệu cá nhân càng gia tăng bởi các chế tài nghiêm khắc của GDPR: mức phạt tối đa có thể lên tới 20 triệu euro hoặc 4% doanh thu toàn cầu hàng năm. Thực tiễn cho thấy các mức phạt này không chỉ mang tính hình thức mà đã được áp dụng ở quy mô rất lớn. Năm 2019, Google bị cơ quan bảo vệ dữ liệu Pháp (CNIL) phạt 50 triệu euro vì thiếu minh bạch trong việc xin và quản lý sự đồng ý của người dùng³²⁹. Năm 2021, Amazon bị Cơ quan bảo vệ dữ liệu Luxembourg (CNPD) xử phạt kỷ lục 746 triệu euro vì vi phạm quy định về quảng cáo và xử lý dữ liệu³³⁰.

Có thể thấy, trong bối cảnh toàn cầu hóa dữ liệu, các tập đoàn công nghệ xuyên quốc gia vừa là trung tâm tập hợp dữ liệu, vừa trở thành đối tượng trọng yếu của pháp luật quốc tế về bảo vệ dữ liệu. Việc buộc họ phải triển khai cơ chế xóa dữ liệu, báo cáo minh bạch và chấp nhận chế tài nghiêm khắc đã tạo ra động lực quan trọng cho việc hiện thực hóa quyền được lãng quên trên thực tế.

2.2. Những khó khăn đối với việc thực thi quyền được lãng quên

Mặc dù khái niệm quyền được lãng quên đã được định hình rõ nét trong Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu nhưng việc thực thi

³²⁹ European Data Protection Board (2019), *CNIL's restricted committee imposes a financial penalty of 50 million euros on Google LLC*, European Data Protection Board, https://www.edpb.europa.eu/news/national-news/2019/cnils-restricted-committee-imposes-financial-penalty-50-million-euros_en

³³⁰ Hunton Andrews Kurth LLP (2021), *Luxembourg DPA fines Amazon €746 million for GDPR violations*, Privacy & Information Security Law Blog, <https://www.hunton.com/privacy-and-information-security-law/luxembourg-dpa-fines-amazon-756-million-euros-for-gdpr-violations>

quyền được lãng quên trong thực tiễn lại đặt ra nhiều thách thức pháp lý, kỹ thuật và đạo đức. Đặc biệt, trong môi trường số xuyên biên giới, quyền này dễ dàng rơi vào xung đột với quyền tự do biểu đạt, quyền tiếp cận thông tin, và nguyên tắc lưu trữ minh bạch - vốn cũng được bảo hộ bởi nhiều công ước quốc tế và hiến pháp các quốc gia.

Thứ nhất, quá trình thực thi quyền được quên lãng dễ vấp phải xung đột giữa quyền riêng tư và quyền tự do biểu đạt (ngôn luận), tiếp cận thông tin. Quyền được quên lãng cho phép cá nhân “xóa đi” những thông tin lỗi thời hoặc gây tổn hại nhân phẩm không cần thiết lại để dẫn đến xung đột với tự do báo chí và quyền tiếp cận thông tin - những trụ cột của xã hội dân chủ. Và trong thực tiễn, nhiều trường hợp quyền tự do riêng tư, quyền được quên lãng phải lùi bước trước các quyền tự do ngôn luận, tiếp cận thông tin. Ngay tại án lệ Mario Costeja González vs. Google, Tòa án Công lý châu Âu cũng đã nhấn mạnh quyền được quên lãng không phải là tuyệt đối, mà phải cân bằng với lợi ích công chúng và tự do ngôn luận. Tại Nhật Bản, năm 2017 Tòa án Tối cao đã bác yêu cầu xóa thông tin án hình sự cũ, khẳng định rằng lợi ích công cộng trong việc duy trì dữ liệu vượt trội hơn quyền riêng tư cá nhân. Vụ việc khởi phát từ một cá nhân ở Nhật Bản, từng bị kết án trong một vụ án hình sự về hành vi tình dục với trẻ vị thành niên. Sau khi đã chấp hành xong án, ông ta yêu cầu Google Nhật Bản xóa bỏ các kết quả tìm kiếm dẫn đến các bài báo trực tuyến mô tả vụ án và danh tính của mình. Người này viện dẫn rằng các thông tin này đã lỗi thời và việc tiếp tục hiển thị chúng gây xâm phạm đời tư, ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống sau tái hòa nhập. Tòa sơ thẩm (Tokyo District Court) - nơi đầu tiên thụ lý vụ việc vào năm 2014) đã bác đơn của nguyên đơn, cho rằng lợi ích công cộng lớn hơn quyền riêng tư trong trường hợp này. Vụ việc tiếp tục được xét xử bởi Tòa phúc thẩm (Saitama District Court) vào năm 2016). Tòa phúc thẩm đưa ra phán quyết ngược lại, yêu cầu Google gỡ bỏ một số kết quả tìm kiếm liên quan đến vụ án, coi quyền riêng tư

là ưu tiên. Tuy nhiên, cuối cùng Tòa án Tối cao Nhật Bản đã bác bỏ phán quyết phúc thẩm, kết luận rằng yêu cầu xóa thông tin không thể chấp nhận với những lập luận sau: Một là, quyền riêng tư của cá nhân phải được cân nhắc với lợi ích công cộng trong việc tiếp cận thông tin; hai là, vì tính chất của vụ việc liên quan đến hành vi phạm tội tình dục với trẻ em - một lĩnh vực nhạy cảm, thông tin này vẫn còn giá trị đối với xã hội trong việc bảo vệ an toàn cộng đồng; ba là, thời gian lưu trữ sau khi bản án hình sự của đương sự được thi hành xong chưa đủ dài để làm mất đi giá trị công cộng của thông tin. Do đó, Tòa án Tối cao Nhật Bản kết luận rằng Google không bắt buộc phải xóa bỏ các kết quả tìm kiếm trong trường hợp này.

Thứ hai, quyền được quên lãng chưa trở thành một tiêu chuẩn phổ quát nên thiếu khả năng thực thi trên quy mô toàn cầu. Trong khi Liên minh châu Âu đi đầu với GDPR thì nhiều khu vực khác vẫn chưa có luật bảo vệ dữ liệu cá nhân toàn diện. Điều này dẫn đến tình trạng bảo vệ không đồng đều, khiến quyền được quên lãng khó trở thành quyền phổ quát. Chẳng hạn như Việt Nam đã ban hành Nghị định 13/2023/NĐ-CP lần đầu tiên quy định rõ “quyền xóa dữ liệu” (Điều 9) nhưng lại chưa có cơ chế thực thi chưa rõ ràng, đặc biệt với dữ liệu do công ty nước ngoài nắm giữ. Không có quy định cụ thể về nghĩa vụ kỹ thuật hoặc chế tài mạnh để buộc doanh nghiệp xuyên biên giới tuân thủ. Nhiều nước Đông Nam Á và Châu Phi mới chỉ dừng ở cấp độ khung pháp lý sơ bộ, chưa có cơ quan chuyên trách dữ liệu cá nhân. Kết quả của khoảng trống pháp lý toàn cầu này là quyền được quên lãng khó áp dụng thực tế ngoài phạm vi Liên minh châu Âu. Án lệ CNIL vs. Google (2019) đã cho thấy tình trạng giới hạn khả năng thực thi này. Nguyên nhân vụ việc tranh chấp xuất phát từ việc Cơ quan bảo vệ dữ liệu Pháp (CNIL) yêu cầu Google xóa bỏ kết quả vi phạm quyền được quên lãng trên toàn bộ các tên miền toàn cầu (google.com, google.fr, google.de...), thay vì chỉ trong EU. Khi Google từ chối, CNIL phạt công ty 100.000 Euro. Tranh chấp được đưa ra trước Tòa

án Công lý châu Âu và Tòa đã kết luận rằng: quyền được quên lãng (theo Điều 17 GDPR) không có hiệu lực toàn cầu, chỉ áp dụng trong phạm vi Liên minh châu Âu, tuy nhiên, Google và các công cụ tìm kiếm phải áp dụng biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn hoặc ít nhất “nghiêm túc ngăn cản” người dùng trong Liên minh châu Âu tiếp cận các liên kết đã bị gỡ³³¹. Tranh chấp này cho thấy quyền được quên lãng mới là quyền có tính lãnh thổ, chưa được áp dụng phổ quát.

Thứ ba, quyền được quên lãng bất khả thi tuyệt đối do thách thức công nghệ. Do đặc điểm của công nghệ số

Ngay cả khi quyền được lãng quên trong trường hợp cụ thể được bảo vệ bởi một phán quyết có hiệu lực pháp luật của cơ quan tư pháp thì việc xóa hoàn toàn dữ liệu vẫn gần như bất khả thi vì: nội dung đã bị sao chép, cache, re-upload, sự tồn tại của nền tảng phi tập trung (blockchain, Web3) khiến dữ liệu đó không thể chỉnh sửa hay xóa bỏ. Ví dụ như: một video bị gỡ khỏi YouTube có thể nhanh chóng xuất hiện lại trên Telegram, Rumble, TikTok... Những công nghệ lưu giữ dữ liệu bất biến, khiến quyền được lãng quên gần như không khả thi về mặt kỹ thuật. Điều này cho thấy quyền được lãng quên cần được xem xét thực tế hơn, không thể kỳ vọng xóa bỏ tuyệt đối, mà nên hướng tới giảm thiểu khả năng lan truyền và thiết lập cơ chế kiểm soát hợp lý.

3. NỘI LUẬT HÓA VÀ THỰC THI QUYỀN ĐƯỢC QUÊN LẮNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

Ở Việt Nam, mặc dù Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP đã tạo nền tảng quan trọng, nhưng khái niệm “quyền được lãng quên” chưa được thừa nhận như một quyền độc lập trong pháp luật Việt Nam. Các quy định hiện hành chủ yếu mới dừng ở việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư hoặc trao cho cá nhân quyền yêu cầu

³³¹ The Guardian (2019), Google wins landmark case on ‘right to be forgotten’. <https://www.theguardian.com/technology/2019/sep/24/google-wins-landmark-case-on-right-to-be-forgotten>

xóa dữ liệu, song thiếu cơ chế kỹ thuật và thủ tục cụ thể để thực thi. Đặc biệt, Việt Nam chưa có hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm của các nền tảng số trong việc gỡ bỏ dữ liệu đã công khai; thiếu cơ quan chuyên trách độc lập về bảo vệ dữ liệu cá nhân, có quyền lực và nguồn lực (tương tự như Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Liên minh châu Âu hoặc Hàn Quốc); chưa có cơ chế chế tài đủ mạnh để buộc các tập đoàn công nghệ xuyên biên giới (Google, Meta, TikTok...) tuân thủ yêu cầu xóa dữ liệu của người dùng tại Việt Nam.

Cũng như vấn đề đặt ra đối với các quốc gia, khu vực trên thế giới, để nội luật hóa quyền được quên lãng, Việt Nam cần giải quyết tốt xung đột giữa quyền riêng tư và lợi ích công cộng. Một trong những khó khăn lớn là dung hòa giữa quyền được lãng quên và quyền tiếp cận thông tin, tự do ngôn luận - vốn được bảo đảm trong Hiến pháp 2013 và nhiều điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong thực tiễn, việc yêu cầu xóa bỏ thông tin cá nhân có thể dẫn đến: nguy cơ hạn chế quyền tiếp cận thông tin chính đáng của công chúng, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến an ninh, phòng chống tội phạm, hoặc thông tin có giá trị cảnh báo xã hội; khả năng lạm dụng quyền được lãng quên để che giấu hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, hoặc sai phạm trong quản trị công.

Điều này đặt ra yêu cầu Việt Nam phải xây dựng các tiêu chí rõ ràng để xác định ưu tiêu trong trường hợp xung đột về lợi ích công cộng với quyền được quên lãng.

Thách thức về khả năng xóa bỏ hoàn toàn dữ liệu trong môi trường số xuyên biên giới càng nghiêm trọng hơn đối với Việt Nam - nơi hiện còn nhiều hạn chế về năng lực kỹ thuật để giám sát, yêu cầu và kiểm chứng việc xóa dữ liệu cũng như cơ chế phối hợp quốc tế nhằm xử lý yêu cầu gỡ bỏ thông tin trên các máy chủ đặt ở nước ngoài. Bên cạnh đó, phần lớn người dân Việt Nam chưa hình thành thói quen yêu cầu hoặc theo dõi việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình.

Tự chung lại, quyền được lãng quên là một bước tiến quan trọng trong bảo vệ quyền riêng tư trong thời đại số, song việc thực thi gặp nhiều rào cản. Thứ nhất, nó xung đột trực tiếp với quyền tự do ngôn luận và báo chí - những quyền phổ quát có nền tảng pháp lý vững chắc, buộc phải có cơ chế cân bằng. Thứ hai, vì chưa được công nhận là một quyền phổ quát nên phạm vi áp dụng quyền được quên lãng chủ yếu mang tính lãnh thổ, thiếu cơ chế thực thi hiệu quả. Cuối cùng, thách thức công nghệ khiến việc “xóa bỏ hoàn toàn” khó khả thi. Do đó, trong nỗ lực ghi nhận quyền được quên lãng, cần định vị nó như một quyền tương đối, vận hành trong bối cảnh đa chiều của pháp luật, công nghệ và xã hội. Chỉ khi đó, quyền được quên lãng mới phát huy được giá trị trong việc bảo vệ nhân phẩm mà không gây tổn hại đến tự do thông tin và các lợi ích quan trọng khác của xã hội.

Đối với Việt Nam, việc tiếp cận và thực thi “quyền được lãng quên” vừa là xu thế tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa dữ liệu, vừa là thách thức lớn về pháp lý, chính trị, công nghệ và xã hội. Để quyền này có thể đi vào thực tiễn, cần tiếp tục: (i) hoàn thiện khung pháp luật theo hướng ghi nhận chính thức quyền được lãng quên; (ii) xây dựng cơ quan chuyên trách dữ liệu cá nhân; (iii) ban hành quy định kỹ thuật cụ thể và cơ chế hợp tác quốc tế; và (iv) nâng cao nhận thức xã hội về bảo vệ dữ liệu cá nhân./.

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC
QUYỀN CON NGƯỜI GIAI ĐOẠN 5 (2025-2029) VÀ GỢI MỞ
ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS Hoàng Thị Giang

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu sắc và những thay đổi nhanh chóng về chính trị, công nghệ và xã hội, giáo dục quyền con người (GDQCN) trở thành nhiệm vụ trọng yếu đối với các quốc gia nhằm phát triển một xã hội dân chủ, nhân văn và bền vững. Trong giai đoạn 2025-2029, GDQCN được đẩy mạnh triển khai với định hướng không chỉ mang lại tri thức nền tảng về quyền con người (QCN) cho người học, mà còn trang bị năng lực thực hành và bảo vệ quyền đó trong thực tiễn, hướng tới sự tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của mọi cá nhân ở cả cấp quốc gia và toàn cầu.

Việt Nam, với tư cách là một thành viên tích cực trong cộng đồng quốc tế, đã cho thấy sự cam kết mạnh mẽ thông qua việc lồng ghép GDQCN vào chương trình giáo dục các cấp, đào tạo cán bộ, phổ biến pháp luật và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới với nhiều thách thức về chuyển đổi số, bất bình đẳng xã hội, biến đổi khí hậu và di cư lao động, việc xây dựng định hướng GDQCN hiệu quả theo tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với điều kiện trong nước trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Bài viết đề xuất các mục tiêu, nguyên tắc, đối tượng và nội dung của GDQCN giai đoạn 2025-2029 ở phạm vi quốc tế dựa trên xu hướng toàn cầu hóa, chuyển đổi số và các khuyến nghị mới của Liên Hợp quốc, UNESCO và các tổ chức quốc tế khác: đồng thời đưa ra những gợi ý cho Việt Nam nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động GDQCN trong thời gian tới.

1. KHÁI QUÁT VỀ CÁC GIAI ĐOẠN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Giáo dục quyền con người đã phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau, phản ánh sự tương tác giữa bối cảnh lịch sử, chính trị và xã hội của từng quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế. Ban đầu, việc giáo dục chủ yếu tập trung vào tuyên truyền pháp lý sau Chiến tranh Thế giới II, hướng tới việc phổ biến các chuẩn mực và công ước quốc tế. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của tư duy nhân quyền, nội dung giáo dục đã chuyển dần từ việc truyền đạt kiến thức đơn thuần sang bồi dưỡng các giá trị, kỹ năng và thái độ phù hợp với thực tiễn. Ở giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục quyền con người còn mở rộng sang lĩnh vực quyền trong không gian số và năng lực công dân số. Quá trình này cho thấy sự chuyển biến từ mô hình giáo dục “vì quyền” sang “thông qua quyền” và “dựa trên quyền”, nhằm hướng tới một xã hội dân chủ, công bằng và bao trùm. Có thể khái quát các giai đoạn giáo dục quyền qua các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1 ((1948 - 1970): Tuyên truyền pháp lý về quyền con người sau Thế chiến II. Giai đoạn đầu tiên này, GDQCN tập trung chủ yếu vào việc phổ biến các văn kiện pháp lý quốc tế, đặc biệt là Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948, nhằm nâng cao nhận thức về quyền và ngăn ngừa tái diễn tội ác chiến tranh. Hoạt động GDQCN lúc này mang tính truyền đạt một chiều, thiên về việc “giáo dục về quyền”, chưa chú trọng đến kỹ năng thực hành và sự tham gia của người học. Đây là nền tảng ban đầu đặt cơ sở pháp lý và tư tưởng cho sự phát triển của GDQCN trong các giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 2 (1970-1990): Mở rộng nội dung giáo dục quyền con người hướng tới giá trị và kỹ năng. Giai đoạn này, GDQCN chuyển từ mô hình truyền đạt pháp lý sang giáo dục vì quyền, nhấn mạnh việc hình thành giá trị, thái độ và kỹ năng liên quan đến quyền con người. Nội dung GDQCN được lồng ghép vào nhà trường và các chương trình đào tạo nghề, gắn với các phong trào dân chủ, bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử. Phương pháp giảng dạy hướng đến sự tham gia tích cực của người học, khuyến khích thảo

luận và phản biện, tạo tiền đề quan trọng cho việc thể chế hóa GDQCN trong giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn 2 (1990 - 2000) ở giai đoạn này, GDQCN được chính thức hóa trong chính sách giáo dục của nhiều quốc gia và tích hợp vào hệ thống giáo dục chính quy, đặc biệt sau Tuyên bố Vienna (1993). Nội dung GDQCN không chỉ dừng ở việc truyền đạt kiến thức mà hướng đến phát triển năng lực phân tích và bảo vệ quyền theo phương pháp tiếp cận dựa trên quyền. Nhiều tổ chức quốc tế như UNESCO, UNICEF và các tổ chức phi chính phủ đã tham gia xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy, đưa GDQCN trở thành một thành tố cấu thành của nền giáo dục hiện đại, thúc đẩy dân chủ và văn hóa pháp quyền.

Giai đoạn 4 (2000 - 2015): Giáo dục quyền con người theo hướng năng lực và thực hành. Trong thời gian này, GDQCN chuyển từ việc truyền đạt kiến thức và giá trị sang phát triển năng lực thực hành quyền và trao quyền cho người học. Dưới tác động của các chương trình toàn cầu như Chương trình Thế giới về GDQCN của Liên Hợp Quốc, nội dung giáo dục được lồng ghép sâu rộng vào nhiều cấp học, nhóm đối tượng và lĩnh vực, theo phương pháp lấy người học làm trung tâm. Đây là thời kỳ GDQCN hướng mạnh tới việc “học để hành động vì quyền”, góp phần thúc đẩy bình đẳng, dân chủ và phát triển bền vững.

2. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI GIAI ĐOẠN 5 (2025-2029)

2.1. Mục tiêu giáo dục quyền con người giai đoạn 5

Thứ nhất, trang bị kiến thức và năng lực về thách thức nhân quyền trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, GDQCN giai đoạn 2025 - 2029 cần ưu tiên trang bị cho người học các tri thức và kỹ năng mới nhằm nhận diện, phân tích và ứng phó hiệu quả với các thách thức nổi lên trong không

gian kỹ thuật số. Theo OECD (2022), các QCN truyền thống như quyền riêng tư, quyền tự do biểu đạt, quyền tiếp cận thông tin, hay quyền bình đẳng đang được “tái định hình” dưới tác động của công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data). OECD nhấn mạnh rằng “khi cuộc sống trực tuyến và ngoại tuyến ngày càng đan xen, các nhà hoạch định chính sách phải cân nhắc cách thức bảo vệ các lợi ích và quyền cá nhân”³³².

Điều này đồng nghĩa với việc người học cần được trang bị hiểu biết về các vấn đề như: bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường mạng; nguy cơ phân biệt đối xử do thuật toán; khoảng cách số giữa các nhóm dân cư; và tác động của AI đến quyền tự quyết và quyền tiếp cận thông tin.

Bên cạnh kiến thức, năng lực tư duy phản biện và hành động công dân số cũng là yếu tố cốt lõi cần được phát triển. Người học phải có khả năng giám sát việc thực thi quyền trong môi trường số, sử dụng công nghệ một cách có đạo đức, và tham gia vào các hoạt động thúc đẩy QCN trên không gian trực tuyến. Như vậy, GDQCN trong giai đoạn này không chỉ giới hạn ở “học về quyền”, mà phải tiến tới “học để thực hành quyền” trong một thế giới số hóa sâu rộng.

Thứ hai, phát triển năng lực tham gia và hành động của công dân trong việc bảo vệ, thúc đẩy và giám sát QCN trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa

Một trong những mục tiêu cốt lõi của GDQCN giai đoạn 2025 - 2029 là tăng cường năng lực tham gia và hành động của công dân, nhằm bảo đảm rằng mỗi cá nhân không chỉ hiểu về QCN mà còn chủ động trở thành một tác nhân tích cực bảo vệ và thúc đẩy quyền đó trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Điều này hoàn toàn phù hợp với tiếp cận “trao quyền” được định nghĩa bởi Liên Hợp Quốc, theo đó GDQCN phải giúp người học “có khả năng thực hiện và yêu cầu thực hiện các quyền của mình, đồng thời tôn trọng và bảo vệ quyền của người khác”³³³.

³³² OECD (2022), Rights in the digital age: Challenges and ways forward, OECD Publishing, tr 7.

³³³ Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2012), Human Rights Education in

Trong môi trường kỹ thuật số, năng lực tham gia của công dân phải được mở rộng từ các hình thức truyền thống (như kiến nghị, đối thoại chính sách, giám sát cộng đồng) sang các phương thức mới như tham gia vận động chính sách trực tuyến, giám sát thực thi quyền trên nền tảng số, phản biện mạng xã hội, hay sử dụng dữ liệu mở để theo dõi các cam kết nhân quyền của chính phủ. Sự chuyển dịch này đòi hỏi GDQCN không chỉ cung cấp kiến thức pháp lý mà còn phải phát triển các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, kỹ năng truyền thông số, đạo đức công dân số và khả năng thực hành quyền trong môi trường đa nền tảng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, người học cũng cần được trang bị kiến thức để hiểu tính liên kết quốc tế của các vấn đề nhân quyền (như quyền dữ liệu, biến đổi khí hậu, di cư), đồng thời tham gia hiệu quả vào mạng lưới QCN xuyên quốc gia. Quá trình này góp phần xây dựng một thể hệ công dân có trách nhiệm, có khả năng phối hợp đa phương và hành động có chiến lược nhằm bảo vệ nhân phẩm con người trong cả không gian vật lý và kỹ thuật số.

Thứ ba, hỗ trợ thiết kế, triển khai và đánh giá chương trình GDQCN có tính bao trùm, thích ứng với nhóm dễ bị tổn thương

Trong giai đoạn chuyển đổi số và toàn cầu hóa, việc thiết kế và triển khai các chương trình GDQCN cần phải bảo đảm nguyên tắc bao trùm, hướng tới các nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, người khuyết tật, người di cư, người lao động trong nền kinh tế số và những người không có khả năng tiếp cận công nghệ. Theo báo cáo của UNESCO (2021), giáo dục có tính bao trùm không chỉ là bảo đảm mọi người đều có cơ hội tiếp cận giáo dục mà còn phải đảm bảo rằng các chương trình đó được điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với nhu cầu, năng lực và bối cảnh của từng nhóm đối tượng³³⁴. Điều này càng

the School Systems of Europe, Central Asia and North America: A Compendium of Good Practice. United Nations tr.11.

³³⁴ UNESCO (2021), *Reimagining our futures together: A new social contract for education*. UNESCO Publishing.

quan trọng hơn trong GDQCN, bởi các nhóm dễ bị tổn thương thường là những người chịu ảnh hưởng nhiều nhất khi QCN bị xâm phạm, đặc biệt trong môi trường số (ví dụ: xâm phạm dữ liệu cá nhân, tấn công mạng, tin giả).

Vì vậy, mục tiêu này nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng các chương trình GDQCN dựa trên đánh giá nhu cầu của từng nhóm, kết hợp phương pháp giáo dục linh hoạt (như học trực tuyến, học kết hợp, giáo dục dựa vào cộng đồng), đồng thời sử dụng công cụ đánh giá đa dạng để đo lường mức độ tiếp nhận và thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người học. Các chương trình này cũng cần tích hợp yếu tố tiếp cận nhân văn và bình đẳng giới, đồng thời gắn với các tiêu chuẩn quốc tế về GDQCN, nhằm bảo đảm quyền học tập và quyền được bảo vệ của mọi đối tượng trong điều kiện thực tế và không gian số.

Thứ tư, kết nối GDQCN với các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt về quyền phát triển, quyền môi trường, quyền thông tin và quyền kỹ thuật số

Trong giai đoạn 2025-2029, một trong những mục tiêu then chốt của giáo dục quyền con người là lồng ghép các chủ đề giáo dục vào tiến trình thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs). Đặc biệt, GDQCN được xác định có vai trò hỗ trợ trực tiếp cho SDG 4.7 - giáo dục công dân toàn cầu và SDG 16 - xây dựng xã hội hòa bình, công bằng, dân chủ và không loại trừ. Theo OHCHR (2023), QCN và phát triển bền vững có mối quan hệ hai chiều: QCN là điều kiện để đạt các mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời phát triển bền vững là con đường để QCN được bảo đảm đầy đủ hơn³³⁵. Trong bối cảnh khủng hoảng môi trường, biến đổi khí hậu, bất bình đẳng số và bùng nổ thông tin, GDQCN cần trang bị cho người học những tri thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên ngành: quyền môi trường, quyền tiếp cận thông tin, quyền

³³⁵ Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights. (2023). *OHCHR and the 2030 Agenda for Sustainable Development*, <https://www.ohchr.org/en/sdgs>

bình đẳng trong sử dụng công nghệ, và quyền hưởng lợi từ phát triển bền vững.

Do đó, GDQCN trong giai đoạn mới phải được thiết kế theo hướng “xuyên ngành”, đưa người học tiếp cận các nội dung liên quan đến công bằng khí hậu, phát triển số bền vững, bảo vệ dữ liệu cá nhân, và quyền tiếp cận thông tin minh bạch. Việc này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức của người học mà còn thúc đẩy họ tham gia vào các hành động cộng đồng, đóng góp vào mục tiêu phát triển quốc gia và quốc tế, từ đó xây dựng một xã hội bền vững, tôn trọng QCN và nhân phẩm con người trong mọi bối cảnh.

2.2. Nguyên tắc giáo dục quyền con người giai đoạn 5

Thứ nhất, nguyên tắc phổ quát và không phân biệt

Giáo dục QCN trong kỷ nguyên số phải tiếp tục dựa trên nguyên tắc phổ quát, vốn khẳng định rằng QCN được bảo đảm cho mọi cá nhân, không phụ thuộc vào chủng tộc, giới tính, tôn giáo, tình trạng kinh tế - xã hội hay khả năng tiếp cận công nghệ. OECD (2022) chỉ rõ rằng trong môi trường số hiện nay, các quyền cơ bản cần được tái khẳng định và mở rộng để bao trùm cả những đối tượng có nguy cơ bị loại trừ do khoảng cách số, chẳng hạn như người già, người khuyết tật hoặc cư dân vùng sâu, vùng xa³³⁶. Do đó, việc tiếp cận công bằng với công nghệ và giáo dục kỹ thuật số là yếu tố quan trọng bảo đảm QCN trong bối cảnh hiện đại.

Tuy nhiên, trong kỷ nguyên kỹ thuật số, nguyên tắc này đứng trước những thách thức mới: OECD (2022) chỉ ra rằng những nhóm dân cư dễ bị tổn thương như người nghèo, người già, người khuyết tật hoặc người sống ở nông thôn thường có ít cơ hội được tiếp cận và làm chủ công nghệ số, từ đó bị hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội giáo dục, việc làm và thậm chí là khả năng tham gia thực thi quyền của mình³³⁷. Như vậy, việc bảo đảm nguyên tắc phổ quát trong GDQCN không chỉ là đảm bảo QCN theo chuẩn mực pháp

³³⁶ OECD (2022), Rights in the digital age: Challenges and ways forward., OECD Publishing.

³³⁷ OECD (2022), Rights in the digital age: Challenges and ways forward, OECD Publishing.

lý, mà còn đòi hỏi phải xóa bỏ những rào cản về công nghệ, nhận thức và điều kiện tiếp cận.

Ngoài ra, nguyên tắc này cũng đặt ra trách nhiệm cho các quốc gia trong việc tích hợp thông tin và kỹ năng số vào GDQCN, đảm bảo các chương trình đào tạo không bỏ sót các nhóm yếu thế và có chính sách hỗ trợ, như cung cấp thiết bị, hướng dẫn sử dụng công nghệ an toàn và phù hợp ngữ cảnh văn hóa - xã hội.

Thứ hai, nguyên tắc thích ứng với bối cảnh số

Nguyên tắc “thích ứng với bối cảnh số” trong GDQCN nhấn mạnh việc điều chỉnh nội dung, phương pháp và mục tiêu giáo dục nhằm phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và không gian mạng. Nguyên tắc này đòi hỏi GDQCN không chỉ tiếp tục truyền tải các giá trị và chuẩn mực nhân quyền truyền thống (như quyền tự do, bình đẳng, nhân phẩm) mà còn phải mở rộng phạm vi để bao quát các quyền mới nổi như quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư số, quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do biểu đạt trực tuyến, và quyền được bảo vệ khỏi phân biệt đối xử thuật toán.

Bên cạnh đó, việc thích ứng với bối cảnh số đòi hỏi GDQCN phải đổi mới cả phương pháp sư phạm, như mô phỏng tình huống qua môi trường ảo, sử dụng các nền tảng học trực tuyến, khai thác nguồn dữ liệu số, và phát triển kỹ năng kỹ thuật số nhằm nâng cao hiệu quả tiếp thu và thực hành nhân quyền. Đây không chỉ là sự thay đổi về nội dung mà còn là một chuyển đổi mang tính cấu trúc và phương pháp, giúp giáo dục nhân quyền bắt nhịp với xu thế toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Thứ ba, nguyên tắc chuyển quyền

Nguyên tắc “chuyển quyền” trong GDQCN nhấn mạnh rằng người học không chỉ được tiếp nhận kiến thức về QCN mà còn được trang bị năng lực, thái độ và hành động để tự bảo vệ quyền của mình và tham gia thực chất vào

việc thúc đẩy, giám sát quyền của người khác. Điều này bao gồm phát triển tư duy phản biện, kỹ năng tự bảo vệ quyền trong môi trường số, khả năng giám sát thực thi QCN, và năng lực tham gia vào đời sống công dân để thúc đẩy công lý, bình đẳng và tôn trọng nhân phẩm.

Nguyên tắc chuyển quyền thể hiện sự chuyển dịch từ cách tiếp cận “giáo dục về quyền con người” sang “giáo dục vì quyền con người”. Theo khung lý thuyết của UNESCO (2020), GDQCN phải hướng tới việc tạo ra một thể hệ công dân “có năng lực hành động”, có khả năng nhận biết các vi phạm, tự bảo vệ quyền của mình và hỗ trợ quyền của cộng đồng xung quanh - đặc biệt trong bối cảnh môi trường số đang thay đổi mạnh mẽ cách con người tương tác và thực thi quyền.³³⁸

Thứ tư, nguyên tắc liên ngành và toàn cầu hóa

Nguyên tắc “liên ngành và toàn cầu hóa” khẳng định rằng giáo dục về QCN cần được xây dựng dựa trên cách tiếp cận liên ngành, trong đó QCN gắn liền với các lĩnh vực như khoa học công nghệ, môi trường, bình đẳng giới, pháp luật, truyền thông và phát triển bền vững. Đồng thời, GDQCN phải được triển khai trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm góp phần xây dựng văn hóa nhân quyền toàn cầu.

Trong giai đoạn 2025-2029, GDQCN cần được triển khai vượt ra ngoài giới hạn của các môn học truyền thống như giáo dục công dân hoặc luật nhân quyền. Thay vào đó, nội dung giáo dục phải được mở rộng và tích hợp với nhiều lĩnh vực khác nhau có ảnh hưởng trực tiếp đến QCN trong bối cảnh đương đại.

Theo Liên Hợp Quốc (2015), khi GDQCN được liên kết với các lĩnh vực liên ngành, đặc biệt trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), nó sẽ góp phần định hình thể hệ công dân toàn cầu có khả năng đối

³³⁸ UNESCO (2020), Human rights education strategy 2020-2025, UNESCO Publishing.

mặt với các vấn đề phức tạp như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng giới, hoặc phân biệt đối xử từ thuật toán³³⁹. Nguyên tắc liên ngành và toàn cầu hóa thúc đẩy các cơ sở giáo dục tăng cường hợp tác quốc tế, thông qua các mạng lưới nghiên cứu, hội nghị học thuật, chương trình trao đổi sinh viên và các sáng kiến giáo dục toàn cầu về nhân quyền. Cách tiếp cận này không chỉ giúp cập nhật tri thức và phương pháp giáo dục hiện đại, mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách về năng lực GDQCN giữa các quốc gia, làm phong phú môi trường học tập và chia sẻ giá trị nhân quyền trên phạm vi toàn thế giới.

2.3. Đối tượng giáo dục quyền con người giai đoạn 5

Trong giai đoạn 2025-2029, trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa cần xác định rõ các nhóm đối tượng GDQCN trọng tâm nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận bình đẳng, phát triển năng lực và thúc đẩy hành động thực tiễn phù hợp với đặc thù của từng nhóm. Dựa trên các khuyến nghị quốc tế của UNESCO (2020), OHCHR (2023)³⁴⁰ và mục tiêu phát triển bền vững (SDG 4.7), có thể xác định các nhóm đối tượng chính của GDQCN như sau:³⁴¹

Một là, học sinh trung học phổ thông và sinh viên đại học. Đây là lực lượng công dân trẻ, dễ tiếp cận công nghệ, có tiềm năng trở thành công dân số tích cực. GDQCN cần tập trung vào việc trang bị kiến thức và kỹ năng nhận diện quyền con người trong môi trường số, đặc biệt đối với sinh viên thuộc các ngành công nghệ thông tin, truyền thông, luật, chính sách công và giáo dục công dân số. Việc đào tạo này không chỉ góp phần hình thành tư duy phản biện và nhận thức về nhân quyền mà còn phát triển năng lực hành động, tham gia xây dựng môi trường kỹ thuật số an toàn, tôn trọng nhân phẩm và quyền cá nhân.

³³⁹ United Nations (2015), Transforming our world: The 2030 agenda for sustainable development, United Nations.

³⁴⁰ UNESCO (2020), Human Rights Education Strategy 2020-2025. UNESCO Publishing; Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights. (2023). Human Rights in the Digital Space, United Nations

³⁴¹ UNESCO (2020), Human Rights Education Strategy 2020-2025, UNESCO Publishing; Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2023), Human Rights in the Digital Space, United Nations.

Hai là, viên chức ngành giáo dục và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Nhóm này bao gồm giáo viên, giảng viên, chuyên gia giáo dục và cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là những người làm việc trong lĩnh vực chuyển đổi số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, pháp chế và công nghệ thông tin. Họ đóng vai trò trực tiếp trong việc thiết kế và triển khai chính sách GDQCN, vì vậy cần được bồi dưỡng chuyên môn về nội dung nhân quyền trong môi trường số, phương pháp sư phạm hiện đại và kỹ năng giáo dục hướng đến trao quyền công dân số.

Ba là, nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương trong môi trường số. Bao gồm người khuyết tật, người di cư, người lao động kỹ thuật số, người dân vùng sâu, vùng xa có hạn chế về hạ tầng công nghệ, cũng như trẻ em và thanh thiếu niên sử dụng mạng xã hội. Đây là nhóm dễ bị loại trừ kỹ thuật số và dễ chịu tác động tiêu cực từ vi phạm quyền trên không gian mạng. Do đó, GDQCN cần triển khai nội dung phù hợp với khả năng tiếp cận của họ, có chính sách hỗ trợ về công nghệ và phương thức học tập linh hoạt, bảo đảm “không bỏ ai lại phía sau”.

Bốn là, cộng đồng mạng, tổ chức xã hội và dân sự. GDQCN trong thời đại số không chỉ là trách nhiệm của hệ thống giáo dục chính quy mà còn là hoạt động đòi hỏi sự tham gia của toàn xã hội. Các tổ chức xã hội, doanh nghiệp công nghệ, hiệp hội nghề nghiệp, truyền thông và cộng đồng mạng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhận thức cộng đồng, lan tỏa giá trị nhân quyền và giám sát thực thi quyền trong các hoạt động số.

2.4. Đề xuất nội dung chính giáo dục quyền con người giai đoạn 5

2.4.1. Giáo dục quyền con người trong không gian số

Quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin cá nhân: Trong môi trường số hóa, dữ liệu cá nhân ngày càng được thu thập, xử lý và lưu trữ với quy mô lớn. Theo OECD (2022), nhấn mạnh rằng quyền riêng tư không chỉ là một quyền truyền thống mà còn cần được bảo vệ đặc biệt trong

kỷ nguyên số, bởi việc vi phạm dữ liệu cá nhân có thể ảnh hưởng tới nhân phẩm, quyền tự quyết và nhiều quyền khác.³⁴²

Quyền truy cập công nghệ, thông tin, internet - và bài toán “khoảng cách số”: Việc đảm bảo QCN trong môi trường số không đơn thuần là bảo vệ dữ liệu hay quyền tự do biểu đạt, mà còn là đảm bảo mọi cá nhân có cơ hội tiếp cận công nghệ và thông tin. Việc không tiếp cận được hoặc bị hạn chế trong việc sử dụng công nghệ sẽ tạo ra “khoảng cách số” - dẫn tới tình trạng bất bình đẳng trong việc thực thi QCN.

Quyền biểu đạt, quyền lập hội trực tuyến, quyền tham gia dân sự số: Môi trường số mở ra cửa cho quyền tự do biểu đạt và quyền hội họp/ lập hội trực tuyến - tuy nhiên nó cũng đặt ra thách thức mới về kiểm duyệt, giám sát, an ninh mạng và quyền được bảo vệ khỏi vi phạm trong môi trường ảo. Theo OECD (2022) và các phân tích của OHCHR, dưới tác động của công nghệ số, quyền biểu đạt và quyền tham gia dân sự cần được bảo đảm trong cả môi trường thực và số.³⁴³

2.4.2. Tích hợp quyền con người trong chuyển đổi số giáo dục

Trong bối cảnh giáo dục đang chuyển đổi mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ số, việc tích hợp nội dung quyền con người trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm hình thành thể hệ công dân số có nhận thức đúng đắn, kỹ năng phù hợp và tinh thần tôn trọng phẩm giá con người, như:

Một là, lồng ghép nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục các cấp. Tích hợp giáo dục quyền con người không chỉ thực hiện trong các môn học liên quan trực tiếp như Giáo dục công dân, mà còn được lồng ghép xuyên suốt trong các môn học khác như Công nghệ thông tin và Đạo đức số. Cách tiếp cận này mang lại tính liên ngành, giúp người học: Hiểu rõ về các giá trị quyền con người trong môi trường vật lý và môi trường số; Nhận thức

³⁴² OECD (2022), *Rights in the digital age: Challenges and ways forward*, OECD Publishing.

³⁴³ OECD (2022), *Rights in the digital age: Challenges and ways forward*, OECD Publishing.

về mối quan hệ giữa công nghệ, dữ liệu và quyền con người như quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin, và quyền an toàn trên mạng; từ đó phát triển năng lực bảo vệ bản thân và người khác trước nguy cơ xâm phạm quyền con người trong không gian mạng (như bạo lực mạng, lạm dụng dữ liệu cá nhân).

Hai là, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy quyền con người. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ thay đổi phương pháp dạy học mà còn mở ra cơ hội mới để truyền tải các giá trị quyền con người một cách sinh động và đa dạng. Sử dụng video, mô phỏng tình huống giúp minh họa các hành vi tôn trọng hoặc vi phạm QCN trong đời sống số. Đây là phương pháp trực quan, dễ tiếp cận, đặc biệt hiệu quả đối với người học; Tận dụng các nền tảng giáo dục trực tuyến, mạng xã hội học tập, tạo diễn đàn thảo luận, trao đổi quan điểm, từ đó phát triển năng lực tư duy phản biện, khả năng đối thoại và hợp tác trong không gian số.

2.4.3. Bảo đảm quyền tiếp cận công nghệ và không gian số

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, “quyền được tiếp cận” đang dần được ghi nhận như một phần cấu thành thiết yếu của quyền con người. Khái niệm này không chỉ dừng lại ở việc tiếp cận Internet như một tiện ích công cộng, mà còn bao hàm việc sử dụng công nghệ thông tin an toàn, có năng lực và bình đẳng trong môi trường số.

Một là, quyền truy cập Internet và thông tin số như một QCN thiết yếu. Liên Hợp Quốc đã nhiều lần nhấn mạnh rằng việc tiếp cận Internet đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi các quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền giáo dục, quyền làm việc và tham gia xã hội³⁴⁴. Vì vậy, quyền được kết nối không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn mang tính chính trị và nhân văn, nhằm bảo đảm mọi người có thể tham gia bình đẳng vào đời sống công dân trong thời đại số.

³⁴⁴ United Nations General Assembly (2020), *The right to privacy in the digital age: Report of the Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (A/HRC/45/43)*, Geneva: UNHCHR.

Hai là, thu hẹp “khoảng cách số” nhằm bảo đảm công bằng xã hội. “Khoảng cách số” chỉ sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin giữa các nhóm người khác nhau, thường biểu hiện rõ giữa: thành thị và nông thôn; Người giàu và người nghèo; Người có trình độ học vấn cao và nhóm yếu thế; Người không có thiết bị, kỹ năng hoặc cơ sở hạ tầng kết nối.

Việc thu hẹp khoảng cách số là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người trong thời đại số. Theo UNESCO chính sách giáo dục, y tế và an sinh xã hội kỹ thuật số sẽ không đạt hiệu quả nếu người dân không có điều kiện truy cập công nghệ.³⁴⁵

2.4.4. Phát triển kỹ năng tư duy phản biện và phòng chống thao túng thông tin

Trong bối cảnh thông tin ngày càng đa dạng và khó kiểm soát, đặc biệt trên các nền tảng số, năng lực tư duy phản biện và khả năng phòng chống thao túng thông tin trở thành một trong những kỹ năng cốt lõi để bảo đảm QCN, đặc biệt là quyền được tiếp cận thông tin trung thực và quyền tự do biểu đạt, do vậy, cần:

Thứ nhất, giáo dục kỹ năng nhận biết tin giả và thông tin độc hại. Việc phát triển năng lực nhận diện và phản biện “tin giả”, “thông tin sai lệch” và “thông tin độc hại” là một phần quan trọng của GDQCN trong kỷ nguyên số. Điều này không chỉ giúp người học tránh bị lừa dối, thao túng truyền thông mà còn góp phần xây dựng môi trường thông tin lành mạnh, minh bạch. Giáo dục về nhận diện tin giả cần tập trung vào: Hiểu cách thức tin giả được lan truyền trên mạng; Kỹ thuật phân tích nguồn và kiểm chứng thông tin; Nhận diện nội dung mang tính giật gân, kích động, phân biệt đối xử.

Thứ hai, tăng cường kỹ năng tự bảo vệ trong không gian mạng. Bên

³⁴⁵ Unesco (2021), Reimagining our futures together: a new social contract for education, paris: unesco publishing.

cạnh việc nhận biết thông tin sai lệch, người học cần được trang bị các kỹ năng tự bảo vệ khỏi rủi ro an ninh mạng và xâm phạm quyền cá nhân trực tuyến, như: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trên mạng; Nhận diện hành vi lừa đảo trực tuyến; Ứng xử an toàn trong môi trường mạng xã hội và biết cách xử lý nội dung vi phạm quyền con người (bạo lực mạng, kỳ thị, xúc phạm).

3. GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM TRONG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Trong xu thế toàn cầu hóa và chuyển đổi số, giai đoạn 5 của GDQCN (tập trung vào môi trường số và năng lực công dân số) mang lại nhiều kinh nghiệm có giá trị cho Việt Nam. Giáo dục QCN trong giai đoạn này mang đến những bài học quan trọng cho Việt Nam trong quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thông qua các nội dung về mục tiêu, nguyên tắc, đối tượng và nội dung GDQCN giai đoạn 5, có thể rút ra một số giá trị tham khảo cho Việt Nam trong việc GDQCN, như:

Thứ nhất, cần nhìn nhận quyền con người trong kỷ nguyên số như một xu hướng tất yếu của sự phát triển xã hội hiện đại. Trong bối cảnh các công nghệ số, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) đang định hình lại mọi lĩnh vực đời sống, phạm vi và nội hàm của quyền con người cũng không ngừng được mở rộng và tái định nghĩa. Các quyền mới phát sinh, như quyền được kết nối Internet, quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân, hay quyền an ninh số - không chỉ đơn thuần là sự mở rộng của quyền tiếp cận thông tin hay quyền riêng tư, mà đã trở thành những quyền thiết yếu, gắn liền với năng lực tham gia xã hội, học tập, lao động và tự thể hiện bản thân trong không gian số.

Trong lĩnh vực giáo dục, giá trị tham khảo cho Việt Nam là cần sớm tích hợp các khía cạnh của QCN kỷ nguyên số vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học. Không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức pháp lý hay chuẩn mực đạo đức truyền thống, giáo dục nhân quyền trong thời đại số cần trang bị cho người học khả năng hiểu, thực hành và tự bảo vệ quyền của mình trước các nguy cơ xâm phạm số, đồng thời tôn trọng quyền của người khác trong môi trường số.

Việt Nam hoàn toàn có thể tiếp cận theo hướng *hiện đại hóa GDQCN* bằng cách lồng ghép nội dung quyền số vào môn học trong chương trình đào tạo. Việt Nam cần nhìn nhận QCN trong kỷ nguyên số là một xu hướng tất yếu; trong đó, các quyền mới phát sinh như quyền được kết nối Internet, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, và quyền an ninh số cần được xem là thành tố hợp thời trong hệ thống quyền con người và được đưa vào nội dung giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, cũng như các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác.

Thứ hai, kinh nghiệm quốc tế cho thấy GDQCN chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được triển khai theo hướng liên ngành, thay vì giảng dạy như một môn học biệt lập. Cách tiếp cận liên ngành không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực giảng dạy, mà còn tạo ra tính kết nối và bền vững trong nhận thức, thái độ và hành vi của người học. Tại các quốc gia như Hàn Quốc, Canada hay Hà Lan, GDQCN được lồng ghép có hệ thống và xuyên suốt trong các môn học như Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Giáo dục truyền thông, Lịch sử - Xã hội hoặc Khoa học dữ liệu, thay vì tách rời thành một nội dung độc lập. Đây là cách làm giúp người học nhận diện quyền trong nhiều bối cảnh cụ thể, từ đời sống pháp lý truyền thống đến các môi trường mới như mạng xã hội, không gian ảo hay các tình huống tương tác số.

Thứ ba, một yêu cầu quan trọng khác trong GDQCN giai đoạn hiện nay là phát triển năng lực công dân số cho người học. Việc này không chỉ dừng lại ở việc giúp người học nhận thức đúng về các quyền của mình trong môi

trường số, mà còn trang bị khả năng thực hành quyền đó một cách an toàn, hợp pháp và có trách nhiệm. Trọng tâm của năng lực công dân số bao gồm tư duy phản biện thông tin để nhận diện và đánh giá thông tin sai lệch; kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân trước nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư; và năng lực tương tác có đạo đức, phi bạo lực trên mạng xã hội. Đây là cơ sở để xây dựng một thể hệ công dân có tư duy độc lập, có trách nhiệm xã hội, đồng thời góp phần tạo dựng môi trường số lành mạnh, tôn trọng QCN và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Thứ tư, GDQCN trong bối cảnh số hóa đặt ra yêu cầu đặc biệt về bảo đảm công bằng, nhằm tránh tình trạng bất bình đẳng gia tăng do chênh lệch về khả năng tiếp cận công nghệ. “Không để ai bị bỏ lại phía sau” không chỉ là khẩu hiệu mang tính nhân văn, mà là một nguyên tắc cốt lõi của GDQCN trong thời đại số, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội số. Thực tế cho thấy, sự tồn tại của “khoảng cách số” giữa các nhóm dân cư -đặc biệt là giữa thành thị và nông thôn, giữa người có điều kiện tiếp cận công nghệ và nhóm yếu thế (người nghèo, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, người cao tuổi) - đang cản trở khả năng tiếp cận tri thức, tham gia xã hội, cũng như thực thi QCN trong môi trường trực tuyến.

Để không còn “khoảng cách số”, đòi hỏi Việt Nam phải thiết kế các chương trình giáo dục và chính sách hỗ trợ nhằm xóa bỏ rào cản công nghệ, nâng cao nhận thức và bảo đảm điều kiện tiếp cận công bằng cho mọi đối tượng người học, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương. Điều này có thể thông qua đầu tư hạ tầng số ở vùng khó khăn, cung cấp thiết bị hỗ trợ học tập, tổ chức các khóa đào tạo năng lực số phù hợp với từng nhóm lứa tuổi và hoàn cảnh, đồng thời xây dựng các chương trình học liệu mở, miễn phí để mọi người đều có thể tiếp cận.

Ngoài ra, đây cũng là thách thức. Thách thức ở đây nằm ở việc thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm điều kiện tiếp cận công nghệ giữa các vùng miền, các

nhóm thu nhập hoặc các nhóm dễ bị tổn thương. Song song đó, cơ hội mang lại cũng vô cùng lớn: nếu được triển khai đúng hướng, Việt Nam có thể xây dựng một xã hội mà trong đó *mỗi công dân không chỉ là người thụ hưởng mà còn là chủ thể tích cực của chuyển đổi số*, thông qua việc sở hữu kỹ năng số, tư duy phản biện, và ý thức bảo vệ quyền con người trong môi trường trực tuyến.

Thứ năm, tăng cường năng lực cho đội ngũ giáo viên và giảng viên. Một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng GDQCN tại Việt Nam là tăng cường năng lực cho đội ngũ giáo viên và giảng viên - những người trực tiếp triển khai nội dung giáo dục nhân quyền trong nhà trường. Việc xây dựng các chương trình bồi dưỡng dài hạn về nhân quyền, đạo đức số, an ninh mạng và phương pháp sư phạm tích cực là cần thiết để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với yêu cầu của thời đại số. Đồng thời, Việt Nam cần mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO, UNICEF và UNDP nhằm triển khai các khóa đào tạo, cấp học bổng và hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục nhân quyền. Song song với đó, việc hình thành và phát triển cộng đồng thực hành giáo dục nhân quyền sẽ tạo ra diễn đàn kết nối giữa giáo viên, nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động xã hội, góp phần lan tỏa tri thức và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động giáo dục.

Thứ sáu, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và đổi mới giáo dục. Để nâng cao hiệu quả GDQCN trong bối cảnh chuyển đổi số, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thúc đẩy đổi mới giáo dục. Trước hết, việc tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO, OHCHR, ASEAN và Liên minh Châu Âu (EU) sẽ giúp Việt Nam tiếp cận nguồn tri thức và kinh nghiệm đa dạng về GDQCN. Đồng thời, Việt Nam nên tích cực tham gia các chương trình khảo sát, đánh giá định kỳ theo Khung đánh giá SDG 4.7 và phối hợp thực hiện báo cáo quốc gia về quyền con người, nhằm bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, đổi mới phương pháp GDQCN là cần thiết, đặc biệt là thử nghiệm các hình thức giáo dục sáng tạo như trò chơi mô phỏng,

thực tế ảo - tăng cường (VR/AR) hay mô phỏng tình huống pháp lý. Những phương pháp này không chỉ nâng cao tính tương tác mà còn giúp người học phát triển năng lực vận dụng quyền trong thực tiễn, phù hợp với yêu cầu đào tạo công dân trong xã hội số.

4. KẾT LUẬN

Giai đoạn 5 của GDQCN (2025-2029) đánh dấu bước chuyển quan trọng trong việc gắn kết giáo dục với bối cảnh chuyển đổi số và các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs). Trong giai đoạn này, mục tiêu trọng tâm của giáo dục quyền là phát triển năng lực công dân số có trách nhiệm, biết bảo vệ và thực thi quyền trong không gian thực và trực tuyến. Các nguyên tắc cơ bản bao gồm: Nguyên tắc phổ quát và không phân biệt; nguyên tắc thích ứng với bối cảnh số; nguyên tắc chuyển quyền; nguyên tắc liên ngành và toàn cầu hóa. Đối tượng giáo dục không chỉ dừng lại ở học sinh, sinh viên mà còn mở rộng đến giáo viên, cán bộ công quyền và các nhóm dễ bị tổn thương. Nội dung giáo dục được mở rộng sang quyền số, quyền dữ liệu cá nhân, quyền sinh thái và kỹ năng an ninh mạng. Những kinh nghiệm quốc tế từ giai đoạn này có giá trị tham khảo quan trọng đối với Việt Nam, đặc biệt trong việc xây dựng chính sách tích hợp GDQCN vào chương trình giáo dục số, phát triển học liệu mở, bồi dưỡng năng lực giáo viên và bảo đảm công bằng số. Đây là cơ sở để Việt Nam hướng tới một hệ thống giáo dục nhân quyền hiện đại, bao trùm và phù hợp với tầm nhìn phát triển con người toàn diện trong xã hội số đến năm 2030-2045./.

Tài liệu tham khảo

1. High Commissioner for Human Rights (2023), *Human Rights in the Digital Space*, United Nations.
 2. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2012), *Human Rights Education in the School Systems of Europe, Central Asia and North America: A Compendium of Good Practice*, United Nations
- tr.11

3. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2023), OHCHR and the 2030 Agenda for Sustainable Development.
4. OECD (2022), *Rights in the digital age: Challenges and ways forward*, OECD Publishing.
5. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2023), OHCHR and the 2030 Agenda for Sustainable Development.
6. UNESCO (2021), *Reimagining our futures together: A new social contract for education*, UNESCO Publishing.
7. United Nations (2015), *Transforming our world: The 2030 agenda for sustainable development*, United Nations.
8. UNESCO (2020), *Human Rights Education Strategy 2020-2025*, UNESCO Publishing, Office of the United Nations
9. United Nations General Assembly (2020), *The right to privacy in the digital age: Report of the Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights* (A/HRC/45/43) Geneva: UNHCHR.

NHỮNG THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC **QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ HIỆN NAY**

PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa

***Giảng viên cao cấp, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh***

1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Giáo dục nói chung và giáo dục quyền con người nói riêng là quá trình góp phần kiến tạo tri thức, kỹ năng mang tính chuẩn mực, khoa học và thực tiễn nhằm thay đổi hành vi, thói quen theo hướng tích cực, phát huy tính sáng tạo, năng lực vốn có của mỗi cá nhân và nhóm xã hội, nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách, năng lực và hành vi của mỗi người và văn hoá xã hội, qua đó góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Giáo dục quyền con người không chỉ là việc cụ thể hoá chủ trương quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, mà còn là việc thực hiện các quyền con người cơ bản (quyền được giáo dục về quyền con người/ The Right to Education on Human Rights). Xét cho cùng, mục tiêu của giáo dục quyền con người tập trung vào nhận thức, cảm xúc và hành vi, nhằm giúp người thụ hưởng phát triển thái độ tích cực, nhất quán đối với quyền con người. Cụ thể, về nhận thức: Hiểu được các sự kiện, khái niệm cơ bản, giá trị và các kiến thức liên quan khác về quyền con người. Về tình cảm: Phát triển niềm tin giá trị của bản thân vào quyền con người và tăng cường cảm xúc tích cực cũng như đánh giá về quyền con người. Về hành vi: Rèn luyện các hành vi tôn trọng quyền con người và động lực tham gia thực hành quyền con người. Tuy nhiên, để đạt được những mục tiêu đó trong kỷ nguyên số, công tác giáo dục quyền con người không thể duy trì cách tiếp

cận truyền thống, vốn thiên về truyền đạt lý thuyết và tư liệu văn bản. Báo cáo Global Citizenship Education in a Digital Age của UNESCO (2024) chỉ rõ rằng: Trong bối cảnh công nghệ đã làm thay đổi phương thức con người giao tiếp, học tập và tham gia xã hội, giáo dục quyền con người cần đổi mới mạnh mẽ cả nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức³⁴⁶. Trong bối cảnh cuộc chuyển đổi số đang trở thành xu hướng mạnh mẽ, công tác giáo dục quyền con người đang đứng trước những yêu cầu mới cả về nội dung, phương pháp và định hướng giá trị. Giáo dục quyền con người không còn chỉ giới hạn trong việc truyền thụ kiến thức pháp lý hay đạo đức công dân, mà phải mở rộng sang không gian số.

Trước hết, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số phải tái định nghĩa phạm vi và nội dung để phản ánh sự mở rộng của quyền con người vào môi trường kỹ thuật số. Báo cáo của Văn phòng Cao ủy quyền con người Liên Hợp quốc nhấn mạnh rằng các quyền được công nhận trong thế giới thực như quyền riêng tư, quyền tự do ngôn luận hay quyền được tham gia đời sống xã hội đều phải “được bảo đảm và thực hiện tương tự trong không gian trực tuyến”³⁴⁷. Điều này đòi hỏi hệ thống giáo dục phải giúp người học hiểu rõ những quyền và nghĩa vụ phát sinh trong thế giới dữ liệu, đồng thời phát triển năng lực nhận biết rủi ro của công nghệ đối với quyền con người.

Thứ hai, công tác giáo dục quyền con người song song với việc giáo dục kiến thức sang “bồi dưỡng năng lực đạo đức số” như Tài liệu hướng dẫn chính thức dành cho giáo viên và nhà hoạch định chính sách giáo dục của Unesco yêu cầu: “Giáo dục công dân toàn cầu trong thời đại kỹ thuật số phải trang bị cho người học các năng lực phản biện, tư duy đạo đức và kỹ năng ứng xử có trách nhiệm trong không gian mạng”³⁴⁸.

Năng lực đạo đức số (digital ethics competence) không chỉ là khả năng

346. UNESCO (2024), *Global Citizenship Education in a Digital Age*, p.9-11.

347. UNHRC (2010), *The impact, opportunities and challenges of new and emerging digital technologies for the promotion and protection of human rights* (A/HRC/47/52), p.5.

348. UNESCO (2024), *Global Citizenship Education in a Digital Age*, p.10.

tuân thủ quy tắc, mà là khả năng phán đoán và lựa chọn hành động đúng đắn trước các tình huống đạo đức mới trong thời đại công nghệ số từ việc sử dụng dữ liệu cá nhân đến phát ngôn trên mạng xã hội.

Thứ ba, giáo dục quyền con người hiện nay phải tích hợp công nghệ số để thay đổi phương pháp để mô phỏng thực tế và khuyến khích tương tác nhằm xây dựng hành vi chuẩn mực. Trong Cẩm nang chính thức về giáo dục quyền con người trong môi trường kỹ thuật số của Tổ chức ân xá quốc tế khẳng định: “Giáo dục quyền con người trong môi trường kỹ thuật số có hiệu quả cao nhất khi được thiết kế như một quá trình tương tác, trong đó người học thực hành quyền của mình thông qua các hoạt động trực tuyến”³⁴⁹. Việc sử dụng công nghệ trong giáo dục quyền con người không chỉ giúp người học hiểu rõ rủi ro của môi trường số, mà còn trải nghiệm cách bảo vệ quyền của mình bằng công cụ số như kỹ năng an toàn mạng, kiểm chứng thông tin, và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thứ tư, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số phải được đặt trong chiến lược quốc gia về chuyển đổi số và phát triển bền vững. Báo cáo Our Common Agenda của Liên Hợp quốc (Guterres, 2021) nhấn mạnh: “Tương lai kỹ thuật số phải là tương lai của nhân phẩm, quyền và cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người” (tr.38). Vì vậy, công tác giáo dục quyền con người cần gắn với các chính sách phát triển con người toàn diện, đảm bảo mọi công dân - đặc biệt là nhóm yếu thế - được tiếp cận bình đẳng với tri thức, công nghệ và không gian số.

Cuối cùng, giáo dục quyền con người trong thời đại kỹ thuật số đòi hỏi cơ chế hợp tác đa chủ thể - giữa nhà nước, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức xã hội dân sự và các cơ sở đào tạo. Báo cáo 47/52 (UNHRC, 2021) chỉ rõ: “Việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong bối cảnh kỹ thuật số là trách nhiệm chung của tất cả các bên liên quan” (tr.16). Do đó, các chương trình

³⁴⁹ Amnesty International (2023), *Digital human rights education toolkit*, p.6

đào tạo phải được thiết kế theo hướng mở, khuyến khích sự tham gia và chia sẻ giữa các lĩnh vực - từ luật học, công nghệ thông tin đến đạo đức học.

2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

2.1. Quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật Nhà nước ta về giáo dục pháp luật quyền con người trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam bước vào kỷ nguyên số với định hướng trở thành quốc gia số, xã hội số và công dân số. Trong bối cảnh ấy, giáo dục quyền con người không chỉ còn là nội dung học thuật thuần túy, mà trở thành công cụ trung tâm để hình thành công dân số có tri thức pháp quyền, có trách nhiệm và ý thức về phẩm giá con người trong kỷ nguyên số.

Thời gian qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có bước phát triển về tư duy, nhận thức đối với quyền con người nói chung và công tác giáo dục quyền con người nói riêng. Nhận thức giáo dục quyền con người là nền tảng cho việc tôn trọng và bảo vệ nhân quyền, Đảng đã lồng ghép nội dung này trong các văn bản quan trọng. Điển hình, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nhấn mạnh nhiệm vụ: “*Đưa nội dung phù hợp về Hiến pháp và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống giáo dục quốc dân*” và “*... nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân*”³⁵⁰.

Cùng với hàng loạt các quyết sách chiến lược của Đảng ta được ban hành kịp thời trong thời gian qua, là sự bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính

³⁵⁰ Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW, về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, tr.45.

sách và luật pháp có liên quan nhằm tạo ra những xung lực mới cho sự phát triển đất nước, tăng cường phân quyền, trao quyền và thụ hưởng quyền cho tất cả các chủ thể, đặc biệt là người dân và doanh nghiệp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp đại đoàn kết toàn dân, sức sáng tạo và nguồn lực dồi dào của xã hội nhằm đạt được mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, “là quốc gia hùng cường, thịnh vượng, hạnh phúc”³⁵¹. Các quyết sách chiến lược của Đảng ta đã và đang đặt ra yêu cầu mới cho đội ngũ cán bộ thực thi, tổ chức thực hiện, đòi hỏi cần có sự đột phá về tư duy, cách làm và nâng cao hiệu quả, hiệu lực, năng suất và thực chất... Bao gồm các Nghị quyết của Bộ chính trị, như: Nghị quyết 57 về đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ), Nghị quyết 59 về tăng cường hội nhập quốc tế, Nghị quyết 66 về hoàn thiện thể chế, Nghị quyết 71 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đang đặt ra những cơ hội và yêu cầu mới cho phát triển bứt phá đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc nói chung và công tác giáo dục, đào tạo nói riêng (trong đó có vấn đề giáo dục quyền con người)³⁵².

Giáo dục quyền con người tức là giáo dục hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi và thực tiễn tôn trọng, bảo đảm và thực hiện các quyền con người cho tất cả mọi người được quy định trong các Nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước ta. Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định tầm nhìn đến năm 2045: “*Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước; nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ*

³⁵¹ Toàn văn phát biểu của Tổng bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9, tại trang <https://nhandan.vn/video-toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-le-ky-niem-80-nam-cach-mang-thang-tam-thanh-cong-va-quoc-khanh-29-post905431.html>.

³⁵² Toàn văn phát biểu của Tổng bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc triển khai 4 Nghị quyết Bộ Chính trị, tại trang <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-hoi-nghi-toan-quoc-quan-triet-trien-khai-thuc-hien-4-nghi-quet-cua-bo-chinh-tri-119250916120325235.htm>.

hiệu quả quyền con người, quyền công dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”. Bên cạnh đó, Nghị quyết chú trọng đề ra giải pháp: “... giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số; ưu tiên những nội dung quan trọng được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả trên hệ thống phát thanh, truyền hình quốc gia”; đồng thời yêu cầu: “lồng ghép nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật vào phong trào “học tập số”.

Về thể chế, Việt Nam là một trong những quốc gia sớm đưa nội dung quyền con người vào Hiến pháp và các văn bản luật. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*” (Điều 14).

Bên cạnh đó, Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), Công ước về quyền trẻ em (CRC), Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), v.v. Những cam kết quốc tế này được cụ thể hóa trong các chính sách quốc gia. Ví dụ như Chương trình giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là văn bản đầu tiên đưa ra yêu cầu tích hợp quyền con người vào các cấp học, bậc học, xây dựng năng lực cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục về quyền con người. Trong đó nhấn mạnh việc “*Tiếp tục thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung quyền con người trong chương trình đào tạo của khối ngành luật, hành chính, nội chính và chương trình đào tạo giáo viên giáo dục công dân trình độ cao đẳng và trình độ đại học ở các trường sư phạm, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*”. Bên cạnh đó, Chương trình cũng yêu cầu đẩy mạnh triển khai “... thực hiện số hoá các tài liệu giáo dục... tổ chức thực hiện một số khoá học trực tuyến về quyền con người phù hợp với từng cấp học của hệ thống giáo dục quốc dân”.

Chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đã tạo nên nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc, định hướng cho việc gắn kết giữa chuyển đổi số và giáo dục quyền con người. Thông qua việc tích hợp giáo dục quyền con người vào hệ thống giáo dục, truyền thông và quản lý nhà nước, đã góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây không đơn thuần là đặt giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số, mà còn tạo khung pháp lý để hiện thực hoá chủ trương lấy con người làm trung tâm, lấy quyền con người làm thước đo cho sự tiến bộ xã hội. Khi giáo dục quyền con người được lan toả, quyền con người được hiểu, được tôn trọng và được thực hành trong không gian số, kỷ nguyên số đó cũng là lúc chuyển đổi số trở thành công cụ, phương tiện, môi trường thuận lợi phục vụ trở lại con người.

2.2. Thách thức trong chuyển đổi mô hình giáo dục từ “tư duy giáo dục thụ động” và “từ trên xuống dưới” (TOP-DOWN) sang “tư duy đổi mới sáng tạo”, “từ dưới lên trên” (BOTTOM-UP), từ cách tiếp cận dựa trên nhu cầu (needs-based approach), sang các tiếp cận “dựa trên quyền con người” (human rights-based approach)

Giáo dục quyền con người nói chung và gắn với kỷ nguyên số nói riêng luôn đòi hỏi sự đổi mới và tư duy, cách tiếp cận trong hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch, tổ chức thực hiện và đặc biệt là kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện, lấy chủ thể, mục tiêu và cách thức dựa cách tiếp cận quyền con người, đồng thời dựa trên việc đánh giá hiệu quả thực chất, ý nghĩa bằng các chỉ số thực thi năng lực (KPI) của chủ thể chịu trách nhiệm chính yếu (Nhà nước và chính quyền địa phương các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức,...), chủ thể liên quan (doanh nghiệp, nhà trường, các tổ chức xã hội,...), các mức độ nhận thức, trao quyền và thụ hưởng quyền con người của mỗi cá nhân và nhóm xã hội.

Tư duy giáo dục quyền con người lấy “tự do”, “bình đẳng”, “công bằng” và “hạnh phúc” của nhân dân làm cốt lõi, xuất phát từ truyền thống văn

hoá ngàn năm của dân tộc, luôn được đề cao trong Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm Đảng ta, cũng là các tiêu chuẩn của luật quyền con người quốc tế, là nền tảng và mục tiêu cao cả của giáo dục hướng tới tạo lập văn hoá hoà bình, đoàn kết, phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa mọi năng lực vốn có của mỗi cá nhân, cộng đồng,...

2.3. Thách thức trong việc tích hợp chuyển đổi số vào giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay

Tuy nhiên, sự phát triển của không gian mạng, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và mạng xã hội cũng đặt ra nhiều thách thức mới. Môi trường số đang tạo ra “không gian tự do” chưa từng có trong lịch sử nhân loại, nhưng đồng thời kéo theo nguy cơ xâm hại quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền tự do ngôn luận, và gia tăng các hành vi vi phạm pháp luật, thù ghét, sai lệch thông tin. Do đó, giáo dục quyền con người không chỉ dừng ở việc “nhận thức về quyền”, mà phải chuyển hóa thành năng lực thực hành quyền con người trong môi trường số.

- Về mặt pháp lý, cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định. Cụ thể như sau: Thứ nhất, chưa có khung pháp lý chuyên biệt về giáo dục quyền con người trong môi trường số. Dẫn đến việc chưa có quy định rõ ràng về việc bảo đảm, giảng dạy và thực hành quyền con người trên không gian mạng, trong giáo dục và đào tạo trong kỷ nguyên số. Thứ hai, các văn bản luật hiện hành còn phân tán, chưa có tính điều phối thống nhất giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp và các cơ quan truyền thông đại chúng. Thứ ba, thiếu cơ chế giám sát, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục quyền con người, đặc biệt trong bối cảnh đào tạo trực tuyến.

- Trên thực tế, việc cụ thể hóa, gắn chặt nội dung giáo dục quyền con người trên xu hướng chuyển đổi số vẫn còn khoảng cách. Việc giáo dục quyền con người trong các cấp học, bậc học mới dừng ở mức lồng ghép khái niệm “quyền và nghĩa vụ công dân” trong môn Giáo dục công dân hoặc các chuyên đề, các hoạt động trải nghiệm

- Việc tập huấn, biên soạn tài liệu, hướng dẫn phương pháp, cách thức giáo dục về con người trong xu hướng chuyển đổi số vẫn chưa ăn khớp, chưa được quan tâm đúng mức..

- Trong kỷ nguyên số, quyền con người không chỉ được thực thi trong đời sống vật lý mà còn mở rộng sang không gian mạng. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay mới chỉ tập trung vào bảo đảm an ninh mạng, mà chưa chú trọng giáo dục quyền số, chưa quan tâm đến việc bồi dưỡng năng lực hiểu, thực hành và bảo vệ quyền con người trong môi trường số.

Một ví dụ tiêu biểu là vấn đề quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân. Dù Nghị định 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã có bước tiến đáng kể khi định nghĩa và bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng công tác giáo dục, tuyên truyền về quyền này chưa được triển khai rộng rãi trong nhà trường hoặc cộng đồng. Hệ quả là nhiều người dùng, đặc biệt là thanh thiếu niên, chưa có ý thức rõ ràng về ranh giới giữa chia sẻ và xâm phạm quyền riêng tư, dẫn đến các hành vi vi phạm như lan truyền hình ảnh, thông tin cá nhân của người khác mà không có sự đồng ý. Đây cũng là minh chứng cho thấy, giáo dục quyền con người đang tỏ ra chậm hơn so với xu chuyển đổi số.

- Việc phối hợp triển khai thực hiện còn nhiều tồn tại, vướng mắc. Về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo mới chỉ dừng lại ở việc phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”. Theo báo cáo của Đề án việc đưa nội dung quyền con người vào giảng dạy, chủ yếu lồng ghép trong các môn như Giáo dục công dân, Pháp luật đại cương... Việc chưa có khung pháp lý bắt buộc và cơ chế kiểm định độc lập khiến cho chất lượng, phạm vi và phương pháp triển khai giáo dục quyền con người còn rất khác nhau giữa các địa phương, thậm chí giữa các cơ sở đào tạo trong cùng một địa phương. Việc tích hợp, lồng ghép, ứng dụng công nghệ vào hoạt động này còn rất hạn chế nên sự tiếp cận, tính trực quan sinh động và hiệu quả của công tác này chưa cao.

- Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối về chương trình, nội dung giáo dục, trong khi Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với nòng cốt là Viện Quyền con người và các trường đại học luật giữ vai trò nghiên cứu, cung cấp báo cáo viên, chuyên gia trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, sự phối hợp liên ngành còn hạn chế. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ yếu chịu trách nhiệm là đầu mối quản lý, thực hiện chuyển đổi số, nhưng chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ với các chủ thể liên quan để triển khai nội dung giáo dục quyền con người trên nền tảng số.

- Một khó khăn khác là thiếu đội ngũ chuyên gia vừa am hiểu luật nhân quyền, vừa thành thạo công nghệ số. Phần lớn giảng viên hiện nay xuất thân từ ngành luật hoặc chính trị học, trong khi nội dung về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư kỹ thuật số lại là lĩnh vực mới. Hơn nữa, nguồn lực tài chính cho tích hợp chuyển đổi số vào giáo dục quyền con người còn hạn chế, chưa được bố trí thành chương trình mục tiêu riêng trong ngân sách nhà nước, dẫn đến việc triển khai còn mang tính phong trào hoặc dự án, đề án ngắn hạn.

- Từ góc độ xã hội, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số còn gặp trở ngại về nhận thức cộng đồng. Một bộ phận người dân còn hiểu sai về quyền con người, cho rằng đó là khái niệm xa lạ, “thuộc về phương Tây”. Trong khi đó, các thế lực thù địch lại lợi dụng môi trường mạng để xuyên tạc, “diễn giải sai lệch” quyền con người nhằm chống phá Nhà nước Việt Nam. Điều này tạo nên sự chênh lệch công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về dân chủ, quyền con người trên không gian mạng

- Dù quyền con người đã trở thành một trong những nội dung trọng tâm của đường lối phát triển, nhận thức của một bộ phận cán bộ, giáo viên và người dân vẫn còn phiến diện. Nhiều người vẫn coi giáo dục quyền con người là vấn đề “nhạy cảm”, “xa rời thực tiễn”, hoặc chỉ dành cho sinh viên ngành luật. Chính sự hiểu chưa đúng này làm giảm hiệu quả truyền thông, khiến quyền con người chưa được coi là kỹ năng sống thiết yếu trong thế giới số.

3. KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Đổi mới tư duy hoạch định chiến lược về giáo dục, tư duy và cách tiếp cận giáo dục dựa trên quyền con người

Nhằm phát huy sức mạnh, trí tuệ, sự sáng tạo của mỗi người và sức sáng tạo, đại đoàn kết của toàn dân tộc trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra, trước những thuận lợi và thách thức của kỷ nguyên số, sự phát triển nhanh, không đoán định của trí tuệ nhân tạo A.I... cần bắt đầu từ sự đổi mới tư duy hoạch định chiến lược về giáo dục, chuyển trạng thái chủ yếu dựa trên tư duy từ trên xuống dưới, áp đặt, cách tiếp cận dựa trên nhu cầu (needs-based approach), sang tư duy đổi mới, sáng tạo, chú trọng phương pháp khoa học, thực tiễn và thiết thực, cách tiếp cận trao quyền, phân quyền, thụ hưởng quyền trong giáo dục nói chung và giáo dục quyền con người nói riêng.

3.2. Hoàn thiện thể chế về giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số

Để giáo dục quyền con người thực sự trở thành động lực bảo đảm dân chủ, công bằng và nhân văn trong tiến trình chuyển đổi số, Việt Nam cần xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về giáo dục quyền con người gắn với chuyển đổi số. Trong đó:

Thứ nhất, ban hành một “Chiến lược quốc gia về giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số”. Việc triển khai thực hiện phải do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh triển khai thực hiện. Chiến lược cần xác định rõ: tầm nhìn, mục tiêu, nguyên tắc; khung năng lực công dân số - quyền con người; chương trình hành động theo từng cấp học và lĩnh vực đào tạo; cơ chế giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình. Việc xây dựng chiến lược này sẽ giúp thống nhất giữa chính sách về quyền con người và chính sách chuyển đổi số, khắc phục tình trạng phân tán hiện nay.

Thứ hai, xây dựng khung pháp lý về quyền con người trong môi trường số. Đây là bước đi then chốt nhằm thể chế hóa nội dung Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Bên cạnh cần tiến tới cụ thể hoá bằng Bộ quy tắc ứng xử về quyền con người trên nền tảng số, trong đó xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, cơ quan quản lý, cũng như cơ chế bảo vệ và xử lý vi phạm.

Khung pháp lý này không chỉ nhằm “hạn chế mặt tiêu cực” của không gian mạng, mà quan trọng hơn, phải trao quyền và nâng cao năng lực cho người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên để những chủ thể này biết cách thực hành và bảo vệ quyền của mình trên nền tảng số, như khuyến nghị của Unesco: Một hệ thống giáo dục quyền con người hiện đại phải “tạo ra công dân có năng lực số, biết tư duy phản biện và hành xử có đạo đức trong môi trường trực tuyến”.

Thứ ba, lồng ghép giáo dục quyền con người vào chương trình chuyển đổi số quốc gia. Cần sửa đổi, bổ sung, tích hợp theo hướng bổ sung mục tiêu “phát triển năng lực quyền con người số” cho công dân Việt Nam, đặc biệt trong nhóm thanh niên, cán bộ công chức, nhà báo, giáo viên và học sinh. Các nội dung như bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, an ninh mạng, tự do biểu đạt có trách nhiệm, phòng chống bạo lực mạng... cần trở thành các chuyên đề bắt buộc trong chương trình giáo dục và đào tạo.

Thứ tư, đưa giáo dục quyền con người vào các chiến lược phát triển con người và giáo dục quốc gia. Trong đó, giáo dục quyền con người cần được coi là một trụ cột của giáo dục đạo đức, pháp luật, giáo dục công dân toàn cầu trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Điều này đòi hỏi cơ quan chủ quản là Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn năng lực giáo dục quyền con người theo từng cấp học; xây dựng tài liệu, học liệu số tương thích với đặc điểm tâm lý và bối cảnh xã hội của Việt Nam trong kỷ nguyên số.

3.3. Đổi mới công tác tổ chức thực hiện giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số

Song song với hoàn thiện thể chế, việc đổi mới tổ chức thực hiện đóng vai trò quyết định trong bảo đảm hiệu quả giáo dục quyền con người ở Việt Nam.

Thứ nhất, thiết lập cơ quan điều phối quốc gia về giáo dục quyền con người. Cơ quan này sẽ có nhiệm vụ hoạch định chính sách, giám sát, điều phối các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai giáo dục quyền con người. Việc có một đầu mối thống nhất sẽ khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp và các tổ chức khác.

Thứ hai, phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia và cán bộ có năng lực liên ngành. Nhà nước cần đẩy mạnh các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giáo dục quyền con người theo hướng liên kết giữa các cơ sở đào tạo luật, chính trị học và công nghệ thông tin. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có thể chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng “Chương trình đào tạo chuyên gia giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số” ở cấp quốc gia, nhằm hình thành mạng lưới chuyên gia, giảng viên, nhà nghiên cứu nòng cốt.

Các trường đại học sư phạm cần được hỗ trợ phát triển học phần “Quyền con người và công dân số” như một phần của chương trình đào tạo giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và phổ biến giáo dục quyền con người. Trong đó xây dựng các nền tảng học tập mở về quyền con người, kết nối dữ liệu học liệu, video, trò chơi mô phỏng tình huống nhân quyền, kho dữ liệu số về luật pháp và các vụ việc điển hình. Các hình thức học trực tuyến, hay thiết kế các chương trình thực tế ảo cần được khai thác để tăng tính hấp dẫn và tương tác của giáo dục quyền con người.

Thứ tư, đưa giáo dục quyền con người vào chương trình đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức. Nghị quyết số 27-NQ/TW yêu cầu: “Cán bộ,

công chức, viên chức phải có năng lực thực hiện và bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong quá trình công vụ”. Do đó, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp cần phối hợp để đưa giáo dục quyền con người trở thành mô-đun bắt buộc trong chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước các cấp, đặc biệt là về đạo đức công vụ. Trong điều kiện hiện nay cần tích hợp vào hệ thống điều hành văn bản, phần mềm sổ tay Đảng viên để phổ biến đến đối tượng này hiệu quả nhất.

Thứ năm, xây dựng cơ chế đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục quyền con người. Cần ban hành bộ tiêu chí đánh giá chương trình, giảng viên, học liệu và kết quả học tập về quyền con người, cả trong đào tạo chính quy lẫn trực tuyến. Trong đó chú trọng đánh giá cả kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành quyền con người của người học.

3.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về giáo dục và giáo dục quyền con người

Cần hoàn thiện các cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Trung ương, chính sách, pháp luật, nói chung và giáo dục nói riêng, trong đó có giáo dục về quyền con người; Cần hoàn thiện các thiết chế, tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc giám sát thực thi chính sách và pháp luật về giáo dục quyền con người. Tăng cường thẩm quyền, tính độc lập và trách nhiệm cho cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và giáo dục quyền con người trong bối cảnh mới. Đồng thời, phát huy, tăng cường cơ chế giám sát tối cao của Quốc hội, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, cũng như giám sát độc lập của các tổ chức xã hội trong việc thực hiện giáo dục quyền con người.

3.5. Tăng cường hợp tác quốc tế và xây dựng, tạo lập nền văn hóa dựa trên quyền con người, văn hoá quyền con người trong kỷ nguyên số

Bên cạnh thể chế và tổ chức, yếu tố văn hoá - xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục quyền con người ở Việt Nam.

Thứ nhất, tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm giáo dục và giáo dục dựa trên quyền con người của các tổ chức quốc tế, khu vực cũng như các quốc gia phát triển, như Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP), Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên Hợp quốc (UNESCO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN),...

Thứ hai, cần đẩy mạnh việc xây dựng chiến lược và kế hoạch giáo dục quyền con người với trọng tâm tạo lập nền văn hóa nhân quyền, văn hóa tôn trọng các quyền con người trong toàn xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ công chức, việc chức, hay thực thi pháp luật nói riêng; đồng thời chú trọng xây dựng văn hóa quyền con người trong không gian mạng. Cần đẩy mạnh các chiến dịch truyền thông quốc gia về nội dung này, trong đó nhấn mạnh trọng tâm xây dựng hình mẫu công dân số có trách nhiệm trong kỷ nguyên số. Báo chí, truyền thông, mạng xã hội cần trở thành công cụ lan tỏa giá trị nhân quyền, lan tỏa thông tin xanh, tích cực chứ không chỉ là nơi phản ánh vi phạm.

Thứ hai, tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực. Việt Nam cần mở rộng hợp tác với UNESCO, UNDP, OHCHR, ASEAN và các trường đại học quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm giáo dục quyền con người. Việc học hỏi mô hình “Digital Human Rights Education Network” của EU hay “Human Rights Cities” của Hàn Quốc có thể giúp Việt Nam phát triển mạng lưới học tập quyền con người gắn với thực tiễn số hóa địa phương.

Thứ ba, phát triển cơ chế giám sát xã hội và trách nhiệm giải trình trong giáo dục quyền con người. Cần khuyến khích các tổ chức xã hội, viện nghiên cứu, hiệp hội nghề nghiệp tham gia giám sát việc thực hiện quyền con người; đồng thời phát triển các công cụ phản hồi trực tuyến, khảo sát công khai để người dân có thể đánh giá chất lượng giáo dục nhân quyền. Điều này phù hợp với tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ta.

Thứ tư, xây dựng xã hội học tập về quyền con người trong kỷ nguyên số không chỉ giới hạn trong nhà trường, mà phải được triển khai trong toàn xã hội thông qua hệ thống học tập suốt đời, giáo dục cộng đồng, mạng xã hội học tập. Việc phát triển các chương trình truyền hình, podcast, video ngắn hoặc trò chơi giáo dục về quyền con người sẽ giúp lan tỏa giá trị quyền con người gần gũi, dễ tiếp nhận, nhất là với thế hệ trẻ.

Thứ năm, tăng cường bảo đảm nguồn lực và chính sách ưu tiên. Nhà nước cần bố trí ngân sách riêng cho giáo dục quyền con người trong chương trình mục tiêu quốc gia về chuyển đổi số; đồng thời khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển cơ sở dữ liệu, xây dựng nền tảng đào tạo quyền con người trực tuyến. Cần huy động các tổ chức xã hội, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cần được tham gia thực hiện các sáng kiến như mới nhằm tích hợp chuyển đổi số vào giáo dục quyền con người trong các cấp học, bậc học cũng như trong cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Amnesty International (2023), *Digital human rights education toolkit*, London.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2023), *Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2017), *Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2023), *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Hà Nội.

6. European Union (2020), *Digital human rights education network: Practices and policies for human rights in the digital era*.
7. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
8. UNRHC (2021), *Report of the Human Rights Council 47/52: The promotion, protection and enjoyment of human rights on the Internet*.
9. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)*.
10. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)*.
11. Liên Hợp quốc (1979), *Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)*.
12. Liên Hợp quốc (1989), *Công ước về quyền trẻ em (CRC)*.
13. Hà Giang (2025), “Giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên số và trí tuệ nhân tạo”, *Tạp chí Giáo dục*.
14. Phạm Xuân Sơn, Trần Anh Huy (2021), “Bảo vệ quyền con người trên không gian mạng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*.
15. UNESCO (2020), *Education for human rights and democracy in the digital era*.
16. UNESCO (2022), *Guidelines for teachers and policy makers on digital ethics and global citizenship education*.
17. UNESCO (2024), *Global citizenship education in a digital age*.

ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO
KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Đồng chí Trương Anh Dũng
Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục quyền con người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành đạo đức nghề nghiệp, ý thức công dân và năng lực ứng xử văn minh trong môi trường lao động. Việc lồng ghép nội dung này giúp người học hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của bản thân, tôn trọng quyền của người khác, biết cách phòng tránh và phản ứng trước các hành vi vi phạm như phân biệt đối xử, quấy rối, bóc lột lao động... Qua đó, giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp góp phần xây dựng nguồn nhân lực không chỉ vững về tay nghề mà còn chuẩn mực về nhân cách và có trách nhiệm với xã hội.

Định hướng chiến lược của nước ta thời gian tới là đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Kỷ nguyên mới mở ra một thời kỳ mà ở đó mỗi con người, mỗi người dân được thụ hưởng đầy đủ các quyền và tự do cơ bản đã được hiến pháp và pháp luật ghi nhận, nhất là quyền của người dân được tham gia đầy đủ, hiệu quả, thực chất vào các công việc của nhà nước và xã hội; thực hiện quyền làm chủ đất nước, làm chủ bản thân, được tham gia đóng góp xây dựng, phát triển đất nước và quyền được thụ hưởng thành quả của sự phát triển, thành quả của công cuộc đổi mới. Kỷ nguyên vươn mình đòi hỏi quyền con người, quyền công dân phải được cộng nhận, được tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ hiệu quả. Chính vì vậy, thúc đẩy quyền giáo dục và giáo dục quyền con người là một công cụ hữu hiệu giúp học sinh, sinh viên học nghề hiểu biết, tôn trọng và bảo vệ quyền của mình cũng như của người khác.

1. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐƯA NỘI DUNG QUYỀN CON NGƯỜI VÀO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Trong thời gian qua, giáo dục nghề nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến vượt bậc, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong nước và từng bước hội nhập với thị trường quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục nghề nghiệp mới chỉ tập trung cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ để đáp ứng yêu cầu của công việc mà chưa chú trọng đúng mức công tác giáo dục quyền con người cho người lao động. Đây là vấn đề rất quan trọng vì trong mối quan hệ với người sử dụng lao động, người lao động thường ở thế yếu và dễ bị tổn thương. Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với nhiều cam kết cao về lao động, quyền của người lao động trong quá trình sản xuất và cung ứng hàng hóa, sản phẩm. Học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là nguồn nhân lực trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tạo ra sản phẩm, do đó, việc giáo dục và trang bị cho họ những kiến thức về quyền con người và kỹ năng tự bảo vệ mình trong các mối quan hệ lao động là cần thiết và cấp bách, một mặt giúp cho người lao động biết và sử dụng hợp lý các quyền con người của mình, mặt khác giúp cho sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam hội nhập và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

Từ yêu cầu cấp thiết đó, ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (Đề án), Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Cục GDNNGDTEX) đã triển khai đồng bộ các hoạt động và đạt được một số kết quả nổi bật là: **(1)** Tuyên truyền sâu rộng nội dung của Đề án và thông qua việc kết hợp với các chương trình tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp do Bộ LĐTBXH triển khai; **(2)** Tổ chức

khảo sát, đánh giá thực trạng công tác giáo dục quyền con người trong hệ thống GDNN; **(3)** Xây dựng khung tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho tác giả biên soạn chương trình, tài liệu nội dung quyền con người ở các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp; **(4)** Hàng năm, ban hành các văn bản hướng dẫn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hệ hàng năm cho đội ngũ giảng viên, nhà giáo và sinh hoạt chính trị đầu khóa của học sinh, sinh viên trong đó có nội dung quyền con người với phương thức tổ chức và hình thức thực hiện đa dạng (sinh hoạt chính trị đầu khóa, các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt đoàn - hội, giáo dục kỹ năng sống; sử dụng các nền tảng công nghệ thông tin,...); một số địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành 4 tiết nội dung về quyền con người cho toàn bộ sinh viên, học sinh nhập học đầu khóa; **(5)** Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật giáo dục nghề nghiệp; đồng thời tổ chức rà soát nội dung quyền con người trong chương trình, giáo trình giáo dục nghề nghiệp; chương trình, giáo trình các môn học chung, trong đó có môn học giáo dục chính trị, pháp luật; **(6)** Tổ chức tập huấn cho hàng nghìn lượt cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về giáo dục quyền con người. Nhờ đó, nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh sinh viên về quyền con người và giáo dục quyền con người bước đầu đã được nâng lên; đồng thời cũng nhận thức được sự cần thiết, lợi ích cũng như trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc lồng ghép nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo của mình; góp phần nâng cao tư tưởng chính trị, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, ý thức trách nhiệm của mỗi công dân.

Tuy nhiên, Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân là một đề án khó, đặc biệt đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; một số nhiệm vụ triển khai còn chậm so với tiến

độ, một số nhiệm vụ phải điều chỉnh quy mô. Nguyên nhân chủ yếu là thời điểm bắt đầu triển khai Đề án cũng là thời gian bùng phát đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, đánh giá; kinh phí triển khai các nội dung của Đề án chưa được bố trí đủ và chậm... Đặc biệt, đặc thù của giáo dục nghề nghiệp có hàng nghìn ngành nghề đào tạo ở cả ba cấp trình độ (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) nên không thể đưa nội dung quyền con người và áp dụng thời lượng giống nhau ở tất cả các chương trình đào tạo của từng trình độ, của khối chuyên luật, không chuyên luật. Do đó, để việc đưa nội dung quyền con người vào đào tạo nghề đạt hiệu quả, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cả về nội dung, tài liệu, xây dựng chương trình, đào tạo cán bộ giảng dạy, kết hợp với phương pháp phù hợp với từng ngành, nghề, trình độ và từng đối tượng người học.

2. ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

2.1. Sự cần thiết phải giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới

Trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của chuyển đổi số, toàn cầu hóa sâu rộng, cách mạng công nghiệp 4.0 và phát triển bền vững - yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực không chỉ thể hiện ở năng lực chuyên môn, mà còn ở năng lực công dân, đạo đức nghề nghiệp và ý thức về quyền, nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong xã hội hiện đại. Chính vì vậy, việc tăng cường giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp trở thành yêu cầu tất yếu và cấp bách xuất phát từ một số lý do như:

Thứ nhất, người lao động là đối tượng trực tiếp chịu tác động của các vấn đề về quyền con người trong môi trường làm việc, từ điều kiện lao động an toàn, hợp đồng lao động công bằng, quyền được nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, đến phòng chống phân biệt đối xử, quấy rối tình dục, quyền được tham

gia tổ chức đại diện... Nếu không được trang bị đầy đủ nhận thức và kỹ năng về quyền con người, người học có nguy cơ trở thành nạn nhân của bóc lột, bất bình đẳng hoặc vi phạm quyền của người khác mà không nhận thức được.

Thứ hai, kỷ nguyên mới đòi hỏi người lao động phải làm việc trong môi trường đa văn hóa, xuyên quốc gia, nơi các chuẩn mực về quyền con người được đề cao và trở thành tiêu chí của doanh nghiệp, thị trường lao động và cộng đồng quốc tế. Một người thợ giỏi nhưng không có kỹ năng ứng xử tôn trọng quyền của người khác, không hiểu về đạo đức nghề nghiệp hoặc thiếu ý thức trách nhiệm xã hội sẽ không thể đáp ứng yêu cầu của thế giới việc làm hiện đại.

Thứ ba, giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp góp phần xây dựng một lực lượng lao động có tinh thần công dân toàn cầu, biết tôn trọng pháp luật, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường và tham gia xây dựng xã hội nhân văn. Đây cũng là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển bền vững, một trong những cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong khuôn khổ các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp quốc.

Thứ tư, trong bối cảnh Bộ Giáo dục và Đào tạo đang sửa đổi Luật Giáo dục và Luật Giáo dục nghề nghiệp, hướng tới xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, hội nhập, việc thể chế hóa nội dung giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp sẽ giúp hệ thống giáo dục nghề nghiệp bắt kịp xu thế quốc tế, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo cả về “tay nghề” lẫn “tư cách công dân”.

2.2. Một số định hướng giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục nghề nghiệp khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới

Tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người tháng 12/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nêu rõ: *Giáo dục quyền con người không phải là vấn đề của riêng chúng ta mà là mang tính toàn dân, toàn diện và mang tính toàn cầu. Bảo vệ quyền con người và giáo dục quyền*

con người đặt sự dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia của người dân; đây là chương trình chính thức chứ không phải là kết hợp, được đặt trong tổng thể nền giáo dục của chúng ta, trên quan điểm lấy “học sinh là trung tâm, thầy cô là động lực, nhà trường là nền tảng”.

Từ quan điểm chỉ đạo nêu trên, trong thời gian tới, để đẩy mạnh nội dung, đổi mới phương pháp giáo dục quyền con người trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cần thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ, thống nhất, phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị ở nước ta cũng như đặc thù của lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Một số định hướng, giải pháp trọng tâm là:

2.2.1. Thể chế hóa giáo dục quyền con người như một cấu phần thiết yếu trong giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục quyền con người hiện nay trong giáo dục nghề nghiệp phần lớn mới dừng ở mức định hướng chính sách, chưa được quy định rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật mang tính bắt buộc. Điều này dẫn đến tình trạng triển khai mang tính đơn lẻ, hình thức, thiếu đồng bộ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Cần phải khẳng định rằng, giáo dục quyền con người không chỉ là nội dung lồng ghép, tự chọn mà phải trở thành một trụ cột trong định hình phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp và năng lực công dân của người học nghề. Nó cần được thể chế hóa, nghĩa là được luật hóa, chuẩn hóa và kiểm định như một yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề. Do đó, các văn bản pháp luật như Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi, các chương trình khung quốc gia, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia... cần quy định rõ yêu cầu về năng lực nhận thức và thực hành quyền con người phù hợp với từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể.

Một số nội dung cần được xem xét để thể chế hóa:

- Mục tiêu đào tạo: Bổ sung yêu cầu “hình thành năng lực nhận thức và thực hành quyền con người” như một năng lực chung hoặc xuyên suốt.

- Chương trình khung quốc gia: Tích hợp nội dung quyền con người trong các mô-đun về kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp, pháp luật lao động...

- Chuẩn đầu ra: Mỗi ngành nghề cần xác định cụ thể các năng lực liên quan đến quyền con người phù hợp với đặc thù nghề (ví dụ: đối với ngành du lịch - năng lực tôn trọng đa văn hóa; ngành y tế - quyền được bảo vệ sức khỏe; ngành công nghiệp - an toàn lao động, quyền tổ chức công đoàn...).

- Kiểm định chất lượng và đánh giá: Bổ sung tiêu chí đo lường mức độ triển khai giáo dục quyền con người trong đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.2.2. Đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng tích hợp, thực tiễn, gắn với nghề nghiệp

Trong chương trình đào tạo hiện nay, giáo dục quyền con người - nếu có - thường được lồng ghép vào một số môn học chung mang tính lý thuyết riêng biệt, thiếu sự kết nối trực tiếp với hoạt động nghề nghiệp. Do đó, sẽ khiến cho người học cảm thấy nội dung xa rời thực tế nghề nghiệp của mình; thiếu kỹ năng áp dụng kiến thức về quyền con người vào công việc; chỉ tiếp nhận quyền con người như một khái niệm pháp lý khô khan, khó nhớ, khó vận dụng. Trong khi đó, bản chất của quyền con người là một giá trị sống cần được thực hành, gắn chặt với các hành vi nghề nghiệp cụ thể. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần phải thay đổi chương trình và phương pháp giáo dục. Theo đó, cần tích hợp nội dung quyền con người vào các mô-đun đào tạo nghề, kỹ năng mềm và hoạt động thực tiễn. Một số hướng tích hợp gồm:

- Trong ngành, nghề chăm sóc sức khỏe: lồng ghép quyền được bảo mật thông tin, quyền được chăm sóc tôn trọng nhân phẩm, quyền từ chối điều trị.

- Trong ngành dịch vụ: lồng ghép quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được đối xử công bằng của khách hàng và nhân viên.

- Trong ngành, nghề xây dựng, kỹ thuật: lồng ghép quyền về an toàn lao động, quyền được đào tạo bảo hộ nghề nghiệp, quyền phản ánh môi trường làm việc không an toàn.

- Trong kỹ năng mềm: xây dựng năng lực giao tiếp dựa trên tôn trọng, quản lý xung đột, ra quyết định có trách nhiệm xã hội.

Việc tích hợp như vậy giúp quyền con người trở thành một phần tự nhiên của hành vi nghề nghiệp, chứ không phải là hoạt động bổ trợ.

Trên cơ sở tích hợp nêu trên, phương pháp giảng dạy cũng cần chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng sử dụng các phương pháp hiện đại, linh hoạt, gắn liền với thực tế như:

- Phương pháp tình huống (case study): Xây dựng các kịch bản về giáo dục nghề nghiệp có yếu tố quyền con người để học sinh phân tích, nhận diện và xử lý.

- Mô phỏng - đóng vai (role play, simulation): Tạo điều kiện cho người học nhập vai và thực hành các hành vi nghề nghiệp có tính nhân văn, tôn trọng quyền con người trong môi trường an toàn.

- Thảo luận nhóm, phản biện: Giúp người học phát triển tư duy phản biện, khả năng nhìn nhận vấn đề đa chiều, từ góc độ cá nhân, pháp lý, đạo đức và xã hội.

- Phương pháp học tập dựa trên dự án (project-based learning): Học sinh có thể thực hiện các dự án nhỏ về quyền con người trong nghề nghiệp, như thiết kế poster an toàn lao động, khảo sát ý thức quyền con người trong doanh nghiệp địa phương...

2.2.3. Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp về quyền con người

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đóng vai trò then chốt trong việc truyền cảm hứng và hình thành tư duy quyền con người cho người học nghề. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn nhà giáo chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và phương pháp sư phạm để tích hợp nội dung này một cách hiệu quả vào giảng dạy. Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực đội ngũ.

Trước hết, cần xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu và hệ thống, phù hợp với từng nhóm đối tượng như nhà giáo giảng dạy chuyên môn, nhà giáo dạy kỹ năng mềm, cán bộ quản lý. Việc đào tạo nên áp dụng phương pháp thực hành, sử dụng tình huống nghề nghiệp cụ thể và khuyến khích học tập trải nghiệm, từ đó giúp nhà giáo chủ động tích hợp quyền con người vào từng bài giảng.

Song song đó, cần phát triển hệ thống học liệu số và kho tình huống liên ngành về quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp, giúp nhà giáo tiếp cận nhanh chóng tài nguyên giảng dạy, hướng dẫn tổ chức lớp học và đánh giá năng lực người học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Nền tảng học tập trực tuyến mở sẽ là công cụ quan trọng để kết nối, chia sẻ và bồi dưỡng liên tục.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế hỗ trợ, giám sát và khuyến khích như đưa tiêu chí giáo dục quyền con người vào đánh giá năng lực đội ngũ; thí điểm mô hình “trường học nhân quyền”... Những chính sách này sẽ góp phần tạo động lực bền vững và chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp.

2.2.4. Tăng cường giáo dục quyền con người trong môi trường giáo dục toàn diện

Giáo dục quyền con người không chỉ nằm ở nội dung chương trình mà cần được thực hành sinh động trong toàn bộ môi trường học đường. Trường học không chỉ là nơi truyền thụ kiến thức nghề mà còn là không gian rèn luyện phẩm chất công dân, trong đó các giá trị như tôn trọng, bình đẳng, an toàn và bao trùm phải được thể hiện rõ nét.

Các hoạt động ngoại khóa, đoàn thể, câu lạc bộ nghề nghiệp cần được thiết kế theo hướng tăng cường trải nghiệm và thực hành quyền con người. Những hình thức như diễn đàn học sinh, mô phỏng tình huống nghề nghiệp gắn với quyền con người, các cuộc thi tìm hiểu về quyền con người hay các

dự án cộng đồng giúp người học hiểu và vận dụng quyền của mình trong đời sống thực tiễn.

Đặc biệt, việc xây dựng một môi trường giáo dục dân chủ, không định kiến, không bạo lực - nơi học sinh được lắng nghe, được tôn trọng và tham gia vào các quyết định - chính là nền tảng quan trọng để giáo dục quyền con người trở nên thực chất và bền vững trong giáo dục nghề nghiệp.

2.2.5. Gắn kết với doanh nghiệp và thị trường lao động trong thực hiện quyền con người

Trong giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp không chỉ là nơi thực tập và làm việc sau đào tạo mà còn là môi trường sống động để người học trải nghiệm, hiểu và áp dụng các giá trị quyền con người trong bối cảnh nghề nghiệp thực tiễn. Vì vậy, việc tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong giáo dục quyền con người là xu hướng tất yếu trong thời kỳ phát triển mới.

Trước hết, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc lồng ghép nội dung quyền con người vào hoạt động đào tạo, thực tập. Các doanh nghiệp cần cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học trong thời gian thực hành, bao gồm: quyền được đối xử công bằng, an toàn lao động, không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, hoàn cảnh cá nhân...

Bên cạnh đó, cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng tình huống thực tế, tổ chức diễn đàn nghề nghiệp, và chia sẻ kinh nghiệm về thực hành quyền con người trong môi trường lao động. Những hoạt động này giúp người học nhận thức rõ mối quan hệ giữa đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và quyền con người trong công việc cụ thể.

Việc gắn kết hiệu quả giữa giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong thực hành quyền con người sẽ góp phần xây dựng lực lượng lao động không chỉ giỏi tay nghề mà còn có ý thức công dân, tuân thủ pháp luật, và góp phần phát triển nền kinh tế bền vững, nhân văn.

2.2.6. Định kỳ đánh giá, kiểm tra

Để giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp phát huy hiệu quả thực chất và bền vững, cần thiết lập cơ chế đánh giá và kiểm định thường xuyên, bảo đảm quá trình triển khai không chỉ mang tính hình thức mà thực sự lan tỏa vào hoạt động dạy - học và quản lý.

Trước hết, việc đánh giá định kỳ việc lồng ghép quyền con người trong chương trình, bài giảng và hoạt động giáo dục toàn diện là cần thiết để điều chỉnh, cập nhật nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn và bối cảnh phát triển. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần tự xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá nội bộ gắn với các tiêu chí cụ thể: mức độ tích hợp trong môn học, tỷ lệ hoạt động thực hành quyền con người, mức độ tham gia của người học...

Đồng thời, các tiêu chí về giáo dục quyền con người cần được tích hợp vào hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia. Đây sẽ là cơ sở để nâng cao trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, thúc đẩy sự chuyển đổi từ nhận thức sang hành động. Các tiêu chí có thể bao gồm: năng lực đội ngũ nhà giáo, mức độ đáp ứng học liệu về quyền con người, chất lượng môi trường học tập, cơ chế phản hồi - khiếu nại của người học...

Việc gắn giáo dục quyền con người với kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp không chỉ góp phần bảo đảm quyền học tập và phát triển của người học mà còn khẳng định cam kết của hệ thống giáo dục nghề nghiệp trong việc xây dựng lực lượng lao động có tri thức, có đạo đức nghề và có tinh thần tôn trọng con người trong mọi lĩnh vực nghề nghiệp.

3. KẾT LUẬN

Giáo dục quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp là yêu cầu tất yếu đặt ra trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội và thách thức. Không chỉ góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp toàn diện, giáo dục quyền con người còn đóng vai trò quan trọng trong xây dựng một lực lượng lao động có đạo đức, trách nhiệm, hiểu biết pháp luật và tôn trọng các giá trị phổ quát của con người.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, cần tiếp cận giáo dục quyền con người một cách hệ thống, toàn diện và phù hợp với đặc thù giáo dục nghề nghiệp. Từ việc thể chế hóa trong chính sách, đổi mới nội dung - phương pháp đào tạo, phát triển đội ngũ, xây dựng học liệu, đến thiết lập cơ chế đánh giá, kiểm định và thúc đẩy sự tham gia của người học - tất cả cần được triển khai đồng bộ, linh hoạt và gắn với thực tiễn nghề nghiệp.

Giáo dục quyền con người, nếu được tích hợp một cách khoa học và nhân văn, sẽ góp phần tạo nên những “công dân nghề nghiệp” vừa vững chuyên môn, vừa có tư duy khai phóng, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, bền vững trong thời đại mới./.

ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Thái Văn Tài,

Vụ trưởng, Vụ Giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nguyễn Thị Quý

Chuyên viên Vụ Giáo dục Phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Giáo dục quyền con người có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, đặc biệt là đối với học sinh phổ thông. Việc trang bị cho học sinh các kiến thức, kỹ năng về quyền con người từ lớp 1 đến lớp 12 giúp học sinh có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của quyền con người trong việc kiến tạo một chế độ xã hội dân chủ, công bằng, tiến bộ là tất cả vì con người, coi con người là vốn quý nhất.

Thực tiễn chỉ ra rằng, quyền con người vừa là hiện thực vừa là mục tiêu, khát vọng của hầu hết mọi người. Giáo dục quyền con người là cách thức quyền lực cho người dân, cung cấp cho người dân biết họ có những quyền gì và cần làm gì để vừa bảo vệ quyền của bản thân, vừa tôn trọng quyền của người khác. Từ đó, họ biết cách tự bảo vệ các quyền của mình, biết cách ngăn chặn, hạn chế sự vi phạm quyền con người trong đời sống xã hội. Do đó có thể nói, giáo dục quyền con người là cơ hội để chia sẻ đầy đủ các khía cạnh khác nhau về cả niềm tin, giá trị của quyền con người, đánh giá mức độ, chất lượng cuộc sống.

Trong nhà trường phổ thông, thông qua các hoạt động giáo dục toàn diện về quyền con người sẽ cung cấp cho học sinh các kiến thức về quyền con

người, cơ chế bảo vệ quyền con người, các kỹ năng cần thiết để thúc đẩy, bảo vệ và áp dụng quyền con người trong thực tiễn cuộc sống...từ đó góp phần tạo ra sự thay đổi về quan điểm và giá trị sống tích cực, hình thành hành vi ứng xử nhân văn giữa con người với con người, giúp học sinh phát triển tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung trong giải quyết các vấn đề xã hội từ giải quyết xung đột, bạo lực, đến các công việc chung của gia đình, trường lớp và cộng đồng.

Giáo dục quyền con người còn góp phần tạo động lực cho mỗi học sinh tích cực chia sẻ quan điểm và các giá trị khác biệt, nhất là trong môi trường có sự đa dạng về dân tộc, sắc tộc và chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa hay tôn giáo, giúp học sinh rèn luyện cách thức thực hiện quyền con người trong một số tình huống giả định hoặc trong một số trường hợp từ thực tiễn cuộc sống. Trên cơ sở đó góp phần hình thành cho học sinh văn hóa ứng xử văn minh vì quyền con người và tôn trọng, bảo vệ quyền con người, cách ứng phó phù hợp đối với một số hành vi vi phạm quyền con người, quyền công dân trong thực tiễn cuộc sống.

Giáo dục về quyền con người và vì quyền con người là thiết yếu trong một xã hội dân chủ, yêu cầu và nguyên tắc pháp quyền và quản trị tốt, và có thể đóng góp không chỉ giảm thiểu các vi phạm quyền con người, xây dựng một xã hội tự do, hòa bình và công bằng, mà thông qua giáo dục, quyền con người còn được công nhận ngày càng tăng lên như là chiến lược quản trị xã hội hiệu quả để ngăn ngừa sự lạm dụng quyền con người từ các thực thể trong xã hội.

Đối với Việt Nam hiện nay, giáo dục quyền con người còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng, trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực, Việt Nam là một thành viên của cộng đồng quốc tế, ngày càng có trách nhiệm lớn hơn trong thúc đẩy, bảo vệ quyền con người không chỉ cho nhân dân Việt Nam, mà còn đóng góp vào sự nghiệp chung của thế giới vì hòa bình, phát triển và thịnh vượng.

Đối với các nhà trường phổ thông, giáo dục quyền con người cho học sinh là một yêu cầu thiết yếu giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết về quyền, góp phần giúp trẻ biết bảo vệ quyền của mình và bảo vệ quyền của người khác khi có sự vi phạm. Giáo dục quyền con người trong hệ thống các trường phổ thông là phương thức hiệu quả, góp phần tăng cường thực hành quyền ở trường học, ngăn ngừa bạo lực học đường và các tình trạng phân biệt đối xử, xâm hại nhân phẩm con người, góp phần xây dựng một lớp người tương lai của đất nước có ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội.

2. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “ĐƯA NỘI DUNG QUYỀN CON NGƯỜI VÀO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN” Ở BẬC PHỔ THÔNG

Thực hiện Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” và Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/12/2021 “về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”, từ năm 2021 và 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành các kế hoạch theo từng năm để triển khai thực hiện Đề án nhằm tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục về quyền trẻ em trong chương trình và sách giáo khoa các môn học cũng như trong hoạt động giáo dục cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông³⁵³.

Năm 2022, Bộ GDĐT đã ban hành “Khung nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông dành cho học sinh cấp tiểu học” và “Khung nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông dành cho học sinh cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ

³⁵³ Kế hoạch số 1360/KH-BGDĐT ngày 24/12/2021 và Kế hoạch số 1840/KH-BGDĐT ngày 28/12/2022; Kế hoạch 1572/KH-BGDĐT về việc Triển khai Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhiệm vụ của năm 2022, 2023, 2024.

thông”³⁵⁴. Ngày 28/12/2022, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã tổ chức Hội thảo toàn quốc về việc dạy học nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Năm 2023, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ban hành các văn bản triển khai biên soạn tài liệu tập huấn hướng dẫn tích hợp giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục cấp tiểu học và biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện nội dung quyền con người lồng ghép Chương trình môn Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở và môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp trung học phổ thông. Để hỗ trợ các địa phương triển khai hiệu quả nhiệm vụ giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã tổ chức tập huấn toàn quốc dưới hình thức trực tuyến hướng dẫn tích hợp giáo dục quyền con người chương trình môn học, hoạt động giáo dục cấp tiểu học; tập huấn hướng dẫn thực hiện nội dung quyền con người lồng ghép Chương trình môn Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở và môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp trung học phổ thông. Tại đợt tập huấn, Ban tổ chức và các báo cáo viên đã tổ chức các hoạt động giúp giáo viên tại các điểm cầu trao đổi, thảo luận để thống nhất cách thức triển khai, trong đó làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người vào chương trình giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục; tổ chức thực hiện giảng dạy nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Bộ Giáo dục - Đào tạo đã gửi tài liệu tập huấn cho các sở giáo dục - đào tạo để các sở giáo dục - đào tạo tiếp tục triển khai tới các cơ sở giáo dục phổ thông.

Năm 2024, Bộ Giáo dục - Đào tạo tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông trong toàn quốc triển khai thực hiện nội dung giáo dục nội dung quyền con người trong kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ,

³⁵⁴Tại Quyết định số 4746 /QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 và Quyết định số 4745 /QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

nhóm chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên. Đồng thời, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ, quản lý và giáo viên mầm non cốt cán về thực hiện quyền con người, quyền trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tại Thừa Thiên Huế và Hải Phòng. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã xây dựng tài liệu tập huấn trực tuyến về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đặc biệt là trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, Bộ Giáo dục - Đào tạo, với đầu mối là Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đã tích cực triển khai nhiều hoạt động. Bộ Giáo dục - Đào tạo tiếp tục chỉ đạo việc tổ chức dạy và học đối với trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong hướng dẫn nhiệm vụ năm học đối với các cấp học (mầm non, tiểu học, trung học), trong đó nhấn mạnh việc tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ em khuyết tật làm cơ sở cho việc dạy học phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ, làm cơ sở cho việc kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục của trẻ em khuyết tật. Bộ cũng đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, cũng như các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm mục đích tuyên truyền nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm thần đối với trẻ em, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học; phong trào toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em, tạo cơ hội để đại diện trẻ em thảo luận, đề xuất các kiến nghị, sáng kiến về những vấn đề liên quan đến trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016.

Trong năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026 nội dung về quyền con người đã được đưa vào chương trình giáo dục các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân từ mầm non đến trung học phổ thông và đã được 100% các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12 với nhiều hình thức tổ chức phong phú, đa dạng.

Thực tiễn triển khai nội dung này tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, về công tác tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo triển khai Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 và Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hầu hết các địa phương đều triển khai công tác tuyên truyền nội dung và mục tiêu của các văn bản nói trên thông qua các hình thức như hội nghị, tập huấn, hội thảo, họp giao ban hoặc lồng ghép với quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời với đó là tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình tỉnh hoặc trang thông tin điện tử của các cấp chính quyền địa phương. Nhiều tỉnh, thành phố đã ban hành các văn bản nhằm triển khai cụ thể các nội dung của Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 và Chỉ thị số 34/CT-TTg như: Khánh Hoà, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Lạng Sơn, Đắk Lắk, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Thừa Thiên - Huế, Hà Nam, Hải Phòng, Hà Nội...

Thứ hai, về thực hiện chương trình, sách giáo khoa lồng ghép, tích hợp nội dung quyền con người. Căn cứ hướng dẫn của Bộ GDĐT, các sở giáo dục - đào tạo đã triển khai tích hợp nội dung quyền con người trong chương trình và hoạt động giáo dục ở các cấp học, cụ thể:

Cấp tiểu học: lồng ghép, tích hợp vào các môn học và hoạt động giáo dục như: Đạo đức, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Hoạt động trải nghiệm,...

Cấp trung học cơ sở: lồng ghép tích hợp vào các môn Lịch sử và Địa lý, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp, nội dung giáo dục địa phương,...

Cấp trung học phổ thông: lồng ghép tích hợp vào các môn Lịch sử, Giáo dục kinh tế pháp luật, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, nội dung giáo dục địa phương...

Hầu hết các cơ sở giáo dục phổ thông đã lồng ghép, bổ sung nội dung giáo dục quyền con người vào kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; chỉ đạo, triển khai tổ chức dạy học nội dung giáo dục quyền con người trong các môn học và hoạt động giáo dục.

Thứ ba, về đổi mới nội dung và phương pháp dạy học nội dung giáo dục quyền con người. Các cơ sở giáo dục phổ thông đã đổi mới phương pháp dạy học nội dung quyền con người trong các môn học và hoạt động giáo dục theo hướng chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để học sinh khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn về quyền con người, quyền trẻ em. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục phổ thông đã tăng cường, thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa hình thức giáo dục quyền con người cho học sinh trong các hoạt động của nhà trường như: diễn đàn, câu lạc bộ, sinh hoạt dưới cờ, ...

Thứ tư, về công tác bồi dưỡng giáo viên kiến thức về giáo dục quyền con người. Các sở giáo dục - đào tạo đã cử cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán tham gia các đợt tập huấn do Bộ Giáo dục - Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức với nội dung hướng dẫn thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục quyền con người vào trong các môn học, hoạt động giáo dục ở các cấp học.

Thứ năm, về đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Các địa phương đã chủ động rà soát, bổ sung các tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo,... về giáo dục quyền con người trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” ở bậc học phổ thông của ngành giáo dục và đào tạo đã cơ bản đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quyết định số 1309/QĐ-TTg và Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại một số địa phương còn chậm, muộn; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác phổ biến, tuyên truyền về quyền con người và giáo dục quyền con người đã được áp dụng song vẫn chưa phát huy được hết tiềm năng... dẫn đến hiệu quả tác động của Đề án ở một số địa phương chưa cao, chưa có sức lan tỏa lớn trong xã hội.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam với khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh nhiệm vụ giáo dục quyền con người nói chung và giáo dục quyền con người cho học sinh nói riêng cần đảm bảo được triển khai sâu rộng, toàn diện giúp học sinh ý thức được về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của học sinh với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục ý thức, trách nhiệm trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân được xác định là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững đất nước, là yếu tố then chốt tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, do đó, trong các nhà trường giáo dục phổ thông cần tăng cường các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm giúp học sinh phát triển tư duy, nhận thức mới về con người, chiến lược con người xã hội chủ

nghĩa, phát triển con người xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người và phát huy vai trò, giá trị quyền con người xã hội chủ nghĩa tạo động lực phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Để thực hiện được yêu cầu trên, ngành giáo dục cần quan tâm, triển khai một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, cần quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các Văn kiện của Đảng trong thời kỳ đổi mới, Hiến pháp năm 2013, các cam kết quốc tế của Nhà nước Việt Nam về quyền con người và giáo dục quyền con người cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của giáo dục quyền con người, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người thông qua giáo dục.

Thứ hai, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo đúng lộ trình được nêu trong Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 5/9/2013 về việc phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân và Chỉ thị số 34-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/12/2021 về tăng cường thực hiện Đề án về đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới sâu sắc, toàn diện về nội dung, chương trình và phương pháp, hình thức giáo dục quyền con người phù hợp với mọi đối tượng người học, bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Rà soát, cập nhật, bổ sung nội dung, chương trình giáo dục quyền con người đặt trong tổng thể của hệ thống giáo dục quốc dân ở tất cả các cấp học, bậc học bảo đảm tính khoa học, hiện đại, phù hợp với giá trị văn hóa, đạo đức, phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.

Thứ tư, tăng cường xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia, giáo viên, giảng viên, báo cáo viên về quyền con người. Thường xuyên tổ chức các

lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng về quyền con người, phương pháp sư phạm và năng lực truyền thông cho đội ngũ báo cáo viên, giảng viên, giáo viên giảng dạy về quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục, đào tạo trong hệ thống chính trị.

Thứ năm, tiếp tục phát triển các tài liệu, học liệu đa dạng, phong phú, nhất là học liệu số về quyền con người, phù hợp đối tượng người học với nhiều hình thức và phương pháp giáo dục khác nhau. Đặc biệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số và các hình thức, phương pháp giáo dục, các phương thức truyền thông mới, hiện đại để nâng cao hiệu quả giáo dục quyền con người, bảo đảm, bảo vệ quyền con người.

Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục phổ thông đẩy mạnh truyền thông các nội dung của Đề án; đồng thời phối hợp với các cơ quan truyền thông để tuyên truyền, gắn kết chặt chẽ nội dung của Đề án với các nội dung truyền thông trong lĩnh vực giáo dục phổ thông.

Thứ bảy, tăng cường các chương trình tập huấn cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và các phương pháp giảng dạy mới, đáp ứng yêu cầu giảng dạy về quyền con người trong bối cảnh xã hội và kinh tế ngày càng phát triển. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên giảng dạy quyền con người cho từng cấp học để thực hiện lồng ghép và nhằm truyền tải nội dung quyền con người phù hợp.

Như vậy, trong giai đoạn hiện nay, Giáo dục quyền con người là một yếu tố quan trọng trong việc xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và nhân đạo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục quyền con người không chỉ là nhu cầu mà còn là yêu cầu cấp thiết giúp mỗi cá nhân hiểu rõ và tôn trọng các quyền lợi cơ bản của mình, cùng nỗ lực kiến tạo một cộng đồng văn minh, bình đẳng, nơi phẩm giá, khát vọng và quyền lợi chính đáng của mọi người được tôn trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Sổ tay về quyền con người dành cho cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Nguyễn Nguyên Ngọc (2024), “Quan điểm của Đảng về quyền con người: giá trị lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/09/05/quan-diem-cua-dang-ve-quyen-con-nguoi-gia-tri-ly-luan-va-thuc-tien/>.
7. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.
8. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC
TẠI HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Văn Y

Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUYỀN
CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ
NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

Quyền con người là những giá trị vốn có gắn với phẩm giá, nhu cầu, lợi ích và năng lực của con người, được thừa nhận trong pháp luật quốc gia và quốc tế. Đây là sự thống nhất giữa đặc trưng tự nhiên phổ quát của con người với đặc trưng xã hội mang tính đặc thù của từng chế độ chính trị, văn hóa, trình độ phát triển. Quyền con người bao gồm quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, thể hiện ở các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đồng thời mang tính cá nhân, giai cấp, lịch sử, nhân loại và dân tộc.

Quyền con người một khái niệm rộng lớn cho nên quyền con người cũng được nhiều tổ chức, quốc gia định nghĩa khác nhau. Định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc thường được trích dẫn bởi các nhà nghiên cứu, theo đó quyền con người được định nghĩa như sau: *“Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, tự do cơ bản của con người”*³⁵⁵.

Liên Hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn Phổ quát về quyền con người năm 1948, trong đó, Lời nói đầu ghi rõ: *“Việc thừa nhận phẩm giá vốn*

³⁵⁵Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2006), *Frequently Asked Questions on a Human Rights-based Approach to Development Cooperation*, New York and Geneva, 2006, p.15.

*có, các quyền bình đẳng và không thể tách rời của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là cơ sở cho tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới”*³⁵⁶. Và hiện nay, có 9 công ước quốc tế cơ bản nhất về quyền con người gồm: ICERD năm 1965, ICCPR năm 1966, ICESCR) năm 1966, CEDAW năm 1979, CAT năm 1984, CRC năm 1989, ICRMW năm 1990, CRPD năm 2006, ICPPED năm 2006, đây là các công ước chính thức của Liên Hợp quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy rằng quyền con người không chỉ là vấn đề của từng cá nhân, mà còn gắn liền với quyền tự do, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia dân tộc. Người đã nhận thức sâu sắc rằng chỉ khi một dân tộc giành được độc lập, người dân mới thực sự có được các quyền cơ bản. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người mang đậm tính nhân văn, phù hợp với hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam trong quá trình đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước, có giá trị thời đại. Trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu các quyền con người và gắn quyền con người với quyền của dân tộc, Người khẳng định: “..... *Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”³⁵⁷.

Hiến pháp năm 2013 đã dành một chương riêng để quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*”³⁵⁸. Cách tiếp cận này thể hiện sự nhất quán của Nhà nước Việt Nam trong việc coi quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Hiến pháp năm

³⁵⁶“Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948) của Đại hội đồng Liên Hợp quốc”, tại trang https://vi.wikisource.org/wiki/Bi%C3%AAn_d%E1%BB%8Bch%3ATuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_Qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF_Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n?utm

³⁵⁷Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

³⁵⁸ Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội, Điều 14.

2013 quy định: “*Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc; người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi*”³⁵⁹.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã tiếp tục khẳng định “bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân; tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn”³⁶⁰. Đại hội lần thứ XIII của Đảng quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”: “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”, và xác định “*Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu*”³⁶¹.

Như vậy, có thể khái quát, quyền con người là các quyền tự nhiên, bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của tất cả mọi người, được cộng đồng quốc tế và quốc gia thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật quốc gia và công ước quốc tế.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1390/QĐ-TTg, ngày 05/9/2017, phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào Chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện Đề án đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg, ngày 21/12/2021 về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào Chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân thông qua các nhiệm vụ mà Thủ tướng chính phủ giao như tổ chức các hội thảo khoa học về

³⁵⁹Điều 14, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013).

³⁶⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.29.

³⁶¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.3.

nội dung và phương pháp giáo dục quyền con người; biên soạn tài liệu và giáo trình về giáo dục quyền con người; tập huấn cho đội ngũ giảng viên, giáo viên về quyền con người để lồng ghép nội dung quyền con người vào các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng.

Giáo dục quyền con người là những hoạt động giảng dạy, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng và phổ biến thông tin về quyền con người mà mục đích cuối cùng là để xây dựng một nền văn hóa quyền cơ bản của con người. Những mục tiêu cụ thể cần hướng đến là: thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các quốc gia, các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ. Ý nghĩa là tạo ra một thể hệ công dân toàn cầu có trách nhiệm, biết tôn trọng quyền của mình và quyền của người khác trong xã hội.

Từ góc độ giáo dục và nghiên cứu, cơ sở lý luận về quyền con người không chỉ là nền tảng khoa học để phân tích, lý giải những vấn đề thực tiễn, mà còn là định hướng cho việc xây dựng chương trình đào tạo cán bộ, bồi dưỡng. Trong bối cảnh Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi quy mô đào tạo sau khi sáp nhập Trường Chính trị tỉnh Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu (Quyết định số 355-QĐ/TU), việc củng cố cơ sở lý luận và thực tiễn về quyền con người càng trở nên cần thiết. Giúp Học viện Cán bộ không chỉ truyền đạt tri thức của khung chương trình đào tạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mà còn hình thành năng lực nhận thức và hành động cho đội ngũ giảng viên, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc bảo vệ, thúc đẩy quyền con người.

Trong những năm qua, công tác nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Việt Nam nói chung, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ở tầm quốc gia, việc giảng dạy quyền cơ bản của con người đã được đưa vào chương trình của các cơ sở đào tạo chính trị, hành chính, pháp luật, cũng như một số trường đại học và học viện và giáo dục phổ thông... Các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai rộng rãi

đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của quyền con người trong đời sống chính trị - xã hội. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Cán bộ quan tâm đến việc lồng ghép và thúc đẩy giáo dục quyền con người trong các chương trình đào tạo. Đây được xem là một nội dung quan trọng, góp phần bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, sinh viên không chỉ kiến thức về quyền và nghĩa vụ công dân, mà còn tinh thần tôn trọng, bảo vệ và phát huy các giá trị con người trong thực tiễn quản lý, điều hành và phục vụ nhân dân.

Sau khi Thành phố Hồ Chí Minh sáp nhập với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phạm vi không gian phát triển được mở rộng, tạo ra một chỉnh thể đô thị, công nghiệp, cảng biển có tầm ảnh hưởng khu vực. Sự thay đổi này không chỉ mang đến cơ hội tăng trưởng kinh tế và tái cấu trúc không gian đô thị, mà đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề mới trong việc phát huy vai trò của con người. Trong bối cảnh đó, con người vừa là chủ thể kiến tạo, vừa là nguồn lực trung tâm, đòi hỏi phải có những giải pháp toàn diện về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ trí thức, cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị và phát triển của một không gian đô thị mở rộng. Bình Dương (cũ) là địa phương công nghiệp phát triển năng động, tập trung đông đảo lao động di cư từ nhiều địa phương khác, đặt ra yêu cầu cấp thiết về quyền lao động, an sinh xã hội, điều kiện và môi trường sống và tiếp cận dịch vụ công cho người dân nhập cư. Trong khi đó, Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) có đặc thù kinh tế biển, du lịch, khai thác dầu khí và cảng biển quốc tế, phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến quyền môi trường, quyền phát triển bền vững và quyền sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, với vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học lớn nhất cả nước, áp lực đô thị hóa, phân hóa xã hội và yêu cầu minh bạch, dân chủ trong quản trị đô thị ngày càng gia tăng, đòi hỏi sự quan tâm đến quyền tham gia quản lý xã hội, quyền tiếp cận thông tin, và quyền sinh sống trong môi trường thân thiện, an toàn.

Thực tiễn trên cho thấy, việc giáo dục và nghiên cứu quyền con người tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh nói chung cần được nâng tầm để phù hợp với bối cảnh mới. Không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy lý thuyết, Học viện cần trở thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn từ ba địa bàn hợp nhất để xây dựng khung tri thức khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng, và cũng là động lực để định hướng chương trình giáo dục con người theo hướng thiết thực, gắn với yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế của Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên số.

Từ cơ sở thực tiễn đó, có thể thấy nhiệm vụ đặt ra cho Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là tiếp tục duy trì công tác giảng dạy quyền con người như trước đây, mà phải nâng tầm cả về nghiên cứu lẫn đào tạo, bồi dưỡng gắn với đặc thù của vùng. Đồng nghĩa với việc Học viện cần xây dựng chương trình giảng dạy linh hoạt, phản ánh đúng những vấn đề nổi bật của ba địa bàn hợp nhất, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu đủ mạnh để trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học trong khu vực. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để Học viện định hướng phát triển, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ vừa vững lý luận, vừa nắm bắt thực tiễn trong việc lồng ghép các chương trình về giáo dục quyền con người gắn liền với công cuộc phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. NHẬN DIỆN NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI CẦN ĐẶT RA ĐỐI VỚI HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU SÁP NHẬP

Sau sáp nhập, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho đô thị đặc biệt. Sự thay đổi khách quan này đặt ra những yêu cầu mới về nội dung, phương thức và phạm vi giáo dục, nghiên cứu phát triển. Học viện cần xác định rõ vai trò trong việc trang bị kiến thức, nâng cao năng lực tư duy lý luận và kỹ năng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

của cả ba địa phương sau hợp nhất, bảo đảm họ đủ khả năng thực thi quyền lực nhà nước gắn với việc bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy phát triển con người. Vị thế mới này đặt ra những yêu cầu cao hơn, đòi hỏi Học viện phải linh hoạt chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phương pháp giảng dạy, đồng thời mở rộng phạm vi nghiên cứu khoa học về phát triển kinh tế, xã hội để đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn đa dạng trong bối cảnh phát triển mới.

Thứ nhất, đối với khu vực tỉnh Bình Dương (cũ), địa phương có tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa cao, tập trung hàng triệu lao động di cư, Học viện Cán bộ cần định hướng quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực hoạch định và thực thi chính sách bảo đảm về nhà ở lưu trú, quyền lao động, quyền an sinh xã hội, quyền tiếp cận dịch vụ y tế và giáo dục cho lực lượng lao động nhập cư. Đây là yêu cầu trọng tâm, bởi sự ổn định xã hội và phát triển bền vững của vùng phụ thuộc lớn vào việc bảo đảm quyền cơ bản của con người cho cộng đồng lao động đông đảo này.

Thứ hai, đối với khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), với đặc thù kinh tế biển, cảng biển quốc tế và khai thác dầu khí đặt ra nhiều vấn đề mới mẽ liên quan đến quyền môi trường, quyền phát triển bền vững và quyền sinh kế của ngư dân ven biển, du lịch và dịch vụ du lịch. Do đó, nội dung đào tạo và nghiên cứu tại Học viện phải mở rộng để trang bị cho cán bộ kiến thức, kỹ năng quản trị phát triển gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh thái và ứng phó biến đổi khí hậu, đồng thời bảo đảm công bằng xã hội trong phân bổ lợi ích từ khai thác tài nguyên, du lịch.

Thứ ba, đối với Thành phố Hồ Chí Minh, siêu đô thị lớn nhất cả nước, những thách thức chủ yếu liên quan đến quyền tham gia quản lý xã hội của công dân, quyền tiếp cận thông tin và yêu cầu minh bạch, công bằng trong hoạt động quản trị đô thị, dịch vụ công. Trong bối cảnh dân số đông, phân hóa xã hội ngày càng rõ nét và áp lực lên hạ tầng đô thị gia tăng, Học viện phải đào tạo ra đội ngũ cán bộ có tư duy quản trị hiện đại, biết vận dụng các

nguyên tắc để xây dựng chính sách công minh bạch, dân chủ và hiệu quả, công bằng, hướng đến phục vụ người dân.

Từ các yêu cầu trên có thể thấy, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới cần khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo cán bộ gắn kết chặt chẽ lý luận và thực tiễn địa phương. Nhiệm vụ này đòi hỏi Học viện không chỉ mở rộng quy mô đào tạo mà còn phải nâng cao chất lượng nghiên cứu, liên ngành, liên kết vùng, để đáp ứng những yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế và bảo đảm quyền con người trong thực tiễn quản trị khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

3. ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI HỌC VIỆN CÁN BỘ

sáp nhập) trở thành trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho toàn vùng, việc xác định định hướng nghiên cứu về quyền con người mang ý nghĩa chiến lược. Nghiên cứu quyền con người không chỉ phục vụ giảng dạy trong chương trình đào tạo, mà còn tạo nền tảng khoa học để tham mưu cho chính quyền địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách. Các định hướng nghiên cứu cần phản ánh đầy đủ những thách thức nổi bật ở ba địa bàn hợp nhất, đồng thời mở rộng sang những vấn đề toàn cầu đang tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội Việt Nam.

Thứ nhất, cần chú trọng nghiên cứu quyền con người trong quản trị đô thị, công nghiệp và kinh tế biển. Đây là hướng nghiên cứu then chốt bởi sự phát triển mạnh mẽ của Thành phố Hồ Chí Minh mới đều gắn liền với các lĩnh vực này. Các nội dung cần làm rõ cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ công, quyền bình đẳng trong cơ hội việc làm, quyền an sinh xã hội, cũng như quyền môi trường và sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh phát triển đô thị - công nghiệp - cảng biển.

Thứ hai, cần phát triển các nghiên cứu về quyền lao động và an sinh xã hội trong bối cảnh di cư. Bình Dương là địa phương có số lượng lao động

nhập cư lớn nhất cả nước, đi kèm với những vấn đề xã hội phức tạp như chỗ ở, chăm sóc y tế, giáo dục cho con em người lao động. Do đó, Học viện cần tổ chức nghiên cứu chuyên sâu nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc tư vấn thiết kế chính sách lao động, xã hội, đồng thời trang bị cho cán bộ năng lực ứng xử linh hoạt trong quản trị nhân lực đô thị, công nghiệp.

Thứ ba, định hướng nghiên cứu cần tập trung vào quyền môi trường và quyền phát triển bền vững. Với Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi khai thác dầu khí, phát triển cảng biển và du lịch ven biển, các nghiên cứu cần đi sâu phân tích tác động của phát triển kinh tế đối với hệ sinh thái và đời sống cộng đồng ngư dân. Đây là căn cứ quan trọng để hoạch định chính sách vừa bảo đảm tăng trưởng, vừa bảo vệ quyền sinh kế, phù hợp với cam kết của Việt Nam về phát triển xanh và ứng phó biến đổi khí hậu.

Thứ tư, cần mở rộng nghiên cứu về quyền tham gia quản lý xã hội và giám sát quyền lực trong mô hình chính quyền đô thị hai cấp. Thành phố Hồ Chí Minh đang đi đầu trong thí điểm cơ chế chính quyền đô thị, do đó việc nghiên cứu cơ chế pháp lý, thực tiễn bảo đảm quyền tham gia của người dân, cũng như cơ chế giám sát, minh bạch hóa quản trị là rất cần thiết. Các kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị ở quy mô siêu đô thị.

Thứ năm, trong kỷ nguyên chuyển đổi số, một hướng nghiên cứu mới mẻ nhưng quan trọng là quyền con người trong không gian số. Quyền tiếp cận thông tin, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và an ninh mạng là những vấn đề vừa mang tính toàn cầu, vừa hiện hữu trong đời sống hàng ngày của người dân đô thị. Nghiên cứu sâu về các khía cạnh này sẽ giúp Học viện định hướng đào tạo cán bộ có tư duy quản trị hiện đại, biết cân bằng giữa đổi mới công nghệ và bảo đảm quyền con người.

Thứ sáu, trong bối cảnh sáp nhập 3 tỉnh để hình thành đơn vị hành chính mới, yêu cầu đặt ra là phải xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông đồng

bộ, kết nối hiệu quả giữa các vùng, bảo đảm thuận lợi cho lưu thông, phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Quá trình quy hoạch đất cho hạ tầng cần được tiến hành khoa học, tính toán kỹ lưỡng phương án giải phóng mặt bằng, di dời và bố trí tái định cư. Đây là vấn đề nhạy cảm, bởi nếu thiếu đồng bộ, thiếu minh bạch sẽ gây xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến sinh kế và tâm lý của người dân. Do đó, chính quyền phải coi trọng công tác tái định cư, không chỉ dừng ở việc “có chỗ ở mới” mà còn phải bảo đảm hạ tầng xã hội, sinh kế, việc làm, dịch vụ thiết yếu tại nơi ở mới. Cần có cơ chế ưu đãi và hỗ trợ đặc biệt cho người dân tái định cư như hỗ trợ vay vốn, đào tạo nghề, tạo việc làm, giảm gánh nặng chi phí sinh hoạt. Cách tiếp cận này vừa tạo sự đồng thuận, vừa biến quá trình tái định cư thành cơ hội cải thiện đời sống, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, bảo đảm phát triển bền vững cho đơn vị hành chính mới.

Từ các định hướng trên có thể thấy, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng một khung nghiên cứu liên ngành, kết hợp giữa luật học, chính trị học, quản lý công và xã hội học, nhằm phản ánh đầy đủ các vấn đề quyền con người trong bối cảnh phát triển mới. Không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, mà còn khẳng định vai trò của Học viện như một trung tâm khoa học có uy tín, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

4. ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI HỌC VIỆN CÁN BỘ

Giáo dục quyền con người tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới cần được xác định là nhiệm vụ quan trọng, nhằm bảo đảm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ tri thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để vận dụng trong thực tiễn quản trị nhà nước và phục vụ nhân dân. Trong bối cảnh Học viện trở thành trung tâm đào tạo cấp vùng, định hướng giáo dục quyền con người càng trở nên cấp bách, đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, liên ngành và gắn liền với yêu cầu phát triển bền

vững.

Thứ nhất, về nội dung chương trình đào tạo, Học viện cần lồng ghép quyền con người vào các học phần cốt lõi về quản lý công, chính trị học, hành chính công và xây dựng Đảng. Không nên coi quyền con người chỉ là một môn học riêng lẻ, mà phải trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong toàn bộ quá trình đào tạo. Nội dung giảng dạy cần gắn với thực tiễn đặc thù của từng địa bàn hợp nhất.

Thứ hai, về phương pháp giáo dục, Học viện cần đổi mới theo hướng tăng cường tính thực tiễn và khả năng tương tác. Các phương pháp hiện đại như phân tích tình huống, chính sách, mô phỏng ra quyết định nên được áp dụng rộng rãi. Việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy sẽ giúp học viên tiếp cận kiến thức đa chiều, đồng thời hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu độc lập, những năng lực không thể thiếu trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ ba, về đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên, Học viện cần tập trung bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực tiếp cận liên ngành và mở rộng hợp tác quốc tế. Tạo điều kiện để giảng viên cập nhật kiến thức về quyền con người, từ đó truyền đạt lại cho học viên bằng những cách tiếp cận mới mẻ, gần gũi với thực tiễn. Đồng thời, Học viện cũng cần khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế tại các địa phương, nhằm đưa những trải nghiệm sống động vào bài giảng.

Thứ tư, về môi trường học tập và nghiên cứu, cần tạo dựng một hệ sinh thái học thuật cởi mở, nơi học viên không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn có cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học, đối thoại chính sách và các hoạt động cộng đồng liên quan đến quyền con người, gắn kết lý thuyết với thực tiễn, đồng thời nuôi dưỡng tinh thần tôn trọng quyền con người trong hoạt động công vụ.

Thứ năm, để bảo đảm tính chiến lược và bền vững, Học viện cần xây dựng Chương trình phát triển giáo dục quyền con người đến năm 2045, với các mục tiêu, lộ trình và giải pháp cụ thể. Đây không chỉ là định hướng dài hạn cho

công tác giảng dạy, mà còn là cam kết chính trị và học thuật của Học viện trong việc góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ vừa vững lý luận, vừa thực tiễn, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập trong kỷ nguyên mới.

5. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ TRONG TỔ CHỨC TRIỂN KHAI GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TẠI HỌC VIỆN

Thứ nhất, công tác biên soạn tài liệu, giáo trình chuyên sâu về quyền con người còn chưa triển khai đồng bộ. Học viện vẫn chưa có tài liệu phù hợp để tích hợp vào chương trình giảng dạy. Việc thiếu giáo trình bài bản, hệ thống và phù hợp đã làm hạn chế tính hiệu quả trong quá trình truyền tải kiến thức về quyền con người cho học viên và sinh viên.

Thứ hai, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên về quyền con người chưa được hỗ trợ hiệu quả cho việc triển khai rộng nội dung này. Việc am hiểu tình hình thực tế địa phương giúp giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy một cách rõ rệt. Khi nắm bắt được bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội và nhu cầu cụ thể của địa phương, giảng viên có thể xây dựng nội dung bài giảng sát thực tiễn, phù hợp với đối tượng người học. Đồng thời, giảng viên có thể lồng ghép các ví dụ thực tế, khơi gợi sự hứng thú, giúp học viên dễ tiếp thu và áp dụng kiến thức vào cuộc sống. Từ đó, hiệu quả đào tạo được nâng cao, góp phần phát triển nguồn nhân lực phù hợp với địa phương.

Thứ ba, một hạn chế khác là chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục quyền con người còn chưa cao. Việc triển khai giáo dục quyền con người chỉ mang tính lồng ghép chung chung mà thiếu chiều sâu. Một phần nguyên nhân là do nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục quyền con người trong phát triển con người toàn diện, đồng thời thiếu cơ chế đánh giá hiệu quả cụ thể trong quá trình thực hiện.

Thứ tư, việc hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người còn gặp nhiều khó khăn. Các rào cản về ngôn ngữ, pháp lý, cơ chế phối hợp và cả sự khác biệt về hệ thống chính trị, xã hội, phong tục, tập quán khiến

cho việc tiếp cận với các mô hình, kinh nghiệm quốc tế chưa đạt được như kỳ vọng. Làm giảm cơ hội nâng cao năng lực cho đội ngũ chuyên gia trong nước cũng như hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn lực quốc tế phục vụ nghiên cứu và giảng dạy.

6. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TẠI HỌC VIỆN

Từ định hướng nghiên cứu và giáo dục đào tạo, bồi dưỡng quyền con người, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh cần triển khai nhiều giải pháp mang tính thực thi và bền vững. Các giải pháp này phải vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt trong công tác đào tạo, vừa bảo đảm tầm nhìn chiến lược dài hạn, phù hợp với vị thế cơ sở đào tạo.

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quyền con người đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động. Thông qua các hình thức như truyền thông, hội thảo khoa học nội dung về quyền con người được phổ biến rộng rãi, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tuyên truyền hiệu quả góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi người. Đồng thời, giúp đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm, thúc đẩy sự phát triển bền vững và tiến bộ xã hội.

Thứ hai, cần thể chế hóa quyền con người trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Đẩy mạnh công tác biên soạn tài liệu, giáo trình chuyên sâu về quyền con người. Quyền con người lồng ghép vào trong quá trình giảng dạy về quản trị công, chính sách xã hội, quản lý đô thị, công tác dân vận, bảo đảm tính hệ thống xuyên suốt.

Thứ ba, cần tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết vùng. Học viện có thể xây dựng chương trình đào tạo, trao đổi chuyên gia và giảng viên, cũng như tiếp cận các phương pháp giáo dục quyền con người. Việc liên kết chặt chẽ với chính quyền địa phương, doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong vùng sẽ

giúp Học viện mở rộng phạm vi hoạt động thực tiễn.

Thứ tư, Học viện cần đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên theo hướng chuyên nghiệp, liên ngành và quốc tế hóa, ký kết các MOU quốc tế. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trong và ngoài nước cần được triển khai thường xuyên, đồng thời khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế để cập nhật kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn. Đây là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp quyền con người trở thành nội dung vừa mang tính học thuật, vừa gắn bó mật thiết với thực tiễn đời sống.

7. KẾT LUẬN

Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm đào tạo chính trị - hành chính, gánh vác trọng trách mới trong việc hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực quản trị hiện đại, có tư duy nhân văn và ý thức sâu sắc về bảo đảm quyền con người.

Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy quyền con người vừa là giá trị phổ quát toàn cầu, vừa mang đặc thù lịch sử, văn hóa, chính trị của Việt Nam, của Thành phố Hồ Chí Minh là những vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược, đòi hỏi Học viện Cán bộ phải có những định hướng nghiên cứu và giáo dục toàn diện, liên ngành, gắn liền với thực tiễn địa phương.

Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu đến 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến 2045 trở thành nước phát triển, đòi hỏi phải đặt con người vào vị trí trung tâm của phát triển, coi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nền tảng để hiện thực hóa khát vọng quốc gia, trong đó vai trò đào tạo và bồi dưỡng là một nhiệm vụ không thể thiếu. Bên cạnh phát triển kinh tế, Nghị quyết 57 gắn khoa học - công nghệ và chuyển đổi số với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm công bằng xã hội. Đặt ra yêu cầu phát triển con người không chỉ về tri thức, kỹ năng, mà còn về giá trị

nhân văn, quyền con người, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025), *Quyết định số 321-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị thành lập Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bảo (2025), “Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người trong bối cảnh mới ở Việt Nam hiện nay”, tại trang https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/1075902/van-dung-sang-tao-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-quyen-con-nguoi-trong-boi-canhh-moi-o-viet-nam-hien-nay.aspx.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày ngày 21/12/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
5. Trung Kiên (2021), “Đẩy mạnh đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục”, tại trang <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/day-manhh-dua-noi-dung-quyen-con-nguoi-vao-chuong-trinh-giao-duc-1491888668>.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hoàng Văn Nghĩa (2025), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người là trung tâm, mục tiêu, động lực phát triển đất nước”, tại trang https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/1086002/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-quyen-con-nguoi-la-trung-tam%2C-muc-tieu%2C-dong-luc-phat-trien-dat-nuoc.aspx.
8. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2006), *Frequently Asked Questions on a Human Rights-based Approach to*

Development Cooperation, New York and Geneva, 2006, p.15.

9. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

10. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội: Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.

11. “Quyền con người”, tại trang https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n.

12. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

13. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

14. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2025), *Quyết định số 355-QĐ/TU ngày 21/8/2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về sáp nhập trường chính trị tỉnh Bình Dương và trường chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Phạm Thị Ngọc Thu, “Quan điểm của Đảng về bảo vệ quyền con người trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII”, tại trang <https://dhannd.bocongan.gov.vn/quan-diem-cua-dang-ve-bao-ve-quyen-con-nguoi-trong-van-kien-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-xiii-a-3255>.

16. “Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948) của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc”, tại trang https://vi.wikisource.org/wiki/Bi%C3%AAn_d%E1%BB%8Bch%3ATuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_Qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF_Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n?utm.

ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG
CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân
Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong dòng chảy phát triển của nhân loại, quyền con người từ lâu đã trở thành giá trị phổ quát, nền tảng cho mọi trật tự xã hội dân chủ, tiến bộ và văn minh. Bất kỳ một quốc gia nào cũng đều lấy việc bảo đảm quyền con người làm tiêu chí để khẳng định bản chất chế độ chính trị và mức độ phát triển của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”³⁶², Người đã đặt quyền con người và quyền công dân ở vị trí trung tâm của sự nghiệp cách mạng. Kế thừa và tiếp thu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở Việt Nam hiện nay, quyền con người được ghi trong Hiến pháp (Điều 14): “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”³⁶³.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục về quyền con người càng có ý nghĩa thiết thực, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở - những người trực tiếp triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đại diện Đảng và Nhà nước hằng ngày giao tiếp, làm việc với nhân dân, là “bộ mặt” của Đảng và chính quyền trong mắt người dân.

³⁶²Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.232.

³⁶³ Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

Tầm quan trọng của việc giáo dục quyền con người cho cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở có thể được nhìn nhận trên nhiều phương diện. *Trước hết*, đây là cơ sở để bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và quản lý hiệu quả của Nhà nước. Một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chỉ thực sự vững mạnh khi quyền lực nhà nước được thực thi trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, quyền con người được tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm. Cán bộ, công chức, viên chức cơ sở là người trực tiếp thực thi các chính sách, pháp luật ấy. Nếu họ thiếu kiến thức về quyền con người thì nguy cơ lạm quyền, vi phạm pháp luật, xâm hại lợi ích chính đáng của người dân là rất lớn. Ngược lại, khi được trang bị kiến thức nhân quyền, họ sẽ biết tôn trọng nhân dân, giải quyết công việc minh bạch, công bằng, đúng pháp luật, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Thứ hai, giáo dục quyền con người có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nguyên tắc “lấy dân làm gốc” - một giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Khi cán bộ, đảng viên hiểu rõ và thấm nhuần nguyên tắc này, họ sẽ luôn đặt quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân lên hàng đầu, tránh những biểu hiện quan liêu, xa dân, coi thường dân. Đây là yếu tố quan trọng để xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giáo dục quyền con người càng trở nên cấp thiết. Đến nay, Việt Nam đã tham gia 7/9 công ước quốc tế về quyền con người của Liên Hợp quốc³⁶⁴, từ Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn

³⁶⁴TTXVN: “Phiên đối thoại theo UPR chu kỳ IV lên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc: Việt Nam đạt nhiều thành tựu trong bảo vệ, thúc đẩy quyền con người”, (Chuyên trang Nhân vật - Sự kiện, đăng ngày 06/5/2024), tại trang <https://nvsk.vnnet.vn/phien-doi-thoai-theo-upr-chu-ky-iv-len-hoi-dong-nhan-quyen-lien-hop-quoc-viet-nam-dat-nhieu-thanh-tuu-trong-bao-ve-thuc-day-quyen-con-nguoi-1-145795.vna>

hóa (ICESCR) cho đến các công ước về quyền trẻ em, quyền phụ nữ, quyền của người khuyết tật, chống phân biệt chủng tộc... Việc tham gia và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế ấy đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên ở mọi cấp, đặc biệt là cấp cơ sở, phải nắm vững kiến thức về quyền con người, từ đó vận dụng vào công tác lãnh đạo, quản lý, xây dựng chính sách và giải quyết những vấn đề hằng ngày, thiết thực của người dân. Nếu không có sự hiểu biết này, cán bộ, đảng viên ở cơ sở có thể vô tình tạo ra những rào cản trong quá trình thực hiện cam kết quốc tế, ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín quốc gia.

Thứ tư, giáo dục quyền con người còn là biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa vi phạm, lạm quyền và tham nhũng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng những nhiễu, quan liêu, tham nhũng ở cơ sở chính là sự thiếu hiểu biết hoặc coi nhẹ quyền lợi của người dân. Khi cán bộ, đảng viên được giáo dục đầy đủ về quyền con người, họ sẽ nhận thức rõ hơn ranh giới giữa quyền lực công và lợi ích cá nhân, từ đó hành xử liêm chính, thượng tôn pháp luật. Điều này góp phần xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, vì nhân dân phục vụ.

Thứ năm, giáo dục quyền con người có ý nghĩa trong việc củng cố niềm tin của nhân dân vào bản chất tốt đẹp, sự tiến bộ của chính quyền cách mạng. Nhân dân chỉ thực sự tin tưởng vào Đảng và Nhà nước khi quyền và lợi ích của họ được bảo đảm một cách thiết thực trong đời sống hằng ngày. Những quyền như quyền được học tập, chăm sóc y tế, quyền được tham gia quản lý nhà nước, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo... nếu được tôn trọng và thực thi ở cơ sở, sẽ trở thành minh chứng sống động nhất cho bản chất tốt đẹp của chế độ. Do đó, giáo dục quyền con người cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở góp phần giữ vững sự ổn định xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành, được các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trường chính trị) triển khai giảng dạy là chương trình đào

tạo cán bộ đương chức và dự nguồn các chức danh lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở. Vì vậy, việc tích hợp và phát triển nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị có vai trò then chốt giúp củng cố nhận thức, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực công vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Chương trình này lồng ghép nội dung về quyền con người trong các học phần của nhiều khối kiến thức: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Quản lý hành chính nhà nước và kỹ năng lãnh đạo, quản lý; Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương (hoặc ngành) và kiến thức bổ trợ. Thông qua đó, học viên được tiếp cận nội dung quyền con người từ nhiều góc độ: chính trị, pháp lý, hành chính, đạo đức công vụ...

**Bảng 1: Nội dung giáo dục về quyền con người trong Chương trình
Trung cấp Lý luận chính trị**

Tên học phần	Nội dung được lồng ghép
Nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	Quan điểm của Mác - Lênin về con người, tự do, bình đẳng; giá trị phổ quát và đặc thù của quyền con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa...
Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh về “lấy dân làm gốc”, “nhà nước của dân, do dân, vì dân”; độc lập dân tộc gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân...
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ xã hội chủ nghĩa; quan điểm phát triển con người, phát triển bền vững gắn với tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người. Quyền con người trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội, dân tộc - tôn giáo, bảo vệ môi trường, hội nhập quốc tế...
Xây dựng Đảng	Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; phòng chống tham nhũng, quan liêu, lạm quyền - các

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC VÀ BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN CON
NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

	hành vi xâm hại nhân quyền. Cơ chế nhân dân thực hiện quyền làm chủ; vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc trong bảo đảm quyền con người...
Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013; các luật bảo vệ nhân quyền (Bình đẳng giới, Trẻ em, Người khuyết tật, Tín ngưỡng - Tôn giáo, Tổ tụng hình sự...)...
Quản lý hành chính nhà nước và Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Bảo đảm quyền con người trong hoạt động quản lý nhà nước; quyền tiếp cận thông tin; cải cách hành chính; văn hóa công vụ; đạo đức công vụ...
Kiến thức bổ trợ	Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quản lý hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng ở cơ sở hiện nay; Bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay...

Ưu điểm nổi bật của cách làm này là bảo đảm tính chính trị - pháp lý rõ ràng, phù hợp với nền tảng tư tưởng và hệ thống pháp luật của nước ta. Khi được tích hợp vào nhiều học phần, quyền con người không còn là một khái niệm trừu tượng mà được soi chiếu trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người, về quyền tự do, bình đẳng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giai cấp gắn liền với hạnh phúc của nhân dân, đến các quy định cụ thể trong Hiến pháp Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... Đây là cách tiếp cận toàn diện, giúp học viên hiểu rằng quyền con người gắn liền với mọi khía cạnh của đời sống chính trị - xã hội.

Một ưu điểm khác là chương trình Trung cấp Lý luận chính trị đã gắn giáo dục nhân quyền với thực tiễn công vụ. Các học phần về quản lý hành chính nhà nước, kỹ năng lãnh đạo, quản lý đều tập trung huấn luyện các nghiệp vụ quản lý về đất đai, địa giới hành chính và xây dựng; về hoạt động kinh tế, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, hành chính tư pháp; kiểm tra và cưỡng chế hành chính; cải cách hành chính ở cơ sở; đồng thời đào tạo cán bộ các kỹ năng: kỹ năng xử lý tình huống trong lãnh đạo, quản lý, kỹ năng tuyên

truyền, vận động, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở cơ sở... Nhờ đó, học viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào công việc hằng ngày, từ việc giải quyết thủ tục hành chính, tiếp công dân đến quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Tuy nhiên, nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị cũng còn những hạn chế. *Trước hết*, việc chỉ lồng ghép nội dung giáo dục về quyền con người vào các học phần mà không có nội dung kiến thức độc lập khiến cho kiến thức về quyền con người thiếu tính hệ thống, học viên khó có điều kiện nghiên cứu sâu và toàn diện. *Thứ hai*, nội dung giảng dạy còn thiếu tính cập nhật, chưa kịp thời đề cập đến những vấn đề mới nổi của nhân quyền trong thời đại số như quyền bảo mật dữ liệu cá nhân, quyền trên không gian mạng, quyền con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu, di cư và phát triển bền vững... *Thứ ba*, đội ngũ giảng viên chưa đồng đều về trình độ và kiến thức chuyên sâu về nhân quyền, chưa phân tích tình huống và kết nối với thực tiễn công vụ. *Thứ tư*, phương pháp giảng dạy còn ít nghiên cứu tình huống, ít ứng dụng công nghệ số... làm cho nội dung học tập về nhân quyền chưa hấp dẫn học viên. *Thứ năm*, cơ chế kiểm tra, đánh giá chưa thực sự coi trọng nội dung quyền con người, khi đây không phải là tiêu chí độc lập để đánh giá kết quả học tập của học viên.

Để phát huy những ưu điểm đã có và khắc phục những hạn chế của Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị hiện hành, thời gian tới, cần xác định rõ định hướng giáo dục quyền con người trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị. Cần đưa nội dung kiến thức về quyền con người trở thành một trục nội dung xuyên suốt Chương trình, có thể nghiên cứu xây dựng thành một chuyên đề độc lập nhằm trình bày kiến thức một cách hệ thống và có cơ chế kiểm tra, đánh giá quá trình học tập nội dung này.

Bên cạnh đó, cần cập nhật nội dung giáo dục quyền con người theo bối cảnh mới. Nhân quyền không chỉ dừng lại ở các quyền chính trị, dân sự, kinh

tế, xã hội, văn hóa mà còn mở rộng ra những quyền mới xuất hiện trong thời đại số và toàn cầu hóa. Do vậy, chương trình cần bổ sung các nội dung về quyền con người trong chuyển đổi số, bảo mật dữ liệu cá nhân, quyền trên không gian mạng, quyền trong biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quyền trong di cư, lao động và hội nhập quốc tế... Đây là những vấn đề mà cán bộ, đảng viên ở cơ sở thường xuyên đối mặt trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý.

Phương pháp giảng dạy cũng cần được đổi mới. Thay vì chỉ dừng ở việc giảng lý thuyết, cần tăng cường các hình thức thảo luận nhóm, xử lý tình huống, mô phỏng hoạt động công vụ, nghiên cứu các vụ việc thực tế. Ứng dụng công nghệ số, lớp học trực tuyến, tài liệu đa phương tiện... sẽ giúp việc giảng dạy và học tập trở nên sinh động, dễ hiểu, dễ vận dụng. Tăng cường gắn lý luận với thực tiễn thông qua mời giảng viên thỉnh giảng là các chuyên gia thực tiễn trong lĩnh vực tư pháp, hành chính, an sinh xã hội, ngoại giao... đến giảng dạy, báo cáo các chuyên đề trong học phần Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương (hoặc ngành), trong nội dung kiến thức bổ trợ, trong nội dung đi nghiên cứu thực tế của lớp Trung cấp Lý luận chính trị. Học viên cần được tổ chức đi khảo sát, tham quan tại các cơ quan tư pháp, cơ sở hành chính, giáo dục, y tế, trung tâm bảo trợ xã hội... để thấy rõ cách thức quyền con người được bảo đảm trong thực tế. Các bài tập, báo cáo, tiểu luận thu hoạch cũng cần gắn trực tiếp với tình hình địa phương nơi học viên công tác, từ đó giúp họ học tập hiệu quả hơn, đồng thời gợi ý cho học viên các cách thức giải quyết vấn đề của thực tế công tác.

Cần hoàn thiện cơ chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập toàn khóa học theo hướng kiến thức, nhận thức và kỹ năng vận dụng lý luận về quyền con người là một trong những tiêu chí bắt buộc để công nhận hoàn thành khóa học. Việc đánh giá không chỉ dừng ở kiểm tra kiến thức lý thuyết mà còn cần chú ý đến thái độ và kỹ năng vận dụng trong công vụ. Kết quả học tập về nhân quyền cũng nên được liên kết với công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ,

bảo đảm rằng chỉ những người có nhận thức đúng đắn và thái độ tôn trọng nhân quyền mới được giao trọng trách lãnh đạo, quản lý.

Định hướng dài hạn của giáo dục quyền con người trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị là xây dựng chuẩn năng lực nhân quyền cho cán bộ, đảng viên. Chuẩn này không chỉ bao gồm kiến thức mà còn bao gồm kỹ năng, thái độ và hành vi ứng xử phù hợp trong công vụ. Khi đã có chuẩn năng lực, giáo dục quyền con người sẽ trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược đào tạo cán bộ, gắn liền với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên”, có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ hướng tới phát triển đất nước hùng cường trong kỷ nguyên mới.

Để hiện thực hóa những định hướng nêu trên, bên cạnh đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, cần đặc biệt chú trọng bồi dưỡng đội ngũ giảng viên thông qua xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình bồi dưỡng giảng viên chuyên sâu về nhân quyền, hình thành mạng lưới giảng viên nhân quyền trong hệ thống các trường chính trị để chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy. Đồng thời, cần biên soạn hệ thống tài liệu tham khảo cập nhật, phong phú các vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền con người ở trong và ngoài nước.

Tóm lại, giáo dục quyền con người cho cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài. Nó không chỉ giúp cán bộ, đảng viên ở cơ sở thực hiện tốt công vụ, tôn trọng và bảo vệ, bảo đảm quyền lợi của nhân dân mà còn góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu này, cần tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, cơ chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên. Có như vậy, mỗi cán bộ, đảng viên sau khi được đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị mới hoàn thành tốt vai trò “công bộc” của nhân dân, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Giáo trình Trung cấp Lý luận chính trị*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO CÁN BỘ, CHIẾN SĨ
CÔNG AN NHÂN DÂN YÊU CẦU CẤP THIẾT
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Đại tá Phạm Kim Đình

Cục trưởng Cục Công tác chính trị

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có của mỗi con người, được ghi nhận, bảo vệ bởi hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, Đây là sự kết tinh văn hóa và thành quả đấu tranh của nhân loại qua hàng nghìn năm lịch sử. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, trước những thời cơ, tiềm lực, vị thế của đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, con người không chỉ là trung tâm mà còn là mục tiêu và động lực của sự phát triển đất nước. Vì vậy, việc giáo dục quyền con người là thực sự cần thiết nhằm nâng cao nhận thức cho mỗi cá nhân về quyền và ý thức tôn trọng, bảo vệ quyền con người, đặc biệt, đối với lực lượng Công an nhân dân (CAND) - lực lượng vũ trang trọng yếu, nòng cốt trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội - việc thấu hiểu và tôn trọng quyền con người không chỉ là yêu cầu chính trị mà còn là đạo đức công vụ. Giáo dục quyền con người không làm giảm sức mạnh của lực lượng Công an - mà trái lại, làm tăng tính chính danh, tạo “lá chắn niềm tin” vững chắc giữa Công an và Nhân dân, góp phần xây dựng một lực lượng CAND “gần dân, hiểu dân, trọng dân, vì nhân dân phục vụ”.

1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Quyền con người theo nghĩa chung nhất là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, tự do cơ bản của con người. Quyền con người bao gồm các quyền dân sự và chính trị như: quyền sống, quyền bất

khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do tôn giáo, tự do lập hội, quyền tự quyết và quyền về sáng tạo văn hóa, quyền bình đẳng, quyền được xét xử công bằng, quyền về sự riêng tư, quyền tham gia đời sống chính trị, quyền kết hôn và lập gia đình; và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa như: quyền về sức khỏe, quyền giáo dục, quyền về nhà ở, quyền về bảo trợ xã hội, quyền được an toàn ở nơi làm việc, quyền có đủ lương thực, nước uống và được sống trong môi trường trong lành... Các quyền này không chỉ được ghi nhận trong các văn bản quốc gia mà còn được cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước thành viên phải tuyệt đối chấp hành.

Ở Việt Nam, kể từ khi giành được độc lập (năm 1945), Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền con người. Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội ngày 02/9/1945 được coi là một văn kiện có tính lịch sử trên phương diện quốc tế về quyền con người. Trên cơ sở đó, quyền con người đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp nước ta. Bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ghi nhận các quyền thiêng liêng của con người. Tiếp đó là các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) không chỉ thừa nhận và bảo đảm đầy đủ các quyền con người, quyền công dân phù hợp với luật pháp quốc tế mà còn khẳng định rõ: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, có trách nhiệm bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân. Trong các kỳ Đại hội của Đảng, quan điểm về quyền con người cũng luôn được đặt lên hàng đầu. Đặc biệt, Đại hội VI của Đảng đã nhấn mạnh đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước. Đại hội XII và XIII tiếp tục khẳng định quan điểm này, nhấn mạnh việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, đồng thời gắn kết quyền với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân.

Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu hiểu biết, thực hiện và thụ hưởng các quyền con người ngày càng nâng cao. Điều đó đòi hỏi các quốc gia cần phải nâng cao hơn nữa việc tuyên truyền, giáo dục, bảo đảm quyền con người. Trong đó, giáo dục quyền con người là một trong những phương thức tác động mang tính chủ động nhất giúp con người nhận thức được đầy đủ, đúng đắn, sâu sắc về quyền con người, về giá trị, vai trò, ý nghĩa to lớn mà việc đảm bảo quyền con người mang lại. Vì vậy, những năm qua, có rất nhiều nước trên thế giới luôn coi trọng việc giáo dục quyền con người. “Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người” năm 1948 quy định: “giáo dục phải hướng đến sự phát triển đầy đủ của nhân cách con người và nhân phẩm, và phải tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và các tự do căn bản... giáo dục phải giúp cho tất cả mọi người có thể tham gia một cách hiệu quả vào... thúc đẩy sự hiểu biết, lòng khoan dung và tính hữu nghị giữa các quốc gia, các chủng tộc, sắc tộc hay các nhóm tôn giáo và tăng cường các hoạt động của Liên Hợp quốc trong việc duy trì hòa bình”³⁶⁵. Hội nghị quốc tế về giáo dục quyền con người lần đầu tiên được UNESCO tổ chức tại Iran năm 1978 đã tập trung hướng đến mục đích: “Mỗi cá nhân cần nhận biết được quyền của mình, đồng thời tôn trọng quyền của người khác”. Ở nước ta, đặc biệt, từ năm 1992 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn kiện về quyền con người và giáo dục quyền con người, trong đó có Quyết định số 1039/QĐ-TTg, ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông qua Đề án đưa nội dung giáo dục quyền con người vào chương trình giáo dục chính thống của hệ thống giáo dục quốc dân; đảm bảo đến năm 2025, 100% các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân giáo dục nội dung này. Nội dung đề án đang được triển khai thực hiện, từng bước hiện thực hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và thực hiện các cam kết quốc tế của Nhà nước Việt Nam về giáo dục quyền con người.

³⁶⁵ Liên Hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người năm 1948*, Điều 26, khoản 2.

Mặc dù đến nay, giáo dục quyền con người vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau, song tựu trung, các quan điểm đều thống nhất rằng giáo dục quyền con người là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục bằng những biện pháp, cách thức nhất định nhằm hình thành ở họ tri thức, kỹ năng về quyền con người; biết tự mình bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác phù hợp với các yêu cầu, đòi hỏi của các chuẩn mực pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia và tương lai tiến bộ của nhân loại về quyền con người. Mục tiêu của giáo dục quyền con người là để tăng cường nhận thức của đối tượng được giáo dục hướng đến sự thay đổi nhận thức về quyền con người, từ đó hình thành hành vi xử xử của mỗi cá nhân trên cơ sở tôn trọng và bảo vệ quyền con người, hình thành văn hóa quyền con người. Giáo dục quyền con người được coi là chìa khóa quan trọng trong việc thúc đẩy quyền con người đồng thời cũng là “biện pháp phòng ngừa” hữu hiệu đối với các hành vi vi phạm quyền con người; góp phần tích cực vào việc phát triển bền vững và xây dựng một nền văn hóa nhân quyền toàn cầu.

2. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN

Công an nhân dân (CAND) với tư cách là “thanh bảo kiếm” của Đảng, là lực lượng vũ trang trọng yếu bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và Nhân dân. Tại Điều 3, Luật CAND năm 2018 quy định: “CAND là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”. Từ thực tế cho thấy, hoạt động của lực lượng CAND đều có sự liên quan mật thiết đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, với tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, với quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Nhiệm vụ của lực lượng CAND không chỉ là duy trì trật tự xã hội mà còn phải bảo vệ quyền con người trong

mọi hoạt động thực thi pháp luật, điều đó đòi hỏi mỗi cán bộ, chiến sĩ CAND ngoài những kiến thức nghiệp vụ cơ bản cần phải được giáo dục, trang bị những kiến thức cần thiết về quyền con người, về trách nhiệm đặt ra trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người. Nếu không nắm vững thì rất dễ dẫn đến xảy ra vi phạm các quy định về quyền con người trong quá trình thực thi công vụ. Thực tiễn cho thấy, một số hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động công vụ phần lớn xuất phát từ nhận thức chưa đúng hoặc thiếu kiến thức pháp lý của người thi hành công vụ. Việc giáo dục quyền con người sẽ giúp cán bộ, chiến sĩ CAND nhận diện rõ ranh giới giữa quyền lực công vụ và giới hạn hợp pháp trong sử dụng quyền lực. Cùng với đó, đặc điểm công tác đảm bảo an ninh, trật tự yêu cầu lực lượng CAND luôn phải hoạt động trong những điều kiện khó khăn, phức tạp, nhạy cảm, trong các tình huống bất ngờ, nguy hiểm, do phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt và manh động. Việc hiểu biết sâu sắc về quyền con người giúp cho cán bộ, chiến sĩ CAND luôn làm chủ bản thân, làm chủ mọi hoàn cảnh, kiểm soát chặt chẽ mọi hành vi và thái độ, hành động hiệu quả trên cơ sở đảm bảo yêu cầu chính trị, nghiệp vụ, pháp luật đặt ra.

Mặt khác, giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND góp phần xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong chiến lược phát triển lực lượng CAND đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, yêu cầu đặt ra là xây dựng lực lượng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Một trong những tiêu chí của tinh “hiện đại” là khả năng hành xử pháp lý theo chuẩn mực quốc tế, tôn trọng quyền con người và bảo đảm pháp quyền trong mọi hoạt động. Giáo dục quyền con người là cách thức trực tiếp hình thành phẩm chất “nhân văn” trong ứng xử của người cán bộ Công an: không chỉ tuân thủ pháp luật, mà còn thấu hiểu quyền lợi và phẩm giá của con người. Đây chính là điều kiện tiên quyết để lực lượng CAND thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an

ninh quốc gia và trật tự xã hội một cách hợp hiến và hợp pháp. Thông qua giáo dục quyền con người, cán bộ, chiến sĩ CAND được nâng cao sự hiểu biết và tôn trọng quyền con người, sẽ hiểu rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình và của người khác, biết đặt mình vào vị trí của người khác trong giao tiếp, ứng xử vừa để giữ hình ảnh người thực thi pháp luật “bản lĩnh, nhân văn, vì Nhân dân phục vụ” trong mắt quần chúng nhân dân, vừa góp phần phát triển kỹ năng giải quyết công việc và các tình huống phát sinh từ thực tiễn công tác một cách mềm dẻo, nhanh chóng, hiệu quả.

3. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY

Nhận thức được vị trí và tầm quan trọng của việc giáo dục quyền con người, trong những năm qua, lực lượng CAND luôn làm tốt công tác giáo dục pháp luật, nâng cao kiến thức thực thi pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ, đồng thời tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến quyền con người để nâng cao nhận thức cho người dân; kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm đối với các đối tượng có hành vi xâm phạm các quyền con người được pháp luật quy định; tích cực đấu tranh phản bác luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu cáo tình hình thực thi, đảm bảo quyền con người ở Việt Nam của các thế lực thù địch. Thực hiện Quyết định số 1309/QĐ-TTg, ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2023-2025” và Chỉ thị số 34/CT-TTg, ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện Đề án 1309, Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án quyền con người trong Công an nhân dân, giai đoạn 2023-2025. Từ khi triển khai thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục, Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao đơn vị chức năng thuộc Bộ bám sát nội dung kế hoạch đã được phê duyệt để triển khai thực hiện các nhiệm vụ kịp thời,

hiệu quả; đồng thời tích cực, chủ động xây dựng các kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ mà Bộ Công an được phân công; tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học đưa vào giảng dạy, xây dựng 05 chương trình bồi dưỡng về nội dung quyền con người cho các đối tượng như: giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục; cán bộ Công an cấp xã; cán bộ đang làm công tác trong lĩnh vực Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; lĩnh vực An ninh; cán bộ đang làm công tác trong lĩnh vực điều tra; phối hợp với Viện Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an như: Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp; Cục Đối ngoại; Cục An ninh nội địa; Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và Thi hành án hình sự, Học viện An ninh nhân dân tổ chức các lớp tập huấn về nội dung Quyền con người cho giảng viên các học viện, trường CAND và cán bộ thuộc lực lượng Cảnh sát, Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, An ninh xã hội, dân tộc, tôn giáo của Công an các đơn vị, địa phương. Qua đó góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực thực thi pháp luật và đảm bảo quyền con người cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ CAND, giúp cán bộ, chiến sĩ CAND đã được học tập nội dung quyền con người có thể vận dụng linh hoạt, hiệu quả, đồng thời tuân thủ nội dung các quy định về quyền con người trong thực tiễn công tác.

Bên cạnh đó, thực hiện Đề án của Bộ Công an, các học viện, trường CAND đã đưa việc giáo dục quyền con người trở thành một phần quan trọng trong chương trình giáo dục. Từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học các chuyên ngành, quyền con người đã được lồng ghép vào nội dung của nhiều môn học có liên quan như: Lý luận chung Nhà nước và pháp luật, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Hiến pháp và Đại cương các ngành luật khác. Trong các môn học thuộc của học phần Chính trị, Quyền con người cũng được lồng ghép vào nội dung giảng dạy hoặc thông qua các ví dụ minh họa cho bài giảng. Cùng với đó, trong một số chuyên ngành đào tạo nghiệp vụ

An ninh, nghiệp vụ Cảnh sát, học viên cũng được tiếp cận nhiều nội dung đề cập sâu về Quyền con người, cụ thể như: (1) Đối với khối ngành nghiệp vụ An ninh, kiến thức về quyền con người cũng được chú trọng trong chương trình đào tạo cho sinh viên hệ chính quy. Việc nắm rõ các quyền con người để thực hiện đúng thẩm quyền trong mỗi hoạt động của cán bộ điều tra là vô cùng quan trọng. Các học phần luật đã lồng ghép nhiều nội dung liên quan đến Quyền con người: Luật Công an nhân dân, Luật An ninh quốc gia, Luật Dân sự, Luật Hành chính... Để phục vụ đào tạo cao cấp lý luận chính trị dành cho cán bộ ngành Công an, Học viện An ninh nhân dân đã tổ chức biên soạn một số tài liệu dạy học: Chuyên đề “Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp của lực lượng Công an nhân dân” thuộc môn học Lý luận và pháp luật về quyền con người, sách tham khảo “Bảo đảm quyền con người trong khởi tố, điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia” (2) Đối với khối ngành nghiệp vụ Cảnh sát: Trong chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân, nội dung quyền con người được lồng ghép trong nội dung nhiều học phần: Những vấn đề cơ bản về giáo dục phạm nhân; Tổ chức cho phạm nhân thi đua chấp hành án phạt tù và thực hiện chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân; Tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù; Đảm bảo quyền con người trong Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp... Chuyên ngành Tư pháp hình sự trong chương trình đào tạo trình độ đại học có học phần Quyền con người trong tư pháp hình sự, Chuyên ngành Tổ tụng hình sự trình độ đại học có học phần Pháp luật về quyền con người trong tố tụng hình sự. Học viện Cảnh sát nhân dân đã tổ chức biên soạn các tài liệu dạy học liên quan đến nội dung Quyền con người: Tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân; Giáo dục phạm nhân (3) Đối với học viên đào tạo trình độ trung cấp, các nội dung về Quyền con người được lồng ghép trong các học phần luật, học phần chính trị. Để làm rõ hơn những nội dung về quyền con người quy định trong Hiến

pháp, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1 đã tổ chức biên soạn sách chuyên khảo: Bảo đảm quyền công dân, quyền con người trong thực hiện Hiến pháp. Bên cạnh đó, các học viện, trường CAND, ngoài việc tổ chức giảng dạy các nội dung về Quyền con người, cán bộ, giáo viên nhà trường còn đầu tư thời gian nghiên cứu một số đề tài khoa học liên quan đến quyền con người: Quyền của người bị tạm giam, tạm giữ; Quyền của bị can; Quyền của phạm nhân nữ,... đồng thời, phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo có liên quan đến quyền con người; quan tâm bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ, kiến thức về quyền con người cho đội ngũ giảng viên.

Mặc dù công tác giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND đã được Đảng ủy CATW, Bộ Công an, Công an các đơn vị địa phương, nhất là các học viện, trường CAND quan tâm, triển khai thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kết quả tích cực đã đạt được, công tác giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: (1) Một bộ phận cán bộ Công an chưa hiểu đầy đủ hoặc thờ ơ với các nội dung về quyền con người, các quy định của pháp luật về bảo đảm và thực thi quyền con người. Vì vậy, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do thiếu hiểu biết hoặc cố tình vi phạm các quy định về quyền con người, thực hiện nhiều hoạt động sai quy định, dẫn đến khiếu nại, tố cáo, oan sai và tạo cơ hội cho các thế lực thù địch vu cáo Việt Nam xâm phạm hoặc không tôn trọng, vi phạm pháp luật quốc tế về nhân quyền làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của lực lượng CAND, ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Thực tế hiện nay cho thấy, thực trạng xâm phạm quyền con người của các cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng CAND khi thực hiện nhiệm vụ vẫn còn diễn ra, đặc biệt trong công tác điều tra, giải quyết vụ án hình sự hầu hết đều xuất phát từ nhận thức hạn chế hoặc sự thiếu hiểu biết về quyền con người (2) Đội ngũ chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên có kiến thức chuyên sâu về quyền con người trong CAND nhìn chung còn thiếu;

số lượng giảng viên tốt nghiệp chuyên ngành liên quan đến quyền con người còn khiêm tốn (3) Bên cạnh đó, chưa có nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về nhân quyền; phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới, cách tiếp cận còn mang tính lý thuyết, thiếu thực tiễn đời sống; việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy còn lúng túng; giáo trình, tài liệu giảng dạy chưa hoàn thiện, thiếu tính cập nhật, nội dung giáo dục quyền con người chủ yếu được lồng ghép trong các học phần... dẫn đến những bất cập trong công tác giảng dạy cũng như truyền đạt kiến thức cho người học (4) Việc bố trí kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác giáo dục quyền con người trong CAND còn hạn chế. Cơ sở vật chất tại Công an các đơn vị, địa phương, các học viện, trường CAND mặc dù đã được đầu tư, nâng cấp song chưa xứng với yêu cầu triển khai nhiệm vụ giáo dục, đào tạo nói chung và giáo dục quyền con người nói riêng trong bối cảnh đổi mới chương trình và hội nhập quốc tế. Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học về quyền con người còn phân bổ chưa hợp lý dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai các đề tài chuyên sâu, ảnh hưởng đến chất lượng và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND (5) Chế độ đãi ngộ, chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, nhà nghiên cứu còn thiếu sức hấp dẫn, chưa tạo được động lực lâu dài để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực này (6) Các văn bản quy phạm pháp luật về quyền con người, giáo dục quyền con người còn vướng mắc, bất cập cần tiếp tục được nghiên cứu tháo gỡ trong thời gian tới...

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác Công an trong

thời kỳ phát triển mới của đất nước, theo chúng tôi cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, thủ trưởng Công an các đơn vị trong việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quyền con người và trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ

Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ CAND về quyền con người và trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong quá trình thực thi công vụ đòi hỏi các cấp ủy đảng, thủ trưởng Công an các đơn vị cần chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác cụ thể gắn với nhiệm vụ chính trị của đơn vị nhằm triển khai, thực hiện nghiêm túc đề án, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy CATW, Bộ Công an về thực thi quyền con người. Thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ; làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người và bảo đảm quyền con người, đặc biệt Hiến pháp năm 2013; các luật, bộ luật hiện hành trong hệ thống pháp luật Việt Nam một cách bài bản, khoa học, bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ CAND hiểu sâu, hiểu rõ về những quy định cụ thể liên quan đến quyền con người; thấy rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc tiếp nhận kiến thức về quyền con người đối với lực lượng CAND. Khi cán bộ, chiến sĩ CAND hiểu rõ các quyền cơ bản của con người (theo quy định của pháp luật quốc tế và trong nước) sẽ có những hành động đúng đắn hơn trong việc bảo vệ quyền lợi của người dân, đồng thời giảm thiểu những hành vi vi phạm quyền con người.

Thứ hai, củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, bảo cáo viên, tuyên truyền viên về quyền con người trong các học viện, trường CAND

Các học viện, trường CAND là môi trường tốt nhất trong việc truyền thụ kiến thức và xây dựng nhân cách cán bộ, chiến sĩ CAND. Đội ngũ giảng

viên, báo cáo viên về quyền con người trong các học viện, trường CAND chính là lực lượng quan trọng cho việc triển khai có hiệu quả công tác giáo dục quyền con người. Để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ trong các học viện, trường CAND, trước hết cần xây dựng, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên những kiến thức cần thiết về quyền con người. Hiện nay, đa số đội ngũ giảng viên chưa được đào tạo đầy đủ, chuyên sâu về nội dung quyền con người nên khi giảng dạy họ phải dựa vào các tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo của các đơn vị trong và ngoài ngành để xây dựng bài giảng cho phù hợp. Do đó, cần phải ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho giảng viên tham gia giảng dạy các học phần, nội dung liên quan đến quyền con người, có thể bố trí cho đi tập huấn ở trong và ngoài nước. Đồng thời quan tâm khen thưởng, động viên kịp thời đối với đội ngũ này. Bộ Công an nên có chính sách thu hút đội ngũ giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học, giảng viên giàu kinh nghiệm ngoài lực lượng CAND tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy các học phần liên quan đến quyền con người. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hoạt động xây dựng, hoàn thiện chương trình, biên soạn tài liệu dạy học về nội dung quyền con người để đưa vào lòng ghép giảng dạy cho phù hợp.

Thứ ba, định kỳ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nội dung quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND là một trong những giải pháp quan trọng nhất góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ CAND về quyền con người và trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền con người. Trong thời gian tới, cần tập trung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về quyền con người, bao gồm các nguyên tắc bảo vệ quyền con người trong các tình huống cụ thể cho các đối tượng là giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục của các học viện, trường CAND, cán bộ Công an các đơn vị, địa phương nhất là các đơn vị tiếp

xúc thường xuyên với dân. Các khóa học này nên bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thường xuyên cập nhật những thay đổi trong pháp luật và quy định mới về quyền con người; các tình huống thực tế, những vụ việc liên quan đến vi phạm quyền con người cần được đưa vào chương trình giảng dạy để giúp Công an có thể đối mặt với các tình huống khó khăn trong công việc hàng ngày.

Thứ tư, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục về quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ

Để việc giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND đem lại hiệu quả cao nhất, đòi hỏi nội dung, chương trình, tài liệu về quyền con người phải được đổi mới, cập nhật thường xuyên, lý luận quyền con người và các tình huống giả định phải gắn với thực tiễn công tác Công an. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ thông qua các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, ngoại khóa, hội thảo; thông qua các cuộc thi tìm hiểu; các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng; các nền tảng học trực tuyến, ứng dụng công nghệ AI, mô phỏng tình huống qua video, phần mềm tương tác... nhằm tạo hứng thú và phát huy tính tích cực của cán bộ, chiến sĩ trong quá trình lĩnh hội, tiếp thu kiến thức về quyền con người. Cùng với đó, kết hợp với báo chí, các nền tảng mạng xã hội để tuyên truyền về quyền con người, xây dựng các chuyên đề về nhân quyền trên truyền hình, phát thanh, đưa tin tức, phóng sự về các vấn đề liên quan đến quyền con người. Đồng thời, tăng cường các hoạt động quản lý, phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan của thông tin được truyền tải giúp cán bộ chiến sĩ CAND dễ dàng, thuận tiện trong tiếp cận nguồn thông tin về quyền con người.

Thứ năm, bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND

Nguồn lực về con người và nguồn lực về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện là hết sức cần thiết, không thể thiếu và mang ý nghĩa quyết định chất lượng, hiệu quả đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động trong đó có việc

giáo dục quyền con người. Theo đó, trong thời gian tới, Bộ Công an cần tăng cường hơn nữa hệ thống cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện cho các đơn vị trực thuộc Bộ và Công an các địa phương; tăng cường tài nguyên tư liệu về lý luận, nâng cấp trang thiết bị, phòng đọc, thư viện... phục vụ hoạt động giáo dục quyền con người; tổng hợp các trường hợp bảo vệ quyền con người để làm tư liệu nghiên cứu đào tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu trong CAND; tăng cường nguồn lực tài chính cho công tác nghiên cứu khoa học, tổ chức các hội thảo, diễn đàn, mời các chuyên gia trong và ngoài nước hướng tới triển khai có hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo nói chung và giáo dục quyền con người nói riêng.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế; xây dựng, củng cố mối quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an và các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội, viện nghiên cứu về các nội dung quyền con người

Hợp tác quốc tế là một giải pháp quan trọng để cán bộ, chiến sĩ Công an học hỏi và áp dụng các phương pháp bảo vệ quyền con người từ các quốc gia có nhiều kinh nghiệm tốt hơn, đồng thời góp phần cập nhật các quyền con người theo tiêu chuẩn quốc tế, tham gia các chương trình trao đổi quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu và hiểu biết về quyền con người.

Bên cạnh việc mở rộng hợp tác quốc tế về quyền con người, lực lượng CAND cần tăng cường, củng cố mối quan hệ phối hợp giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài ngành, giữa các tổ chức xã hội, viện nghiên cứu về các nội dung liên quan đến quyền con người. Đây là một giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ CAND. Theo Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, việc thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân là cần thiết để nâng cao nhận thức xã hội và ngăn ngừa vi phạm quyền con người. Việc tăng cường phối hợp này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ quyền con người mà còn góp phần xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, phù

hợp với tinh thần vươn mình của dân tộc trong kỷ nguyên mới. Ngoài ra, lực lượng CAND cần tăng cường phối hợp với các trường học để xây dựng tài liệu giáo dục như: sách hướng dẫn, video tuyên truyền nhằm giúp người học dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ hơn về quyền con người. Các tài liệu này cần được thiết kế phù hợp với từng độ tuổi và trình độ học vấn của người học, đảm bảo tính hiệu quả và hấp dẫn./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư (2026), *Chỉ thị số 44-CT/TW về Đẩy mạnh công tác nhân quyền trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023), *Kết luận số 57-KL/TW về Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác nhân quyền trong tình hình mới*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Hướng dẫn lồng ghép giáo dục quyền con người vào chương trình giảng dạy đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2023), *Kế hoạch số 186/KH-BCA-X02, ngày 10/4/2023 về thực hiện Đề án quyền con người trong CAND giai đoạn 2023-2025*, Hà Nội.
5. Liên Hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1309/TTg, ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.
7. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Hồng Hải (2020), “Thực trạng giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục đại học Việt nam”, *Tạp chí Giáo dục*, (475), tr.20-28.
9. Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo dục quyền con người tại Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia *Giáo dục quyền con người ở các nhà trường trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Nxb Công an nhân dân, 2025.

GIÁO DỤC Ý THỨC TÔN TRỌNG, BẢO ĐẢM, BẢO VỆ
QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN CÁC
TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN

PGS. TS. NGUYỄN, Trung tướng Phan Xuân Tuy
Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân

1. Quyền con người là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử nhân loại. Cho đến nay, lịch sử đã chứng minh, chính sự thiếu hiểu biết hoặc coi thường quyền con người hoặc phân biệt đối xử, không khoan dung là một trong những nguyên nhân gây nên bạo lực, bất ổn và chiến tranh. Chính vì vậy, ngay sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ II, tổ chức Liên Hợp quốc ra đời, tại Điều 1 Hiến chương Liên Hợp quốc đã xác định một trong những mục đích hoạt động của mình là “duy trì hòa bình và an ninh quốc tế... khuyến khích việc tôn trọng các quyền con người và tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hoặc tôn giáo”³⁶⁶. Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trở thành một trong những hoạt động trọng tâm trên các diễn đàn của Liên Hợp quốc. Liên Hợp quốc cùng nhiều thiết chế quốc tế khác đã thông qua một số lượng lớn các văn kiện quốc tế về quyền con người, khuyến khích các quốc gia phê chuẩn, cam kết thực hiện và nội luật hóa chúng vào trong pháp luật quốc gia, yêu cầu các quốc gia thành viên tích cực phổ biến, thông tin và giáo dục quyền con người trên toàn lãnh thổ quốc gia mình. Giáo dục quyền con người trở thành một tâm điểm của Liên Hợp quốc, là chìa khóa để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền trên thực tế.

Giáo dục về ý thức tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người (hay còn gọi là giáo dục quyền con người/giáo dục nhân quyền) là quá trình tác

³⁶⁶ Điều 1 Hiến chương Liên Hợp quốc, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>

động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học, qua đó giúp cho họ nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết, thay đổi thái độ, hành vi, biết tự bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân, tôn trọng quyền và tự do của người khác, tự giác tuân thủ pháp luật và hướng tới xây dựng nền văn hóa quyền con người toàn cầu³⁶⁷.

Giáo dục quyền con người được coi là một cách để xây dựng và đẩy mạnh kiến thức về quyền con người cũng như những thái độ và kỹ năng cần thiết để thực hiện quyền con người. Trong cuộc sống hàng ngày, để mọi người có thể thực hiện quyền con người như một thói quen, các chủ thể của quyền cần nắm rõ quyền của họ và có thái độ, kỹ năng để đấu tranh cho các quyền đó, còn các chủ thể có nghĩa vụ cần hiểu rõ nghĩa vụ thực hiện quyền con người của họ và có thái độ, kỹ năng tôn trọng, bảo vệ đầy đủ các quyền con người; thông qua đó, góp phần tạo ra một nền văn hóa phổ quát về quyền con người, nâng cao nhận thức xã hội, phòng ngừa các hành vi vi phạm và giúp người thụ hưởng nói chung biết cách tự bảo vệ các quyền và tự do của bản thân, đồng thời tôn trọng quyền và tự do của người khác.

Với những đặc thù của việc triển khai công tác giáo dục quyền con người thấy rằng giáo dục quyền con người có mục tiêu riêng là hình thành văn hóa quyền con người; có nội dung riêng là những thông tin, tri thức, năng lực, kỹ năng về quyền con người, các tiêu chuẩn quyền con người, cơ chế bảo vệ và bảo đảm quyền con người...; có chương trình, kế hoạch giáo dục riêng, có hình thức, phương pháp giáo dục đặc thù³⁶⁸.

Chủ thể giáo dục quyền con người là những cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác giáo dục quyền con người trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mang tính tự nguyện, mang tính trách nhiệm xã hội tham gia góp

³⁶⁷ https://qcn.hcma.vn/content/tac-dong-cua-giao-duc-quyen-con-nguoi-o-bac-pho-thong-toi-hinh-thanh-y-thuc-cong-dan-ky-i-36129?utm_source=chatgpt.com

³⁶⁸ Võ Khánh Minh (2016), *Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.87.

phần vào việc thực hiện các mục tiêu giáo dục quyền con người. Đối tượng của giáo dục quyền con người là tất cả mọi người trong xã hội. Con người sinh sống trong một xã hội, ai cũng cần phải có hiểu biết về quyền con người vì đó là quyền của họ. Vì vậy, bất kỳ ai cũng đều có thể trở thành đối tượng của giáo dục quyền con người và ai cũng cần đến giáo dục quyền con người.

Lời nói đầu của Tuyên ngôn về quyền con người tuyên bố rằng “sự thừa nhận phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng và bất khả xâm phạm của tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới”. Mục tiêu của giáo dục quyền con người chính là hướng đến việc giải quyết các nhu cầu cụ thể của con người ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, như đói nghèo, phân biệt đối xử, khủng hoảng chính trị... Đây cũng chính là tiền đề để hướng đến tự do, công lý và hoà bình. Giáo dục về quyền con người và vì quyền con người là những mục tiêu quan trọng nhằm hướng đến một nền giáo dục quyền con người hiệu quả³⁶⁹.

Nội dung giáo dục quyền con người rất rộng bao gồm toàn bộ hệ thống kiến thức về quyền con người, có thể kể đến như: những nội dung lý luận về quyền con người; pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người; cơ chế quốc tế, khu vực và quốc gia bảo đảm quyền con người; các quan điểm hiện nay trên thế giới và quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người; các quan điểm sai trái về quyền con người và âm mưu lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền của các thế lực phản động, thù địch; các thông tin về việc thực hiện quyền con người ở các nước trên thế giới và Việt Nam; đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người.

Việc giáo dục quyền con người được thực hiện ở nhiều cấp độ với nhiều phương pháp khác nhau. Những phương pháp được sử dụng phổ biến trong giáo dục quyền con người có thể kể đến như: phương pháp thuyết trình -

³⁶⁹ cn.hcma.vn/Content/giao-duc-quyen-con-nguoi-huong-den-cac-muc-tieu-va-nguyen-tac-cua-lien-hop-quoc-18589?utm_source=chatgpt.com

minh họa; phương pháp nêu vấn đề, tình huống; phương pháp khám phá, sáng tạo; phương pháp thảo luận, lập nhóm; phương pháp tự nghiên cứu; phương pháp giải quyết tình huống; phương pháp đóng vai; phương pháp hỏi chuyên gia;... Việc lựa chọn phương pháp giáo dục quyền con người phải căn cứ vào đối tượng, mục tiêu, nội dung giáo dục, căn cứ vào đặc thù của từng bài học, từng vấn đề cụ thể, phù hợp với năng lực, trình độ, sở thích, hứng thú, kinh nghiệm của từng chủ thể và đối tượng cụ thể.

Việc triển khai các nội dung và biện pháp giáo dục về quyền con người mang đến nhiều ý nghĩa quan trọng như: (1) Trang bị kiến thức và kỹ năng giúp mỗi cá nhân nhận thức đúng đắn và đầy đủ về giá trị, ý nghĩa của quyền con người. Nhờ đó, họ biết ứng xử phù hợp, tôn trọng phẩm giá, quyền tự do của người khác và tự bảo vệ bản thân khi quyền lợi bị xâm hại (2) Nâng cao nhận thức cộng đồng giúp ngăn ngừa và giảm thiểu các hành vi vi phạm quyền con người do thiếu hiểu biết (3) Tăng cường cảnh giác trước các âm mưu xấu nhằm phòng ngừa sự lợi dụng sự thiếu hiểu biết về quyền con người để lôi kéo, kích động chống phá Đảng và Nhà nước (4) Phản bác các quan điểm lệch lạc, đấu tranh và phản bác các tư tưởng sai trái, thù địch trong lĩnh vực dân chủ và nhân quyền (5) Lan tỏa giá trị tích cực, thúc đẩy việc truyền bá các giá trị tiến bộ, văn minh và phát triển hơn nữa quyền con người trong cộng đồng.

Việc nâng cao nhận thức đúng đắn về quyền con người, giáo dục về quyền con người và thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế trong lĩnh vực này là yếu tố chiến lược, quan trọng. Đây là nhân tố quyết định để thực hiện hiệu quả chủ trương phát triển toàn diện quyền con người ở Việt Nam, đồng thời góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Thời gian qua, công tác giáo dục quyền con người ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đáng khích lệ. Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về vấn đề này như: Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về “Vấn đề quyền con

người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”; Chỉ thị số 41/2004/CT-TTg, ngày 02/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới; Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư về công tác nhân quyền trong tình hình mới; Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Quyết định số 1309/QĐ-TTg, ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Kết luận số 46-TB/TW, ngày 06/02/2018 của Ban Bí thư về công tác nhân quyền trong tình hình mới; Chỉ thị số 34-CT/TTg, ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện “Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Quyết định số 1079/QĐ-TTg, ngày 14/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028”; Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;... Các văn bản chỉ đạo nêu trên được triển khai thực hiện sâu rộng trên địa bàn cả nước nhằm tạo ra sự chuyển biến về nhận thức của người dân đối với quyền con người và để thực hiện ngày càng hiệu quả hơn công tác bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy quyền con người ở nước ta.

Hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục, đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân đã triển khai việc tích hợp, lồng ghép nội dung liên quan đến quyền con người và bảo vệ, bảo đảm quyền con người vào các chương trình giáo dục, đào tạo, đồng thời tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học các cấp về nội dung và phương pháp giáo dục quyền con người; tổ chức tập

huấn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ tham gia xây dựng chương trình, sách giáo khoa và xây dựng nhiều tài liệu tham khảo, chuyên khảo về quyền con người, phục vụ công tác giáo dục³⁷⁰. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép đào tạo thạc sĩ về quyền con người tại Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đồng thời cho phép đào tạo thí điểm ngành Pháp luật về quyền con người trình độ tiến sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Đối với lực lượng Công an nhân dân, giáo dục quyền con người đã trở thành một phần quan trọng trong chương trình giáo dục của các học viện, trường Công an nhân dân nhằm hướng tới xây dựng lực lượng Công an nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Bộ Công an cũng đã có Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án quyền con người trong Công an nhân dân giai đoạn 2023 - 2025, đồng thời tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học đưa vào giảng dạy, xây dựng 05 chương trình bồi dưỡng về quyền con người cho các đối tượng như: Giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục; cán bộ làm công tác trong lĩnh vực an ninh, điều tra, thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, cán bộ Công an cấp xã nhằm nâng cao nhận thức về quyền con người cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

Các học viện, trường Công an nhân dân đã quán triệt, triển khai đồng bộ, đưa các nội dung liên quan đến quyền con người vào chương trình giảng dạy cho các hệ đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đã quan tâm đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của học viên; lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên đóng vai trò tổ chức, kiểm tra, định hướng; hình thức tổ chức dạy học từng bước được đa dạng hóa, tích cực ứng dụng công nghệ tiên tiến, phương thức thi, kiểm tra

³⁷⁰ Nguyễn Hải Cường (2021), “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục quyền con người trong đào tạo nghề nghiệp ở Việt Nam”, tại trang <http://tapchiquyenconnguoivn.hcmu.vn>, đăng ngày 24/10/2021.

đánh giá chất lượng nhằm phát huy tối đa năng lực của người học. Có thể thấy, công tác giáo dục về quyền con người cho học viên các học viện, trường Công an nhân dân trở thành một nội dung giữ vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục, giúp học viên được tiếp cận và cập nhật các thông tin căn bản từ lý luận đến thực tiễn về thúc đẩy và bảo đảm quyền con người trên thế giới và Việt Nam, các chuẩn mực quốc tế về quyền con người cũng như quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về quyền con người... Qua đó, góp phần nâng cao hiểu biết về quyền con người, xây dựng nhận thức và hình thành hành vi pháp lý phù hợp cho học viên của các học viện, trường Công an nhân dân. Đồng thời, thông qua quá trình học tập giúp cho học viên nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của quyền con người, giá trị, ý nghĩa nhân văn trong việc tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy quyền con người, từ đó tiếp tục trau dồi, học hỏi để hình thành và phát triển hiểu biết, kỹ năng về bảo vệ các giá trị của quyền con người. Điều này là rất quan trọng bởi lực lượng Công an nhân dân là lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, thường xuyên phải tiếp xúc và tác động đến quyền con người, quyền công dân.

Qua nghiên cứu cho thấy, đến nay các học viện, trường Công an nhân dân đã đưa nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đích thực. Các học viện, trường Công an nhân dân đã chủ động bám sát mục tiêu của Đề án quyền con người trong Công an nhân dân và triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả. Toàn bộ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các học viện, trường Công an nhân dân đã được cập nhật nội dung liên quan đến quyền con người và bảo vệ quyền con người. Đối với hệ đào tạo đại học, một số học phần pháp luật đã được lồng ghép nội dung quyền con người như: Lý luận

nhà nước và pháp luật; Luật hiến pháp Việt Nam; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam; Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, Luật Quốc tế, Luật thi hành án hình sự, Luật khiếu nại, tố cáo và nhiều môn học nghiệp vụ chuyên ngành... Trong các học phần này, nội dung về quyền con người thường được cấu trúc thành một bài học riêng như: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong học phần Luật Hiến pháp Việt Nam; pháp luật về quyền con người trong học phần một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; bài tội phạm, hoặc phần các tội phạm cụ thể của học phần Luật Hình sự Việt Nam; bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự thuộc học phần Luật Tố tụng Việt Nam; quyền của người bị tạm giữ, tạm giam trong học phần Luật Thi hành án tạm giữ, tạm giam; Quyền của phạm nhân trong luật thi hành án hình sự; quyền tự do trong kinh doanh thuộc học phần Luật Thương mại; quyền nhân thân, quyền tài sản, tự do hợp đồng... trong học phần luật dân sự; quan hệ giữa nhà nước và công dân trong luật Hành chính; đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong học phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Ngoài ra, nội dung quyền con người đã được kết cấu thành một học phần trong chương trình đào tạo một số chuyên ngành như: Học phần “Quyền con người trong tố tụng hình sự” với thời lượng 02 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành tố tụng hình sự; học phần “Bảo đảm nhân quyền trong thi hành án và hỗ trợ tư pháp” với thời lượng 02 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành giáo dục và cải tạo phạm nhân... Đối với hệ đào tạo thạc sĩ, nội dung quyền con người được lồng ghép trong nội dung của một số học phần về nghiệp vụ, pháp luật. Đối với hệ Cao cấp lý luận chính trị, nội dung quyền con người được giảng dạy trong học phần pháp luật về quyền con người và được lồng ghép trong học phần “Lý luận nhà nước và pháp luật Việt Nam”, học phần “Tôn giáo và tín ngưỡng”,

học phần “Giới trong lãnh đạo, quản lý”. Đối với hệ Trung cấp lý luận chính trị, nội dung quyền con người được lồng ghép trong học phần “Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội”. Đối với các hệ bồi dưỡng khác, nội dung quyền con người cũng được quan tâm lồng ghép trong các chuyên đề bồi dưỡng trong chương trình bồi dưỡng của các hệ này...

Bên cạnh đó, hệ thống giáo trình, tài liệu dạy học, tài liệu tham khảo đã được biên soạn mới và chỉnh sửa nhằm bảo đảm chất lượng và tính thời sự. Trong đó, những kiến thức cần thiết trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến và bảo vệ quyền con người của lực lượng Công an nhân dân đã được quan tâm, chia thành các nhóm kiến thức chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, cụ thể: (1) Nhóm kiến thức giáo dục chính trị, tư tưởng về quyền con người; (2) Nhóm kiến thức pháp luật về quyền con người; (3) Nhóm kiến thức nghiệp vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên giảng dạy các nội dung có liên quan đến quyền con người đã được các học viện, trường Công an nhân dân quan tâm bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người trong những năm gần đây cũng được các học viện, trường Công an nhân dân quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên. Nội dung tuyên truyền bảo đảm ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, tập trung vào quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, pháp luật quốc tế về quyền con người, những nỗ lực và thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người của Việt Nam. Các vụ việc, các đối tượng trong nước và nước ngoài, các hành vi lợi dụng dân chủ, nhân quyền để vi phạm pháp luật, chống phá Đảng và Nhà nước, gây phương hại đến hình ảnh, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngoài ra, các học viện, trường Công an nhân dân đã triển khai các hình thức giáo dục quyền con người thông qua tổ chức những hoạt động ngoại khóa cho học viên như: Tổ chức hoạt động thực hành chính trị; tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu; tổ chức các hội thảo khoa học, các tọa đàm khoa học các cấp có chủ đề liên quan đến quyền con người³⁷¹. Việc tổ chức các hoạt động nêu trên góp phần giáo dục quyền con người của các học viện, trường Công an nhân dân những năm qua được đánh giá đã mang lại những hiệu quả tích cực cho người học, phù hợp với các diện đối tượng cụ thể.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác giáo dục quyền con người trong các học viện, trường Công an nhân dân những năm qua công tác này còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, cụ thể:

Về đội ngũ chuyên gia, giảng viên: Đội ngũ chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực này trong Công an nhân dân nhìn chung còn thiếu; số lượng giảng viên tốt nghiệp chuyên ngành liên quan đến quyền con người còn khiêm tốn, trình độ ngoại ngữ, khả năng giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế của nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế đã ảnh hưởng đến chất lượng, kỹ năng và việc triển khai các nội dung cụ thể của công tác giáo dục quyền con người.

Về các công trình nghiên cứu về quyền con người, giáo dục quyền con người: Thời gian qua, đã có nhiều biến chuyển rõ rệt, gia tăng cả về số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu về quyền con người, giáo dục quyền con người, tuy nhiên vẫn chưa theo kịp xu hướng phát triển chung của thế giới. Việt Nam đang phải đối mặt với sự gia tăng cả về tính chất và mức độ của các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, các tội phạm do người nước ngoài thực hiện. Các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá, xuyên tạc, bóp méo những nỗ lực, cố gắng không biết mệt mỏi của Đảng, Nhà nước Việt

³⁷¹ Nguyễn Văn Niên (2022), “Nội dung, phương pháp giáo dục quyền con người trong các cơ sở giáo dục đại học thuộc ngành Công an ở Việt Nam - Thực trạng, giải pháp, kiến nghị (Kỳ 1)”, tại trang <https://qcn.hcma.vn>, đăng ngày 18/02/2022.

Nam trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy quyền con người, quyền công dân... Đặc biệt đứng trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra như vũ bão và bối cảnh đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, con người đang đứng trước nhiều mối quan hệ pháp lý mới, khó khăn, thách thức đan xen thuận lợi. Điều đó đã và đang đặt ra đòi hỏi cần tiếp tục có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về quyền con người và bảo vệ, bảo đảm quyền con người.

Việc bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác giáo dục quyền con người trong các học viện, trường Công an nhân dân còn hạn chế. Cơ sở vật chất của một số học viện, trường Công an nhân dân mặc dù đã được đầu tư, nâng cấp song chưa tương xứng với yêu cầu triển khai nhiệm vụ giáo dục, đào tạo trong tình hình mới. Kinh phí cấp cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học còn chưa thỏa đáng dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện các nội dung nghiên cứu. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà khoa học, giảng viên còn bộc lộ không ít bất cập, hạn chế. Cơ chế, quy định và điều kiện bảo đảm phục vụ kết nối, chia sẻ tài nguyên, dữ liệu dùng chung về công tác giáo dục, đào tạo giữa các học viện, trường Công an nhân dân và đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công an chưa hoàn thiện. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật về quyền con người, giáo dục quyền con người còn bộc lộ vướng mắc, bất cập cần tiếp tục được nghiên cứu tháo gỡ trong thời gian tới.

3. Giáo dục quyền con người ở các trường Công an nhân dân hiện nay đã và đang được thực hiện dưới nhiều hình thức, nhờ đó đã không ngừng nâng cao nhận thức của học viên về Quyền con người. Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục Quyền con người trong Công an nhân dân, đáp ứng yêu cầu của công tác Công an cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong các học viện, trường Công an nhân dân đối với công tác giáo dục quyền con người và việc bảo đảm, bảo vệ, thúc đẩy quyền con người

Các học viện, trường trong Công an nhân dân cần nâng cao nhận thức và đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo trong việc giáo dục, bảo đảm và thúc đẩy quyền con người. Đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, đòi hỏi triển khai đồng bộ và hiệu quả, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia sâu rộng của nhân dân. Việc hiểu đúng và toàn diện về quyền con người là tiền đề quan trọng để tổ chức và triển khai các chương trình giáo dục về quyền con người một cách hiệu quả trong các học viện, trường Công an. Trước bối cảnh và đòi hỏi của kỷ nguyên mới, các học viện, trường Công an nhân dân cần phát huy kết quả từ đề án giáo dục quyền con người của Chính phủ; tiếp tục triển khai bảo đảm sự đồng bộ với triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 12/8/2024 về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với Đề án về “Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân đến năm 2030 đáp ứng mục tiêu xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, đồng thời phát huy kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ngày 23 - 24/1/2025, kết quả Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA ngày 28/10/2014 của Đảng ủy Công an Trung ương và Chỉ thị số 13/CT-BCA ngày 28/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong Công an nhân dân, đồng bộ với triển khai Kết luận 89-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 25/7/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018, cùng các đề án công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Hai là, tiếp tục đổi mới sâu sắc mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức giáo dục quyền con người trong các học viện, trường Công an nhân dân.

Các học viện, trường Công an nhân dân cần bám sát Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...”³⁷² đồng thời cập nhật những vấn đề mới trong “Bộ tứ phát triển” theo tinh thần dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Đặc biệt, Thông báo số 01/TB-VPCP ngày 01/01/2025 của Văn phòng Chính phủ, truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, đã nhấn mạnh rằng: “Chương trình giáo dục quyền con người là chương trình chính thức, nằm trong tổng thể của hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng môn học quyền con người là môn học độc lập trong các cơ sở giáo dục, đào tạo”. Đây là định hướng quan trọng, khẳng định vai trò của giáo dục quyền con người trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chú trọng xây dựng nội dung chương trình bảo đảm thống nhất trong lực lượng Công an nhân dân với hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời chú ý giảm lý thuyết, tăng thực tiễn. Đẩy mạnh sử dụng phong phú các phương pháp dạy học tích cực, nêu vấn đề, bám sát thực tiễn và có trọng tâm theo từng loại hình, phù hợp từng diện đối tượng; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hiện đại; chuyển đổi từ dạy “khuôn mẫu” sang dạy cách thức “sáng tạo”, “phát minh” nhằm phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học bảo đảm yêu cầu về đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục, đào tạo, xây dựng lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Ba là, quan tâm đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, báo cáo viên quyền con người trong các học viện, trường Công an nhân dân

³⁷² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.136.

Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên về quyền con người là tiền đề quan trọng cho việc triển khai có hiệu quả công tác giáo dục quyền con người trong các học viện, trường Công an nhân dân. Do đó, cần tiếp tục có những biện pháp thích hợp trong bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên có khả năng đảm nhiệm giảng dạy các học phần liên quan đến quyền con người đồng thời có hình thức khuyến khích khen thưởng, động viên kịp thời đối với đội ngũ này. Bộ Công an nên tiếp tục có chính sách thu hút các giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học, giảng viên giàu kinh nghiệm ngoài lực lượng Công an nhân dân tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy các học phần liên quan đến quyền con người.

Bốn là, các học viện, trường Công an nhân dân tiếp tục tập trung đẩy mạnh nghiên cứu về quyền con người, giáo dục quyền con người

Các học viện, trường Công an nhân dân cần tăng cường tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng với nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tham mưu chiến lược trong hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực nhân quyền. Khuyến khích, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có các sáng kiến, nghiên cứu về giáo dục quyền con người, tích cực viết bài góp phần đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực nhân quyền nhằm huy động tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các nhà nghiên cứu. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác quốc tế nghiên cứu, giảng dạy quyền con người, giáo dục quyền con người nhằm lan tỏa để các nước trên thế giới hiểu hơn về công tác giáo dục quyền con người ở Việt Nam. Các học viện, trường Công an nhân dân tham mưu, báo cáo Bộ công an tạo điều kiện cho triển khai các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, hợp tác với các cơ sở giáo dục ở các nước tiên tiến trên thế giới và khu vực, với các tổ chức quốc tế để tiếp nhận sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài liệu, kinh phí... tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai

công tác giáo dục quyền con người nhằm mục tiêu xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định, phát triển.

Năm là, tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác giáo dục quyền con người trong các học viện, trường Công an nhân dân

Có thể thấy, nguồn lực về con người và nguồn lực về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện là hết sức cần thiết, không thể thiếu và mang ý nghĩa quyết định chất lượng, hiệu quả đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động trong đó có việc công tác giáo dục quyền con người tại các học viện, trường Công an nhân dân. Theo đó, thời gian tới trong tổng thể đề án xây dựng, phát triển các trường Công an nhân dân, Bộ Công an quan tâm tăng cường hơn nữa hệ thống cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện cho các học viện, trường Công an nhân dân; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu trong các học viện, trường Công an nhân dân hướng tới triển khai có hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo nói chung và giáo dục quyền con người nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2024), *Kết luận số 89-KL/TW ngày 25/7/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hải Cường (2021), “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục quyền con người trong đào tạo nghề nghiệp ở Việt Nam”, tại trang <http://tapchiquyenconnguoivn.hcma.vn>, đăng ngày 24/10/2021.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Tường Duy Kiên (2024), *Lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người*, Nxb chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Niên (2022), “Nội dung, phương pháp giáo dục quyền con người trong các cơ sở giáo dục đại học thuộc ngành công an ở Việt Nam - Thực trạng, giải pháp, kiến nghị (Kỳ 1)”, tại trang <https://qcn.hcma.vn>, đăng ngày 18/02/2022.
8. Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo Kết luận của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người*, Hà Nội.
9. Võ Khánh Vinh (2016), *Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>
11. [cn.hcma.vn/Content/giao-duc-quyen-con-nguoi-huong-den-cac-muc-tieu-va-nguyen-tac-cua-lien-hop-quoc-18589?utm_source=chatgpt.com](https://qcn.hcma.vn/Content/giao-duc-quyen-con-nguoi-huong-den-cac-muc-tieu-va-nguyen-tac-cua-lien-hop-quoc-18589?utm_source=chatgpt.com)

**VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN TRONG GIÁO DỤC,
BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, tập trung nhiều khu công nghiệp. Từ ngày 01/7/2025, trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tạo ra một trung tâm công nghiệp mới với 66 khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao (KCN, KCX, KCNC), tổng diện tích đất hơn 27.000 ha, với quy mô gần 930.000 tỷ đồng, chiếm hơn 25,52% trong giá trị công nghiệp cả nước, tính đến năm 2024. Việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt quyền của người lao động trong các KCN, KCX, KCNC là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội bền vững trên địa bàn Thành phố.

Quyền con người, được khẳng định trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945: Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được bảo đảm an toàn, sức khỏe, môi trường làm việc lành mạnh, quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý và bảo vệ khi bị xâm hại. Đồng thời, quyền con người là một trong những nội dung quan trọng trong Hiến pháp và được quy định cụ thể tại Chương II về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó ghi nhận công dân có các quyền về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tại khu công nghiệp, quyền con người bao gồm các quyền cơ bản của người lao động như quyền được làm việc trong môi trường an toàn, quyền được hưởng mức lương công bằng, quyền tham gia các hoạt động chính trị xã hội, quyền được tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, được đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, học tập phát triển cá nhân và phúc lợi xã hội khác để đảm

bảo ổn định đời sống, kinh tế xã hội. Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo quyền con người, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người lao động; đảm bảo xây dựng và thực thi pháp luật về quyền con người trong KCN, KCX, KCNC, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thực hiện các quyền của mình. Doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, tạo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và đảm bảo quyền con người theo quy định. Những nội dung cơ bản về đảm bảo quyền con người còn được cụ thể hóa qua các văn bản quy phạm pháp luật như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Trưng cầu ý dân, Luật Trợ giúp pháp lý, Luật An ninh mạng, Bộ luật Lao động... Đây là những văn bản pháp lý quan trọng trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, là nhân tố quan trọng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nhận thức về giáo dục, bảo vệ quyền con người là việc phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân nói chung, người lao động nói riêng về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người và các quyền liên quan đến hoạt động lao động, đồng thời đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm quyền con người. Với vai trò bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, lực lượng Công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ quyền con người, trong đó không chỉ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, lực lượng Công an còn thực hiện công tác giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật cho người lao động, chủ doanh nghiệp và cộng đồng, góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định và phát triển.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm gần đây, tình hình an ninh tại các KCN, KCX, KCNC cơ bản được đảm bảo nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Trước tình hình đó, để thực hiện vai trò của lực lượng Công an trong giáo dục, bảo vệ quyền con người, đảm bảo an ninh trật tự tại các Khu công nghiệp trên địa bàn, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai một số nhiệm vụ và đạt được những kết quả trên các lĩnh vực, cụ thể:

1. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC, BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

- *Tham mưu Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố*: các giải pháp trong đảm bảo an ninh công nhân, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động trên địa bàn Thành phố cũng như tại các KCN, KCX, KCNC nhằm chủ động phát hiện, tham mưu, xử lý các vụ khiếu nại, ngừng việc tập thể xảy ra, đảm bảo an ninh, trật tự; Tổ chức thành công Hội nghị triển khai công tác phòng ngừa âm mưu, hoạt động lợi dụng “Tổ chức của người lao động” xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với hoạt động lợi dụng việc cho phép thành lập tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- *Tham mưu triển khai thực hiện các Đề án, kế hoạch của Bộ Công an*: tham mưu thực hiện kịp thời Kế hoạch số 6606/KH-A04-P6 ngày 29/9/2021 của Cục A04 - Bộ Công an về Điều tra cơ bản Chuyên đề “An ninh khu công nghiệp, khu kinh tế”; Kế hoạch 318/KH-BCA ngày 29/7/2021 về công tác nghiệp vụ bảo đảm an ninh công nhân; triển khai thực hiện các nội dung liên quan Đề án số 14/ĐA-BCA-A03 ngày 23/11/2021 của Bộ Công an về “công tác Công an phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động lợi dụng tổ chức của người lao động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội”. Phối hợp với các Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an nhất là với Cục An ninh kinh tế - Đơn vị chủ trì công tác đảm bảo an ninh công nhân trong công tác đảm bảo an ninh công nhân, trao đổi về phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bọn phản động trong và ngoài nước có hoạt động lôi kéo, lợi dụng, tuyên truyền các quan điểm sai trái, đấu tranh hiệu quả với hoạt

động lợi dụng lực lượng công nhân xâm phạm ANQG, ANTT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 2855/KH-CATP-PA04 ngày 22/11/2021 về “Thực hiện Đề án số 06/ĐA-BCA ngày 10/9/2021 của Bộ Công an về công tác công an đảm bảo an ninh, trật tự các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; Kế hoạch số 246/KH-BCA-A04 ngày 12/11/2018 của Bộ Công an triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đảm bảo an ninh, trật tự đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài; Kế hoạch 361/KH-CATP-PA03 ngày 17/02/2022 của Công an Thành phố về phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động lợi dụng tổ chức của người lao động xâm phạm an ninh, trật tự trên địa bàn Thành phố.

Chỉ đạo các Phòng nghiệp vụ an ninh triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả kế hoạch công tác nghiệp vụ: đấu tranh với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, cơ quan đặc biệt nước ngoài đối với quá trình thành lập và hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Việt Nam; các tổ chức quốc tế, NGO nước ngoài hoạt động trên lĩnh vực lao động, công đoàn, đặc biệt là tình hình phức tạp liên quan việc tác động thành lập Ban quản lý Quỹ Phụ trợ tại doanh nghiệp của các tổ chức NGO nước ngoài; đấu tranh với âm mưu, hoạt động của các tổ chức phản động, số đối tượng chống đối trong nước, số cực đoan trong dân tộc, tôn giáo lợi dụng việc thành lập tổ chức đại diện người lao động để chống phá Đảng, Nhà nước, đấu tranh với các các tổ chức, đối tượng phản động trong và ngoài nước kích động công nhân đình công, lãn công, tham gia các hoạt động gây mất an ninh trật tự, xâm phạm an ninh quốc gia; nắm tình hình, đánh giá các vấn đề liên quan công tác công an đối với các tổ chức đại diện người lao động hợp pháp, các đoàn thể hợp pháp tại doanh nghiệp theo phân công, phân cấp; nắm tình hình, phát hiện và phòng ngừa,

ngăn chặn các nhóm công khai và nhóm kín trên không gian mạng có nhiều công nhân tham gia hoặc có hoạt động tiêu cực liên quan đến an ninh công nhân, kịp thời phát hiện, đấu tranh với những âm mưu, hoạt động nhằm lợi dụng vấn đề công nhân để xâm phạm an ninh quốc gia.

Chỉ đạo các Phòng nghiệp vụ cảnh sát theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường trao đổi, hướng dẫn, phối hợp Công an các đơn vị, địa phương tổ chức phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của các tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật, tụ tập đông người gây mất an ninh trật tự; phối hợp các ngành chức năng nắm tình hình, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh xử lý nghiêm vi phạm của doanh nghiệp trên lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động, môi trường; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng chống cháy, nổ tại các khu chế xuất, khu công nghiệp, doanh nghiệp có đông công nhân, giảm thiểu thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe; tăng cường quản lý đối với lao động người nước ngoài, quản lý cư trú, an toàn giao thông; tấn công trấn áp tội phạm liên quan tín dụng đen, có tổ chức, đảm bảo an ninh, an toàn cho công nhân; tăng cường nắm, dự báo tình hình tác động đến sản xuất, kinh doanh, việc làm, thu nhập, đời sống công nhân và các nguy cơ mới, các yếu tố an ninh phi truyền thống đe dọa đến an ninh công nhân để kịp thời tham mưu, kiến nghị các giải pháp loại trừ nguy cơ, giữ vững an ninh công nhân trong mọi tình huống; tham mưu, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đầu tư, lao động, việc làm, công đoàn, lương, bảo hiểm xã hội... bảo đảm quyền lợi, chế độ, chính sách đối với công nhân.

- Tổ chức tiếp nhận và xử lý tố giác tội phạm tại địa bàn khu công nghiệp, tham gia giải quyết các vụ tranh chấp, đình lãn công liên quan quyền lợi người lao động: Lực lượng Công an Phường, xã, Đoàn khu công nghiệp triển khai các tổ phản ứng nhanh, điễm tiếp công dân và đường dây

nóng 24/7 giúp người lao động dễ dàng trình báo, góp phần kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công nhân. Điều tra các vụ tai nạn lao động chết người hoặc có dấu hiệu vi phạm hình sự; Phối hợp với Viện Kiểm sát và Tòa án nhân dân các cấp để xử lý các vụ vi phạm quy định về an toàn lao động, xâm hại tình dục nơi làm việc, ngược đãi hoặc cưỡng bức lao động...; đấu tranh với các băng nhóm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan nhất là tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; đồng thời tăng cường công tác quản lý cư trú, lưu trú, hoạt động của các đối tượng phức tạp về an ninh trật tự; xử lý các đối tượng đăng tải thông tin xấu, độc, giả mạo trên không gian mạng.

Trong quá trình làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, khi có vụ việc đình công, ngừng việc tập thể, lực lượng Công an triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự, đồng thời phối hợp với cơ quan chức năng để giải quyết quyền lợi cho công nhân một cách đúng pháp luật, kịp thời. Kiên quyết không để các đối tượng lợi dụng hoạt động chống phá, xuyên tạc, bóp méo sự thật, làm ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam và uy tín của các doanh nghiệp.

- Chủ động phòng ngừa tội phạm và các vi phạm phát sinh trong khu nhà trọ, khu lưu trú công nhân: Hiện nay, công tác đảm bảo an ninh trật tự tại các khu công nghiệp ngoài lực lượng Công an cấp xã, còn có lực lượng Đoàn Công an các khu công nghiệp. Công tác đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ... luôn được lực lượng công an cấp xã, Đoàn Công an khu công nghiệp triển khai quyết liệt, thường xuyên. Với sự vào cuộc mạnh mẽ, các vụ việc phát sinh liên quan đến an ninh trật tự trên địa bàn đã kịp thời được xử lý, giải quyết, không để xảy ra bất kỳ “điểm nóng” nào về an ninh trật tự. Trong đó, công tác đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm như: trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản... đã được chú trọng, đấu tranh xử lý ngay khi sự việc xảy ra.

Trong đó, lực lượng công an đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về “tín dụng đen”, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng, cướp giật, trộm cắp tài sản... giúp doanh nghiệp và người lao động nâng cao cảnh giác phòng ngừa. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng tuần tra khép kín địa bàn, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các khu công nghiệp nên tạo được niềm tin đối với doanh nghiệp và người lao động. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp duy trì tổ chức giao ban Cụm An toàn phòng, chống tội phạm hàng tháng. Qua đó, phát huy được mặt mạnh, khắc phục được hạn chế, thiếu sót trong thực hiện quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự kịp thời.

- Xây dựng cơ chế phối hợp và chính sách bảo vệ quyền con người:
ký kết quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh công nhân với các Sở, Ban, Ngành tại Thành phố; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật về lao động, công đoàn, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động vi phạm pháp luật, các vấn đề phức tạp liên quan bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, kinh phí công đoàn của các đơn vị sử dụng lao động. Chỉ đạo các lực lượng tham mưu Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến tình hình an ninh công nhân.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động tại doanh nghiệp, rà soát đánh giá tình trạng các doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, công đoàn phí, mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động, từ đó phòng ngừa các nguy cơ phát sinh tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể. Kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về lao động, giải quyết các mâu thuẫn giữa chủ

doanh nghiệp và người lao động, góp phần phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hoạt động thành lập tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp trái pháp luật; Nắm chắc các thông tin, tình hình về lao động, dư luận của người lao động; tham mưu các giải pháp nhằm ngày càng nâng cao vai trò, vị thế của tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ giải quyết ngay từ đầu những vấn đề phức tạp phát sinh, mâu thuẫn giữa doanh nghiệp và người lao động, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định pháp luật về lao động như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn phí.

Chủ động phối hợp với Ban quản lý khu công nghiệp, Liên đoàn Lao động và các doanh nghiệp để thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin, phản ánh của công nhân về các hành vi xâm hại quyền lợi chính đáng. Qua các quy chế phối hợp, lực lượng Công an kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh về an ninh trật tự, tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan có liên quan và Ban quản lý khu công nghiệp để giải quyết kịp thời, nhất là chế độ tiền lương, thưởng, giờ làm việc. Tổ chức hoạt động tuần tra phối hợp giữa lực lượng Công an - Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cơ sở - Bảo vệ doanh nghiệp vào các khung giờ cao điểm; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ tụ tập đông người trái phép, biểu tình không đúng trình tự pháp luật, đảm bảo an ninh chính trị, kinh tế không bị ảnh hưởng.

- Triển khai các mô hình tuyên truyền pháp luật và giáo dục kỹ năng sống: thường xuyên phối hợp các cơ quan chức năng, Ban quản lý khu công nghiệp tổ chức các buổi tuyên truyền về phòng chống tội phạm, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, tín dụng đen, xâm hại phụ nữ và trẻ em... đến công nhân, người lao động trong KCN, KCX, KCNC để thấy được âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm, từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác, kỹ năng xử lý tình huống, không dễ bị các đối tượng lợi dụng xâm hại vật chất và tinh thần.

Phát động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong các khu

công nghiệp, khu chế xuất, góp phần khơi dậy tinh thần tự bảo vệ, tự giám sát trong cộng đồng người lao động; triển khai mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, thường xuyên tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh trật tự góp phần an toàn cho quá trình lao động, sản xuất kinh doanh.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản, phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại các khu công nghiệp: Các mô hình như “Tổ tự quản an ninh công nhân”, “Camera an ninh khu trọ”, “Phòng trọ an toàn về an ninh trật tự”... được triển khai mạnh mẽ tại các địa bàn có đông công nhân sinh sống. Đến nay, đã có hơn 1.000 mô hình tự quản được thành lập và hoạt động hiệu quả, giúp lực lượng trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, giải quyết ban đầu các vụ mâu thuẫn trong công nhân và cung cấp nhiều tin có giá trị cho lực lượng Công an trong công tác điều tra truy bắt các đối tượng phạm tội. Những mô hình này vừa bảo vệ an ninh trật tự, vừa tăng cường ý thức pháp luật và tự quản trong công nhân lao động, giúp giảm thiểu tình trạng bị lợi dụng, bóc lột hoặc đối xử bất công trong các quan hệ lao động, góp phần xây dựng môi trường sống - làm việc ổn định, an toàn và tôn trọng quyền cá nhân người lao động.

Lực lượng Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là các đơn vị Công an địa phương có khu công nghiệp, đã tổ chức hàng trăm buổi tuyên truyền pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân, kỹ năng về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm tin dụng đen, xâm hại tình dục, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông... cho công nhân và người lao động. Chỉ tính từ năm 2022 đến giữa năm 2025, toàn lực lượng đã tổ chức được hơn 450 buổi tuyên truyền pháp luật với trên 150.000 lượt người lao động tham dự.

2. TÒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh được những kết quả đạt được, công tác giáo dục, bảo vệ

quyền con người tại các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: (1) Nhận thức pháp luật của người lao động còn hạn chế do điều kiện lao động nặng nhọc, thời gian làm việc kéo dài, nhiều công nhân chưa có cơ hội tiếp cận đầy đủ thông tin pháp luật và kỹ năng bảo vệ bản thân, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia các hành vi vi phạm Pháp luật. Bên cạnh đó, một bộ phận công nhân là lao động thủ công, trình độ học vấn chưa cao, nên kiến thức Pháp luật còn hạn chế (2) Một bộ phận doanh nghiệp chưa thực sự phối hợp, né tránh trách nhiệm, chưa thật sự quan tâm phối hợp với lực lượng Công an trong triển khai công tác tuyên truyền pháp luật, hỗ trợ điều tra, xử lý vi phạm hoặc xây dựng môi trường lao động an toàn cho công nhân; chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhất là chế độ bảo hiểm, thưởng, tăng ca bất hợp lý... dễ dẫn đến các vấn đề phức tạp về an ninh trật tự (3) Công tác phối kết hợp giữa lực lượng Công an và Ban quản lý các khu công nghiệp có lúc có nơi chưa tốt, nhất là trong công tác nắm tình hình, chia sẻ thông tin, giải quyết các vụ việc xảy ra (4) Vai trò của tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp xảy ra đình công còn hạn chế, chưa kịp nắm bắt, phát hiện, tham mưu giải quyết từ sớm kiến nghị, bức xúc của công nhân, chưa chủ động tổ chức đối thoại, thương lượng bảo đảm quyền lợi công nhân (5) Công tác chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền vận động hướng dẫn của chính quyền một số địa phương chủ yếu là chạy theo vụ việc, chưa thực sự quan tâm đúng mức đến xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, các giải pháp phòng ngừa, hạn chế đình công, lãn công (6) Tại các khu công nghiệp, địa bàn rộng, lượng công nhân nhập cư đông, di biến động liên tục, gây khó khăn cho việc kiểm tra, quản lý hành chính và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ pháp lý. Chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu năm 2025, trên địa bàn Thành phố đã ghi nhận 04 vụ ngừng việc tập thể với 3.585 người tham gia. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn trong quan hệ lao động giữa chủ doanh nghiệp và người lao động; Số lượng

doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội từ 03 tháng trở lên vẫn ở mức cao với 20.389 doanh nghiệp, nợ khoảng 3.668,86 tỷ đồng, các loại tội phạm tín dụng đen, tội phạm về trật tự xã hội còn hoạt động tại các khu công nghiệp, khu nhà trọ cho công nhân gây phức tạp về an ninh trật tự.

3. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong khu công nghiệp, khu chế xuất cần có sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Công an, công đoàn và doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm. Mục tiêu không chỉ là bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động, mà còn hướng đến xây dựng môi trường làm việc tôn trọng con người, thúc đẩy sản xuất bền vững, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người và lao động. Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, bảo vệ quyền con người tại các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Thành phố đề ra phương hướng thực hiện một số công tác trọng tâm cụ thể như sau:

Một là, tiếp tục tham mưu lãnh đạo Bộ Công an, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp trong đảm bảo an ninh công nhân, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động trên địa bàn Thành phố; Làm tốt công tác tổ chức tiếp nhận và xử lý tố giác tội phạm tại địa bàn khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; Tham gia giải quyết các vụ tranh chấp, đình công liên quan quyền lợi người lao động; Tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ; Chủ động phòng ngừa tội phạm và các loại vi phạm phát sinh trong khu nhà trọ, khu lưu trú công nhân nhằm kịp thời nắm tình hình, kiểm tra xử lý dứt điểm các vấn đề có liên quan vi phạm, không để xảy ra các vấn đề phức tạp, kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh, trật tự, góp phần xây dựng môi trường đầu tư, lao động lành mạnh, an toàn, có quyền lợi chính đáng theo quy định của pháp luật, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

Hai là, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban ngành liên quan, nhất là Sở Nội vụ, Liên đoàn Lao động Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, công đoàn cơ sở, mặt trận - tổ chức chính trị xã hội. Mở rộng các mô hình tự quản, xây dựng mạng lưới cộng đồng an toàn; Nhân rộng các mô hình như “Tổ an ninh công nhân”, “Khu nhà trọ an toàn, tự quản”... để phòng ngừa từ cộng đồng lao động, phát huy vai trò chủ động của người lao động trong bảo vệ quyền lợi và an toàn lao động; Tổ chức tốt công tác vận động quần chúng, phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ nhằm hình thành thể trận an ninh công nhân vững chắc từ cơ sở. Trong đó, chú trọng phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong các khu dân cư, các khu nhà trọ có đông công nhân, các doanh nghiệp có đông công nhân, các doanh nghiệp trong các Khu chế xuất; thông qua Công đoàn cơ sở của các doanh nghiệp tuyên truyền cho công nhân về tình hình biển đảo, cảnh giác, không tham gia, nghe theo các lời kêu gọi biểu tình, tập trung đông người gây mất ANTT; từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ý thức cảnh giác trước những âm mưu, phương thức thủ đoạn của các loại tội phạm, các thế lực thù địch hiện nay.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Ngoài công tác tuyên truyền bằng hình thức trực tiếp, ứng dụng công nghệ (Zalo OA, video ngắn trên các trang mạng xã hội), kết hợp tuyên truyền định kỳ vào các dịp đặc biệt (Tháng Công nhân, Ngày pháp luật...) để công nhân nắm được tình hình thời sự, kinh tế xã hội của đất nước, nhất là các phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch, các đối tượng phạm tội, để nâng cao tinh thần cảnh giác. Tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để quy định rõ vai trò của lực lượng công an trong giám sát an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ quyền lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất; các quy định, chính sách về quyền an sinh xã hội của người lao động nói chung và người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất nói riêng.

Bốn là, tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ công an khu vực, đặc biệt công an phường, xã có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất về nhận diện vi phạm quyền con người trong môi trường lao động, kỹ năng điều tra sự cố về an toàn vệ sinh lao động, công tác hòa giải lao động; tiếp tục tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng sống, kỹ năng nhận diện lừa đảo, bạo lực, xâm hại; hỗ trợ thành lập các nhóm đồng đẳng, nhóm tự vệ tại các nhà trọ, khu dân cư có đông công nhân sinh sống.

Năm là, tiếp tục phát huy tốt vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng, nhất là tổ chức công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và công đoàn cơ sở trong tham gia bảo đảm quyền chính trị cho người lao động. Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý vi phạm của Công đoàn, góp phần tăng cường niềm tin của công nhân, người lao động; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức công đoàn các cấp trong đó có công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất và các công đoàn cơ sở thực hiện đúng, đủ, có trách nhiệm vai trò của mình trong bảo đảm quyền cho người lao động.

ĐỊNH HƯỚNG, NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM TẠI CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Thiếu tướng TS. Phùng Thị Phú
Phó Cục trưởng Cục Quân huấn-Nhà trường

Quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp năm 2013, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và thực hiện các cam kết quốc tế của nhà nước Việt Nam về giáo dục quyền con người, Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/9/2017 về việc phê duyệt “*Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*”, Quân đội đã tích cực triển khai các hoạt động đáp ứng các yêu cầu trên, trong đó hệ thống nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam. Hệ thống nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam đã tích cực nghiên cứu, giảng dạy, phổ biến, giáo dục quyền con người phù hợp với Cương lĩnh, nghị quyết của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, góp phần vào thực hiện thực hiện mục tiêu: “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự hào về các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác, ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước”³⁷³. Đưa nội dung giáo dục pháp luật về quyền con người trong chương trình đào tạo là phù hợp với mục tiêu và nhu cầu giáo dục - đào tạo người quân nhân cách mạng.

³⁷³Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/9/2017 về việc phê duyệt “Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”*, Hà Nội.

Hệ thống nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập và phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử của đất nước. Nhiều nhà trường ra đời trong thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc, đặc biệt trong điều kiện của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đang trong giai đoạn ác liệt nhất. Nhiệm vụ ban đầu của các nhà trường là đào tạo đội ngũ cán bộ dài hạn, chuyển tiếp đáp ứng nhu cầu của Quân đội, phục vụ cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, các nhà trường Quân đội không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng, loại hình đào tạo; đội ngũ cán bộ của các trường đều có trình độ chuyên môn cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng nghiên cứu, tiếp cận nhanh chóng với khoa học công nghệ hiện đại, các thánh tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam là một nhiệm vụ cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng, góp phần xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Quán triệt và triển khai thực hiện “Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” của Thủ tướng Chính phủ; ngày 25/9/2018, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành Quyết định số 1650/QĐ-CT và Quyết định số 1651/QĐ-CT về việc Ban hành chương trình giáo dục các môn khoa học xã hội và nhân văn đào tạo sĩ quan cấp phân đội, trình độ đại học trong Quân đội. Quyết định số 1650 có một chuyên đề Công ước quốc tế về chống tra tấn, Quyết định số 1651 có chuyên đề Luật Quốc tế, có nội dung giáo dục quyền con người.

Ngày 11/12/2018, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị ban hành Quyết định số 2159/QĐ-CT về Chương trình đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật trình độ trung cấp, trong đó có 02 chuyên đề về giáo dục quyền con người: Quyền con người và Công ước quốc tế về chống tra tấn.

Năm 2018 và 2019, tất cả đơn vị trong Quân đội tổ chức các chuyên đề giáo dục pháp luật ngoại khóa cho cán bộ, chiến sĩ: Quyền con người trong tổ tụng hình sự, Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm.

Năm 2022, Bộ Quốc phòng thực hiện Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2012 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị, các nhà trường được giao nhiệm vụ đào tạo cao cấp lý luận chính trị như: Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị đã tiến hành giáo dục quyền con người trong các môn học Nhà nước và pháp luật, Lý luận và pháp luật về quyền con người cho các đối tượng học viên là sĩ quan trung, cao cấp trong quân đội theo quy định.

Đặc biệt, quan triệt sâu sắc tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính trong Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức vào ngày 11/12/2024: “Định hướng thời gian tới, Thủ tướng Phạm Minh Chính nêu rõ những quan điểm: Bảo vệ quyền con người và giáo dục quyền con người là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, toàn dân, mang tính bao trùm, toàn diện, của cả nước, bảo vệ, giáo dục quyền con người đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của người dân, giáo dục quyền con người là chương trình chính thức chứ không phải chương trình lồng ghép, đặt trong tổng thể hệ thống giáo dục Việt Nam”.

Trong thời gian qua, các nhà trường Quân đội đã quan tâm xây dựng chương trình, kế hoạch huấn luyện, lồng ghép các nội dung giáo dục pháp luật về quyền con người trong các môn học như: Nhà nước và Pháp luật, Pháp luật đại cương, Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật.

Tùy theo, mục tiêu, mô hình đào tạo, chức trách nhiệm vụ của từng đối tượng đào tạo mà các nhà trường Quân đội lựa chọn các nội dung, chủ đề giáo dục pháp luật về quyền con người cho phù hợp. Từ đó, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách người học viên trong môi trường văn hóa quân sự.

Hiện nay và những năm tới, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Cách mạng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực. “Các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước cầu kết với nhau tăng cường hoạt động chống phá toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, tư tưởng, văn hóa... lợi dụng vấn đề “dân chủ, nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền, kích động, thực hiện “diễn biến hòa bình”...”³⁷⁴. Đặc biệt, trước yêu cầu vươn mình của dân tộc trong kỷ nguyên mới, yêu cầu, vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc có những phát triển, đặt ra những yêu cầu mới cao hơn đối với công tác giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục quyền con người trong Quân đội nói riêng. Quân ủy Trung ương xác định rõ: “Giáo dục và đào tạo trong Quân đội là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, quan trọng hàng đầu của cấp ủy, chỉ huy các cấp, là một trong những khâu then chốt, đột phá, quyết định đến chất lượng xây dựng đội ngũ cán bộ”³⁷⁵.

Do vậy, để góp phần định hướng, nghiên cứu, giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam cần phải chủ động có những bước đi, lộ trình triển khai thích hợp, cụ thể như sau:

Một là, tích cực triển khai và nhanh chóng chứa nội dung giáo dục quyền con người vào giảng dạy trong hệ thống các học viện, nhà trường trong toàn quân

Đây là trách nhiệm và cũng là nhiệm vụ Quân đội cần phải làm ngay để cùng với các bộ, ngành trong cả nước hoàn thành đúng tiến độ và lộ trình của “Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” theo Quyết định số 1309/TTg ngày 5/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

³⁷⁴ Ban Tuyên giáo Trung ương (2024), *Tài liệu học tập các văn kiện Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.124.

³⁷⁵ Quân ủy Trung ương, *Nghị quyết 1657-NQ/QU TW về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*, tr.2.

Cục Nhà trường - Quân huấn, Bộ Tổng Tham mưu cần tập trung chỉ đạo việc biên soạn tài liệu, giáo trình về quyền con người dùng trong các học viện, nhà trường Quân đội có nội dung phù hợp với từng đối tượng, như: Cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược, cán bộ cấp chiến dịch, chiến thuật, cấp phân đội và các đối tượng khác trong quân đội.

Nội dung giáo dục cần bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước về quyền con người, điều lệnh, kỷ luật quân đội, các giá trị, tư tưởng tiến bộ về quyền con người trên thế giới, ở Việt Nam; các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã kí kết, phê chuẩn, các quyền và nghĩa vụ của quân nhân trong quân đội, trách nhiệm của quân đội với việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người.

Hai là, giáo dục quyền con người trong quân đội cần bám sát đối tượng, vận dụng vào thực tiễn để kết nối người dạy và người học nhằm đạt mục đích đặt ra

Theo đó, giáo dục quyền con người trong Quân đội nhằm giúp cho các đối tượng học viên phát triển đầy đủ nhân cách và ý thức về nhân phẩm; tôn trọng quyền con người, tôn trọng bản thân, trang bị kiến thức, sự hiểu biết về các quyền cơ bản của con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, của quân nhân, tăng cường kỹ năng cũng như xây dựng thái độ tích cực đóng góp vào việc xây dựng và thúc đẩy văn hóa nhân quyền ở đơn vị cơ sở, thông qua đó ngăn chặn các vi phạm về nhân quyền trong toàn quân.

Giáo dục quyền con người trong quân đội cần phải làm cho mỗi quân nhân, chiến sĩ hiểu và nhận thức đúng về “một nghề đặc biệt”, “môi trường đặc thù” (quân lệnh như sơn, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh cấp trên, kỷ luật quân đội là kỷ luật thép), nhận thức rõ về chức trách, nhiệm vụ của quân nhân, trên tinh thần đó sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; chấp hành nghiêm pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, nội quy, quy định của đơn vị.

Giáo dục quyền con người trong quân đội nhằm giúp cho mỗi quân nhân, chiến sĩ biết tự bảo vệ bản thân khi quyền của mình bị vi phạm, nhận thức rõ các hành vi vi phạm quyền đối với bản thân và các quân nhân khác để có cách thức bảo vệ và chống lại các hành vi vi phạm quyền.

Mặt khác, giáo dục quyền con người trong quân đội phải đạt được sự thống nhất nhận thức của mọi quân nhân đối với vấn đề “vi phạm nhân quyền trong môi trường quân đội”. Thực tế, trong toàn quân hiện nay vẫn còn hiện tượng quân nhân do nhận thức chưa đúng về “tình đặc thù và đặc biệt của môi trường quân đội” nên có những suy nghĩ giản đơn, cho rằng quân nhân đang bị vi phạm nhân quyền. Chỉ khi quân nhân nhận thức đúng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân trong “môi trường quân đội”, thấy rõ được vị trí, chức trách nhiệm vụ của quân nhân thì những suy nghĩ trên sẽ được xóa bỏ.

Ba là, cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học

Để thực hiện cách tiếp cận dựa trên quyền con người trong giáo dục tại các học viện, nhà trường quân đội, đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo kiến thức của các môn khoa học chính trị, xã hội và các môn đặc thù như: công tác đảng, công tác chính trị, các môn quân sự chung. Ngoài việc phải làm rõ những tri thức khoa học với nhiều thuật ngữ, khái niệm, phạm trù, tính quy luật, còn phải chuyển tải đến từng đối tượng học viên nhiều nội dung quan trọng trong đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước thông qua thực hiện “đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số”³⁷⁶.

Bốn là, chú ý liên hệ với thực tiễn trong nước và quốc tế, với đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước quân đội

Đối với mỗi vấn đề thực tiễn, khi giảng dạy cần giúp học viên nhận

³⁷⁶ Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.

thức, lý giải vấn đề một cách khách quan, toàn diện, biết đánh giá vấn đề từ các góc nhìn đa chiều, biết gắn thực tiễn với lý luận trong nước và quốc tế. Nhờ đó, giúp người học ý thức sâu sắc hơn về các vấn đề chính trị, xã hội thường gắn với quyền con người và vấn đề quyền con người. Mặc dù là một vấn đề cơ bản, có tính thường trực trong mỗi cá nhân và cộng đồng, song quá trình giải quyết vấn đề đó và bảo đảm quyền con người luôn phải gắn với các vấn đề khác trong đời sống chính trị và xã hội có tính thực tiễn của Việt Nam, của quân đội trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Năm là, nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giảng viên quân đội có năng lực, phẩm chất, có bản lĩnh chính trị, số lượng phù hợp để tham gia vào quá trình giáo dục quyền con người, quyền công dân trong các học viện, nhà trường quân đội

Thực hiện sự liên kết trong giáo dục, đào tạo về quyền con người, quyền công dân giữa các học viện, nhà trường quân đội với các trường chính trị - hành chính, các trường đại học, các viện nghiên cứu. Cần học hỏi và trao đổi về kinh nghiệm từ các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành về giáo dục quyền con người.

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TS. Chu Mạnh Hùng

Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng Trường

Nghiên cứu, giáo dục về quyền con người (QCN) ngày càng được coi trọng như một nền tảng để xây dựng xã hội công bằng, văn minh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc hiểu biết và tôn trọng QCN đã trở thành yêu cầu cấp thiết đối với mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trước yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập, giáo dục QCN cho thế hệ trẻ - nhất là sinh viên luật, những người sẽ trực tiếp tham gia bảo vệ công lý - càng trở nên quan trọng. Trường Đại học Luật Hà Nội, với vị thế là cơ sở trọng điểm đào tạo pháp luật, có trách nhiệm tiên phong trong nghiên cứu và phát triển giáo dục QCN nhằm đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới.

1. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TẠI VIỆT NAM

Năm 1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-TW (ngày 12/7/1992) về vấn đề quyền con người, trong đó nhấn mạnh *“tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục... để mọi người hiểu rõ quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về quyền con người và quyền công dân”*. Đến năm 2010, Ban Bí thư tiếp tục ra Chỉ thị số 44-CT/TW (20/7/2010) về công tác nhân quyền trong tình hình mới, đặc biệt chỉ rõ giáo dục quyền con người là một nội dung chính thức trong chương trình giáo dục quốc dân. Sự thay đổi này phản ánh bước tiến trong nhận thức - coi giáo dục quyền con người không chỉ là công tác tuyên truyền mà là một quyền lợi và nhu cầu chính đáng, phải được triển khai chính thức, bài bản trong hệ thống giáo dục. Quan điểm của Đảng phù hợp với xu thế chung của Liên Hợp quốc về tăng cường giáo dục QCN trên phạm vi toàn cầu.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trong đó có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quyền con người. Đây là nền tảng tư tưởng quan trọng định hướng cho chính sách giáo dục quyền con người ở Việt Nam.

Tuy chưa có văn bản luật chuyên biệt về giáo dục quyền con người, nhưng pháp luật hiện hành đã gián tiếp tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động này thông qua các quy định về giáo dục pháp luật và phổ biến kiến thức quyền công dân. Luật Giáo dục 2019 và Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018 đều nhấn mạnh nhiệm vụ giáo dục toàn diện, bao gồm giáo dục công dân, đạo đức, pháp luật cho người học. Chẳng hạn, Luật Giáo dục 2019 (Điều 65) quy định việc giảng dạy môn pháp luật và đạo đức công dân trong nhà trường; Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012 cũng xác định công tác phổ biến pháp luật (trong đó có các quyền của công dân) là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị. Theo tinh thần đó, giáo dục quyền con người được xem như một bộ phận của giáo dục pháp luật và giáo dục công dân ở nước ta.

Chủ trương tăng cường giáo dục pháp luật, lồng ghép nội dung quyền con người đã được cụ thể hoá: Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP của Chính phủ (07/12/2007) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 32/CT-TW khẳng định: *“phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị”*, yêu cầu đưa nội dung giáo dục pháp luật đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân một cách thường xuyên, sâu rộng. Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT (19/3/2009) của Bộ Giáo dục & Đào tạo về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục nêu rõ mục tiêu: các cơ sở giáo dục phải *“chỉ đạo việc giảng dạy kiến thức pháp luật trong môn Đạo đức, Giáo dục công dân và các môn học liên quan”*; đặc biệt ở các trường đại học, cao đẳng cần *“bổ sung nội dung pháp luật phù hợp vào chương trình giáo dục của tất cả các ngành đào tạo”*. Đây chính là cơ sở để

những năm qua, Bộ Giáo dục - Đào tạo chỉ đạo các trường đưa nội dung quyền con người - quyền công dân vào giảng dạy tích hợp trong các môn học chính khóa hoặc hoạt động ngoại khóa phù hợp với từng cấp học.

Đặc biệt, Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 phê duyệt Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” đã xác định rõ mục tiêu tổng quát: *“tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc tự bảo vệ quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, quyền và tự do của người khác; nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân đối với Nhà nước và xã hội; góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước”*. Đề án đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống quốc dân tổ chức giáo dục quyền con người cho người học. Để đạt được điều này, nhiều nhiệm vụ, giải pháp đã được triển khai, như: khảo sát, đánh giá thực trạng giảng dạy về QCN ở các cấp học; biên soạn tài liệu hướng dẫn lồng ghép QCN trong chương trình; tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng kiến thức QCN cho đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đề án cũng thúc đẩy việc xây dựng môn học, học phần riêng về QCN trong chương trình đào tạo của các trường sư phạm, trường chính trị và một số trường đại học trọng điểm, qua đó hình thành những hạt nhân nòng cốt cho công tác giáo dục QCN.

Nhằm tăng cường hiệu quả triển khai Đề án, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 về việc tiếp tục thực hiện Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục. Chỉ thị yêu cầu các bộ ngành, địa phương đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục QCN, đảm bảo các mục tiêu đề án hoàn thành đúng thời hạn 2025.

Bên cạnh Đề án theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg, Việt Nam cũng lồng ghép giáo dục QCN trong các kế hoạch hành động quốc gia khác về

quyền con người. Ví dụ, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện các khuyến nghị UPR sau mỗi chu kỳ Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát (UPR) tại Liên Hợp quốc. Trong đó, nội dung tăng cường giáo dục và đào tạo về quyền con người luôn được nhấn mạnh như một ưu tiên để thực thi các khuyến nghị quốc tế mà Việt Nam chấp thuận. Việc thực hiện các công ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên (như Công ước chống tra tấn, Công ước về quyền trẻ em, Công ước về xóa bỏ phân biệt đối xử...) cũng đều gắn với nhiệm vụ nâng cao nhận thức, đào tạo bồi dưỡng về các quyền và nghĩa vụ tương ứng cho cán bộ và người dân. Gần đây nhất, ngày 14/9/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1079/QĐ-TTg phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam, nhằm đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, giáo dục về quyền con người trên các phương tiện truyền thông đại chúng, qua đó từng bước nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng quyền trong toàn xã hội.

Đặc biệt, đối với Trường Đại học Luật Hà Nội, ngoài những cơ sở pháp lý kể trên, còn phải kể đến những văn bản trực tiếp định hướng hoạt động của Trường. Ngày 14/4/2022, Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/BCSD về những định hướng lớn về công tác pháp luật quốc tế của Bộ Tư pháp đến năm 2030 chỉ rõ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học về pháp luật quốc tế còn hạn chế, đồng thời đặt ra nhiệm vụ cho Trường Đại học Luật Hà Nội đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo về pháp luật quốc tế. Trong phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-BTP ngày 9/8/2022 của Bộ Tư pháp Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/BCSD ngày 14/4/2022 của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về những định hướng lớn về công tác pháp luật quốc tế của Bộ Tư pháp đến năm 2030 có giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Luật Hà Nội xây dựng đề án “*Phát triển Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở nghiên cứu, giảng dạy lớn của cả nước về pháp luật quốc tế; đặc biệt là tư pháp quốc tế, pháp luật thương mại, đầu tư quốc tế và quyền con người trong bối cảnh hội nhập sâu rộng*”.

Như vậy, từ phương diện pháp lý và chính sách, Việt Nam đã hình thành khuôn khổ tương đối đầy đủ để thúc đẩy giáo dục quyền con người. Từ chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp, pháp luật đến các chiến lược, đề án quốc gia, tất cả đều khẳng định giáo dục quyền con người là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống giáo dục cũng như của cả hệ thống chính trị. Đây là cơ sở chính trị, pháp lý để các cơ sở đào tạo đại học, đặc biệt là Trường Đại học Luật Hà Nội, triển khai các hoạt động giáo dục QCN đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới.

2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

2.1. Thực trạng giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội (HLU) là cơ sở đào tạo pháp luật lớn ở Việt Nam, có sứ mệnh đào tạo đội ngũ cán bộ pháp lý cho đất nước. Với vị thế là một trong hai trường đại học trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật theo Quyết định số 1156/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, HLU đóng vai trò tiên phong trong việc đưa nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo và các hoạt động giáo dục cho sinh viên. Nội dung về QCN được giảng dạy ở hai mức độ: *thứ nhất*, lồng ghép vào các học phần có liên quan; *thứ hai*, giảng dạy tại các học phần chuyên biệt về QCN

**** Giáo dục quyền con người thông qua những học phần có lồng ghép vấn đề về quyền con người***

Thứ nhất, giáo dục QCN lồng ghép thông qua những môn khoa học cơ bản và cơ sở trong khối kiến thức đại cương

Vấn đề QCN được giới thiệu khái quát bằng cách lồng ghép vào nội dung của một số môn khoa học cơ bản và cơ sở, như vấn đề con người trong môn Triết học Mác - Lênin; vấn đề dân tộc trong môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề QCN trong môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, giáo dục QCN lồng ghép thông qua những học phần của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Đối với các học phần có lồng ghép vấn đề về QCN, nội dung giáo dục pháp luật về QCN được tiếp cận gắn liền với đặc thù của học phần. Cụ thể, nội dung QCN được lồng ghép vào các học phần chủ yếu như:

- Học phần Lý luận nhà nước và pháp luật: Nội dung của học phần này tập trung vào các vấn đề liên quan đến nhà nước và pháp luật, bao gồm cả các quyền cơ bản của con người và quyền của công dân. Trong học phần này, sinh viên được học về nguồn gốc và nội dung pháp lý của các quyền cơ bản của công dân, bao gồm các quyền dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền lợi của người lao động, quyền trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật... Ngoài ra, sinh viên cũng được học về các quyền và trách nhiệm của công dân đối với nhà nước và xã hội, như quyền bầu cử, quyền biểu tình, quyền tự do ngôn luận, quyền hội họp và các quyền khác. Học phần này giúp sinh viên hiểu về vai trò, chức năng của nhà nước, pháp luật và các cơ quan chức năng trong bảo vệ và thúc đẩy QCN cũng như mối quan hệ giữa Nhà nước và người dân.

- Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật thông qua việc xem xét quá trình phát triển của nhà nước trong tiến trình lịch sử, thảo luận các triết lý về nhà nước cũng như giải quyết các vấn đề khoa học liên quan tới tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước, xác định vai trò của nhà nước trong quản lý xã hội gắn với điều kiện thực tiễn hiện nay, đưa ra các giải pháp để hạn chế tình trạng lạm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền gắn với thực tiễn Việt Nam, đề cao quyền công dân, quyền con người trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Nội dung chủ yếu của học phần gồm một số vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước; hình thức của nhà nước, nhà nước trong hệ thống chính trị, nhà nước pháp quyền.

- Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam có nội dung về QCN ở góc độ từ lý thuyết căn bản về Hiến pháp, QCN được đề cập đến như một mục tiêu của sự ra đời Hiến pháp, đặc biệt là Hiến pháp năm 2013. Ngoài ra, nội dung của môn học này còn truyền tải những quyền cơ bản như: quyền dân sự, quyền chính trị, quyền kinh tế, văn hóa - xã hội từ Hiến pháp năm 1946 đến Hiến pháp năm 2013. Trong nội dung môn học, QCN được giảng dạy trong chương “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”.

- Học phần Luật Hành chính, nội dung QCN được lồng ghép giảng dạy trong các bài giảng về quyền cơ bản của công dân trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước; nguyên tắc quản lý nhà nước; nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức pháp lý về quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nên các khía cạnh cơ bản của QCN, quyền công dân cũng được thể hiện.

- Trong học phần Luật Hình sự và học phần Luật Tố tụng hình sự, QCN là một trong những chủ đề quan trọng được lồng ghép vào các bài giảng. Nội dung cụ thể liên quan đến QCN trong Luật Hình sự bao gồm: Quyền bào chữa của bị can; nguyên tắc suy đoán vô tội; Quyền không bị tra tấn, đối xử tàn nhẫn; Quyền tìm kiếm sự bảo vệ pháp lý; Quyền hưởng một số quyền lợi đối với những người bị hại... Tóm lại, các nội dung liên quan đến QCN trong môn Luật Hình sự và Tố tụng hình sự là rất quan trọng để bảo vệ và tôn trọng QCN của mỗi người dân. Trong chương trình giảng dạy của Trường Đại học Luật Hà Nội, trong Luật Hình sự còn có các học phần tự chọn có thời lượng 02 tín chỉ như: Tội phạm quốc tế; Tòa án Hình sự Quốc tế; Tổ chức tội phạm Mafia; Tổ chức và hoạt động của Interpol. Các học phần này đề cập đến những hành vi xâm phạm QCN bị coi là tội phạm quốc tế cũng như cơ chế bảo đảm QCN thông qua thiết chế tài phán.

- Học phần Luật Dân sự, sinh viên được giảng dạy về QCN trong các

nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự như nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp... Các quyền về nhân thân như quyền có họ, tên, quyền xác định dân tộc, quyền được khai sinh, khai tử, quyền có quốc tịch được quy định một cách rõ ràng, cụ thể. Điều này giúp sinh viên có được cái nhìn toàn diện và đầy đủ đảm bảo việc thực thi QCN trong quá trình thực hiện các giao dịch dân sự. Xét về vai trò trong hệ thống kiến thức khoa học pháp lý có thể nói môn học Luật Dân sự là một trong những môn học cơ bản nền tảng của chương trình đào tạo cử nhân luật; trong mối quan hệ với QCN đây là một trong những môn học thể hiện khá đậm nét những nội dung cơ bản của QCN thông qua hoạt động giảng dạy.

- Học phần Tổ tụng dân sự đề cập, bảo vệ các nhóm quyền, các quy định, các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng dân sự; trình tự, thủ tục khởi kiện để Tòa án nhân dân giải quyết các vụ án về tranh chấp dân sự; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng...

- Trong học phần Luật hôn nhân và gia đình, QCN được lồng ghép vào nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình và hôn nhân gồm: quyền tự do kết hôn, quyền tài sản trong hôn nhân, quyền chăm sóc và nuôi dạy con cái; quyền ly hôn và quyền bình đẳng giới tính...

- Học phần Luật lao động tập trung vào nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động. QCN trong môn học này được thể hiện qua địa vị và quyền lợi của hai chủ thể chính là người lao động và người sử dụng lao động. Đối với người lao động, các QCN được bảo đảm và thể hiện thông qua việc đảm bảo các quyền lợi của người lao động, bao gồm quyền được làm việc trong môi trường an toàn, có điều kiện làm việc bình đẳng, được nghỉ ngơi, được trả lương thích đáng, được tham gia các hoạt động đoàn thể và đàm phán tập thể. Đối với người sử dụng lao động, các QCN được thể hiện qua việc phải tôn trọng

và bảo vệ quyền lợi của người lao động, đảm bảo cung cấp các điều kiện làm việc tốt nhất có thể và chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến lao động. Đặc thù của môn học này trong quá trình giảng dạy và học tập là không chỉ viện dẫn các Công ước chung về QCN mà còn xem xét các công ước chuyên biệt về lao động của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) như môn học Luật an sinh xã hội.

- Học phần Công pháp quốc tế: Trong học phần Công pháp quốc tế, quyền con người được lồng ghép với các nội dung khác của môn học như: Quyền con người với nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ; nguyên tắc dân tộc tự quyết với vấn đề quyền con người; địa vị pháp lý của dân cư với vấn đề quyền con người...

- Đối với các học phần khác như: Luật thương mại quốc tế, Tư pháp quốc tế, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật thương mại, Luật cạnh tranh; Luật ngân hàng... Những môn học này có nhiều nội dung liên quan đến các nhóm quyền dân sự của con người như quyền tự do cơ bản, quyền sở hữu trí tuệ, quyền thừa kế, các nhóm quyền kinh tế, văn hóa và xã hội...

Bên cạnh đối tượng giảng dạy cho sinh viên hệ đào tạo cử nhân, các nội dung về quyền con người cũng được lồng ghép giảng dạy cho học viên sau đại học chuyên ngành luật quốc tế, như Học phần những vấn đề lý luận về công pháp quốc tế, trong đó có nội dung giảng dạy về quyền con người và các cơ chế bảo đảm thực hiện, Học phần Áp dụng pháp luật trong bảo vệ chủ quyền quốc gia trong đó có Chuyên đề “Áp dụng pháp luật trong bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với dân cư”; Học phần Những thách thức trong bảo đảm an ninh phi truyền thống của quốc gia, trong đó có nội dung liên quan đến bảo vệ quyền con người trước các thách thức an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia, biến đổi khí hậu.

Có thể thấy, mặc dù đã được lồng ghép trong các học phần nhưng nội dung giảng dạy về QCN chưa nhiều, chưa chuyên sâu, thời lượng còn hạn

chế. Ngay cả tại các học phần được coi là có dung lượng kiến thức về QCN nhiều nhất như Luật Hiến pháp, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật lao động..., nội dung QCN được giảng dạy chủ yếu trong phạm vi giới hạn về các nhóm quyền, chưa được phân tích chuyên sâu về các QCN, quyền và nghĩa vụ công dân, gắn liền với Nhà nước. Các học phần có nội dung về QCN khi được đưa vào giảng dạy, lồng ghép, thường được tiếp cận theo nghĩa hẹp và chỉ được tiếp cận thuần túy mà chưa được nghiên cứu dưới góc độ với các khái niệm, đặc điểm, đặc thù, bản chất, tính chất, nội hàm của các QCN được quy định trong các công ước, pháp luật quốc tế về QCN mà Việt Nam đã tham gia ký kết... Mục tiêu và chuẩn đầu ra của lĩnh vực GDQCN chưa được xác định cụ thể, chi tiết, GDQCN mới dừng lại ở công tác giới thiệu, giảng dạy đơn thuần cho sinh viên về lĩnh vực này. Do đó, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của hoạt động GDQCN cho sinh viên của nhà trường.

▪ Giáo dục QCN thông qua các học phần riêng biệt về quyền con người

Đến nay, rất nhiều học phần riêng biệt về quyền con người đã được đưa vào giảng dạy trong CTĐT của Trường Đại học Luật Hà Nội, trong đó, có thể kể đến các học phần nổi bật sau:

- Học phần Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người (03 tín chỉ). Mặc dù chưa có giáo trình chính thức nhưng đề cương và nội dung cơ bản của môn học đã được xây dựng. Đề cương môn học gồm năm vấn đề chính sau: 1. Khái quát về QCN và pháp luật về QCN; 2. Pháp luật về QCN trong lĩnh vực dân sự, chính trị; 3. Pháp luật về QCN trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hoá; 4. Pháp luật về quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương; 5. Cơ chế bảo đảm và thúc đẩy QCN.

- Tư pháp đối với người chưa thành niên: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật Việt Nam về người chưa thành niên, với sự tham chiếu khung pháp lý quốc tế. Học phần gắn kết sinh viên vào việc đánh giá có hệ thống về các nguyên tắc của tư pháp đối với

người chưa thành niên và về cách các nguyên tắc đó được áp dụng trong tất cả các hoạt động liên quan đến người chưa thành niên, dù được thực hiện bởi tòa án, cơ quan hành chính hay các cơ quan khác. Học phần đồng thời giới thiệu cho sinh viên các khía cạnh cơ bản của sự phát triển của trẻ em, bao gồm cả hiểu biết về ảnh hưởng của sự lạm dụng, sự bỏ bê và những trải nghiệm bất lợi khác tới sự phát triển của trẻ em, cũng như sự cần thiết của những can thiệp nhạy cảm (thân thiện) với trẻ em

- Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự: Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự là môn khoa học pháp lý nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự và quan điểm khoa học về thủ tục tố tụng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi; thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân; thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, thủ tục rút gọn; khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự; bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác

- Luật bình đẳng giới: Nội dung cơ bản của học phần gồm Phần lý luận gồm các vấn đề: Khái niệm về giới và luật bình đẳng giới; các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới; khái quát sự phát triển về tư tưởng bình đẳng giới trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về bình đẳng giới trong quan hệ gia đình; bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; các biện pháp đảm bảo thực hiện bình đẳng giới; các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và biện pháp xử lý; trách nhiệm thực hiện và đảm bảo bình đẳng giới.

- Pháp luật về quyền nhân thân: Học phần Pháp luật về quyền nhân thân trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lý luận cũng như pháp luật về quyền nhân thân của Việt Nam đặt trong bối cảnh công nghệ 4.0. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học hình thành ý thức, thái độ đúng đắn, trong việc bảo vệ quyền nhân thân của mình và những chủ thể khác trong xã hội.

- Luật an sinh xã hội: Là học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội), giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần Luật An sinh xã hội còn nghiên cứu ở một mức độ nhất định quan điểm, quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về an sinh xã hội.

- Fundamental civil rights in the modern world (*Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại*). Học phần tập trung nghiên cứu quyền bình đẳng và quyền tiếp cận công lý - hai quyền công dân quan trọng nhất, ở bốn quốc gia, Hoa Kỳ, Úc, Pháp và Nhật Bản, từ góc độ so sánh.

- Pháp luật về người khuyết tật. Luật người khuyết tật (NKT) là học phần nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế pháp lí về NKT. Các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Những vấn đề lí luận chung về NKT và Luật NKT (khái niệm, quan hệ xã hội do Luật NKT điều chỉnh, các nguyên tắc, mối quan hệ giữa luật NKT và một số ngành luật khác...); pháp luật quốc tế về NKT; các chế độ pháp lí đối với NKT theo pháp luật Việt Nam (chăm sóc sức khỏe; giáo dục, dạy nghề và việc làm; hoạt động xã hội; bảo trợ xã hội với NKT...); trách nhiệm của Nhà nước và cộng đồng; các biện pháp đảm bảo quyền đối với NKT.

Đối với bậc đào tạo sau đại học, đã có các học phần riêng biệt về quyền con người được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ và nghiên cứu sinh. Cụ thể, Học phần Pháp luật về quyền con người và di cư trong biến đổi khí hậu, thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành luật kinh tế, chuyên ngành chính sách và pháp luật về biến đổi khí hậu, Học phần Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn chuyên sâu về quyền con người đang được giảng dạy là học phần bắt buộc đối với nghiên cứu sinh chuyên ngành luật quốc tế.

Đến nay, có thể nói hoạt động giáo dục về quyền con người tại HLU đã nhận được sự quan tâm lớn từ phía nhà trường và sinh viên. Sự quan tâm của sinh viên thể hiện ở chỗ: khi được hỏi, đa số sinh viên HLU bày tỏ sự hứng thú với các kiến thức liên quan QCN trong môn học của mình. Kết quả khảo sát 100 sinh viên HLU cho thấy 62% sinh viên quan tâm đến nội dung về QCN (trong các môn học có lồng ghép), chỉ 38% là chỉ chú ý đến quy định pháp luật thuần túy mà chưa để ý khía cạnh quyền. Đáng chú ý, 56% sinh viên được hỏi cho rằng nên tăng thời lượng nội dung QCN trong chương trình, chỉ 44% nghĩ rằng thời lượng như hiện tại là đủ. Điều này phản ánh nhu cầu học tập và tìm hiểu về quyền con người trong sinh viên là khá cao, và họ mong muốn được học sâu hơn, nhiều hơn về chủ đề này³⁷⁷.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai giáo dục QCN tại HLU cũng bộc lộ một số hạn chế cần khắc phục. Trước hết, Trường Đại học Luật Hà Nội hiện chưa có mã ngành hoặc chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ riêng về quyền con người (như một chuyên ngành độc lập). Khác với Trường Đại học Luật thuộc ĐHQG Hà Nội đã mở chương trình thạc sĩ chuyên ngành QCN (hợp tác với Trung tâm Nhân quyền Na Uy), HLU mới chỉ dừng ở việc có môn học và tích hợp nội dung. Việc chưa phát triển một ngành đào tạo chuyên sâu hạn chế khả năng đào tạo nhân lực chuyên gia về QCN. Tiếp đó, công tác giảng dạy các nội dung QCN ở HLU chưa được đồng bộ ở các khoa chuyên môn trong đó chủ yếu ở Khoa Pháp luật quốc tế. Đội ngũ giảng viên của Khoa khác cũng tham gia lồng ghép QCN trong môn của mình, nhưng chưa có sự phối hợp liên khoa để xây dựng chương trình QCN liên ngành. Điều này dẫn đến tình trạng đôi khi nội dung giảng dạy trùng lặp hoặc thiếu tính hệ thống giữa các môn học. Bên cạnh đó, mặc dù đã xây dựng và giảng dạy môn học riêng về quyền con người là học phần Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về

³⁷⁷Nguyễn Thị Thuý Dung (2023), *Giáo dục quyền con người cho sinh viên các cơ sở đào tạo Luật ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

quyền con người trong nhiều năm, tuy nhiên đây vẫn dừng lại là môn học tự chọn với thời lượng chỉ có 3 tín chỉ. Trong khi đó lại chưa có chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với người học đăng ký, lựa chọn học phần về quyền con người dẫn đến số lượng người học lựa chọn học phần còn thấp so với kỳ vọng. Các tài liệu và học liệu giảng dạy, học tập về quyền con người của Trường mặc dù khá đa dạng nhưng chưa đầy đủ, hiện nay, Trường chưa có giáo trình chính thức giảng dạy cho học phần Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người³⁷⁸.

2.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người tại HLU

Cùng với giảng dạy, nghiên cứu khoa học về quyền con người là mảng hoạt động được HLU chú trọng, bởi đây vừa là nhiệm vụ học thuật, vừa phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy và tư vấn chính sách. Tuy chưa có đơn vị chuyên trách độc lập (như trung tâm nghiên cứu về quyền con người) trực thuộc trường, nhưng trong hơn một thập kỷ qua, số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu về QCN của giảng viên, sinh viên HLU đã tăng lên rõ rệt.

Theo thống kê giai đoạn 2010-2024, tại Trường ĐH Luật Hà Nội đã có: 07 luận án tiến sĩ, 40 luận văn thạc sĩ, 60 khóa luận cử nhân về các đề tài liên quan đến quyền con người; thực hiện 13 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; tổ chức 08 hội thảo (quốc tế và cấp trường) về chủ đề quyền con người; và công bố hơn 100 bài báo trên Tạp chí Luật học (tạp chí khoa học của HLU) đề cập tới các khía cạnh của quyền con người. Đây là con số rất đáng kể, cho thấy sự quan tâm nghiên cứu QCN tại HLU không ngừng mở rộng. Đặc biệt, từ sau năm 2010 trở đi - khi mà môi trường pháp lý và học thuật về QCN ở Việt Nam có nhiều thuận lợi - số lượng công trình nghiên cứu QCN gia tăng mạnh mẽ.

Nội dung các nghiên cứu rất đa dạng, trải rộng trên nhiều lĩnh vực quyền. Qua tổng hợp, phần lớn các đề tài, luận văn, hội thảo tại HLU tập

³⁷⁸Sách chuyên khảo: *Quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, xuất bản năm 2023.

trung vào các quyền cụ thể của con người hơn là nghiên cứu tổng quan, lý luận chung. Chẳng hạn, có luận văn về quyền dân sự, quyền chính trị của công dân trong Nhà nước pháp quyền; có nghiên cứu về quyền của nhóm yếu thế (trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số); có hội thảo bàn về quyền con người trong tổ tụng hình sự, trong pháp luật lao động; hoặc về các biện pháp bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp 2013, v.v.. Điều này phản ánh cách tiếp cận “đi từ cụ thể đến tổng thể” - trước hết chú ý giải quyết những vấn đề quyền con người nổi cộm trong từng lĩnh vực pháp luật, sau đó mới hướng tới xây dựng cơ sở lý luận chung. Mặc dù chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước về QCN xuất phát từ HLU, nhưng các công trình ở cấp cơ sở đã góp phần làm sáng tỏ các nội dung cơ bản của QCN trong bối cảnh Việt Nam, đồng thời tạo ra nguồn học liệu hữu ích phục vụ ngay cho việc dạy và học tại trường.

Đáng chú ý, trong thư viện HLU hiện có khoảng trên 200 đầu sách, tài liệu về quyền con người bằng tiếng Việt và tiếng Anh để hỗ trợ nghiên cứu và giảng dạy. Đây là một kho tư liệu phong phú, bao gồm giáo trình, sách chuyên khảo trong nước và quốc tế về quyền con người, các tuyển tập văn kiện pháp lý quốc tế, tài liệu hướng dẫn của Liên Hợp quốc, v.v. Nhờ nguồn tài liệu này, giảng viên và sinh viên có điều kiện tiếp cận tri thức nhân quyền hiện đại trên thế giới, từ đó nâng cao chất lượng nghiên cứu. Tuy số lượng công trình nghiên cứu của HLU “*chưa nhiều*” so với tiềm năng, nhưng như tác giả Nguyễn Thị Thùy Dung nhận xét trong luận văn thạc sĩ *Giáo dục quyền con người cho sinh viên các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay*, những nghiên cứu này “*đã đề cập đến những nội dung cơ bản của vấn đề QCN, đó là các biện pháp bảo đảm QCN trong dân sự, tổ tụng hình sự, tổ tụng hành chính...*”. Các khóa luận, luận văn, luận án này vừa có giá trị khoa học lớn đối với hoạt động nghiên cứu và giáo dục QCN của nhà trường, vừa là những đóng góp đáng kể vào kho tàng lý luận về quyền con người ở Việt Nam.

Có thể lấy ví dụ một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp về quyền con người như: Bảo đảm quyền con người của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự Việt Nam - Nguyễn Thị Mai chủ nhiệm đề tài, Bảo đảm quyền của nạn nhân tội phạm buôn bán người theo pháp luật ASEAN và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam - Vũ Ngọc Dương chủ nhiệm đề tài, Bảo vệ quyền của chủ thể nộp thuế: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp hoàn thiện pháp luật quản lý thuế ở Việt Nam - Đào Ánh Tuyết chủ nhiệm đề tài, Nghiên cứu các mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia trên thế giới và khả năng áp dụng ở Việt Nam hiện nay - Nguyễn Thị Quỳnh Trang chủ nhiệm đề tài, Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong lịch sử lập hiến Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam - Trần Thị Hoa chủ nhiệm đề tài, Quyền làm việc trong pháp luật quốc tế, pháp luật một số quốc gia và những đề xuất hoàn thiện pháp luật về quyền làm việc ở Việt Nam - Mạc Thị Hoài Thương chủ nhiệm đề tài, Thực hiện quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 - Dương Văn Quý chủ nhiệm đề tài, Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chống phân biệt đối xử phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người - Nguyễn Toàn Thắng chủ nhiệm đề tài, Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật đáp ứng các khuyến nghị của Liên Hợp quốc đối với việc thực hiện Công ước ICCPR tại Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ - Nguyễn Thị Hồng Yến.

Bên cạnh đó, hàng chục sách chuyên khảo, sách tham khảo học dành cho học phần công pháp quốc tế và lĩnh vực quyền con người được Trường, cán bộ giảng viên của trường biên soạn nhằm cung cấp tài liệu học tập cho sinh viên thông qua hệ thống nhà sách, thư viện và số hoá vô cùng đa dạng. Sách chuyên khảo, tham khảo của học phần Công pháp quốc tế đặc biệt là lĩnh vực quyền con người điển hình có thể kể tới: Sách Quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, Sách Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 và việc thực thi các khuyến nghị của uỷ

ban nhân quyền tại Việt Nam, Sách Bảo vệ thường dân trong Luật Nhân đạo quốc tế - Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn, Sách Pháp luật về quyền lập hội và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong quá trình hội nhập, Sách Quyền tự do ngôn luận trong pháp luật quốc tế và pháp luật các nước-giá trị cho Việt Nam, Sách Bình luận về quyền của người khuyết tật theo Công ước quốc tế và thực trạng nội luật hoá ở Việt Nam, Sách Chống phân biệt đối xử từ góc độ luật nhân quyền quốc tế và pháp luật quốc gia... Ngoài ra, Trường Đại học Luật Hà Nội còn tích cực phối hợp với các đơn vị của Bộ Tư Pháp như Vụ Pháp luật quốc tế, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ phổ biến giáo dục pháp luật... biên soạn các tài liệu phổ biến, giáo dục về quyền con người như: Bộ tài liệu về phòng, chống tra tấn; Bộ tài liệu tập huấn về Công ước về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và việc thực thi Công ước ICCPR...

Tuy nhiên, HLU cũng nhận thấy một số mặt hạn chế trong hoạt động nghiên cứu QCN của mình: (i) Chưa có nhiều đề tài tầm vĩ mô, nghiên cứu một cách tổng quan, hệ thống mọi phương diện của QCN (các đề tài thường tập trung vào từng khía cạnh cụ thể) (ii) Thành phần tham gia nghiên cứu chủ yếu là cá nhân giảng viên, sinh viên; chưa hình thành nhiều nhóm nghiên cứu mạnh về QCN liên ngành.

2.3. Các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ giáo dục quyền con người

Bên cạnh giảng dạy chính khóa và nghiên cứu khoa học, HLU còn đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, tuyên truyền về quyền con người cho sinh viên. Đây được xem là một kênh giáo dục hiệu quả, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tiễn và hiểu sâu sắc hơn các vấn đề về quyền.

Nhà trường cũng thường xuyên phối hợp mời chuyên gia về quyền con người (luật sư, chuyên gia Liên Hợp quốc, Ủy ban nhân quyền, v.v.) đến nói chuyện, giao lưu với sinh viên. Những buổi hội thảo, tọa đàm chuyên đề như vậy giúp sinh viên cập nhật kiến thức mới nhất, từ các vấn đề toàn cầu (như biến đổi khí hậu và quyền con người, trí tuệ nhân tạo và quyền riêng tư) đến

các vấn đề trong nước (như quyền của người bị tạm giam, quyền tiếp cận công lý...). Nhờ đối thoại trực tiếp với chuyên gia, sinh viên được mở rộng tầm nhìn, rèn luyện kỹ năng tranh luận và có thêm động lực tìm hiểu chuyên sâu về QCN.

Về công tác tuyên truyền, truyền thông nội bộ, HLU tận dụng tốt các phương tiện như website trường, mạng xã hội (Facebook fanpage, nhóm sinh viên), bản tin điện tử... để phổ biến thông tin liên quan đến quyền con người. Trên website và fanpage của trường thường xuyên cập nhật tin tức về các sự kiện QCN, cuộc thi tìm hiểu pháp luật về QCN, hoặc các tấm gương bảo vệ quyền con người. Đây là cách để sinh viên tiếp cận thông tin một cách chủ động, tự học hỏi thêm ngoài giờ lên lớp. Đơn cử, trang web HLU đã đăng tải nhiều bài viết hưởng ứng Ngày Nhân quyền quốc tế 10/12 hàng năm, giới thiệu các tài liệu nhân quyền của Liên Hợp quốc tới sinh viên. Những thông tin này góp phần nâng cao nhận thức chung trong cộng đồng nhà trường về văn hóa nhân quyền, tinh thần tôn trọng quyền và nhân phẩm.

Nhờ sự phong phú và đa dạng của hoạt động ngoại khóa, sinh viên HLU được tiếp cận quyền con người không chỉ qua sách vở mà còn bằng *“những câu chuyện và kinh nghiệm thực tế”*. Điều này giúp các em có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về các vấn đề phức tạp của QCN. Nhiều sinh viên sau khi tham gia hoạt động đã bày tỏ sự thay đổi thái độ rõ rệt: từ chỗ thụ động, ngại ngùng, các em trở nên tự tin hơn trong việc thảo luận về quyền con người; một số sinh viên còn mạnh dạn lên tiếng bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân và bạn bè trong những tình huống cụ thể ở trường.

3. TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH KỶ NGUYÊN MỚI ĐẾN NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã và đang làm cho các giá trị quyền con người trở nên có tính phổ quát và liên thông mạnh mẽ hơn giữa các quốc gia. Việt Nam tích cực tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người và

cơ chế Liên Hợp quốc. Do đó, giáo dục QCN cần đáp ứng yêu cầu “chuẩn hóa” theo thông lệ quốc tế, đồng thời phải giúp người học hiểu rõ bối cảnh toàn cầu của vấn đề quyền con người. Đối với sinh viên luật, quá trình hội nhập tạo ra nhu cầu hiểu biết luật nhân quyền quốc tế một cách sâu sắc hơn. Chẳng hạn, những cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia (ICCPR, ICESCR, CAT, CRC, CEDAW, Công ước ILO số 87, 98 về lao động) đòi hỏi được nội luật hóa và thực thi nghiêm túc. Sinh viên cần được giáo dục về nội dung các công ước này, cơ chế giám sát quốc tế, cũng như các khuyến nghị quốc tế đối với Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập, giáo dục QCN không thể chỉ dừng ở phạm vi quốc gia mà phải có tầm nhìn toàn cầu, so sánh quốc tế. Ngoài ra, hội nhập quốc tế cũng đem lại những thách thức nhận thức do sự khác biệt về quan điểm nhân quyền giữa các nền văn hóa, chế độ chính trị. Sinh viên cần được trang bị tư duy phản biện để nhận diện các luận điệu sai trái về quyền con người (ví dụ như lợi dụng chiêu bài “nhân quyền” để can thiệp công việc nội bộ). Giáo dục QCN trong nước phải vừa đảm bảo tính phổ quát, vừa giữ vững nguyên tắc phù hợp hoàn cảnh Việt Nam.

Bên cạnh đó, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, truyền thông số và trí tuệ nhân tạo (AI) đang định hình lại nhiều mặt đời sống, và giáo dục quyền con người cũng không ngoại lệ. Trước hết, chuyển đổi số trong giáo dục mở ra cơ hội đưa kiến thức nhân quyền đến với đông đảo người học hơn bao giờ hết. Nhờ Internet và các nền tảng e-learning, sinh viên có thể truy cập kho tài nguyên nhân quyền khổng lồ trực tuyến: thư viện số nhân quyền, các khóa học MOOC về nhân quyền của các đại học nước ngoài, bài giảng video từ chuyên gia LHQ, v.v... Về lâu dài, xu hướng giáo dục nhân quyền trực tuyến sẽ là phương thức quan trọng, cho phép tiếp cận người học linh hoạt, cá nhân hóa nội dung học tập. Tuy nhiên, công nghệ phát triển cũng đặt ra những thách thức mới đối với quyền con người mà nội dung giáo dục phải cập nhật kịp thời. Chẳng hạn, vấn đề quyền riêng tư dữ liệu và bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng trở nên

cấp bách trong thời đại số. Sinh viên luật cần hiểu về quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, về nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư qua giám sát điện tử, lạm dụng AI nhận diện khuôn mặt v.v. Bên cạnh đó, tự do ngôn luận trên mạng xã hội cũng là chủ đề nóng: làm sao cân bằng giữa quyền tự do biểu đạt và việc ngăn chặn thông tin xấu độc, thù ghét trực tuyến. Những vụ việc như tin giả (fake news) lan truyền trong dịch bệnh gây hoang mang, hay việc phát ngôn kỳ thị trên mạng, đặt ra câu hỏi pháp lý - đạo đức mà người học luật phải giải quyết. Do đó, giáo dục QCN cần trang bị cho sinh viên kiến thức về “*quyền con người trong kỷ nguyên số*”, như quyền tiếp cận Internet, quyền được bảo vệ khỏi tội phạm mạng, quyền của trẻ em trên môi trường mạng, v.v.

4. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH KỶ NGUYÊN MỚI

Thứ nhất, thống nhất quan điểm và nhận thức về QCN trong hoạt động nghiên cứu, đào tạo

Giáo dục đại học Việt Nam đang theo xu hướng tự chủ trong đó có tự chủ về chuyên môn, học thuật. Vì vậy, các cơ sở giáo dục đại học như HLU có trách nhiệm chủ động xây dựng chương trình đào tạo dựa trên Khung chương trình của cơ quan quản lý nhà nước và định hướng chiến lược của Trường. Do đó, tự chủ về chuyên môn, học thuật trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu phải luôn đảm bảo định hướng của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc thù của ngành, lĩnh vực. QCN là lĩnh vực thể hiện rất rõ quan điểm này; sự thống nhất về quan điểm và nhận thức từ lãnh đạo tới đội ngũ giảng viên sẽ là cơ sở để đẩy mạnh và tăng cường hiệu quả giáo dục, nghiên cứu về QCN. Thống nhất quan điểm về giáo dục toàn diện; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị nhất là nguồn nhân lực của khối ngành pháp luật.

Thứ hai, đổi mới chương trình đào tạo và nội dung giảng dạy quyền

con người

Một là, đưa học phần “Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người” trở thành học phần bắt buộc đáp ứng yêu cầu Đề án 1309 của Thủ tướng chính phủ. Tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung môn học này đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới và thực tiễn đào tạo đại học của Trường.

Hai là, xây dựng chuyên ngành/khóa đào tạo chuyên sâu về quyền con người. Về dài hạn, HLU có thể hướng tới mở chuyên ngành đào tạo thạc sĩ về quyền con người. Kinh nghiệm các nơi cho thấy đào tạo sau đại học sẽ tạo nguồn chuyên gia, giảng viên cho lĩnh vực này. Hiện tại, HLU đã có ngành thạc sĩ Luật Hiến pháp - Hành chính, có thể bổ sung định hướng chuyên sâu nhân quyền trong ngành này. Khi có chương trình cao học, HLU sẽ trở thành trung tâm đào tạo cán bộ nguồn về nhân quyền cho các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội. Điều đó phù hợp với Quyết định 1156/QĐ-TTg (2022) yêu cầu HLU hoàn thiện chương trình đào tạo, nâng cao kiến thức pháp lý về QCN để trở thành trường trọng điểm.

Ba là, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá. Giáo dục QCN đòi hỏi phương pháp sư phạm tích cực, khuyến khích người học tham gia, bày tỏ ý kiến, như *giảng dạy dựa trên tình huống nhân quyền (case study)*, *thảo luận theo nhóm*, *tranh luận mô phỏng tại tòa án nhân quyền*, *role-play* (đóng vai các bên trong vụ việc nhân quyền)... Những phương pháp này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và tư duy phản biện. Ví dụ, giảng viên có thể tổ chức một phiên tranh luận giả định về một vụ vi phạm quyền, phân vai cho sinh viên làm luật sư, công tố, nạn nhân, qua đó sinh viên tự tìm hiểu quy định pháp luật và lập luận bảo vệ quan điểm. Bên cạnh đó, hình thức đánh giá sinh viên cũng nên đa dạng hơn thay vì chỉ thi viết: có thể cho sinh viên làm dự án nhỏ, viết báo cáo phân tích một tình huống nhân quyền cụ thể ở Việt Nam, hoặc thuyết trình về chủ đề nhân quyền tự chọn. Điều này vừa kiểm tra kiến thức, vừa khuyến khích sinh viên chủ động nghiên cứu. Ngoài ra, đẩy

mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục, phát triển các học liệu số về QCN - như video tình huống pháp luật nhân quyền, infographics về quyền và nghĩa vụ công dân, hay thậm chí ứng dụng tương tác (quizzes, games) về nhân quyền - để sinh viên học một cách hứng thú hơn.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện nội dung, chương trình giảng dạy về quyền con người phù hợp với bối cảnh mới theo hướng hiện đại, tiệm cận các chương trình đào tạo tiên tiến, chuẩn hóa quốc tế, tích hợp cả lý luận và thực tiễn. Cụ thể, tiếp tục lồng ghép cả quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người. Điều này giúp sinh viên hiểu được cách tiếp cận nhân quyền của Việt Nam - nhấn mạnh cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ, giữa quyền cá nhân và lợi ích cộng đồng, phù hợp bối cảnh lịch sử, văn hóa Việt Nam. Bên cạnh đó, không ngừng cập nhật chương trình, tăng cường giảng dạy ngoại ngữ pháp lý và luật so sánh về quyền con người, tạo điều kiện cho sinh viên giao lưu quốc tế (qua các cuộc thi phiên tòa giả định về nhân quyền trong khu vực, các hội nghị thanh niên về SDGs...). Đây chính là cách thức để biến thách thức của hội nhập thành cơ hội nâng cao chất lượng giáo dục QCN trong nước. Đối với Việt Nam - một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu - việc lồng ghép nội dung này vào giáo dục QCN lại càng quan trọng. Sinh viên luật cần được trang bị kiến thức về quyền con người liên quan đến môi trường như quyền được thông tin và tham gia vào các quyết sách môi trường (như nguyên tắc tham vấn cộng đồng khi có dự án phát triển ảnh hưởng môi trường - tinh thần Công ước Aarhus 1998), quyền được khắc phục hậu quả khi môi trường bị xâm hại (quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, sự cố môi trường)... Một số luật của Việt Nam đã có quy định tiên bộ về quyền môi trường - ví dụ Luật Bảo vệ Môi trường 2020 có chương về “*quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường*”. Những nội dung này nên được tích hợp trong môn học hoặc chuyên đề về quyền con người và luật môi trường. Nói một cách khác, kỷ nguyên mới đặt giáo dục

quyền con người trước yêu cầu phải phản ánh kịp thời những thách thức toàn cầu hiện hữu, từ biến đổi khí hậu, khủng hoảng y tế đến bất bình đẳng mới. Do đó, HLU cần liên tục cập nhật bổ sung các chuyên đề thời sự, ví dụ: Quyền trong tình trạng khẩn cấp và thảm họa, Quyền con người và phát triển bền vững, Bảo vệ quyền con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu... Đồng thời, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động xã hội, môi trường để sinh viên có trải nghiệm thực tiễn về những vấn đề này.

Thứ ba, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển học thuật về nhân quyền

Một là, xây dựng chiến lược nghiên cứu trọng điểm về quyền con người. Cụ thể, khuyến khích và ưu tiên nguồn lực cho các đề tài khoa học các cấp liên quan đến quyền con người, tập trung vào những vấn đề vừa có tính lý luận gắn với thực tiễn chính trị - pháp lý của đất nước.

Hai là, phát triển hệ thống giáo trình, học liệu về QCN. Theo đó, tăng cường xây dựng, phát triển hệ thống học liệu, tài liệu nghiên cứu, giảng dạy về quyền con người; trang bị thêm các đầu sách nghiên cứu về quyền con người; hoàn thiện cơ sở vật chất của Thư viện phục vụ tốt việc khai thác tài liệu của học viên và giảng viên.

Ba là, đẩy mạnh việc công bố các nghiên cứu về QCN. Cụ thể, khuyến khích giảng viên, học viên cao học công bố bài viết nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước về nhân quyền. Ngoài ra, có thể xem xét xuất bản bản tin nhân quyền định kỳ (quý hoặc nửa năm) cập nhật tình hình, trao đổi ý kiến học giả - dạng ấn phẩm này vừa phục vụ tuyên truyền, vừa là kênh để giảng viên, sinh viên thực hành nghiên cứu.

Bốn là, tiếp tục tăng cường kết nối nghiên cứu với giảng dạy và chính sách. Một định hướng quan trọng là nghiên cứu phục vụ giảng dạy và tư vấn chính sách. Kết quả nghiên cứu phải được đưa vào chương trình giảng dạy, đồng thời, tăng cường sự chủ động trong tư vấn chính sách cho Nhà nước

trong lĩnh vực quyền con người.

Năm là, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên về QCN. Cụ thể, tổ chức nhiều cuộc thi, giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên về QCN, tạo sân chơi học thuật. Chẳng hạn, cuộc thi viết tiểu luận “Nhân quyền và pháp luật Việt Nam” hay cuộc thi tranh biện về một vấn đề nhân quyền.

Sáu là, hình thành Nhóm nghiên cứu chuyên sâu về QCN vừa thực hiện nhiệm vụ tham mưu về định hướng, chính sách cho Trường vừa trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiên cứu về QCN.

Tóm lại, định hướng phát triển học thuật là xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trung tâm nghiên cứu mạnh về quyền con người, đáp ứng cả yêu cầu đào tạo và xây dựng chính sách. Với ưu thế nhân lực và truyền thống nghiên cứu sẵn có, HLU hoàn toàn có thể vươn lên sánh ngang các cơ sở hàng đầu khu vực ASEAN về nghiên cứu nhân quyền. Điều này cũng góp phần khẳng định vai trò chiến lược của HLU như một đơn vị đi đầu trong thúc đẩy văn hóa quyền con người ở Việt Nam.

Thứ tư, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhân tố con người - cụ thể là đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - có ý nghĩa quyết định chất lượng giáo dục quyền con người. Do đó, một định hướng mũi nhọn là phát triển đội ngũ cán bộ chuyên sâu về quyền con người tại Trường Đại học Luật Hà Nội cả về số lượng và năng lực.

Một là, rút ngắn khoảng cách về nhận thức, tư duy về QCN trong đội ngũ giảng viên thuộc các đơn vị chuyên môn của Trường; từng bước đồng bộ về nhận thức, tư duy về QCN trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Hai là, bồi dưỡng chuyên môn về quyền con người cho giảng viên hiện có. Cụ thể, thường xuyên cử giảng viên tham gia các khóa tập huấn, khóa học ngắn hạn về nhân quyền do các tổ chức quốc tế như Văn phòng Liên Hợp quốc tại Hà Nội, UNICEF, UNDP... tổ chức. Ngoài ra, có thể mời chuyên gia

nước ngoài đến trường tổ chức workshop cho giảng viên về các chủ đề mới. Việc này một mặt nâng cao năng lực giảng viên, mặt khác tạo kết nối mạng lưới với chuyên gia để hợp tác lâu dài.

Ba là, thu hút, tuyển dụng nhân sự mới có trình độ cao. Theo đó, chủ động tìm kiếm những ứng viên có học vị tiến sĩ về quyền con người từ nước ngoài về, hoặc các chuyên gia từng làm trong các cơ quan nhân quyền, qua đó, bổ sung kiến thức thực tiễn phong phú cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.

Bốn là, đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực quyền con người cho cán bộ giảng viên của HLU. Quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước đặc biệt là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Văn kiện đại hội đảng XIII của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và thực hiện các cam kết quốc tế của nhà nước Việt Nam về giáo dục quyền con người, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giảng dạy, nghiên cứu về quyền con người ở Việt Nam theo đúng lộ trình trong Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu định kỳ dành cho giảng viên nhằm cập nhật kiến thức mới về pháp luật quốc tế và quyền con người.

Thứ năm, mở rộng hợp tác và kết nối mạng lưới về giáo dục quyền con người

Giáo dục QCN là lĩnh vực có tính quốc tế cao, do đó cần tích cực hợp tác để học hỏi kinh nghiệm, tranh thủ nguồn lực và nâng cao vị thế. Một số định hướng cụ thể:

Thúc đẩy hợp tác trong Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam (VLSN), thiết kế nội dung về QCN trong Chương trình công tác theo Nhiệm kỳ và hàng năm của VLSN. Tham gia các mạng lưới khu vực và toàn cầu về giáo dục nhân quyền. Hiện nay trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương có các mạng lưới như *ASEAN University Network on Human Rights Education (AUN-HRE)*, *Asia Pacific Network for Human Rights Education*. Việc gia

nhập những mạng lưới này sẽ tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên tham dự các hội nghị, tập huấn quốc tế thường niên, trao đổi học thuật với các trường bạn, qua đó, chia sẻ thực tiễn của Việt Nam đồng thời tiếp thu mô hình của nước khác (ví dụ mô hình giảng dạy nhân quyền ở Thái Lan, Indonesia). Ngoài ra, HLU cũng có thể chủ động thiết lập diễn đàn trong nước, mời các trường luật khác (Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng...) họp thường kỳ để trao đổi về giáo dục QCN - tạo một tiểu mạng lưới trong nước.

Hợp tác song phương với các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế thông qua việc ký kết các biên bản ghi nhớ (MOU) về hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên, giảng viên với những cơ sở có truyền thống nhân quyền. Ví dụ: Đại học Nottingham (Anh) có Trung tâm nghiên cứu nhân quyền, Đại học Mahidol (Thái Lan) có khoa Sau đại học về nhân quyền, Đại học Oslo (Na Uy) có Trung tâm nhân quyền Na Uy từng hợp tác với Đại học Quốc gia Hà Nội. Thông qua MOU, có thể triển khai các chương trình trao đổi ngắn hạn cho sinh viên HLU sang học một học kỳ về nhân quyền tại nước bạn và ngược lại, cũng như mời giáo sư nước ngoài tới giảng tại HLU. Đây là cách hữu hiệu để quốc tế hóa chương trình, giúp sinh viên mở mang tầm nhìn. Thậm chí có thể hướng tới xây dựng chương trình liên kết đào tạo (ví dụ 2+1: 2 năm ở HLU, 1 năm ở trường đối tác, nhận bằng thạc sĩ nhân quyền quốc tế).

Đăng cai các hội thảo, cuộc thi quốc tế về nhân quyền. Việc đăng cai tổ chức hội thảo khoa học quốc tế về QCN và giáo dục QCN, mời diễn giả từ UNESCO, OHCHR, các trường đại học trong và ngoài ASEAN vừa giúp quảng bá hình ảnh của Trường, vừa tạo diễn đàn khoa học cho giảng viên, cán bộ, sinh viên của trường. Ngoài ra, có thể tổ chức các cuộc thi moot court (phiên tòa giả định) cấp khu vực về luật nhân quyền, để qua đó, nâng cao trình độ ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng hội nhập cho sinh viên.

Tất cả những hướng trên nhằm mục đích đưa HLU hội nhập vào dòng chảy toàn cầu của giáo dục quyền con người, để không ngừng học tập kinh nghiệm tiên tiến và đóng góp tiếng nói riêng. Hợp tác quốc tế cũng sẽ góp

phần chuẩn hóa chương trình đào tạo của trường tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, giúp sinh viên ra trường có thể làm việc trong môi trường quốc tế về nhân quyền nếu có cơ hội (ví dụ làm việc cho Liên Hợp quốc, các tổ chức phi chính phủ quốc tế). Đồng thời, qua hợp tác, HLU có thể giới thiệu với thế giới về những thực tiễn tốt của Việt Nam trong giáo dục quyền con người, qua đó cải thiện hiểu biết và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

5. KẾT LUẬN

Giáo dục quyền con người là một xu hướng tất yếu và mang tính chiến lược trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo của mọi quốc gia trên thế giới ở thế kỷ 21. Đối với Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục quyền con người càng có ý nghĩa quan trọng. Nó không chỉ góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, hình thành văn hóa tôn trọng quyền con người trong xã hội, mà còn trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao - những công dân, cán bộ tương lai có kiến thức và kỹ năng bảo vệ quyền con người, phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Trường Đại học Luật Hà Nội, nghiên cứu, giáo dục quyền con người không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường, mà còn là sứ mệnh đóng góp vào sự nghiệp chung xây dựng một xã hội Việt Nam dân chủ, công bằng, văn minh, nơi các quyền con người được tôn trọng và bảo vệ.

Tài liệu tham khảo

1. Thế Ngọc Mai (2014), *Quyền con người và giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
2. Chính phủ Việt Nam (2017), *Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 5/9/2017 phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thùy Dung (2023), *Giáo dục quyền con người cho sinh viên các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Pháp luật về quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Minh, Hà Nội.

4. Liên Hợp quốc (2007), *A Human Rights-Based Approach to Education for All* (Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong giáo dục cho mọi người), UNESCO.

5. Ban Bí thư (1992), *Chỉ thị 12/CT-TW ngày 12/7/1992 về vấn đề quyền con người*, Hà Nội.

6. Ban Bí thư (2010), *Chỉ thị 44-CT/TW ngày 20/7/2010 về công tác nhân quyền trong tình hình mới*, Hà Nội.

7. United Nations (2022), *General Assembly Resolution 76/300: The human right to a clean, healthy and sustainable environment*, 28 July 2022.

8. Christina Kwauk (2019), “Is education standing up to the task of climate action?”, Brookings Institution.

9. Tường Duy Kiên (2017), “Giáo dục quyền con người theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (11).

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Trường Sơn

Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào một giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực quyền con người, trở thành yêu cầu cấp thiết. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam - khi quyền con người không chỉ là mục tiêu phát triển mà còn là nền tảng để đánh giá chất lượng thể chế và quản trị quốc gia - việc định hướng nghiên cứu, giáo dục quyền con người tại Trường không chỉ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế mà còn thể hiện trách nhiệm học thuật và sứ mệnh xã hội của nhà trường.

2. NỘI DUNG

2.1. Yêu cầu mới đặt ra trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam

Nghiên cứu và giáo dục quyền con người là một vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Ngày 05/9/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Quyết định 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*. Quyết

định này đã xác định ba mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2021-2025 là: (i) Triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên các cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy về quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân được tập huấn, bồi dưỡng; (ii) Hoàn thành việc biên soạn và đưa vào sử dụng sách giáo khoa, giáo trình, các tài liệu tham khảo về quyền con người phục vụ giảng dạy, đào tạo phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; (iii) Đến năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tổ chức giáo dục quyền con người cho người học. Sau khi Đề án được ban hành, bước đầu triển khai Đề án đã góp phần nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của giáo dục quyền con người, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, quản lý, cũng như các nhà giáo, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tổ chức triển khai Đề án còn có một số hạn chế. Do đó, để tiếp tục đẩy mạnh giáo dục quyền con người phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 về tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chỉ thị đưa ra các yêu cầu cho các Bộ ngành về công tác thực hiện Đề án liên quan đến chương trình, tài liệu giảng dạy, nội dung, phương pháp giảng dạy. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trường công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, chúng tôi luôn ý thức chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu, nội dung của đề án nêu trên.

Với những nền tảng về nghiên cứu và giáo dục quyền con người, hoạt động này đặt ra một số yêu cầu mới trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam. Theo một số quan điểm, đây là khoảng thời gian đất nước, dân

tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp³⁷⁹. Mỗi kỷ nguyên đều xuất hiện một cách khách quan những yêu cầu lịch sử đòi hỏi quốc gia, dân tộc phải đáp ứng tốt nhất để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã xác định. Tiếp nối Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930-1975), Kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới, phát triển (1975-2025), Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên thứ ba: Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khởi đầu từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Đây là *“kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu”*³⁸⁰.

Trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên phát triển mới với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng, nghiên cứu và giáo dục quyền con người cần được định vị lại cả về nội dung và phương pháp tiếp cận. Trước hết, một trong những yêu cầu cấp thiết là việc tích hợp quyền con người vào các vấn đề lớn mang tính toàn cầu như môi trường sống, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Quyền con người không thể chỉ giới hạn trong khuôn khổ dân sự - chính trị hay kinh tế - xã hội truyền thống, mà phải mở rộng ra các lĩnh vực mới như quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền tiếp cận công nghệ số, quyền sống trong môi trường trong lành, quyền được tham gia vào các quyết định về biến đổi khí hậu. Điều này đòi hỏi nhà trường không chỉ cập nhật nội dung giảng dạy mà còn phát triển các chương trình nghiên cứu gắn với thực tiễn phát triển bền vững của quốc gia và cộng đồng quốc tế.

³⁷⁹Phùng Hữu Phú, “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử”, *Tạp chí Cộng sản*, tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su.

³⁸⁰Phùng Hữu Phú, tldđ (1).

Bên cạnh đó, trong kỷ nguyên của công nghệ và phát triển thể chế, tính nhân đạo của hệ thống pháp luật ngày càng trở thành thước đo căn bản của một nền pháp quyền hiện đại. Do đó, nghiên cứu và giáo dục quyền con người cần gắn chặt với việc phân tích, làm rõ tính nhân đạo trong xây dựng, thực thi và bảo vệ pháp luật. Việc khơi dậy tinh thần nhân văn, lấy con người làm trung tâm trong đào tạo pháp lý là tiền đề để hình thành thể hệ luật gia không chỉ giỏi chuyên môn mà còn giàu trách nhiệm xã hội.

Cuối cùng, yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục và nghiên cứu quyền con người ngày càng trở nên cấp thiết. Theo đó, các cơ sở đào tạo phải thúc đẩy cách tiếp cận liên ngành, liên lĩnh vực để phản ánh đúng tính chất phức tạp và liên kết của các vấn đề quyền con người hiện đại. Đồng thời, cần đa dạng hóa phương pháp sư phạm như: dạy học tình huống, mô phỏng phiên tòa, sử dụng công nghệ số, học tập qua trải nghiệm thực tiễn nhằm tăng tính tương tác, phát triển tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề. Đây chính là nền tảng để giáo dục quyền con người thực sự lan tỏa và gắn bó với tiến trình phát triển quốc gia.

2.2. Thực trạng nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Về nghiên cứu

Trong thời gian qua, hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh luôn được chú trọng và nâng cao. Cho đến nay, nhà trường đã có một khối lượng khá “đồ sộ” các công trình nghiên cứu khoa học về quyền con người do sinh viên, giảng viên thực hiện, như: đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2011 “Quyền con người trong pháp luật tố tụng nhà Lê từ thế kỷ XV đến XVIII” của tác giả Dương Hồng Thị Phi Phi; đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2012 “Các quyền và nghĩa vụ hiến định của công dân Việt Nam trong xu thế bảo đảm quyền con người” của tác giả Vũ Văn Nhiêm; đề tài nghiên cứu khoa học

cấp trường năm 2012 “Hoạt động ban hành văn bản pháp lý của chính quyền địa phương với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân” của tác giả Trương Đắc Linh, Dương Hoán, Nguyễn Thị Thiện Trí; đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2014 “Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền con người của Việt Nam” của tác giả Phan Nhật Thanh, Đặng Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Ngọc Mai; đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2014 “Trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo đảm quyền con người” của tác giả Phạm Trí Hùng; đề tài nghiên cứu khoa học về quyền con người năm 2014 “Bảo đảm quyền của người khởi kiện trong tố tụng hành chính ở Việt Nam” của tác giả Nguyễn Thị Thương Huyền; đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ năm 2015 “Nâng cao ý thức pháp luật quyền con người trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn” của tác giả Trần Quang Trung; đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2015 “Xây dựng quy trình nhằm tăng hiệu quả của hoạt động đào tạo lồng ghép yếu tố quyền con người” của tác giả Vũ Duy Cương, Không Hương Giang, Nguyễn Thị Thu Thủy, Phạm Đình Phú; đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cấp trường - Lần thứ XXVII năm học 2022-2023 “Cơ chế bảo vệ quyền con người thông qua mô hình Toà án nhân quyền và những kinh nghiệm cho Việt Nam” của tác giả Nguyễn Xuân Thông, Nguyễn Bảo Ngọc; đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cấp trường - Lần thứ XXVII năm học 2022-2023 “Hạn chế quyền con người, quyền công dân trong tình trạng dịch bệnh theo pháp luật một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam” của tác giả Trần Tiểu Thư, Phan Nguyễn Kim Thảo, Nguyễn Ngọc Yến Nhi...

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, hoạt động xuất bản sách và các bài viết khoa học trên tạp chí chuyên ngành cũng đã được nhà trường và đội ngũ giảng viên tích cực thực hiện. Trong thời gian qua, các giảng viên và nhóm giảng viên của Trường đã xuất bản được rất nhiều sách chuyên khảo liên quan đến quyền con người, như: sách “Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam” của tác giả Võ Thị Kim Oanh, Huỳnh Thị

Kim Ánh, Trần Thanh Bình,... xuất bản năm 2010, NXB Đại học Quốc gia; sách “Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam” của tác giả Mai Hồng Quỳ, xuất bản năm 2012, NXB Lao động; “Luật tập quán và quyền con người” của tác giả Phan Nhật Thanh chủ biên năm 2013, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam; sách chuyên khảo “Cơ chế giám sát hiến pháp với việc đảm bảo quyền con người” của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2013, NXB Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam; “Quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam” do tác giả Mai Hồng Quỳ chủ biên, tác giả Ngô Hữu Phước, Phan Nhật Thanh, Trần Thăng Long biên soạn năm 2014, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam...

Ngoài ra, để tạo ra diễn đàn trao đổi các vấn đề liên quan đến quyền con người, Trường thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội thảo khoa học (cấp trường, quốc gia, quốc tế) và mời những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy cũng như thực tiễn tham dự. Trong thời gian qua, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm như: Hội thảo “Nội dung và phương pháp giảng dạy môn học pháp luật quốc tế về quyền con người” năm 2009; Hội thảo “Quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam” năm 2010; Hội thảo “Pháp luật về đất đai và nhà ở với vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam” năm 2011; Hội thảo “Bảo vệ quyền con người bằng biện pháp dân sự” năm 2012; Hội thảo “Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân” năm 2013; Hội thảo quốc tế về Công ước chống tra tấn với việc bảo đảm quyền con người năm 2014 với sự tham dự của các chuyên gia đến từ Đan Mạch, Thụy Sĩ, Mỹ; Tọa đàm “Phương pháp giảng dạy các môn học có lồng ghép quyền con người” năm 2014; Hội thảo khoa học “Các giải pháp tăng cường nghiên cứu và giáo dục pháp luật về quyền con người tại trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh” năm 2015; Hội thảo “Giảng dạy quyền con người trong trường Đại học đào tạo luật” năm 2015... Gần đây nhất, vào ngày 26/5/2025, Trường

Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp cùng Chương trình SHAPE-SEA tổ chức buổi Tập huấn thảo luận về các vấn đề trong mối quan hệ giữa thúc đẩy phát triển bền vững và tác động đối với quyền con người và hòa bình ở Đông Nam Á. Buổi tập huấn có sự tham dự của TS. Vachararutai Bootinand - Giám đốc điều hành Tăng cường nghiên cứu và giáo dục về Nhân quyền và Hòa bình tại Đông Nam Á cùng các chuyên gia đến từ nhiều nước như Thái Lan, Indonesia, Brunei... và từ các trường đại học, viện ở nước ta. Chương trình tập huấn gồm bốn phiên thảo luận chuyên đề, mỗi phiên đều tập trung vào một khía cạnh cụ thể trong mối quan hệ giữa nhân quyền, hòa bình và phát triển bền vững dưới góc nhìn liên ngành.

2.2.2. Về giáo dục

Hiện nay, chương trình đào tạo ở Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các chương trình đào tạo hệ cử nhân và các chương trình đào tạo hệ sau đại học. Các chương trình đào tạo hệ cử nhân gồm chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học (dành cho các lớp chất lượng cao) và chương trình đào tạo trình độ đại học (dành cho các lớp đại trà).

Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học, theo Quyết định số 208/QĐ-ĐHL ngày 20/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung các chương trình đào tạo trình độ đại học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có 05 chương trình đào tạo, bao gồm: ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Quản trị - Luật và ngành Ngôn ngữ Anh. Theo cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành luật, “Luật quốc tế về quyền con người” là một môn học thuộc khối kiến thức bắt buộc của Khoa Luật Quốc tế. Môn học này có thời lượng 30 tiết do Khoa Luật Quốc tế giảng dạy. Bên cạnh đó, nội dung quyền con người cũng được đề cập trong nhiều môn học ở các chương trình đào tạo của các ngành với mức độ khác nhau. Đặc biệt, trong môn học Luật Hiến pháp Việt Nam với thời lượng 45 tiết, “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công

dân” là một chương cố định trong môn học này. Chương này cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về những vấn đề lý luận chung về quyền con người, các nguyên tắc Hiến pháp về quyền con người cũng như những quyền con người cơ bản trong Hiến pháp năm 2013 của nước ta. Đây là một môn học bắt buộc. Song song đó, môn học Luật Hiến pháp nước ngoài - một môn học tự chọn 30 tiết - cũng có nhiều nội dung đề cập đến quyền con người. Ngoài ra, nội dung về quyền con người trong các lĩnh vực cụ thể cũng được đề cập đến trong một số môn học tương ứng như: Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Hình sự phần chung; Luật Hình sự phần các tội phạm; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Luật Đất đai; Luật Môi trường; Luật Lao động,...

Đối với chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, theo Quyết định số 209/QĐ-ĐHL ngày 20/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có 04 chương trình đào tạo chất lượng cao, bao gồm: chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật (gồm 04 định hướng là: tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật Thương mại - Luật Dân sự - Luật Quốc tế; tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật Hành chính - Tư pháp; tăng cường tiếng Pháp và tăng cường tiếng Nhật); chương trình đào tạo chất lượng cao được giảng dạy bằng tiếng Anh, trình độ đại học ngành Luật; chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị - Luật. Trong đó, đối với các lớp tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật Hành chính - Tư pháp, môn học *“Human Rights and citizens’ rights”* là một môn học bắt buộc, được giảng dạy bằng tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên các lớp này cũng được học những môn bắt buộc như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật dân sự, tài sản và thừa kế; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Hình sự phần chung... nhằm đảm bảo kiến thức về quyền con người có liên quan đến môn học.

Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, cả trong định hướng nghiên cứu và ứng dụng (ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-ĐHL ngày 27/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh), môn học “*Quyền con người, quyền công dân*” là một môn học bắt buộc với thời lượng 30 tiết, nằm trong khối kiến thức cốt lõi ngành của chương trình này.

Song song với hoạt động nghiên cứu, giáo dục, công tác tuyên truyền và phổ biến nhằm nâng cao kiến thức về quyền con người là một trong những nhiệm vụ mang tính “trọng tâm của sự quan tâm” mà Nhà trường luôn hướng tới. Hoạt động này giữ vai trò then chốt trong việc truyền tải thông tin quan trọng, chính xác đến từng người dân trong xã hội, đã và đang được Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thông qua nhiều hình thức hoạt động phong phú của Trung tâm Tư vấn pháp luật và Phục vụ cộng đồng. Bên cạnh cung cấp dịch vụ pháp lý, Trung tâm Tư vấn pháp luật còn thực hiện các hoạt động khác nhằm thực hiện chức năng xã hội, phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm thực hiện hoặc phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế thực hiện các chương trình dự án nhằm nâng cao hiểu biết về pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng. Dự án bao gồm các hoạt động cung cấp, tư vấn kiến thức pháp luật ở mức cơ bản, phổ thông cho đa dạng các nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật cho cộng đồng; nghiên cứu, kiến nghị chính sách pháp luật;... Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện tư vấn pháp luật miễn phí nhằm giúp những người có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được tiếp cận với dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, nhận được sự giúp đỡ cần thiết khác về pháp luật. Điều này đã góp phần không nhỏ vào sứ mệnh bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đóng góp vào sự phát triển bền vững và công bằng của xã hội.

2.3. Định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh được tiếp tục được đổi mới, cập nhật để phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Những thay đổi này được đặt trên nền tảng kế thừa các thành tựu quan trọng mà nhà trường đã đạt được trong thời gian qua, nhằm phát huy hơn nữa vai trò tiên phong trong đào tạo, nghiên cứu pháp lý, đặc biệt là trong lĩnh vực quyền con người - một lĩnh vực ngày càng có ý nghĩa chiến lược trong phát triển quốc gia.

2.3.1. Về nghiên cứu

Trên cơ sở phát huy các thế mạnh học thuật nội tại, nhà trường xác định ba định hướng trọng tâm về nghiên cứu quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam như sau:

Thứ nhất, tập trung nghiên cứu các chủ đề quyền con người trong môi trường số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững và tính nhân đạo trong hệ thống pháp luật. Trong môi trường số, các quyền cá nhân như: quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do biểu đạt... đang chịu tác động mạnh mẽ từ công nghệ và các nền tảng mạng xã hội. Vì vậy, cần có các nghiên cứu chuyên sâu nhằm làm rõ cách thức điều chỉnh pháp luật để vừa thúc đẩy tiến bộ công nghệ, vừa bảo vệ hiệu quả các quyền con người trong không gian mạng. Bên cạnh đó, trước những thách thức của biến đổi khí hậu và yêu cầu chuyển đổi xanh, quyền được sống trong môi trường trong lành và quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến phát triển bền vững cũng cần được quan tâm và đầu tư nghiên cứu. Đồng thời, nghiên cứu về tính nhân đạo của pháp luật - như bảo đảm quyền của người bị giam giữ, người khuyết tật, người yếu thế... - sẽ góp phần hoàn thiện hệ

thống pháp luật theo hướng lấy con người làm trung tâm, tạo nền tảng cho một xã hội công bằng, nhân văn.

Thứ hai, đẩy mạnh cách tiếp cận liên ngành, liên lĩnh vực. Việc kết hợp giữa luật học với chính trị học, xã hội học, công nghệ, môi trường học, tâm lý học... sẽ hình thành những nghiên cứu toàn diện về bối cảnh vận động của quyền con người trong thực tiễn. Chẳng hạn, một nghiên cứu pháp lý về quyền tự do biểu đạt sẽ trở nên sâu sắc hơn nếu được nghiên cứu cùng với góc nhìn xã hội học về hành vi người dùng mạng xã hội, hay phân tích chính trị về không gian tự do ngôn luận trong các thể chế khác nhau. Nhà trường sẽ tạo điều kiện để giảng viên, học viên, sinh viên và những người công tác thực tiễn cùng tham gia các đề tài liên ngành, qua đó hình thành tư duy mở và năng lực giải quyết vấn đề toàn diện.

Thứ ba, tham gia các mạng lưới nghiên cứu quyền con người toàn cầu. Định hướng này sẽ giúp nhà trường tiếp cận những tri thức mới, phương pháp nghiên cứu hiện đại và xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế về quyền con người. Thông qua các chương trình hợp tác, hội thảo, dự án quốc tế, giảng viên và sinh viên có cơ hội giao lưu, học hỏi, nâng cao năng lực học thuật và nghiên cứu. Đây cũng là cơ sở quan trọng để khẳng định vị thế học thuật của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh trên trường quốc tế trong lĩnh vực quyền con người.

2.3.2. Về giáo dục

Trong chiến lược đổi mới giáo dục và đào tạo, việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập về quyền con người tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Trên tinh thần đó, nhà trường xác định ba định hướng trọng tâm về giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam như sau:

Thứ nhất, lồng ghép kiến thức pháp luật về quyền con người vào các

môn luật chuyên ngành, các khóa học kỹ năng pháp lý... Theo đó, việc lồng ghép kiến thức pháp luật về quyền con người vào các môn luật chuyên ngành không chỉ làm phong phú thêm nội dung giảng dạy, mà còn giúp người học nhận thức rõ mối liên hệ giữa quyền con người và các lĩnh vực pháp luật cụ thể như: Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Tố tụng hình sự, Luật Môi trường... Ví dụ, trong môn Luật Tố tụng hình sự, có thể lồng ghép kiến thức về quyền được xét xử công bằng, nguyên tắc suy đoán vô tội; trong môn Luật môi trường, việc lồng ghép quyền được sống trong môi trường trong lành là một định hướng sắp tới của nhà trường. Bên cạnh đó, trong các khóa học kỹ năng pháp lý, việc chú trọng đến kỹ năng bảo vệ quyền con người trong quá trình hành nghề luật sẽ được chú trọng hơn. Điều này sẽ giúp người học hình thành tư duy pháp lý toàn diện, biết đặt con người và quyền con người ở vị trí trung tâm của hoạt động pháp luật.

Thứ hai, mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài. Đây là điều kiện quan trọng để thúc đẩy chất lượng giáo dục về quyền con người theo chuẩn mực quốc tế. Nhà trường định hướng sẽ chủ động ký kết các thỏa thuận hợp tác học thuật, tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên, tham gia các dự án nghiên cứu chung về quyền con người. Thông qua đó, sinh viên và giảng viên sẽ có cơ hội tiếp cận những góc nhìn đa chiều, cập nhật xu hướng mới và phương pháp giảng dạy tiên tiến từ các nền giáo dục phát triển. Đây cũng là cách để tăng tính cạnh tranh, hội nhập và nâng cao vị thế quốc tế của nhà trường.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giáo dục. Đây là yếu tố then chốt để truyền tải hiệu quả kiến thức và kỹ năng về quyền con người trong bối cảnh mới. Việc áp dụng các phương pháp sư phạm hiện đại như: dạy học theo tình huống, mô phỏng phiên tòa, thảo luận nhóm, học thông qua trải nghiệm thực tế và ứng dụng công nghệ số sẽ giúp gia tăng tính chủ động, tương tác và phản biện trong lớp học. Đồng thời, nhà trường cũng định hướng thiết kế các nội

dung môn học trong chương trình đào tạo một cách linh hoạt, tích hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, phù hợp với nhiều đối tượng người học, từ sinh viên đại học đến học viên cao học, nghiên cứu sinh và cán bộ pháp luật. Những đổi mới này không chỉ làm phong phú nội dung giảng dạy mà còn tạo ra môi trường học thuật hiện đại, góp phần lan tỏa và khơi dậy tinh thần tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong cộng đồng học thuật và xã hội.

2.4. Một số giải pháp thực hiện định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Để thực hiện các định hướng trên, nhà trường đề ra một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược nghiên cứu, giáo dục quyền con người đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Trong bối cảnh đất nước đang hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập sâu rộng với thế giới, việc nghiên cứu và giáo dục quyền con người cần được hoạch định theo một tầm nhìn chiến lược dài hạn, đồng bộ và hiệu quả. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh - với vai trò là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu pháp lý hàng đầu cả nước - cần chủ động xây dựng và triển khai chiến lược nghiên cứu, giáo dục quyền con người đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược này không chỉ là định hướng phát triển của riêng nhà trường mà còn là sự cam kết học thuật đối với công cuộc đổi mới giáo dục và phát triển con người Việt Nam trong thời đại mới. Nội dung của chiến lược sẽ bao quát từ mục tiêu, lộ trình, nội dung trọng tâm nghiên cứu - đào tạo, cho đến giải pháp phát triển đội ngũ, hợp tác quốc tế, ứng dụng công nghệ số và đánh giá kết quả. Đặc biệt, chiến lược sẽ xác định rõ các chủ đề nghiên cứu ưu tiên như quyền con người trong môi trường số, chuyển đổi xanh, quyền của nhóm yếu thế, quyền tiếp cận công lý... để bảo đảm sự gắn kết giữa học thuật và thực tiễn phát triển của đất nước.

Thứ hai, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ, có kiến thức vững vàng và kỹ năng chuyên sâu về quyền con người. Việc này được thực hiện thông qua các chương trình tập huấn, bồi dưỡng định kỳ về lý luận, pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người; tạo điều kiện cho giảng viên trẻ tham gia các khóa học, hội thảo trong và ngoài nước, cũng như tham gia các dự án nghiên cứu chuyên sâu, từ đó từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia có khả năng giảng dạy, nghiên cứu, phản biện chính sách trong lĩnh vực này. Đồng thời, nhà trường cần có chính sách thu hút, hỗ trợ nghiên cứu viên trẻ, nghiên cứu sinh trong nước và quốc tế có chuyên môn sâu về quyền con người, góp phần làm phong phú môi trường học thuật và tạo động lực phát triển đội ngũ kế cận chất lượng cao.

Thứ ba, tăng cường tài liệu và học liệu giảng dạy. Nhà trường sẽ đầu tư xây dựng và cập nhật thường xuyên nguồn học liệu phong phú, đa dạng bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài về quyền con người, bao gồm sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo cáo nghiên cứu, án lệ quốc tế, tài liệu từ các tổ chức nhân quyền, tài liệu học trực tuyến... Việc số hóa và chia sẻ học liệu qua thư viện số sẽ giúp sinh viên, giảng viên và các nhà nghiên cứu dễ dàng tiếp cận tri thức hiện đại, phục vụ tốt hơn cho quá trình giảng dạy và học tập. Nguồn học liệu chất lượng cao, được biên soạn công phu, cập nhật kịp thời sẽ là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần xây dựng một môi trường giáo dục quyền con người tiên tiến, toàn diện và hội nhập quốc tế tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ tư, tài trợ kinh phí cho các đề tài trọng điểm, các công bố quốc tế liên quan đến quyền con người. Nhà trường đã ban hành chính sách tài trợ các đề tài nghiên cứu trọng điểm, các công bố quốc tế, đặc biệt chú trọng đến những nghiên cứu liên quan đến quyền con người. Chính sách này nhằm khuyến khích giảng viên tập trung nghiên cứu vào các vấn đề mang tính cấp thiết và có ý nghĩa toàn cầu. Bên cạnh hỗ trợ tài chính, nhà trường còn tạo

điều kiện về cơ sở vật chất, học thuật và mở rộng mạng lưới hợp tác trong và ngoài nước. Nhờ đó, các công bố khoa học có cơ hội tiếp cận chuẩn mực quốc tế, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu và khẳng định vị thế học thuật của Việt Nam trong lĩnh vực quyền con người.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, việc nghiên cứu và giáo dục quyền con người không chỉ là một yêu cầu khách quan mà còn là sứ mệnh chiến lược của các cơ sở đào tạo pháp luật hàng đầu như Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Với vị thế, uy tín và bề dày truyền thống học thuật, nhà trường luôn định hướng nghiên cứu, đào tạo quyền con người theo hướng hiện đại, liên ngành và hội nhập quốc tế. Những định hướng về nghiên cứu và giáo dục quyền con người như trên là những trụ cột quan trọng góp phần hiện thực hóa mục tiêu đó. Đây không chỉ là bước tiến về học thuật mà còn là sự đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển con người toàn diện, bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.
2. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 về tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.
3. Phùng Hữu Phú, “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử”, *Tạp chí Cộng sản*.

**ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

PGS. TS. Đỗ Hồng Cường

Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

TS. Nguyễn Thị Xiêm

*Giám đốc Chương trình đào tạo ngành GD công dân,
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*

1. MỞ ĐẦU

Quyền con người là những giá trị nền tảng, phổ quát và không thể tước bỏ của mỗi cá nhân, giữ vị trí trung tâm trong hệ thống pháp luật và chính trị quốc tế cũng như quốc gia. Chúng cấu thành cơ sở thiết yếu cho hòa bình, công lý và sự phát triển bền vững. Do đó, việc thúc đẩy tôn trọng và bảo đảm quyền con người, đặc biệt thông qua giáo dục là một nghĩa vụ và chính sách quan trọng của mỗi quốc gia.

Trong khuôn khổ pháp lý quốc tế, đặc biệt là các văn kiện của Liên hiệp quốc như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR), các Công ước quốc tế về quyền con người và Chương trình Giáo dục Nhân quyền Thế giới (WPHRE), nhất quán khẳng định vai trò không thể thiếu của giáo dục quyền con người. Liên hiệp quốc coi đây là một quá trình học tập suốt đời, toàn diện nhằm xây dựng văn hóa nhân quyền³⁸¹. Các Nghị quyết gần đây của Hội đồng Nhân quyền tiếp tục nhấn mạnh nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc tăng cường giáo dục quyền con người, đồng thời cập nhật các ưu tiên cho Giai đoạn thứ năm của Giáo dục nhân quyền thế giới (2025-2029), tập trung vào giới trẻ và các vấn đề đương đại như công nghệ số, môi trường và bình đẳng giới.

³⁸¹ United Nations General Assembly (1998), *United Nations Decade for Human Rights Education, 1995-2004, and Public Information Activities in the Field of Human Rights (General Assembly Resolution A/RES/52/127*, United Nations.

Tại Việt Nam, công cuộc Đổi mới đã mang lại những thành tựu to lớn, đưa đất nước bước vào một kỷ nguyên phát triển mới với khát vọng vươn mình giàu mạnh, thịnh vượng, đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách phát triển³⁸². Trong kỷ nguyên này, việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người ngày càng trở nên quan trọng và phức tạp hơn, đòi hỏi những nỗ lực toàn diện và đồng bộ từ các cấp, các ngành và toàn xã hội. Giáo dục quyền con người được xác định là một phương thức hiệu quả để nâng cao nhận thức, hình thành ý thức trách nhiệm và thúc đẩy hành động nhằm tôn trọng, bảo vệ và phát huy quyền con người. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025*” và những chỉ đạo mạnh mẽ tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người năm 2024 đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị và hành động cụ thể ở cấp quốc gia³⁸³.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong công cuộc chung này. Với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển của Thành phố Hà Nội, vùng Thủ đô và cả nước, Nhà trường luôn chú trọng đến việc giáo dục toàn diện, trang bị cho người học không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn cả ý thức công dân, đạo đức và tinh thần phục vụ cộng đồng. Triết lý giáo dục của Nhà trường là đào tạo nhân lực theo tinh thần khai phóng giúp người học được phát triển toàn diện, có năng lực nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng hoàn toàn tương đồng với các giá trị cốt lõi của quyền con người. Trong bối cảnh đó, việc xác định định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới là một nhiệm vụ cấp thiết, nhằm phát huy thế mạnh của Nhà trường, đáp

³⁸² GS.TS.Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Hà Nội.

³⁸³ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2024), *Báo cáo Công tác thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (2017-2024) và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hà Nội.

ứng yêu cầu của thực tiễn quốc gia và xu thế quốc tế. Bài viết này phân tích thực trạng và đề xuất các định hướng cụ thể cho công tác nghiên cứu, giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Mục tiêu là phát huy thế mạnh của một trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng. Qua đó, bài viết góp phần xây dựng nền tảng học thuật gắn với bản sắc văn hóa Thủ đô. Đồng thời, nghiên cứu hướng tới việc hình thành thể hệ công dân có tri thức, nhân văn, sáng tạo và năng lực hội nhập, đáp ứng bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Thủ đô và cả nước.

2. NỘI DUNG

2.1. Bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc và yêu cầu đối với nghiên cứu, giáo dục quyền con người

Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao. Giai đoạn này được xác định là kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đòi hỏi sự nỗ lực phi thường và sự thay đổi toàn diện trong nhận thức và hành động của toàn xã hội³⁸⁴. Kỷ nguyên này được định hình bởi nhiều yếu tố đan xen, tạo ra cả cơ hội và thách thức sâu sắc đối với việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người.

2.1.1. Đặc trưng của kỷ nguyên phát triển mới dưới góc độ quyền con người

Kỷ nguyên mới mang trong mình những đặc trưng nổi bật có tác động trực tiếp và sâu sắc đến các khía cạnh của quyền con người:

Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào các định chế đa phương và song phương, ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Điều này đòi hỏi sự hài hòa giữa pháp luật quốc gia với các tiêu chuẩn quyền con người quốc tế. Công tác bảo đảm và bảo vệ quyền con người không chỉ là vấn đề nội bộ mà còn là yếu tố quan trọng trong quan hệ đối ngoại, góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

³⁸⁴ GS.TS.Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Hà Nội.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn mang lại nhiều lợi ích về tiếp cận thông tin và dịch vụ công, song cũng làm nảy sinh các vấn đề pháp lý và đạo đức phức tạp. Các thách thức bao gồm việc bảo vệ quyền riêng tư, bảo đảm an ninh mạng, ngăn chặn nguy cơ phân biệt đối xử dựa trên thuật toán và thu hẹp khoảng cách số. Nhận thức rõ tầm quan trọng này, Chương trình Giáo dục Nhân quyền Thế giới (WPHRE) giai đoạn thứ năm (2025-2029) đã xác định “quyền con người và công nghệ số” là một lĩnh vực ưu tiên hàng đầu³⁸⁵. Bên cạnh đó, các tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường đang trực tiếp xâm phạm đến các quyền cơ bản của con người, bao gồm quyền sống, quyền sức khỏe, quyền có nơi ở phù hợp và quyền lương thực. Nhu cầu về một môi trường sống an toàn, trong lành và bền vững ngày càng được công nhận như một quyền con người chính đáng. Do đó, “môi trường và biến đổi khí hậu” cũng là một chủ đề trọng tâm trong Chương trình Giáo dục Nhân quyền Thế giới hiện nay.

Hiện nay, kinh tế đất nước đã có nhiều tăng trưởng và đạt được nhiều tiến bộ xã hội, tuy nhiên quá trình phát triển kinh tế thị trường cũng tiềm ẩn nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng xã hội, biểu hiện qua khoảng cách giàu nghèo và sự chênh lệch giữa các vùng miền, nhóm dân tộc và giới tính. Điều này đặt ra yêu cầu phức tạp hơn trong việc bảo đảm nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương. Trong kỷ nguyên mới, người dân có yêu cầu ngày càng cao về sự tham gia vào các quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Việc thúc đẩy các quyền dân sự và chính trị liên quan đến sự tham gia và giám sát trở thành một yếu tố quan trọng để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

³⁸⁵ Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2024), *Draft plan of action for the Fifth Phase (2025-2029) of the World Programme for Human Rights Education*. p.2.

2.1.2. Yêu cầu đối với nghiên cứu quyền con người trong kỷ nguyên mới

Bối cảnh kỷ nguyên mới đặt ra những yêu cầu mới và cấp thiết đối với công tác nghiên cứu quyền con người, đòi hỏi sự điều chỉnh phương pháp tiếp cận và trọng tâm nghiên cứu để phản ánh đúng thực tiễn và dự báo được xu hướng tương lai. Công tác nghiên cứu cần được đẩy mạnh theo hướng vừa làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận, vừa gắn với thực tiễn đa dạng. Theo đó, cần tăng cường nghiên cứu lý luận chuyên sâu về quyền con người trong bối cảnh Việt Nam, đặc biệt là sự phát triển nội hàm quyền con người từ tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến các văn kiện của Đảng và hệ thống pháp luật quốc gia. Đồng thời, việc đẩy mạnh nghiên cứu thực tiễn, bao gồm các khảo sát và đánh giá độc lập về tình hình thực thi các quyền con người trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số là hết sức cần thiết để cung cấp bức tranh toàn diện và chính xác về quyền con người.

Công tác nghiên cứu quyền con người trong kỷ nguyên mới cần đặc biệt tập trung vào các vấn đề quyền con người mới phát sinh và đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành. Theo định hướng của Giai đoạn thứ năm Chương trình Giáo dục Nhân quyền Thế giới, các nghiên cứu cần chú trọng các thách thức pháp lý, xã hội, đạo đức liên quan đến quyền con người đảm bảo an sinh số, cũng như mối quan hệ giữa quyền con người với môi trường và biến đổi khí hậu. Đồng thời, việc nghiên cứu quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong bối cảnh đô thị hóa và thay đổi cơ cấu xã hội cần được quan tâm đúng mức. Do tính phức tạp, việc nghiên cứu các vấn đề này đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành. Cần kết hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực như luật học, chính trị học, xã hội học, công nghệ thông tin, môi trường học và kinh tế học. Nghiên cứu cần có tính ứng dụng cao, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người. Ngoài ra, việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế thông qua nghiên cứu so sánh về xây dựng pháp luật, thiết chế và cơ chế thực thi quyền con người ở các quốc gia khác sẽ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, giúp Việt Nam xây dựng chính sách phù hợp, qua đó ứng phó hiệu quả với các thách thức chung trong kỷ nguyên mới.

2.1.3. Yêu cầu đối với giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới

Để trang bị cho người học khả năng hiểu, tôn trọng và thúc đẩy quyền con người một cách hiệu quả trong kỷ nguyên mới, công tác giáo dục quyền con người cần có những đổi mới mạnh mẽ về cả nội dung và phương pháp. Nội dung giáo dục cần được cập nhật thường xuyên để phản ánh những phát triển mới nhất về luật nhân quyền quốc tế và Việt Nam, tập trung vào các chủ đề ưu tiên như quyền con người và công nghệ số, môi trường và biến đổi khí hậu, và bình đẳng giới. Việc cập nhật này bảo đảm tính thời sự và phù hợp với bối cảnh đương đại, giúp người học nhận thức được những thách thức và cơ hội mới đối với quyền con người. Cùng với việc cập nhật nội dung, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả giáo dục quyền con người. Cần chuyển đổi mạnh mẽ từ phương pháp truyền đạt kiến thức một chiều sang các phương pháp tương tác, lấy người học làm trung tâm, khuyến khích tư duy phản biện, phân tích tình huống, làm việc nhóm và các hình thức trải nghiệm sáng tạo khác. Các phương pháp như đóng vai, sân khấu hóa có tiềm năng lớn trong việc phát triển sự đồng cảm và kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến quyền con người. Hơn nữa, giáo dục quyền con người cần được định hướng theo mục tiêu biến đổi (transformative human rights education), không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức, mà còn nhằm thay đổi thái độ, điều chỉnh hành vi và thúc đẩy những hành động tích cực nhằm tôn trọng, bảo vệ và phát huy quyền con người³⁸⁶. Việc xây dựng một môi trường giáo dục nơi quyền con người được tôn trọng và thúc đẩy trong mọi hoạt động của nhà trường, từ giảng dạy, nghiên cứu đến các hoạt động ngoại khóa và quản lý là yếu tố không thể thiếu để giáo dục quyền con người đạt được hiệu quả bền vững³⁸⁷. Ngoài ra, cần tăng cường giáo dục cho các

³⁸⁶ Sue E. Gollifer (2022), *Challenges and possibilities for transformative human rights education in Icelandic upper secondary schools*, Human Rights Education Review Volume 5, 2022 - Issue 3 <https://doi.org/10.7577/hrer.4981>

³⁸⁷ Juli Saikia; Dr. R. D. Padmavathy (2022), *Higher education students' awareness towards the Human Rights dimensions in relation to nature of residence, levels of education, stream and age group*, Journal of

nhóm đối tượng ưu tiên gồm thanh thiếu niên và trẻ em, cũng như các nhóm chuyên môn có vai trò quan trọng trong bảo đảm quyền con người như cán bộ thực thi pháp luật, giảng viên, giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ truyền thông...

Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam vừa tạo động lực vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu, giáo dục quyền con người. Đây là nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi sự chung tay của toàn hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2.2. Chính sách quốc gia và thực trạng giáo dục quyền con người tại Việt Nam

2.2.1. Khung chính sách quốc gia và định hướng chỉ đạo

Công tác giáo dục quyền con người tại Việt Nam đã được thể chế hóa và triển khai mạnh mẽ trong những năm gần đây, đánh dấu bằng việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025*” theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 5/9/2017. Đề án này được xác định là một sự kiện chính trị, pháp lý đặc biệt quan trọng, nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo đảm quyền con người, đồng thời thể hiện cam kết và trách nhiệm của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế về giáo dục quyền con người. Việc triển khai Đề án đã tạo ra một hành lang pháp lý quan trọng, thúc đẩy những hành động cụ thể trong việc đưa nội dung quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân.

Tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra những chỉ đạo quan trọng, yêu cầu các bộ, ngành và địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm quyền con người. Thủ tướng đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải “thực hiện thường xuyên, xuyên suốt có

chủ trương, có đường lối, có kế hoạch, có đề án” công tác giáo dục quyền con người và yêu cầu các cơ quan tham gia Đề án tập trung thời gian, trí tuệ, nguồn lực với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và sớm hoàn thành tốt tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu Đề án đã đề ra. Đặc biệt, Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ sau Hội nghị đã chỉ đạo rõ việc xây dựng môn học quyền con người là môn học độc lập trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và yêu cầu Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khẩn trương hoàn thiện tài liệu, biên soạn giáo trình chuẩn quốc gia, và phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng văn bản hướng dẫn sử dụng tài liệu trong các cấp học. Thủ tướng cũng yêu cầu hoàn thành việc triển khai đưa nội dung giáo dục quyền con người trong các cơ sở giáo dục đại học trong năm học 2025-2026. Những chỉ đạo này của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở pháp lý và động lực quan trọng để các cấp, các ngành và các cơ sở giáo dục, trong đó có Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đẩy mạnh và đổi mới công tác nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của kỷ nguyên phát triển mới.

2.2.2. Một số kết quả đạt được

Giai đoạn 2017-2024 đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ trong việc thực hiện Đề án thể hiện qua việc xuất bản hệ thống tài liệu, giáo trình, sổ tay phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy về quyền con người ở các cấp học và trình độ đào tạo khác nhau từ cấp phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp và các chương trình đào tạo chuyên sâu. Bên cạnh đó, hoạt động chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và đánh giá thực trạng giáo dục quyền con người cũng được chú trọng thông qua việc tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm ở cấp quốc gia, vùng và địa phương. Đây là những diễn đàn quan trọng, tạo điều kiện để các nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục và giáo viên cùng trao đổi, thảo luận, nhận diện vấn đề và đề xuất các giải pháp đổi mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

2.2.3. Một số vấn đề còn tồn tại

Thực tiễn triển khai công tác giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân vẫn còn đối mặt với nhiều tồn tại và thách thức. Một trong những hạn chế đáng kể là nội dung lồng ghép trong một số hoạt động thiên về lý thuyết, thiếu tính liên hệ thực tiễn. Hệ quả là người học gặp khó khăn trong việc vận dụng kiến thức và quy định pháp luật về quyền con người để giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống.

Phương pháp giảng dạy cũng là một khía cạnh cần được đổi mới mạnh mẽ nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và năng lực tư duy phản biện của người học, thay vì tiếp tục sử dụng các phương pháp truyền thụ một chiều. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tổ chức và thực hiện giáo dục quyền con người còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Nguồn lực phục vụ cho công tác này bao gồm kinh phí, cơ sở vật chất, cũng như đội ngũ giảng viên có chuyên môn sâu và kỹ năng sư phạm hiện đại vẫn còn hạn chế tại nhiều cơ sở giáo dục.

Những tồn tại và thách thức nêu trên đòi hỏi sự nhìn nhận nghiêm túc, cùng với việc triển khai các giải pháp đồng bộ và hiệu quả từ các cấp quản lý giáo dục đến từng cơ sở đào tạo, nhằm từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục quyền con người trong bối cảnh mới.

2.3. Thực trạng nghiên cứu, giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Xuất phát từ sứ mạng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thành cơ sở đào tạo đa ngành, trong đó coi trọng công tác đào tạo giáo viên, nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng giáo dục quyền con người trong các chương trình đào tạo giáo viên mà trọng tâm là ngành Giáo dục công dân.

Phương pháp nghiên cứu bao gồm: (i) *Nghiên cứu định lượng*: được tiến hành thông qua khảo sát nhằm đánh giá nhận thức của sinh viên, giảng viên về nội dung cơ bản của quyền con người; thái độ đối với giáo dục quyền con

người; đánh giá về tính phù hợp và hiệu quả của nội dung, phương pháp giáo dục hiện hành; nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về quyền con người của đội ngũ giảng viên. (ii) *Nghiên cứu định tính*: được triển khai thông qua phỏng vấn sâu với giảng viên (nhằm thu thập thông tin về kinh nghiệm giảng dạy, thuận lợi, khó khăn và đề xuất cải tiến), sinh viên (nhằm ghi nhận trải nghiệm học tập, đánh giá nội dung, phương pháp giảng dạy và ảnh hưởng của giáo dục quyền con người đối với nhận thức và hành vi) (iii) *Phân tích tài liệu*: được triển khai để thu thập và xử lý thông tin đến giáo dục quyền con người từ Chương trình đào tạo, đề cương học phần có tích hợp giáo dục quyền con người; Báo cáo tổng kết đề tài khoa học công nghệ liên quan; cùng với kế hoạch và báo cáo hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên Trường. Việc sử dụng các phương pháp trên nhằm bảo đảm tính toàn diện, khách quan trong đánh giá thực trạng giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, từ đó làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng định hướng phát triển phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

2.3.1. Sự phát triển nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân

Việc phát triển nội dung quyền con người trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cho thấy sự quan tâm rõ nét đến nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên. Điều này phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực am hiểu chính trị, xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, nội dung về quyền con người chủ yếu được tích hợp trong một số học phần pháp luật của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Công dân. Đây là bước tiếp cận ban đầu trong việc đưa nội dung giáo dục quyền con người vào đào tạo giảng viên. Đến năm 2021, học phần “Quyền con người” được xây dựng và đưa vào chương trình đào tạo dưới dạng học phần tự chọn, có thời lượng 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết), dành cho sinh viên ngành

Giáo dục Công dân và các ngành sư phạm khác. Việc thiết kế một học phần riêng cho thấy sự ghi nhận bước đầu của Nhà trường trong việc tổ chức nội dung giảng dạy có hệ thống về quyền con người, trên cơ sở cân nhắc nhu cầu của người học và điều kiện thực tiễn triển khai. Khảo sát sơ bộ cho thấy khoảng 70% sinh viên sư phạm lựa chọn học học phần này, cho thấy mức độ quan tâm nhất định của sinh viên đối với chủ đề. Tuy nhiên, khoảng 40% sinh viên tham gia khảo sát cũng cho rằng nội dung của học phần còn ở mức khái quát, chưa thật sự đáp ứng nhu cầu tìm hiểu sâu về các khía cạnh chuyên đề trong lĩnh vực quyền con người. Từ phản hồi đó, có thể thấy việc tiếp tục điều chỉnh và phát triển nội dung giảng dạy, cả về phạm vi và chiều sâu, là cần thiết để phù hợp hơn với năng lực tiếp nhận của người học cũng như yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

Phân tích chương trình đào tạo ngành Giáo dục Công dân tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cho thấy những điều chỉnh mang tính định hướng nhằm nâng cao chất lượng và vị thế của nội dung giáo dục quyền con người trong đào tạo giáo viên. Trong chương trình đào tạo năm 2021, học phần “Quyền con người” được xếp vào nhóm học phần tự chọn, và nội dung liên quan chủ yếu được tích hợp trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Tuy nhiên, đến năm 2025, chương trình đã được điều chỉnh theo hướng đưa học phần “Quyền con người và giáo dục quyền con người” vào nhóm học phần bắt buộc, với thời lượng 3 tín chỉ, nhằm bảo đảm tính hệ thống và chiều sâu của nội dung đào tạo. Sự thay đổi này phản ánh định hướng rõ ràng của Nhà trường trong việc tăng cường năng lực chuyên môn cho sinh viên ngành sư phạm, đặc biệt là trong bối cảnh giáo dục quyền con người đang được xác định là một nội dung ưu tiên trong các chương trình cải cách giáo dục ở cấp quốc gia. Việc xây dựng học phần độc lập cũng góp phần đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong việc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về phát triển môn học quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Chương trình đào tạo năm 2025 thể hiện cách tiếp cận tích hợp, cập nhật, phù hợp với yêu cầu của Chương trình Giáo dục Nhân quyền Thế giới giai đoạn thứ năm (2025-2029), cũng như bối cảnh phát triển mới của dân tộc. Bên cạnh học phần “Quyền con người và giáo dục quyền con người”, chương trình còn bao gồm một số học phần khác như: “Công dân kỷ nguyên số” (phân tích các vấn đề pháp lý và đạo đức trong môi trường số); “Những vấn đề của thời đại ngày nay” (xem xét tác động của các thách thức toàn cầu đến quyền con người); “Cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam” (kết nối lý thuyết quyền con người với việc bảo đảm quyền con người trong thực tiễn); và “Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật” (trang bị cho người học năng lực giáo dục quyền con người hiệu quả). Việc kết hợp nội dung giữa các học phần không chỉ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức mang tính liên ngành và cập nhật, mà còn góp phần nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội đang chuyển biến mạnh mẽ. Qua đó, chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Công dân kiến thức nền tảng, năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm cần thiết để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công tác giáo dục quyền con người trong hiện tại và tương lai.

2.3.2. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đã góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục quyền con người cho sinh viên

Từ thực tiễn triển khai giảng dạy cũng như tham chiếu các nghiên cứu về phương pháp giáo dục hiện đại phù hợp với giáo dục quyền con người³⁸⁸, có thể nhận thấy những nỗ lực tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học của các giảng viên tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Trong các học phần có tích hợp nội dung giáo dục quyền con người, giảng viên đã bước đầu áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học tình huống, nghiên cứu trường hợp, dạy học theo dự án và giao các nhiệm vụ học tập có tính ứng dụng.

³⁸⁸ Françoise Palau-Wolffe (2016), *Empowering Our Youth Through Human Rights Education: The International and National Promise of Whole-School Approaches*, Empowering Youth through Human Rights Education, Vol. 2, 2016.

Các phương pháp này góp phần hỗ trợ người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn xã hội, đồng thời thúc đẩy nhận thức và hành vi gắn với các giá trị của quyền con người³⁸⁹.

Kết quả khảo sát sinh viên cho thấy khoảng 75% người học từng tham gia các học phần hoặc hoạt động liên quan đến quyền con người ghi nhận sự thay đổi tích cực về thái độ đối với các vấn đề nhân quyền. Trong đó, khoảng 60% sinh viên cho biết đã có những thay đổi cụ thể trong hành vi như chủ động thể hiện quan điểm trước các hành vi phân biệt đối xử, tham gia hoạt động cộng đồng và tích cực tìm hiểu sâu hơn về các vấn đề liên quan đến quyền con người.

2.3.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người tại Trường đang từng bước được củng cố và định hướng phát triển chiến lược

Trong những năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã có những bước tiến nhất định, phản ánh sự quan tâm ngày càng tăng từ đội ngũ giảng viên và các chính sách hỗ trợ từ phía Nhà trường. Kết quả khảo sát với 76 cán bộ, giảng viên và chuyên viên của Khoa Sư phạm cho thấy 68% số người được hỏi bày tỏ sự quan tâm đến việc nghiên cứu các chủ đề liên quan đến quyền con người. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển lĩnh vực nghiên cứu này trong tương lai. Khoảng 72% người tham gia khảo sát cho biết đã tiếp cận ít nhất một chính sách hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu từ phía Nhà trường. Thông qua các cuộc phỏng vấn, nhiều giảng viên chia sẻ mong muốn được nghiên cứu sâu hơn về các vấn đề nhân quyền phù hợp với chuyên môn giảng dạy của họ, đồng thời nhận thức rõ vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc nâng cao năng lực chuyên môn và đóng góp cho cộng đồng. Tuy nhiên, một số rào cản vẫn tồn tại, bao gồm hạn chế về nguồn tài chính, áp lực thời gian do khối

³⁸⁹ Christina Johnsson (2025), *Transformative university human rights education*, Human Rights Education Review, 8:1, 55-67, DOI: 10.1080/25355406.2025.2452124.

lượng giảng dạy lớn và khó khăn trong việc công bố quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh thiếu môi trường học thuật phản biện chuyên sâu. Trong năm học 2024-2025, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm tạo điều kiện cho phát triển nghiên cứu nhân quyền, tiêu biểu như Diễn đàn chuyên môn về quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân. Diễn đàn đã thu hút được các nhà khoa học, nhà giáo dục trao đổi, phản biện, cập nhật kiến thức về quyền con người và xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên trong giai đoạn hiện nay. Hội thảo Khoa học cấp Quốc gia với chủ đề “*Giáo dục quyền con người ở các nhà trường trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*” (phối hợp với Học viện Cảnh sát Nhân dân) đã trực tiếp định hướng nghiên cứu vào mối liên hệ giữa giáo dục quyền con người và bối cảnh phát triển đương đại của đất nước. Đặc biệt, việc xuất bản giáo trình “Khoa học về quyền con người” đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hoạt động nghiên cứu và xuất bản của đội ngũ giảng viên Nhà trường về lĩnh vực này, không chỉ phục vụ công tác đào tạo tại Trường mà còn có thể là tài liệu tham khảo giá trị cho các cơ sở giáo dục khác và những người quan tâm.

2.3.4. Các hoạt động ngoại khóa đã đóng vai trò thiết thực trong việc thúc đẩy giáo dục quyền con người cho sinh viên

Giáo dục quyền con người được nhìn nhận là một quá trình toàn diện, không chỉ giới hạn trong khuôn khổ các học phần chính khóa mà còn cần được thúc đẩy thông qua các hoạt động giáo dục khác nhằm tạo môi trường học tập dựa trên trải nghiệm và thực hành³⁹⁰. Tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, các hoạt động ngoại khóa và thực tiễn đóng vai trò thiết thực trong việc hỗ trợ giáo dục quyền con người cho sinh viên. Trong những năm gần đây, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các câu lạc bộ sinh viên tại Trường thể hiện sự đa dạng về nội dung và hình thức, trong đó nhiều hoạt

³⁹⁰ Cecilia Decara, Carol Rask, Felisa Tibbitts (2021), *Guide on Human Rights Education Curriculum Development: Furthering SDG Target 4.7 in Primary and Secondary Schools*, The Danish Institute for Human Rights.

động có giá trị bổ trợ tích cực cho giáo dục quyền con người. Câu lạc bộ Luật là một ví dụ điển hình, nơi sinh viên được tiếp cận sâu hơn với hệ thống pháp luật và các quy định pháp lý liên quan đến quyền con người. Các cuộc thi tìm hiểu pháp luật như “Luật Thủ đô” hay các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ công dân trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử - xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng và sự tham gia vào các chương trình lớn do Đoàn, Hội tổ chức đã tạo điều kiện để sinh viên trực tiếp tiếp cận với các nhóm yếu thế trong xã hội, từ đó nuôi dưỡng tinh thần đồng cảm, ý thức trách nhiệm xã hội và thái độ tích cực trong bảo vệ, thúc đẩy quyền con người. Những trải nghiệm này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức mà còn rèn luyện năng lực hành động thực tiễn - một trong những yêu cầu quan trọng trong giáo dục nhân quyền hiện nay. Qua đó, sinh viên được phát triển toàn diện về năng lực nghề nghiệp, ý thức công dân và khả năng thích ứng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.4. Đánh giá tổng quan về kết quả đạt được, thách thức và định hướng phát triển nghiên cứu, giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.4.1. Một số kết quả đạt được

Những nỗ lực tiên phong trong lĩnh vực giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã mang lại những kết quả tích cực ban đầu, thể hiện ở sự hiện diện chính thức của nội dung quyền con người trong chương trình đào tạo. Từ hình thức lồng ghép ban đầu, nội dung này đã được phát triển thành học phần độc lập và bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục công dân. Sự thay đổi này phản ánh cam kết chiến lược của Nhà trường trong việc trang bị kiến thức nhân quyền và năng lực giáo dục quyền con người một cách bài bản và hệ thống cho sinh viên.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người cũng nhận được nhiều sự quan tâm của cán bộ, giảng viên. Các đề tài khoa học các cấp

đã được triển khai, cùng với hoạt động học thuật như hội thảo, seminar, diễn đàn chuyên môn góp phần kiến tạo tri thức và phát triển lĩnh vực nghiên cứu nhân quyền trong môi trường đại học.

Sự tham gia tích cực của sinh viên trong các hoạt động ngoại khóa hướng tới giá trị nhân quyền, đặc biệt trong các chương trình tình nguyện vì cộng đồng, các câu lạc bộ học thuật và các cuộc thi tìm hiểu pháp luật... cung cấp môi trường thực tiễn để sinh viên trải nghiệm, thảo luận và hình thành thái độ, hành vi tích cực hướng đến các nguyên tắc công bằng, bình đẳng và nhân ái.

2.4.2. Một số thách thức đặt ra

Công tác nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Trường vẫn đang phải đối mặt với một số rào cản mang tính cấu trúc và năng lực. Trước hết, nội dung chương trình hiện chưa khai thác đủ chiều sâu ở các ngành học ngoài khối sư phạm trong bối cảnh đào tạo đa ngành của Trường. Thứ hai, đội ngũ giảng viên còn thiếu cơ hội bồi dưỡng chuyên sâu về quyền con người và giáo dục quyền con người. Việc xây dựng năng lực công bố quốc tế và khai thác các nguồn tài trợ nghiên cứu vẫn là khoảng trống cần lấp đầy. Thứ ba, việc đánh giá tác động của giáo dục quyền con người cũng chưa được thực hiện một cách định kỳ, dẫn đến thiếu dữ liệu thực chứng để phục vụ cải tiến chính sách đào tạo.

2.4.3. Định hướng phát triển nghiên cứu, giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

a) Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học về quyền con người

Trong định hướng phát triển nghiên cứu khoa học về quyền con người, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội xác định ưu tiên thúc đẩy các đề tài nghiên cứu mang tính liên ngành. Với đặc điểm là một lĩnh vực phức tạp, đòi hỏi tiếp cận đa chiều, quyền con người cần được nghiên cứu trong sự giao thoa giữa các ngành như giáo dục, luật học cùng với các lĩnh vực khác như công nghệ

và môi trường... Cách tiếp cận này nhằm mở rộng phạm vi và tăng chiều sâu phân tích các vấn đề nhân quyền, từ đó tạo ra các kết quả nghiên cứu có tính hệ thống, toàn diện và giá trị ứng dụng cao.

Một định hướng trọng tâm khác là phát triển mạng lưới học thuật và hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế. Việc thiết lập và củng cố mối quan hệ với các viện nghiên cứu chuyên ngành, tổ chức nhân quyền có uy tín, và các cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về giáo dục quyền con người sẽ góp phần nâng cao năng lực học thuật, tăng cường trao đổi chuyên môn, thực hiện các công trình nghiên cứu chung, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn tài trợ nghiên cứu từ nhiều kênh khác nhau.

Nâng cao năng lực công bố khoa học của giảng viên là một định hướng then chốt. Nhà trường tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu, kỹ năng viết học thuật, xuất bản quốc tế, dịch thuật học thuật và xây dựng kế hoạch hỗ trợ xuất bản bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín. Qua đó, kết quả nghiên cứu của giảng viên và nhà trường sẽ được kết nối với cộng đồng học thuật toàn cầu, góp phần nâng cao uy tín khoa học của Trường.

Đảm bảo nguồn lực tài chính là yếu tố thiết yếu để triển khai các định hướng trên. Nhà trường cần xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính bền vững, bao gồm việc thiết lập quỹ nghiên cứu chuyên biệt cho giáo dục quyền con người, đồng thời chủ động tìm kiếm và huy động nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế có cùng quan tâm. Đây là cơ sở để triển khai các nghiên cứu có quy mô lớn, tính chuyên sâu và khả năng tác động thực tiễn cao.

Nhà trường định hướng phát triển thế hệ các nhà nghiên cứu trẻ trong lĩnh vực giáo dục quyền con người. Việc thúc đẩy sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu thông qua việc hình thành và hỗ trợ các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học sinh viên sẽ góp phần nuôi dưỡng tinh thần học thuật, ý thức xã hội và năng lực nghiên cứu độc lập cho thế hệ giáo viên và nhà khoa học tương lai.

b) Định hướng phát triển giáo dục quyền con người

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong kỷ nguyên phát triển mới, các định hướng chiến lược trong công tác giáo dục đã và đang được xác lập theo hướng hệ thống, toàn diện và bền vững.

Trước hết, giáo dục quyền con người được tích hợp sâu vào triết lý giáo dục “*Nhân văn - Đổi mới - Động lực - Bản sắc*” và sứ mạng đào tạo của Nhà trường, từ đó định hướng mọi hoạt động chuyên môn từ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên đến kiến tạo môi trường học đường theo hướng đề cao giá trị nhân quyền như một yếu tố xuyên suốt.

Nhà trường đẩy mạnh triển khai các mô hình giáo dục quyền con người theo hướng liên ngành trong toàn bộ chương trình đào tạo. Nội dung quyền con người không chỉ giới hạn trong các học phần chuyên biệt, mà cần được lồng ghép, tích hợp phù hợp vào từng ngành đào tạo nhằm đảm bảo sự liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn. Cách tiếp cận này góp phần giúp sinh viên không chỉ tiếp thu tri thức nền tảng, mà còn phát triển năng lực nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề nhân quyền trong bối cảnh nghề nghiệp tương lai.

Một trong những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của giáo dục quyền con người chính là năng lực chuyên môn và sư phạm của đội ngũ giảng viên. Do đó, cần thiết phải xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, chuyên sâu, với nội dung cập nhật về nhân quyền và phương pháp giảng dạy đổi mới, tương tác, phù hợp với đặc điểm của giáo dục đại học và đặc thù của giáo dục quyền con người.

Cuối cùng, việc củng cố và phát triển một môi trường học đường dựa trên các nguyên tắc của quyền con người là nền tảng không thể thiếu trong quá trình triển khai giáo dục nhân quyền một cách thực chất. Nhà trường cam kết tiếp tục xây dựng một không gian học thuật nơi các giá trị như bình đẳng,

không phân biệt đối xử, tự do học thuật và tự do biểu đạt được tôn trọng, bảo vệ và thực thi một cách đồng bộ. Điều này đảm bảo sự nhất quán giữa lý luận được giảng dạy trong chương trình học với thực hành các giá trị nhân quyền trong đời sống sinh viên và hoạt động quản trị đại học.

3. KẾT LUẬN

Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng một xã hội dựa trên tri thức, sự công bằng và tôn trọng các giá trị phổ quát. Trong bối cảnh đó, giáo dục quyền con người tại các cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò nền tảng, trang bị cho thế hệ trẻ những năng lực cốt lõi để trở thành những công dân toàn cầu có trách nhiệm, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nghiên cứu thực trạng tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã chỉ ra rằng công tác nghiên cứu và giáo dục quyền con người đã có những bước phát triển tích cực ban đầu, thể hiện qua sự cam kết về thể chế, sự đổi mới trong thực hành giảng dạy và sự quan tâm của đội ngũ. Những thuận lợi về bối cảnh chính sách quốc gia, vị trí địa lý và nguồn lực nội tại của Trường là tiền đề quan trọng để đẩy mạnh công tác này. Tuy nhiên, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội còn tồn tại một số rào cản, thách thức cần vượt qua về tổ chức, chương trình, năng lực đội ngũ và nguồn lực. Các vấn đề chiến lược đặt ra yêu cầu Nhà trường phải có một tầm nhìn rõ ràng, thúc đẩy mạnh mẽ tính liên ngành trong cả nghiên cứu và giáo dục, xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả dựa trên bằng chứng, và đặc biệt là đầu tư vào phát triển năng lực nghiên cứu khoa học về quyền con người theo hướng hội nhập quốc tế. Việc thực hiện đồng bộ các định hướng được đề xuất là nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn sắp tới. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xã hội, mà còn khẳng định vai trò và trách nhiệm của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong việc góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam tiến bộ, dân chủ và văn minh, nơi quyền con người được tôn trọng và bảo đảm đầy đủ.

Tài liệu tham khảo

1. United Nations General Assembly (1998), *United Nations Decade for Human Rights Education, 1995-2004, and Public Information Activities in the Field of Human Rights (General Assembly Resolution A/RES/52/127*, United Nations.
2. GS.TS. Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2024), *Báo cáo Công tác thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (2017-2024) và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hà Nội.
4. GS.TS. Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Hà Nội.
5. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2024), *Draft plan of action for the Fifth Phase (2025-2029) of the World Programme for Human Rights Education*. p.2.
6. Sue E. Gollifer (2022), *Challenges and possibilities for transformative human rights education in Icelandic upper secondary schools*, Human Rights Education Review Volume 5, 2022 - Issue 3 <https://doi.org/10.7577/hrer.4981>
7. Juli Saikia; Dr. R. D. Padmavathy (2022), *Higher education students' awareness towards the Human Rights dimensions in relation to nature of residence, levels of education, stream and age group*, Journal of Positive School Psychology, Vol. 6 No. 6, 2022.
8. Françoise Palau-Wolffe (2016), *Empowering Our Youth Through Human Rights Education: The International and National Promise of Whole-School Approaches*, Empowering Youth through Human Rights Education, Vol. 2, 2016.

9. Christina Johnsson (2025), *Transformative university human rights education*, Human Rights Education Review, 8:1, 55-67, DOI: 10.1080/25355406.2025.2452124.

10. Cecilia Decara, Carol Rask, Felisa Tibbitts (2021), *Guide on Human Rights Education Curriculum Development: Furthering SDG Target 4.7 in Primary and Secondary Schools*, The Danish Institute for Human Rights.

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT

TS. Nguyễn Văn Khoát

Hiệu trưởng Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội

Trong tiến trình phát triển của nhân loại, quyền con người luôn được khẳng định là những giá trị nhân văn cao quý, là khát vọng chung mà mọi dân tộc đều hướng tới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và chuyển đổi số hiện nay, nhiệm vụ bảo đảm, nghiên cứu và giáo dục quyền con người ngày càng trở thành vấn đề cấp thiết, mang tính chiến lược lâu dài. Giáo dục quyền con người không chỉ góp phần nâng cao tri thức, bồi dưỡng ý thức pháp quyền cho thế hệ trẻ, mà còn là cơ sở quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng xử lý công việc một cách khách quan, công minh, theo nguyên tắc thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý và tôn trọng nhân quyền. Đây cũng chính là một trong những chuẩn mực cơ bản, mang tính định hướng cho tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đồng thời là thước đo quan trọng khẳng định vị thế, uy tín của đất nước trong tiến trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Với vai trò là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực của ngành Kiểm sát nhân dân, Trường Đại học Kiểm sát luôn xác định rõ: Định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Nhà trường không chỉ là yêu cầu khách quan, cấp thiết mà còn mang ý nghĩa chiến lược, lâu dài, đặc biệt trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam hiện nay. Đây là nhiệm vụ vừa góp phần khẳng định vai trò, uy tín của Nhà trường, vừa trực tiếp phục vụ mục tiêu xây

dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát “vừa hồng, vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

1. ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT

Trong kỷ nguyên phát triển mới, với yêu cầu vừa giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, vừa hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế, vấn đề quyền con người đã và đang được Đảng, Nhà nước, toàn xã hội đặc biệt quan tâm. Trong bối cảnh đó, định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Kiểm sát cần được đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, gắn với yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Đây không chỉ là nhiệm vụ mang tính cấp thiết trước mắt mà còn là định hướng chiến lược, lâu dài, nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ kiểm sát “vừa hồng, vừa chuyên”, có đủ năng lực và bản lĩnh để bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong từng hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, Trường Đại học Kiểm sát xác định rõ một số nội dung trọng tâm trong định hướng nghiên cứu và giáo dục quyền con người tại Nhà trường hiện nay như sau:

Một là, xác định quyền con người là nội dung xuyên suốt, trọng yếu trong chương trình đào tạo. Trường Đại học Kiểm sát là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên - những người trực tiếp tham gia bảo vệ công lý, bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm minh, đồng thời chịu trách nhiệm bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng. Do đó, việc xây dựng chương trình đào tạo với nội dung quyền con người giữ vị trí “xương sống”, được lồng ghép và quán triệt xuyên suốt trong các học phần, có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng. Thông qua đó, người

học không chỉ được trang bị hệ thống tri thức lý luận về nhân quyền, nhận thức sâu sắc rằng việc áp dụng pháp luật không đơn thuần là xử lý tội phạm mà còn là bảo vệ quyền con người, phòng ngừa oan sai, không để lọt tội phạm; mà còn được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị và tư duy pháp quyền. Đây là cơ sở để hình thành đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên tương lai vừa kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện tinh thần nhân đạo, công bằng, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân.

Hai là, phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành và hiện đại về quyền con người. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc nghiên cứu quyền con người không còn giới hạn ở phạm vi pháp lý thuần túy mà ngày càng mang tính đa ngành, gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xác định và triển khai các định hướng nghiên cứu chuyên sâu, hiện đại, tiếp cận đa chiều, nhằm bắt kịp sự phát triển của khoa học pháp lý quốc tế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong nước. Đây không chỉ là nhiệm vụ học thuật tất yếu mà còn là giải pháp quan trọng để Trường Đại học Kiểm sát khẳng định vị thế học thuật, tạo dựng nền tảng lý luận vững chắc cho hoạt động giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhân lực chất lượng cao của ngành Kiểm sát nhân dân trong giai đoạn mới.

Ba là, đổi mới giáo dục nhân quyền theo hướng hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giáo dục quyền con người không thể chỉ dừng lại ở việc truyền đạt các nguyên lý và chuẩn mực pháp lý truyền thống, mà cần được tiếp cận theo phương thức hiện đại, gắn liền với xu thế quốc tế và yêu cầu thực tiễn của đất nước. Theo đó, nội dung giảng dạy về quyền con người tại các cơ sở đào tạo nói chung và Trường Đại học Kiểm sát nói riêng cần cập nhật các xu thế pháp luật quốc tế về nhân quyền, đặc biệt là nội dung các công ước quốc tế về nhân quyền mà

Việt Nam là thành viên. Cùng với đó, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và giáo dục nhân quyền thông qua việc tổ chức các hội thảo quốc tế, các khóa học ngắn hạn, chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên về nhân quyền; qua đó tạo lập môi trường học thuật quốc tế đa chiều, cởi mở, khuyến khích đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm. Đổi mới giáo dục nhân quyền theo hướng hội nhập quốc tế không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, gần với chuẩn mực toàn cầu, mà còn khẳng định vị thế học thuật, uy tín của Trường Đại học Kiểm sát trong hệ thống các cơ sở đào tạo pháp luật trong nước và quốc tế.

Bốn là, gắn nghiên cứu, giảng dạy nhân quyền với thực tiễn ngành Kiểm sát nhân dân. Theo đó, bên cạnh giảng dạy hệ thống lý luận về quyền con người lồng ghép trong các học phần nghiệp vụ kiểm sát, cần chú trọng xây dựng các tình huống, hồ sơ vụ án điển hình có nội dung liên quan đến bảo đảm quyền con người trong tố tụng để đưa vào giảng dạy. Cách tiếp cận này giúp người học không chỉ nắm vững cơ sở lý thuyết, mà còn hình thành tư duy nhân quyền gắn với từng khâu công tác như thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, xét xử và thi hành án. Qua đó, góp phần phòng ngừa oan sai, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào công lý và pháp luật.

2. THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT

2.1. Một số kết quả đạt được trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy quyền con người tại Trường Đại học Kiểm sát

2.1.1. Về hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu về quyền con người tại Trường Đại học Kiểm sát có bước phát triển rõ nét, gắn liền với quá trình hoàn thiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đổi mới của ngành Kiểm sát nhân dân.

Trước hết, Nhà trường đã hình thành định hướng nghiên cứu chuyên sâu về quyền con người gắn với chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân. Nhiều công trình khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở cùng nhiều bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành đã tiếp cận, phân tích quyền con người dưới các góc độ pháp lý, chính trị - xã hội và thực tiễn tố tụng. Các hướng nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các nội dung như: bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự; quyền bào chữa, quyền xét xử công bằng; quyền của người bị tạm giữ, tạm giam; quyền tiếp cận công lý của nhóm yếu thế,... Hiện nay, Nhà trường đang tham gia thực hiện đề tài cấp Nhà nước: *Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quyền con người, quyền công dân đáp ứng yêu cầu tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới*” (Mã số: KX.05.02/21-30). Những định hướng và kết quả nghiên cứu về quyền con người không chỉ củng cố cơ sở lý luận mà còn đóng góp thiết thực vào việc hoàn thiện chính sách, pháp luật và thực tiễn công tác kiểm sát.

Từ năm 2013 đến nay, Trường Đại học Kiểm sát đã phối hợp với các nước (Nhật Bản; Trung Quốc, Thái Lan, Australia..), các tổ chức quốc tế (UNDP, UNODC) tổ chức nhiều hội thảo chuyên sâu về quyền con người; tiêu biểu như: *Tập huấn Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người; Nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết các vụ án xâm hại, bóc lột tình dục trẻ em; Hội thảo quốc tế về chứng cứ điện tử trong giải quyết các vụ án xâm hại tình dục trẻ em; ...* Đồng thời, Trường cũng tích cực tham gia các hội thảo trong và ngoài ngành như: Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu pháp luật người khuyết tật ở các cơ sở đại học do Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức; các hội thảo chuyên ngành do VKSND tối cao và các đơn vị trực thuộc tổ chức... Qua đó, Nhà trường không chỉ tạo ra môi trường học thuật năng động, thúc đẩy trao đổi tri thức, mà còn mở rộng các mối quan hệ hợp tác, góp phần đổi mới nội dung nghiên cứu và giảng dạy về quyền con người.

Bên cạnh đó, nhiều công trình nghiên cứu của giảng viên, nhiều khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án đã lựa chọn đề tài liên quan đến nhân quyền. Đây là minh chứng rõ ràng cho thấy nghiên cứu về nhân quyền ngày càng trở thành lĩnh vực có sức hút lớn, giàu tính ứng dụng và đóng vai trò quan trọng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường.

2.1.2. Về hoạt động giáo dục, giảng dạy

Với vai trò là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, Trường Đại học Kiểm sát đã sớm ý thức trách nhiệm tiên phong trong giáo dục và nghiên cứu về quyền con người. Ngay từ những năm đầu tiên thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học (2013) và qua các lần điều chỉnh Chương trình đào tạo (các năm 2015, 2016, 2018, 2020, 2022, 2023), Nhà trường luôn kiên định đưa nội dung pháp luật về quyền con người vào chương trình giảng dạy chính khóa. Xuất phát từ đặc thù của một cơ sở đào tạo gắn liền với chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, hoạt động giáo dục quyền con người tại Nhà trường được triển khai theo ***hai hướng cơ bản***:

Thứ nhất, giảng dạy độc lập học phần “Pháp luật về quyền con người” - với tư cách là một môn học nền tảng, hệ thống, cung cấp tri thức toàn diện về lý luận và pháp luật nhân quyền. Ngay từ năm 2013, khi xây dựng chương trình khung đào tạo đại học, Trường đã tiên phong đưa học phần “Pháp luật về quyền con người” vào giảng dạy dưới hình thức học phần tự chọn (2 tín chỉ), do Bộ môn Hiến pháp - Khoa Nhà nước và Pháp luật phụ trách, với thời lượng 30 tiết và sử dụng tài liệu giảng dạy là Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, ĐHQGHN). Học phần đã cung cấp cho sinh viên những tri thức hệ thống và cơ bản về nhân quyền. Đặc biệt, từ năm học 2022-2023, nhận thức được tầm quan trọng chiến lược của giáo dục nhân quyền trong đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, Trường đã quyết định *chuyển đổi học phần từ tự chọn sang bắt buộc*. Đây là bước tiến quan trọng, khẳng định vị trí nền tảng của môn học trong hệ thống đào tạo cử nhân luật.

Thứ hai, lồng ghép nội dung quyền con người vào các học phần nghiệp vụ chuyên ngành. Song song với việc giảng dạy học phần độc lập, Trường còn chú trọng lồng ghép, tích hợp nội dung quyền con người vào các học phần chuyên ngành, đặc biệt là những môn học gắn trực tiếp với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Cách tiếp cận này giúp sinh viên không chỉ nắm vững lý luận, mà còn biết vận dụng để xử lý các tình huống thực tiễn trong từng lĩnh vực pháp luật cụ thể. Việc lồng ghép này được triển khai dưới nhiều hình thức: từ trao đổi lý thuyết, thảo luận các tình huống thực tiễn, đến các phương pháp giảng dạy đặc thù gắn với nghiệp vụ kiểm sát như nghiên cứu hồ sơ, diễn án, kiến tập, thực tập, tham dự các phiên tòa xét xử,... Đặc biệt, Nhà trường chú trọng rèn luyện kỹ năng bảo vệ quyền con người trong thực tiễn tố tụng, nhất là trong các tình huống dễ phát sinh vi phạm như: phòng ngừa bức cung, nhục hình; bảo đảm quyền bào chữa và quyền im lặng; bảo vệ thông tin cá nhân, đời sống riêng tư của các bên liên quan; cũng như các quyền hợp pháp khác trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử.

Đặc biệt, từ năm 2024, các chương trình sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của Trường đã chính thức đưa nội dung nhân quyền thành học phần bắt buộc, thể hiện tính nhất quán và liên thông trong hệ thống đào tạo. Cụ thể: Học phần “Quyền con người: tiếp cận đa ngành, liên ngành” trong chương trình đào tạo thạc sĩ Luật và thạc sĩ Luật hình sự - tố tụng hình sự; học phần “Quyền con người trong tư pháp hình sự” trong chương trình đào tạo tiến sĩ Luật hình sự - tố tụng hình sự.

Như vậy, việc giảng dạy và nghiên cứu quyền con người tại Trường Đại học Kiểm sát không chỉ bảo đảm tính hệ thống, xuyên suốt từ đại học đến sau đại học, mà còn phù hợp với định hướng chiến lược của Nhà trường trong việc chuẩn hóa, hiện đại hóa và quốc tế hóa giáo dục pháp luật. Đây cũng là đóng góp thiết thực vào yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Một số khó khăn, hạn chế

Một là, hạn chế về hệ thống giáo trình, tài liệu giảng dạy. Mặc dù từ năm 2013, nội dung quyền con người đã được đưa vào chương trình đào tạo ở bậc đại học thông qua một học phần độc lập và lồng ghép trong một số học phần chuyên ngành, song đến nay, Trường Đại học Kiểm sát vẫn chưa biên soạn được giáo trình riêng phù hợp với đặc thù đào tạo cử nhân luật chuyên ngành Kiểm sát. Bên cạnh đó, đối với các học phần có lồng ghép nội dung quyền con người, tài liệu giảng dạy cũng chưa thật sự đầy đủ và chuyên biệt. Đây là một hạn chế không nhỏ, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu về quyền con người.

Hailà, hạn chế về nguồn nhân lực nghiên cứu và giảng dạy. Đội ngũ nghiên cứu, giảng viên nguồn nhân lực nghiên cứu và giảng dạy về quyền con người còn mỏng, chưa được đào tạo bài bản chuyên sâu về nhân quyền. Trong khi đó, quyền con người là một lĩnh vực đặc thù, mang tính liên ngành, vừa mang nặng tính lý luận trừu tượng, vừa bao gồm hệ thống các quy định đặc thù trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Do vậy, việc giảng dạy không tránh khỏi gặp khó khăn, đặc biệt trong việc lý giải các vấn đề phức tạp, trừu tượng và mang tính quốc tế cao của lĩnh vực này. Đây cũng là một khó khăn lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu về quyền con người tại Trường.

Ba là, hạn chế trong nghiên cứu khoa học và công bố học thuật quốc tế. Mặc dù trong những năm qua, Trường Đại học Kiểm sát đã có một số đề tài, báo cáo khoa học, hội thảo gắn với chủ đề quyền con người, song nhìn chung chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên sâu về nhân quyền. Nội dung nghiên cứu còn mang tính khái quát, chưa theo kịp các vấn đề mới, có tính thời sự và gắn với thực tiễn như: quyền con người trong không gian mạng, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư trên nền tảng số, hay những tác động của trí tuệ nhân tạo đối với bảo đảm quyền con người,...

Ngoài ra, các công trình nghiên cứu hiện nay chủ yếu công bố ở cấp độ trong nước, chưa có nhiều bài viết, công trình được đăng tải trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, cũng như chưa tạo được ảnh hưởng học thuật rộng rãi. Điều này khiến vị thế và dấu ấn khoa học của Trường về lĩnh vực nhân quyền chưa thật sự nổi bật, đồng thời làm giảm khả năng hội nhập, kết nối học thuật với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật trong khu vực và trên thế giới.

Bốn là, hạn chế trong hợp tác quốc tế về nghiên cứu, giảng dạy quyền con người. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc mở rộng hợp tác trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, thực tế tại Trường Đại học Kiểm sát cho thấy, hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu, giảng dạy quyền con người còn khiêm tốn, chưa có chiều sâu và chưa thường xuyên, hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu mà còn khiến Trường gặp khó khăn trong việc khẳng định vị thế học thuật, thu hút nguồn lực quốc tế và tạo dựng hình ảnh một cơ sở đào tạo luật có uy tín trong lĩnh vực nhân quyền ở khu vực và thế giới.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo trình, học liệu chuyên biệt. Trường cần tập trung biên soạn giáo trình chính thức về Pháp luật quyền con người phù hợp với đặc thù đào tạo cử nhân luật chuyên ngành Kiểm sát, bảo đảm vừa trang bị nền tảng lý luận, vừa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát tư pháp. Song song với đó, cần xây dựng và bổ sung hệ thống học liệu, tài liệu tham khảo chuyên sâu, hệ thống hồ sơ vụ án, tình huống thực tiễn điển hình gắn với hoạt động kiểm sát. Với hệ thống giáo trình hoàn thiện và mang tính đặc thù ngành sẽ giúp sinh viên, học viên tiếp cận toàn diện cả về kiến thức lý luận, rèn luyện tư duy nghề

nghiệp, nhận diện, phân tích và vận dụng chuẩn mực nhân quyền vào quá trình giải quyết vụ án, từ đó hình thành kỹ năng nghề nghiệp gắn với yêu cầu bảo đảm quyền con người trong thực tiễn công tác của ngành Kiểm sát.

Thứ hai, phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia nghiên cứu về quyền con người. Phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia nghiên cứu nhân quyền là giải pháp then chốt, quyết định chất lượng giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Kiểm sát. Trong bối cảnh quyền con người đã trở thành một trong những trụ cột của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và là yêu cầu xuyên suốt trong hoạt động tư pháp, việc xây dựng một đội ngũ giảng viên, chuyên gia có năng lực chuyên môn vững vàng, hiểu biết sâu rộng và có khả năng nghiên cứu độc lập không chỉ là yêu cầu trước mắt để nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn là chiến lược lâu dài nhằm xây dựng nền tảng tri thức vững chắc cho Nhà trường.

Trước hết, cần tăng cường cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nhân quyền tại các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế. Việc tiếp thu các tri thức tiên tiến từ những trung tâm nghiên cứu, trường đại học hàng đầu trên thế giới không chỉ giúp đội ngũ giảng viên nâng cao năng lực học thuật, mà còn mở rộng tầm nhìn, cập nhật được các vấn đề mới mẻ, đa chiều về nhân quyền trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ. Đây cũng là cách để từng bước xây dựng một thể hệ giảng viên có khả năng so sánh, đối chiếu pháp luật quốc tế với pháp luật Việt Nam, từ đó làm phong phú và hiện đại hóa nội dung và phương pháp giảng dạy.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích giảng viên chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các hội thảo quốc tế và công bố kết quả trên các tạp chí chuyên ngành. Đây không chỉ là yêu cầu nâng cao trình độ cá nhân, mà còn góp phần hình thành một không gian học thuật mở, tạo ra sự gắn kết giữa nghiên cứu và giảng dạy, góp phần khẳng định vị thế của Trường trên bản đồ khoa học pháp lý quốc gia và quốc tế.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là nền tảng quan trọng để phát triển tri thức mới, đồng thời là cơ sở để nâng cao chất lượng giảng dạy và thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền con người trong ngành Kiểm sát. Việc đẩy mạnh nghiên cứu không chỉ nhằm bổ sung lý luận mà còn tạo lập cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Theo đó, cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về quyền con người gắn với thực tiễn tổ tụng và hoạt động kiểm sát. Trọng tâm là xây dựng các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp Ngành về nhân quyền, bảo đảm định hướng vào những vấn đề vừa có tính cấp thiết, vừa có giá trị ứng dụng cao. Các đề tài cần ưu tiên nghiên cứu những lĩnh vực trực tiếp phản ánh chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát, như: bảo đảm quyền con người trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; kiểm sát việc giam giữ, thi hành án; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người yếu thế; quyền tiếp cận công lý và quyền được xét xử công bằng,... Đây không chỉ là các vấn đề gắn chặt với hoạt động tư pháp hằng ngày mà còn là thước đo quan trọng cho việc thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

Khuyến khích cán bộ, giảng viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tích cực công bố các công trình khoa học về nhân quyền trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Việc công bố quốc tế không chỉ nâng cao uy tín học thuật của Trường Đại học Kiểm sát, mà còn góp phần đưa những quan điểm, kinh nghiệm thực tiễn của Việt Nam vào diễn đàn học thuật toàn cầu.

Xây dựng nhóm nghiên cứu liên ngành, từng bước hình thành nhóm nghiên cứu mạnh về nhân quyền có khả năng chủ trì, tham gia các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước về nhân quyền trong hoạt động tư pháp; đồng thời nâng cao năng lực công bố quốc tế, kết nối học thuật với các cơ sở nghiên cứu trong và

ngoài nước. Nghiên cứu liên ngành cho phép huy động kiến thức, phương pháp và kinh nghiệm từ nhiều chuyên ngành khác nhau, tạo ra sự cộng hưởng tri thức, giúp các kết quả nghiên cứu có chiều sâu, tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao hơn; không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường, mà còn khẳng định vị thế học thuật của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học và trong cộng đồng nghiên cứu pháp luật quốc tế.

Thứ tư, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy về quyền con người. Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng giáo dục về quyền con người tại các cơ sở đào tạo pháp luật, trong đó có Trường Đại học Kiểm sát. Việc đổi mới này không chỉ nhằm truyền tải tri thức, mà còn giúp hình thành tư duy, kỹ năng và bản lĩnh nghề nghiệp gắn liền với yêu cầu bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp.

Trước hết, cần bổ sung những vấn đề mới, mang tính thời sự về nhân quyền nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hiện nay; đồng thời xây dựng nội dung giảng dạy gắn với thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố, kiểm sát xét xử, đặc biệt là những tình huống tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền con người. Cách tiếp cận thông qua tình huống không chỉ giúp sinh viên nhận diện rõ mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, mà còn rèn luyện năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng pháp luật một cách linh hoạt, từ đó nâng cao khả năng bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp.

Kết hợp linh hoạt giữa phương pháp thuyết trình truyền thống và các phương pháp giảng dạy tích cực như: phân tích tình huống, mô phỏng phiên tòa giả định, nghiên cứu hồ sơ vụ án,... Đây là hướng tiếp cận giúp sinh viên không chỉ học lý thuyết một cách khô khan, mà vận dụng trực tiếp kiến thức vào xử lý các tình huống pháp lý thực tiễn, qua đó hình thành tư duy phản biện, kỹ năng hành nghề và bản lĩnh xử lý tình huống.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy nhân quyền thông qua việc xây dựng thư viện điện tử, học liệu số hóa về nhân quyền, thiết kế

các học phần trực tuyến mở; qua đó tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tri thức đa dạng, phong phú, vượt ra khỏi giới hạn của không gian lớp học truyền thống. Đặc biệt, việc sử dụng các phần mềm mô phỏng tình huống vi phạm quyền con người sẽ giúp người học trải nghiệm, xử lý tình huống mang tính thực hành cao, từ đó nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, khuyến khích sinh viên, học viên tham gia các hoạt động học thuật, các cuộc thính nghiệm cứu, tranh biện về quyền con người trong và ngoài nước. Qua đó, không chỉ giúp người học rèn luyện kỹ năng hùng biện, tư duy pháp lý và năng lực xử lý các tình huống phức tạp, đồng thời nuôi dưỡng tinh thần tôn trọng, bảo vệ quyền con người - phẩm chất không thể thiếu đối với một cán bộ Kiểm sát trong tương lai.

Thứ năm, tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giáo dục và nghiên cứu về quyền con người không thể phát triển một cách biệt lập, mà cần gắn kết chặt chẽ với các mạng lưới học thuật và cơ chế hợp tác đa phương. Đây vừa là xu thế tất yếu, vừa là yêu cầu khách quan để Trường Đại học Kiểm sát nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, đồng thời khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục pháp luật quốc gia. Nhà trường cần thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về nhân quyền trong khu vực và trên thế giới. Sự hợp tác này không chỉ dừng ở trao đổi học thuật, mà còn hướng tới hình thành các chương trình liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm quốc tế về nhân quyền, tạo không gian học thuật để cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên của Nhà trường được tiếp cận trực tiếp với các tri thức, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại; đồng thời góp phần nâng cao uy tín học thuật và vị thế nghiên cứu của Trường trong môi trường quốc tế.

Tiếp tục huy động và tận dụng các nguồn tài trợ, dự án quốc tế nhằm hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu và giảng dạy nhân quyền tại Nhà trường. Các dự án hợp tác quốc tế không chỉ cung cấp nguồn lực tài chính, học bổng và trang thiết bị hiện đại, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên tham gia vào các chương trình trao đổi, thực tập, hoặc nghiên cứu chung với đối tác quốc tế. Qua đó, vừa nâng cao năng lực cá nhân, vừa góp phần khẳng định sự hội nhập học thuật của Nhà trường.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu, giáo dục quyền con người tại Trường Đại học Kiểm sát vừa là nhiệm vụ khoa học, vừa là yêu cầu chính trị - pháp lý cấp thiết, gắn trực tiếp với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, việc đổi mới nội dung, phương pháp, phát triển đội ngũ giảng viên, hoàn thiện hệ thống học liệu, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và tăng cường hợp tác quốc tế về nhân quyền là những giải pháp then chốt nhằm nâng cao chất lượng đào tạo quyền con người tại Nhà trường.

Thông qua đó, Trường Đại học Kiểm sát không chỉ góp phần hình thành thế hệ cán bộ kiểm sát có tri thức chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, bản lĩnh chính trị kiên định mà còn nuôi dưỡng tinh thần tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong hoạt động tư pháp. Đây chính là giá trị cốt lõi, vừa mang tính học thuật, vừa mang ý nghĩa xã hội - pháp lý, khẳng định vai trò của Nhà trường trong sự nghiệp xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, phụng sự Tổ quốc và phục vụ Nhân dân trong tình hình mới.

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Trường Đại học Tôn Đức Thắng

1. TỔNG QUAN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH
QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM HIỆN NAY

Quyền con người (Human Rights) là những giá trị phổ quát, gắn liền với phẩm giá của mỗi cá nhân, bao gồm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa cơ bản, được cộng đồng quốc tế thừa nhận và bảo vệ. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, hệ thống pháp lý quốc tế về quyền con người đã được hình thành với những văn kiện nền tảng như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966), cùng nhiều điều ước quốc tế khác về xóa bỏ phân biệt chủng tộc, bình đẳng giới, quyền trẻ em, quyền của người khuyết tật, chống tra tấn,... Các chuẩn mực này tạo thành khung pháp lý chung, định hướng các quốc gia tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người cho mọi người dân.

Từ năm 2005, Liên Hợp quốc triển khai Chương trình Giáo dục Nhân quyền Thế giới với nhiều giai đoạn, lần lượt tập trung vào hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, đào tạo chuyên gia và đối tượng thanh thiếu niên. Giai đoạn thứ 5 (2025-2029) được Hội đồng Nhân quyền thông qua năm 2024, ưu tiên giáo dục quyền con người cho trẻ em và thanh niên, đồng thời lồng ghép các chủ đề mới như biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường vào giáo dục nhân quyền³⁹¹, phản ánh yêu cầu của kỷ nguyên số và mục tiêu phát triển bền vững.

³⁹¹ Nguyễn Thị Nguyên Ngọc (2025), “Giáo dục quyền con người cho thanh niên Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (04).

Bước vào giai đoạn phát triển hiện nay, các xu thế toàn cầu như chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và thách thức phát triển bền vững đang tác động sâu sắc đến vấn đề quyền con người. Sự bùng nổ của công nghệ số đặt ra các vấn đề về quyền riêng tư, an ninh mạng, quyền tiếp cận thông tin và thu hẹp khoảng cách số; trong khi biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di cư và các thách thức toàn cầu khác đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành, mang tính toàn cầu.

Tại Việt Nam, Nhà nước đã chủ động thích ứng và triển khai Chiến lược Chuyển đổi số Quốc gia, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người dân. Về phát triển bền vững, Việt Nam kiên định thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp quốc, đặc biệt SDG 16 về hòa bình, công lý và thể chế vững mạnh - mục tiêu có mối quan hệ trực tiếp với việc bảo đảm quyền con người. Trong phiên tranh cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, Việt Nam đã nhấn mạnh thông điệp: *“Tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, Đối thoại và hợp tác, Tất cả các quyền con người cho tất cả mọi người”* và đã trúng cử nhiệm kỳ 2023-2025. Thành công này khẳng định uy tín quốc tế và cam kết của Việt Nam trong đóng góp vào sự nghiệp quyền con người toàn cầu. Song song đó, trong nước, quá trình hoàn thiện pháp luật, cải cách hành chính - tư pháp tiếp tục được đẩy mạnh, hướng tới xây dựng xã hội *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*.

Tóm lại, bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay vừa mở ra cơ hội thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đổi mới nội dung và phương pháp nghiên cứu, giáo dục quyền con người, nhằm đáp ứng đặc trưng và thách thức của kỷ nguyên phát triển mới.

2. GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Giáo dục quyền con người (Human Rights Education - HRE) là quá trình trang bị cho người học hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết về các quyền cơ bản của con người, đồng thời nuôi dưỡng ý thức tôn trọng

quyền và tự do của người khác. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành một thể hệ công dân toàn cầu có đủ năng lực, bản lĩnh và trách nhiệm trong việc xây dựng, duy trì một xã hội tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

Trong bối cảnh thế giới đương đại, khi nhân loại đang phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp như gia tăng bất bình đẳng, xung đột kéo dài, các hình thức phân biệt đối xử tinh vi, cùng với những khủng hoảng toàn cầu như đại dịch COVID-19 hay biến đổi khí hậu, HRE càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Giáo dục quyền con người không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt các quy định pháp luật hay nội dung của các công ước quốc tế, mà quan trọng hơn, còn trang bị cho mỗi cá nhân năng lực nhận diện, phân tích và đấu tranh chống lại sự bất công; đồng thời thúc đẩy sự tham gia chủ động vào việc xây dựng các cộng đồng kiên cường, hòa nhập và phát triển bền vững.

Một công dân được trang bị đầy đủ kiến thức, hiểu biết và kỹ năng về quyền con người chính là “nguồn vốn xã hội” quý giá, góp phần kiến tạo môi trường sống tôn trọng quyền ở cấp độ quốc gia, khu vực và toàn cầu; đồng thời nuôi dưỡng các giá trị dân chủ, thúc đẩy hòa bình, củng cố công lý và tăng cường khả năng phục hồi trước những biến động, khủng hoảng³⁹² của thời đại.

Trên bình diện quốc tế, HRE được công nhận là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của quyền được giáo dục, và hơn thế nữa, ngày càng được xem như một quyền con người độc lập, như đã được nhấn mạnh bởi Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) và Tuyên bố của Liên Hợp quốc về Giáo dục và đào tạo Quyền con người³⁹³. Sự phát triển của HRE như một phong trào toàn cầu được củng cố bởi một hệ thống các khuôn khổ pháp lý và chính sách quốc tế, từ Hiến chương Liên Hợp quốc, Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền năm 1948 (UDHR), các Công ước quốc tế về quyền con người, cho đến các sáng kiến cụ thể như các Thập kỷ Giáo

³⁹²National Council for the Social Studies (2021), Human Rights Education, <https://www.socialstudies.org/position-statements/human-rights-education>

³⁹³Lindsey N. Kingston (2014), “The Rise of Human Rights Education: Opportunities, Challenges, and Future Possibilities”, *Societies Without Borders* 9 (2), pp.188-210.

dục Nhân quyền của Liên Hợp quốc và Chương trình Thế giới về Giáo dục Nhân quyền (WPHRE)³⁹⁴. Các sáng kiến này nhấn mạnh nghĩa vụ của các quốc gia trong việc đảm bảo HRE trở thành một phần của hệ thống giáo dục và đào tạo, nhằm xây dựng kiến thức về quyền con người và các cơ chế giám sát việc thực thi các điều ước quốc tế có tính ràng buộc pháp lý.

Việt Nam, với vai trò là một thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, luôn thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, trong đó giáo dục quyền con người (HRE) được xác định là một lĩnh vực ưu tiên. Cam kết này được khẳng định qua việc Việt Nam phê chuẩn hầu hết các công ước quốc tế quan trọng về quyền con người, đồng thời thể chế hóa các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế vào Hiến pháp và hệ thống pháp luật quốc gia.

Những năm gần đây, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách mang tính chiến lược nhằm đẩy mạnh HRE một cách toàn diện và thực chất. Nổi bật là Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” (Đề án 1309), đặt nền tảng cho việc lồng ghép HRE ở tất cả các bậc học. Tiếp đó, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về yêu cầu tăng cường triển khai Đề án theo hướng thiết thực, tránh hình thức.

Tháng 12/2024, Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người do Thủ tướng Chính phủ chủ trì đã Tổng kết 07 năm thực hiện Đề án 1309. Kết quả đạt được gồm: biên soạn giáo trình và tài liệu tham khảo chuẩn; tổ chức bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho đội ngũ giảng viên, giáo viên; và bước đầu đưa HRE vào giảng dạy ở nhiều cấp học. Tại Hội nghị, Thủ tướng nhấn mạnh: “Giáo dục quyền con người là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, góp phần phát triển con người toàn diện và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế”.

³⁹⁴ Tường Duy Kiên (2024), “Chuẩn mực quốc tế về quyền con người và giá trị tham chiếu với Việt Nam”, *Xây dựng Đảng*, tại trang <https://www xaydungdang.org.vn/nhan-quyen-va-cuoc-song/chuan-muc-quoc-te-ve-quyen-con-nguoi-va-gia-tri-tham-chieu-voi-viet-nam-20508>

Đối với bậc đại học, Thủ tướng chỉ đạo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương hoàn thiện *giáo trình, tài liệu chuẩn quốc gia* về HRE, đồng thời yêu cầu hoàn thành triển khai nội dung HRE tại các cơ sở giáo dục đại học trong năm học 2025 - 2026. Đây là bước đi quan trọng, đánh dấu sự chuyển biến từ chủ trương sang hành động, bảo đảm HRE trở thành một thành tố bền vững trong hệ thống giáo dục quốc dân³⁹⁵.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã định hướng rõ ràng: giáo dục quyền con người trong các trường đại học không chỉ là một nội dung học thuật, mà còn là hành trình nuôi dưỡng những giá trị cốt lõi của một xã hội văn minh. Các cơ sở giáo dục đại học được khuyến khích thiết kế học phần, chuyên đề về quyền con người gắn liền với đặc thù ngành đào tạo, để mỗi sinh viên, dù theo đuổi lĩnh vực nào, đều tìm thấy sự kết nối giữa nghề nghiệp tương lai và sứ mệnh tôn trọng, bảo vệ quyền con người.

Một sinh viên kỹ thuật không chỉ học cách thiết kế những công trình an toàn, mà còn thấu hiểu trách nhiệm bảo vệ quyền an toàn lao động và quyền riêng tư dữ liệu. Một sinh viên kinh tế không chỉ theo đuổi lợi nhuận, mà còn ý thức sâu sắc về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Một sinh viên sư phạm không chỉ truyền đạt kiến thức, mà còn là người bảo vệ và lan tỏa quyền trẻ em trong giáo dục.

Như vậy, giáo dục quyền con người ở bậc đại học không thể dừng ở việc “dạy cho biết”, mà phải “dạy để sống” - đảm bảo tính chuẩn mực quốc tế, đồng thời gắn chặt với bối cảnh thực tiễn, đặc thù ngành nghề và nhu cầu phát triển đất nước. Phương pháp giảng dạy cần đổi mới mạnh mẽ, lấy người học làm trung tâm, tăng cường tương tác, trải nghiệm và học qua tình huống, để giá trị nhân quyền không chỉ nằm trên trang giấy, mà trở thành kim chỉ nam cho hành động của mỗi sinh viên, để sinh viên “thấm nhuần” các giá trị nhân quyền một cách tự nhiên, hiệu quả³⁹⁶.

³⁹⁵ Đào Thị Tùng (2025), “Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (2), <https://khoa hoc chinh tri.vn/giao-duc-quyen-con-nguoi-o-viet-nam-hien-nay/>

³⁹⁶ Nguyễn Thị Nguyên Ngọc (2025), “Giáo dục quyền con người cho thanh niên Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (04).

Trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế sâu rộng và quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta đang đứng trước nhu cầu bức thiết về một thể hệ công dân mới - những người vừa có tri thức và kỹ năng, vừa có bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đem hiểu biết về quyền con người vào thực tiễn, góp phần kiến tạo một xã hội công bằng, nhân ái và bền vững. Các trường đại học, với vai trò là “cái nôi” đào tạo nhân lực chất lượng cao và trung tâm lan tỏa tri thức, chính là nơi khởi nguồn của thể hệ ấy.

3. THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) là một đại học công lập định hướng nghiên cứu, đào tạo đa ngành, luôn kiên định với mục tiêu phát triển con người toàn diện, hội nhập quốc tế và đề cao các giá trị nhân quyền. Trong những năm qua, TDTU đã chủ động tích hợp nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong giáo trình học liệu, hợp tác quốc tế và các hoạt động ngoại khóa của sinh viên, tạo nên một môi trường học thuật giàu tính nhân văn và tôn trọng pháp quyền.

3.1. Về chương trình đào tạo

TDTU đã lồng ghép kiến thức quyền con người vào nhiều học phần của các Khoa, vừa đảm bảo chuẩn mực quốc tế, vừa gắn với đặc thù ngành nghề như: Khoa Luật triển khai chương trình Cử nhân Luật theo chuẩn quốc tế FIBAA, tích hợp quyền con người và quyền công dân vào các học phần Luật Hiến pháp, Luật Quốc tế, Luật Nhân quyền quốc tế, giúp sinh viên hiểu cơ chế bảo vệ quyền con người, quyền xét xử công bằng, quyền khiếu nại - tố cáo... Khoa Khoa học xã hội và nhân văn tích hợp nhân quyền trong các môn xã hội học, đạo đức học, tư tưởng Hồ Chí Minh... là các học phần vốn đề cao quyền con người và quyền dân tộc tự quyết. Các Khoa về kinh tế - quản lý (như Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán...) đề cập đến khía cạnh quyền người lao động, quyền khách hàng trong môn Luật lao động,

Quản trị nhân sự, Đạo đức kinh doanh... Khoa Môi trường và Bảo hộ lao động lồng ghép khái niệm quyền được sống trong môi trường trong lành theo Hiến pháp 2013 vào giảng dạy; Ngành Công tác xã hội đã xem quyền con người là nguyên tắc nền tảng, nhấn mạnh công bằng xã hội, tôn trọng sự đa dạng và phẩm giá con người. Đồng thời, toàn bộ sinh viên TDTU đều được tiếp cận chuyên đề quyền con người trong môn Pháp luật đại cương.

3.2. Về văn hóa ứng xử và môi trường học tập

TDTU đã xây dựng môi trường giáo dục tôn trọng, công bằng, minh bạch - nơi tiếng nói của người học được lắng nghe và tôn trọng. Các buổi đối thoại sinh viên hằng năm, có sự tham gia của Ban Giám hiệu, là minh chứng cho nguyên tắc dân chủ cơ sở. Nội quy, quy chế được phổ biến rõ ràng, đảm bảo mọi thành viên ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền của người khác và phát huy trách nhiệm công dân. Sinh viên TDTU được khuyến khích tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp ý kiến xây dựng Nhà trường, thể hiện tinh thần “tự do trong khuôn khổ pháp luật” - một giá trị mà TDTU coi là nền tảng cho phát triển bền vững.

3.3. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Là cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, TDTU đã tổ chức và tham gia nhiều hội thảo, đề tài liên quan đến nhân quyền. Trong những năm qua, giảng viên TDTU đã tham gia nhiều hội thảo khoa học về quyền con người cấp quốc gia và quốc tế. Ngay từ năm 2013, TDTU đã trình bày tham luận “Đào tạo và nghiên cứu về quyền con người trong ngành Xã hội học” tại Hội nghị toàn quốc “Nghiên cứu và đào tạo về quyền con người ở nước ta”. Tham luận này cho thấy TDTU đã sớm quan tâm đưa nội dung quyền con người vào giảng dạy xã hội học, cũng như nghiên cứu các vấn đề nhân quyền dưới góc độ xã hội, ví dụ bình đẳng giới, công bằng xã hội, phát triển con người... Khoa Luật cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội thảo gắn với chủ đề quyền con người. Tháng 12/2024, Khoa Luật đã tổ chức hội thảo

“Quyền và nghĩa vụ của người lao động trong bối cảnh kinh tế số ở Việt Nam” quy tụ các chuyên gia trao đổi về việc bảo vệ quyền lợi người lao động thời đại 4.0. Đây là chủ đề nhân quyền thời sự (quyền việc làm, quyền riêng tư dữ liệu của người lao động trên nền tảng số). Bên cạnh đó, cán bộ, giảng viên TDTU cũng có các đề tài nghiên cứu về quyền trẻ em, quyền phụ nữ, an sinh xã hội, hoặc lồng ghép nội dung quyền con người trong đề tài liên quan phát triển bền vững. Một số sinh viên xuất sắc tham gia các cuộc thi phiên tòa giả định (moot court) về luật nhân quyền, hoặc cuộc thi hùng biện về quyền trẻ em do các tổ chức bên ngoài tổ chức và đã đạt giải, góp phần lan tỏa hình ảnh sinh viên TDTU năng động, hiểu biết pháp luật và thể hiện được năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

TDTU có chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế và lĩnh vực quyền con người cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Trường đã thiết lập quan hệ với nhiều đại học trên thế giới; thông qua đó, sinh viên và giảng viên có cơ hội giao lưu, học hỏi về quyền con người từ kinh nghiệm quốc tế. Ví dụ, Khoa Luật TDTU có chương trình trao đổi với một số trường đại học châu Âu và châu Á, tạo điều kiện để sinh viên ngành Luật được tiếp xúc với các học giả quốc tế, tham dự seminar về luật nhân quyền quốc tế, luật nhân đạo. TDTU cũng thường xuyên mời các chuyên gia, luật sư uy tín tham gia giảng dạy một số chuyên đề pháp luật thực tiễn cho sinh viên, trong đó nội dung về đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ quyền con người luôn được nhấn mạnh. Ngoài ra, các hoạt động hợp tác doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, dự án quốc tế đều hướng đến thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, trong đó có mục tiêu về bảo đảm quyền con người. Về các sáng kiến giáo dục quyền con người, TDTU bước đầu đã triển khai một số hoạt động như lồng ghép chủ đề “Quyền con người trong chuyển đổi số” vào Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho Tân sinh viên; tổ chức Cuộc thi tìm hiểu Luật An ninh mạng; phát động sinh viên hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam 09/11 với chủ đề quyền

và nghĩa vụ công dân. Trường cũng có xây dựng Tủ sách nhân quyền tại Thư viện TDTU, tập hợp tài liệu, sách, tạp chí về quyền con người cho giảng viên, sinh viên nghiên cứu. Ngoài ra, TDTU từng tham gia các dự án, diễn đàn về giáo dục quyền con người do các tổ chức trong nước như Viện Nhân quyền - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, đóng góp tiếng nói vào việc xây dựng mạng lưới giáo dục quyền con người quốc gia.

3.4. Về giáo trình và học liệu

TDTU thống nhất sử dụng các giáo trình và tài liệu chuyên khảo về quyền con người được biên soạn và xuất bản trong nước, phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu như “Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người” do Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn; “Giáo trình Quyền con người” do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên; cuốn sách “Hỏi đáp về Quyền con người” cũng của nhóm tác giả Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Thêm vào đó là một số tài liệu dịch từ các ấn phẩm của Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế uy tín khác cũng được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Năm 2025, Khoa Luật chủ biên Tài liệu hướng dẫn học môn Pháp luật đại cương, trong đó có chuyên đề nghiên cứu sâu về quyền con người.

3.4. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu

TDTU đã áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đồng thời thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội. Nhà trường khuyến khích giảng viên - viên chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thông qua việc đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, tham gia quản trị, và tiên phong trong các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Có thể thấy, TDTU luôn lấy con người làm trung tâm, coi giáo dục và đào tạo nhân cách là nền tảng, từ đó vận dụng và phát huy tối đa nhân tố con người trên mọi phương diện. Trong hoạt động đào tạo, TDTU đã kiên trì mục tiêu xây dựng thể hệ sinh viên “vừa hồng vừa chuyên”, đáp ứng chuẩn mực

quốc tế nhưng vẫn giữ vững bản sắc và trách nhiệm công dân. Điều này được cụ thể hóa qua Chương trình giáo dục 3 nội dung đạo đức: *Học tập để báo hiếu; Sống có ý thức kỷ luật; Tinh thần trách nhiệm vì tập thể, vì cộng đồng*, cùng với việc lồng ghép các nội dung giáo dục quyền con người trong sinh hoạt công dân, đối thoại giảng viên - sinh viên, và các hoạt động học thuật, phong trào.

3.5. Về ghi nhận từ các tổ chức xếp hạng liên quan đến quyền con người tại TDTU

Theo kết quả THE University Impact Rankings 2025, TDTU tiếp tục khẳng định vị thế là một cơ sở giáo dục gắn kết chặt chẽ với các giá trị nhân văn và quyền con người, được phản ánh rõ qua các chỉ số của 17 SDGs. Trước hết, SDG 4 - Giáo dục có chất lượng đạt 60.9 điểm, cao hơn đáng kể so với trung vị toàn cầu (46.6 điểm), thể hiện cam kết của TDTU trong việc mở rộng cơ hội học tập, đặc biệt cho các nhóm yếu thế, qua đó góp phần xóa bỏ nghèo đói và bất bình đẳng. SDG 5 - Bình đẳng giới với 52.3 điểm, vượt trung vị 44.7, cho thấy Nhà trường chủ động xây dựng môi trường học thuật hòa nhập, tôn trọng và trao quyền cho mọi giới, góp phần thúc đẩy công bằng xã hội. Ở SDG 8 - Việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế, TDTU đạt 70.5 điểm, cao hơn nhiều so với trung vị 51.9, khẳng định nỗ lực chuẩn bị cho sinh viên cơ hội nghề nghiệp bền vững, đồng thời bảo vệ quyền lao động. Kết quả này được củng cố bởi SDG 10 - Giảm bất bình đẳng, với 50.6 điểm so với trung vị 47.7, phản ánh cam kết thu hẹp khoảng cách xã hội. Đáng chú ý, SDG 16 - Hòa bình, công lý và thể chế vững mạnh đạt 50.7 điểm (trung vị 49.1), cho thấy TDTU không chỉ là trung tâm đào tạo - nghiên cứu mà còn tiên phong trong việc thúc đẩy công lý xã hội và bảo vệ quyền con người. Đồng thời, SDG 17 - Quan hệ đối tác vì mục tiêu phát triển đạt 63 điểm, vượt xa trung vị 52.7, khẳng định vai trò của TDTU như một cầu nối quốc tế lan tỏa các giá trị nhân văn và bền vững. Những kết quả này không chỉ là thành tích xếp hạng,

mà còn là minh chứng sống động cho lời cam kết của TDTU: *đặt quyền con người vào trọng tâm, từ giáo dục chất lượng, bình đẳng giới, việc làm bền vững đến công lý và hợp tác toàn cầu.*

Với triết lý giáo dục đề cao nhân văn, sứ mạng đào tạo gắn với phục vụ cộng đồng, cùng văn hóa ứng xử tôn trọng và minh bạch, TDTU thật sự đã tạo dựng một hệ sinh thái giáo dục nhân quyền toàn diện. Ở đó, quyền con người không chỉ hiện diện trong bài giảng hay tài liệu nghiên cứu, mà còn được thể hiện trong từng chính sách, hoạt động, ứng xử và giá trị mà mỗi thành viên Nhà trường theo đuổi. Đây chính là nền tảng để TDTU tiếp tục đào tạo những thế hệ công dân toàn cầu - vừa giỏi chuyên môn, vừa thấm nhuần tinh thần nhân quyền, sẵn sàng đóng góp cho một xã hội công bằng, hòa bình và phát triển bền vững.

4. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

4.1. Nguyên tắc nền tảng

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế và phân tích thực trạng tại Việt Nam, mô hình giáo dục và nghiên cứu quyền con người tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng được xây dựng một cách toàn diện, hệ thống và có tính khả thi cao, nhằm đáp ứng yêu cầu của Đề án 1309 và Thông báo số 01/TB-VPCP ngày 01/01/2025 của Văn phòng Chính phủ truyền đạt kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người (Thông báo 01/TB-VPCP), đồng thời hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

Một là, phù hợp chuẩn mực quốc tế và bối cảnh Việt Nam. Dựa trên kinh nghiệm của một số mô hình giảng dạy quyền con người thành công trên thế giới³⁹⁷, Trường Đại học Tôn Đức Thắng xác định nội dung và phương

³⁹⁷“Mô hình của Đại học Connecticut (UConn, Hoa Kỳ)”, <https://humanrights.uconn.edu/areas-of-focus/education/>; mô hình của Đại học San Francisco (USF, Hoa Kỳ)

pháp giáo dục phải phản ánh các tiêu chuẩn, nguyên tắc quyền con người được thừa nhận rộng rãi trên thế giới, như được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên³⁹⁸. Đồng thời, chương trình phải được thiết kế phù hợp với Hiến pháp, hệ thống pháp luật, điều kiện kinh tế-xã hội, các giá trị văn hóa tốt đẹp của Việt Nam, cũng như quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người³⁹⁹.

Hai là, tập trung vào tính liên ngành và đa chiều. Quyền con người là một lĩnh vực mang bản chất liên ngành. Do đó, HRE cần tích hợp kiến thức và phương pháp tiếp cận từ nhiều ngành khoa học khác nhau như luật học, chính trị học, xã hội học, lịch sử, triết học, kinh tế học, giáo dục học, và thậm chí cả các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ khi xem xét các vấn đề quyền con người mới nổi. Cách tiếp cận này giúp sinh viên có được cái nhìn toàn diện, đa chiều và sâu sắc về các vấn đề quyền con người⁴⁰⁰.

Ba là, hướng tới sự chuyển đổi (Transformative). Mục tiêu của HRE không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức lý thuyết mà phải nhằm tạo ra sự thay đổi tích cực trong nhận thức, thái độ và hành vi của người học. Chương trình cần được thiết kế để thúc đẩy sinh viên trở thành những công dân tích cực, có lương tâm, có trách nhiệm, biết tôn trọng quyền con người của bản thân và của người khác, và có năng lực tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến quyền con người^{401, 402}.

<https://www.usfca.edu/education/programs/masters/human-rights-educational-justice/program-overview>; mô hình của Đại học York (Anh) <https://www.york.ac.uk/cahr/>; mô hình của Đại học Lund (Thụy Điển) <https://www.law.lu.se/study/masters-programmes/masters-programme-international-human-rights-law>; mô hình của Đại học Columbia (Hoa Kỳ) <https://www.humanrightscolumbia.org/education/undergraduate/human-rights-major>.

³⁹⁸ Lindsey N. Kingston (2014). The Rise of Human Rights Education: Opportunities, Challenges, and Future Possibilities. *Societies Without Borders* 9 (2): 188-210.

³⁹⁹ Lại Sơn Tùng (2024), “Nghiên cứu, đào tạo quyền con người ở các trường đại học chuyên luật tại Việt Nam hiện nay - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, (43).

⁴⁰⁰ Kristi Heather Kenyon, Saad Ahmad Khan, Fiona Vowell, and Madison Zienkiewicz, “Unsettling the Familiar: Experiential Human Rights Learning through Civic Monuments at the University of Winnipeg”, *Journal of Human Rights Practice* 17: 78-97 <https://doi.org/10.1093/jhuman/huae029>

⁴⁰¹ Christina Johnsson (2025), “Transformative university human rights education”, *Human Rights Education*

Bốn là lấy người học làm trung tâm. Các phương pháp sư phạm cần đặt sinh viên vào vị trí trung tâm của quá trình dạy và học, khuyến khích sự tham gia chủ động, đối thoại hai chiều, tư duy phản biện, và khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Điều này phù hợp với định hướng “lấy học sinh làm trung tâm” đã được nhấn mạnh trong Thông báo số 01/TB-VPCP.

4.2. Mô hình tiếp cận đa tầng (multi-tiered approach)

Trường Đại học Tôn Đức Thắng hướng đến một cách tiếp cận đa tầng trong việc xây dựng chương trình HRE, kết hợp với việc phát triển hệ thống tài liệu học tập đồng bộ:

Tầng 1 - Môn học đại cương bắt buộc về Quyền con người: Môn học này được triển khai cho tất cả sinh viên đại học, không phân biệt chuyên ngành đào tạo. Nội dung tập trung vào các kiến thức nền tảng về quyền con người, bao gồm khái niệm, nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của quyền con người và quyền công dân; các quyền con người được ghi nhận trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và trong Hiến pháp 2013 và các văn bản pháp luật chuyên ngành; ý nghĩa của việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người; trách nhiệm của các chủ thể liên quan; cùng quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề này. Trong chương trình Cử nhân Luật, nội dung này có thể được triển khai thông qua học phần *Hiến pháp và quyền con người*. Đối với các chuyên ngành khác, kiến thức sẽ được tích hợp trong học phần *Pháp luật đại cương* và lồng ghép vào các học phần khác của chương trình đào tạo.

Tầng 2 - Môn học độc lập chuyên sâu về Quyền con người: Môn học này được thiết kế dành riêng cho sinh viên các ngành luật, hành chính, an ninh, quốc phòng, chính trị học, quan hệ quốc tế, báo chí và truyền thông, và các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác có liên quan mật thiết đến quyền con người. Nội dung sẽ bao gồm cả phần kiến thức cơ bản (đối với những

sinh viên chưa được học ở Tầng 1) và các chuyên đề chuyên sâu, như về các cơ chế bảo vệ quyền con người ở cấp quốc tế, khu vực và quốc gia; mô hình và vai trò của các cơ quan nhân quyền quốc gia; chức năng, nhiệm vụ và quy trình nghiệp vụ bảo vệ quyền con người của các cơ quan nhà nước; các vấn đề cải cách hành chính, cải cách tư pháp; và các vấn đề chuyên biệt của Luật Nhân đạo Quốc tế, Luật Hình sự Quốc tế, như đã nêu trong Đề án 1309. Học phần có thời lượng từ 3-4 tín chỉ, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, bao gồm các bài tập lớn hoặc nghiên cứu tình huống và hoạt động thảo luận chuyên đề.

Tầng 3 - Lồng ghép chuyên đề Quyền con người vào các môn học chuyên ngành: Đối với các ngành học khác nhau, cần xác định các khía cạnh quyền con người cụ thể có liên quan trực tiếp để lồng ghép vào nội dung giảng dạy của các học phần chuyên ngành. Ví dụ, quyền của người lao động trong môn Luật Lao động; quyền của trẻ em, phụ nữ trong môn Luật Hôn nhân và Gia đình; đạo đức kinh doanh và quyền con người trong các môn quản trị kinh doanh; quyền con người trong y dược đối với sinh viên ngành Dược; quyền con người và môi trường đối với các ngành Khoa học môi trường.

Tầng 4 - Chương trình Đào tạo sau đại học về quyền con người: khuyến khích và tạo điều kiện cho học viên cao học và nghiên cứu sinh tiến sĩ thuộc các ngành Luật, Chính trị học, Xã hội học và các ngành liên quan thực hiện các đề tài luận án về quyền con người. Các chương trình sau đại học được thiết kế với chuẩn đầu ra rõ ràng, chú trọng đặc biệt đến việc trang bị năng lực nghiên cứu khoa học độc lập và các phương pháp luận nghiên cứu tiên tiến. Đặc biệt, chương trình hướng đến hình thành đội ngũ chuyên gia có khả năng đóng góp vào hoạch định chính sách, tư vấn và giải quyết các vấn đề thực tiễn về quyền con người trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4.3. Chiến lược và phương pháp sư phạm

Để HRE thực sự mang lại hiệu quả và có tính chuyển đổi, Trường Đại học Tôn Đức Thắng xác định áp dụng các chiến lược và phương pháp sư

phạm tiên tiến, lấy người học làm trung tâm:

Một là, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, kết hợp một cách linh hoạt và sáng tạo giữa các bài giảng cung cấp kiến thức nền tảng (lecture) với các hình thức học tập tương tác khác như thảo luận nhóm nhỏ, nghiên cứu và phân tích tình huống (case study), đóng vai (role-play), tổ chức các buổi tranh luận (debate) về các vấn đề quyền con người gây tranh cãi, học tập dựa trên dự án (project-based learning), và tổ chức các phiên tòa giả định (moot court) cho sinh viên luật⁴⁰³.

Hai là, tăng cường học tập trải nghiệm (Experiential Learning), tạo điều kiện tối đa cho sinh viên học hỏi từ thực tiễn thông qua việc tổ chức các chuyến tham quan thực tế đến các cơ quan bảo vệ pháp luật (tòa án, viện kiểm sát), các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực quyền con người; mời các chuyên gia, nhà hoạt động, và những người có kinh nghiệm thực tiễn về quyền con người đến chia sẻ và đối thoại với sinh viên. Khuyến khích sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu hoặc dự án hành động nhỏ trong cộng đồng, giải quyết các vấn đề quyền con người cụ thể tại địa phương. Tạo cơ hội thực tập cho sinh viên tại các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội dân sự, hoặc các văn phòng luật sư có liên quan đến quyền con người.

Ba là, ứng dụng hiệu quả công nghệ trong giảng dạy, tận dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS), các công cụ tương tác (như Kahoot!, Mentimeter), các nguồn tài nguyên đa phương tiện (video, podcast, phim tài liệu) để làm phong phú nội dung bài giảng, tăng tính hấp dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên tự học, tự khám phá một cách linh hoạt.

Bốn là, thúc đẩy tư duy phản biện và phân tích đa chiều, thiết kế các hoạt động học tập khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi, không chấp nhận thông tin một cách thụ động, phân tích các vấn đề quyền con người từ nhiều góc độ

⁴⁰³ Kristi Heather Kenyon, Saad Ahmad Khan, Fiona Vowell, and Madison Zienkiewicz. Unsettling the Familiar: Experiential Human Rights Learning through Civic Monuments at the University of Winnipeg, *Journal of Human Rights Practice*, 17: 78-97, <https://doi.org/10.1093/jhuman/huae029>

khác nhau (pháp lý, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức), và đánh giá một cách khách quan các quan điểm, lập luận khác nhau, bao gồm cả những vấn đề được coi là nhạy cảm và phức tạp⁴⁰⁴.

Năm là, tạo dựng môi trường học tập an toàn, tôn trọng và bao trùm. Giảng viên cần chủ động xây dựng một không khí lớp học cởi mở, dân chủ, nơi mọi ý kiến đều được lắng nghe và tôn trọng, không có sự phán xét hay phân biệt đối xử dựa trên giới tính, dân tộc, tôn giáo, quan điểm chính trị hay bất kỳ đặc điểm cá nhân nào khác. Đây là điều kiện tiên quyết để sinh viên cảm thấy thoải mái chia sẻ, đối thoại và học hỏi lẫn nhau.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC, NGHIÊN CỨU QUYỀN CON NGƯỜI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Trên cơ sở phân tích bối cảnh và thực trạng, Trường Đại học Tôn Đức Thắng xác định định hướng chiến lược nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả giáo dục và nghiên cứu về quyền con người, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển của Nhà trường cũng như đáp ứng yêu cầu của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ nhất, hoàn thiện chương trình và học liệu về quyền con người. TDTU sẽ chủ động phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc cập nhật, xây dựng giáo trình chuẩn quốc gia về quyền con người. Nhà trường sẽ tổ chức tập huấn cho giảng viên các khoa để thống nhất tích hợp nội dung quyền con người vào các môn học hiện có một cách hệ thống và sâu sắc hơn. Về dài hạn, TDTU sẽ mở học phần tự chọn chuyên đề về quyền con người dành cho sinh viên toàn Trường. Học phần này sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan liên ngành, trang bị kiến thức nền tảng về pháp luật nhân quyền quốc tế và Việt Nam, cũng như các vấn đề nhân quyền đương đại (biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, quyền của nhóm yếu thế...). Tài liệu học tập cần được biên soạn phong phú, có cả tiếng Việt và

⁴⁰⁴ Aoife Duffy (2025), Applying critical pedagogies to human rights education, *The International Journal of Human Rights*, 29(2): 382-406, <https://doi.org/10.1080/13642987.2024.2411623>

tiếng Anh, kết hợp giáo trình trong nước và quốc tế. Thư viện TDTU xây dựng góc tài liệu quyền con người, bổ sung các sách, báo, tạp chí chuyên ngành nhân quyền để hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Thứ hai, phát triển đội ngũ giảng viên và chuyên gia về quyền con người. Yếu tố con người đóng vai trò quyết định chất lượng giáo dục quyền con người. TDTU đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về kiến thức và phương pháp giảng dạy quyền con người. Nhà trường cũng khuyến khích giảng viên trẻ làm nghiên cứu sinh, thạc sĩ chuyên sâu về lĩnh vực nhân quyền, luật nhân quyền quốc tế. Bên cạnh đó, mời các chuyên gia thỉnh giảng để thiết lập mối quan hệ hợp tác với các học giả hàng đầu về nhân quyền trong và ngoài nước. Việc đa dạng hóa nguồn nhân lực giảng dạy sẽ giúp sinh viên TDTU được tiếp cận với nhiều góc nhìn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực quyền con người.

Thứ ba, thành lập nhóm nghiên cứu mạnh về quyền con người. Để nâng cao năng lực nghiên cứu, TDTU nên xem xét thành lập một nhóm nghiên cứu liên ngành về quyền con người trực thuộc trường. Nhóm này quy tụ các nhà khoa học từ Khoa Luật, Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn,... cùng nghiên cứu các chủ đề nhân quyền đang nổi lên trong kỷ nguyên số và phát triển bền vững. Trọng tâm là quyền con người trong chuyển đổi số (quyền riêng tư, an ninh mạng, quyền tiếp cận thông tin); quyền con người và trí tuệ nhân tạo; quyền con người và biến đổi khí hậu (quyền được sống trong môi trường trong lành, công bằng khí hậu); quyền của các nhóm yếu thế trong bối cảnh phát triển (lao động di cư, người cao tuổi, người khuyết tật...); giáo dục quyền con người cho sinh viên, thanh niên. Nhóm nghiên cứu có thể xin kinh phí đề tài từ Quỹ Nafosted, hoặc hợp tác với các đối tác quốc tế để thực hiện dự án. Về lâu dài, nếu điều kiện cho phép, TDTU có thể thành lập Trung tâm nghiên cứu và đào tạo quyền con người, đóng vai trò như một đầu mối thúc đẩy mọi hoạt động về nhân quyền từ tư vấn xây dựng chương trình, đào tạo nâng cao, đến nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách.

Thứ tư, tiếp tục đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, gắn lý thuyết với thực tiễn. Định hướng giáo dục quyền con người tại TDTU là nhấn mạnh phương pháp học qua trải nghiệm. Bên cạnh các giờ học lý thuyết trên lớp, nên tăng cường tổ chức phiên tòa giả định, mô phỏng Liên Hợp quốc (MUN), diễn đàn tranh luận về quyền con người, để sinh viên nhập vai, thảo luận các tình huống thực tế. Ví dụ, sinh viên luật có thể tranh luận về một vụ án nhân quyền giả định; sinh viên kinh tế tổ chức phiên họp mô phỏng Hội đồng Nhân quyền bàn về trách nhiệm doanh nghiệp với quyền con người; sinh viên công nghệ thông tin tham gia bài tập xử lý tình huống về bảo mật dữ liệu cá nhân. Những hoạt động này giúp kiến thức nhân quyền trở nên sinh động, khắc sâu hơn và rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, tranh luận có cơ sở. Ngoài ra, TDTU tiếp tục duy trì các buổi đối thoại định kỳ giữa Ban Giám hiệu, lãnh đạo và sinh viên, mở rộng thành diễn đàn trao đổi về các vấn đề quyền lợi và nghĩa vụ của người học trong Trường. Qua đó, sinh viên vừa hiểu biết quyền của mình, vừa học cách sử dụng kênh đối thoại ôn hòa để giải quyết vấn đề.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế và gắn kết cộng đồng; tiếp tục phát huy lan tỏa những giá trị nhân văn và hình ảnh về môi trường văn hóa ứng xử mang truyền thống tốt đẹp của TDTU trong giảng viên - viên chức và người học. Trong kỷ nguyên hội nhập, TDTU tiếp tục tích cực tham gia các mạng lưới giáo dục quyền con người khu vực và quốc tế, hợp tác thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc. Không những thế, TDTU có thể đóng góp cho cộng đồng thông qua các dự án dịch vụ công. Sự gắn kết giữa Nhà trường với xã hội xung quanh trong các hoạt động thúc đẩy quyền con người sẽ làm nổi bật vai trò tiên phong của TDTU trong việc lan tỏa các giá trị nhân quyền, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của TDTU ra cộng đồng xã hội trong nước và quốc tế.

6. KẾT LUẬN

Quyền con người và giáo dục quyền con người ngày càng khẳng định

vai trò trọng yếu trong sự phát triển của đất nước, đặc biệt khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên hội nhập sâu rộng với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Đối với Trường Đại học Tôn Đức Thắng, đây vừa là trách nhiệm trước yêu cầu quốc gia, vừa là điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, hướng tới chuẩn mực quốc tế.

Tại Hội nghị toàn quốc năm 2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã gửi gắm thông điệp: *Bảo vệ và giáo dục quyền con người phải trở thành một phần cốt lõi trong sự phát triển vươn mình của dân tộc, hướng tới mục tiêu cuối cùng là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*. Thông điệp này là kim chỉ nam cho Trường Đại học Tôn Đức Thắng trong chặng đường sắp tới. Nhìn lại chặng đường đã qua, có thể khẳng định rằng tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, quyền con người không chỉ hiện diện trong giáo trình, hội thảo hay nghiên cứu khoa học, mà đã trở thành một phần của triết lý, sứ mạng và văn hóa Nhà trường. Mỗi giờ giảng, mỗi hoạt động ngoại khóa, mỗi sáng kiến và sự hợp tác đều hướng tới mục tiêu chung: *“Bồi dưỡng thế hệ công dân toàn cầu - giỏi tri thức, vững kỹ năng, giàu lòng nhân ái, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”*.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, TDTU ý thức sâu sắc rằng giáo dục quyền con người không chỉ là một nội dung đào tạo, mà là một sứ mệnh dài lâu, gắn liền với sự phát triển bền vững của quốc gia và nhân loại. Bởi lẽ, như Liên Hợp quốc đã khẳng định: *“Giáo dục về quyền con người không chỉ truyền đạt kiến thức và kỹ năng, mà còn định hình thái độ và giá trị để xây dựng một nền văn hóa tôn trọng nhân quyền”* và như Nelson Mandela từng nói: *“Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà bạn có thể sử dụng để thay đổi thế giới”*. Từ một xuất phát điểm khiêm tốn, TDTU đã vươn lên trở thành một trong những đại học hàng đầu Việt Nam, được xếp hạng cao trong khu vực và quốc tế, khẳng định uy tín qua các kiểm định và bảng xếp hạng uy tín. Nhà trường đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội với tỷ lệ sinh viên có việc làm

trong vòng 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp đạt 99,3%, được doanh nghiệp đánh giá cao về đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn và khả năng hội nhập. Đây là minh chứng rõ nét cho sự đúng đắn của định hướng “*lấy con người làm trung tâm, lấy chất lượng làm thước đo, lấy hiệu quả - công bằng - phụng sự làm phương châm hành động và nguyên tắc ứng xử*”; cụ thể:

- Không gì quan trọng hơn việc bảo đảm *HIỆU QUẢ* trong mọi hành động;
- Không gì đáng quý hơn sự *CÔNG BẰNG* trong mọi ứng xử;
- Không có gì đạo đức hơn *TINH THẦN PHỤNG SỰ* đất nước.

Với quyết tâm và những giải pháp cụ thể, Trường Đại học Tôn Đức Thắng hướng tới đóng góp thiết thực vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với ý thức nhân quyền, phát huy các giá trị nhân văn, quyền con người và nghĩa vụ công dân, hình thành đội ngũ lao động trẻ giàu tri thức, vững vàng về chuyên môn, thẩm nhuần văn hóa pháp luật, có tinh thần sáng tạo và phương pháp làm việc khoa học - những công dân toàn diện, sẵn sàng hội nhập và phụng sự đất nước; từ đó góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

1. Aoife Duffy (2025), “Applying critical pedagogies to human rights education”, *The International Journal of Human Rights*, 29(2): 382-406, <https://doi.org/10.1080/13642987.2024.2411623>
2. Christina Johnsson (2025), “Transformative university human rights education”, *Human Rights Education Review*, 8(1), <https://doi.org/10.1080/25355406.2025.2452124>
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2024, 11 tháng 12), “Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <https://lyluanchinhtri.vn/hoi-nghi-toan-quoc-ve-giao-duc-quyen-con-nguoi->

6610.html.

5. Kristi Heather Kenyon, Saad Ahmad Khan, Fiona Vowell, and Madison Zienkiewicz, Unsettling the Familiar: Experiential Human Rights Learning through Civic Monuments at the University of Winnipeg, *Journal of Human Rights Practice*, 17: 78-97, <https://doi.org/10.1093/jhuman/huae029>.

6. Tường Duy Kiên (2024), “Chuẩn mực quốc tế về quyền con người và giá trị tham chiếu với Việt Nam”, *Xây dựng Đảng*, <https://www xaydungdang.org.vn/nhan-quyen-va-cuoc-song/chuan-muc-quoc-te-ve-quyen-con-nguoi-va-gia-tri-tham-chieu-voi-viet-nam-20508>

7. Lindsey N. Kingston (2014), “The Rise of Human Rights Education: Opportunities, Challenges, and Future Possibilities”, *Societies Without Borders*, 9 (2): 188-210.

8. Nguyễn Thị Nguyên Ngọc (2025), “Giáo dục quyền con người cho thanh niên Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (04).

9. National Council for the Social Studies (2021), *Human Rights Education*, <https://www.socialstudies.org/position-statements/human-rights-education>

10. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

11. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội.

12. Lại Sơn Tùng (2024), “Nghiên cứu, đào tạo quyền con người ở các trường đại học chuyên luật tại Việt Nam hiện nay - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, 43 (12/2024).

13. Đào Thị Tùng (2025), Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (2), <https://khoahocchinhtri.vn/giao-duc-quyen-con-nguoi-o-viet-nam-hien-nay/>

thuvienso.dhcs.vn

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN MỚI - VAI TRÒ ĐA DIỆN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

TS. Lê Minh Chiến

Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt

TS. Vũ Thị Thùy Dung

Trưởng Khoa, Khoa XHH&CTXH

Nguyễn Thị Thục Duyên

Khoa Xã hội học & Công tác xã hội

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong trường đại học đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ và đề cao giá trị con người. Đây không chỉ là nhiệm vụ của các trường luật hay khoa học xã hội mà còn là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống giáo dục đại học.

Việc tích hợp nghiên cứu và giáo dục về nhân quyền trong các trường đại học đã trở thành mối quan tâm của giới nghiên cứu và thực tiễn. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc thúc đẩy kiến thức, thái độ và cam kết hành động với các nguyên tắc về nhân quyền (Stellmacher và cộng sự, 2008). Đồng thời, nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình sự hiểu biết và thái độ của cá nhân đối với nhân quyền, qua đó thúc đẩy một xã hội có ý thức hơn về quyền. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng cơ bản của giáo dục nhân quyền như một phương tiện để tác động đến nhận thức và hành vi.

Trong bối cảnh giáo dục đại học, một số nghiên cứu đã khám phá phạm vi và hiệu quả của giáo dục nhân quyền tại các trường đại học Indonesia, nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp giảng dạy trong việc phát triển kiến thức và sự hiểu biết về nhân quyền của sinh viên (Herawati và cộng sự, 2022). Phát hiện của họ cho thấy mức độ hiệu quả của việc học và giảng dạy khác nhau, cho thấy nhu cầu cải thiện liên tục các phương pháp sư phạm để nâng

cao hiểu biết về nhân quyền trong sinh viên. Tương tự như vậy, (McPherson và cộng sự, 2019) xem xét phạm vi giáo dục nhân quyền trong các chương trình công tác xã hội của Hoa Kỳ, đặc biệt là thông qua các kỳ thực tập, chứng minh rằng môi trường học tập theo trải nghiệm rất quan trọng để củng cố các nguyên tắc nhân quyền trong bối cảnh thực tế. Điều này chỉ ra rằng ngoài hướng dẫn trên lớp, các trải nghiệm thực tế đóng vai trò quan trọng trong việc đưa các giá trị nhân quyền vào các chuyên gia tương lai.

Một số nghiên cứu về ảnh hưởng của toàn cầu hóa và cải cách giáo dục đối với giáo dục đại học. Nghiên cứu mạnh vai trò của giáo dục trong việc thúc đẩy nhận thức về nhân quyền toàn cầu trong bối cảnh quốc tế hóa và cạnh tranh (Zajda, 2018). Nghiên cứu ủng hộ việc tích hợp các khuôn khổ nhân quyền vào cải cách giáo dục để thúc đẩy công lý xã hội và bản sắc dân tộc. Trong bối cảnh khác, các nghiên cứu khám phá các hệ thống kiến thức bản địa và ý nghĩa của chúng đối với nhân quyền trong giáo dục đại học, cho rằng việc kết hợp các quan điểm bản địa có thể làm phong phú thêm diễn ngôn về nhân quyền và thúc đẩy giáo dục có liên quan đến văn hóa (Mubangizi và cộng sự, 2015). Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa giáo dục nhân quyền vào bối cảnh để phản ánh kiến thức và thực tiễn của địa phương. Điều này phù hợp với mục tiêu rộng hơn của giáo dục nhân quyền là thúc đẩy quyền công dân toàn cầu và công bằng xã hội.

Nghiên cứu về giáo dục trị liệu nghề nghiệp của (Crawford và cộng sự, 2016) chứng minh rằng các khóa học về nhân quyền có thể nâng cao kiến thức và sự tự tin của sinh viên, góp phần tạo nên một xã hội công bằng hơn về mặt nghề nghiệp. Điều này chỉ ra rằng việc tích hợp nhân quyền vào giáo dục chuyên nghiệp có thể có ý nghĩa thực tế đối với sự thay đổi xã hội. Cuối cùng, vai trò của các tiêu chuẩn và chứng nhận quốc tế trong việc thúc đẩy tính toàn vẹn học thuật và quyền con người được thảo luận bởi (Mattar, 2021), người lập luận rằng việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng có

thể củng cố các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy có đạo đức, do đó hỗ trợ các mục tiêu rộng hơn của nghiên cứu và giáo dục về quyền con người.

Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh vai trò đa diện của các trường đại học trong việc thúc đẩy nghiên cứu và giáo dục về quyền con người, nhấn mạnh các chiến lược sư phạm, học tập theo kinh nghiệm, tính phù hợp theo bối cảnh xã hội, văn hóa bản địa và cải cách chính trong việc thúc đẩy môi trường học thuật có ý thức về quyền con người.

Nhiều nghiên cứu gần đây ở Việt Nam về quyền con người tập trung vào nền tảng lý thuyết, giáo dục và thực hiện. Họ nhấn mạnh tầm quan trọng của các nghiên cứu về quyền con người tại Việt Nam, nhấn mạnh sự liên quan của chúng đối với phát triển xã hội và nguồn lực quốc gia (Đỗ Thị Kim Định, 2024). Các nghiên cứu xem xét giáo dục quyền con người tại Việt Nam, phân tích các khái niệm, mục đích và chủ đề của giáo dục này đồng thời so sánh với các cách tiếp cận của Liên Hợp quốc và châu Âu (Ngọc Mai Thế, 2013), khám phá tư tưởng của Hồ Chí Minh về quyền con người và các điều kiện để đảm bảo việc thực hiện chúng (Nguyễn Phương Uyên, 2024). Giáo dục quyền con người được coi là thiết yếu, đặc biệt là ở cấp độ đại học, để nâng cao nhận thức và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Các sáng kiến hiện tại nhằm mục đích đưa quyền con người vào các chương trình giáo dục và nâng cao phương pháp giảng dạy (Giao & Dương, 2022).

Vì vậy, việc nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không chỉ đơn thuần là một lĩnh vực học thuật mà còn là một trụ cột cho sự phát triển bền vững của đất nước. Đặc biệt hiện nay, trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình tinh gọn bộ máy, tái cơ cấu lại hệ thống xã hội nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, việc nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong các trường đại học trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo rằng quá trình cải cách không chỉ mang lại hiệu quả về kinh tế, hành chính mà còn củng cố nền tảng quyền con người, hướng tới một xã hội công bằng và bền vững.

Bài viết này thông qua việc (1) tổng quan hệ thống và phân tích trắc lượng thư mục về giáo dục quyền con người trên thế giới trong những thập kỷ gần đây và (2) đánh giá việc thực hiện quyền con người ở trường Đại học Đà Lạt, từ đó gợi mở ra các hàm ý chính sách trong thúc đẩy quyền con người tại trường Đại học Đà Lạt và các đại học có điểm tương đồng.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chính đó là tổng quan tài liệu thứ cấp. Nguồn tài liệu này được đến từ hai nguồn: Nguồn thứ nhất (1) là các tổng quan hệ thống từ cơ sở dữ liệu 870 tài liệu thuộc hệ thống Scopus (từ năm 1983 - 2025) và (2) nguồn dữ liệu thứ 2 được lấy từ trường đại học Đà Lạt về các chỉ số thực hiện trong thúc đẩy quyền con người. Nguồn dữ liệu thứ nhất (1) từ Scopus sẽ được phân tích trắc lượng thư mục để tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến giáo dục quyền con người trên thế giới. Nguồn dữ liệu thứ hai (2) từ trường đại học Đà Lạt được sử dụng nhằm đánh giá thực trạng áp dụng trong nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong môi trường giáo dục đại học.

2.2. Phân tích trắc lượng thư mục

Để tổng quan bức tranh toàn cảnh về quyền con người và giáo dục quyền con người trên thế giới trong những thập niên gần đây. Nguồn dữ liệu được chiết xuất từ hai nguồn: (1) một là nguồn truy cập từ hệ thống Scopus với các tài liệu tiếng Anh được tìm kiếm. Tác giả lấy từ tất cả các năm và các quốc gia cũng như các tác giả từ các tạp chí, sách, báo, hội thảo, sách và chương sách đều đưa vào tìm kiếm (2) Nguồn từ hai, dữ liệu tải về từ Scopus, tác giả đưa vào phần mềm VOSviewer⁴⁰⁵ để cho phép tạo ra các bản đồ mạng với các cụm và mối liên kết rõ ràng các từ khóa được đưa ra. Điều này giúp người dùng nắm bắt được cấu trúc và xu hướng của vấn đề nghiên cứu, mà cụ thể ở đây là về quyền con người và giáo dục quyền con người.

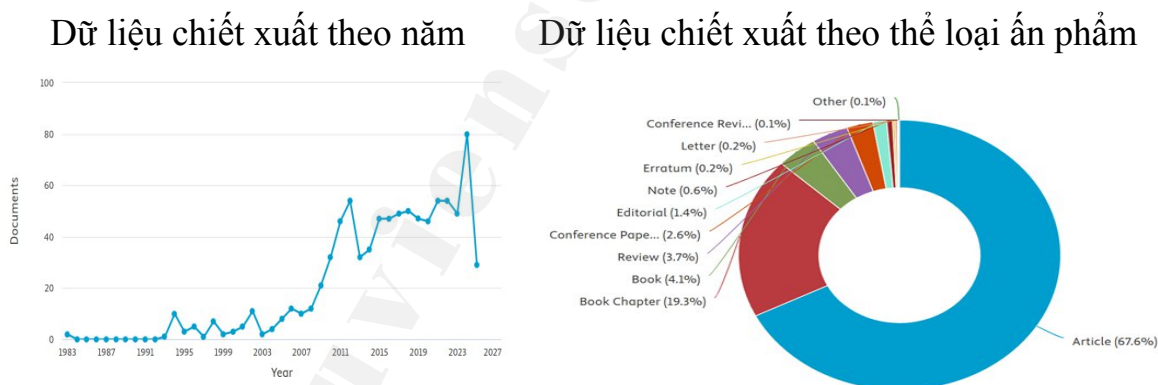
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

⁴⁰⁵ VOSviewer là một công cụ phần mềm mạnh mẽ và hiệu quả trong việc phân tích và trực quan hóa dữ liệu mạng, đặc biệt là trong lĩnh vực trắc lượng thư mục (bibliometrics).

3.1. Phân tích trắc lượng các nghiên cứu trên thế giới về quyền con người và giáo dục quyền con người

Từ cơ sở dữ liệu Scopus, tác giả chiết xuất được 870 tài liệu liên quan đến chủ đề quyền con người và giáo dục quyền con người. Nguồn tài liệu này bao được chiết xuất bao gồm cả năm xuất bản, loại hình ấn phẩm, quốc gia, và lĩnh vực nghiên cứu. Dữ liệu tự động trên hệ thống được chiết xuất không giới hạn thời gian, quốc gia và lĩnh vực nghiên cứu. Số liệu biểu 1 cho thấy, từ năm 1983 đến năm 2007, các nghiên cứu về quyền con người và giáo dục quyền con người rất ít được nghiên cứu. Nhưng từ năm 2007, các nghiên cứu tăng đột biến từ gần 20 tài liệu năm 2007, thì đến 2012, tăng đột biến lên gần 54 tài liệu, và cao điểm là năm 2024 là 84 tài liệu. Trong tổng số 870 ấn phẩm, chiếm đa số đến 67,5% là các tạp chí, 19,3% là chương sách, 2,6% các ấn phẩm từ hội thảo, hội nghị, còn lại rải rác là các loại hình khác (biểu 1).

Biểu 1: Các nghiên cứu về giáo dục quyền con người trên thế giới phân theo năm và loại hình ấn phẩm



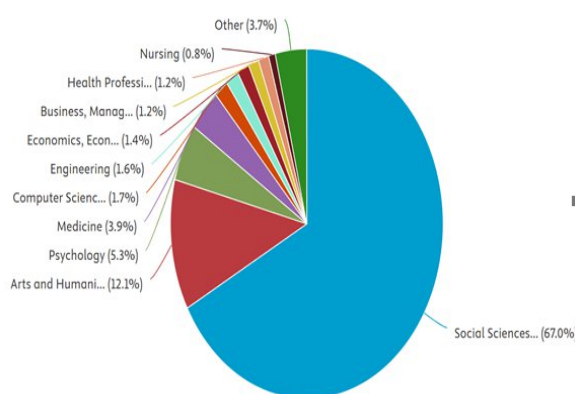
Nguồn: Chiết xuất dữ liệu từ nguồn Scopus, 2025, truy cập ngày 18/6/2025

Tương tự, biểu đồ 2 cũng cho thấy bức tranh toàn cảnh về các nghiên cứu về quyền con người và giáo dục quyền con người theo lĩnh vực và quốc gia. Trong tổng số 870 tài liệu được chiết xuất, thì có đến 67% nguồn tài liệu từ các nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội, 12,1% từ lĩnh vực nghệ thuật và nhân văn, 5,3% các ấn phẩm đến từ lĩnh vực tâm lý học, còn lại rải rác ở nhiều lĩnh vực khác như y học, khoa học máy tính, năng lượng, kinh tế... Khi xét theo góc độ các quốc gia có đóng góp trong lĩnh vực này, Mỹ đang là

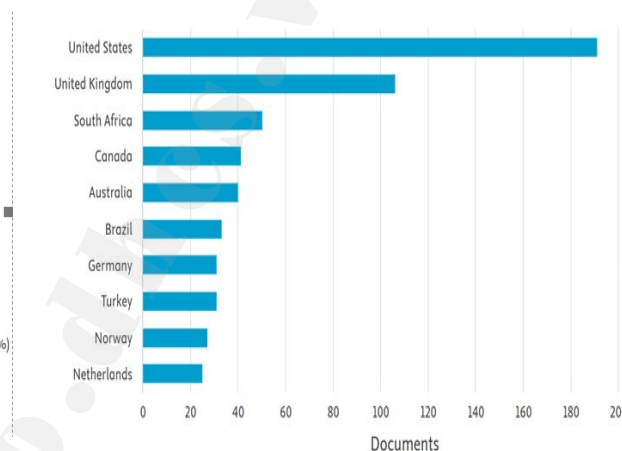
quốc gia dẫn đầu với 191/870 tài liệu, chiếm tỷ lệ 21,9%, tiếp đến là Anh, 106/870 tài liệu (12,1%), xếp thứ ba là các nước Nam Phi, 50/870 tài liệu (5,7%), còn lại rải rác ở các nước như Canada, Australia, Brazil, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Na Uy, Netherlands (biểu 2).

Biểu 2: Các nghiên cứu về quyền con người và giáo dục quyền con người trên thế giới phân theo lĩnh vực và quốc gia

Dữ liệu chiết xuất theo lĩnh vực



Dữ liệu chiết xuất theo quốc gia

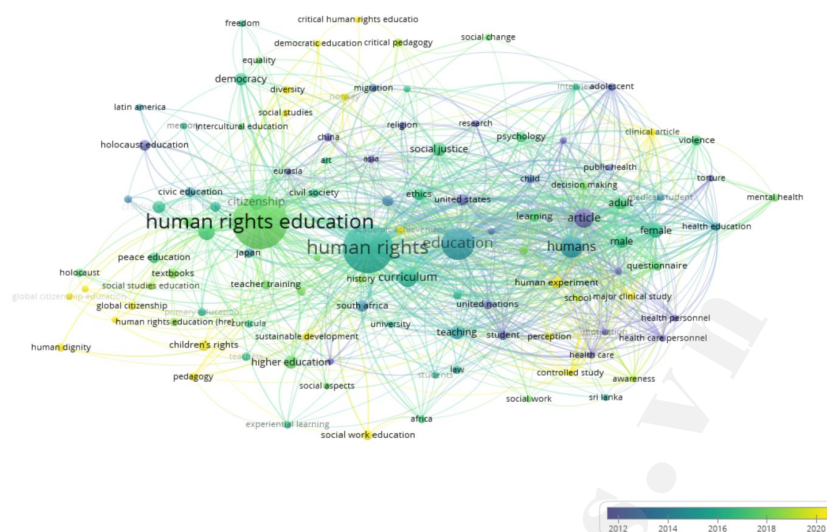


Nguồn: Chiết xuất dữ liệu từ nguồn Scopus, 2025, truy cập ngày 18/6/2025

Nghiên cứu này dùng phần mềm VOSviewer để phân tích trắc lượng thư mục dựa trên nguồn cơ sở dữ liệu từ Scopus, nhằm trực quan hóa mạng lưới các từ khóa liên quan tới chủ đề nghiên cứu về quyền con người và giáo dục quyền con người trên thế giới từ 1983- 2025 (Hình 1).

Hình 1: Các chủ đề về quyền con người và giáo dục quyền con người trên thế giới trong giai đoạn 1983-2025

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC VÀ BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN CON
NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC



Nguồn: Chiết xuất dữ liệu Scopus, 2025, truy cập ngày 18/6/2025

Chủ đề quyền con người và giáo dục quyền con người là chủ đề rất rộng và phức tạp, do vậy, mạng lưới thể hiện các từ khóa liên quan đến chủ đề này cũng phản ánh bản chất của vấn đề. Hình 1 ở trên cho thấy tính đa diện của chủ đề này trên thế giới trong hơn 4 thập kỷ qua (1983-2025). Với tổng 870 tài liệu, kết quả phân tích mạng lưới cho thấy có 109 từ khóa (items) với 7 chùm chủ đề (clusters) của vấn đề nghiên cứu (Bảng 1).

Bảng 1: Các chùm chủ đề liên quan đến quyền con người và giáo dục quyền con người

Chùm chủ đề (Cluster)	Từ khóa (Items)	Nội dung
Chùm chủ đề 1	31	Social aspects (quyền công dân, quyền trẻ em, phát triển bền vững, sự tham gia, hòa bình...)
Chùm chủ đề 2	17	Quyền của người lớn, phụ nữ và nam giới, sinh viên, trường học, công tác xã hội...
Chùm chủ đề 3	16	Bình đẳng, tự do, dân chủ bình đẳng giới, liên văn hóa,
Chùm chủ đề 4	15	Thanh niên, trẻ em, di dân, tôn giáo, tâm lý, các tổ chức phi chính phủ, ...
Chùm chủ đề 5	14	Đạo đức, chăm sóc sức khỏe, sức khỏe tâm thần, động lực, giảng dạy, bạo lực...
Chùm chủ đề 6	9	Phản biện quyền con người, trao quyền, chính sách giáo

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC VÀ BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN CON
NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

		đục, thay đổi xã hội, dân chủ, nghiên cứu xã hội...
Chùm chủ đề 7	8	Học tập, y tế trường học, sức khỏe cộng đồng, bình đẳng xã hội...

Nguồn: tác giả tổng hợp từ nguồn dữ liệu 870 tài liệu Scopus bằng VOSviewer, truy cập ngày 18.6.2025

Chùm chủ đề thứ nhất (Cluster 1) chứa đựng 31 từ khóa (items), liên quan chủ yếu đến các khía cạnh xã hội như quyền công dân, quyền trẻ em, phát triển bền vững, sự tham gia và các vấn đề về hòa bình.

Chùm chủ đề thứ 2 (cluster 2) quan tâm đến quyền của người lớn, của phụ nữ và nam giới, sinh viên, trường học và vấn đề công tác xã hội trong trường học, với 17 từ khóa.

Các vấn đề nghiên cứu về vấn đề tự do, bình đẳng (bao gồm cả bình đẳng giới), dân chủ, liên văn hóa... tập trung ở chùm chủ đề thứ 3 với 16 từ khóa.

Nhóm thứ tư (cluster 4) đề cập đến quyền của trẻ em, thanh niên, các vấn đề tôn giáo, tâm lý, hay di dân cũng được đề cập. Và ở góc độ này, thì vai trò của các tổ chức phi chính phủ được nhắc tới như một chỉ báo quan trọng của chùm vấn đề này.

Chùm chủ đề thứ 5 được đưa ra với 14 từ khóa, bao gồm các vấn đề đạo đức, chăm sóc sức khỏe, sức khỏe tâm thần, động lực, giảng dạy, bạo lực...

Chùm chủ đề thứ 6 với 9 từ khóa liên quan đến các vấn đề về quyền và thực hiện các quyền. Các từ khóa liên quan đến chủ đề này như phân biệt quyền con người, trao quyền, chính sách giáo dục, thay đổi xã hội, dân chủ, nghiên cứu xã hội...

Ở chùm chủ đề cuối cùng, thứ 7, tập trung vào các vấn đề như học tập, y tế trường học, sức khỏe cộng đồng, bình đẳng xã hội... với 8 từ khóa trọng tâm.

Như vậy, qua kết quả phân tích hệ thống và trắc lượng thư mục trên thế giới trong hơn bốn thập kỷ qua cho thấy, vấn đề quyền con người và giáo dục quyền con người tương đối rộng lớn và phức tạp. Cũng từ (hình 1) cho thấy trong những năm gần đây, chủ đề nghiên cứu và giáo dục về quyền con người

trong giáo dục tập trung vào các nội dung như đào tạo giảng viên, phát triển chương trình đào tạo, công tác xã hội trong trường học, quyền dân chủ, quyền công dân, phát triển bền vững, toàn cầu hóa, giáo dục công dân toàn cầu, giáo dục khai phóng, đổi mới sáng tạo... Tất cả những điều này gợi mở ra vai trò đa diện của trường đại học trong việc thúc đẩy quyền con người.

3.2. Vai trò đa diện của trường đại học trong thúc đẩy quyền con người - hàm ý chính sách cho trường đại học Đà Lạt

Hơn 65 năm hình thành và phát triển, Trường đại học Đà Lạt trở thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, đặt nền móng quan trọng cho việc phát triển môi trường giáo dục tiến bộ, bền vững. Triết lý giáo dục của Trường được khái quát qua ba trụ cột: *Thụ nhân - Khai phóng - Bản sắc*. Thụ nhân, có nghĩa là đặt trọng tâm vào việc tăng cường sự thấu hiểu các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm với cộng đồng bên cạnh kiến thức, chuyên môn vững vàng. Khai phóng: nhằm trang bị cho người học không chỉ kiến thức mà còn cả tư duy phản biện, năng lực tự chủ và sáng tạo, thích ứng linh hoạt với sự biến đổi xã hội. Bản sắc: phản ánh và nuôi dưỡng giá trị, bản sắc gắn liền với bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội đặc thù của vùng đất Tây Nguyên. Đây chính là lợi thế so sánh cũng như là nguồn cảm hứng để tạo ra những tri thức và giải pháp độc đáo, có giá trị thực tiễn cao.

Dựa trên triết lý cốt lõi này, trường Đại học Đà Lạt đã vận hành hệ thống, bộ máy đồng bộ, hiệu quả, tạo sự thống nhất từ quan điểm chỉ đạo đến thực thi tại các đơn vị. Những nỗ lực này không chỉ là các hoạt động phát triển giáo dục đơn thuần mà còn là sự thực hành đa diện các nguyên tắc về quyền con người và giáo dục quyền con người trong cơ sở đại học.

3.3. Các chương trình, chính sách đầu tư vào con người, đội ngũ và đảm bảo chất lượng học thuật

Xác định con người là trung tâm, Nhà trường đã tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực, đảm bảo quyền được phát triển cho đội ngũ nhân sự

cũng như quyền được giáo dục có chất lượng của người học. Thực hiện hiệu quả các đề án Chính Phủ, chiến lược quy hoạch nhân sự thu hút các nhà khoa học giỏi và giảng viên trẻ xuất sắc tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn, chương trình nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ học thuật được nâng cao rõ rệt với 1 Giáo sư, 19 Phó Giáo sư, 113 Tiến sĩ, chiếm tỷ lệ trên 42% giảng viên có trình độ tiến sĩ, cao hơn mức trung bình chung cả nước (Trường đại học Đà Lạt, 2025). Thông qua việc thiết lập quan hệ với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trên thế giới cán bộ giảng viên được cử ra nước ngoài trao đổi học thuật tăng cường sự tham gia trong bối cảnh hội nhập.

Việc mở rộng quy mô đào tạo lên 58 ngành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau với 14 chương trình được kiểm định chất lượng (trong đó 9 chương trình đạt chuẩn quốc tế AUN-QA) là cam kết mạnh mẽ cho chất lượng giáo dục của Trường ĐH Đà Lạt góp phần thúc đẩy môi trường giáo dục bình đẳng mang tính liên ngành và xuyên ngành (Trường đại học Đà Lạt, 2025).

3.4. Các chương trình, chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Chiến lược nghiên cứu khoa học được triển khai tập trung, có chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa khoa học với thực tiễn. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường tổ chức 26 hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế cùng 219 tọa đàm và seminar góp phần trao đổi học thuật và nâng cao chất lượng đội ngũ hiện tại. Cán bộ, giảng viên đã thực hiện 499 đề tài dự án KH&CN các cấp. Với 223 đề tài cấp Trường, 38 đề tài cấp Bộ và Tỉnh, 14 đề tài cấp Quốc gia, 14 đề tài hợp tác quốc tế và doanh nghiệp. Công bố khoa học tăng trưởng mạnh với tổng cộng 1214 bài báo khoa học trên các ấn phẩm trong nước và quốc tế (Trường đại học Đà Lạt, 2025).

Nhà trường chủ trương tập trung nguồn lực vào các hướng nghiên cứu mũi nhọn, có khả năng tạo tác động lớn, thay vì dàn trải. Các lĩnh vực ưu tiên

bao gồm công nghệ cao (sinh học, nông nghiệp, AI), khoa học cơ bản, môi trường, và đặc biệt là các nghiên cứu liên ngành về phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Hướng đi này không chỉ phát huy bản sắc mà còn trực tiếp giải quyết các bài toán thực tiễn như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số. Để thực thi, Nhà trường đã đầu tư thành lập 6-8 nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành và xuyên ngành, xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ công bố quốc tế, và lồng ghép nghiên cứu khoa học vào chương trình đào tạo để ươm mầm tài năng trẻ. Song song đó, trung tâm Đổi mới sáng tạo và vườn ươm khởi nghiệp được thành lập để phá vỡ rào cản giữa học thuật và thực tiễn, biến tri thức thành các sản phẩm thương mại hóa và trao quyền kinh tế cho sinh viên.

3.5. Các chương trình, chính sách tăng cường trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng

Công tác phát triển Đảng được chú trọng không chỉ nhằm bồi dưỡng lý tưởng mà còn là một cơ chế để thực hiện quyền được tham gia vào đời sống chính trị - xã hội. Việc 70 đảng viên mới (trong đó có 42 sinh viên) được kết nạp trong nhiệm kỳ qua là minh chứng cho việc Nhà trường tạo điều kiện để các cá nhân thể hiện vai trò và tiếng nói của mình. Cùng với đó, các hoạt động tình nguyện, các dự án cộng đồng do sinh viên thực hiện đã tạo ra những không gian thực tế để các em thực hành quyền tham gia và đóng góp cho xã hội.

Đối với sinh viên, các hoạt động văn hóa, sức khỏe tâm thần ngày càng được chú trọng. Nhà trường ngày càng chú trọng đến việc đảm bảo quyền được chăm sóc sức khỏe cho sinh viên. Tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao, và các diễn đàn đối thoại, thành lập phòng tham vấn tâm lý, tạo ra một môi trường học tập an toàn, lành mạnh và hỗ trợ, nơi mỗi sinh viên được tôn trọng và quan tâm một cách toàn diện.

Ngoài các đề tài, dự án thực hiện trong nghiên cứu khoa học, thì việc triển khai các đề tài, dự án về phát triển bền vững Tây Nguyên, du lịch cộng

đồng, sinh kế dân tộc thiểu số...cũng là cách để nhà trường thực hiện trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng. Không những vậy, nhà trường còn kết nối với các tổ chức trong nước và quốc tế để xin tài trợ và huy động nguồn lực (trong đó có nguồn lực tài chính) để hỗ trợ các địa phương nghèo, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và Lâm Đồng.

3.6. Các chương trình, chính sách về chuyển đổi số và phát triển hạ tầng kỹ thuật làm nền tảng để thúc đẩy quyền con người trong giáo dục đào tạo

Nhận thức công nghệ là đòn bẩy không thể thiếu, Nhà trường đã và đang thực hiện kế hoạch chuyển đổi số toàn diện, từ việc hiện đại hóa hạ tầng, xây dựng trung tâm dữ liệu, đến tích hợp hệ thống quản trị đại học thông minh. Môi trường dạy và học được số hóa mạnh mẽ với thư viện số và ứng dụng e-learning, nhằm tạo ra không gian học tập linh hoạt, không giới hạn. Năng lực số cũng được tích hợp vào chương trình đào tạo như một kỹ năng mềm thiết yếu cho sinh viên. Tất cả các chiến lược này được phát triển dựa trên kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất có trọng điểm, tập trung vào việc hiện đại hóa phòng thí nghiệm, kiến tạo các không gian học thuật mở và sáng tạo như Thư viện thông minh hay Bảo tàng Thiên nhiên, và phát triển một khuôn viên xanh, hài hòa với bản sắc Đà Lạt.

Dựa trên những kết quả đạt được trong thời gian qua, Nhà trường tiếp tục xây dựng khung chỉ tiêu rõ ràng cho giai đoạn đến năm 2030, trong đó lồng ghép các mục tiêu tác động xã hội và quyền con người như sau:

Bảng 2 - Mục tiêu chiến lược của trường Đại học Đà Lạt giai đoạn 2025 - 2030

Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2030	Ý nghĩa trong việc thúc đẩy quyền con người
Phát triển nguồn nhân	Tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ	$\geq 55\%$	Đảm bảo quyền phát triển của giảng viên và quyền được giáo

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC VÀ BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN CON
NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

lực			đục có chất lượng cho sinh viên thông qua đội ngũ trình độ cao.
	Số nhóm nghiên cứu mạnh được công nhận cấp Trường	6 - 8 nhóm	Tạo ra đội ngũ chuyên nghiệp đóng góp tri thức phục vụ cộng đồng.
Nghiên cứu & Công bố	Số bài báo quốc tế (WoS/Scopus) / năm	≥ 150 bài	Thúc đẩy quyền tự do học thuật và hội nhập tri thức toàn cầu.
	Số Bằng sáng chế/Giải pháp hữu ích được cấp	3-5 giải pháp/sáng chế	Biến tri thức thành tài sản, thúc đẩy quyền sở hữu trí tuệ.
Đổi mới sáng tạo & Phục vụ cộng đồng	Doanh thu từ hoạt động KHCN & dịch vụ	$\geq 10\%$ tổng thu	Tăng cường năng lực tự chủ, tạo nguồn lực tái đầu tư cho các hoạt động phục vụ cộng đồng.
	Khởi nghiệp cho sinh viên	3 - 5 startups	Trao quyền kinh tế và quyền tự do sáng tạo cho thế hệ trẻ.
	Số chương trình/đề tài hợp tác với địa phương	≥ 10 chương trình/năm	Hiện thực hóa vai trò tư vấn chính sách, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển của địa phương.
Chuyển đổi số & Hội nhập	Đầu tư thiết bị, phòng lab; phát triển thư viện số, hệ thống dữ liệu	≥ 3 phòng	Tăng cường quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng, không giới hạn.
	Số dự án quốc tế	≥ 5 dự án	Mở rộng cơ hội giao lưu, học hỏi, thực hiện quyền được tham gia vào đời sống văn hóa, khoa học quốc tế.

Nguồn: Trường đại học Đà Lạt, 2025

3.7. Rào cản và thách thức trong thúc đẩy quyền con người trong trường đại học

Mặc dù Nhà trường đã và đang triển khai một loạt các chiến lược toàn diện, song việc hiện thực hóa tầm nhìn về một môi trường học thuật nhân văn,

sáng tạo và tự do vẫn đối mặt với những rào cản, thách thức không nhỏ. Việc nhận diện thẳng thắn các rào cản này chính là bước đi cần thiết để các giải pháp trong giai đoạn tới trở nên hiệu quả và trúng đích.

Thách thức lớn nhất hiện nay chính là cả hệ thống chính trị đang tinh gọn bộ máy, cơ chế sàng lọc, đào thải ngày càng cao trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng mạnh. Thực tế này đòi hỏi nhà quản lý các trường đại học và mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên cần nhận thức rõ và trang bị thêm cho mình về nhận thức, năng lực và tầm nhìn để thích ứng với tình hình, bối cảnh mới.

Mặc dù hiện nay trong xu hướng tự chủ đại học, song tâm lý thụ động trong một bộ phận cán bộ, giảng viên và sinh viên vẫn còn tồn tại tâm lý trông chờ, ỷ lại vào các kế hoạch, chỉ đạo từ Nhà trường thay vì chủ động đề xuất ý tưởng, tự tìm kiếm cơ hội hợp tác, hay dẫn thân vào những hướng nghiên cứu mới, táo bạo. Điều này tạo ra một “sức ỳ” nhất định, làm chậm quá trình chuyển đổi sang một mô hình đại học thực sự sáng tạo và khai phóng, nơi mỗi cá nhân là một chủ thể năng động.

Các chính sách khuyến khích, đãi ngộ dù đã được xây dựng nhưng có thể chưa đủ sức hấp dẫn hoặc chưa đủ linh hoạt để thực sự thúc đẩy sự phát triển vượt bậc. Nguồn tuyển sinh đầu vào của một số ngành khoa học cơ bản thấp, trong khi nhiều ngành thị trường lại cao, dẫn đến việc nhiều giảng viên lại quá tải trong giảng dạy nên chưa dành thời gian thích đáng cho NCKH. Trong khi nhiều giảng viên ít giờ giảng và cũng chưa đầu tư cho nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, cơ chế thúc đẩy cho NCKH chưa thực sự tạo đà và lực đủ lớn để các nhóm nghiên cứu mạnh có những đột phá, đặc biệt là cơ chế tài chính và cơ chế đãi ngộ các đề tài, dự án. Sinh viên chưa có đủ động lực để dẫn thân và phát huy quyền và trách nhiệm của mình. Điều này đến từ việc nhận thức về giáo dục quyền con người còn chưa đồng đều và sâu sắc. Đối với nhiều người, khái niệm “giáo dục quyền con người” vẫn còn khá trừu tượng, thậm chí bị hiểu sai lệch, hoặc chỉ được xem là nhiệm vụ của các

ngành khoa học xã hội. Điều này đặt ra một thách thức lớn không chỉ giải quyết bài toán về chất lượng đội ngũ, chất lượng cán bộ mà còn cần giải quyết bài toán về mặt nhận thức, đòi hỏi một chiến lược truyền thông và giáo dục kiên trì, bài bản.

Việc giải quyết đồng bộ các rào cản, thách thức này sẽ là chìa khóa để các chiến lược của Nhà trường không chỉ được thực thi, mà còn thực sự tạo ra một sự chuyển đổi về chất trong văn hóa và hiệu quả hoạt động.

4. KẾT LUẬN VÀ BÀN LUẬN

Từ phân tích trên cho thấy, việc nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới ngày càng trở nên quan trọng và bức thiết, ở tất cả các mặt trận từ trung ương đến địa phương. Các trường đại học đóng một vai trò đa diện và trọng yếu trong việc thúc đẩy quyền con người. Đây không chỉ là nơi truyền tải kiến thức mà còn là môi trường ươm mầm tư duy phản biện, khuyến khích sự tham gia của công dân và định hình các giá trị đạo đức trong xã hội. Trường đại học là nơi đào tạo ra đội ngũ cán bộ, chuyên gia có kiến thức sâu rộng về quyền con người, phục vụ cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Các trường đại học cần là nơi khởi xướng và triển khai các công trình nghiên cứu chuyên sâu về quyền con người, góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, chính sách. Ngoài việc giáo dục chính thức, trường đại học có vai trò quan trọng trong việc phổ biến kiến thức về quyền con người cho cộng đồng thông qua các hoạt động tư vấn pháp lý, truyền thông, hội thảo công khai, và xuất bản tài liệu. Trường đại học là cầu nối quan trọng trong việc thúc đẩy đối thoại, trao đổi học thuật và hợp tác quốc tế về quyền con người, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Với vai trò là trung tâm tri thức độc lập, các trường đại học có thể đóng góp vào quá trình giám sát và phản biện xã hội đối với các chính sách, hành vi liên quan đến quyền con

người, góp phần xây dựng một xã hội công bằng và dân chủ hơn.

Để thực hiện hiệu quả những vai trò này, các trường đại học Việt Nam cần tiếp tục nhận được sự quan tâm, đầu tư từ Nhà nước, đồng thời chủ động hơn trong việc xây dựng chiến lược, chương trình hành động cụ thể, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

1. Cave, P (2009), “Challenges to Japanese Education: Economics, Reform, and Human Rights (review)”, *The Journal of Japanese Studies*.
2. Crawford, E., Aplin, T., & Rodger, S (2016), “Human Rights In Occupational Therapy Education: A Step Towards A More Occupationally Just Global Society”, *Australian Occupational Therapy Journal*.
3. Đỗ Thị Kim Định (2024), “Thực trạng nghiên cứu về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (117).
4. Duong, Q. H (2017), “The Promotion and Protection Human Rights under Vietnam’s Civil Law”, *Journal of Politics and Law*, 10(3), 182, <https://doi.org/10.5539/jpl.v10n3p182>
5. Hầu A Lệnh (2024), “Bảo đảm quyền con người trong xây dựng, hoàn thiện và thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030”, *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, (4).
6. Herawati, A. V., & Ermakov, D (2022), “Human Rights Education in Indonesian Higher Education Institutions: Opinions of Students and Teachers”, *Jurnal Cakrawala Pendidikan*.
7. Mattar, M. Y (2021), Combating Academic Corruption and Enhancing Academic Integrity Through International Accreditation Standards: The Model of Qatar University. *Journal of Academic Ethics*.

8. McPherson, J., & Libal, K (2019), “Human Rights Education in US Social Work: Is The Mandate Reaching The Field?”, *Journal of Human Rights*.
9. Meghdadi, M. M., & Erfani Nasab, A (2011), “The Role of Legal Clinics of Law Schools in Human Rights Education: Mofid University Legal Clinic Experience”, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*.
10. Mubangizi, J. C., & Kaya, H. O (2015), “African Indigenous Knowledge Systems and Human Rights: Implications for Higher Education, Based on The South African Experience”, *International Journal of African Renaissance Studies*.
11. Thế Ngọc Mai (2014), *Quyền con người và giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay*, Trường đại học Luật, Hà Nội.
12. Ngôn Chu Hoàng (2024), “Pháp luật về quyền con người đối với nước tại Việt Nam, những tồn tại và định hướng căn bản”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (117).
13. Nguyễn Phương Uyên (2024), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người và điều kiện bảo đảm thực hiện quyền con người”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (342), tr.8-12.
14. Stellmacher, J., & Sommer, G (2008), *Human Rights Education*, Social Psychology.
15. Vu, Giao Cong & Tran, Kien (2016), “Constitutional Debate and Development on Human Rights in Vietnam”, *Asian Journal of Comparative Law*, 11, 235-262, <https://doi.org/10.1017/asjcl.2016.27>
16. Zajda, J (2018), “Globalisation and Education Reforms: Paradigms and Ideologies”, *Globalisation and Education Reforms*, <https://doi.org/10.1007/978-94-024-1204-8>
17. Trường Đại học Đà Lạt (2025), *Dự thảo Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW tại Trường Đại học Đà Lạt (giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn*

2045), Lâm Đồng.

thuvienso.dhcs.vn

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI
TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

PGS, TS. Lê Mạnh Hùng

Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn

1. KHÁI QUÁT LÝ LUẬN VỀ NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC
QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA
DÂN TỘC VIỆT NAM

Trong xã hội hiện đại, quyền con người (QCN) với điểm xuất phát là những quyền, những giá trị mang tính tự nhiên, vốn có, cần thiết, căn bản (gồm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa)⁴⁰⁶ của con người... đã được tôn trọng, bảo đảm thực hiện phổ quát trên toàn thế giới, trở thành những tiêu chuẩn không thể thiếu trong các đàm phán, thương lượng của nhiều tổ chức và liên kết quốc tế, hướng tới xây đắp xã hội nhân văn, phát triển bền vững. Nhận thức chung của nhiều học giả và những nhà hoạt động thực tiễn đều cho rằng hành trình nhận thức, tôn trọng, thúc đẩy và bảo đảm các QCN gắn liền với hành trình đấu tranh vì tự do, bình đẳng ... và phát triển của loài người. Vậy nên ở mỗi quốc gia, mức độ nhận thức, tôn trọng, bảo đảm QCN được xác định chính là mức độ phát triển, văn minh, thành tựu của quốc gia; tôn trọng, bảo đảm QCN đã trở thành mục tiêu phát triển và niềm tự hào trong các lĩnh vực xã hội cụ thể và toàn quốc gia.

Nhìn từ góc độ lịch sử, đến tận năm 1948, loài người mới chính thức đạt thành tựu quan trọng về tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ QCN, thể hiện ở Tuyên ngôn thế giới về QCN năm 1948, tiếp theo đó, năm 1966, Liên Hợp quốc đã thông qua 2 công ước quan trọng, cụ thể hơn về nhận thức cùng các

⁴⁰⁶ Tuyên ngôn thế giới về QCN năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966;

yêu cầu tôn trọng, bảo đảm QCN, là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966. Trong các thập niên từ 1960 đến 2000, Liên Hợp quốc tiếp tục thông qua các công ước và văn kiện mang tính chuyên sâu hơn về QCN, đó là Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử năm 1965, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979, Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984, Công ước về quyền trẻ em năm 1989, Công ước về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ năm 1990, Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích năm 2006, Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2007...

Xong thực tiễn cho thấy những hiểu biết về QCN ở nhiều nơi trên thế giới còn rất hạn chế, dẫn đến việc hiện thực hóa các QCN trong đời sống chưa hiệu quả, những vi phạm QCN còn xảy ra ở nhiều nơi với nhiều hình thức, mức độ và nguyên nhân khác nhau. Điều này dẫn đến nhu cầu, đòi hỏi nghiên cứu và giáo dục để thúc đẩy, bảo đảm, bảo vệ QCN cần được thực hiện. Những năm 1990 của thế kỷ XX, Liên Hợp quốc đã đề ra chương trình hành động giáo dục, nâng cao nhận thức QCN, cụ thể là Hội nghị nhân quyền thế giới năm 1993 đã đưa ra Tuyên bố Viên về Chương trình Hành động, khẳng định: *Các quốc gia có nghĩa vụ pháp lý trong việc giáo dục nhân quyền; đồng thời nên đưa vào các chính sách giáo dục ở cấp độ quốc gia*. Tiếp nối là Chương trình Thập kỷ giáo dục QCN (từ năm 1995 - 2004) và tiếp tục thực hiện ba giai đoạn bổ sung cho Chương trình là: Giai đoạn 1 từ năm 2005-2009, tập trung giáo dục cấp tiểu học và trung học với mục tiêu là tiếp cận giáo dục dựa trên quyền; giai đoạn 2 từ năm 2010-2014, tập trung giáo dục cho cấp đại học, đội ngũ giảng viên, cán bộ thực thi pháp luật, sỹ quan và quân nhân; giai đoạn 3 từ năm 2015-2019, củng cố cho 2 giai đoạn trước và thúc đẩy đào tạo giới truyền thông, báo chí⁴⁰⁷.

⁴⁰⁷ PGS, TS. Tường Duy Kiên (2018), “Giáo dục QCN theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam”, [http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/2471-giao-duc-quyen-con-](http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/2471-giao-duc-quyen-con)

Về khái niệm giáo dục QCN, trên cơ sở các văn kiện của Liên Hợp quốc, tập trung nhất vào Tuyên bố Viên và Chương trình hành động về QCN năm 1993, *giáo dục QCN là những hoạt động giảng dạy, tập huấn và phổ biến thông tin về QCN, nhằm xây dựng một nền văn hóa nhân quyền trong đó hướng tới: (i) Tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người; (ii) Phát triển đầy đủ nhân phẩm và ý thức về nhân phẩm của con người; (iii) Thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các quốc gia, các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; (iv) Tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia một cách hiệu quả vào các hoạt động của xã hội; (v) Hỗ trợ các hoạt động của Liên Hợp quốc về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế*⁴⁰⁸. Như vậy, giáo dục QCN được thực hiện bằng nhiều hình thức, cấp độ, phương pháp. Từ giảng dạy, tập huấn đến thông tin về QCN, giúp người học tiếp cận, có kiến thức, kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng, truyền bá, phổ biến tri thức, giá trị QCN trong hoạt động nghề nghiệp chuyên môn. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, đối tượng mà việc giáo dục QCN ở các bậc đào tạo có thể được thực hiện một cách trực tiếp, trực diện hoặc gián tiếp, lồng ghép... với nhiều phạm vi khác nhau.

Tại Việt Nam, từ khoảng những năm 1990, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quan tâm nghiên cứu, tôn trọng, bảo đảm QCN. Đảng ta đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết về QCN; Nhà nước ban hành hệ thống pháp luật và tiếp tục nghiên cứu để tham gia các điều ước quốc tế về QCN, hướng tới bảo đảm QCN, thực hiện nghĩa vụ quốc gia về giáo dục QCN. Năm 2017, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017, phê duyệt Đề án đưa nội dung QCN vào hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện mục tiêu “*tuyên truyền, phổ biến, giáo dục QCN nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận*

nguoi-theo-chu-truong-dinh-huong-cua-dang-va-nha-nuoc-viet-nam.html.

⁴⁰⁸ Điều 26, Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948; Điều 13, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa; Điều 28 Công ước về quyền trẻ em; Các đoạn 78-82 Tuyên bố Viên và Chương trình hành động về QCN năm 1993

thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước”. Nhằm thúc đẩy mạnh mẽ và tăng cường hiệu quả, hiệu lực hơn nữa Đề án, ngày 21/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án trong giai đoạn 2017-2021, đồng thời đề ra phương hướng thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc thực hiện Đề án trong hệ thống giáo dục quốc dân. Kết quả là sau khi tham dự Hội nghị toàn quốc về giáo dục QCN do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức ngày 11/12/2024, Thủ tướng Chính Phủ Phạm Minh Chính đã kết luận chỉ đạo 3 vấn đề, khái quát là⁴⁰⁹:

(1) Bảo vệ, giáo dục QCN là một trong những nội dung cốt lõi, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta, là vấn đề mang tính toàn dân, toàn diện của đất nước và toàn cầu...;

(2) Trong thời gian qua, bảo đảm và giáo dục QCN đã đạt nhiều kết quả, nhiều giá trị ở nhiều phương diện cả về vật chất và tinh thần, tiến bộ, công bằng, an sinh xã hội không ngừng được nâng lên;

(3) *Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, chúng ta phát huy kết quả đã đạt được, thực hiện tốt hơn nữa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN và giáo dục QCN; tiếp tục thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm, bảo vệ QCN và giáo dục QCN.* Thủ tướng có kèm theo một số lưu ý trọng tâm, trong đó có nội dung về giáo dục QCN là: Các cơ sở giáo dục, đào tạo tập trung rà soát, phân đấu cao nhất hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án đưa nội dung QCN vào hệ thống giáo dục quốc

⁴⁰⁹ Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo số 01/TB-VPCP, ngày 01/01/2025 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người, Hà Nội.*

dân, Bộ Giáo dục chủ trì, phối hợp với các cơ quan xác định giáo dục QCN là chương trình chính thức, môn học QCN là môn học độc lập, biên soạn tài liệu là giáo trình, sách tham khảo phù hợp với từng nhóm người học, xây dựng Đề án về giáo dục QCN trong giai đoạn tiếp theo; làm cơ sở cho đấu tranh chống các luận điệu sai trái, thù địch về QCN; tiếp tục nghiên cứu, phát triển tư duy, nhận thức mới về QCN xã hội chủ nghĩa... Những kết luận chỉ đạo như trên của Thủ tướng được đưa ra trên cơ sở thành tựu về nghiên cứu giáo dục QCN trong thời gian vừa qua, đồng thời cũng dựa trên nền tảng quan điểm, tư tưởng xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta từ quá khứ cho đến hiện tại về phát triển con người, bảo đảm QCN để phát triển. Điều này tiếp tục được khẳng định trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, như Tổng bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo: Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, trong đó con người và QCN tiếp tục đóng vai trò tiên quyết; đòi hỏi QCN, quyền công dân phải bảo đảm, bảo vệ hiệu quả, cần tháo gỡ điểm nghẽn cản trở thực hiện QCN, quyền công dân và phát triển kinh tế-xã hội⁴¹⁰.

Thực hiện chủ trương và chỉ đạo nêu trên, gần đây nhất, ngày 14/3/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã bước đầu ban hành Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT về *Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học* để các cơ sở đào tạo đại học phải thực hiện cập nhật chương trình đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo vào 6/2026, theo đó, một trong những yêu cầu của chuẩn đầu ra (của chương trình đào tạo ngành luật) đối với người học sau tốt nghiệp là phải có kiến thức về QCN và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn đời sống để bảo đảm QCN.

Như vậy, nghiên cứu, giáo dục QCN đã trở thành hành động của toàn thể giới, được Đảng, Nhà nước Việt Nam xem là một phương thức để thúc đẩy, bảo đảm, bảo vệ QCN, phát triển toàn diện con người; cũng là để hội

⁴¹⁰Thu Trang (2024), “Quyền con người trong kỷ nguyên mới”, <https://baoquocte.vn/quyen-con-nguoi-trong-ky-nguyen-moi-296223.html>

nhập và bảo đảm cho phát triển bền vững đất nước. Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, nghiên cứu, giáo dục QCN tiếp tục được xem là một trong những nội dung cốt lõi, cần được tiếp tục thúc đẩy thực hiện bằng nhiều hình thức, nhiều cấp độ, phạm vi khác nhau và mang tính thường xuyên, thường trực, có tính kế thừa nhưng đồng thời cũng cần tiếp tục phát triển tư duy, nhận thức mới về QCN xã hội chủ nghĩa.

2. THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU, GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP THEO

2.1. Thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy quyền con người ở Trường Đại học Công đoàn

Trường Đại học Công đoàn là cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực; các lĩnh vực giáo dục của Nhà trường gồm cả các nhóm chuyên ngành kinh tế, xã hội và kỹ thuật; gồm cả bậc giáo đại học, sau đại học, bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn cho nhiều đối tượng có nhu cầu trong phạm vi cả nước. Đến nay, Trường đã có truyền thống 79 năm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội và cho tổ chức Công đoàn; hầu hết các chương trình đào tạo từ bậc đại học, cao học và tiến sĩ của Nhà trường đã được kiểm định đạt chất lượng theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định.

Trong quá trình đào tạo đó, từ năm 2017, khi đổi mới hình thức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên năm thứ 4 ra trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (theo đó có 30% số lượng sinh viên của Trường sẽ thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp, còn lại 70% sinh viên sẽ thực tập, học và thi các phần thay thế cho 1 phần thời gian thực tập để tốt nghiệp để ra trường; yêu cầu của học phần thay thế phải có tính mới, tính thời sự, đồng thời là nội dung được thể hiện rõ ràng trong quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng và quy định pháp luật của Nhà nước). Nhà trường đã tiếp cận và nghiên cứu, có nhận thức tốt về các giá trị

của QCN, thấy rõ sự cần thiết phải tiếp cận, truyền tải giá trị đương đại, quý báu của QCN vào hoạt động đào tạo của Nhà trường. Vậy nên, trong chương trình đào tạo bậc đại học của ngành Luật, năm 2017, học phần thay thế tốt nghiệp cho sinh viên năm thứ 4 đã được lựa chọn là học phần Pháp luật về QCN. Học phần được Khoa Luật xây dựng trên nền tảng tiếp cận nghiên cứu quan điểm của Đảng và Nhà nước về tôn trọng, bảo đảm QCN; nghiên cứu và kế thừa thành quả nghiên cứu, các tài liệu giảng dạy về Lý luận và pháp luật về QCN ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ở Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, ở Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam...

Đến năm học 2021-2022, trên cơ sở tiếp tục nghiên cứu đối sánh các chương trình đào tạo ở trong nước và quốc tế, nhằm đổi mới chương trình đào tạo định kỳ theo quy định, học phần Pháp luật về QCN tiếp tục được giảng viên và lãnh đạo Nhà trường thừa nhận về sự cần thiết phải nghiên cứu và giáo dục cho người học, đồng thời Nhà trường cũng đã thận trọng nghiên cứu và đổi tên thành học phần Lý luận và pháp luật về QCN, trở thành học phần bắt buộc giảng dạy cho người học của 3 chương trình đào tạo là ngành Luật, ngành Công tác xã hội, ngành Xã hội học. Mỗi năm ở Trường Đại học Công đoàn có hàng nghìn sinh viên và người học các bậc, hệ của Nhà trường đã được học tập, tiếp cận nghiên cứu, ứng dụng các kiến thức và giá trị về QCN, bảo đảm QCN.

Đồng thời với hoạt động nêu trên, trong quá trình xây dựng và thực hiện mục tiêu, chiến lược, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, tầm nhìn của mình, Nhà trường đã luôn ý thức rõ về tiếp cận các giá trị QCN, định hướng nghiên cứu, hướng tới thúc đẩy thực hiện QCN, tôn trọng các giá trị QCN trong điều kiện, bối cảnh và tình hình mới của đất nước, có tương thích nhất định với mục tiêu giáo dục QCN nói chung. Nhà trường cũng thường xuyên cử giảng viên, chuyên viên tích cực tham gia các hội thảo, hội nghị, tập huấn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Đại học quốc gia, Viện Hàn lâm khoa

học xã hội Việt Nam và nhiều cơ sở nghiên cứu, giáo dục khác; của các cơ quan nhà nước và cấp trên. Các giảng viên cũng đã căn bản có ý thức vận dụng, ứng dụng, lồng ghép các giá trị QCN trong giảng dạy, nghiên cứu và viết bài tham luận, tạp chí ở nhiều Hội thảo, tọa đàm của Nhà trường, của các đơn vị khác, của cấp trên và các tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế. Giảng viên của Nhà trường đã nghiên cứu và xuất bản 2 cuốn sách chuyên khảo trực diện về vấn đề bảo đảm QCN, lồng ghép nghiên cứu vào nhiều giáo trình, sách chuyên khảo khác, vào nhiều đề tài nghiên cứu ở cả cấp cơ sở và cấp bộ... Năm học 2024-2025, Nhà trường đã giao nhiệm vụ viết giáo trình học phần Lý luận và pháp luật về QCN với định hướng bảo đảm phản ánh đủ các kiến thức lý luận và thực tiễn pháp luật về QCN, theo những chuẩn mực quốc tế, đã được Đảng và Nhà nước ta nghiên cứu thừa nhận, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, đồng thời bảo đảm phù hợp với đặc thù giáo dục đào tạo của Nhà trường và nhu cầu, xu hướng phát triển của xã hội; góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống những luận điệu sai trái, lệch lạc, thù địch về QCN cho các thế hệ người học...

Thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy nêu trên đã góp phần quan trọng trong thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của Nhà trường, thực hiện tốt mục tiêu, sứ mệnh, giá trị cốt lõi... (đã nêu trên) của Nhà trường. Là một cơ sở để đánh giá nhiều mặt hoạt động và phát triển của Nhà trường trước cơ quan quản lý cấp trên và xã hội. Tuy nhiên, trong tình hình mới và kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc, Nhà trường cũng nhận thấy cần tiếp tục có những nghiên cứu, tư duy vừa theo chiều sâu và mở rộng hơn về vấn đề nghiên cứu, giảng dạy QCN trong môi trường đào tạo đa ngành, nhiều bậc, hệ đào tạo của Nhà trường, cũng là đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học trước kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

2.2. Một số định hướng nghiên cứu, giảng dạy quyền con người ở Trường Đại học Công đoàn trong kỷ nguyên phát triển mới

Trên cơ sở nhưng phân tích lý luận và thực tiễn về nghiên cứu, giáo dục QCN ở Trường Đại học Công trong thời gian vừa qua, bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, Trường Đại học Công đoàn có một số định hướng trong nghiên cứu và giảng dạy QCN như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, rà soát và cân nhắc việc giảng dạy trực diện, lồng ghép việc nghiên cứu, giảng dạy về QCN ở tất cả các chương trình đào tạo của toàn Trường (bao gồm cả các chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật và nhiều chuyên ngành mới tuyển sinh đào tạo), bảo đảm chuẩn đầu ra của người học có kiến thức, có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong ứng dụng, ứng xử các giá trị QCN. Bởi vấn đề tôn trọng và bảo đảm QCN luôn thiết thực và thường trực cần được thực hiện ở các lĩnh vực của đời sống xã hội, nó không chỉ dừng lại ở các lĩnh vực đào tạo thuộc nhóm chuyên ngành xã hội, đồng thời cũng là vấn đề lớn, mang tính cốt lõi phổ quát cho mỗi cá nhân, tổ chức sống, làm việc, ứng xử trong môi trường Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Vậy nên quá trình cập nhật, đổi mới các chương trình đào tạo, Nhà trường sẽ tiếp tục phát huy các thành tựu về nghiên cứu, giảng dạy QCN đã triển khai mạnh mẽ, hiệu quả ở 3 ngành (ngành Luật, ngành Xã hội học, ngành Công tác xã hội) cần được sâu sắc hơn nữa trong các ngành đào tạo thuộc các nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật.

Thứ hai, không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức khoa học lý luận và thực tiễn về QCN cho giảng viên, các viên chức khác và người lao động gắn với kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Điều này bảo đảm cho việc nghiên cứu, giảng dạy QCN cho người học luôn bảo đảm đúng, đủ, không bị thiếu, bị sai lệch về bản chất, giá trị quý báu của QCN mà nhân loại, Đảng và Nhà nước, dân tộc Việt Nam đã dày công tìm tòi, hun đúc. Bảo đảm cho người học có ứng dụng và ứng xử về tôn trọng và bảo đảm QCN đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới; đồng thời phòng

ngừa, loại bỏ những nhận thức sai lệch, dẫn đến ứng xử sai lệch, đáng tiếc trong thực tiễn đời sống về tôn trọng và bảo đảm QCN.

Thứ ba, chú trọng sâu vào nghiên cứu và giảng dạy đầy đủ, chính xác về vấn đề giới hạn và hạn chế quyền. Thực tiễn cho thấy những vi phạm pháp luật và các chuẩn mực xã hội khác; hoặc một số mâu thuẫn, bất đồng không mong muốn, đáng tiếc trong công tác là do sự thiếu hiểu biết về quyền của bản thân và những chủ thể tương tác khác; hoặc có hiểu biết nhưng mức độ hiểu biết không đầy đủ, thiếu chính xác về quyền và giới hạn quyền của mỗi chủ thể, dẫn đến việc xâm phạm quyền, vượt quyền, tiếm quyền, lạm quyền hoặc đưa ra những đòi hỏi, yêu sách vượt quá giới hạn và sự hạn chế của quyền. Vậy nên đây là một định hướng nghiên cứu, giảng dạy về QCN cần được chú trọng hơn nữa trong thời gian tới.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng sâu sắc hơn nữa các giá trị, chuẩn mực về QCN trong các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tiễn của người học; trong các hoạt động quản lý điều hành của Nhà trường, góp phần xây dựng văn hoá tôn trọng QCN trong môi trường giáo dục của Nhà trường và môi trường công tác sau khi tốt nghiệp của người học. Bảo đảm cho việc nghiên cứu và giảng dạy QCN luôn gắn với tính ứng dụng, tính hiệu quả, góp phần phát triển xã hội kỷ nguyên mới.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh các nghiên cứu về QCN thông qua nhiều hình thức, nhiều cấp độ và phạm vi. Đó là những hoạt động nghiên cứu độc lập hoặc liên kết giữa các đơn vị của Nhà trường và những hợp tác nghiên cứu ngoài phạm vi Nhà trường qua việc hợp tác, liên kết tổ chức hội thảo, tọa đàm, viết sách, viết giáo trình, đề tài các cấp; tiếp tục phát huy việc tham gia các hoạt động hợp tác nghiên cứu với các đơn vị khác, nhất là với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, nơi có bề dày và uy tín, độ tin cậy cao trong nghiên cứu và giảng dạy về QCN, từ đó luôn bảo đảm tính mới, tính thời sự, thời đại của các nghiên cứu về QCN.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu, giảng dạy QCN ở Việt Nam là vấn đề vẫn mang tính thời đại, hội nhập, thiết thực và thường xuyên đối với mọi hoạt động của xã hội văn minh và nhu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Đây là một chủ chương đã được Đảng, Nhà nước dày công nghiên cứu từ khoảng 35 năm trước và chính thức ứng dụng từng bước trong đời sống xã hội, ghi nhận trong các chính sách, quy định pháp luật đã gần 25 năm qua. Xong hành trình đó vẫn chưa phải đã dài và đủ cho việc tôn trọng và bảo đảm QCN thực sự được hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam. Những nỗ lực trong nghiên cứu và giảng dạy QCN của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong giai đoạn, trong có có Trường Đại học Công đoàn là quan trọng và cần thiết. Song việc nghiên cứu và giảng dạy đó cũng đòi hỏi phải có tính kế thừa, tiếp tục phát triển cả chiều rộng và chiều sâu của vấn đề, đồng thời đòi hỏi phải bảo đảm phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước và thực tiễn xã hội Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Quyết định số 678/QĐ-BGDDT ngày 14/3/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học*, Hà Nội.
2. PGS.TS Tường Duy Kiên (2018), “Giáo dục quyền con người theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam”, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/2471-giao-duc-quyen-con-nguoi-theo-chu-truong-dinh-huong-cua-dang-va-nha-nuoc-viet-nam.html>
3. Liên Hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền 1948*.
4. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966*.
5. Liên Hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966*.

6. Liên Hợp quốc (1993), *Tuyên bố Viên và Chương trình hành động về quyền con người năm 1993*
7. Lại Xuân Môn (2025), “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, <https://danchuphapluat.vn/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-54.html>.
8. Thu Trang (2024), “Quyền con người trong kỷ nguyên mới”, <https://baoquocte.vn/quyen-con-nguoi-trong-ky-nguyen-moi-296223.html>.
9. Văn phòng Chính phủ (2025), *Thông báo số 01/TB-VPCP, ngày 01/01/2025 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người*, Hà Nội.
10. VCG&LKT (2008), “Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu hội thảo Kết nối nghiên cứu về quyền con người*.

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI GẮN VỚI GIÁO DỤC LIÊM CHÍNH TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

PGS.TS.Trương Thị Hồng Hà

Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu tổng hợp

Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học, Ban Nội chính Trung ương

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý đại biểu,

Trong bối cảnh đất nước ta đang bước vào một *kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc Việt Nam*- hội nhập sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ, chuyển mình trong cách mạng công nghiệp 4.0 và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - thì yêu cầu về xây dựng một nền quản trị minh bạch, liêm chính, phòng chống tham nhũng trở thành nhiệm vụ sống còn. Trong đó, **giáo dục quyền con người và giáo dục liêm chính** chính là hai trụ cột căn bản, bền vững và chiến lược. Bài viết tập trung phân tích vai trò của giáo dục quyền con người gắn với giáo dục liêm chính trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và giải pháp kiên trì xây dựng văn hoá liêm chính, xây dựng xã hội liêm chính và quốc gia liêm chính làm động lực đạo đức và giải pháp căn cơ để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

1. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC LIÊM CHÍNH TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1.1. Giáo dục quyền con người - nền tảng xây dựng văn hóa nhân quyền và phòng chống tham nhũng

Chúng ta đang chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ về mô hình phát triển - từ tăng trưởng theo chiều rộng sang phát triển bền vững, lấy **con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực** của mọi chính sách. Trong mô

hình đó, **quyền con người không chỉ là giá trị cốt lõi của Hiến pháp và pháp luật**, mà còn là nền tảng cho quản trị công hiện đại và phòng chống tham nhũng hiệu quả. Song song, tham nhũng không còn là một hiện tượng cá biệt mà đã và đang **đe dọa nền tảng đạo đức, niềm tin xã hội và sự công bằng trong phát triển**. Phòng, chống tham nhũng không chỉ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị mà còn là nghĩa vụ đạo đức và pháp lý của mỗi công dân, trong đó giáo dục giữ vai trò tiên phong.

Giáo dục quyền con người có vai trò hết sức quan trọng. Giáo dục quyền con người không chỉ giúp mỗi cá nhân hiểu biết pháp luật mà còn hình thành văn hóa hành xử có trách nhiệm, đặc biệt trong môi trường công vụ. Theo Tổ chức Hội đồng châu Âu (Council of Europe), “mục tiêu của giáo dục nhân quyền là hình thành một văn hóa nhân quyền, nơi quyền của mọi người được tôn trọng và trở thành một phần trong đời sống thường nhật - giúp con người hiểu nhiệm vụ của mình, nhận diện vi phạm, và hành động bảo vệ người khác”⁴¹¹. Bên cạnh đó, UNESCO và Liên Hợp quốc chú trọng rằng “Giáo dục nhân quyền không chỉ là truyền đạt kiến thức, mà còn nhằm phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ, để mọi người có thể sống và hành động vì quyền con người - “learned, lived and ‘acted’ for”⁴¹². Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC, 2003) đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giáo dục và tuyên truyền trong nâng cao ý thức xã hội đối với liêm chính, thông qua việc “thúc đẩy các chương trình giáo dục, đào tạo nhằm khơi dậy tinh thần không khoan nhượng với tham nhũng, tăng cường sự tham gia tích cực của công dân và tổ chức xã hội vào hoạt động giám sát công vụ”⁴¹³. Hội nghị thế giới lần thứ nhất về Quyền con người (Vienna, 1993) coi giáo dục nhân quyền là thiết yếu để xây dựng quan hệ ổn định, thấu hiểu và hòa bình

⁴¹¹Theo Council of Europe, trong tài liệu “*Introducing Human Rights Education*” thuộc cẩm nang Compass: Manual for Human Rights Education with Young People:

⁴¹²Chương trình Thập kỷ Giáo dục Nhân quyền (UN, 1995-2004) và Tuyên ngôn Liên Hợp quốc về Giáo dục và Đào tạo nhân quyền (2011), https://hrea.org/hre-guide/about-hre/?utm_source=chatgpt.com.

⁴¹³United Nations, *United Nations Convention against Corruption* (UNCAC), adopted by General Assembly resolution 58/4 of 31 October 2003, Article 13.

giữa các cộng đồng. Nội dung này hoàn toàn phù hợp với định hướng của Đảng ta trong Văn kiện Đại hội XIII: “Quyền con người, quyền công dân được tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm... gắn với trách nhiệm thực hiện và chấp hành pháp luật, gắn với nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁴¹⁴. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tự do không phải muốn làm gì thì làm mà là làm những gì có lợi cho dân, nước”⁴¹⁵. Từ các quan điểm, tư tưởng trên cho thấy, giáo dục quyền con người trong phòng, chống tham nhũng có vai trò hết sức quan trọng, góp phần ngăn chặn tham nhũng ngay từ nhận thức, cụ thể: (1) Thông qua giáo dục quyền con người, nhận thức đúng về quyền và nghĩa vụ. Bởi lẽ, giáo dục quyền con người giúp cá nhân nhận thức rằng quyền con người gắn liền với nghĩa vụ công dân và lợi ích đất nước. Giáo dục quyền con người là nền tảng xây dựng xã hội pháp quyền trong sạch, nơi mỗi cán bộ và công dân hiểu rõ quyền luôn gắn với trách nhiệm; Người dân có quyền yêu cầu minh bạch, có nghĩa vụ không dung dưỡng tham nhũng; Cán bộ, công chức hiểu rõ giới hạn quyền lực và trách nhiệm phải phục vụ Nhân dân (2) giáo dục quyền con người tạo nền tảng pháp lý và đạo đức cho sự liêm chính. Khi quyền con người được tôn trọng, các hành vi xâm phạm lợi ích công sẽ bị nhận diện và phản đối mạnh mẽ. Nơi nào quyền con người bị xem nhẹ, nơi đó tham nhũng dễ nảy sinh, quyền lực bị lạm dụng; (3) Thúc đẩy quyền tham gia và giám sát của người dân. Giáo dục giúp người dân dám lên tiếng, thực hiện quyền tố cáo, phản biện, giám sát quyền lực. Góp phần xây dựng “xã hội không dung thứ tham nhũng” - như một thiết chế văn hóa.

Như vậy, **giáo dục quyền con người là tạo nền tảng để từng người dân, từng cán bộ hiểu giới hạn của quyền lực, biết cách giám sát quyền lực và sống có trách nhiệm - điều kiện tiên quyết để phòng chống tham nhũng ngay từ gốc.**

⁴¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện ĐH XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021. Tập I, tr.123*)

⁴¹⁵ *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr.365*

1.2. Giáo dục liêm chính là giải pháp đạo đức hóa quyền lực, thúc đẩy sự nêu gương trong hệ thống chính trị

“Liêm chính” không phải là khái niệm đạo đức thuần túy, mà là một **chuẩn mực chính trị - hành chính bắt buộc** đối với cán bộ, đảng viên. Sự liêm chính là lá chắn đầu tiên chống lại sự tha hóa quyền lực. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Người cách mạng phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư... Có đạo đức cách mạng thì dù gặp khó khăn gian khổ đến đâu cũng hoàn thành nhiệm vụ”⁴¹⁶. **Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị** khẳng định: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức cách mạng, là giá trị bền vững cần phải được giáo dục thường xuyên trong toàn xã hội, trước hết là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên”. Tổng Bí thư Tô Lâm cũng đã khẳng định: “Pháp luật không chỉ để trừng trị mà còn để giáo dục, cảm hóa, bảo vệ và khai mở lối đi hướng thiện”⁴¹⁷. Tổng Bí thư cũng nhấn mạnh rằng cán bộ nội chính cần “Có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, kỷ luật nghiêm, dũng khí bảo vệ cái đúng, kiên quyết đấu tranh với cái sai”⁴¹⁸.

Do đó, giáo dục liêm chính giúp định hình văn hóa công vụ, chuyển hóa từ nhận thức sang hành động, từ tự giác sang nêu gương, tạo ra hàng rào đạo đức chống lại lợi ích nhóm, thân hữu, lạm quyền, lộng quyền. Việc giáo dục liêm chính giúp cho công tác phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng mang tính chủ động, thống nhất cao về nhận thức dẫn đến thống nhất cao về nội dung.

1.3. Gắn giáo dục quyền con người và liêm chính để xây dựng xã hội liêm chính, quốc gia liêm chính, hình thành hệ giá trị trong phòng, chống tham nhũng

“**Liêm chính**” không phải khái niệm trừu tượng, mà là **thước đo đạo**

⁴¹⁶Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, tr.610.

⁴¹⁷Tổng Bí thư Tô Lâm, “Pháp luật không chỉ để trừng trị mà còn để giáo dục, cảm hóa, bảo vệ và khai mở lối đi hướng thiện”; *VnExpress*, 21/07/2025.

⁴¹⁸Đảng Cộng sản Việt Nam điện tử, 21/07/2025.

đức công vụ, biểu hiện qua trung thực, công tâm, không tư lợi, sống và làm việc vì lợi ích chung. Giáo dục quyền con người và giáo dục liêm chính không thể tách rời. Đó là hai mặt của một chỉnh thể: **giá trị nhân văn (nhân quyền)** và **giá trị chính trị (liêm chính)** cùng hướng tới xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là cuộc chiến chống giặc nội xâm, phải tiến hành đồng bộ: không dám, không thể, không muốn, không cần tham nhũng.”⁴¹⁹. Trong đó, **“Không muốn”**: bắt nguồn từ giáo dục đạo đức, liêm chính, quyền - nghĩa vụ công dân; **“Không thể”**: nhờ hệ thống thể chế, kiểm soát quyền lực hiệu quả; **“Không dám”**: từ tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật; **“Không cần”**: gắn với cải cách chế độ tiền lương, bảo đảm đời sống cán bộ. Đây là 04 trụ cột được tổ chức thực hiện một cách đồng bộ hay không phụ thuộc vào mức độ gắn kết giáo dục quyền con người và liêm chính.

Như vậy, giáo dục liêm chính cần: lồng ghép trong giáo dục chính trị, đạo đức, pháp luật ở mọi cấp học; Gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - đặc biệt là phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, nhất là thực hiện theo phương châm: **“không muốn - không thể - không dám - không cần” tham nhũng**. Trong khuôn khổ và mục đích như vậy, việc kết hợp giáo dục quyền con người và liêm chính chính là **giáo dục quyền** làm đúng, không làm sai; Giáo dục quyền nói thật, không dối trá; Giáo dục quyền từ chối sự cầu kết và bảo vệ sự thật. Việc lồng ghép giáo dục nhân quyền trong chương trình đào tạo cán bộ liêm chính sẽ phát triển nhận thức chủ động phòng chống tham nhũng, thúc đẩy dân chủ và pháp trị.

2. THỰC TIỄN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC LIÊM CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Trong những năm qua, Việt Nam đã từng bước đưa nội dung giáo dục liêm chính vào hệ thống giáo dục quốc dân, coi đây là một công cụ phòng

⁴¹⁹Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm PCTN ngày 30/6/2022.

ngừa tham nhũng mang tính chiến lược lâu dài. Một số chính sách tiêu biểu như Đề án số 137/2009/QĐ-TTg về tăng cường giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; Đề án 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 về nâng cao nhận thức và trách nhiệm phòng, chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân đã cho thấy sự quan tâm ngày càng cao của Nhà nước đối với giáo dục liêm chính trong khu vực công và toàn xã hội⁴²⁰.

Thành tựu đáng ghi nhận là việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và học sinh, sinh viên. Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ, tính đến năm 2022, 100% bộ, ngành và địa phương đã tổ chức ít nhất một hình thức giáo dục, phổ biến pháp luật phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục trực thuộc⁴²¹. Một số cơ sở đào tạo chuyên ngành như Học viện Hành chính Quốc gia (nay là Học viện Hành chính và Quản trị công, thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Học viện Tư pháp, các trường đại học luật đã bước đầu tích hợp nội dung về đạo đức công vụ, liêm chính và trách nhiệm giải trình trong giáo trình giảng dạy chính khóa⁴²². Bên cạnh đó, một số trường phổ thông đã thử nghiệm lồng ghép chủ đề phòng, chống tham nhũng trong các môn học như Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lý theo hướng tiếp cận năng lực, bước đầu tạo ra hiệu ứng tích cực về nhận thức đối với học sinh.

Tuy nhiên, so với chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là mô hình Hàn Quốc, thực tiễn giáo dục liêm chính ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế rõ rệt. Thứ nhất, chương trình giảng dạy về liêm chính còn manh mún, thiếu tính hệ thống và nhất quán giữa các cấp học. Thứ hai, thời lượng dành cho giáo dục

⁴²⁰ Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019, về việc phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức và trách nhiệm phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.

⁴²¹ Thanh tra Chính phủ (2023), *Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022*, Hà Nội.

⁴²² Học viện Hành chính quốc gia (2021), *Giáo trình Đạo đức công vụ và phòng, chống tham nhũng*, Nxb Hành chính, Hà Nội.

liêm chính rất hạn chế, thường chỉ lồng ghép ở mức độ mô tả, chưa thành nội dung độc lập, chưa có môn học riêng hay bắt buộc⁴²³. Thứ ba, phương pháp tiếp cận chủ yếu theo hướng truyền thống, nặng về tuyên truyền, thiếu tính tương tác, chưa ứng dụng công nghệ thông tin để mô phỏng các tình huống thực tiễn như Hàn Quốc đang thực hiện với mô hình học liệu trực tuyến và video tương tác⁴²⁴. Thứ tư, Việt Nam chưa có cơ quan chuyên trách quốc gia về đào tạo liêm chính công vụ như Viện Đào tạo Liêm chính của Hàn Quốc. Do đó, thiếu sự điều phối thống nhất về nội dung, đội ngũ và phương pháp, dẫn đến chất lượng đào tạo không đồng đều. Đáng chú ý, hiện Việt Nam chưa thiết lập được cơ chế đánh giá hiệu quả đào tạo liêm chính một cách khách quan và độc lập. Không có tiêu chí xếp hạng hoặc công cụ tương tự Chỉ số Giáo dục Liêm chính (Anti-Corruption Integrity Assessment - AIA) của Hàn Quốc⁴²⁵. Việc đánh giá chỉ dừng ở khâu kiểm tra hành chính về số lượng báo cáo hoặc tài liệu được phát hành, chưa có khảo sát nhận thức, thay đổi hành vi, hay hiệu ứng dài hạn đối với thái độ chống tham nhũng.

Chỉ thị số 42/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư (Chỉ thị 42-CT/TW của Bộ Chính trị, ban hành ngày 24/3/2025). Chỉ thị số 42 đã nhấn mạnh một cách nhất quán và mạnh mẽ vai trò của công tác giáo dục, đào tạo liêm chính trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Chỉ thị xác định rõ rằng: “Phải đẩy mạnh giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; kiên trì giáo dục, thấm nhuần các giá trị cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đưa nội dung này thành một yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo,

⁴²³Trần Hữu Dũng (2023), “Một số bất cập trong giáo dục phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (4), tr.35-42.

⁴²⁴Anti-Corruption and Civil Rights Commission (ACRC) Korea, *Integrity Training Institute Annual Report 2023*, Seoul, 2024

⁴²⁵ACRC, *Guidelines for Anti-Corruption Integrity Assessment (AIA)*, 2023.

bồi dưỡng cán bộ”⁴²⁶. So với giai đoạn trước, Chỉ thị 42-CT/TW thể hiện bước phát triển mới về nhận thức khi đặt yêu cầu giáo dục liêm chính gắn liền với chiến lược phòng, chống tham nhũng, lãng phí một cách toàn diện, không tách rời việc xây dựng phẩm chất đạo đức và xây dựng thể chế liêm chính. Mô hình đào tạo liêm chính ở Việt Nam hiện nay đang được triển khai theo hướng tích hợp vào các chương trình lý luận chính trị, bồi dưỡng ngạch bậc công chức, đồng thời tăng cường giáo dục về trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ và nghĩa vụ giải trình trong thi hành công vụ.

III. KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

Thứ nhất, thể chế hóa nội dung giáo dục quyền con người và liêm chính trong chương trình chính khóa: Ban hành hướng dẫn cụ thể, thống nhất về nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục liêm chính, bảo đảm tính thực tiễn và phù hợp với từng nhóm đối tượng; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và đánh giá hiệu quả giáo dục liêm chính, quyền con người, kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện hình thức, đối phó; Đưa vào giáo dục phổ thông, đại học, đào tạo cán bộ, công chức, đảng viên. Coi đây là tiêu chí bắt buộc trong đánh giá đạo đức công chức, đảng viên. Xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục quyền con người và phòng, chống tham nhũng trong giáo dục và khu vực công; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và đánh giá hiệu quả giáo dục liêm chính, quyền con người, kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện hình thức, đối phó.

Thứ hai, tăng cường giáo dục quyền con người gắn với phòng, chống tham nhũng: Lồng ghép giáo dục quyền con người vào chương trình chính khóa ở các cấp học, đặc biệt trong môn Giáo dục công dân, Pháp luật, Lịch sử, Chính trị; Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tọa đàm, mô hình thực hành quyền con người trong trường học, giúp học sinh, sinh viên hiểu được quyền

⁴²⁶Bộ Chính trị (2025), *Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí*, Hà Nội.

và nghĩa vụ của công dân, vai trò của minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị; Xây dựng các tài liệu giảng dạy chuyên sâu về quyền con người và liêm chính, phù hợp với từng nhóm đối tượng (cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên, người dân...); Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và giảng viên nòng cốt về quyền con người, kỹ năng sư phạm và xử lý tình huống đạo đức trong công vụ, qua đó nâng cao chất lượng truyền đạt.

Thứ ba, đẩy mạnh giáo dục liêm chính trong khu vực công và cộng đồng: Thiết lập bộ quy tắc đạo đức công vụ và chuẩn mực hành vi liêm chính, phổ biến rộng rãi đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Lồng ghép nội dung giáo dục liêm chính, chống tham nhũng vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là người giữ vị trí lãnh đạo, quản lý; Xây dựng cơ chế nêu gương, biểu dương những tập thể, cá nhân thực hành tốt liêm chính, kỷ cương hành chính; Tổ chức các chiến dịch truyền thông, hội thi, diễn đàn về liêm chính, chống tham nhũng nhằm nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa không khoan nhượng với tham nhũng.

Thứ tư, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, truyền thông và cộng đồng: Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia vào hoạt động giáo dục, giám sát và phản biện chính sách về phòng, chống tham nhũng; Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông số và mạng xã hội trong lan tỏa thông điệp về quyền con người, liêm chính, minh bạch, và đấu tranh với các hành vi tiêu cực; Tăng cường cung cấp thông tin công khai, minh bạch về hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền giám sát.

Thứ năm, hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm tốt: Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, chia sẻ kinh nghiệm giáo dục quyền con người, giáo dục liêm chính và đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đồng thời tham khảo, chọn lọc và áp dụng linh hoạt các mô hình hiệu quả từ các quốc gia có chỉ số minh bạch cao, phù hợp với điều kiện kinh

tế - xã hội và văn hóa Việt Nam, nhất là nghiên cứu mô hình đào tạo liên chính của Hàn Quốc.

Thứ sáu, phát huy Vai trò chiến lược của Học viện Chính trị quốc gia và Ban Nội chính Trung ương trong giáo dục quyền con người và giáo dục liên chính: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có chức năng đào tạo lý luận chính trị, giáo dục tư tưởng liên chính và quyền con người cho cán bộ cao cấp, nhất là những nhiệm vụ ở mục 9.6 của Chỉ thị số 42-CT/TW; Ban Nội chính Trung ương là cơ quan tham mưu nòng cốt trong công tác PCTN, tiêu cực. Sự phối hợp giữa hai đơn vị này sẽ: xây dựng chương trình giáo dục liên chính có nền tảng nhân quyền; Tham mưu cho Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực các giải pháp “phòng là chính” thông qua giáo dục từ gốc; Góp phần hiện thực hóa mục tiêu chiến lược: xây dựng xã hội liên chính - quốc gia liên chính.

Như vậy, giáo dục quyền con người gắn với giáo dục liên chính là giải pháp gốc rễ, mang tính chiến lược để xây dựng văn hóa công vụ trong sạch, hệ thống chính trị liên chính và xã hội công bằng. Giáo dục quyền con người gắn với giáo dục liên chính không chỉ là giải pháp phòng chống tham nhũng, mà còn là chiến lược xây dựng nền văn hóa chính trị hiện đại, dân chủ, pháp quyền và văn minh. Trong kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên của trí tuệ, công lý, hội nhập và tự chủ - thì liên chính và nhân quyền phải trở thành giá trị sống, chuẩn mực hành xử và động lực phát triển của từng cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Bí thư (2025). *Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cán, kiệm, liên, chính, chí công vô tư*, Hà Nội.

3. Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh - Toàn tập*, Tập 5, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2022), *Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
5. Tổng Bí thư Tô Lâm (2025, ngày 21 tháng 7), “Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 65 năm Ngành Kiểm sát nhân dân”, <https://vnexpress.net/tong-bi-thu-phap-luat-khong-chi-trung-tri-ma-con-mo-loi-huong-thien-4916983.html>; <https://dangcongsan.org.vn/tbt/tin-hoat-dong/tong-bi-thu-to-lam-can-bo-kiem-sat-phai-dung-khi-bao-ve-cai-dung-kien-quyet-dau-tranh-cai-sai.html>
6. Council of Europe (2012), “Compass: Manual for Human Rights Education with Young People - Chapter: Introducing Human Rights Education”, <https://www.coe.int/en/web/compass/introducing-human-rights-education>
7. United Nations (1993), *Vienna Declaration and Programme of Action*, Adopted by the World Conference on Human Rights, Vienna.
8. Council of Europe (2010), *Charter on Education for Democratic Citizenship and Human Rights Education*, Strasbourg.

**ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO LUẬT GIA,
LUẬT SƯ VIỆT NAM KHI ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN
PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC⁴²⁷**

*Nguyễn Khánh Ngọc,
Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam*

Trong không khí trọng thể của Hội thảo quốc gia “**Định hướng nghiên cứu, giáo dục và bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam**” hôm nay, tôi rất vinh dự đại diện cho Hội Luật gia Việt Nam có cơ hội phát biểu về các nội dung vô cùng quan trọng và có lẽ không bao giờ thỏa mãn hết vì đơn giản các vấn đề quyền con người là vấn đề của mỗi cá nhân, cộng đồng, quốc gia, quốc tế và trên hết là luôn phát triển để ngày càng đáp ứng các nhu cầu ngày càng đa dạng, ngày càng cao của chúng ta.

Tôi được Ban tổ chức gợi ý phát biểu về: “**Định hướng giáo dục quyền con người cho đội ngũ luật gia, luật sư trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam**”. Đây là một chủ đề rộng, có nhiều điểm tương đồng với các định hướng chung giáo dục quyền con người cho các nhóm đối tượng khác mà có lẽ đã có nhiều bài viết, tham luận khác. Do đó, trong tham luận này tôi xin phép tập trung vào một số nội dung có tính chất đặt nền cho thảo luận đi sâu vào những gì là đặc thù đối với luật gia, luật sư.

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Những tư tưởng về quyền con người Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề ngay từ những ngày đầu thành lập nước và được thể hiện

⁴²⁷Bài viết của Hội Luật gia Việt Nam có sự tham gia nghiên cứu của đồng chí Nguyễn Khánh Ngọc, Chủ tịch Hội, Nguyễn Văn Huệ, Trưởng ban Nghiên cứu, Xây dựng và Phổ biến Pháp luật, Hội Luật gia Việt Nam và Trần Bích Phương, Chuyên viên Trung tâm Thực hành pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội - Học viên Cao học K30 ngành Pháp luật về Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

ngay tại Tuyên ngôn độc lập “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”. Bên cạnh đó, tư tưởng của Người về pháp quyền cũng rất sâu sắc “*Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*” và tư tưởng pháp quyền này gắn chặt với tôn trọng, thúc đẩy và bảo đảm các quyền con người. Tuy nhiên, do xuất phát điểm phát triển của đất nước thấp lại phải đương đầu với các cuộc chiến tranh liên miên, hoàn cảnh, điều kiện trong thời gian dài có nhiều khó khăn chưa cho phép chúng tathực hiện được ngay đầy đủ tư tưởng của Người về quyền con người. Điều đáng mừng là sau gần 40 năm Đổi mới thì có thể nói chưa bao giờ vấn đề quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được thảo luận, trao đổi một cách dân chủ, công khai và thẳng thắn với mong muốn ngày càng làm tốt hơn như hiện nay. Việc tổ chức Hội thảo Quốc gia hôm nay là minh chứng rõ ràng cho một sự phát triển đáng ghi nhận này. Thực tế này khác rất xa so với một đến hai thập kỷ trước, và đem lại kết quả là hiểu biết, nhận thức chung của người dân về quyền con người, bảo vệ quyền con người được cải thiện và nâng cao đáng kể. Đây cũng là một sự phát triển tích cực, hài hòa giữa nhiều mục tiêu phát triển khác nhau. Để có được kết quả hôm nay, ngoài những yếu tố khác nhau, kể cả cần có thời gian, nguồn lực... thì không thể phủ nhận sự thay đổi tư duy, tầm nhìn của Đảng để đưa ra nhiều định hướng, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp trong từng bước thúc đẩy, bảo đảm và bảo vệ các quyền con người, nhất là kể từ khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 về công tác nhân quyền trong tình hình mới. Hệ thống pháp luật liên tục được ra soát, hoàn thiện để thể chế kịp thời, hiệu quả các định hướng, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp này để tới nay Việt Nam có một hệ thống pháp luật từ Hiến pháp năm 2013 tới các đạo luật quan trọng và nhiều văn bản dưới luật ghi nhận, tôn trọng và đưa ra các cơ chế bảo đảm, bảo vệ ngày càng tốt hơn các quyền con người,

quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Với việc triển khai thực hiện Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 5/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây là Đề án 1309), công tác giáo dục về quyền con người cũng dần được hình thành ở nhiều cấp học và bước đầu khẳng định được vị trí quan trọng, đầy tiềm năng phát triển trong hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về quyền con người, về nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và các quy định của Hiến pháp năm 2013, các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên, các văn bản quy phạm pháp luật liên tục được rà soát, hoàn thiện đã cho chúng ta các cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý để thúc đẩy, đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác về quyền con người, trong đó việc nghiên cứu, giáo dục về quyền con người trong bối cảnh, tình hình mới.

1.3. Trong sứ mệnh hay tôn chỉ, mục đích của Hội Luật gia Việt Nam mà các hội viên luật gia phải thực hiện bao gồm: “... *bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của Nhân dân, xây dựng nền khoa học pháp lý, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh...*” (Điều 1.2 Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam). Trong định hướng phát triển Hội Luật gia Việt Nam, “Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đối với Hội Luật gia Việt Nam nhằm phát huy các cấp Hội, hội viên Hội Luật gia tích cực đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc” (Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 01/7/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Luật gia Việt Nam trong tình hình mới).

Theo Luật Luật sư năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2012, luật sư có chức năng thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình “*góp phần bảo vệ công lý, các*

quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” (Điều 3).

Như vậy có thể thấy theo quy định hiện hành thì công việc và hoạt động của luật gia và luật sư gắn kết chặt chẽ, nếu không muốn nói chính là các khía cạnh của quyền con người. Luật gia, luật sư có bốn phận, trách nhiệm bảo vệ quyền con người và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, do đó có vai trò quan trọng và vị trí đặc biệt khi bàn về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người tại Việt Nam mà ít nhóm đối tượng khác trong xã hội có thể có. Để đội ngũ luật gia, luật sư hoàn thành được sứ mệnh cao cả này và quan trọng hơn là đóng góp tích cực vào thực hiện các chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng về quyền con người, chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hành nghề và các hoạt động của mình thì không thể thiếu việc phải làm tốt công tác đào tạo, giáo dục cơ bản và thường xuyên cho đội ngũ luật gia, luật sư về quyền con người, về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và đạo đức nghề nghiệp. Đây cũng là điều kiện quan trọng để phòng tránh “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ luật gia, luật sư, trở thành lực lượng không trung thành với đất nước hay thoát ly điều kiện hoàn cảnh Việt Nam.

1.4. Chủ đề của Hội thảo đặt vấn đề nghiên cứu, giáo dục quyền con người cho một giai đoạn phát triển mới, một kỷ nguyên mới với những nội hàm và yêu cầu mới được GS.TS. Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp trao đổi trong chuyên đề “*Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*” ngày 25/11/2024 tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh⁴²⁸ và các nghị quyết, kết luận gần đây của Trung ương. Nói cách khác là các định hướng nghiên cứu, giáo dục về

⁴²⁸<https://www.tapchicongsan.org.vn/thong-tin-ly-luan/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-ky-nguyen-phat-trien-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam>

quyền con người phải hướng tới, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc mà cả hệ thống chính trị đang nỗ lực thực hiện.

2. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ LUẬT GIA, LUẬT SƯ VÀ GIÁO DỤC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

2.1. Đội ngũ luật gia, luật sư hiện nay khá hùng hậu với hơn 120.000 người⁴²⁹ được đào tạo bản bản, hầu hết có trình độ đại học luật trở lên, được tôi luyện, cọ sát trong môi trường pháp lý nên cơ bản nắm được các quy định pháp luật, các khía cạnh quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong lĩnh vực công tác, hoạt động của mình.

2.2. Về thực trạng giáo dục về quyền con người tại các cơ sở đào tạo luật và trường bồi dưỡng nghề tư pháp và hỗ trợ tư pháp có thể tóm tắt như sau:

Theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân và Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Đề án này thì nhiều nhiệm vụ cần được triển khai trong các cơ sở đào tạo luật, đào tạo nghề tư pháp và bồi dưỡng nghiệp vụ. Theo báo cáo tổng kết Hội nghị toàn quốc về giáo dục quyền con người tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ngày 11/12/2024⁴³⁰, qua 7 năm triển khai, Đề án giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Trên phạm vi toàn quốc, nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quyền con người đã được tổ chức một cách có hệ thống cho đội ngũ chuyên gia, giảng viên, giáo viên.

Đồng thời, công tác biên soạn và đưa vào sử dụng sách giáo khoa, giáo trình và các tài liệu tham khảo chuyên sâu về quyền con người đã được triển khai mạnh mẽ, phục vụ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy và học tập trong

⁴²⁹Trong đó có hơn 100.000 luật gia và gần 20.000 luật sư hành nghề.

⁴³⁰<https://hcma.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=18735>

các cơ sở giáo dục. Việc giáo dục quyền con người cũng từng bước được đưa vào nội dung chính khóa trong nhiều cấp học, trình độ đào tạo, góp phần định hình nhận thức, thái độ và kỹ năng cần thiết về quyền con người cho người học. Việc thực hiện Đề án không chỉ nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân, mà còn trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cũng như những người đang làm công tác thực tiễn tại các cơ quan ban, ngành, địa phương. Đặc biệt, đối tượng giáo viên, giảng viên và người học - những chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình truyền đạt và tiếp nhận tri thức - đã có những chuyển biến rõ nét về tư duy và hành động trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Điều này cũng đúng với các cơ sở đào tạo luật, đào tạo nghề tư pháp.

Không chỉ dừng lại trong phạm vi trong nước, những thành tựu từ quá trình giáo dục quyền con người còn có sức lan tỏa ra cộng đồng quốc tế. Nhiều tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam và ở nước ngoài đã ghi nhận nỗ lực và kết quả tích cực mà Việt Nam đạt được trong lĩnh vực này. Đồng thời, việc lồng ghép giáo dục quyền con người trong các chương trình đào tạo còn đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái về tình hình nhân quyền ở Việt Nam, góp phần bảo vệ hình ảnh và lập trường chính trị - pháp lý của quốc gia trên trường quốc tế.

Đối với các cơ sở đào tạo luật, đào tạo nghề thì nhiều môn học về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành hoặc kỹ năng hành nghề liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hình sự... Một số trường đã đưa môn học tự chọn hoặc bắt buộc về quyền con người; lồng ghép các nội dung quyền con người vào các môn học nhất định. Có cơ sở đào tạo luật cũng đưa chuyên ngành quyền con người vào các chương trình sau đại học.

Chẳng hạn, Trường Đại học Luật - ĐHQG Hà Nội đã đưa môn “Luật Nhân quyền quốc tế” vào giảng dạy từ năm 2010, và theo chương trình đào tạo cập nhật năm 2023, hiện chỉ có ngành Luật chất lượng cao (CLC) và ngành Luật có học phần tự chọn “Lý luận và pháp luật về quyền con người”. Đối với Trường Đại học Luật Hà Nội, ngay từ khi thành lập vào năm 1979, trong chương trình đào tạo đã có sự lồng ghép vấn đề quyền con người vào trong các môn học như luật hiến pháp, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình... Ngày 14/3/2025, Bộ GDĐT ban hành quyết định số 678/QĐ-BGDĐT về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học, trong đó yêu cầu chuẩn đầu ra phải đáp ứng các yêu cầu về kiến thức liên quan đến quyền con người, theo đó, Trường ĐH Luật HN ban hành 03 CTĐT trình độ đại học ngành Luật, Luật Kinh tế, Luật Thương mại quốc tế và 02 CTĐT chất lượng cao trình độ ĐH ngành Luật và Luật Kinh tế, trong đó nội dung về quyền con người được tích hợp vào học phần Luật Hiến pháp Việt Nam là học phần bắt buộc đối với cả 05 CTĐT. Học phần tự chọn Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người vẫn tiếp tục được duy trì là môn tự chọn đối với CTĐT ngành Luật và Luật chất lượng cao.

Bên cạnh đó, Học viện An ninh nhân dân và Học viện Cảnh sát nhân dân cũng đã đưa vào chương trình một số học phần liên quan đến công ước nhân quyền quốc tế, chẳng hạn công ước chống tra tấn, chống tội phạm có tổ chức...; Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người trong các học phần bắt buộc như “Lý luận nhà nước và pháp luật”, “Luật Hiến pháp” cũng như một số học phần tự chọn về “Pháp luật quốc tế về quyền con người”.

Nếu đặt trong tổng thể chương trình đào tạo luật với khoảng 130 tín chỉ, có thể thấy số lượng tín chỉ học phần về quyền con người vẫn còn hạn chế và phân bố không đều giữa các ngành luật. Các học phần tự chọn chuyên biệt liên quan đến quyền con người hiện nay chỉ tập trung vào một số ngành

nhất định như Luật và Luật chất lượng cao, chưa thực sự phổ cập trong toàn bộ tất cả các ngành luật hoặc các chuyên ngành liên qua. Điều này dẫn tới việc nhiều sinh viên luật không có cơ hội tiếp cận đầy đủ, hệ thống và chuyên sâu về kiến thức quyền con người trong suốt quá trình học tập, và đặt ra yêu cầu cần tiếp tục mở rộng, chuẩn hóa, cũng như tăng cường hàm lượng kiến thức nhân quyền trong chương trình đào tạo luật để đáp ứng chuẩn mực hội nhập quốc tế cũng như yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp ngày càng cao.

Tại các cơ sở đào tạo đào tạo, bồi dưỡng chức danh tư pháp hiện nay, nội dung về quyền giáo dục con người vẫn chưa là học phần chính thức trong chương trình đào tạo. Ví dụ, theo Quyết định số 79/QĐ-HVTP của Học viện Tư pháp ngày 27/01/2023 về ban hành chương trình chi tiết đào tạo nghề luật sư theo hệ thống tín chỉ, học viên cần tích lũy đủ 36 tín chỉ trong thời hạn 12 tháng, tuy nhiên trong danh sách các học phần hiện chú trọng đến các khía cạnh về đạo đức luật sư, kỹ năng xử lý hồ sơ, kỹ năng tư vấn pháp luật,... mà chưa triển khai đào tạo các học phần có nội dung giáo dục quyền con người. Tuy nhiên, các nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghề đều có gắn kết với các khía cạnh của quyền con người, nhất là các môn về thủ tục tố tụng. Đồng thời, Học viện Tư pháp và các cơ sở đào tạo nghề cũng tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước tổ chức các tọa đàm, tập huấn về nội dung các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

Ngoài ra, các bộ ngành, như Bộ Tư pháp⁴³¹, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các tổ chức liên quan cũng thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về các chủ đề liên quan tới quyền con người, các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên... qua đó giúp các luật gia, luật sư được cập nhật thông tin, hiểu đúng hơn các chủ trương, định hướng và pháp luật Việt Nam về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của

⁴³¹<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-cac-don-vi-thuoc-bo.aspx?ItemID=4898>

công dân. Ví dụ, ngày 15/11/2024, tại Học viện Chính trị khu vực IV (thành phố Cần Thơ), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề “Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người ở đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn hiện nay”. Hội thảo là diễn đàn quan trọng để trao đổi, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quyền con người tại khu vực miền Tây Nam Bộ. Tiếp đó, trong hai ngày 12-13/12/2024, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thảo đánh giá công tác tuyên truyền, giáo dục quyền con người tại các cơ sở đào tạo. Hội thảo được triển khai theo Kế hoạch số 1572/KH-BGDĐT ngày 27/9/2023 của Bộ⁴³², nhằm hiện thực hóa Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, với trọng tâm là nhiệm vụ năm 2024. Đây là sự kiện có ý nghĩa thiết thực trong việc thúc đẩy chính sách tích hợp quyền con người trong giáo dục đại học và phổ thông, góp phần xây dựng thể hệ công dân có nhận thức và năng lực hành động vì quyền con người. Ngày 24/12/2024, Khoa Luật - Học viện Chính trị Công an nhân dân tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Bảo đảm quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhiệm vụ đặt ra đối với lực lượng Công an nhân dân”. Hội thảo được tổ chức theo Kế hoạch số 2295/KH-T03-K4, với sự chủ trì của TS, Đại tá Trần Văn Tuấn - Phó Giám đốc Học viện và sự tham dự, chỉ đạo của Trung tướng, PGS.TS, NGUT Phan Xuân Tuy - Ủy viên Hội đồng Lý luận Bộ Công an, Giám đốc Học viện, góp phần tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý và nâng cao năng lực bảo vệ quyền con người trong hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật⁴³³.

Bước sang năm 2025, các hoạt động hội thảo tiếp tục được mở rộng với nhiều chủ đề khác nhau. Chiều ngày 12/5/2025, Trường Đại học Thủ đô Hà

⁴³²<https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/cong-tac-hoc-sinh-sinh-vien/Pages/tin-tuc.aspx?ItemID=10116>

⁴³³<https://hvctcand.bocongan.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc/nckh-can-bo-giang-vien/hoi-thao-khoa-hoc-bao-dam-quyen-con-nguoi-trong-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-va-nhiem-vu-dat-ra-6982>

Nội phối hợp với Học viện Cảnh sát Nhân dân tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “Giáo dục quyền con người ở các nhà trường trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”⁴³⁴. Hội thảo do Trung tướng, GS.TS, NGƯT Trần Minh Hưởng - Giám đốc Học viện Cảnh sát Nhân dân và PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đồng chủ trì. Sự kiện đã thu hút sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục và chuyên gia trong lĩnh vực quyền con người, nhằm xác định vai trò then chốt của giáo dục trong việc kiến tạo xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tiếp nối tinh thần đó, chiều ngày 29/5/2025, tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Điều hành Đề án Giáo dục quyền con người đã tổ chức Hội thảo góp ý dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quyền con người trong thời đại phát triển mới⁴³⁵. Hội thảo có ý nghĩa đặc biệt về mặt định hướng chính sách, thể hiện quyết tâm chính trị trong tăng cường giáo dục quyền con người như một nội dung cốt lõi của chiến lược phát triển con người và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Như vậy có thể thấy có sự phát triển tích cực cả về nội dung, phương pháp, đa dạng về hình thức, giảng viên, giáo trình và tài liệu giảng dạy, phối hợp liên ngành... trong công tác đào tạo và bồi luật gia, luật sư trong thời gian gần đây. Quan trọng là việc nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về quyền con người ngày càng được khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi tại các cơ sở đào tạo luật, đào tạo và bồi dưỡng nghề tư pháp.

Tuy nhiên, trong bức tranh tích cực đó thì cũng dễ dàng nhận ra một số hạn chế nhất định: *Trước hết*, trong giáo dục quyền con người thì chưa có một cách tiếp cận phù hợp được thiết kế riêng cho nhóm đối tượng đặc thù là các luật gia, luật sư để sát với nhu cầu và hiệu quả trong giáo dục quyền con

⁴³⁴<https://www.bocongan.gov.vn/tin-hoat-dong-cua-bo/chu-trong-giao-duc-quyen-con-nguoi-o-cac-nha-truong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-d2-t45018.html>

⁴³⁵<https://hcma.vn/hoi-thao-gop-y-du-thao-chi-thi-cua-ban-bi-thu-ve-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-giao-duc-quyen-con-nguoi-trong-ky-nguyen-phat-trien-moi-cua-dan-toc-19424.htm>

người cho nhóm đối tượng này. Như phân tích trên, bản thân việc giảng dạy và học các môn luật và hoạt động hành nghề, công tác của luật gia, luật sư đã là chính các vấn đề quyền con người, do đó nếu đưa giáo trình hay kiến thức chung về quyền con người vào giảng cho nhóm đối tượng này thì có thể vừa thừa, vừa thiếu dẫn đến khó hiệu quả, nhất là khi không đi cùng với các phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng luật gia, luật sư. *Thứ hai*, giáo dục quyền con người chưa trở thành nội dung bắt buộc, “chuẩn hóa” trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo luật cũng như các tổ chức luật gia, luật sư. Việc đưa môn “Quyền con người” vào giảng dạy mới có ở một số ít cơ sở đào tạo luật tiên phong có giáo viên và chương trình, nội dung giảng dạy cụ thể. Cách tiếp cận phổ biến hiện nay của các cơ sở đào tạo luật vẫn là “lồng ghép” hoặc “tích hợp” nội dung quyền con người vào các môn học mà chưa có cơ chế kiểm soát nội dung và thời lượng dễ dẫn đến khó chuyển tải đầy đủ, hiệu quả các nội dung quyền con người. Khi đã là “lồng ghép” hoặc “tích hợp” thì khó đánh giá được chính xác kết quả truyền đạt, tiếp thu nội dung quyền con người bên cạnh nội dung của cả môn học chính. *Thứ ba*, cách tiếp cận và phương pháp giảng dạy về quyền con người - một phạm trù có tính chính trị, pháp lý và thực tiễn rất lớn, có tính quốc tế và có những vấn đề đặc thù của Việt Nam, những khía cạnh nhạy cảm, phức tạp của chủ đề quyền con người luôn đòi hỏi phải nắm chắc đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật nhà nước để giải thích, cắt nghĩa nhiều vấn đề khó... từ đó việc đào tạo, bồi dưỡng luật gia, luật sư đòi hỏi có cách tiếp cận riêng phù hợp cả về nội dung và nhóm đối tượng học viên cụ thể. Có lẽ còn quá ít giáo viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo luật, đào tạo nghề và bồi dưỡng chuyên môn có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện tốt việc giảng dạy chuyên về quyền con người cho luật gia, luật sư - những đối tượng bản thân đã có hiểu biết và kinh nghiệm về các vấn đề quyền con người, nhất là khi cần phản bác một cách thuyết phục các vấn đề “nóng” về quyền con người hay phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về quyền con người tại Việt Nam.

3. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO LUẬT GIA, LUẬT SƯ

3.1. Trong bối cảnh cả nước đang nỗ lực, quyết tâm đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, với nhiều định hướng và mục tiêu cao chắc chắn đặt ra yêu cầu là phải tạo điều kiện thuận lợi, giải phóng, khơi thông các nguồn lực cho phát triển đất nước, trong đó nguồn lực con người luôn được đánh giá là quan trọng nhất. Muốn khơi thông nguồn lực con người thì không thể thiếu việc thúc đẩy và bảo vệ ngày càng tốt hơn các quyền con người. Trong nỗ lực đó thì việc đổi mới nghiên cứu, giáo dục về quyền con người đáp ứng yêu cầu phát triển của kỷ nguyên mới phải được quan tâm đặc biệt, dành sự ưu tiên cao, tạo sự nhận thức chung thống nhất để cùng hành động, xử lý tốt các vấn đề xung đột về quyền trên thực tế.

3.2. Với sứ mệnh quan trọng của luật gia, luật sư trong thúc đẩy, bảo vệ quyền con người phù hợp với các quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước, công tác giáo dục về quyền con người cho luật gia, luật sư cần được đổi mới theo những định hướng sau:

Thứ nhất, tập trung khắc phục những hạn chế, tồn tại đã chỉ ra, nhất là cần chuẩn hóa lại công tác giáo dục về quyền con người ngay từ bậc đại học tại các cơ sở đào tạo luật và đào tạo nghề tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Mặc dù các quyền con người có thể được nghiên cứu, giảng dạy ngay trong các môn học chuyên ngành pháp luật hay tổ tụng tư pháp... nhưng việc không có môn học hay một hợp phần học chuẩn về thời lượng, nội dung... thì rất khó lý giải, cắt nghĩa thấu đáo, đầy đủ và toàn diện các vấn đề lý luận, thực tiễn về quyền con người, sự phát triển nội hàm của quyền con người, các yếu tố và điều kiện có thể hạn chế quyền con người (quyền tuyệt đối, quyền tương đối), việc sử dụng quyền thế nào là hợp pháp... Đây là những nội dung vô cùng quan trọng mà nếu luật gia, luật sư nắm được thì tự mình hình thành được tư duy, cách tiếp cận trong nghiên cứu, học tập, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong quá trình hoạt động về sau.

Thứ hai, muốn chuẩn hóa, đổi mới, nâng cao hiệu quả giáo dục quyền con người thì không thể không chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, giáo trình và tài liệu giảng dạy, phương pháp giảng và học về quyền con người dành cho hay nói cách khác là thiết kế riêng cho đào tạo luật và đào tạo nghề tư pháp. Trong bối cảnh có khá nhiều các thông tin, tài liệu về quyền con người dễ dàng tiếp cận và nhận thức chung của người dân, nhất là luật gia, luật sư về các quyền con người ngày càng được nâng cao thì đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải có kiến thức sâu rộng được thường xuyên cập nhật về quyền con người tại Việt Nam và quốc tế, có đủ năng lực, kỹ năng cần thiết để giải thích có tình, có lý thuyết phục về nhiều vấn đề không dễ xoay quanh chủ đề quyền con người để người học hiểu đúng, ủng hộ và cùng thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của nhà nước về quyền con người, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Việc giảng dạy về quyền con người thiên về lý thuyết cần thay đổi bằng việc tăng cường thảo luận các vấn đề thực tế đặt ra hay áp dụng các nội dung lý thuyết vào xử lý các vụ việc, tình huống cụ thể, thu hút người học tham gia vào cùng nghiên cứu, cùng thảo luận, cùng giải quyết vấn đề... để tăng tính hấp dẫn, hiệu quả và sát với cuộc sống - cách giảng dạy phù hợp nhất đối với giới luật gia, luật sư.

Thứ ba, khi luật gia, luật sư đã ra công tác, hành nghề thì rất cần có các khóa học ngắn hạn, hội thảo, tọa đàm... để tăng cường cập nhật kiến thức về quyền con người cho luật gia, luật sư, nhất là các định hướng, quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định pháp luật mới được ban hành. Đây là việc làm rất quan trọng, bảo đảm luật gia, luật sư luôn có tư tưởng, nhận thức đúng, phòng ngừa những xu hướng hay hành vi thái quá, “chuyên hóa”, “tự chuyên hóa” vượt quá khuôn khổ pháp luật trong hoạt động của luật gia, luật sư.

Cuối cùng, việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án 1309 và Chỉ thị số 34 ngày 21/12/2021 về tăng cường thực hiện Đề án 1309 là những bước tiến quan trọng trong công tác giáo dục về quyền con người ở Việt Nam. Vấn

đề hiện nay đặt ra là làm thế nào chúng ta hiện thực hóa được các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đặt ra trong các văn bản này và cần thiết phải đề xuất những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nào mới cho giai đoạn phát triển tới đây của đất nước, trong đó cần có chú trọng hơn tới việc giảng dạy về quyền con người cho luật gia, luật sư ngay từ tại các cơ sở đào tạo luật, đào tạo nghề tư pháp đi cùng với có các hoạt động cập nhật, bổ sung kiến thức định kỳ.

Thay cho lời kết: Trong bối cảnh cả nước đang nỗ lực, cố gắng thực hiện nhiều đột phá phát triển, hướng tới hoàn thành các mục tiêu 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước, trong đó có xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì quyền con người sẽ là một trong những chủ đề trung tâm của quá trình phát triển tới đây. Điều này yêu cầu cả hệ thống chính trị dành sự quan tâm cao nhất tới công tác quyền con người trong bối cảnh, tình hình mới. Trong các nỗ lực đó thì việc thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới và nâng cao hiệu quả giáo dục về quyền con người cho tất cả mọi người dân là bước đi quan trọng để chúng ta cùng có chung nhận thức và từ đó là cùng hành động trong thúc đẩy và bảo vệ quyền con người tại Việt Nam.

Với đặc thù hoạt động của mình luật gia, luật sư có vai trò quan trọng trong công tác quyền con người nói chung và công tác giáo dục quyền con người nói riêng. Để đội ngũ luật gia, luật sư hoàn thành được sứ mệnh tới đây của mình đáp ứng được kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân thì việc đổi mới và nâng cao hiệu quả toàn diện công tác giáo dục quyền con người cho đội ngũ luật gia, luật sư (từ đào tạo luật, đào tạo nghề, bồi dưỡng thường xuyên...) là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa chiến lược.